Tìm Hiểu Pháp Hành Thiền Tuệ

- *Tác giả:* Hộ Pháp

PHẦN I
BẮT ĐẦU VÀ CUỐI CÙNG CỦA PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ

Pháp hành thiền tuệ *(Vipassanābhāvanā)* bắt đầu từ khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian này, và tồn tại trong khi giáo pháp của Ngài đang lưu truyền. Nhưng đến khi giáo pháp của Đức Phật từ từ bị tiêu hoại, thì ***pháp hành thiền tuệ*** này bị tiêu hoại trước tiên. Bởi vì các hàng Phật tử là Bậc xuất gia và tại gia cư sĩ không còn ai hiểu rõ phần lý thuyết của pháp hành thiền tuệ và dĩ nhiên cũng không còn ai thực hành đúng theo ***pháp hành thiền tuệ*** nữa. Đó là lúc cuối cùng của pháp hành thiền tuệ, mặc dầu giáo pháp của Đức Phật có thể còn lưu truyền trên thế gian đến 5.000 năm.

I.1 SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA

Tiền thân của Đức Phật Gotama là Đức Bồ Tát *Setaketu* ở cõi trời Tusita (Đâu xuất đà thiên). Khi ấy, chư thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới đến kính thỉnh Đức Bồ Tát rằng:

- *Kính bạch Đức Bồ Tát Setaketu, nay đã đến lúc, đúng thời, chúng con xin kính thỉnh Ngài giáng sanh làm người, để trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác tế độ chúng sinh.*

Đức Bồ Tát *Setaketu* quán xét 5 điều:

- Thời kỳ tuổi thọ con người: Khoảng 100 năm.
- Châu để tái sanh: Nam thiện bộ châu.
- Quốc độ tái sanh: Trung Ấn Độ, kinh thành Kapilavatthu.
- Dòng dõi tái sanh: Hoàng tộc Sakya.
- Thời gian tuổi thọ Phật mẫu: Chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī có tuổi thọ còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày.

Đức Bồ Tát quán xét thấy đầy đủ 5 điều như trên, nên Ngài nhận lời thỉnh cầu của chư thiên, Phạm thiên.

Đức Bồ Tát sau khi chuyển kiếp từ cõi trời Tusita, do thiện nghiệp cho quả ***tái sanh***vào lòng Phật Mẫu *Mahāmāyādevī*, là chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Suddhodana trị vì xứ Kapilavatthu, nhằm vào ngày rằm tháng 6 (âm lịch). Lúc ấy, Hoàng hậu *Mahāmāyādevī* ở độ 55 tuổi 6 tháng 20 ngày. Hoàng hậu mang thai tròn đúng 10 tháng, đến ngày rằm tháng tư (âm lịch), Đức Bồ Tát ***đản sanh*** tại vườn Lumbinī.

Sau khi Đức Bồ Tát đản sanh, Ngài bước đi bảy bước [1], mỗi bước đi có một đóa hoa sen nâng đở dưới bàn chân, đến bước thứ bảy Ngài dừng lại rồi dõng dạc tuyên bố cho khắp mười ngàn thế giới chúng sinh biết rằng:

"Aggo'ham'asmi lokassa,
Jeṭṭho'ham'asmi lokassa,
Seṭṭho'ham'asmi lokassa,
Ayamantimā jāti,
Natthi dāni punabbhavo". [2]

"Ta là bậc cao cả nhất trong toàn thế giới chúng sinh,
Ta là bậc vĩ đại nhất trong toàn thế giới chúng sinh,
Ta là bậc tối thượng nhất trong toàn thế giới chúng sinh,
Kiếp hiện tại này là kiếp chót của ta,
Ta không còn phải tái sanh kiếp nào nữa".

Đức Bồ Tát được đặt tên là *"Siddhattha",* Ngài có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Sau khi Đức Bồ Tát đản sanh được bảy ngày, thì Hoàng hậu Mahāmāyādevī quy thiên, được tái sanh lên cõi trời Tusita, trở thành thiên nam *Santussita.*

Khi Thái tử *Siddhattha* trưởng thành, năm lên 16 tuổi, được Đức Phụ Vương truyền ngôi báu và thành hôn cùng công chúa Yasodhara. Đức vua Bồ Tát trị vì thiên hạ, đem lại sự an lạc hạnh phúc cho mọi người.

NGUYÊN NHÂN ĐỨC BỒ TÁT ĐI XUẤT GIA

Những sự kiện xảy ra theo tuần tự thời gian, khiến Đức Bồ Tát quyết định đi xuất gia.

* Lần đầu tiên vào ngày rằm tháng 6, Đức vua Bồ Tát đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, bỗng nhiên Ngài nhìn thấy ***một người già,*** do chư thiên biến hóa để làm cho Ngài phát sanh động tâm *(saṃvega).* Thật vậy, Ngài chưa từng nhìn thấy người già như thế bao giờ, cho nên Ngài suy tư: *"Chắn chắn ta cũng có* ***sự già*** *như thế, không thể tránh khỏi sự già được",* nỗi ưu tư tràn ngập trong lòng, không còn muốn đi nữa, Ngài truyền bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

* Lần thứ nhì, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 10, Đức vua lại đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, lần này Ngài nhìn thấy ***một người bệnh,*** cũng do chư thiên biến hóa. Cũng như lần trước, Ngài suy tư: *"Chắc chắn ta cũng có* ***sự bệnh*** *như thế, không thể tránh khỏi sự bệnh được",* tâm trạng u buồn, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

* Lần thứ ba, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng hai, để vơi bớt nỗi buồn, Đức vua lại muốn đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, bất chợt Ngài nhìn thấy ***một người chết,*** cũng do chư thiên biến hoá. Cũng như hai lần trước, Ngài suy tư: *"Chắc chắn ta cũng có* ***sự chết*** *như thế, không thể tránh khỏi sự chết được",* nỗi lo sợ phát sanh trong lòng, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

Từ đó, Đức Bồ Tát lúc nào cũng suy tư về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài tự hỏi, có con đường nào giải thoát sự già, sự bệnh, sự chết hay không? Sở dĩ có sự già, sự bệnh, sự chết là vì có ***sự tái sanh.*** Ôi! Sự tái sanh đáng kinh sợ thật!

* Lần thứ tư, sau 4 tháng, vào ngày rằm tháng sáu, để khuây khỏa nỗi u buồn, lo sợ trong lòng, một lần nữa, Đức vua đi du ngoạn vườn Thượng uyển. Trên đường đi, Ngài nhìn thấy một ***bậc Xuất gia*** đang tĩnh tọa dưới cội cây tỏ vẻ an nhiên tự tại, cũng do chư thiên biến hóa, để làm cho Ngài nghĩ đến việc xuất gia. Thật vậy, khi Đức Bồ Tát nhìn thấy Bậc xuất gia liền trút bỏ mọi nỗi ưu tư nặng trĩu trong lòng về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài quyết định xuất gia ngay đêm ấy để tìm con đường giải thoát sự tái sanh, là giải thoát khổ lão, bệnh, tử... Hôm ấy, Đức Bồ Tát cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên Ngài vẫn tiếp tục đi du lãm vườn Thượng uyển.

Khi Đức Bồ Tát hồi cung, trong đêm ấy nghe tin Hoàng hậu Yasodhara hạ sanh Hoàng tử, tình thương con trỗi dậy trong lòng, Ngài than rằng: ***"Sự ràng buộc lớn!".*** Do đó, Hoàng tử được đặt tên là *"Rāhula".* Mặc dù vậy, chí nguyện xuất gia của Đức Bồ Tát vẫn không thay đổi, đêm ấy Ngài đến tìm Channa, người cận thần thân tín, bảo:

- Này Channa, đêm nay ta sẽ rời hoàng cung đi xuất gia, ngươi hãy sửa soạn cho ta con ngựa Kaṇṇaka (Kiền-trắc) ngay bây giờ, không cho một ai hay biết.

Bỗng nhiên Ngài thoáng nghĩ: *"Trước khi xuất gia, ta nên đến nhìn mặt Hoàng nhi".*Ngài lén vào phòng Hoàng hậu Yasodhara, dưới ánh đèn mờ nhạt, Hoàng hậu đang nằm nghiêng, choàng cánh tay trái qua Hoàng tử, vì đứng đằng sau nên không thể nhìn rõ mặt, Ngài thầm nghĩ: "N*ếu ta đến gần e Hoàng hậu sẽ thức giấc làm trở ngại việc xuất gia của ta trong đêm nay. Bây giờ, ta chưa nhìn thấy mặt hoàng nhi, thì chờ sau khi ta chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, ta sẽ trở về gặp sau cũng không muộn".*

Đức Bồ Tát nhẹ nhàng bước ra, lên ngựa Kaṇṇaka, còn Channa theo sau, vào lúc nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch, trốn khỏi hoàng cung đi xuất gia. Mỗi vó ngựa đều có bàn tay chư thiên nâng đỡ, không phát ra một tiếng động, nên không

một ai hay biết. Đến cửa thành có chư thiên mở cửa cho ngựa Kaṇṇaka phi nhanh qua.

Đức Bồ Tát từ bỏ ngôi vua, trốn đi xuất gia năm 29 tuổi, làm vua được 13 năm. Đêm rằm tháng 6 ấy ánh trăng sáng tỏ lạ thường, Đức Bồ Tát đi qua khỏi ba xứ: xứ Sakya, xứ Koliya và xứ Malla khoảng 30 do tuần chỉ trong một đêm. Đến bờ sông Anoma, Ngài ra hiệu cho ngựa Kaṇṇaka bay sang bờ bên kia rồi Ngài nhẹ nhàng xuống ngựa bảo Chanda rằng:

- Này Channa, ta sẽ xuất gia tại nơi đây, con hãy mang hết đồ trang phục trở về cung điện tâu cho phụ hoàng ta biết.

Đức Bồ Tát lấy thanh gươm bén cắt tóc, chừa lại khoảng 2 lóng tay. Tất cả những sợi tóc còn lại tự xoắn vòng xoáy theo khu ốc sang bên phải nằm sát trên da đầu và Ngài cạo sạch râu. Chỉ một lần ấy thôi, từ đó về sau suốt cả cuộc đời, Ngài không phải cắt tóc, cạo râu nữa.

Sau khi cắt tóc xong, Đức Bồ Tát cầm nắm tóc trên tay phát nguyện rằng:

- ***Nếu tôi trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác, thì xin cho nắm tóc này ở trên hư không, nếu tôi không đạt thành Bậc Chánh Đẳng Giác, thì nắm tóc này sẽ rơi xuống đất.***

Đức Bồ Tát ném nắm tóc lên hư không. Thật phi thường thay! Nắm tóc bay bổng lên trên hư không khoảng một do tuần rồi ở nguyên một chỗ. Lúc ấy, Đức vua trời Sakka nhìn thấy bèn đem cái hôïp bằng ngọc tôn trí nắm tóc của Đức Bồ Tát, về tôn thờ ở ngôi tháp Cuḷamanī tại cung Tam thập tam thiên.

Khi ấy, vị Đại Phạm thiên Ghatikāra, là bạn thân cũ từ tiền kiếp của Đức Bồ Tát trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, biết Đức Bồ Tát hôm nay xuất gia, nên mang 8 thứ vật dụng của bậc Sa môn là tam y, bình bát, dao cạo, kim chỉ, dây thắt lưng và đồ lọc nước đến dâng cúng Ngài.

Đức Bồ Tát mặc y vàng màu lõi mít, tượng trưng như lá cờ chiến thắng của bậc Thánh Arahán, trở thành bậc Xuất gia.

ĐỨC BỒ TÁT THỌ GIÁO PHÁP HÀNH THIỀN ĐỊNH

Đức Bồ Tát tìm đến vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* xin thọ giáo. Vị Đạo sư hân hoan thu nhận Ngài, rồi truyền dạy pháp hành thiền định. Trải qua một thời gian tiến hành thiền định không lâu, Đức Bồ Tát đã chứng đắc được 4 bậc thiền sắc giới, và chứng đắc đến đệ tam thiền vô sắc giới gọi là ***"Vô sở hữu xứ thiền"*** *(Akiñcaññāyatanajjhāna)* ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta đã chứng đắc.

Vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta tán dương ca tụng tài đức của Đức Bồ Tát

rằng:

- Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô sắc nào, thì hiền giả cũng chứng đắc được bậc thiền vô sắc ấy. Hiền giả đã chứng đắc bậc thiền vô sắc nào, thì tôi cũng chứng đắc được bậc thiền vô sắc ấy.

Này hiền giả, từ nay hai chúng ta cùng làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Đức Bồ Tát nghĩ rằng: *"Đệ tam thiền vô sắc giới **Vô sở hữu xứ thiền** này sẽ cho quả tái sanh lên cõi phạm thiên vô sắc giới, Vô sở hữu xứ thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 60.000 đại kiếp; không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế, không chứng ngộ Niết Bàn, không giải thoát khỏi mọi cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử luân hồi trong tam giới".*

Đức Bồ Tát không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Ngài xin từ giả vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta khả kính, để đi tìm pháp môn khác hầu mong giải thoát khổ sanh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giả vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta, Ngài tìm đến vị Đạo sư Udaka Rāmaputta xin thọ giáo. Vị Đạo sư hân hoan thu nhận Ngài, rồi truyền dạy pháp môn thiền định. Trải qua thời gian không lâu, Ngài đã chứng đắc 4 bậc thiền sắc giới và chứng đắc đến đệ tứ thiền vô sắc giới gọi là ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền"****(Nevasaññānāsaññāyatanajjhāna),* là bậc thiền tột cùng của thiền vô sắc giới, ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo sư Udaka Rāmaputta đã chứng đắc.

Vị Đạo sư tán dương ca tụng Ngài rằng:

- Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô sắc tột cùng nào, hiền giả cũng chứng đắc bậc thiền vô sắc tột cùng ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiền vô sắc tột cùng nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô sắc tột cùng ấy.

Này Hiền giả, tôi xin thỉnh hiền giả làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Đức Bồ Tát suy xét rằng: *"Đệ tứ thiền vô sắc giới **Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền**này sẽ cho quả tái sanh lên cõi trời Phạm thiên vô sắc giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên có tuổi thọ sống lâu đến 84.000 đại kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế, không chứng ngộ Niết Bàn, không giải thoát khỏi mọi cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử luân hồi trong tam giới".*

Ngài xin từ giả Đạo sư Udaka Rāmaputta khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sanh, lão, bệnh, tử.

ĐỨC BỒ TÁT HÀNH PHÁP KHỔ HẠNH (DUKKHARACARIYĀ)

Sau khi từ giả vị Đạo sư Udaka Rāmaputta, Đức Bồ Tát đi đến khu rừng Uruvela gần con sông Nerañjarā, nơi đây có nhóm 5 Tỳ khưu: Ngài Koṇṇañña là trưởng nhóm cùng các Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji, xin theo hộ độ Đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát tinh tấn hành pháp khổ hạnh *(dukkaracariyā),* phương pháp nín thở ra - vô bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai, rồi tiếp tục nín thở ra - vô bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đâm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đâm xuống bụng đau tức tối, hơi phát nóng toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Ngài chết ngất.

Có số chư thiên tưởng rằng: ***"Sa môn Gotama đã chết rồi!".***

Số khác tưởng rằng: ***"Sa môn Gotama đang gần chết!".***

Số khác cho rằng: ***"Sa môn Gotama không phải chết, cũng không phải đang gần chết, mà Sa môn Gotama đang hành pháp bậc Thánh Arahán".***

Ngài tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen... Do đó, kim thân của Ngài gầy ốm còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng thì đụng phải đường xương sống. Trước kia kim thân của Đức Bồ Tát có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp với làn da màu vàng sáng ngời, đến nay các tướng tốt và vẻ đẹp đã biến mất còn làn da trở thành màu đen sẫm.

Đức Bồ Tát đã hành pháp khổ hành ròng rã suốt 6 năm trường mà vẫn chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác.

Một hôm Đức Bồ Tát suy xét: *"Ta đã hành pháp khổ hạnh đến chỗ cùng tột rồi. Trong quá khứ, chưa từng có Sa môn, Bà la môn nào đã hành pháp khổ hạnh đến mức như ta đang hành. Hiện tại và vị lai cũng không có Sa môn, Bà la môn nào có thể hành pháp khổ hạnh như ta; thế mà ta không thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác. Như vậy, chắc chắn phải còn có một pháp hành nào khác".*

Đức Bồ Tát hồi tưởng lại rằng: *"Khi còn nhỏ, cùng phụ vương ra đồng làm lễ hạ điền, phụ vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây Mận (Trâm). Ta ngồi niệm đề mục hơi thở vô - hơi thở ra, ta đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới. Vậy chắc chắn pháp hành thiền định này làm nền tảng để ta có thể chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác cũng nên".*

Đức Bồ Tát xét thấy rằng: *"bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khoẻ yếu đuối, ta không thể tiến hành thiền định đề mục niệm hơi thở vô - hơi thở ra được. Vậy điều tốt hơn hết, ta nên thọ thực trở lại, cho có sức khỏe rồi ta mới có thể tiến hành thiền định được".*

Nghĩ xong, Đức Bồ Tát mang bát vào xóm Senā đi khất thực. Thọ thực được ít lâu, sức khoẻ của Ngài được hồi phục trở lại. Trong thời kỳ hành pháp khổ hạnh, 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp biến mất. Nay kim thân Ngài hiện rõù lại 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, có nước da màu vàng sáng ngời như trước.

Vào ngày 14 tháng tư âm lịch, canh chót đêm ấy, Đức Bồ Tát *nằm thấy 5 đại mộng(mahāsupina).* Qua 5 đại mộng này, Ngài đoán mình chắc chắn sẽ chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác.

Sáng hôm rằm tháng tư âm lịch, Ngài đi đến ngồi dưới gốc cây da, chờ đến giờ đi vào xóm khất thực. Tại nơi đây hằng năm vào ngày rằm tháng tư này, nàng Sujātā thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn chư thiên, theo lời nguyện của nàng.

Nàng Sujātā là con gái của ông phú hộ Mahāsena ở làng Senā gần khu rừng Uruvela, khi nàng trưởng thành có đến tại gốc cây Da này cầu nguyện rằng:

- *Kính thưa chư thiên tại nơi đây, nếu tôi có chồng cùng dòng Bà la môn và có đứa con trai đầu lòng, thì hằng năm, vào ngày rằm tháng tư, tôi sẽ đem cơm nấu bằng sữa bò đến đây cúng dường quý Ngài.*

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý, cho nên hằng năm vào ngày rằm tháng tư, nàng đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư thiên.

Từ sáng sớm, nàng Sujātā thức dậy vắt sữa tinh khiết 8 con bò, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất, dòng sữa chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt 7 con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy một mạch như vậy. Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, nước sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc lên. Sở dĩ, có những việc lạ thường như vậy, là vì sáng nay có Tứ đại thiên vương trông coi lò lửa, vua trời Sakka lấy củi bỏ vào lò, Phạm thiên che dù, tất cả chư thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng Sujātā gọi tớ gái tên Puṇṇā bảo rằng:

- Này Puṇṇā, hôm nay chư thiên của ta thật đáng kính, trước đây ta chưa từng chứng kiến những hiện tượng lạ thường như thế này!

Con hãy mau đến cội cây da quét dọn cho sạch sẽ, để chúng ta mang cơm sữa đến dâng cúng, tạ ơn chư thiên.

Người tớ gái Puṇṇā vâng lời đến gốc cây Da để quét dọn, cô nhìn thấy Đức Bồ Tát đang ngồi quay mặt về hướng Đông, từ kim thân của Ngài phát ra hào quang sáng ngời toả khắp quanh vùng, cô nghĩ rằng: *"Sáng hôm nay, vị Thiên thần*

của chúng ta hiện xuống ngồi đợi thọ nhận cơm sữa cúng dường", nên cô vô cùng hoan hỷ vội vàng trở về báo tin mừng cho bà chủ biết.

Nàng Sujātā nghe lời tường trình rõ ràng của người tớ gái, trong lòng cảm thấy vui mừng khôn xiết và bảo rằng:

Này Puṇṇā, kể từ hôm nay con trở thành con gái lớn của ta. Nói xong, nàng ban cho những đồ trang sức quý giá, xứng đáng với địa vị con gái lớn của mình.

Nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lăn tuần tự từ nồi sang mâm đúng 49 vắt thì vừa đầy. Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng lấy một chiếc mâm khác đậy lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujātā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá rồi đội mâm cơm sữa cùng người con gái lớn Puṇṇā đi theo sau đến gốc cây Da. Nhìn thấy Đức Bồ Tát có đầy đủ tướng tốt và các vẻ đẹp, hào quang tỏa ra từ kim thân của Ngài sáng khắp vùng, làm cho nàng phát sanh đức tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ, vì nàng tưởng rằng Ngài là một vị thiên nam hiện xuống thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Nàng Sujātā cung kính đến gần Đức Bồ Tát, đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa cùng bình nước, hoa quả, vật thơm... cung kính dâng lên Ngài, cái bát của Ngài bỗng nhiên biến mất, nên Ngài đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật quý giá rồi nhìn nàng Sujātā. Nàng liền bạch rằng:

Kính bạch *Đức thiên thần, con thành kính dâng Ngài chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, kính xin Ngài từ bi hoan hỷ thọ nhận, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài; con được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng toại nguyện như thế ấy.* Nàng Sujātā vô cùng hoan hỷ.

Sau khi thọ nhận xong, Ngài đứng dậy rời gốc cây Da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bến sông Nerañjarā, nơi mà chư Bồ Tát quá khứ, trước khi chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác cũng đều ngự đến đây để tắm, nên bến sông này gọi là bến Supaṭitthita; Ngài đặt mâm ở bến Supaṭitthita, rồi xuống dòng sông Nerañjarā tắm. Khi tắm xong, Ngài mặc y cà sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh Arahán; đoạn Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm, rồi uống hết bình nước *(từ đó về sau suốt 7 tuần lễ (49 ngày), Đức Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng hương vị giải thoát Niết Bàn).*

Sau khi độ cơm xong, Ngài cầm chiếc mâm vàng phát nguyện rằng:

- *Nếu hôm nay ta được chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, thì xin cho*

chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước; nếu không, thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước.

Nguyện xong, Ngài ném *chiếc mâm vàng* xuống dòng sông. Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt dòng nước đang chảy trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, một đoạn khá xa, chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải *ba chiếc mâm vàng* của ba Đức Phật quá khứ là *Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koṇāgamana* và *Đức Phật Kassapa,* phát ra một âm thanh vang dội, làm cho Long vương Kālanāga tỉnh giấc nghĩ rằng: *"Hôm qua một Đức Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức Phật nữa xuất hiện",* rồi thức dậy tán dương ca tụng hằng trăm bài kệ.

Trưa hôm ấy, Ngài nghỉ trong một khu rừng Sāla, những cây Sāla đua nhau nở hoa khắp cả khu rừng, bên bờ sông Nerañjarā. Buổi chiều Ngài ngự đến cội cây Assattha, dọc theo hai bên đường, chư thiên trang hoàng những đoá hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư thiên ở các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền khắp 10 ngàn thế giới chúng sinh. Cùng lúc ấy, một người cắt cỏ tên Sotthiya, trên đường đi ngược chiều lại phía Ngài, nhìn thấy Ngài, liền phát sanh đức tin trong sạch, nên dâng cúng Ngài tám nắm cỏ, Ngài cầm tám nắm cỏ ngự thẳng đến cội cây Assattha.

Khi đứng hướng Nam của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Bắc, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi địa ngục Avīci, còn toàn cõi thế giới hướng Bắc được nổi lên đến cõi trời sắc giới Phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng: *"Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác".*Ngài ngự đi sang hướng khác.

Khi đứng hướng Tây của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Đông, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi địa ngục Avīci, còn toàn cõi thế giới ở hướng Đông được nổi lên đến cõi trời sắc giới Phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng: *"Đây cũng không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác"*. Ngài ngự sang hướng khác.

Khi đứng hướng Bắc của cội cây, Ngài nhìn thẳng hướng Nam, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Bắc bị chìm sâu xuống địa ngục Avīci, còn toàn cõi thế giới ở hướng Nam được nổi lên đến cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh, Ngài nghĩ rằng: *"Đây cũng không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác"*. Ngài ngự sang hướng

khác.

Sau cùng, đứng hướng Đông của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Tây, thật phi thường thay! Ngài có cảm giác toàn cõi thế giới thăng bằng, Ngài nghĩ rằng: *"Chính đây là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác"*. Ngài trải tám nắm cỏ tại hướng Đông của cội Assattha. Thật phi thường thay! ngay khi ấy trở thành ngôi bồ đoàn quý báu, có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, không có một nhà kiến trúc mỹ thuật nào có thể tạo nên một bồ đoàn tuyệt đẹp như vậy! Bởi vì ngôi bồ đoàn quý báu này phát sanh do phước báu ba la mật trọn đủ của Đức Bồ Tát sắp trở thành bậc Chánh Đẳng Giác.

Ngài ngồi kiết già vững vàng trên ngôi bồ đoàn quý báu, quay mặt về hướng Đông rồi phát nguyện rằng:

- Dầu cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dầu sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi bồ đoàn này.

Lúc ấy, từ cung Tha hoá tự tại thiên, Ác Ma Thiên hoá ra ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cỡi voi Girimekhala cầm đầu đoàn thiên ma binh, thiên ma tướng rầm rộ hiện xuống vây quanh cội Assattha, kéo dài 12 do tuần, bên trên hư không dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tranh giành ngôi bồ đoàn của Đức Bồ Tát. Vừa rồi, có chư thiên, phạm thiên từ 10 ngàn thế giới đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng Đức Bồ Tát, nhưng khi thoáng nhìn thấy Ác Ma Thiên cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp từng đoàn, từng lớp hiện xuống; tất cả chư thiên, phạm thiên đều bay xa lánh mặt, trở về chỗ ở của mình, chỉ còn một mình Đức Bồ Tát đang điềm nhiên ngự trên ngôi bồ đoàn.

Ác Thiên Ma đã sử dụng đủ mọi loại khí giới và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết sát hại Đức Bồ Tát để chiếm đoạt ngôi bồ đoàn với mục đích ngăn cản, không để cho Đức Bồ Tát chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác. Do oai lực 30 pháp hạnh ba la mật trọn đủ của Đức Bồ Tát sắp chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, vì thế, không có một loại phép thuật khí giới nguy hiểm nào có thể sát hại được Ngài.

Quả thật như thế, do oai lực pháp hạnh ba la mật của Đức Bồ Tát, các loại khí giới và phép thuật của Ác Ma Thiên trở thành những vật cúng dường Ngài.

Cuối cùng, Đức Bồ Tát đưa bàn tay phải ra dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất phát nguyện bằng lời chân thật vừa chấm dứt, lập tức mặt đất chuyển mình rung động, hư không phát ra những tiếng sấm sét long trời lỡ đất, Ác Ma Thiên kinh

hoàng khiếp đảm giục voi bỏ chạy về cõi Tha hoá tự tại thiên, còn đám ma binh hỗn quân hỗn quan vô cùng khiếp đảm bỏ khí giới hốt hoãng chạy tán loạn để thoát thân theo chủ soái của mình.

Đức Bồ Tát ngự trên bồ đoàn quý báu dưới cội cây Assattha đã toàn thắng Ác Ma Thiên vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng ló dạng hướng Đông. Khi ấy, 10 ngàn thế giới, chư thiên cõi trời dục giới, phạm thiên cõi trời sắc giới, long vương dưới thủy cung... toàn thể chư thiên, phạm thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực ba la mật của Đức Bồ Tát rằng:

Đức Bồ Tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!

Ác Ma Thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!

Do đó, ngôi bồ đoàn quý báu này gọi là "*Aparājitapallaṅka*" ngôi bồ đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác Ma Thiên.

Chư thiên, phạm thiên đem những đoá hoa trời xinh đẹp, hương thơm đến cúng dường, tán dương ca tụng ba la mật của Ngài.

ĐỨC BỒ TÁT CHỨNG ĐẮC TAM MINH, THÀNH BẬC CHÁNH ĐẲNG GIÁC TỐI THƯỢNG

Sau khi Đức Bồ Tát đã cảm thắng Ác Ma Thiên, vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, Ngài tiến hành thiền định *(samathabhāvanā)* với đề mục niệm hơi thở vô - hơi thở ra*(anāpānassati)* tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền sắc giới như sau:

- ***Đệ nhất thiền sắc giới:*** Có 5 chi thiền: *hướng tâm, quan sát, hỉ, lạc, định,* do chế ngự được 5 pháp chướng ngại: *tham dục, sân hận, buồn chán- buồn ngủ, phóng tâm- hối hận, hoài nghi.*

- ***Đệ nhị thiền sắc giới:*** Có 3 chi thiền: *hỉ, lạc, định,* do chế ngự được hai chi thiền:*hướng tâm, quan sát.*

- ***Đệ tam thiền sắc giới:*** Có hai chi thiền: *lạc, định,* do chế ngự được 1 chi thiền: *hỉ.*

- ***Đệ tứ thiền sắc giới:*** Có 2 chi thiền: *xả, định,* do chế ngự được một chi thiền là *lạc,*thay chi thiền *xả.*

Đó là 4 bậc thiền sắc giới làm nền tảng để chứng đắc tam minh.

TAM MINH

1- Túc Mạng Minh *(Pubbenivāsānussatiñāṇa)*

Đức Bồ Tát có đệ tứ thiền sắc giới, định tâm trong sáng thanh tịnh, thiền tâm không lay động, làm nền tảng, Ngài hướng tâm đến chứng đắc ***"Túc Mạng Minh",*** trí tuệ nhớ rõ lại tiền kiếp, từ 1 kiếp đến hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp,

hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hàng triệu triệu kiếp... cho đến vô lượng kiếp không giới hạn [3].

Túc mạng minh nhớ rõ tiền kiếp thuộc loại chúng sanh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, ba la mật, thọ lạc, thọ khổ, tuổi thọ... đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

Túc mạng minh là *minh thứ nhất* mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (âm lịch).

2- Thiên Nhãn Minh *(Dibbacakkhuñāṇa)*

Đức Bồ Tát có đệ tứ thiền sắc giới, định tâm trong sáng thanh tịnh, thiền tâm không lay động, làm nền tảng, Ngài hướng tâm đến chứng đắc ***Thiên nhãn minh:*** là trí tuệ thấy rõ biết rõ như mắt của chư thiên, phạm thiên, có khả năng thấy rõ, biết rõ kiếp quá khứ, kiếp vị lai của tất cả chúng sinh.

Thiên nhãn minh có 2 loại:

- ***Tử sanh minh:*** là trí tuệ thấy rõ biết rõ sự tử, sự tái sanh của tất cả chúng sinh; sau khi chết, do nghiệp nào cho quả tái sinh cảnh giới nào, khổ, lạc như thế nào...

- ***Vị lai kiến minh:*** là trí tuệ thấy rõ những kiếp vị lai của tất cả chúng sinh.

Chư Phật dùng vị lai kiến minh này để thọ ký chúng sinh trong những kiếp vị lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại kiếp trái đất sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác...

Thiên nhãn minh là *minh thứ nhì* mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh giữa đêm rằm tháng tư (âm lịch).

3- Lậu Tận Minh *(Āsavakkhayañāṇa)*

Đức Bồ Tát dùng đệ tứ thiền sắc giới làm nền tảng, để ***tiến hành thiền tuệ,*** quán xét***thập nhị duyên sanh*** *(paṭiccasamuppāda)* là đối tượng thiền tuệ của chư Bồ Tát để chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát quán xét ***thập nhị duyên sanh*** [4] theo chiều thuận như sau:

- ***Do vô minh làm duyên, nên hành sanh.***

(Avijjāpaccayā saṅkhārā).

- ***Do hành làm duyên, nên thức sanh.***

(Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ).

- ***Do thức làm duyên, nên danh sắc sanh.***

(Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ).

- ***Do danh sắc làm duyên, nên lục nhập sanh.***

(Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ).

- Do lục nhập làm duyên, nên lục xúc sanh.

(Saḷāyatanapaccayā phasso).

- Do lục xúc làm duyên, nên lục thọ sanh.

(Phassapaccayā vedanā).

- Do lục thọ làm duyên, nên lục ái sanh.

(Vedanāpaccayā taṇhā).

- Do lục ái làm duyên, nên tứ thủ sanh.

(Taṇhāpaccayā upādānaṃ).

- Do tứ thủ làm duyên, nên nhị hữu sanh.

(Upādānapaccayā bhavo).

- Do nhị hữu làm duyên, nên tái sanh sanh.

(Bhavapaccayā jāti).

- Do tái sanh làm duyên, nên lão tử... sanh.

(Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ...).

Đức Bồ tát quán xét ***thập nhị duyên sanh*** theo chiều thuận, chiều sanh để trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ ***"Sự sanh"*** của mỗi pháp, trí tuệ thiền tuệ chứng ngộ chân lý ***Khổ thánh đế*** và ***Nhân sanh Khổ thánh đế*** hay ***Tập thánh đế.***

Đức Bồ Tát quán xét ***thập nhị nhân diệt*** theo chiều nghịch, chiều diệt như sau:

- Do diệt tận vô minh, nên diệt hành.

(Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho).

- Do diệt hành, nên diệt thức.

(Saṅkhāranirodhā viññaṇanirodho).

- Do diệt thức, nên diệt danh sắc.

(Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho).

- Do diệt danh sắc, nên diệt lục nhập.

(Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho).

- Do diệt lục nhập, nên diệt lục xúc.

(Saḷāyatananirodhā phassanirodho).

- Do diệt lục xúc, nên diệt lục thọ.

(Phassanirodhā vedanānirodho).

- Do diệt lục thọ, nên diệt lục ái.

(Vedanānirodhā taṇhānirodho).

- Do diệt lục ái, nên diệt tứ thủ.

(Taṇhānirodhā upādānanirodho).

- ***Do diệt tứ thủ, nên diệt nhị hữu.***

(Upādānanirodhā bhavanirodho).

- ***Do diệt nhị hữu, nên diệt tái sanh.***

(Bhavanirodhā jātinirodho).

- ***Do diệt tái sanh, nên diệt lão tử...***

(Jātinirodhā jarāmaraṇa... nirodho).

Đức Bồ tát quán xét ***thập nhị nhân diệt*** theo chiều nghịch, chiều diệt để trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ ***"Sự diệt"*** của mỗi pháp, trí tuệ thiền tuệ chứng ngộ chân lý: ***Diệt khổ thánh đế*** và ***Pháp hành chứng ngộ Niết Bàn, diệt Khổ thánh đế*** hay ***Đạo thánh đế.***

Đức Bồ tát quán xét ***thập nhị duyên sanh - thập nhị nhân diệt*** theo chiều thuận - theo chiều nghịch, chiều sanh - chiều diệt trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh - sự diệt của mỗi pháp, thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt 4 pháp trầm luân *(āsava)* bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tuần tự như sau:

- ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là ***tà kiến trầm luân****(diṭṭhāsava),* đồng thời các tà kiến khác.

- ***Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là ***tham dục trầm luân****(kāmāsava)* trong ngũ trần loại thô (còn loại vi tế chưa diệt được), đồng thời các tâm tham loại thô khác.

- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là ***tham dục trầm luân****(kāmāsava)* trong ngũ trần loại vi tế không còn dư sót, đồng thời các tâm tham loại vi tế khác.

- ***Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp là: ***kiếp trầm luân****(bhavāsava)* và ***vô minh trầm luân*** *(avijjāsava),* đồng thời diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn mọi tham ái, phiền não, ác pháp không còn dư sót. Đặc biệt Đức Bồ Tát diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi ***tiền khiên tật*** *(vāsanā)* [5] từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ.

Như vậy, Đức Bồ Tát đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc ***Thánh Arahán cao thượng*** đầu tiên trên thế gian.

Do đó, Đức Thế Tôn có danh hiệu là ***"S****ammāsambuddha:* ***Đức Chánh Đẳng Giác".***

Lậu tận minh là *minh thứ 3* mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh chót của

đêm rằm tháng tư (âm lịch), lúc rạng đông. Ngài đã trở thành bậc ***Chánh Đẳng Giác cao thượng*** trong toàn cõi thế giới chúng sinh, tại cội cây Assattha. Do đó, cây Assattha này gọi là *Bodhirukkha*[6]: *cây Bồ Đề,* đối với Đức Phật Gotama của chúng ta.

Mười ngàn thế giới chúng sinh từ mặt đất lên đến cõi sắc giới Phạm thiên tột đỉnh, chư thiên, Phạm thiên vô cùng vui mừng hoan hỉ thốt lên lời:

- *"Sādhu!" "Sādhu!". Lành thay! Lành thay!*
- *Buddho uppanno! Đức Phật xuất hiện trên thế gian rồi!*
- *Dhammo uppanno! Đức Pháp xuất hiện trên thế gian rồi!*
- *Saṃgho uppanno! Đức Tăng cũng sẽ xuất hiện trên thế gian này!*

Tiếng tung hô vang dội khắp toàn cõi mười ngàn thế giới chúng sinh.

Điều phi thường chưa từng có trên thế gian này là:

* Tất cả các loài hoa đều đua nhau nở để cúng dường Đức Phật.

* Tất cả các loại cây ăn trái, đều cho quả ngon ngọt.

* Tất cả những người mù từ lúc đầu thai, khi sanh ra không thấy được gì, thì nay có đôi mắt sáng, có thể nhìn thấy mọi vật trên đời.

* Tất cả những người điếc từ lúc đầu thai, khi sanh ra không nghe được âm thanh gì, thì nay hai tai có thể nghe rõ mọi thứ âm thanh.

* Tất cả những người què, bại liệt từ lúc đầu thai, khi sanh ra không đi lại được, thì nay có thể đi lại dễ dàng.

* Đặc biệt nhất, ở địa ngục Lokantarika rộng lớn tối tăm, nơi giáp ranh với 3 thế giới, dành cho những chúng sinh có tà kiến cố định *(niyatamicchādiṭṭhi)* hoàn toàn không tin nghiệp quả. Ở địa ngục rất tối tăm đó, dầu ánh sáng của 7 mặt trời mọc lên cùng một lúc, cũng không thể chiếu thấu đến tận nơi; song ánh sáng hào quang của Đức Phật tỏa khắp 10 ngàn thế giới, chiếu sáng đến tận địa ngục Lokantarika. Cho nên, những chúng sinh ở nơi đó có thể nhìn thấy lẫn nhau.

Toàn thể 10 ngàn thế giới, chư thiên, Phạm thiên cúng dường đến Đức Phật bằng những đoá hoa xinh đẹp, những vật thơm, vật thoa thượng hạng..., và tán dương ca tụng Ân Đức Phật bằng hằng ngàn bài kệ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tự thuyết ở trong tâm bằng 2 bài kệ rằng:

153- "Anekajātisaṃsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ.
Gahakāram ïgavesanto, dukkhājāti punappunaṃ.
154- Gahakāraka diṭṭho'si, puna gehaṃ na kāhasi.
Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūtaṃ visaṅkhataṃ
Visaṅkhāraṃ gataṃ cittaṃ, taṇhānaṃ khayamajjhagā". [7]

153- Này người thợ "tham ái" xây nhà "thân",
Như Lai cố tìm ngươi mà chưa gặp,
Nên tử sanh luân hồi vô số kiếp,
Tái sanh mãi trong tam giới là khổ,
154- Này tham ái, người thợ xây nhà "thân"!
Bây giờ Như Lai đã gặp ngươi rồi!
Tất cả sườn nhà, "phiền não" của ngươi, [8]
Như Lai đã hủy hoại sạch cả rồi.
Đỉnh nhà "vô minh", cũng bị tiêu diệt,
Ngươi không còn xây nhà Như Lai nữa.
Tâm Như Lai đã chứng ngộ Niết Bàn,
Diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái [9] ,
Như Lai đã chứng đắc A- ra- hán".

Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm, đó là Phật ngôn đầu tiên của Đức Phật*(paṭhamabuddhavacana).*

ĐỨC PHẬT HƯỞNG QUẢ VỊ GIẢI THOÁT NIẾT-BÀN

Sau khi Ngài đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng đầu tiên trong 10 ngàn thế giới chúng sinh; Đức Phật thọ hưởng vị giải thoát Niết Bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày như sau:

1- Tuần lễ thứ nhất: Đức Thế Tôn ngự tại bồ đoàn quý báu, tại cội Bồ Đề, ban ngày nhập ***Arahán Thánh Quả định,*** ban đêm quán xét ***thập nhị duyên sanh*** *theo chiều thuận, chiều sanh;* quán xét ***Thập nhị nhân diệt*** *theo chiều nghịch, chiều diệt.* Và tiếp theo 6 ngày sau, Đức Thế Tôn nhập ***Arahán Thánh Quả định,*** thọ hưởng quả vị giải thoát Niết Bàn, suốt thời gian kể từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 22 tháng 4, gọi là tuần lễ *"Pallaṅkasattāha".*

2- Tuần lễ thứ nhì: Đức Thế Tôn rời khỏi bồ đoàn quý báu, ngự về phía Đông Bắc, cách cội Bồ Đề 14 sải tay, Ngài đứng nhìn về bồ đoàn quý báu, nơi mà Ngài đã toàn thắng 5 loại Ma *(Māra),* đã trở thành ***Bậc Chánh Đẳng Giác.*** Đức Thế Tôn đứng nhìn bồ đoàn quý báu không nháy mắt, suốt 7 ngày đêm, kể từ 23 tháng 4 đến ngày 29 tháng 4, gọi là tuần lễ*"Animisasattāha".*

3- Tuần lễ thứ ba: Đức Thế Tôn đi kinh hành trên đoạn đường dài 60 hắc tay, được làm bằng 7 loại châu báu, do chư thiên hóa ra để cúng dường Ngài. Đoạn đường này ở phía Bắc gần cội Bồ Đề theo chiều Đông Tây. Đức Thế Tôn vận

dụng ***thần thông****Yamakapaṭihāriya* hóa thành 2 dòng nước và lửa song song phát ra từ nơi kim thân của Ngài, rồi Ngài ngự đi kinh hành, quán xét về chánh pháp, suốt thời gian kể từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 6 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Caṅkamasattāha"*.

4- Tuần lễ thứ tư: Đức Thế Tôn ngự tại lâu đài bằng vàng, ở phía Tây Bắc của cội Bồ Đề do chư thiên hóa ra để cúng dường Ngài. Ở đây, Ngài quán xét về Vi diệu pháp tạng:*(Abhidhammapiṭaka)* gồm có 7 bộ: *Dhammasaṅganī, Vibhaṅga, Dhātukathā, Puggalapaññatti, Kathāvatthu, Yamaka và Mahāpaṭṭhāna*. Suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 7 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Ratanagharasattāha"*.

5- Tuần lễ thứ năm: Đức Thế Tôn ngự đến cội da ở phía Đông, cách cội Bồ Đề 32 sải tay, lúc thì Ngài quán xét chánh pháp, lúc thì Ngài nhập Arahán Thánh Quả định.

Khi ấy, có 3 cô thiên nữ: *Taṇhā, Aratī* và *Rāgā* là những công chúa của Ác Ma Thiên, từ cõi Tha hóa tự tại thiên hiện xuống để quyến rũ Đức Phật, với lời nói lẳng lơ và bằng điệu bộ gợi tình. Đức Thế Tôn không quan tâm đến lời nói và điệu bộ của ba nàng, Ngài vẫn an nhiên tự tại nhập Arahán Thánh Quả định, thọ hưởng vị giải thoát Niết Bàn.

Ba nàng đã dùng hết khả năng gợi tình của người nữ, nhưng đành bất lực, vì Đức Thế Tôn là bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, phiền não, nên không một ai trong tam giới này có thể làm cho tâm Ngài xao động.

Ba cô thiên nữ không quyến rũ được Đức Thế Tôn, nên hồi tâm tán dương ca tụng Ngài rồi từ giả trở về cõi Tha hóa tự tại thiên.

Đức Thế Tôn ngự tại cội da này nhập Arahán Thánh Quả định suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 14 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Ajapālasattāha"*.

6- Tuần lễ thứ sáu: Đức Thế Tôn ngự đến cội Me gần hồ Mucalinda, cách xa cội Bồ Đề 51 sải tay, ở về phía Đông Nam, Ngài ngồi nhập Arahán Thánh Quả định.

Khi ấy trời mưa lớn, Rồng Chúa Mucalinda hiện ra dùng thân mình cuộn thành vòng tròn, chồng lên 7 lớp để bao bọc xung quanh kim thân Đức Phật, và phồng mang che trên đầu Ngài, để mưa không làm ướt và lạnh, tỏ lòng thành kính cúng dường Đức Phật.

Đức Thế Tôn nhập Arahán Thánh Quả định suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Mucalindasattāha"*.

7- Tuần lễ thứ bảy: Đức Thế Tôn ngự đến cội cây gọi là Rājāyatana cách xa

cội Bồ Đề 4 sải tay, ở về phía Nam. Ngài nhập Arahán Thánh Quả định suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6, gọi là tuần lễ *"Rājāyatanasattāha"*.

Như vậy, Đức Thế Tôn đã thọ hưởng vị an lạc giải thoát Niết Bàn suốt 7 tuần lễ, gồm 49 ngày xung quanh cội Bồ Đề.

ĐỨC PHẬT SUY TƯ VỀ SIÊU TAM GIỚI PHÁP

Đức Thế Tôn suy xét về 9 ***siêu tam giới pháp*** *(lokuttaradhamma)* mà Ngài đã chứng đắc:

- Là pháp vô cùng vi tế, vô cùng sâu sắc, khó chứng ngộ: đó là ***Tứ thánh đế.***

- Là pháp diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, phiền não, ác pháp: đó là ***4 Thánh Đạo.***

- Là pháp làm vắng lặng mọi tham ái, mọi phiền não, ác pháp: đó là ***4 Thánh Quả.***

- Là pháp giải thoát mọi cảnh khổ: đó là ***Niết Bàn.***

- Là pháp mà chỉ có bậc Thiện trí, xa lánh ngũ dục, ***tiến hành thiền tuệ*** để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Còn chúng sinh thì đang bị dính mắc trong ngũ dục, bị say mê trong ngũ dục, bị đắm chìm trong ngũ dục, làm tôi tớ của ***108 loại tham ái*** và làm nô lệ bởi ***1500 loại phiền não,*** thì khó mà chứng ngộ được chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Đức Phật nghĩ rằng: "N*ếu Như Lai thuyết pháp mà chúng sinh không thấu hiểu chánh pháp, không chứng đắc chánh pháp cao thượng, thì chỉ làm cho Như Lai vất vả, mệt nhọc, hoài công vô ích mà thôi!"*.

Do vậy, Đức Phật chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Theo truyền thống, Chư Phật thuyết pháp phải có đầy đủ 2 lý do:

1- Nội tâm: Đức Phật có ***tâm đại bi*** *(mahākaruṇā)* muốn tế độ chúng sinh giải thoát khỏi mọi cảnh khổ. Lý do này đã sẵn có nơi Ngài.

2- Ngoại cảnh: Phải có ***Đại Phạm thiên*** thỉnh cầu thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Vì rằng, các đạo sĩ, tu sĩ, Sa môn, Bà la môn, vua chúa, dân chúng, kể cả chư thiên, Phạm thiên, đều tôn kính Đại Phạm thiên. Nay Đại Phạm thiên tôn kính Đức Phật, thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh, thì ắt hẳn phần đông chúng sinh nhân loại, chư thiên, Phạm thiên,... cũng tôn kính Ngài. Từ sự tôn kính ấy, mới có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Khi có đức tin nơi Tam Bảo, Đức Phật thuyết pháp thì tất cả chúng sinh, nhân loại, chư thiên, Phạm thiên... mới lắng nghe chánh pháp và thực hành theo chánh pháp của Ngài.

ĐẠI PHẠM THIÊN THỈNH ĐỨC PHẬT THUYẾT PHÁP

Đại Phạm thiên Sahampati biết Đức Phật nản lòng chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh, Ngài bèn tuyên bố cho toàn cõi Phạm thiên, chư thiên 10 ngàn thế giới hay biết rằng:

- *Nassati vata Bho loko! Vinassati vata Bho loko!* [10]

- *Này chư vị, toàn thế giới chúng sinh sẽ hủy hoại!*

Này chư vị, toàn thế giới chúng sinh sẽ tiêu diệt!

Bởi vì, Đức Phật đang do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh, cho nên Đại Phạm thiên Sahampati cùng chư thiên, Phạm thiên khắp 10 ngàn thế giới hiện xuống, đồng kính cung thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- *Desetu Bhante Bhagavā dhammaṃ. Desetu Sugato dhammaṃ.* [10]

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Chúng con hết lòng thành kính, xin thỉnh Đức Thế Tôn mở tâm đại bi thuyết pháp tế độ chúng sinh.*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Chúng con hết lòng thành kính, xin thỉnh Đức Thiện Ngôn mở tâm đại bi thuyết pháp tế độ chúng sinh.*

Có số chúng sinh nào phiền não nhẹ, có khả năng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn; nếu số chúng sinh ấy, không có được cơ hội lắng nghe chánh pháp của Đức Thế Tôn, thì sự thiệt hại sẽ lớn lao biết dường nào!

Nghe qua lời thỉnh cầu của Đại Phạm thiên Sahampati, với tâm đại bi, Đức Thế Tôn quán xét bằng Phật nhãn *(Buddhacakkhu)* thấy rõ có số chúng sinh có phiền não nhẹ, có số chúng sinh có phiền não nặng, có số chúng sinh có 5 pháp chủ *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ)* đủ năng lực, có số chúng sinh có 5 pháp chủ ít năng lực; có số chúng sinh dễ dạy; có số chúng sinh khó dạy...

Ví như có 4 loại hoa sen [10].

* Có loại vượt qua khỏi mặt nước, chờ tiếp xúc ánh sáng mặt trời liền nở ngay ngày hôm nay.

* Có loại vươn lên, nằm ngang tầm mặt nước, sẽ chờ nở vào ngày mai.

* Có loại còn ở dưới mặt nước, sẽ chờ thời gian 3, 4 hôm nữa mới nở được.

* Có loại còn non vừa mới tượng hình ở dưới nước sâu. Những mầm sen non ấy sẽ làm vật thực cho loài rùa, cá...

Bốn loại hoa sen này so sánh như 4 hạng người ở trong đời:

1- Ugghāṭitaññū: Hạng người có trí tuệ bậc thượng, bén nhạy. Khi được nghe ***tiền đề***của chánh pháp, chưa cần khai triển, hay trong một bài kệ có 4 câu, chỉ

được nghe 2 câu đầu; bậc ấy có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn ngay tức khắc.

2- Vipaccitaññū: Hạng người có trí tuệ bậc trung. Khi được nghe ***tiền đề*** của chánh pháp và khai triển, hay được nghe một bài kệ đầy đủ 4 câu; người ấy có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

3- Neyya: Hạng người có trí tuệ bậc thường. Khi được nghe ***tiền đề*** của chánh pháp và khai triển xong, nhưng cần phải có thời gian thân cận gần gũi với bậc Thánh nhân, bậc Thiện trí hướng dẫn chỉ dạy thêm, mới có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn trong kiếp hiện tại này.

4- Padaparama: Hạng người có trí tuệ kém. Dầu được nghe nhiều, học nhiều đi nữa, hay dầu thân cận với bậc Thiện trí, họ cũng chưa có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả ngay trong kiếp hiện tại này. Nhưng đây là một cơ hội tốt, một dịp may, để bồi bổ pháp hạnh ba la mật, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn trong kiếp vị lai.

Đức Phật quán xét thế gian bằng Phật nhãn thấy rõ có 4 hạng người như vậy, cho nên sự thuyết pháp của Ngài sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho 3 hạng người trước ngay trong kiếp hiện tại, và cũng đem lại lợi ích cho hạng người thứ tư *(padaparama)* ở kiếp vị lai.

Nhận lời thỉnh cầu của Đại Phạm thiên Sahampati, Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Chú thích:

[1] Bảy bước tượng trưng cho Thất giác chi. (Chú giải Dī. Mahāvagga kinh Mahāpadānasutta).

[2] Dīghanikāya, Bộ Mahāvagga, kinh Mahāpadānasutta.

[3] Đối với Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác Túc mạng minh có giới hạn.

[4] Muốn tìm hiểu rõ, chi tiết xin xem Phần III-10 "Tử sanh luân hồi".

[5] Vàsanà: tiền khiên tật chỉ có bậc Thánh Arahán Chánh Đẳng Giác diệt đoạn tuyệt được; còn chư bậc Thánh Arahán Thanh Văn không thể diệt được.

[6] Dưới cội cây nào mỗi Đức Bồ Tát chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, cây ấy gọi là Bodhirukkha: cây Bồ Đề.

[7] Dhammapadagāthā số 153, 154.

[8] Phiền não có tất cả 1.500 loại.

[9] Tham ái có tất cả 108 loại.

[10] Bộ chú giải Majjhimanikàya, Mūlapannāsa, kinh Pāsarāsisutta.

-ooOoo-

I.2 CHUYỂN PHÁP LUÂN

Khi suy xét nên thuyết pháp tế độ ai đầu tiên, Đức Phật nghĩ đến vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta là bậc Thiện trí có trí tuệ; nếu vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta được nghe chánh pháp, sẽ mau lẹ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Lúc ấy chư thiên đến hầu Đức Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch được 7 ngày qua.

Đức Phật quán xét, thấy đúng: vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch, do năng lực đệ tam thiền vô sắc giới cho quả tái sanh lên cõi *"Vô sở hữu xứ thiên"* thuộc vô sắc giới.

Ngài nghĩ: *"Thật là sự thiệt hại lớn lao quá!"*. [11]

Tiếp đến, Đức Phật nghĩ đến vị Đạo sư Udaka Rāmaputta là bậc Thiện trí có trí tuệ; nếu vị Đạo sư Udaka Rāmaputta được nghe chánh pháp, sẽ mau lẹ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Lúc ấy chư thiên đến hầu Đức Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vị Đạo sư Udaka Rāmaputta vừa mới viên tịch chiều hôm qua.

Đức Phật quán xét, thấy đúng: vị Đạo sư Udaka Rāmaputta đã viên tịch, do năng lực đệ tứ thiền vô sắc giới cho quả tái sanh lên cõi *"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên"* thuộc vô sắc giới.

Đức Phật nghĩ rằng: *"Thật là sự thiệt hại lớn lao quá!".*

Tiếp đến, Đức Phật nghĩ đến nhóm 5 Tỳ khưu đã từng phụng sự, hộ độ Ngài trong thời gian còn là Bồ Tát hành khổ hạnh.

Đức Phật nghĩ: *"Vậy, đầu tiên Như Lai nên thuyết pháp tế độ nhóm 5 Tỳ khưu này".*

Khi ấy, nhóm 5 Tỳ khưu đang ở tại khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasi.

Thế rồi, từ xóm Uruvela, Đức Phật ngự đến kinh thành Bārāṇasi thuyết pháp độ nhóm 5 Tỳ khưu: Ngài Koṇṇañña trưởng nhóm, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.

Đức Phật Chuyển Pháp Luân Lần Đầu Tiên

Đức Thế Tôn ngự đến khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, nhằm vào ngày rằm tháng 6, sau khi trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác tròn đủ hai tháng. Nhóm 5 Tỳ khưu nhìn thấy Đức Phật từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng: *"Sa môn Gotama đã từ bỏ sự tinh tấn hành khổ hạnh, trở lại đời sống sung túc"*.

Vì nghĩ như vậy, nhóm 5 Tỳ khưu không còn đức tin và kính trọng Đức Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng: *"Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đảnh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Sa môn Gotama ngồi mà thôi"*.Nhưng khi Đức Phật đến gần, do oai lực và tâm đại bi của Ngài, nhóm 5 Tỳ khưu không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi người đều tự động đứng dậy cung kính đón rước; vị nhận y bát, vị lấy nước rửa chân, vị sắp đặt trải chỗ ngồi cao quí, thỉnh Ngài đến ngự. Nhưng cách xưng hô của họ với Đức Phật bằng cách gọi: *"Āvuso"* không hợp lễ đạo, thiếu cung kính đối với Đức Thế Tôn.

Nghe vậy, Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khưu, các con không nên gọi Như Lai bằng tiếng "Āvuso"* [12] . *Như Lai là bậc Chánh Đẳng Giác, Như Lai sẽ thuyết giảng chánh pháp mà Như Lai đã chứng ngộ. Các con hãy lắng nghe rồi thực hành theo, các con cũng sẽ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, như Đức Như Lai đã chứng ngộ"*.

Nhóm 5 Tỳ khưu vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức Phật, vì nghĩ rằng: *"Trước đây Sa môn Gotama hành pháp khổ hạnh đến như thế, mà không chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác; nay trở lại đời sống sung túc như vậy, lại có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác được hay sao?"*.

Đức Thế Tôn thấu hiểu rõ sự hoài nghi của nhóm 5 Tỳ khưu, nên Ngài đã lý giải rõ ràng, phá tan được sự hoài nghi của họ. Cuối cùng, nhóm 5 Tỳ khưu cảm phục Đức Phật và có đức tin trong sạch nơi Ngài.

Khi ấy mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, Đức Thế Tôn lần đầu tiên thuyết pháp bài kinh *"Dhammacakkappavattanasutta"* [13]*: kinh Chuyển Pháp Luân.*

KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

"Evaṃ me sutaṃ...".

Lời Đại Đức Ānanda bạch với Ngài Đại Đức Mahākassapa:

Kính bạch Đại Đức Trưởng lão Mahākassapa khả kính:

Con là Ānanda được nghe bài kinh Chuyển Pháp Luân từ Đức Thế Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, trước kia chư Độc Giác Phật thường ngự xuống. Tại đây, Đức Thế Tôn gọi nhóm 5 Tỳ khưu: Ngài Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji mà dạy rằng:

Hai Pháp Thấp Hèn *(dve antā)*

- Này chư Tỳ khưu, có 2 pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến người xuất gia không nên hành theo. Hai pháp ấy như thế nào?

1- Một là, việc thường thụ hưởng khoái lạc trong ngũ dục do tâm tham ái hợp với thường kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

2- Hai là, việc thường tự ép xác hành khổ mình do tâm sân hận và có đoạn kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

Pháp Hành Trung Đạo *(MajjhimāpaTipadā)*

*Này chư Tỳ khưu, không thiên về hai biên kiến ấy, Như Lai đã hành theo **Pháp hành trung đạo,** nên đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế bằng trí tuệ siêu tam giới, làm cho tuệ nhãn phát sanh; trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới phát sanh, để làm vắng lặng mọi phiền não; làm cho trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả và Niết Bàn.*

*Này chư Tỳ khưu, thế nào gọi là **Pháp hành trung đạo** mà Như Lai đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế (bằng trí tuệ siêu tam giới), làm cho tuệ nhãn phát sanh; trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới phát sanh, để làm vắng lặng mọi phiền não; làm cho trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả và Niết Bàn.*

Này chư Tỳ khưu, Pháp hành trung đạo đó chính là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là:

1- Chánh kiến.

2- Chánh tư duy.

3- Chánh ngữ.

4- Chánh nghiệp.

5- Chánh mạng.

6- Chánh tinh tấn.

7- Chánh niệm.

8- Chánh định.

Này chư Tỳ khưu, nhờ Pháp hành trung đạo là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này, mà Như Lai đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế (bằng trí tuệ siêu tam giới), làm cho tuệ nhãn phát sanh; trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới phát sanh, để làm vắng lặng mọi phiền não; làm cho trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả và Niết Bàn.

TỨ THÁNH ĐẾ

1- Khổ thánh đế *(Dukkha ariyasacca)*

Này chư Tỳ khưu, Khổ thánh đế là sự thật chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ là:

** Tái sanh là khổ, già là khổ, bịnh là khổ, chết là khổ.*

** Phải sống chung với người không thương yêu là khổ.*

** Phải xa lìa người thương yêu là khổ.*

** Mong muốn đừng có sanh, đừng có già, đừng có bịnh, đừng có chết... mà không thể nào được như ý là khổ.*

** Tóm lại, ngũ uẩn là đối tượng của chấp thủ do tâm tham ái và tà kiến là khổ.*

2- Nhân sanh khổ thánh đế *(Dukkhasamudaya ariyasacca)*

Này chư Tỳ khưu, Nhân sanh khổ thánh đế là sự thật chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ là: tham ái, nhân dắt dẫn tái sanh, hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối tượng, hoan lạc trong kiếp sống; Nhân sanh Khổ thánh đế ấy là:

** Dục ái (kāmataṇhā): tham ái trong 6 cảnh trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.*

** Hữu ái (bhavataṇhā): tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến, hoặc tham ái trong 3 cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới.*

** Phi hữu ái (vibhavataṇhā): tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.*

3- Diệt khổ thánh đế *(Dukkhanirodha ariyasacca)*

Này chư Tỳ khưu, Diệt Khổ thánh đế là sự thật chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ là: Niết Bàn, pháp diệt đoạn tuyệt mọi tâm tham ái ấy không còn dư sót, bằng 4 Thánh Đạo Tuệ; xả ly ngũ uẩn, từ bỏ ngũ uẩn; giải thoát khổ, không còn luyến ái dính mắc.

4- Pháp hành diệt khổ thánh đế *(Dukkhanirodhagaminīpaṭipadā ariyasacca)*

Này chư Tỳ khưu, Pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, diệt khổ thánh đế là sự thật chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ là: Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

BA BẬC TRÍ TUỆ TRONG TỨ THÁNH ĐẾ

Ba Bậc Trí Tuệ Trong Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết trong Khổ thánh đế *(Saccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn (cakkhu) thấy rõ ***ngũ uẩn chấp thu****û là Khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ (ñāṇa) thấy rõ thực tánh Khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ khổ sanh, khổ già... đã phát sanh; tuệ minh (vijjā) thấy rõ, thấu suốt hoàn toàn Khổ thánh đế đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ (āloka) diệt màn vô minh che án Khổ thánh đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp* ***Khổ thánh đế,*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh tất cả các pháp *(danh pháp, sắc pháp)* ***trong tam giới, ngoại trừ tâm tham ái ra, gọi là Khổ thánh đế".***

2- Trí tuệ hành biết trong Khổ thánh đế *(Kiccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh tất cả các pháp *(danh pháp, sắc pháp)* ***Khổ thánh đế ấy, là pháp nên biết rõ bằng Thánh Đạo Tuệ".***

3- Trí tuệ thành biết trong Khổ thánh đế *(Katañāṇa).*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh tất cả các pháp *(danh pháp, sắc pháp)* ***Khổ thánh đế ấy, là pháp nên biết, thì đã được biết rõ bằng Thánh Đạo Tuệ rồi".***

Ba Bậc Trí Tuệ Trong Nhân Sanh Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết trong Nhân sanh khổ thánh đế *(Saccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn thấy rõ ***tham ái*** *là Nhân sanh khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ thực tánh ba loại tham ái là Nhân sanh khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt thấy rõ 108 loại tham ái là Nhân sanh khổ thánh đế đã phát sanh; tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Nhân sanh khổ thánh đế đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Nhân sanh khổ thánh đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp* ***Nhân sanh khổ thánh đe****á mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh ba loại tham ái ấy là Nhân sanh khổ thánh đế *(Tập thánh đế)****".***

2- Trí tuệ hành biết trong Nhân sanh khổ thánh đế *(Kiccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Nhân sanh khổ thánh đeá*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh ba loại tham ái, Nhân sanh khổ thánh đế ấy, là pháp nên diệt đoạn tuyệt bằng Thánh Đạo Tuệ".

3- Trí tuệ thành biết trong Nhân sanh khổ thánh đế *(Katañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Nhân sanh khổ thánh đeá*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh ba loại tham ái, Nhân sanh khổ thánh đế ấy, là pháp nên diệt, thì đã được diệt đoạn tuyệt bằng Thánh đạo tuệ rồi".

Ba Bậc Trí Tuệ Trong Diệt Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết trong Diệt khổ thánh đế *(Saccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn thấy rõ ***Niết Bàn,*** *Diệt khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ Diệt khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt thấy rõ thực tánh mỗi loại Niết Bàn đã phát sanh; tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Diệt khổ thánh đế đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Diệt khổ thánh đế đã phát sanh, đến với Như Lai trong mọi pháp* ***Diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Niết Bàn, là pháp Diệt khổ thánh đế *(Diệt thánh đế)****".***

2- Trí tuệ hành biết trong Diệt khổ thánh đế *(Kiccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế ấy, là pháp nên chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ".

3- Trí tuệ thành biết trong Diệt khổ thánh đế *(Katañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi pháp ***Diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế ấy, là pháp nên chứng ngộ, thì đã được chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ rồi".

Ba Bậc Trí Tuệ Trong Pháp Hành Diệt Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết trong Pháp hành diệt khổ thánh đế *(Saccañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn thấy rõ ***Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh*** *là Pháp hành diệt khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ thực tánh Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là Pháp hành diệt khổ thánh đế đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt thấy rõ thực tánh của chánh kiến, chánh tư duy... là Pháp hành diệt khổ thánh đế đã phát sanh; tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Pháp hành diệt khổ thánh đế đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Pháp hành diệt khổ thánh đế đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi* ***Pháp hành diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Thánh đạo hợp đủ 8 chánh là Pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế *(Đạo thánh đế)****".***

2- Trí tuệ hành biết trong Pháp hành diệt khổ thánh đeá *(Kiccañāṇa)*

*Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi****Pháp hành diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Thánh đạo hợp đủ 8 chánh là Pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế ấy, là pháp nên tiến hành".

3- Trí tuệ thành biết trong Pháp hành diệt khổ thánh đế *(Katañāṇa)*

Này chư Tỳ khưu, tuệ nhãn... đã phát sanh; trí tuệ thiền tuệ... đã phát sanh; trí tuệ sáng suốt... đã phát sanh; tuệ minh... đã phát sanh; ánh sáng trí tuệ... đã phát sanh đến với Như Lai trong mọi ***Pháp hành diệt khổ thánh đế*** *mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

"Thực tánh Thánh đạo hợp đủ 8 chánh là Pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế ấy, là pháp nên tiến hành, thì đã được tiến hành rồi".

Vai Trò Quan Trọng Tứ Thánh Đế Với Ba Tuệ Luân

Này chư Tỳ khưu, khi nào trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của chân lý Tứ thánh đế theo tam tuệ luân (trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành), thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh ***chưa phát sanh*** *đến với Như Lai.*

Này chư Tỳ khưu, khi ấy, Như Lai ***chưa truyền dạy*** *rằng "Như Lai chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh: nhân loại, Vua chúa, Sa môn, Bà la môn, Chư thiên, Ma vương và Phạm thiên cả thảy".*

Này chư Tỳ khưu, khi nào trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của Tứ thánh đế theo tam tuệ luân, thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh ***đã phát sanh*** *đến với Như Lai.*

Này chư Tỳ khưu, khi ấy, Như Lai ***truyền dạy*** *rằng "Như Lai đã chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh: nhân loại, Vua chúa, Sa môn, Bà la môn, Chư thiên, Ma vương và Phạm thiên cả thảy".*

Trí Tuệ Quán Xét *(paccavekkhaṇa ñāṇa)*

Trí tuệ quán xét đã phát sanh đối với Như Lai biết rõ rằng: ***"Arahán Thánh Quả Tuệ giải thoát của Như Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này chắc chắn không còn tái sanh nữa".***

Đại Đức Koṇḍañña Chứng Ngộ Chân Lý Tứ Thánh Đế

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 Tỳ khưu vô cùng hoan hỷ theo lời giáo huấn của Ngài. Trong khi bài pháp thoại đang thuyết giảng, Ngài Đại Đức Koṇḍañña đã phát sanh ***pháp nhãn*** *chứng ngộ Tứ thánh đế, chứng đắc* ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ,*** *tâm*

không còn bụi dơ bởi phiền não, tà kiến, hoài nghi nữa; Ngài biết rõ ràng, chắc chắn rằng ***"Tất cả các pháp nào trong tam giới có trạng thái sanh, thì tất cả pháp ấy đều có trạng thái diệt".***

Toàn Thể Chư Thiên, Phạm Thiên Tán Dương, Ca Tụng

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Chuyển Pháp Luân vừa xong, chư thiên trên địa cầu đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

- *Đức Thế Tôn chuyển pháp luân vô thượng tại khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasi, chưa từng có Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể chuyển pháp luân như vậy được.*

Đồng thời, chư thiên ở cõi Tứ đại thiên vương được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên địa cầu, cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Cũng như vậy, chư thiên ở cõi Tam thập tam thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Phạm thiên ở cõi trời sắc giới được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên ở cõi Tha hóa tự tại thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

- *Đức Thế Tôn chuyển pháp luân vô thượng tại khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasi, chưa từng có Sa môn, Bà la môn, chư thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể chuyển pháp luân như vậy được.*

Ngay khi ấy, ngay lúc ấy, ngay sát na ấy, lời tán dương ca tụng lên đến cõi sắc giới Phạm thiên cao nhất là "Sắc cứu cánh thiên" (Akaniṭṭhā), mười ngàn thế giới này đều rung chuyển, rúng động, rung rinh, ánh sáng hào quang của Đức Chánh Đẳng Giác tỏa rộng vô biên cùng khắp thế giới, hơn hẳn oai lực chư thiên, Phạm thiên cả thảy.

Đại Đức Koṇḍañña Có Tên Aññasikoṇḍañña

Khi Ngài Đại Đức Koṇḍañña chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, Đức Thế Tôn cảm hứng tự thốt lên cho toàn thế giới biết rằng:

- *Này chư vị, quả thật, Koṇḍañña đã chứng ngộ Tứ thánh đế rồi!*

Này chư vị, quả thật, Koṇḍañña đã chứng ngộ Tứ thánh đế rồi!

Do vậy, Đại Đức Koṇḍañña được gọi là Aññasikoṇḍañña (Đại Đức Koṇḍañña đã chứng ngộ).

Đại Đức Aññasikoṇṇañña Xin Thọ Giới Tỳ Khưu Với Đức Phật

Khi ấy, Đại Đức Aññasikoṇṇañña đã phát sanh trí tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, đã chứng đạt đến chân lý Tứ thánh đế, đã biết rõ một cách chắc chắn đúng theo chân lý Tứ thánh đế, đã thấu rõ, thông suốt chân lý Tứ thánh đế, nên đã diệt đoạn tuyệt hoàn toàn mọi điều hoài nghi nơi Đức Phật, Đức Pháp,... không còn hoài nghi nào nữa. Và với trí tuệ của mình đã chứng ngộ đúng theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, nên không còn tin nơi người nào khác nữa.

Ngài Đại Đức Aññasikoṇṇañña thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn cao thượng, con xin nương nhờ nơi Ngài, cho phép con được thọ Sa di và Tỳ khưu.

Đức Thế Tôn từ bi đưa ngón tay trỏ, chỉ và truyền dạy:

- Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya.

- Này con, hãy đến với Như Lai, con được trở thành Tỳ khưu theo nguyện vọng. Giáo pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối; con hãy nên cố gắng tinh tấn thực hành phạm hạnh cao thượng chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, để chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi.

Đức Thế Tôn chỉ thuyết dạy như vậy, Đại Đức Aññasikoṇṇañña đã trở thành Tỳ khưu.

(Xuất gia trở thành Tỳ khưu theo cách Ehi bhikkhūpasampadā).

(Xong bài kinh Chuyển Pháp Luân).

-ooOoo-

Trong bài kinh này, đoạn đầu Đức Thế Tôn dạy bậc Xuất gia không nên hành theo 2 pháp cực đoan thuộc về 2 biên kiến:

* Một là, việc thường hưởng thụ khoái lạc trong ngũ dục, do ***tâm tham ái*** hợp với***thường kiến*** thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại sự lợi ích an lạc nào.

* Hai là, việc thường tự ép xác hành khổ hạnh, do ***tâm sân*** và có ***đoạn kiến,*** thuộc pháp hành khổ hạnh của tu sĩ ngoại đạo, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại sự lợi ích an lạc nào.

Đức Thế Tôn dạy ***Pháp hành trung đạo,*** đó chính là ***Thánh Đạo*** hợp đủ 8 chánh cao thượng là: ***chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*** Pháp hành

Trung đạo này chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Đoạn giữa, Đức Thế Tôn thuyết về Tứ thánh đế luân chuyển theo tam tuệ luân gồm có 12 loại trí tuệ:

- *4 loại trí tuệ học:* là học để hiểu biết rõ về chi pháp của Tứ thánh đế.

- *4 loại trí tuệ hành:* là hành theo 4 phận sự của Tứ thánh đế.

- *4 loại trí tuệ thành:* là kết quả đã hoàn thành phận sự của Tứ thánh đế.

Đoạn chót Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khưu, khi nào trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của chân lý Tứ thánh đế theo tam tuệ luân (trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành), thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh đã phát sanh đến với Như Lai.*

Này chư Tỳ khưu, khi ấy, Như Lai truyền dạy rằng: "Như Lai đã chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh: nhân loại, Vua chúa, Sa môn, Bà la môn, Chư thiên, Ma vương và Phạm thiên cả thảy".

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 Tỳ khưu vô cùng hoan hỉ theo lời giáo huấn của Ngài.

Trong nhóm 5 Tỳ khưu này, chỉ có Ngài Đại Đức Koṇṇañña là người đầu tiên chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành***bậc Thánh Nhập Lưu*** *(Sotāpanna),* cũng là ***bậc Thánh Thanh Văn*** đệ tử đầu tiên trong giáo pháp của ***Đức Phật Gotama,*** cùng với 180 triệu chư thiên, Phạm thiên cũng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

Kể từ đó, ***Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo*** được trọn đủ, lần đầu tiên đã xuất hiện trên thế gian này.

*

Pháp hành thiền tuệ được truyền bá khắp trong các hàng đệ tử, từ bậc Xuất gia đến hàng tại gia cư sĩ, chư thiên, Phạm thiên,... truyền từ đời này sang đời khác và được lưu truyền mãi đến ngày nay, trải qua 2591 năm (2546 + 45), kể từ khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian.

Trong quá khứ, có vô số hành giả đã ***tiến hành thiền tuệ,*** đã được chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo,

Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, đã tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Ở hiện tại, cũng có số hành giả đang ***tiến hành thiền tuệ,*** được chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, tuỳ theo năng lực pháp hạnh ba la mật và 5 pháp chủ của mình. [14]

Trong vị lai, giáo pháp của Đức Phật còn lưu truyền, ***pháp hành thiền tuệ*** chưa bị hoại, thì cũng có số hành giả sẽ ***tiến hành thiền tuệ,*** cũng sẽ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, sẽ chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

*

Kinh Chuyển Pháp Luân là bài kinh rất quan trọng trong Phật giáo. Trong bài kinh này, Đức Phật thuyết giảng về chân lý Tứ thánh đế là nền tảng, cốt lõi vô cùng trọng yếu trong Phật giáo. Chân lý Tứ thánh đế này, được Đức Phật đã khám phá, làm cho hiện rõ sự thật; mà từ trước đã bị bao trùm, phủ kín bởi màn vô minh dày đặc, chưa có một ai khám phá ra. Nay, Đức Phật là người đầu tiên đã tìm thấy, chứng ngộ rồi giáo huấn cho chúng sinh có đủ căn duyên lành, có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn như Ngài.

Chú thích:

[11] **Sự thiệt hại** ở đây có nghĩa là: chúng sinh ở cõi trời vô sắc, không có sắc uẩn, nên không có tai để nghe được chánh pháp , đã mất đi cơ hội tốt hiếm có, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

[12] "Āvuso" từ dùng để gọi vị nhỏ hạ. "Bhante" từ dùng để gọi vị cao hạ một cách tôn kính.

[13] Saṃyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

[14] 5 pháp chủ (Indriya): tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ.

-ooOoo-

I.3 SỰ THẬT (SACCA)

Đức Phật dạy có hai sự thật:

1- Sammutisacca: Sự thật Ngôn ngữ chế định.

2- Paramatthasacca: Sự thật Chân nghĩa pháp.

1- SỰ THẬT NGÔN NGỮ CHẾ ĐỊNH

Trong thế giới chúng sinh nói chung, nhân loại nói riêng, mỗi nước, mỗi nơi, mỗi nhóm thường chế định, đặt ra một ngôn ngữ riêng, từ người xưa

được lưu truyền lại đến ngày nay, dùng để thông tin, diễn tả tư tưởng, ý nghĩ của mình đến cho người khác cùng nghe, cùng hiểu.

Do có nhiều ngôn ngữ khác nhau, nên cùng một vật, một ý nghĩ, v.v... mà mỗi ngôn ngữ chế định, đặt ra mỗi danh từ khác nhau, nhưng cũng chỉ nói đến đối tượng hay chủ thể ấy mà thôi.

Ví dụ:

Tiếng Pāḷi	Tiếng Việt	Tiếng Pháp	Tiếng Anh
- Manussa	Nhân loại	Humanité	Humanity
- Purisa	Người đàn ông	Homme	Man
- Itthī	Người đàn bà	Femme	Woman
- v.v...			

Những danh từ ngôn ngữ này gọi là ***sự thật,*** bởi vì mọi người đã có quy ước với nhau cho là ***lời nói thật*** *(saccavācā),* nhưng đây chỉ là ***sự thật theo đời.***

Nếu người nào cố ý lừa dối người khác, nói sai hay viết sai không đúng theo sự thật như đã thấy, đã nghe, đã biết..., người ấy gọi là nói sai, ***nói không đúng sự thật,*** phạm giới nói dối *(musāvāda).*

Sự Thật Ngôn Ngữ Chế Định Có 2 Loại:

1- Ngôn ngữ Pāḷi mà Đức Phật dùng để thuyết pháp được ghi chép lại trong Tam tạng: Kinh tạng *(Suttantapiṭaka),* Luật tạng *(Vinayapiṭaka),*Vi diệu pháp tạng*(Abhidhammapiṭaka).*

2- Ngôn ngữ địa phương mà người đời dùng để nói, viết trong cuộc sống hằng ngày, trong mỗi dân tộc.

Muốn biết *sự thật Ngôn ngữ chế định* nào, thì cần phải học hỏi, để hiểu biết rõ ngôn ngữ ấy, nếu không biết, thì chỉ có nghe được âm thanh, mà không hiểu được ý nghĩa.

Sự thật này thuộc về ***Chế định pháp*** *(Paññattidhamma).*

CHẾ ĐỊNH PHÁP *(Paññattidhamma)*

Chế định pháp là pháp do con người căn cứ vào Chân nghĩa pháp có mà quy ước, chế định, đặt ra danh từ để nói, viết rồi lưu truyền từ người này sang người khác, từ đời trước đến đời sau.

Chế định pháp chia làm hai loại:

1- Atthapaññatti: Chế định về ý nghĩa, hình dạng.

2- Saddapaññatti: Chế định về danh từ ngôn ngữ.

1.1- Quy ước chế định về ý nghĩa, hình dạng

Đó là ý nghĩa, hình dạng khác biệt của mỗi đối tượng, có nhiều loại:

** Santānapaññatti: Chế định về khối.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm về tứ đại *(đất, nước, lửa, gió)* liên kết lại với nhau thành hình khối.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về mặt phẳng của mặt đất, về chiều cao của núi, về chiều dài của sông, về chiều rộng của biển, v.v...

** Samūhapaññatti: Chế định về tổng hợp.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm các thành phần lớn nhỏ lắp ráp, kết cấu vào với nhau.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về sự tổng hợp các phần lớn nhỏ lắp ráp, kết cấu vào với nhau thành chiếc xe, thành cái nhà, v.v...

** Sattapaññatti: Chế định về chúng sinh.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về con người, về đàn ông, về đàn bà, về chư thiên, về Phạm thiên, về con voi, về con ngựa, v.v...

** Disāpaññatti: Chế định về phương hướng.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ thái dương hệ luân chuyển.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về phía mặt trời mọc, thuộc hướng Đông, về mặt trời lặn, thuộc hướng Tây, về hướng Nam, về hướng Bắc, v.v...

** Kālapaññatti: Chế định về thời gian.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ mặt trời.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về lúc mặt trời mọc là buổi sáng, về lúc mặt trời đứng bóng là buổi trưa, về lúc mặt trời lặn là buổi chiều, ngày, đêm, tháng, năm, v.v...

** Akāsapaññatti: Chế định về hư không.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ khoảng không, do nương nhờ khoảng trống của tứ đại không dính liền với nhau.

<u>Ví dụ</u>:

Khái niệm về hang, động, giếng, hầm, hố, v.v...

* *Kasiṇapaññatti: Chế định về đề mục kasiṇa.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ vào tứ đại... dùng làm đề mục thiền định.

Ví dụ:

Khái niệm về đề mục đất, về đề mục nước, về đề mục lửa, về đề mục gió, v.v...

* *Nimittapaññatti: Chế định về ấn chứng của thiền định.*

Sự chế định này dựa trên khái niệm căn cứ các ấn chứng hiện ra do tiến hành thiền định.

Ví dụ:

Khái niệm về ấn chứng tiến hành ban đầu *(parikammanimitta),* về ấn chứng thô ảnh tương tự *(uggahanimitta),* về ấn chứng quang ảnh trong sáng *(paṭibhāganimitta),* v.v...

Tất cả mọi chế định về ý nghĩa *(aṭṭha)* hình dạng... khác biệt của mỗi đối tượng tuỳ theo khái niệm hiện rõ trong tâm tưởng, nên đối tượng ấy, không còn hiện rõ ***thực tánh*** của danh pháp, sắc pháp đúng theo Chân nghĩa pháp, song ý thức tâm có thể nhận biết đối tượng chế định về ý nghĩa ấy theo khái niệm.

1.2- Chế định về danh từ ngôn ngữ

Chế định này không chỉ là về khái niệm đơn thuần, mà còn chế định danh từ ngôn ngữ đặt tên gọi đối tượng, có hai tính chất đặc biệt là:

- Tâm hướng đến ý nghĩa *(aṭṭha).*
- Làm cho ý nghĩa ấy hướng về tâm.

*** Tâm hướng đến ý nghĩa.**

Đó là tính chất của ***thính giả*** hoặc ***độc giả,*** khi nghe hoặc đọc sách báo, một danh từ ngôn ngữ quen thuộc, tâm hướng đến biết ý nghĩa, hình dạng của danh từ ấy.

Ví dụ:

- Danh từ *"mặt đất",* là một mặt bằng do tứ đại kết dính thành khối.
- Danh từ *"con voi",* là một con vật có thân hình to lớn, có bốn bàn chân lớn, có cái vòi dài làm lỗ mũi, v.v...

*** Làm cho ý nghĩa ấy hướng về tâm.**

Đó là tính chất của ***người nói*** hoặc ***người viết,*** trước khi nói hoặc viết một danh từ ngôn ngữ nào, thì ý nghĩ hình ảnh của danh từ ấy đã hiện rõ trong tâm của người nói hoặc người viết.

Ví dụ:

- Danh từ *"mặt đất",* ở trong tâm hiện rõ hình ảnh một mặt phẳng do tứ đại liên kết thành khối.

- Danh từ *"con voi",* ở trong tâm hiện rõ hình ảnh một con vật có thân hình to lớn, có bốn bàn chân lớn, có cái vòi dài làm lỗ mũi,...

- Danh từ *"khổ", "vui",* v.v...

Những danh từ ngôn ngữ này người xưa đã chế định, có quy ước rõ ràng, được lưu truyền lại từ người này sang người khác, từ xưa cho đến nay; dùng để nói, viết, thông tin, diễn tả ý nghĩa tâm tư, tình cảm của mình, để hiểu biết lẫn nhau.

Chế định về danh từ ngôn ngữ có nhiều loại, trong đó có hai loại căn bản là:

1- Avijjamānapaññatti: Danh từ ngôn ngữ chế định *không có Thực tánh pháp* hiện hữu làm nền tảng.

Ví dụ:

Danh từ gọi *"con người, đàn ông, đàn bà, chư thiên, ngôi nhà, chiếc xe, mặt đất, núi, sông",...*

2- Vijjamānapaññatti: Danh từ ngôn ngữ chế định *có Thực tánh pháp* hiện hữu làm nền tảng.

Ví dụ:

Danh từ gọi *"tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn, hoặc sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, danh pháp, sắc pháp, Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế",* v.v...

Những danh từ ngôn ngữ chế định, dầu có Thực tánh pháp hiện hữu làm nền tảng, và không có Thực tánh pháp hiện hữu làm nền tảng; cả hai đều thuộc về ***Chế định pháp****(paññattidhamma),* không phải là ***Chân nghĩa pháp*** *(paramatthadhamma),* vì có những tính chất đặc biệt như sau:

- Hoàn toàn tùy thuộc vào khái niệm và danh từ ngôn ngữ chế định.

- Bị hạn chế bởi không gian nơi này, nước kia.

- Bị thay đổi ý nghĩa theo thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Bị ảnh hưởng trực tiếp vào trình độ hiểu biết của các hạng chúng sinh.

- Không có thực tánh *(chỉ là danh từ ngôn ngữ).*

- Không có trạng thái riêng của mỗi pháp.

- Không có sự sanh, sự diệt.

- Không có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

Chế định pháp thuộc về pháp, nên gọi là ***pháp vô ngã.***

Do đó, pháp chế định này thuộc về ***"Sự thật theo ngôn ngữ chế định****(sammutisacca)",* chỉ có thể làm đối tượng của ***pháp hành thiền định*** mà thôi, hoàn toàn không thể làm đối tượng của ***pháp hành thiền tuệ.***

2- SỰ THẬT CHÂN NGHĨA PHÁP

Sự thật Chân nghĩa pháp có 4 pháp là:

1- Citta: ***Tâm*** có trạng thái nhận biết đối tượng.

2- Cetasika: ***Tâm sở*** có trạng thái tùy thuộc nương nhờ vào tâm mà sanh.

3- Rūpadhamma: ***Sắc pháp*** có trạng thái bị hủy hoại do nóng, lạnh, đói, khát,...

4- Nibbāna: ***Niết Bàn*** có trạng thái vắng lặng mọi phiền não, ngũ uẩn...

Bốn pháp này gọi là ***sự thật,*** bởi vì chúng có ***Thực tánh pháp*** *(Sabhāvadhamma)* rõ ràng, mỗi pháp có thực tánh không bị biến thể theo thời gian và không gian, có trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp...

Sự thật Chân nghĩa pháp, hoàn toàn không phải là danh từ ngôn ngữ chế định. Song, danh từ ngôn ngữ mà Đức Phật chế định dùng làm phương tiện để nghe, học hỏi, nghiên cứu; để hiểu rõ danh từ gọi về Thực tánh pháp, trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ấy.

Những danh từ gọi *tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn...* này cũng thuộc về ***Chế định pháp,*** nhưng có ***Thực tánh pháp làm nền tảng.***

Sự thật Chân nghĩa pháp có 2 loại:

1- **Sabhāvasacca:** Sự thật đúng theo Thực tánh pháp là:

- *Thiện pháp (kusaladhamma),*

- *Bất thiện pháp (akusaladhamma),*

- *Vô ký pháp (abyākatadhamma),...* là những pháp không phải chúng sinh, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải vật này, vật kia,... mà chỉ là tất cả Thực tánh pháp mà thôi. Đức Phật đã thuyết giảng, được ghi chép trong Vi diệu pháp tạng*(Abhidhammapiṭaka).*

2- **Ariyasacca***:* Tứ thánh đế, là sự thật chân lý:

- ***Khổ thánh đế:*** Đó là ***danh pháp sắc pháp*** thuộc trong tam giới, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ.

- ***Nhân sanh Khổ thánh đế,*** hay *Tập thánh đế:* Đó là ***tâm tham ái*** là nhân sanh Khổ thánh đế, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ.

- ***Diệt Khổ thánh đế,*** hay *Diệt thánh đế:* Đó là ***Niết Bàn,*** pháp diệt Khổ thánh đế, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ.

- ***Pháp hành Diệt Khổ thánh đế,*** hay *Đạo thánh đế:* Đó là Thánh đạo hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, *chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định,* là pháp hành Diệt Khổ thánh đế, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ.

Tứ thánh đế này được Đức Phật thuyết giảng trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, v.v...

Muốn biết sự thật Chân nghĩa pháp, bậc Thiện trí không phải biết bằng *trí tuệ do học hỏi, nghiên cứu (sutāmayapaññā),* cũng không phải biết bằng *trí tuệ do tư duy đúng đắn(cintāmayapaññā).* Song, hai loại trí tuệ này làm nhân duyên hỗ trợ cho *trí tuệ do hành(bhavanāmayapaññā).* Chính *trí tuệ do hành này* mới có khả năng biết được sự thật chân nghĩa pháp. Trí tuệ do hành đó là ***trí tuệ thiền tuệ*** *(vipassanāñāṇa).*

Trí tuệ thiền tuệ có 2 loại:

- ***Trí tuệ thiền tuệ tam giới*** *(lokiyavipassanāñāṇa)* có khả năng thấy rõ, biết rõ được Thực tánh pháp *(sabhāvadhamma),* của danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt, thấy rõ biết rõ*trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,* dẫn đến;

- ***Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới*** *(lokuttaravipassanāñāṇa)* có khả năng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Sự thật này thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramatthadhamma).*

CHÂN NGHĨA PHÁP *(Paramatthadhamma)*

Chân nghĩa pháp có chi pháp rõ ràng, có thực tánh không biến thể theo thời gian: quá khứ, hiện tại và vị lai.

Chân nghĩa pháp có 4 pháp:

1- Citta - Tâm: có trạng thái nhận biết đối tượng.

2- Cetasika - Tâm sở: có trạng thái tuỳ thuộc nương vào tâm mà sanh.

3- Rūpadhamma - Sắc pháp: có trạng thái bị bị hủy hoại do nóng lạnh, đói khát...

4- Nibbāna - Niết Bàn: có trạng thái tịch tịnh vắng lặng mọi phiền não, ngũ uẩn.

Đó là 4 Chân nghĩa pháp.

Phần Giải Thích

1- TÂM *(Citta):* có trạng thái nhận biết đối tượng. Tâm gồm có 89 hay 121 tâm:

Tâm phân loại theo 4 cảnh giới:

- Dục giới tâm *(kāmavacaracitta)* có 54 tâm.
- Sắc giới tâm *(rūpavacaracitta)* có 15 tâm.
- Vô sắc giới tâm *(arūpavacaracitta)* có 12 tâm.
- Siêu tam giới tâm *(lokuttaracitta)* có 8 (hay 40) tâm.

Tổng cộng: 89 (hay 121 tâm).

54 dục giới tâm được phân loại như sau:

- ***Bất thiện tâm gồm 12 tâm:***

* Tham tâm có 8 tâm.
* Sân tâm có 2 tâm.
* Si tâm có 2 tâm.

- ***Vô nhân tâm gồm 18 tâm:***

* Quả bất thiện vô nhân tâm có 7 tâm.
* Quả thiện vô nhân tâm có 8 tâm.
* Duy tác vô nhân tâm có 3 tâm

- ***Dục giới tịnh hảo tâm gồm 24 tâm:***

* Đại thiện tâm có 8 tâm.
* Đại quả tâm có 8 tâm.
* Đại duy tác tâm có 8 tâm

15 sắc giới tâm được phân loại như sau:

- Sắc giới thiện tâm có 5 tâm.
- Sắc giới quả tâm có 5 tâm.
- Sắc giới duy tác tâm có 5 tâm.

12 vô sắc giới được phân loại như sau:

- Vô sắc giới thiện tâm có 4 tâm.
- Vô sắc giới quả tâm có 4 tâm.
- Vô sắc giới duy tác tâm có 4 tâm.

8 hoặc 40 siêu tam giới [15] **tâm được phân loại như sau:**

- Thánh Đạo tâm có 4 hoặc 20 tâm.
- Thánh Quả tâm có 4 hoặc 20 tâm.

2- TÂM SỞ *(Cetasika):* luôn luôn tuỳ thuộc nương nhờ vào tâm để phát sanh, có 4 trạng thái:

- ***Đồng sanh với tâm:*** Khi tâm nào sanh, thì ắt phải có số tâm sở đồng sanh.

- ***Đồng diệt với tâm:*** Khi tâm nào diệt, thì ắt phải có số tâm sở đồng diệt.

- ***Đồng đối tượng với tâm:*** Khi tâm nào có đối tượng nào, thì ắt có số tâm sở cùng đối tượng ấy.

- ***Đồng nơi phát sanh với tâm:*** Khi tâm nào phát sanh ở môn nào, thì ắt có số tâm sở cùng phát sanh ở môn ấy.

Đó là 4 trạng thái của tâm sở luôn luôn tùy thuộc với tâm, không bao giờ tách rời nhau được. Ví như bóng với hình, bóng không thể tách rời khỏi hình. Có hình, thì có bóng, hình nào, bóng ấy, bóng luôn luôn tùy thuộc vào hình. Cũng như tâm sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm để phát sanh.

***Tâm sở** (cetasika):* gồm có 52 tâm sở, mỗi tâm sở đều có mỗi trạng thái riêng, do đó, có 52 trạng thái riêng.

Phân loại các tâm sở như sau:

2.1- Toàn tâm chung tâm sở *(sabbacittasādharaṇacetasika):* tâm sở đồng sanh với tất cả các tâm, gồm có 7 tâm sở.

1- Phassa: Xúc tâm sở, có trạng thái tiếp xúc đối tượng.

2- Vedanā: Thọ tâm sở, có trạng thái cảm thọ nơi đối tượng.

3- Saññā: Tưởng tâm sở, có trạng thái tưởng nơi đối tượng.

4- Cetanā: Tác ý tâm sở, có trạng thái tạo tác theo đối tượng.

5- Ekaggatā: Nhất tâm tâm sở, có trạng thái chú tâm trong đối tượng.

6- Jīvitindriya: Danh mạng căn tâm sở, có trạng thái bảo hộ danh pháp.

7- Manasikāra: Ý hành tâm sở, có trạng thái hướng dẫn tâm đến đối tượng.

(7 tâm sở này, đồng sanh đầy đủ trong 89 hay 121 tâm).

2.2- Tùy sanh tâm sở *(pakiṇṇakacetasika):* tâm sở đồng sanh rải rác tuỳ theo tâm, gồm có 6 tâm sở.

1- Vitakka: Hướng tâm tâm sở, có trạng thái hướng tâm đến đối tượng.

2- Vicāra: Quan sát tâm sở, có trạng thái quan sát nơi đối tượng.

3- Adhimokkha: Quyết định tâm sở, có trạng thái quyết định đối tượng.

4- Vīriya: Tinh tấn tâm sở, có trạng thái tinh tấn.

5- Pīti: Hỷ tâm sở, có trạng thái hoan hỷ nơi đối tượng.

6- Chanda: Nguyện vọng tâm sở, có trạng thái muốn thành đạt.

(6 loại tâm sở này, đồng sanh tuỳ theo tâm, rải rác trong các loại tâm, trừ ra 10 loại thức tâm (2 nhãn thức tâm, 2 nhĩ thức tâm, 2 tỷ thức tâm, 2 thiệt thức tâm và 2 thân thức tâm).

2.3- Bất thiện tâm sở *(akusalacetasika):* tâm sở đồng sanh trong bất thiện tâm, gồm có 14 tâm sở.

1- Moha: Si tâm sở, có trạng thái không biết thực tánh của các pháp.

2- Ahirika: Không hổ thẹn tâm sở, có trạng thái tự mình không biết hổ thẹn tội lỗi, khi

ành ác.

3- Anottappa: Không ghê sợ tâm sở, có trạng thái không ghê sợ tội lỗi, khi hành ác.

4- Uddhacca: Phóng tâm tâm sở, có trạng thái không an trụ trong đối tượng.

(4 tâm sở này có ***si tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với 12 bất thiện tâm).*

5- Lobha: Tham tâm sở, có trạng thái tham lam trong đối tượng.

6- Diṭṭhi: Tà kiến tâm sở, có trạng thái thấy sai chấp lầm nơi đối tượng.

7- Māna: Ngã mạn tâm sở, có trạng thái so sánh ta với người khác *(ta hơn người, ta bằng người, ta kém hơn người).*

(3 tâm sở này, có ***tham tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với tham tâm).*

- Tham tâm sở đồng sanh với 8 tham tâm.

- Tà kiến tâm sở đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

- Ngã mạn tâm sở đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến (không chắc chắn).

8- Dosa: Sân tâm sở, có trạng thái hung dữ, tàn bạo, không hài lòng nơi đối tượng.

9- Issā: Ganh tị tâm sở, có trạng thái ganh tị của cải, sắc đẹp, địa vị... người khác.

10- Macchariya: Bỏn xẻn tâm sở, có trạng thái cất giấu tài sản của mình không

ho người khác.

11- Kukkucca: Hối hận tâm sở, có trạng thái nóng nảy hối hận việc ác đã làm, việc thiện không làm.

(4 tâm sở này, có ***sân tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với 2 sân tâm, riêng Issā, Macchariya, Kukkucca không chắc chắn, khi sanh, khi không sanh, tùy theo đối tượng).*

12- Thīna: Buồn chán tâm sở, có trạng thái không hăng hái trong đối tượng.

13- Middha: Buồn ngủ tâm sở, có trạng thái buồn ngủ buông bỏ đối tượng.

(2 tâm sở này đồng sanh trong 4 tham tâm và 1 sân tâm cần có sự động viên, không chắc chắn).

14- Vicikicchā: *Hoài nghi tâm sở,* có trạng thái hoài nghi nơi đối tượng.

(Hoài nghi tâm sở này đồng sanh với 1 si tâm hợp hoài nghi).

(14 bất thiện tâm sở này chỉ đồng sanh rải rác trong 12 bất thiện tâm).

2.4- Tịnh hảo chung tâm sở *(sobhanasādharaṇacetasika),* tâm sở đồng sanh tất cả mọi tịnh hảo tâm, gồm có 19 tâm sở.

1- Saddhā: Đức tin tâm sở, có trạng thái tin nơi Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

2- Sati: Niệm tâm sở, có trạng thái niệm trong đối tượng.

3- Hiri: *Hổ thẹn tâm sở,* có trạng thái tự mình hổ thẹn tội lỗi.

4- Ottappa: *Ghê sợ tâm sở,* có trạng thái ghê sợ tội lỗi.

5- Alobha: *Vô tham tâm sở,* có trạng thái không tham lam dính mắc trong đối tượng.

6- Adosa: *Vô sân tâm sở,* có trạng thái hiền hòa không hung dữ nơi đối tượng.

7- Tatramajjhattatā: *Trung dung tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm và tâm sở đồng đều nhau.

8- Kāyappassaddhi: *Tịnh toàn tâm sở* [16], có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở vắng lặng trong thiện pháp.

9- Cittappassaddhi: *Tịnh tâm tâm sở* [17], có trạng thái làm cho tâm vắng lặng trong thiện pháp.

10- Kāyalahutā: Nhẹ nhàng toàn tâm sở, có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở nhẹ nhàng trong thiện pháp.

11- Cittalahutā: *Nhẹ nhàng tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm nhẹ nhàng trong thiện pháp.

12- Kāyamudutā: *Nhu nhuyến toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở nhu nhuyến trong thiện pháp.

13- Cittamudutā: *Nhu nhuyến tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm nhu nhuyến trong thiện pháp.

14- Kāyakammaññatā: *Uyển chuyển toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở uyển chuyển trong thiện pháp.

15- Cittakammaññatā: *Uyển chuyển tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm uyển chuyển trong thiện pháp.

16- Kāyapāguññatā: *Thành thạo toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở thành thạo trong thiện pháp.

17- Cittapāguññatā: *Thành thạo tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm thành thạo trong thiện pháp.

18- Kāyujukatā: *Chánh trực toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở chánh trực trong thiện pháp.

19- Cittujukatā: *Chánh trực tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm chánh trực trong thiện pháp.

(19 Tịnh hảo đồng sanh tâm sở này, đồng sanh với 24 dục giới tịnh hảo tâm + 15 sắc giới tâm + 12 vô sắc giới tâm + 8 hay 40 Siêu thế giới tâm, trừ ra 12 bất thiện tâm và 18 vô nhân tâm. Như vậy, 19 tịnh hảo đồng sanh tâm sở này, đồng sanh với 59 hay 91 tâm).

2.5- Tiết chế tâm sở *(viraticetasika):* là tâm sở chế ngự được tâm không hành ác, gồm có 3 tâm sở.

1- Sammāvācā: Chánh ngữ tâm sở, có trạng thái tránh xa sự nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.

2- Sammākammanta: *Chánh nghiệp tâm sở,* có trạng thái tránh xa sự sát sanh, sự trộm cắp, sự tà dâm.

3- Sammā ājīva: *Chánh mạng tâm sở,* có trạng thái nuôi mạng chân chánh, tránh xa cách sống tà mạng do hành ác.

(3 tiết chế tâm sở này chỉ sanh riêng rẽ từng mỗi tâm sở với 8 dục giới đại thiện tâm. Nhưng chắc chắn đồng sanh cùng một lúc với 8 hay 40 siêu tam giới tâm. Như vậy tiết chế tâm sở đồng sanh với 16 hay 48 tâm).

2.6- Vô lượng tâm sở *(appamaññācetasika):* là tâm sở có đối tượng chúng sinh vô lượng, gồm có 2 tâm sở.

1- Karuṇā: Bi tâm sở, có trạng thái muốn cứu giúp chúng sinh đang trong cảnh khổ.

2- Muditā: Hỉ tâm sở, có trạng thái hoan hỷ với chúng sinh đang hưởng sự an lạc hạnh phúc.

(2 vô lượng tâm sở này chỉ sanh riêng rẽ từng mỗi tâm sở với 8 dục giới đại thiện tâm + 8 dục giới đại duy tác tâm + 12 sắc giới tâm, trừ 3

sắc giới đệ ngũ thiền tâm. Như vậy, vô lượng tâm sở đồng sanh với 28 tâm).

2.7- Tuệ chủ tâm sở *(paññindriyacetasika):* là trí tuệ tâm sở, có 1 tâm sở.

Trí tuệ tâm sở có trạng thái thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp.

(Trí tuệ tâm sở đồng sanh với 4 dục giới đại thiện tâm hợp với trí + 4 dục giới đại quả tâm hợp với trí + 4 dục giới duy tác tâm hợp với trí + 15 sắc giới tâm + 12 vô sắc giới tâm + 8 hay 40 siêu tam giới tâm. Như vậy, trí tuệ tâm sở đồng sanh với 47 hay 79 tâm).

Tâm sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm do bởi 4 trạng thái đồng sanh, đồng diệt, đồng đối tượng, đồng nơi phát sanh. Do đó, tâm sở và tâm không thể tách rời nhau.

Khi tâm nào sanh, ắt phải có số tâm sở thích hợp đồng sanh với tâm ấy, để làm phận sự.

Tâm thường ảnh hưởng do bởi ***tâm sở*** nào có năng lực, thì ***tâm*** được gọi tên do năng lực của ***tâm sở*** ấy.

Ví dụ:

- Gọi ***tham tâm***, vì có ***tham tâm sở*** trong 21 tâm sở đồng sanh với tham tâm. Cũng như vậy,

- Gọi là ***sân tâm***, vì có ***sân tâm sở*** trong 22 tâm sở đồng sanh với sân tâm.

- Gọi ***si tâm***, vì có ***si tâm sở*** trong 15 tâm sở đồng sanh với si tâm.

- Gọi ***đại thiện tâm*** hợp với trí, vì có ***trí tuệ tâm sở*** trong 38 tâm sở đồng sanh với đại thiện tâm ấy, v.v...

Cũng như màu hòa lẫn trong nước, hòa màu nào vào nước, thì nước trở thành màu ấy.

Tâm gồm có 89 hay 121 tâm, và tâm sở gồm có 52 tâm sở. Tâm và tâm sở luôn luôn sanh rồi diệt không ngừng, thay đổi tuỳ theo đối tượng và môn.

Trong mỗi chúng sinh có số lượng tâm và tâm sở nhiều hay ít không giống nhau, không chắc chắn. Bởi vì:

- Tùy thuộc vào mỗi hạng chúng sinh khác nhau, *(có 12 hạng chúng sinh).*

- Tùy theo đối tượng khác nhau, *(có 6 đối tượng, có 6 loại tâm).*

- Tùy thuộc vào cảnh giới tâm khác nhau, *(có 4 cảnh giới tâm: dục giới tâm, sắc giới tâm, vô sắc giới tâm và siêu tam giới tâm), v.v...*

Nếu chúng sinh nào mắt mù, tai điếc... thì chúng sinh ấy không có 2 nhãn thức tâm, 2 nhĩ thức tâm,... vì không phát sanh lên được.

3- SẮC PHÁP *(Rūpadhamma)*

Sắc pháp là pháp có trạng thái sanh - diệt, bị hủy hoại do nóng, lạnh, đói, khát,...

Sắc pháp gồm có 28 sắc pháp, phân làm 2 loại chính:

3.1- Sắc tứ đại *(mahābhūtarūpa),* có 4 sắc pháp:

1- Pathavīdhātu: Địa đại (đất), có trạng thái cứng hay mềm.

2- Āpodhātu: Thủy đại (nước), có trạng thái lỏng hay đông đặc.

3- Tejodhātu: Hỏa đại (lửa), có trạng thái nóng hay lạnh.

4- Vāyodhātu: Phong đại (gió), có trạng thái phồng, xẹp hay di chuyển.

3.2- Sắc phụ thuộc *(upādāyarūpa).*

Sắc phụ thuộc, là sắc nương nhờ ở sắc tứ đại mà phát sanh, có 24 sắc pháp. Chia làm 10 loại như sau:

1- Pasādarūpa: 5 tịnh sắc: nhãn tịnh sắc, nhĩ tịnh sắc, tỷ tịnh sắc, thiệt tịnh sắc, thân tịnh sắc.

2- Visayarūpa: *7 sắc đối tượng:* sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, 3 sắc xúc trần [18] (đất, lửa, gió).

3- Bhavarūpa: 2 sắc tính: sắc nam tính, sắc nữ tính.

4- Hadayavatthurūpa: 1 sắc ý căn.

5- Jīvitindriyarūpa: 1 sắc mạng chủ, gìn giữ hộ trì sắc pháp.

6- Āhārarūpa: 1 sắc vật thực.

7- Paricchedarūpa: 1 sắc chân không.

8- Viññattirūpa: 2 sắc cử động: sắc thân cử động, sắc khẩu cử động.

9- Vikārarūpa: 3 sắc biến chuyển: sắc nhẹ nhàng, sắc mềm mại, sắc uyển chuyển.

10- Lakkhaṇarūpa: 4 sắc trạng thái: sắc sanh, sắc liên tục, sắc già dặn, sắc vô thường.

Sắc pháp gồm có 28 sắc pháp. Mỗi người bình thường không bị bịnh tật, không bị khiếm khuyết trong thân thể, người ấy có đủ 27 sắc pháp.

- Nếu là người đàn ông, thì trừ sắc nữ tính.
- Nếu là người đàn bà, thì trừ sắc nam tính.
- Nếu trường hợp người nào bị mắt mù, tai điếc,... thì người ấy có số sắc pháp trong thân thể bị giảm đi theo bịnh tật khiếm khuyết ấy.

Trong 4 Chân nghĩa pháp: tâm, tâm sở, sắc pháp thuộc về *Pháp hữu vi (saṅkhatadhamma),* vì bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: nghiệp *(kamma),* tâm *(citta),* thời tiết*(utu),* vật thực *(āhāra).*

4- NIẾT BÀN *(Nibbāna)*

Niết Bàn là pháp có trạng thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền não, ngũ uẩn, là pháp diệt mọi sự khổ, pháp an lạc tuyệt đối *(santisukha).* ***Niết Bàn*** thuộc về Diệt thánh đế.

Tính chất của Niết Bàn được phân ra nhiều loại, mỗi loại có ý nghĩa như sau:

4.1- Niết Bàn có 2 loại.

1- *Sa upādisesanibbāna - Hữu Dư Niết Bàn:* Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái, mọi phiền não, mọi ác pháp không còn dư sót. Nhưng ngũ uẩn vẫn còn tồn tại, cho đến hết tuổi thọ.

2- *Anupādisesanibbāna - Vô Dư Niết Bàn:* Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái, mọi phiền não, mọi ác pháp không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn, không còn tái sanh kiếp nào nữa, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

4.2- Niết Bàn có 3 loại.

1- *Animittanibbāna - Vô Hiện Tượng Niết Bàn:* Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh diệt, thấy rõ biết rõ ***trạng thái vô thường*** *(aniccalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng thái khổ* và *trạng thái vô ngã,* vì ***tín pháp chủ*** [19] có năng lực nhiều hơn 4 pháp chủ khác *(tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ),* hay do năng lực của ***giới,*** dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn. Niết Bàn này gọi là***: "Vô Hiện Tượng Niết Bàn",*** *Niết Bàn không có hiện tượng pháp hành hữu vi.*

2- *Appaṇihitanibbāna - Vô Ái Niết Bàn:* Niết Bàn đối với hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh diệt, thấy rõ biết rõ ***trạng thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa)* hiện rõ hơn 2 *trạng thái vô thường* và *trạng thái vô ngã,* vì ***định pháp chủ*** [20] có năng lực nhiều hơn 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, tuệ pháp chủ),* hay do năng lực của ***định,*** dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn. Niết Bàn này gọi là: ***"Vô Ái Niết Bàn",*** *Niết Bàn không có tham ái nương nhờ.*

3- *Suññatanibbāna - Chơn không Niết Bàn:* Niết Bàn đối với hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** trí tuệ thiện tuệ thấy rõ biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh diệt, thấy rõ biết rõ ***trạng thái vô ngã*** *(anattalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng thái vô thường* và *trạng thái khổ,* vì ***tuệ pháp chủ*** [21] có năng lực nhiều hơn 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ),* hay do năng lực của ***tuệ,*** dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn. Niết Bàn này gọi là: ***"Chơn Không Niết Bàn",*** *Niết Bàn hoàn toàn vô ngã, không phải ta, không phải của ta.*

4.3- Niết Bàn có 3 loại theo phiền não, ngũ uẩn, Xá Lợi.

1- *Kilesaparinibbān - Phiền Não Niết Bàn:* Loại phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt do bởi Thánh Đạo Tuệ nào rồi, loại phiền não ấy vĩnh viễn không bao giờ phát sanh trở lại được nữa, bất cứ lúc nào, bất cứ kiếp nào, nên gọi là ***Phiền Não Niết Bàn*** [22] **.**

Như trường hợp Đức Phật Gotama, ***Phiền Não Niết Bàn*** tại bồ đoàn quý báu dưới cội Bồ Đề tại khu rừng Uruvela (nay gọi Buddhagayā).

2- *Khandhaparinibbāna- Ngũ Uẩn Niết Bàn:* bậc Thánh Arahán đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn, ngũ uẩn bị tan rã, phần ***sắc uẩn*** được hỏa thiêu, kết tinh còn lại gọi là Xá Lợi; còn phần 4 ***danh uẩn:*** *thọ uẩn, tưởngï uẩn, hành uẩn, thức uẩn* kia bị diệt. Sau khi diệt ngũ uẩn rồi, do không còn tham ái nên không phải tái sanh kiếp sau nữa, như ngọn đèn đã bị tắt hẳn, gọi là tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Như trường hợp Đức Phật Gotama, Ngũ Uẩn Niết Bàn tại khu rừng Kusināra thuộc xứ Malla.

Hai loại Niết Bàn: ***Phiền Não Niết Bàn*** và ***Ngũ Uẩn Niết Bàn*** này chung cho Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác và Chư Thánh Arahán Thanh Văn đệ tử của Đức Phật.

3- *Dhātuparinibhāna: Xá Lợi Niết Bàn,* Xá Lợi của Đức Phật tịch diệt Niết Bàn. Niết Bàn này chỉ dành riêng cho chư Phật Toàn Giác mà thôi.

Trường hợp Đức Phật Gotama, vào thời giáo pháp của Ngài đến 5.000 năm, hoàn toàn bị tiêu hoại không còn trên thế gian, khi ấy Xá Lợi của Ngài ở cõi người, cõi Long Vương, cõi chư thiên, cõi Phạm thiên đều gom lại trở thành một pho tượng Đức Phật ngồi ngự tại cội Đại Bồ Đề quý báu. Tượng Đức Phật có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, phát ra hào quang 6 màu tỏa lên đến cõi trời sắc giới Phạm thiên, do năng lực phát nguyện của Đức Phật trước khi tịch diệt Niết Bàn.

Trong lúc ấy, chư thiên, Phạm thiên cả 10 ngàn thế giới cùng nhau đến tụ họp tại cội Đại Bồ Đề, để lễ bái cúng dường Đức Phật lần cuối cùng. Nhưng nhân loại không có người nào đến lễ bái cúng dường Đức Phật cả, vì ở thời kỳ ấy Phật giáo hoàn toàn bị tiêu hoại, cho nên, nhân loại không còn người nào biết đến Đức Phật nữa.

Bấy giờ, pho tượng Xá Lợi của Đức Phật tự phát hỏa thiêu, Xá Lợi của Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, không còn dư sót trên thế gian này chút nào nữa, gọi là Xá Lợi Niết Bàn.

Trong 4 Chân nghĩa pháp, ***Niết Bàn*** thuộc về ***Pháp vô vi*** *(asaṅkhatadhamma)* hoàn toàn không bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: nghiệp *(kamma),* tâm *(citta),* thời tiết *(utu),* vật thực *(āhāra),* nên không có sự sanh, sự diệt, nên gọi Niết Bàn là pháp bất sanh, bất diệt.

Đó là 4 ***Chân nghĩa pháp: tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn.***

Thật ra, ***Chân nghĩa pháp*** là pháp có những tính chất đặc biệt như sau:

- Hoàn toàn không tuỳ thuộc vào khái niệm và danh từ ngôn ngữ chế định.
- Không bị hạn chế bởi không gian nơi này, nước kia.
- Có thực tánh pháp không bị biến thể theo thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai.
- Không bị ảnh hưởng vào các hạng chúng sinh.
- Có Thực tánh pháp, có chi pháp ở trong Chân nghĩa pháp.
- Có trạng thái riêng của mỗi pháp.
- Pháp hữu vi, đó là: tâm, tâm sở, sắc pháp, có sự sanh, sự diệt, có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.
- Pháp vô vi, đó là: Niết Bàn, không có sự sanh, sự diệt, nên không có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

Niết Bàn chỉ là đối tượng riêng của siêu tam giới tâm, đólà 4 Thánh Đạo tâm, 4 Thánh Quả tâm mà thôi.

Niết Bàn thuộc pháp vô vi, nên là ***pháp vô ngã.***

Như Đức Phật dạy:

"Aniccā sabbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhatā.
Nibbānañca paññatti, anattā iti nicchayā".[23]

"Tất cả pháp hữu vi,danh pháp và sắc pháp.
Đều có 3 trạng thái: vô thường, khổ, vô ngã.

Niết Bàn và chế định thuộc về vô ngã pháp".

Chú thích:

[15] Siêu tam giới tâm có 8 tâm, nghĩa là 4 Thánh Đạo tâm và 4 Thánh Quả tâm không hợp với 5 bậc thiền. Và siêu tam giới có 40 tâm, nghĩa là 4 Thánh Đạo tâm và 4 Thánh Quả tâm nhân với 5 bậc thiền (8x5=40).

[16] Kāya: nghĩa là tổng hợp toàn tâm sở, gồm có 3 uẩn: thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn.

[17] Citta: nghĩa là tâm thuộc về thức uẩn.

[18] ***Sắc xúc trần*** có 3 sắc pháp: đất, lửa, gió đã tính trong sắc tứ đại, không tính lại trong phần 24 sắc phụ thuộc.

[19] Tín pháp chủ: đức tin làm chủ có năng lực hơn 4 pháp chủ còn lại.

[20] Định pháp chủ: định làm chủ có năng lực hơn 4 pháp chủ còn lại.

[21] Tuệ pháp chủ: tuệ làm chủ có năng lực hơn 4 pháp chủ còn lại.

[22] Phiền Não Niết Bàn là diệt đoạn tuyệt phiền não bằng 4 Thánh Đạo Tuệ, chứ không phải phiền não diệt, vì phiền não sanh rồi phiền não diệt là việc thường của các danh pháp.

[23] Vinayapiṭaka, bộ Parivāra.

-ooOoo-

I. 4 ĐỐI TƯỢNG PARAMATTHA VỚI PAÑÑATTI

Đối tượng paramattha liên quan với đối tượng paññatti diễn tiến theo một chiều, nghĩa là từ đối tượng paramattha chuyển sang đối tượng paññatti, chứ không có trường hợp ngược lại. Vì vậy, đối tượng paññatti hoàn toàn tùy thuộc vào đối tượng paramattha, còn đối tượng paramattha có khi liên quan đến đối tượng paññatti, có khi không liên quan đến đối tượng paññatti, nó chỉ hiện hữu một cách đơn thuần mà thôi.

- ***Đối tượng paramattha:*** là đối tượng chỉ trực tiếp Thực tánh pháp *(sabhāva),* không qua khái niệm hoặc danh từ ngôn ngữ nào. Thật ra, những khái niệm, ngôn ngữ hoàn toàn không nói lên được Thực tánh pháp.

- ***Đối tượng paññatti:*** là đối tượng đã qua khái niệm về ý nghĩa, hình dạng *(attha),*liên quan đến một đối tượng khác; và cũng đã qua danh từ ngôn ngữ chế định *(nāma)* gọi tên đối tượng ấy.

Đối tượng paññatti không chỉ trực tiếp Thực tánh pháp, song nhờ nó để hiểu biết phương pháp đạt đến Thực tánh pháp.

Đối tượng có 6 loại.

1- Rūpārammaṇa - Sắc đối tượng, sắc trần có 1 sắc pháp.

2- Saddārammaṇa - Thanh đối tượng, thanh trần có 1 sắc pháp.

3- Gandhārammaṇa - Hương đối tượng, hương trần có 1 sắc pháp.

4- Rasārammaṇa - Vị đối tượng, vị trần có 1 sắc pháp.

5- Phoṭṭhabbārammaṇa - Xúc đối tượng, xúc trần có 3 sắc pháp (đất, lửa, gió).

6- Dhammārammaṇa - Pháp đối tượng, pháp trần[24] có nhiều loại.

Chủ thể: tâm biết 6 đối tượng có 6 loại:

1- Nhãn thức tâm có 2 tâm, chỉ biết sắc trần ở hiện tại, đối tượng thuộc về paramattha.

2- Nhĩ thức tâm có 2 tâm, chỉ biết thanh trần ở hiện tại, đối tượng thuộc về paramattha.

3- Tỷ thức tâm có 2 tâm, chỉ biết hương trần ở hiện tại, đối tượng thuộc về paramattha.

4- Thiệt thức tâm có 2 tâm, chỉ biết vị trần ở hiện tại, đối tượng thuộc về paramattha.

5- Thân thức tâm có 2 tâm, chỉ biết xúc trần ở hiện tại, đối tượng thuộc về paramattha.

6- Ý thức tâm có 79 hay 111 tâm, biết pháp trần ở 3 thời: quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại 3 thời [25] *(kālavimutti),* đối tượng thuộc về paramattha, đối tượng thuộc về paññatti.

6 thức tâm biết 6 đối tượng qua 6 môn diễn tiến qua 6 lộ trình tâm *(vīthicitta)*

1- Nhãn môn lộ trình tâm tiếp nhận sắc trần.

2- Nhĩ môn lộ trình tâm tiếp nhận thanh trần.

3- Tỷ môn lộ trình tâm tiếp nhận hương trần.

4- Thiệt môn lộ trình tâm tiếp nhận vị trần.

5- Thân môn lộ trình tâm tiếp nhận xúc trần.

6- Ý môn lộ trình tâm tiếp nhận pháp trần.

* *Vīthicitta - Lộ trình tâm,* là những tâm phát sanh theo tuần tự, liên tục trong một lộ trình, cùng tiếp nhận một đối tượng, qua một môn tương ứng. Vì có 6 đối tượng tương quan với 6 môn, nên tâm cũng diễn tiến qua 6 lộ trình, gọi là ***lộ trình tâm.***

Trong lộ trình tâm, mỗi tâm phát sanh làm phận sự của mình xong rồi diệt, làm duyên cho tâm sau phát sanh làm phận sự của mình... Và cứ như vậy một cách tuần tự, liên tục không ngừng suốt từ lộ trình tâm này vừa chấm dứt, tiếp theo có một số hộ kiếp tâm*(bhavaṅgacitta)* sanh - diệt rồi chuyển

sang lộ trình tâm khác, từ ngày... tháng... năm... đời này sang đời khác, kể từ vô thủy đến vô chung, đối với chúng sinh còn bị ***vô minh*** che án Thực tánh pháp, chưa chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chưa chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, vẫn còn tử sanh luân hồi, bởi do ***tham ái*** dắt dẫn tái sanh trong ba giới bốn loài.

Đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt ***vô minh*** và ***tham ái,*** cho nên những lộ trình tâm chỉ có thể phát sanh đến lộ trình tâm cuối cùng gọi là "m*araṇāsannavīthicitta": lộ trình cận tử tâm* cuối cùng, không có đối tượng *kamma: thiện nghiệp, ác nghiệp để cho quả tái sanh;* hoặc không có *kammanimitta: hình ảnh tạo nghiệp để cho quả tái sanh;* hoặc không có *gatinimitta: cảnh giới tái sanh kiếp sau.* Vì vậy, bậc Thánh Arahán không còn tái sanh kiếp nào nữa.

Bậc Thánh Arahán, khi những lộ trình cận tử tâm sanh rồi diệt tuần tự đến ***tử tâm****(cuticitta)* diệt (chết) cuối cùng của kiếp sống hiện tại, không có ***tái sanh tâm****(paṭisandhicitta)* phát sanh tiếp theo ***"tái sanh kiếp sau"*** như những chúng sinh khác, nên gọi là: ***Ngũ Uẩn Niết Bàn*** *(khandhaparinibbāna),* nghĩa là ngũ uẩn ấy tịch diệt, không còn ngũ uẩn nào khác tái sanh nữa; hay, Vô Dư Niết Bàn *(anupādisesanibbāna),* nghĩa là ngũ uẩn tịch diệt không còn dư sót.

Ngoài bậc Thánh Arahán ra, còn lại tất cả chúng sinh: nhân loại, chư thiên, Phạm thiên... cho đến bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, vì chưa diệt đoạn tuyệt ***vô minh, tham ái,*** cho nên vẫn còn tái sanh tùy theo ***nghiệp cho quả tái sanh*** kiếp sau nữa**.**

Đối với tất cả chúng sinh còn vô minh và tham ái, sự chết chỉ là ***sự thay đổi sắc thân***(sắc uẩn) gián đoạn trong mỗi kiếp; riêng ***tâm thức*** (4 danh uẩn: thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn) vẫn cứ sanh rồi diệt liên tục không ngừng tùy theo tâm và đối tượng, từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thủy đến vô chung trong vòng tử sanh luân hồi, đồng thời tích lũy tất cả mọi *thiện nghiệp, bất thiện nghiệp,* kể cả tình thương yêu, sự oan trái, sự hiểu biết chuyên môn, môn sở trường, sở đoản của mình, v.v... đầy đủ không thiếu sót một điều nào.

Tâm sanh rồi diệt vô cùng mau lẹ, không gì có thể so sánh được. Theo Chú giải giải thích:

"Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm sanh diệt liên tục một ngàn tỷ lần (10^{12}). [26]

-ooOoo-

Phân Biệt Đối Tượng Paramattha Với Đối Tượng Paññatti Theo các Lộ Trình Tâm

Lộ trình tâm có 2 loại chính:

1- Ngũ môn lộ trình tâm.

2- Ý môn lộ trình tâm.

1- Ngũ Môn Lộ Trình Tâm

Ngũ môn lộ trình tâm là lộ trình tâm phát sanh liên tục ở ngũ môn, có 5 loại:

- *Nhãn môn lộ trình tâm* tiếp nhận *sắc trần* ở nhãn môn.
- *Nhĩ môn lộ trình tâm* tiếp nhận *thanh trần* ở nhĩ môn.
- *Tỷ môn lộ trình tâm* tiếp nhận *hương trần* ở tỷ môn.
- *Thiệt môn lộ trình tâm* tiếp nhận *vị trần* ở thiệt môn.
- *Thân môn lộ trình tâm* tiếp nhận *xúc trần* ở thân môn.

Ngũ môn lộ trình tâm chỉ tiếp nhận 5 đối tượng sắc pháp đơn thuần thuộc paramattha ở hiện tại.

Ví dụ:

Nhãn môn lộ trình tâm *(cakkhudvāravīthicitta)*

Trường hợp đối tượng ***sắc trần*** thật mạnh tiếp xúc với nhãn môn, thì nhãn môn lộ trình tâm tuần tự sanh diệt liên tục qua 17 sát na tâm, thời gian tuổi thọ của sắc trần như sau:



Giải Thích:

* *Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm.* (Viết tắt: bha).

Hộ kiếp tâm là tâm có phận sự gìn giữ kiếp của mỗi chúng sinh. Chúng sinh dầu lớn hoặc nhỏ, dầu trường thọ hoặc đoản thọ đều bắt đầu ***kiếp hiện tại*** bằng ***tái sanh tâm****(paṭisandhicitta),* có 1 trong 3 đối tượng: nghiệp *(kamma),* hoặc hình ảnh tạo nghiệp*(kammanimitta),* hoặc cảnh tái sanh *(gatinimitta)* là những đối tượng cũ từ cận tử lộ trình tâm kiếp trước.

- ***Tái sanh tâm*** phát sanh chỉ 1 sát na tâm ở kiếp hiện tại rồi diệt, liền tiếp theo ***hộ kiếp tâm*** *(bhavaṅgacitta)* phát sanh.

- ***Tái sanh tâm*** thuộc loại quả tâm nào, có đối tượng cũ kiếp trước loại nào; thì ***hộ kiếp tâm*** cùng thuộc loại quả tâm ấy, cùng có đối tượng cũ kiếp trước loại ấy.

- ***Tái sanh tâm*** chỉ phát sanh 1 lần duy nhất đầu tiên của mỗi kiếp.

- ***Hộ kiếp tâm*** có thể phát sanh liên tục nhiều lần trong giai đoạn giữa mỗi kiếp, sau mỗi lộ trình tâm chấm dứt và trường hợp khi ngủ mê không mộng mị. Hộ kiếp tâm có nhiều cơ hội phát sanh cho đến khi mãn kiếp, chấm dứt bằng ***tử tâm*** *(cuticitta).*

- ***Tử tâm*** là tâm chỉ phát sanh 1 lần ở giai đoạn cuối cùng của mỗi kiếp. ***Tái sanh tâm***và ***hộ kiếp tâm*** thuộc loại quả tâm nào, có đối tượng cũ kiếp trước loại nào, thì ***tử tâm*** cùng thuộc loại quả tâm ấy, cùng có đối tượng cũ kiếp trước ấy.

Như vậy, trong mỗi kiếp hiện tại của mỗi chúng sinh, có 3 loại tâm: ***tái sanh tâm, hộ kiếp tâm*** và ***tử tâm*** cùng một loại quả tâm, cùng một đối tượng cũ từ kiếp trước, không phải đối tượng ở kiếp hiện tại.

Khi chuyển đổi kiếp (chết), từ kiếp hiện tại sang kiếp vị lai, ***tử tâm*** ở kiếp hiện tại chắc chắn khác biệt với ***tái sanh tâm*** ở kiếp vị lai và dĩ nhiên đối tượng cũ quá khứ cũng khác biệt nhau.

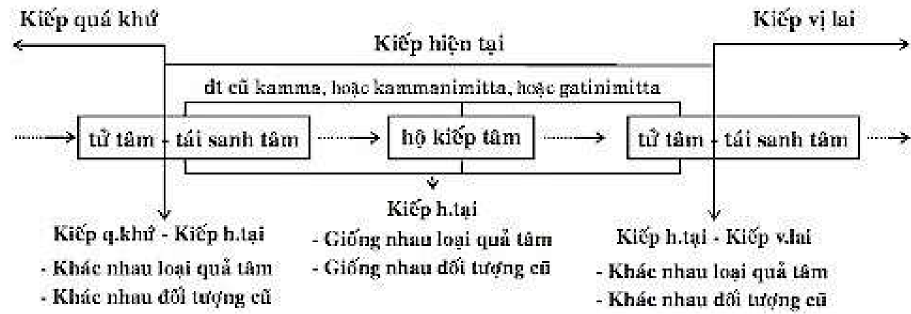
* **Kiếp quá khứ:** ***Tử tâm*** của kiếp quá khứ có đối tượng cũ *(kamma, hoặc kammanimitta, hoặc gatinimitta),* và loại quả tâm *(kiếp quá khứ)* hoàn toàn khác với ***tái sanh tâm*** của kiếp hiện tại.

* **Kiếp hiện tại:** - ***Tái sanh tâm*** của kiếp hiện tại có đối tượng cũ *(kamma, hoặc kammanimitta, hoặc gatinimitta),* từ cận tử lộ trình tâm kiếp quá khứ.

- *Tái sanh tâm, hộ kiếp tâm, tử tâm* cả 3 loại tâm này trong một kiếp hiện tại có cùng loại quả tâm và cùng đối tượng cũ *(kamma, hoặc kammanimitta, hoặc gatinimitta),* hoàn toàn giống nhau.

* **Kiếp vị lai:** ***Tái sanh tâm*** của kiếp vị lai có ***đối tượng cũ*** *(kamma, hoặc kammanimitta, hoặc gatinimitta),* từ cận tử lộ trình tâm kiếp hiện tại, và có ***quả tâm*** *(kiếp vị lai)* hoàn toàn khác với tử tâm, hộ kiếp tâm, tái sanh tâm kiếp hiện tại.

Đồ biểu kiếp quá khứ - kiếp hiện tại - kiếp vị lai



Ba loại tâm: tái sanh tâm, hộ kiếp tâm, tử tâm, này ở ngoài 6 lộ trình tâm*(vīthimuttacitta)* đồng thời cũng ở ngoài 6 môn *(dvāravimutta).*

Mỗi khi có đối tượng ***sắc trần*** mới nào ở hiện tại quá mạnh tiếp xúc với nhãn môn, thì***nhãn môn lộ trình tâm*** có đầy đủ 17 sát na tâm phát sanh làm phận sự của mình, theo sự diễn tiến tuần tự, liên tục tự nhiên như sau:

1- Atītabhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm quá khứ. (Viết tắt: atī).

Đối tượng mới sắc trần ở hiện tại đã xuất hiện, bhavaṅgacitta thứ nhất trải qua 1 sát na tâm sanh diệt, song vẫn còn giữ đối tượng cũ kiếp trước.

2- Bhavaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động. (Viết tắt: na).

Đối tượng mới sắc trần ở hiện tại làm cho bhavaṅgacitta thứ nhì rung động, song vẫn còn giữ đối tượng cũ quá khứ.

3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt đứt. (Viết tắt: da).

Đối tượng mới sắc trần kiếp hiện tại làm cho bhavaṅgacitta thứ ba bị cắt đứt dòng liên tục, đồng thời cắt đứt đối tượng cũ kiếp trước, làm duyên cho ngũ môn hướng tâm phát sanh.

Cả 3 loại Bhavaṅgacitta này còn ở ngoài nhãn môn lộ trình tâm và ngoài 6 môn.

4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ môn hướng tâm. (Viết tắt: pañ).

Ngũ môn hướng tâm có khả năng làm phận sự tiếp nhận 5 đối tượng mới kiếp hiện tại: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần.

Trong nhãn môn lộ trình tâm này, ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ***sắc trần*** đầu tiên của lộ trình tâm rồi diệt, làm duyên cho ***nhãn thức tâm*** phát sanh.

5- Cakkhuviññāṇacitta: nhãn thức tâm (Viết tắt: cak).

Nhãn thức tâm làm phận sự nhìn thấy sắc trần, thuộc sắc pháp paramattha rồi diệt, làm duyên cho ***tiếp nhận tâm*** phát sanh.

6- Sampaṭicchanacitta: tiếp nhận tâm (Viết tắt: sam).

Tiếp nhận tâm làm phận sự tiếp nhận đối tượng sắc trần từ nhãn thức tâm rồi diệt, làm duyên cho ***suy xét tâm*** phát sanh.

7- Santīraṇacitta: suy xét tâm (Viết tắt: san).

Suy sét tâm làm phận sự suy xét đối tượng tốt hoặc xấu rồi diệt, làm duyên cho ***xác định tâm*** phát sanh.

8- Voṭṭhabbana: xác định tâm (Viết tắt: vot).

Xác định tâm đó là ý môn hướng tâm *(manodvāravajjanacitta)* làm phận sự xác định đối tượng của thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tâm tùy theo căn duyên rồi diệt, làm duyên cho ***tác hành tâm*** phát sanh.

9- 15 - Javanacitta: tác hành tâm (Viết tắt: ja).

Tác hành tâm đó là thiện tâm, hoặc bất thiện, hoặc duy tác tâm phát sanh liên tục 7 sát na tâm cùng loại làm phận sự tạo nên ***thiện nghiệp,*** hoặc ***bất thiện nghiệp*** hoặc ***duy tác,*** tùy theo trình độ hiểu biết của chúng sinh. Riêng đối với bậc Thánh Arahán có duy tác tâm phát sanh chỉ tạo tác mà thôi, không thành thiện nghiệp, bất thiện nghiệp nào cả.

16- 17- Tadālambana: tiếp đối tượng tâm (Viết tắt: ta).

Tiếp đối tượng tâm là quả tâm phát sanh liên tục 2 lần làm phận sự tiếp nhận đối tượng từ tác hành tâm, còn dư lại 2 sát na tâm, mãn tuổi thọ của đối tượng mới sắc trần hiện tại, chấm dứt nhãn môn lộ trình tâm bằng ***hộ kiếp tâm*** phát sanh có đối tượng cũ kiếp trước và những ***ý môn lộ trình tâm*** phát sanh tiếp theo.

Nhĩ môn lộ trình tâm, tỷ môn lộ trình tâm, thiệt môn lộ trình tâm và ***thân môn lộ trình tâm,*** sự diễn tiến lộ trình tâm hầu hết giống ***nhãn môn lộ trình tâm,*** song chỉ có ***thức tâm*** và ***đối tượng*** khác nhau như sau:

- Nếu ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ***thanh trần*** hiện tại, tiếp tục chuyển sang ***nhĩ thức tâm*** làm phận sự nghe thanh trần, trong ***nhĩ môn lộ trình tâm.***

- Nếu ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ***hương trần*** hiện tại, tiếp tục chuyển sang ***tỷ thức tâm*** làm phận sự ngửi hương trần, trong ***tỷ môn lộ trình tâm.***

- Nếu ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ***vị trần*** hiện tại, tiếp tục chuyển sang ***thiệt thức tâm*** làm phận sự nếm vị trần, trong ***thiệt môn lộ trình tâm.***

- Nếu ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ***xúc trần*** hiện tại, tiếp tục chuyển sang ***thân thức tâm*** làm phận sự tiếp xúc trần, trong ***thân môn lộ trình tâm.***

Ngũ môn lộ trình tâm chỉ có thể biết 5 đối tượng mới hiện tại ***sắc, thanh, hương, vị, xúc trần*** thuộc về ***sắc pháp*** *paramattha* mà thôi, hoàn toàn không biết đối tượng thuộc về paññatti nào.

Cho nên:

- Phận sự của ***nhãn thức tâm*** chỉ nhìn thấy hình dạng, màu sắc... thuộc sắc trần ấy mà thôi, không phân biệt, không có một khái niệm về ý nghĩa, danh từ ngôn ngữ của sắc trần ấy có ý nghĩa thế nào, danh từ gọi là gì.

- Phận sự của ***nhĩ thức tâm*** chỉ nghe mọi âm thanh thuộc thanh trần ấy mà thôi; hoàn toàn không biết, không phân biệt, không có một khái niệm về ý nghĩa của âm thanh ấy thế nào.

- Phận sự của ***tỷ thức tâm*** chỉ ngửi các thứ mùi thuộc hương trần ấy mà thôi; hoàn toàn không biết, không phân biệt, không có khái niệm về ý nghĩa, danh từ ngôn ngữ của hương trần ấy loại gì, danh từ gọi là gì.

- Phận sự của ***thiệt thức tâm*** chỉ nếm các thứ vị thuộc vị trần ấy mà thôi; hoàn toàn không biết, không phân biệt, không có khái niệm về ý nghĩa, danh từ ngôn ngữ của vị trần ấy có ý nghĩa thế nào, danh từ gọi là gì.

- Phận sự của ***thân thức tâm*** chỉ tiếp xúc cứng mềm, nóng lạnh, phồng - xẹp... thuộc xúc trần ấy mà thôi; hoàn toàn không biết, không phân biệt, không có khái niệm về ý nghĩa, danh từ ngôn ngữ của xúc trần ấy có ý nghĩa thế nào, danh từ gọi là gì.

Bởi vì, nhãn thức tâm, nhĩ thức tâm, tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm chỉ biết đối tượng sắc pháp thuộc paramattha. Còn sự hiểu biết người này, người kia, vật này, vật kia v.v...; biết mùi này, mùi kia v.v...; biết vị này, vị kia v.v...; biết chất cứng của vật này, chất mềm của vật kia, sự phồng của vật này, sự xẹp của vật kia v.v... Đó là sự biết của ***ý môn lộ trình tâm,*** hoàn toàn không phải của ***ngũ môn lộ trình tâm.***

2- Ý Môn Lộ Trình Tâm *(Manodvāravīthicitta)*

Ý môn lộ trình tâm là lộ trình tâm phát sanh liên tục ở ý môn. Có khả năng biết đối tượng paramattha và đối tượng paññatti.

- Khi biết đối tượng thuộc paññatti, thì không biết đối tượng paramattha.

- Khi có trí tuệ thiền tuệ, biết đối tượng paramattha, thì không biết đối tượng thuộc paññatti.

Ý môn lộ trình tâm có 2 loại:

1- Kāmajavanamanodvāravīthicitta: Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm.

2- Appanājavanamanodvāravīthicitta: Ý môn lộ trình tâm có sắc giới, vô sắc giới, siêu tam giới tác hành tâm.

Ở đây, chỉ nêu ra ***ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm*** để phân biệt ***đối tượng*** *paramattha* và ***đối tượng*** *paññatti* mà thôi.

Ý Môn Lộ Trình Tâm Có Dục Giới Tác Hành Tâm

Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm có 2 loại:

1- Tadanuvattikamanodvāravīthicitta hay *Anubandhaka-manodvāravīthicitta:* Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm luôn luôn phát sanh theo sau ngũ môn lộ trình tâm, không thể đơn phương một mình phát sanh được.

2- Suddhamanodvāravīthicitta: Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm đơn thuần, không phát sanh theo sau ngũ môn lộ trình tâm.

Giải thích:

A- ***Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm theo sau ngũ môn lộ trình tâm như thế nào?***

Theo định luật tự nhiên, sau khi ngũ môn lộ trình tâm chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm tiếp tục phát sanh theo tuần tự 4 lộ trình tâm, làm phận sự biết đối tượng paramattha quá khứ từ ngũ môn lộ trình tâm; và biết đối tượng paññatti chế định từ đối tượng paramattha quá khứ ấy.

4 ý môn lộ trình tâm theo sau ngũ môn lộ trình tâm là:

1- Atītaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm làm phận sự biết đối tượng quá khứ từ ngũ môn lộ trình tâm. Ý môn lộ trình tâm này phát sanh liền sau ngũ môn lộ trình tâm.

2- Samūhaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm tổng kết tất cả các phần của đối tượng quá khứ, phát sanh liền sau ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta.

Hai ý môn lộ trình tâm trên có ***đối tượng*** *paramattha* quá khứ.

3- Atthaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm làm phận sự biết *attthapaññatti:* khái niệm về ý nghĩa, hình dạng v.v... chế định từ đối tượng của ý môn lộ trình tâm tổng kết.

4- Nāmaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm làm phận sự biết *Nāmapaññatti:* danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên khái niệm về ý nghĩa, hình dạng v.v... chế định từ đối tượng của*Atthapaññatti:* khái niệm về ý nghĩa, hình dạng.

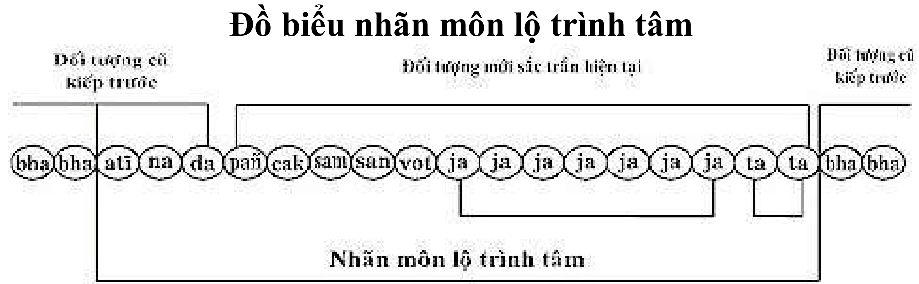
Hai ý môn lộ trình tâm này có ***đối tượng*** *paññatti.*

Phân Biệt Đối Tượng Paramattha Và Đối Tượng Paññatti

1- Nhãn môn lộ trình tâm và ý môn lộ trình tâm

Khi có đối tượng mới ***sắc trần*** rõ ràng tiếp xúc với nhãn môn, thì ***nhãn môn lộ trình tâm*** phát sanh theo tuần tự như sau:

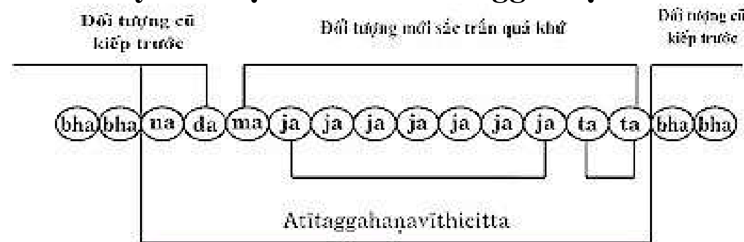
Đồ biểu nhãn môn lộ trình tâm



Sau khi nhãn môn lộ trình tâm chấm dứt, theo định luật tự nhiên, liền theo sau có 4 ý môn lộ trình tâm tiếp tục phát sanh theo tuần tự nhất định như sau:

1- Atītaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng mới sắc trần quá khứ từ nhãn môn lộ trình tâm, như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Atītaggahaṇavīthicitta*



(Những ký âm viết tắt giống nhãn môn lộ trình tâm, chỉ còn Manodvāvajjanacitta: Ý môn hướng tâm viết tắt "ma").

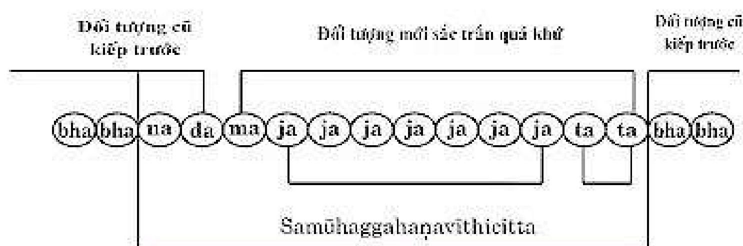
Mỗi nhãn môn lộ trình tâm biết đối tượng mới sắc trần hiện tại, hình dạng, màu sắc... một điểm nào vừa chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta tuần tự phát sanh biết đối tượng mới ***sắc trần quá khứ*** một điểm ấy.

Như vậy, có bao nhiêu nhãn môn lộ trình tâm biết đối tượng mới sắc trần hiện tại; thì có bấy nhiêu ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇa- vīthicitta biết đối tượng mới ***sắc trần quá khứ.***

Sau khi ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta *chấm dứt,* liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta.

2- Samūhaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm tổng kết biết đối tượng mới sắc trần quá khứ của ý môn lộ trình tâm *Atītaggahaṇa-vīthicitta* như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Samūhaggahaṇavīthicitta*



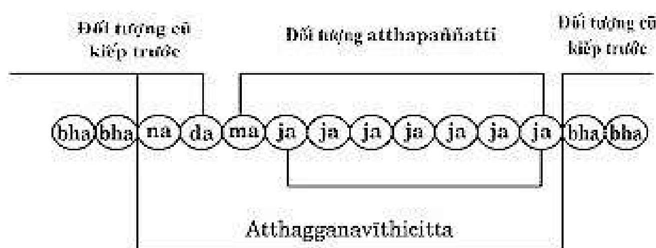
Mỗi ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta biết đối tượng mới sắc trần quá khứ chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta phát sanh làm phận sự tổng kết các phần lại với nhau ở trong tâm. Như vậy, có bao nhiêu ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta thì có bấy nhiêu ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta.

Hai ý môn lộ trình tâm này biết đối tượng mới sắc trần paramattha quá khứ từ nhãn môn lộ trình tâm.

Sau khi ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta.

3- Atthaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng atthapaññatti: ý nghĩa, hình dạng chế định từ sắc trần tổng kết ấy như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Atthaggahaṇavīthicitta*

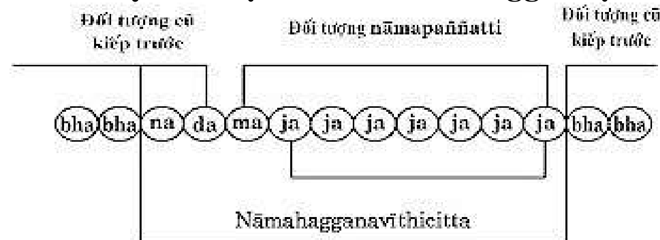


Ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta các phần lại với nhau ở trong tâm; liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm biết đối tượng *atthapaññatti:* ý nghĩa, hình dạng... chế định từ đối tượng tổng kết các phần lại với nhau ấy, có khái niệm ý nghĩa, hình dạng nào đó, mà chưa có danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên.

Sau khi ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta biết atthapaññatti chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta.

4- Nāmaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng *nāmapaññatti:* danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên *Atthapaññatti:* ý nghĩa hình dạng như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Nāmaggahaṇavīthicitta*



Ý môn lộ trình tâm Atthaggahaịavīthicitta biết đối tượng *Atthapaññatti*: ý nghĩa hình dạng chế định, có khái niệm ở trong tâm; liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm biết đối tượng*nāmapaññatti:* danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên *atthapaññatti* hình dạng ấy. Ví dụ: "con người" hoặc "chiếc xe" v.v...

Hai ý môn lộ trình tâm này biết đối tượng paññatti.

Tóm lại, ***nhãn môn lộ trình tâm*** và ***4 ý môn lộ trình tâm theo sau*** phân biệt đối tượng paramattha và đối tượng paññatti như sau:

- Nhãn môn lộ trình tâm biết đối tượng mới ***sắc trần hiện tại*** sắc pháp paramattha hiện tại.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta và Samūhag-gahaṇavīthicitta biết đối tượng mới ***sắc trần quá khứ*** sắc pháp paramattha quá khứ.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta và Nāmag-gahaṇavīthicitta biết đối tượng paññatti chế định.

Sự hiểu biết theo phận sự

- ***Ta*** không có, nên không có chủ thể nhìn thấy.

- ***Mắt*** là nhãn tịnh sắc thuộc sắc pháp, chỉ có thể tiếp nhận đối tượng sắc trần mà thôi, không thể nhìn thấy được sắc trần.

- ***Nhãn thức tâm*** có phận sự nhìn thấy sắc trần, hình dạng, màu sắc, sắc pháp paramattha hiện tại.

- ***Nhãn môn lộ trình tâm*** biết đối tượng mới sắc trần hiện tại, sắc pháp paramattha hiện tại.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta và Samūhag-gahaṇavīthicitta biết sắc trần quá khứ, sắc pháp paramattha quá khứ.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta và Nāmag-gahaṇavīthicitta biết đối tượng paññatti chế định.

Ví dụ: *"Con người"*.

Một đối tượng sắc trần rõ ràng ***hình dạng*** tiếp xúc với nhãn môn, sự diễn tiến qua các lộ trình tâm nhất định như sau:

- ***Nhãn môn lộ trình tâm*** *(cakkhudvāravīthicitta)* biết đối tượng hình dạng, sắc pháp paramattha hiện tại; tiếp theo:

- ***Ý môn lộ trình tâm*** *Atītaggahaṇavīthicitta* biết đối tượng hình dạng ấy, sắc pháp paramattha quá khứ; tiếp theo:

- ***Ý môn lộ trình tâm*** *Samūhaggahaṇavīthicitta* tổng kết đối tượng các phần hình dạng ấy lại với nhau cũng là sắc pháp paramattha quá khứ; tiếp theo:

- ***Ý môn lộ trình tâm*** *Atthaggahaṇavīthicitta* biết đối tượng atthapaññatti: đó là hình dạng tổng kết được chế định ấy qua khái niệm về ***"hình dạng một con người"*** quen thuộc, ở trong ý thức tâm; tiếp theo:

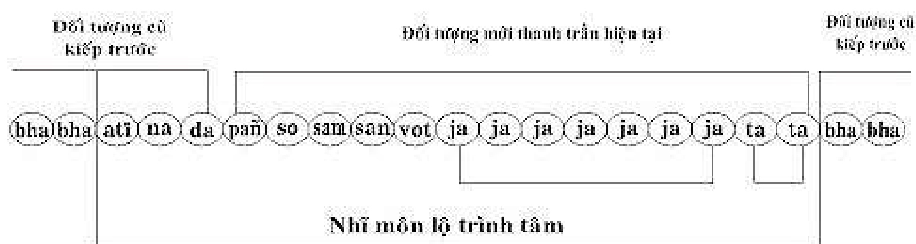
- ***Ý môn lộ trình tâm*** *Nāmaggahaṇavīthicitta* biết đối tượng nāmapaññatti: danh từ ngôn ngữ chế định về hình dạng một con người quen thuộc ấy gọi tên là ***"Thanh".***

Nếu trường hợp khái niệm về hình dạng một con người quen thuộc ấy mà không nhớ tên gọi, thì ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇa- vīthicitta không phát sanh.

2- Nhĩ môn lộ trình tâm và ý môn lộ trình tâm

Khi có đối tượng thanh trần âm thanh hiện tại rõ ràng tiếp xúc với nhĩ môn thì nhĩ môn lộ trình tâm phát sanh theo tuần tự như sau:

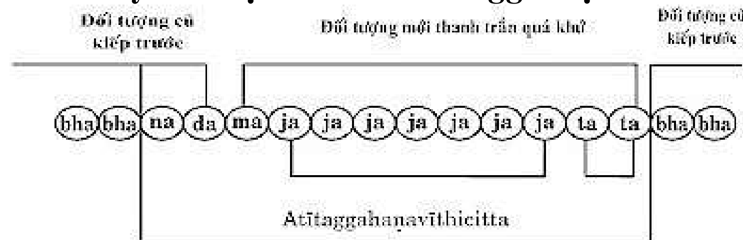
Đồ biểu nhĩ môn lộ trình tâm



Sau khi nhĩ môn lộ trình tâm chấm dứt, theo định luật tự nhiên liền tiếp theo sau có 4 ý môn lộ trình tâm tiếp tục phát sanh theo tuần tự nhất định như sau:

1- Atītaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng mới thanh trần âm thanh quá khứ từ nhĩ môn lộ trình tâm như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Atītaggahaṇavīthicitta*

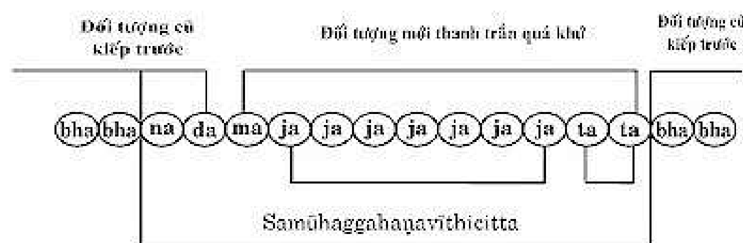


Mỗi nhĩ môn lộ trình tâm biết đối tượng thanh trần, mỗi âm thanh hiện tại nào chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta tuần tự phát sanh biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh quá khứ ấy. Như vậy, có bao nhiêu âm thanh, thì có bấy nhiêu nhĩ môn lộ trình tâm, thì cũng có bấy nhiêu ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta, biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh quá khứ.

Sau khi ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta.

2- Samūhaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm tổng kết biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh quá khứ của ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Samūhaggahaṇavīthicitta*



Mỗi ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh quá khứ chấm dứt, liền tiếp theo sau, ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta phát sanh làm phận sự tổng kết các âm thanh lại với nhau, ghi nhớ ở trong tâm. Như vậy, có bao nhiêu ý môn lộ trình

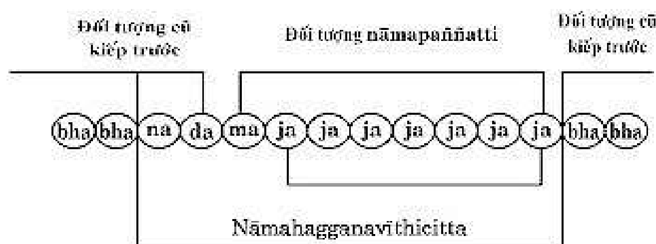
tâm Atītaggahaṇavīthicitta, thì có bấy nhiêu ý lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta.

Hai ý môn lộ trình tâm này biết đối tượng mới thanh trần paramattha quá khứ từ nhĩ môn lộ trình tâm.

Sau khi ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇa- vīthicitta.

3- Nāmaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng nāmapaññatti: danh từ ngôn ngữ chế định từ các thanh trần, âm thanh tổng kết ấy như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Nāmaggahaṇavīthicitta*

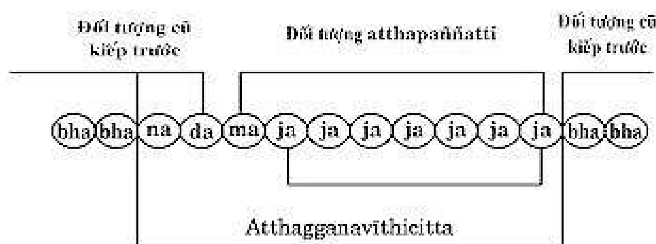


Ý môn lộ trình tâm tổng kết Samūhaggahaṇavīthicitta các âm thanh ghi nhớ lại với nhau ở trong tâm, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm biết đối tượng nāmapaññatti: danh từ ngôn ngữ chế định từ đối tượng tổng kết các âm thanh, ghi nhớ lại với nhau ấy, mà chưa biết ý nghĩa những âm thanh ấy.

Sau khi ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta biết nāmapaññatti chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta.

4- Atthaggahaṇavīthicitta: Ý môn lộ trình tâm biết đối tượng atthapaññatti: khái niệm về ý nghĩa như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm *Atthaggahaṇavīthicitta*



Ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta biết đối tượng nāmapaññatti: danh từ ngôn ngữ chế định các âm thanh ấy ở trong tâm, liền

tiếp theo sau ý môn lộ trình tâm biết đối tượng atthapaññatti: ý nghĩa chế định, có khái niệm về ý nghĩa của các âm thanh ấy.

Hai ý môn lộ trình tâm này biết đối tượng paññatti.

Tóm lại,

- Nhĩ môn lộ trình tâm biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh hiện tại, sắc pháp paramattha hiện tại.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta - Samūhaggahaṇavīthicitta biết đối tượng mới thanh trần, ***âm thanh quá khứ,*** sắc pháp paramattha quá khứ.

- Hai ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta - Atthaggahaṇavīthicitta biết đối tượng paññatti chế định.

Sự hiểu biết theo phận sự

- **Ta** không có, nên không có chủ thể nghe.

- ***Tai*** là nhĩ tịnh sắc thuộc sắc pháp chỉ có thể tiếp nhận đối tượng thanh trần, âm thanh mà thôi, không thể nghe được thanh trần.

- ***Nhĩ thức tâm*** có phận sự nghe thanh trần, âm thanh, đối tượng sắc pháp paramattha hiện tại.

- ***Nhĩ môn lộ trình tâm*** biết đối tượng mới thanh trần, âm thanh hiện tại, thuộc sắc pháp paramattha hiện tại.

- Hai ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta và Samūhaggahaṇavīthicitta biết thanh trần quá khứ, sắc pháp paramattha quá khứ.

- Ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta và Atthaggahaṇavīthicitta biết đối tượng paññatti chế định.

Ví dụ: Danh từ "Bud-dho".

Một đối tượng thanh trần 2 âm thanh ***"Bud"*** và ***"dho"*** tiếp xúc với nhĩ môn, sự diễn tiến qua các lộ trình tâm nhất định như sau:

- ***Nhĩ môn lộ trình tâm*** *(Sotadvāravīthicitta)* biết đối tượng âm thanh ***"Bud"*** và ***"dho"*** mỗi nhĩ môn lộ trình tâm biết mỗi âm thanh, sắc pháp paramattha hiện tại; tiếp theo:

- Ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta biết đối tượng âm thanh ***"Bud"*** và ***"dho"*** ấy, sắc pháp paramattha quá khứ; tiếp theo:

- Ý môn lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta tổng kết đối tượng hai âm thanh ***"Bud + dho"*** ấy lại với nhau, cũng sắc pháp paramattha quá khứ; tiếp theo:

- Lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta biết đối tượng nāmapaññatti: danh từ ngôn ngữ chế định gọi ***"Buddho"*** là danh từ ngôn ngữ Pāḷi, chưa biết ý nghĩa; tiếp theo,

- Lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta biết đối tượng attha- paññatti: ý nghĩa chế định gọi ***"Buddho"*** nghĩa là ***Đức Phật,*** là bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, rồi giáo huấn chúng sinh có duyên lành cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn như Ngài.

Nếu trường hợp nghe danh từ ngôn ngữ chế định ***"Buddho"*** mà không biết ý nghĩa, thì lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta không phát sanh.

3- 4- 5- Tỷ môn lộ trình tâm, thiệt môn lộ trình tâm, thân môn lộ trình tâm,tương tự như trường hợp nhãn môn lộ trình tâm.

- Khi tỷ môn lộ trình tâm biết đối tượng hương trần các loại mùi, sắc pháp paramattha hiện tại.

- Khi thiệt môn lộ trình tâm biết đối tượng vị trần các loại vị, sắc pháp paramattha hiện tại.

- Khi thân môn lộ trình tâm biết đối tượng xúc trần các loại xúc, sắc pháp paramattha hiện tại.

Mỗi lộ trình tâm vừa chấm dứt, theo định luật tự nhiên có 4 ý môn lộ trình tâm tiếp theo phát sanh theo tuần tự nhất định làm phận sự của chúng như sau:

1- Ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta:

* Biết đối tượng hương trần thuộc sắc pháp paramattha quá khứ từ tỷ môn lộ trình tâm.

* Biết đối tượng vị trần thuộc sắc pháp paramattha quá khứ từ thiệt môn lộ trình tâm.

* Biết đối tượng xúc trần thuộc sắc pháp paramattha quá khứ từ thân môn lộ trình tâm.

2- Ý môn lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta:

* Tổng kết các phần hương trần từ ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta.

* Tổng kết các phần vị trần từ ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta.

* Tổng kết các phần xúc trần từ ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta.

Hai ý môn lộ trình tâm Atītaggahaṇavīthicitta và Samūhaggahaṇavīthicitta này biết ***đối tượng** paramattha **quá khứ.***

3- Ý môn lộ trình tâm Atthaggahaṇavīthicitta biết đối tượng *atthapaññatti:* ý nghĩa chế định từ đối tượng tổng kết của ý môn lộ trình tâm Samūhaggahaṇavīthicitta qua khái niệm về ý nghĩa của đối tượng tổng kết ấy ở trong tâm, chưa có danh từ gọi.

4- Ý môn lộ trình tâm Nāmaggahaṇavīthicitta biết đối tượng *nāmapaññatti:* danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên atthapaññatti: ý nghĩa của đối tượng tổng kết ấy.

Hai ý môn lộ trình Atthaggahaṇavīthicitta và Nāmagga- haṇavīthicitta biết ***đối tượng**paññatti:* chế định.

B- Suddhamanodvāravīthicitta:

Ý môn lộ trình tâm đơn thuần cõi dục giới, không tuỳ thuộc vào ngũ môn lộ trình tâm

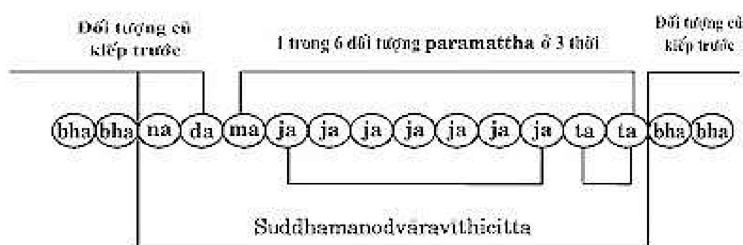
Ý môn lộ trình tâm đơn thuần này có khả năng nhận biết được 6 đối tượng: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần thuộc về paramattha ở 3 thời *(tekālika):*quá khứ, hiện tại, vị lai; và đối tượng Nibbāna, đối tượng paññatti chế định thuộc về đối tượng pháp trần ngoại 3 thời *(kālavimutta);* mỗi ý môn lộ trình tâm đơn thuần nhận biết 1 trong 6 đối tượng ấy.

Ý môn lộ trình tâm đơn thuần đặc biệt hơn ý môn lộ trình tâm theo sau ngũ môn lộ trình tâm, do bởi nhiều nguyên nhân như: đã từng thấy, từng nghe, từng tiếp xúc, từng biết 6 đối tượng, hoặc đã từng có 6 đối tượng trong tâm... đối tượng ấy hiện rõ ở ý môn lộ trình tâm đơn thuần. Cho nên, ý môn lộ trình tâm đơn thuần không tuỳ thuộc vào ngũ môn lộ trình tâm ở hiện tại.

Ý môn lộ trình tâm đơn thuần có nhiều loại, trong phần này chỉ đề cập đến*Kāmajavanamanodvāravīthicitta:* ***Ý môn lộ trình tâm có dục giới tác hành tâm.***

Trường hợp 1 trong 6 đối tượng thật rõ ràng nhất hiện rõ ý môn lộ trình tâm đơn thuần, có 12 sát na tâm sanh diệt tuần tự như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm đơn thuần đối tượng *paramattha*



Ý môn lộ trình tâm đơn thuần này, có thể biết 1 trong 6 đối tượng: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần *(trừ đối tượng paññatti và đối tượng Niết Bàn)* thật rõ ràng hiện ra trong tâm; hoặc 1 trong 6 đối tượng đang hiện hữu thực tánh của các pháp *(trường hợp đang tiến hành thiền tuệ);* hoặc đối tượng đã từng thấy, từng nghe, từng biết... trước đây.

Khi đối tượng thuộc về paramattha đã là 1 trong 6 đối tượng thật rõ ràng nhất hiện rõ trong ý thức tâm qua ý môn lộ trình tâm diễn tiến theo tuần tự như sau:

1- Bhavaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động.

Khi 1 trong 6 đối tượng mới nào hiện rõ ràng ở trong tâm. làm cho hộ kiếp tâm rung động, nhưng vẫn còn giữ đối tượng cũ kiếp trước.

2- Bhavaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt đứt.

Đối tượng mới ấy có năng lực làm cho hộ kiếp tâm bị cắt đứt, đồng thời cắt đứt luôn đối tượng cũ kiếp trước, để cho ý môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới ấy.

3- Manodvāravajjanacitta: Ý môn hướng tâm.

Tâm này tiếp nhận đối tượng mới ấy, xác định đối tượng của thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tâm tùy theo căn duyên rồi diệt, làm duyên cho tác hành tâm phát sanh.

4- 10- Javanacitta: Tác hành tâm.

Tác hành tâm đó là thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tâm phát sanh liên tục 7 sát na tâm đồng loại, làm phận sự tạo nên thiện nghiệp, hoặc bất thiện nghiệp hoặc duy tác, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng sinh. Riêng đối với bậc Thánh Arahán có duy tác tâm phát sanh chỉ có tạo tác mà thôi, không thành thiện nghiệp, bất thiện nghiệp nào cả.

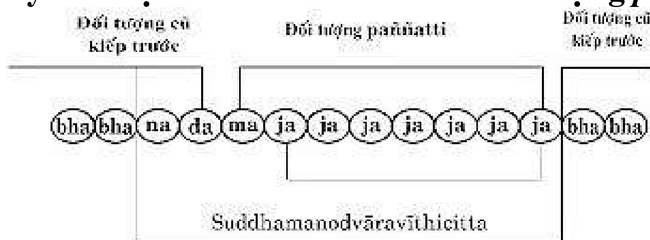
11- 12- Tadālambana: Tiếp đối tượng tâm.

Tiếp đối tượng tâm là quả tâm phát sanh liên tục 2 sát na tâm đồng loại, làm phận sự tiếp nhận đối tượng từ tác hành tâm còn dư lại 2 sát na tâm, đồng thời chấm dứt ý môn lộ trình tâm đơn thuần bằng hộ kiếp tâm.

Mỗi ý môn lộ trình tâm đơn thuần chỉ có thể biết 1 trong 6 đối tượng mới nào, trong thời gian nào, có thể diễn tiến liên tục nhiều lần để nhận biết đối tượng ấy rồi thay đổi sang đối tượng mới khác, qua ý môn lộ trình tâm đơn thuần khác, tùy theo nhân duyên.

Khi có đối tượng thuộc về *paññatti* nào, ý môn lộ trình tâm đơn thuần tuần tự phát sanh biết đối tượng paññatti ấy, nhưng không có 2 sát na tâm *tadālambana* như sau:

Đồ biểu ý môn lộ trình tâm đơn thuần đối tượng *paññatti*



Ý môn lộ trình tâm đơn thuần này có khả năng không những biết đối tượng*paramattha,* mà còn biết đối tượng *paññatti* nữa.

Thực tế trong đời sống hằng ngày, đối với hàng phàm nhân thường chỉ biết mọi đối tượng thuộc về paññatti; còn đối tượng paramattha tuy có hiện hữu thật, nhưng vì vô minh che án thực tánh pháp của đối tượng paramattha ấy, nên không dễ biết được.

Đối với hành giả đang tiến hành thiền tuệ thì có thể thấy rõ, biết rõ được đối tượng thuộc về paramattha, một khi hành đúng theo pháp hành thiền tuệ.

Đối với bậc Thánh nhân, chắc chắn đã từng thấy rõ, biết rõ đối tượng thuộc về paramattha, khi đã tiến hành thiền tuệ, đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả. Vì vậy, mặc dầu bậc Thánh nhân trong cuộc sống hằng ngày có khi biết đối tượng paññatti, nhưng không bao giờ có tà kiến chấp thủ nơi đối tượng cho là ***ta, người, chúng sinh, vật này, vật kia...*** vì bậc Thánh nhân đã diệt đoạn tuyệt được 4 tham tâm hợp theo tà kiến bằng Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ.

Tóm lại, sự khác biệt nhau giữa đối tượng paramattha và đối tượng paññatti phân biệt như sau:

* Khi nào tâm còn biết đối tượng paññatti, thì khi ấy tâm không biết đối tượng paramattha. Và ngược lại, khi nào trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ đối tượng paramattha, thì khi ấy, trí tuệ thiền tuệ không biết đối tượng paññatti.

* Khi nào tâm còn có khái niệm về atthapaññatti, ý nghĩa, hình dạng; về ta, người, chúng sinh..., và còn biết saddapaññatti, danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên đối tượng atthapaññatti ấy, thì khi ấy tâm hoàn toàn không biết đối tượng paramattha.

* Khi nào trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp là pháp paramattha *(không phải ta, người, chúng sinh...),* thì khi ấy trí tuệ thiền tuệ không biết về đối tượng paññatti nào.

- "Biết paññatti, thì paramattha không hiện rõ.

- Trí tuệ biết rõ paramattha, thì không có paññatti".

Paññattidhamma và Paramatthadhamma

* *Paññattidhamma:* ***Chế định pháp,*** có 2 loại, ý nghĩa chế định và danh từ ngôn ngữ chế định.

Về danh từ ngôn ngữ chế định có 2 loại:

1- Danh từ ngôn ngữ chế định không có thực tánh pháp làm nền tảng.
2- Danh từ ngôn ngữ chế định có thực tánh pháp làm nền tảng.

Cả 2 loại chế định này đều xem là sự thật của đời, theo ngôn ngữ chế định*(sammutisacca),* để thông tin hiểu biết lẫn nhau.

* *Paramatthadhamma:* ***Chân nghĩa pháp,*** là pháp có thực tánh không biến thể, có 4 loại: tâm, tâm sở, sắc pháp và Niết Bàn, là sự thật hiển nhiên; nhưng bị màn ***vô minh*** che phủ, nên không có một ai trong toàn cõi thế giới chúng sinh thấy rõ, biết rõ được Chân nghĩa pháp ấy, cho đến khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài là Bậc Toàn Giác *(Sabbaññū)* biết đầy đủ *ñeyyadhamma: pháp nên biết,* có 5 chi:

1- Saṅkhāra: Các pháp hành hữu vi.

2- Vikāra: Sắc chuyển biến.

3- Lakkhaṇa: Trạng thái của sắc pháp, danh pháp.

4- Nibbāna: Niết Bàn.

5- Paññatti: Chế định pháp.

Do đó, Đức Phật có thể ***chế định*** danh từ ngôn ngữ không có thực tánh và danh từ ngôn ngữ có thực tánh pháp làm nền tảng, để giáo huấn tế độ chúng sinh có duyên lành, được chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4

Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, như Ngài. Đó là đức tánh siêu việt của Bậc Toàn Giác.

Thật vậy, Đức Phật Độc Giác cũng tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, nhưng sở dĩ Ngài không thể chế định được danh từ ngôn ngữ để giáo huấn tế độ chúng sinh cùng chứng ngộ như Ngài, là vì Ngài không có*đầy đủ ñeyyadhamma* như Đức Phật Toàn Giác.

Những bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, nhờ được nghe chánh pháp của Đức Phật, tiến hành thiền tuệ, mới dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn; lại còn có thể giảng dạy cho người khác cùng chứng ngộ như các Ngài.

Kinh Bāhiyasutta

Trong kinh Bāhiyasutta [27] , Đức Phật thuyết dạy 6 đối tượng với 6 tâm thức được tóm tắt bằng 4 phần *(koṭṭhāsa),* thuộc về *paramatthadhamma:* Chân nghĩa pháp, để tế độ Ngài Bāhiya, khi Đức Phật trên đường đi vào thành Sāvatthi để khất thực, có đoạn dạy:

"Tassmātiha te Bāhiya, evaṃ sikkhitabbaṃ:

- *"Diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati,*
- *Sute sutamattaṃ bhavissati,*
- *Mute mutamattaṃ bhavissati,*
- *Viññāte viññātamattaṃ bhavissatī" 'ti.*

Evañhi te Bāhiya sikkhitabbaṃ.

Yato kho te Bāhiya diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati, sute sutamattaṃ bhavissati, mute mutamattaṃ bhavissati, viññāte viññātamattaṃ bhavissati, tato tvaṃ Bāhiya na tena.

Yato tvaṃ Bāhiya na tena, tato tvaṃ Bāhiya na tattha.

Yato tvaṃ Bāhiya na tattha, tato tvaṃ Bāhiya nevidha na huraṃ, na ubhayamantarena. Esevanto dukkhassā'ti.

Atha kho Bāhiyassa dārucīriyassa Bhagavato imāya saṅkhittāya dhammadesanāya tāvadeva anupādāya āsavehi cittaṃ mucci".

Đức Thế Tôn dạy Ngài Bāhiya rằng:

- *Này Bāhiya, nếu như vậy, con nên học tập, hành theo tam học (giới-định- tuệ), như vầy:*

** Khi nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần, thì chỉ là sắc trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi nhĩ thức tâm nghe thanh trần, thì chỉ là thanh trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm, tiếp xúc với: hương trần thì chỉ là hương trần, vị trần thì chỉ là vị trần, xúc trần thì chỉ là xúc trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi ý thức tâm biết pháp trần, thì chỉ là pháp trần, thuộc về danh pháp, sắc pháp!*

Này Bāhiya, con nên học tập, hành theo tam học như vậy đó.

- Này Bāhiya, khi nào, đối với con:

** Khi nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần, thì chỉ là sắc trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi nhĩ thức tâm nghe thanh trần, thì chỉ là thanh trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm, tiếp xúc với: hương trần thì chỉ là hương trần, vị trần thì chỉ là vị trần, xúc trần thì chỉ là xúc trần, thuộc về sắc pháp!*

** Khi ý thức tâm biết pháp trần, thì chỉ là pháp trần, thuộc về danh pháp, sắc pháp!*

Này Bāhiya, khi ấy, con sẽ không có phiền não tham, sân, si.

- Này Bāhiya, khi nào, con không có phiền não tham, sân, si.

Này Bāhiya, khi ấy, con sẽ không có phiền não tham, sân, si nương nhờ ở trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Này Bāhiya, khi nào, con không có phiền não tham, sân, si nương nhờ ở trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Này Bāhiya, khi ấy, con sẽ không còn chấp thủ ở kiếp hiện tại này, sẽ không còn chấp thủ ở kiếp vị lai, sẽ không còn chấp thủ cả kiếp hiện tại này lẫn kiếp vị lai nữa. Nếu được như vậy, con sẽ chứng đạt đến tận cùng của sự khổ. (Chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới).

Đại Đức Bāhiya Dārucīriya, lắng nghe, hành theo bài pháp tóm tắt của Đức Thế Tôn. Ngay khi ấy, tâm của Ngài hoàn toàn giải thoát mọi phiền não ngấm ngầm, không còn chấp thủ ngũ uẩn nữa".

(Sau khi nghe bài pháp tóm tắt của Đức Phật xong, Ngài Đại Đức Bāhiya Dārucīriya liền chứng đắc thành bậc Thánh Arahán).

Đức Phật dạy:

"Diṭṭhe diṭṭhamattaṃ bhavissati...".

"Khi nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần, thì chỉ là sắc trần, thuộc về sắc pháp".

Thông thường, hạng phàm nhân, không phải là hành giả tiến hành thiền tuệ, khi nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần, do vô minh che phủ, không thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp thuộc pháp paramattha, nên chỉ còn biết qua paññatti: ý nghĩa, hình dạng... chế định và danh từ ngôn ngữ chế định gắn dính lên danh pháp, sắc pháp ấy, có thể làm nhân duyên nương nhờ phát sanh tà kiến thấy sai chấp lầm "ta thấy, người này, vật kia..." lại phát sanh mọi phiền não.

Bốn pháp: *"diṭṭha, suta, mutta, viññāta"* là những pháp tóm tắt của 12 xứ *(āyatana):* 6 xứ bên trong tương ứng với 6 xứ bên ngoài làm nhân cho tâm phát sanh và cũng làm nơi nương nhờ cho lộ trình tâm phát sanh.

- 6 xứ bên trong là: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý thức xứ.
- 6 xứ bên ngoài là: sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

Xứ bên trong tương ứng xứ bên ngoài như:

- Nhãn xứ với sắc xứ là nhân, làm cho nhãn thức tâm phát sanh nhìn thấy sắc trần là quả.
- Nhĩ xứ với thanh xứ là nhân, làm cho nhĩ thức tâm phát sanh nghe thấy thanh trần là quả.
- Tỷ xứ với hương xứ là nhân, làm cho tỷ thức tâm phát sanh ngửi hương trần là quả.
- Thiệt xứ với vị xứ là nhân, làm cho thiệt thức tâm phát sanh nếm vị trần là quả.
- Thân xứ với xúc xứ là nhân, làm cho thân thức tâm phát sanh tiếp xúc trần là quả.
- Ý thức xứ với pháp trần là nhân, làm cho ý thức tâm phát sanh biết pháp trần là quả.

Đức Phật thuyết tóm tắt 12 xứ ấy thành 4 pháp:

* *Diṭṭha:* đó là sắc trần được thấy.
* *Suta:* đó là thanh trần được nghe.
* *Mutta:* đó là hương trần, vị trần, xúc trần được ngửi, nếm, tiếp xúc.
* *Viññāta:* đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức tâm, biết được pháp trần.

- Khi sắc trần được thấy chỉ là sắc pháp mà thôi; không phải ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật nầy, vật kia...

- Khi thanh trần được nghe chỉ là sắc pháp mà thôi; không phải ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật nầy, vật kia...

- Khi hương trần, vị trần, xúc trần được ngửi, nếm, tiếp xúc, chỉ là sắc pháp mà thôi; không phải ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật nầy, vật kia...

- Khi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức tâm, biết được pháp trần chỉ là sắc pháp, danh pháp mà thôi; không phải ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật nầy, vật kia...

Tất cả đều thuộc sắc pháp danh pháp thuộc pháp paramattha mà thôi, không phải paññatti: chế định pháp.

Chú thích:

[24] ***Pháp trần*** gồm có 89 hay 121 tâm, 52 tâm sở, 21 sắc pháp (trừ 7 sắc pháp ở ngũ trần), Niết Bàn và đối tượng paññatti.

[25] Kālavimutti: ngoại 3 thời, không thuộc thời quá khứ, hiện tại, vị lai.

[26] Saṃyuttanikāya, bộ Khandhasamyutta, kinh Pheṇapindūpamāsutta-vaṇṇanā.

[27] Khuddakanikāya, phần Udāna, kinh Bāhiyasutta.

-ooOoo-

I.5 THUYẾT PHÁP *(DESANĀ)*

Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh thường dùng 2 phương pháp:

1- Sammutidesanā: Thuyết pháp theo sự thật ngôn ngữ chế định.

Ví dụ:

Đức Phật sử dụng danh từ gọi *"chúng sinh, con người, đàn ông, đàn bà, chư thiên, phạm thiên, con voi, con ngựa, ngôi nhà, chiếc xe"*... mà người đời đặt ra, có quy ước chế định được lưu truyền từ đời này sang đời khác cho đến ngày nay, mọi người đã chấp nhận xem như là sự thật.

2- Paramatthadesanā: Thuyết pháp theo sự thật Chân nghĩa pháp.

Ví dụ:

Đức Phật thuyết pháp về *"tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn, danh pháp, sắc pháp, sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, Khổ Thánh Đế, Tập Thánh Đế, Diệt Thánh Đế, Đạo Thánh Đế",...*

Bởi vì, Đức Phật có 2 loại trí tuệ đặc biệt, mà bậc Thánh Thanh Văn không có, đó là:

- *Indriyaparopariyañāṇa: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ căn duyên cao thấp của mỗi chúng sinh.*

- *Āsayānusayanāṇa: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ nghiệp quả và phiền não ngấm ngầm của mỗi chúng sinh.*

Khi tế độ chúng sinh, Đức Phật quán xét căn duyên của mỗi chúng sinh nên thuyết pháp cách nào.

Nếu chúng sinh nào, tiền kiếp không từng nghe, học hỏi về ***Chân nghĩa pháp,*** thì trước tiên Đức Phật thuyết pháp về ***sự thật do ngôn ngữ chế định*** làm nền tảng, rồi tiếp theo thuyết pháp về ***sự thật theo Chân nghĩa pháp,*** để hướng dẫn tâm trí của chúng sinh ấy, đạt đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

Nếu chúng sinh nào, tiền kiếp đã từng nghe, học hỏi về ***Chân nghĩa pháp,*** thì Đức Phật thuyết pháp trực tiếp về ***sự thật theo Chân nghĩa pháp,*** để hướng dẫn tâm trí của chúng sinh ấy, đạt đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

Cho nên, sự thuyết pháp của Đức Phật chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho chúng sinh trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Lợi ích về sự thật theo Ngôn ngữ chế định

Trong Chú giải kinh ***Ananganasutta*** [28] dạy:

Đức Phật thuyết giảng sự thật theo Ngôn ngữ chế định về con người đem lại sự lợi ích có 8 trường hợp như sau:

1- Để cho con người biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi *(hirottappadīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nên biết hổ thẹn tội lỗi, nên biết ghê sợ tội lỗi",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ nghi ngờ thắc mắc rằng: *"Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào nên biết hổ thẹn tội lỗi, nên biết ghê sợ tội lỗi?".*

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ... phải nên biết hổ thẹn tội lỗi, nên biết ghê sợ tội lỗi...".* Thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ hiểu rõ, không nghi ngờ thắc mắc nữa.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người làm nền tảng *(puggalādhiṭṭhāna).*

2- Để chứng tỏ mỗi chúng sinh đều có nghiệp là của riêng mình*(kammassakatādīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp đều có nghiệp là của riêng mình",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ không hiểu, nghi ngờ thắc mắc rằng: *ṅgũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào có nghiệp là của riêng mình?".*

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng: *Ṁỗi chúng sinh đều có nghiệp là của riêng mình",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ dễ hiểu, không nghi ngờ thắc mắc nữa.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người làm nền tảng.

3- Để làm cho nổi bật công việc của mỗi người *(Paccattapurisakāradīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Ngôi chùa Jetavana do ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp ấy xây cất"*, thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ không biết người nào xây cất, thắc mắc nghi ngờ rằng*: "Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào xây cất?"*.

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Ngôi chùa Jetavana do ông phú hộ Anāthapiṇṇika cho người xây cất. Ngôi chùa Pubbārama do bà Vīsakhā cho người xây cất..."*, thì các hàng đệ tử lắng nghe sẽ dễ hiểu không nghi ngờ thắc mắc.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người làm nền tảng.

4- Để biết rõ người phạm tội vô gián trọng ác nghiệp *(Anantariyadīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: "**N***gũ uẩn, danh pháp, sắc pháp này phạm phải trọng ác nghiệp giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Arahán, làm cho Đức Phật bầm máu, chia rẽ chư Tỳ khưu Tăng"*, thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ không biết ai, nghi ngờ thắc mắc rằng:*"Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào đã phạm trọng ác nghiệp như vậy?"*.

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Vua Ajātasattu giết phụ vương tên là Bimbisāra. Tỳ khưu Devadatta làm cho Đức Phật bầm máu, chia rẽ Tỳ khưu Tăng..."*, thì các hàng đệ tử lắng nghe, biết được người phạm tội vô gián trọng ác nghiệp, không nghi ngờ thắc mắc.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người làm nền tảng.

5- Để làm đề mục niệm rải tứ vô lượng tâm *(Brahmavihāradīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Hành giả nên niệm rải tâm từ đến ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp. Nên niệm rải tâm bi... Niệm rải tâm hỉ... Niệm rải tâm xả đến ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp"*, là những đối tượng không rõ ràng. Hành giả không thể làm đề mục để tiến hành thiền định niệm rải tâm từ... niệm rải tâm bi... niệm rải tâm hỉ... niệm rải tâm xả... được. Như vậy, tâm từ, tâm bi, tâm hỉ, tâm xả không thể phát sanh, các bậc thiền cũng không thể phát triển được.

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng:

- *"Hành giả nên tiến hành niệm rải tâm từ đến đối tượng hạng chúng sinh đáng yêu, đáng mến"*.
- *"Hành giả nên tiến hành niệm rải tâm bi đến đối tượng hạng chúng sinh đang ở trong cảnh khổ, mong cho họ được thoát khổ"*.
- *"Hành giả nên tiến hành niệm rải tâm hỉ đến đối tượng hạng chúng sinh đang hưởng sự an lạc hạnh phúc, mong cho sự an lạc hạnh phúc được lâu dài.*
- *"Hành giả nên tiến hành niệm rải tâm xả đến đối tượng hạng chúng sinh có nghiệp là của riêng họ, họ thọ hưởng quả an lạc do thiện nghiệp, họ thọ quả khổ do ác nghiệp của họ đã tạo"*.

Như vậy, hành giả sẽ hiểu rõ từng mỗi đối tượng niệm rải tâm từ, niệm rải tâm bi, niệm rải tâm hỉ, niệm rải tâm xả một cách rõ ràng, nên sự tiến hành thiền định có thể chứng đắc các bậc thiền được.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người, chúng sinh làm nền tảng.

6- Để ứng dụng vào trí tuệ "Túc Mạng Minh" *(Pubbenivāsadīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Tiền kiếp của Như Lai sanh làm ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp như thế ấy, như thế ấy... đã tạo ba la mật như thế ấy...",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ không hiểu biết được, nghi ngờ thắc mắc rằng: "N*gũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào tiền kiếp của Đức Phật đã tạo ba la mật như vậy...?".*

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng*: "Trong tiền kiếp của Như Lai sanh làm hoàng thái tử Vessantara, mẫu hậu là Phussatā, phụ vương là đức vua Sañjeyya trị vì ở kinh thành Jetuttara, khi Đức Bồ Tát Vessantara trưởng thành, phụ vương đã truyền ngôi báu, lên làm vua, và kết hôn cùng hoàng hậu Maddī, hạ sanh được hoàng tử Jāli và công chúa Kaṇhā. Đức vua Bồ Tát hoan hỉ trong pháp hành bố thí ba la mật, nên đã bố thí voi quý của triều đình, bố thí của cải, thậm chí bố thí cả hoàng tử Jāli, công chúa Kaṇhā, và hoàng hậu Maddī... Hay tiền kiếp của Như Lai đã từng sanh làm Đức Vua..., Voi chúa, Khỉ chúa... đã tạo ba la mật như thế ấy",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ hiểu biết được, không còn nghi ngờ, thắc mắc.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng chúng sinh, con người làm nền tảng.

7- Để phân biệt được Bậc có giới đức trong sạch xứng đáng thọ lãnh vật dụng cúng dường *(Dakkhiṇāvisuddhidīpanattha)*

Nếu Đức Phật thuyết giảng dạy rằng: *"Nên bố thí cúng dường đến ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp có giới đức trong sạch, sẽ được nhiều phước thiện, có nhiều quả báu cao quý",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ nghi ngờ thắc mắc rằng: *"Nên bố thí đến ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp nào có giới đức trong sạch, sẽ được nhiều phước thiện, sẽ được nhiều quả báu cao quý?".*

Nhưng khi Đức Phật thuyết giảng rằng: *"Nên làm phước bố thí cúng dường đến Chư Thánh Tăng, là Bậc giới đức trong sạch, sẽ được nhiều phước thiện, sẽ có nhiều quả báu cao quý suốt vô lượng kiếp",* thì các hàng đệ tử lắng nghe, sẽ hiểu biết được, không nghi ngờ thắc mắc nữa.

Do đó, Đức Phật thuyết pháp dùng con người chúng sinh làm nền tảng.

8- Để gìn giữ sự thật ngôn ngữ ở trong đời không bị mai một *(Lokasammutti appahānattha)*

Đức Phật thuyết pháp giảng dạy với mục đích tế độ chúng sinh, để giải thoát cảnh khổ. Điều quan trọng đầu tiên, chúng sinh nghe hiểu rõ giáo pháp của Ngài. Cho nên Đức Phật vẫn phải dùng đến những danh từ Ngôn ngữ chế định - mà người đời thường dùng để thông tin truyền đạt ý nghĩ, tư tưởng với nhau - để thuyết giảng chánh pháp.

Như vậy, chúng sinh sẽ hiểu rõ được chánh pháp rồi ***tiến hành thiền tuệ,*** dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó, Đức Phật dùng Ngôn ngữ chế định, cốt để gìn giữ sự thật ngôn ngữ ở đời không bị mai một.

Đó là 8 điều lợi ích của sự thật theo Ngôn ngữ chế định.

Lợi ích về sự thật theo Chân nghĩa pháp

Hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** điều quan trọng đầu tiên cần phải học hỏi hiểu biết rành rẽ thông thạo về Chân nghĩa pháp, có 4 pháp: tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn, được phân chia thành những pháp như: ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới,... tóm tắt còn 2 pháp là:

- ***Sắc pháp*** *(rūpadhamma)* thuộc ***pháp hữu vi.***
- ***Danh pháp*** *(nāmadhamma)* thuộc ***pháp hữu vi,*** đó là ***Tâm*** và ***tâm sở.***
- ***Danh pháp*** *(nāmadhamma)* thuộc ***pháp vô vi,*** đó là ***Niết Bàn.***

Niết Bàn thuộc danh pháp đặc biệt, chỉ làm đối tượng của siêu tam giới tâm, đó là 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm mà thôi.

Sự thật Chân nghĩa pháp *(Paramatthasacca)* không thể thấy rõ, biết rõ bằng ***trí tuệ do học hỏi*** *(sutāmayapaññā),* hoặc ***trí tuệ do tư duy*** *(cintāmayapaññā),* mà chỉ thấy rõ, biết rõ bằng ***trí tuệ do tiến hành thiền tuệ*** *(bhāvanāmayapaññā)* mà thôi.

Kết quả của sự thật theo ngôn ngữ chế định

Trong đời này, có số người chỉ biết ***sự thật theo Ngôn ngữ chế định,*** mà không hiểu biết ***sự thật theo Chân nghĩa pháp,*** nên không hiểu rõ ***danh pháp, sắc pháp*** là ***pháp vô ngã.*** Số người ấy, thường phát sanh ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi),* cho là ta, của ta, người, của người, chúng sinh, vật này, vật kia,... dễ phát sanh mọi phiền não, *tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn làm khổ người.*

Kết quả của sự thật theo Chân nghĩa pháp

Trong đời này, bậc Thánh nhân đã thấy rõ, biết rõ ***sự thật theo Chân nghĩa pháp*** là ***pháp vô ngã,*** có thiền tuệ chánh kiến, Thánh Đạo chánh kiến, Thánh Quả chánh kiến, đã diệt đoạn tuyệt được ngũ uẩn tà kiến *(sakkāyadiṭṭhi)* rồi, nên không còn chấp ta, người, chúng sinh, vật này, vật kia,...

Trong cuộc sống hằng ngày, bậc Thánh nhân vẫn biết rõ ***sự thật theo ngôn ngữ chế định*** dùng để giao tiếp với mọi người: như thuyết pháp, nói đạo, thông tin, truyền đạt ý nghĩ của mình. Nhưng đặc biệt bậc Thánh nhân ***hoàn toàn không chấp ngã.*** Cho nên, phiền não không phát sanh, *không tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn làm khổ người.*

Đó là điều lợi ích về sự thật ***Chân nghĩa pháp.***

Chú thích:

[28] Bộ Majjhimanikāya, Mūlapannāsa, Ananganasuttavanna.

-ooOoo-

PHẦN II

PHÁP HÀNH *(BHÀVANÀ)*

Pháp hành trong Phật giáo có 2 loại:

1- Pháp hành thiền định *(Samathabhāvanā).*

2- Pháp hành thiền tuệ *(Vipassanābhāvanā).*

-ooOoo-

1- PHÁP HÀNH THIỀN ĐỊNH *(Samathabhāvanā)*

Pháp hành thiền định là pháp hành làm cho tâm an trú trong một đề mục thiền định duy nhất, dẫn đến sự chứng đắc tuần tự 5 bậc thiền sắc giới, 4 bậc thiền vô sắc giới.

Pháp hành thiền định này đã có trước khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian. Theo tiểu sử Đức Phật Gotama, khi còn là Đức Bồ Tát Siddhattha, Ngài đã từng thọ giáo với vị Đạo sư Ālāra Kalāmagotta về pháp hành thiền định, Ngài đã chứng đắc đến bậc thiền ***"Vô sở hữu xứ thiền";*** và đã từng thọ giáo với vị Đạo sư Udaka Rāmaputta, Ngài đã chứng đắc đến bậc thiền ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền"*** bậc thiền tột đỉnh của thiền vô sắc giới, cũng là tột đỉnh của thiền tam giới.

Như vậy, pháp hành thiền định có trong Phật giáo và cũng có ngoài Phật giáo.

Định nghĩa thiền định

Thiền định là định tâm trong một đề mục thiền định duy nhất làm đối tượng, có khả năng chế ngự, làm vắng lặng được 5 pháp chướng ngại (nivaraṇa), bằng 5 chi thiền, làm cho tâm an định vững chắc trong một đề mục thiền định ấy, dẫn đến sự chứng đắc tuần tự 5 bậc thiền sắc giới, 4 bậc thiền vô sắc giới.

Định tâm an trú trong bậc thiền, hành giả hưởng sự an lạc trong thiền định.

Những điểm đặc biệt trong phần định nghĩa

1- Định tâm trong một đối tượng thiền định.

2- Đối tượng thiền định.

3- Năm pháp chướng ngại.

4- Năm chi thiền.

5- Năm bậc thiền sắc giới.

6- Bốn bậc thiền vô sắc giới.

7- Quả báu của thiền định.

Phần Giải Thích

1- Định Tâm Của Thiền Định

Thiền định có chi pháp là ***"nhất tâm tâm sở"*** [1] *(ekaggatācetasika),* gọi là ***định tâm.***

Trong trường hợp hành giả ***tiến hành thiền định, nhất tâm tâm sở*** đóng vai trò chính yếu, làm cho tâm an trú trong một đề mục thiền định duy nhất làm đối tượng.

Định tâm trong một đề mục thiền định ấy, trải qua 3 giai đoạn như sau:

* ***Giai đoạn đầu: Nhất tâm tâm sở*** đồng sanh với 8 dục giới đại thiện tâm (hay dục giới đại duy tác tâm), làm phận sự ***định tâm tiến hành thiền định*** *(parikammasamādhi),* có *đề mục tiến hành (parikammanimitta)*, và *ấn chứng thô ảnh tương tự (ugghanimitta),* làm đối tượng thiền định.

* ***Giai đoạn giữa: Nhất tâm tâm sở*** đồng sanh với 4 dục giới đại thiện tâm hợp trí tuệ (hay 4 dục giới đại duy tác tâm hợp với trí tuệ), làm phận sự ***cận định*** *(upacārasamādhi)* có *ấn chứng quang ảnh trong sáng (paṭibhāganimitta),* làm đối tượng thiền định.

* ***Giai đoạn cuối: Nhất tâm tâm sở*** đồng sanh với 5 sắc giới thiện tâm (hay 5 sắc giới duy tác tâm), làm phận sự ***an định vững chắc*** *(appanāsamādhi)* có *ấn chứng quang ảnh trong sáng (paṭibhāganimitta)* làm đối tượng thiền định.

* Và ***Nhất tâm tâm sở*** đồng sanh với 4 vô sắc giới thiện tâm (hay 4 vô sắc giới duy tác tâm), làm phận sự ***an định vững chắc*** *(appanāsamādhi)* có đề mục thiền vô sắc giới làm đối tượng.

Nhất tâm tâm sở này gọi là ***định tâm của thiền định.***

2- Đối Tượng Của Thiền Định

Đối tượng của thiền định tất cả gồm có 40 đề mục:

- 10 đề mục hình tròn *(kasiṇa).*
- 10 đề mục tử thi bất tịnh *(asubha).*
- 10 đề mục tùy niệm *(anussati).*
- 4 đề mục tứ vô lượng tâm *(appamaññā).*
- 1 đề mục quán vật thực đáng nhờm *(āhāre paṭikkūlasaññā).*
- 1 đề mục phân tích tứ đại *(catudhātuvavatthāna).*
- 4 đề mục vô sắc giới *(āruppa).*

2.1- Mười đề mục hình tròn kasiṇa [2]

1- Đề mục đất: Dùng đất làm đối tượng thiền định.

2- Đề mục nước: Dùng nước làm đối tượng thiền định.

3- Đề mục lửa: Dùng lửa làm đối tượng thiền định.

4- Đề mục gió : Dùng gió làm đối tượng thiền định.

5- Đề mục màu xanh: Dùng màu xanh làm đối tượng thiền định.

6- Đề mục màu vàng: Dùng màu vàng làm đối tượng thiền định.

7- Đề mục màu đỏ: Dùng màu đỏ là đối tượng thiền định.

8- Đề mục màu trắng: Dùng màu trắng làm đối tượng thiền định.

9- Đề mục ánh sáng: Dùng ánh sáng làm đối tượng thiền định.

10- Đề mục hư không: Dùng hư không làm đối tượng thiền định.

Đó là 10 đề mục hình tròn kasiṇa, làm đối tượng thiền định.

2.2- Mười đề mục tử thi bất tịnh (asubha)

1- Đề mục tử thi trải qua 2-3 ngày, làm đối tượng thiền định.

2- Đề mục tử thi biến sang màu tím thâm, làm đối tượng thiền định.

3- Đề mục tử thi chảy máu mủ, làm đối tượng thiền định.

4- Đề mục tử thi bị chặt đứt ra thành nhiều đoạn, làm đối tượng thiền định.

5- Đề mục tử thi bị chó, quạ, diều hâu, kên kên, cắn xé bỏ rải rác, làm đối tượng thiền định

6- Đề mục tử thi bị chặt tay, chân, đầu, mình bỏ rải rác, làm đối tượng thiền định.

7- Đề mục tử thi bị đâm lủng nhiều lỗ, làm đối tượng thiền định.

8- Đề mục tử thi có máu chảy lai láng, làm đối tượng thiền định.

9- Đề mục tử thi có giòi, làm đối tượng thiền định.

10- Đề mục tử thi còn bộ xương trắng, làm đối tượng thiền định.

Đó là 10 đề mục tử thi bất tịnh, làm đối tượng thiền định.

2.3- Mười đề mục tùy niệm (anussati)

1- Đề mục niệm 9 Ân Đức Phật.

2- Đề mục niệm 6 Ân Đức Pháp.

3- Đề mục niệm 9 Ân Đức Tăng.

4- Đề mục niệm về giới trong sạch của mình.

5- Đề mục niệm về sự bố thí của mình.

6- Đề mục niệm về 5 pháp của chư thiên có nơi mình.

7- Đề mục niệm về sự chết.

8- Đề mục niệm về 32 thể trược.

9- Đề mục niệm về trạng thái tịch tịnh an lạc Niết Bàn.

10- Đề mục niệm hơi thở vô – hơi thở ra.

Đó là 10 đề mục tùy niệm, làm đối tượng thiền định.

2.4- Bốn đề mục tứ vô lượng tâm (appamaññā)

1- *Đề mục niệm rải tâm từ,* chọn chúng sinh đáng yêu, làm đối tượng thiền định.

2- Đề mục niệm rải tâm bi, chọn chúng sinh đang khổ, làm đối tượng thiền định.

3- Đề mục niệm rải tâm hỉ, chọn chúng sinh đang hưỡng sự an lạc hạnh phúc, làm đối tượng thiền định.

4- Đề mục niệm rải tâm xả, chọn chúng sinh có nghiệp là của riêng mình, làm đối tượng thiền định.

Đó là 4 đề mục tứ vô lượng tâm, làm đối tượng thiền định.

2.5- Một đề mục quán vật thực bất tịnh, làm đối tượng thiền định.

2.6- Một đề mục phân tích tứ đại: đất, nước, gió, lửa, làm đối tượng thiền định.

2.7- Bốn đề mục vô sắc giới riêng biệt của 4 bậc thiền vô sắc giới

1- Hư không vô biên làm đối tượng thiền định của không vô biên xứ thiền.

2- Thứ vô biên (tâm không vô biên xứ thiền) làm đối tượng thiền định của thức vô biên xứ thiền.

3- Vô sở hữu làm đối tượng thiền định của vô sở hữu xứ thiền.

4- Rất vắng lặng, rất vi tế của tâm vô sở hữu xứ thiền làm đối tượng thiền định của phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền.

Đó là 4 đề mục thiền vô sắc giới, làm đối tượng thiền định.

Pháp hành thiền định gồm 40 đề mục, khi hành giả tiến hành thiền định chỉ có thể chọn 1 trong 36 đề mục thuộc về thiền sắc giới. Còn 4 đề mục thuộc thiền vô sắc giới, hành giả sau khi đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc giới xong rồi, mới tiếp tục tiến hành thiền vô sắc giới. Thiền vô sắc giới có 4 bậc, mỗi bậc thiền có đối tượng riêng biệt tuần tự từ thấp đến cao.

Muốn cho sự tiến hành thiền định được phát triển tốt, hành giả cần phải biết chọn đề mục thích hợp với bản tánh riêng của mình. Đó là điều trọng yếu đối với hành giả.

Sáu loại tánh của hành giả hành thiền định

Hành giả nói chung có 6 loại tánh *(carita).*

1- Rāgacarita: Tánh tham dục.

2- Dosacarita: Tánh sân hận.

3- Mohacarita: Tánh si mê.

4- Vitakkacarita: Tánh suy diễn.

5- Saddhācarita: Tánh tín.

6- Buddhicarita: Tánh giác.

Trong một người có thể có nhiều tánh kể trên, song có một tánh nào đó dễ phát sanh, thường phát sanh nhiều hơn các tánh khác, nên gọi người ấy có tánh ấy.

Đề mục thiền định thích hợp và không thích hợp với mỗi tánh của hành giả

1- ***Tánh tham dục*** *(rāgacarita):* Người nào thường phát sanh tâm tham dục trong những đối tượng đáng hài lòng, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh tham dục.***

Hành giả có tánh tham dục, nếu tiến hành thiền định trong 8 đề mục như sau:

- 4 Đề mục tứ vô lượng tâm.

- 4 Đề mục màu sắc (xanh, vàng, đỏ, trắng).

Những đề mục này làm cho tâm tham dục càng tăng trưởng, đồng thời thiền định không thể phát triển được.

Vì vậy, 8 đề mục thiền định này ***không thích hợp*** đối với hành giả có ***tánh tham dục.***

Hành giả có tánh tham dục nên tiến hành thiền định trong 11 đề mục như sau:

- 10 Đề mục tử thi bất tịnh.

- 1 Đề mục niệm 32 thể trược trong thân.

Những đề mục này làm cho vắng lặng được tâm tham dục, đồng thời làm cho thiền định có thể phát triển.

Vì vậy, 11 đề mục thiền định này ***thích hợp*** với hành giả có ***tánh tham dục.***

2- ***Tánh sân hận*** *(dosacarita):* Người nào thường phát sanh tâm sân hận, nóng nảy, bực bội trong những đối tượng không đáng hài lòng, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh sân han.***

Hành giả có tánh sân hận, nếu tiến hành thiền định trong 11 đề mục như sau:

- 10 Đề mục tử thi bất tịnh.

- 1 Đề mục niệm 32 thể trược trong thân.

Những đề mục này làm cho tâm sân hận càng tăng trưởng, đồng thời thiền định không thể phát triển lên được.

Vì vậy, 11 đề mục thiền định này ***không thích hợp*** đối với hành giả có ***tánh sân hận.***

Hành giả có tánh sân hận nên tiến hành thiền định trong 8 đề mục như sau:

- *4 Đề mục tứ vô lượng tâm.*
- *4 Đề mục màu sắc (xanh, vàng, đỏ, trắng).*

Những đề mục này làm cho vắng lặng được tâm sân hận, đồng thời làm cho thiền định có thể phát triển.

Vì vậy, 8 đề mục thiền định này ***thích hợp*** với hành giả có ***tánh sân hận.***

3- ***Tánh si mê*** *(mohacarita):* Người nào thường phát sanh tâm si mê, phóng tâm và hoài nghi trong các pháp, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh si mê.***

Hành giả có tánh si mê, nếu tiến hành thiền định trong 4 đề mục như sau:

- *Đề mục niệm về chết.*
- *Đề mục niệm về trạng thái tịch tịnh an lạc Niết Bàn.*
- *Đề mục quán tưởng vật thực bất tịnh.*
- *Đề mục quán xét phân tích tứ đại: đất, nước, lửa, gió.*

Những đề mục này rất vi tế sâu sắc, khó mà thấy rõ được, thì chỉ làm cho tâm si mê càng thêm tối tăm, đồng thời thiền định không thể phát triển được.

Vì vậy, 4 đề mục thiền định này ***không thích hợp*** đối với hành giả có ***tánh si mê.***

Hành giả có tánh si mê nên tiến hành thiền định *đề mục niệm hơi thở vô – hơi thở ra*rõ ràng không có gì đáng hoài nghi cả. Đề mục này có thể làm cho vắng lặng được tâm si mê, đồng thời làm cho thiền định có thể phát triển.

Vì vậy, đề mục thiền định niệm hơi thở vô – hơi thở ra này ***thích hợp*** với hành giả có***tánh si mê.***

4- ***Tánh suy diễn*** *(vitakkacarita):* Người nào thường suy diễn lung tung, nói năng đủ chuyện, làm việc gì cũng không đến nơi đến chốn…, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh suy diễn.***

Hành giả có tánh suy diễn, nếu tiến hành thiền định trong 4 đề mục như sau:

- *Đề mục niệm về chết.*
- *Đề mục niệm về trạng thái tịch tịnh an lạc Niết Bàn.*

- *Đề mục quán tưởng vật thực bất tịnh.*

- *Đề mục quán xét phân tích tứ đại: đất, nước, lửa, gió.*

Những đề mục này rất vi tế sâu sắc, khó mà thấy rõ được, thì chỉ làm cho tâm suy diễn lung tung thêm, đồng thời thiền định không thể phát triển được.

Vì vậy, 4 đề mục thiền định này ***không thích hợp*** đối với hành giả có ***tánh suy diễn.***

Hành giả có tánh suy diễn nên tiến hành thiền định *đề mục niệm hơi thở vô – hơi thởra* rõ ràng không có gì đáng suy diễn nhiều. Đề mục này có thể làm cho vắng lặng được suy nghĩ mung lung, đồng thời làm cho thiền định có thể phát triển.

Vì vậy, đề mục thiền định niệm hơi thở vô – hơi thở ra này ***thích hợp*** với hành giả có***tánh suy diễn***.

5- ***Tánh tín*** *(saddhācarita):* Người nào thường có đức tin trong sạch nơi Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin phước, tin tội, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh tín.***

Hành giả có tánh tín nên tiến hành thiền định trong 6 đề mục như sau:

- *Niệm Ân 9 Đức Phật.*

- *Niệm Ân 6 Đức Pháp.*

- *Niệm Ân 9 Đức Tăng.*

- *Niệm về giới trong sạch của mình.*

- *Niệm về sự bố thí của mình.*

- *Niệm về 5 pháp của chư thiên có nơi mình,*

Những đề mục này rất ***thích hợp*** với hành giả có ***tánh tín,*** càng làm cho đức tin được tăng trưởng.

6- ***Tánh giác*** *(buddhicarita):* Người nào thường có trí tuệ quán xét các pháp vi tế sâu sắc, hơn các tính khác, người ấy gọi là người có ***tánh giác.***

Hành giả có tánh giác nên tiến hành thiền định trong 4 đề mục như sau:

- *Niệm về sự chết.*

- *Niệm về trạng thái tịch tịnh an lạc Niết Bàn.*

- *Quán tưởng về đề mục vật thực bất tịnh.*

- *Quán xét phân tích đề mục tứ đại: đất, nước, lửa, gió,*

Những đề mục này rất vi tế, sâu sắc, ***thích hợp*** với hành giả có ***tánh giác,*** để làm cho trí tuệ tăng trưởng sâu sắc thêm nhiều.

Đề mục thiền định thích hợp cả 6 tánh

Những đề mục thiền định thích hợp cho tất cả 6 tánh hành giả như sau:

- 6 Đề mục hình tròn kasiṇa: đất, nước, lửa, gió, ánh sáng, hư không.

- 4 Đề mục vô sắc giới.

Những đề mục này thích hợp cho tất cả mọi hành giả, không phân biệt tánh nào.

Đặc biệt, đối với hành giả có ***tánh si mê,*** nếu tiến hành đề mục hình tròn kasiṇa đất,… nên làm hình tròn đường kính rộng hơn bình thường, so với các hành giả khác, để tâm trí không bị khó chịu, hay quên, phóng tâm. Và đối với hành giả có ***tánh suy diễn,*** nếu tiến hành đề mục hình tròn kasiṇa đất,… nên làm hình tròn đường kính hẹp hơn bình thường, so với các hành giả khác, để tâm an trú trong đề mục hình tròn kasiṇa dễ dàng.

Phân Loại 40 Đề Mục Thiền Định Theo Các Bậc Thiền

Phân loại các đề mục thiền định theo khả năng của mỗi đề mục như sau:

* **10 đề mục đạt đến cận định** *(upacārasamādhi):*

1- Đề mục niệm 9 Ân Đức Phật.

2- Đề mục niệm 6 Ân Đức Pháp.

3- Đề mục niệm 9 Ân Đức Tăng.

4- Đề mục niệm về giới trong sạch của mình.

5- Đề mục niệm về bố thí của mình.

6- Đề mục niệm về 5 pháp của chư thiên có ở nơi mình.

7- Đề mục niệm về sự chết.

8- Đề mục trạng thái an lạc tịch tịnh Niết Bàn.

9- Đề mục quán vật thực bất tịnh.

10- Đề mục quán xét phân tích tứ đại: đất, nước, lửa, gió.

10 đề mục thiền định này, có đối tượng là Chân nghĩa pháp vô cùng vi tế, sâu sắc, ý nghĩa rộng mênh mông, bao la, nên tâm không thể an trú vững chắc nơi đối tượng được.

Do đó, 10 đối tượng thiền định này chỉ có khả năng đạt đến ***cận định****(upacārasamādhi),* không thể đạt đến ***an định*** *(appanāsamādhi)* nên không thể chứng đắc được bậc thiền nào.

* **11 Đề mục chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới:**

- 10 Đề mục tử thi bất tịnh.

- 1 Đề mục niệm 32 thể trược trong thân.

11 đề mục thiền định này rất thô, bất tịnh đáng ghê tởm. Khi hành giả tiến hành thiền định 1 trong 11 đề mục này, cần phải có *chi thiền vitakka: hướng tâm đến đối tượng.*

Do đó, 11 đề mục thiền định này chỉ có khả năng chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới, mà không thể chứng đắc các bậc thiền sắc giới cao hơn.

*** 3 đề mục vô lượng tâm, chứng đắc 4 bậc thiền sắc giới:**

1- Đề mục niệm rải tâm từ, đến với chúng sinh đáng yêu, đáng kính mến.

2- Đề mục niệm rải tâm bi, đến với chúng sinh đang đau khổ, mong cứu khổ.

3- Đề mục niệm rải tâm hỉ, đến với chúng sinh đang hưởng hạnh phúc, an lạc.

3 đề mục vô lượng tâm này chỉ có khả năng chứng đắc được từ *đệ nhất thiền* cho đến*đệ tứ thiền sắc giới*. Nhưng không thể chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc giới.* Vì 3 đề mục thiền định này luôn luôn tùy thuộc vào *thọ hỉ (somanassavedanā)* liên quan đến chi thiền **"lạc"***(sukha).* Còn đệ ngũ thiền sắc giới, thì phải diệt chi thiền ***lạc*** thay vào chi thiền ***"xả"****(upekkhā)* và ***nhất tâm.***

Do đó, 3 đề mục vô lượng tâm này không thể chứng đắc đệ ngũ thiền sắc giới.

*** Đề mục niệm rải tâm xả, chứng đắc đệ ngũ thiền:**

Sau khi hành giả tiến hành 1 trong 3 đề mục ***vô lượng tâm: niệm rải tâm từ,*** hoặc***niệm rải tâm bi,*** hoặc ***niệm rải tâm hỉ,*** một khi đã chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc giới* đến *đệ tứ thiền sắc giới* rồi, muốn chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc giới,* hành giả cần phải thay đổi sang đề mục ***"niệm rải tâm xả đến với chúng sinh có nghiệp là của riêng mình".*** Vì *đệ ngũ thiền sắc giới* luôn luôn tùy thuộc vào ***thọ xả,*** liên quan đến chi thiền ***"xả"*** *(upekkhā).* Do đó, hành giả chỉ có niệm rải tâm xả đến cho tất cả chúng sinh có nghiệp là của riêng mình, cho đến khi chứng đắc đệ ngũ thiền sắc giới.

Đề mục niệm rải tâm xả này, chỉ có khả năng đặc biệt chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc giới*bậc cao nhất mà thôi, không thể chứng đắc thiền sắc giới bậc thấp. Vì vậy, hành giả không thể bắt đầu tiến hành thiền định với đề mục *"niệm rải tâm xả"* mà chỉ tiến hành sau khi đã chứng đắc đến *đệ tứ thiền sắc giới* với 1 trong 3 đề mục vô lượng tâm: niệm rải tâm từ, hoặc niệm rải tâm bi, hoặc niệm rải tâm hỉ.

*** 11 đề mục chứng đắc các bậc thiền sắc giới:**

- *10 Đề mục hình tròn kasiṇa.*

- *1 Đề mục niệm hơi thở vô – hơi thở ra.*

Hành giả tiến hành thiền định 1 trong 11 đề mục thiền định này, có khả năng chứng đắc tuần tự từ *đệ nhất thiền sắc giới* cho đến *đệ ngũ thiền sắc giới*. Cho nên hành giả không cần phải thay đổi sang đề mục thiền định nào khác.

*** 4 đề mục thiền vô sắc giới.**

Bốn đề mục thiền vô sắc giới, cứ mỗi đề mục, chỉ có khả năng chứng đắc mỗi bậc thiền vô sắc giới riêng biệt, theo tuần tự từ thấp đến cao như sau:

1- Đề mục *"ākāso ananto…"*: ***"hư không vô biên…"*** làm đối tượng để chứng đắc đệ nhất thiền vô sắc giới gọi là ***"Không vô biên xứ thiền".***

2- Đề mục *"viññāṇaṃ anantaṃ…"*: ***"thức vô biên…"*** *(tâm không vô biên xứ thiền)*làm đối tượng, để chứng đắc đệ nhị thiền vô sắc giới gọi là ***"Thức vô biên xứ thiền".***

3- Đề mục *"natthi kiñci…"*: ***"vô sở hữu: không có gì…"*** làm đối tượng để chứng đắc đệ tam thiền vô sắc giới gọi là ***"Vô sở hữu xứ thiền".***

4- Đề mục *"santaṃ… paṇitaṃ…"*: ***"rất vắng lặng, rất vi tế"*** của vô sở hữu xứ thiền làm đối tượng, để chứng đắc đệ tứ thiền vô sắc giới gọi là ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền".***

Bốn đề mục thiền vô sắc giới này, chỉ có thể tiến hành sau khi hành giả đã chứng đắc xong 5 bậc thiền sắc giới.

Khi hành giả đã chứng đắc đến đệ ngũ thiền sắc giới xong rồi, muốn tiếp tục chứng đắc thiền vô sắc giới, bắt buộc hành giả phải tiến hành mỗi đề mục thiền vô sắc giới tuần tự từ thấp đến cao. Cứ mỗi đề mục vô sắc giới, chỉ có khả năng chứng đắc mỗi bậc thiền vô sắc giới riêng biệt theo tuần tự trước sau mà thôi.

3- Năm pháp chướng ngại (Nivaraṇa)

Thiền định không thể phát triển được là do ***5 pháp chướng ngại*** *(nivaraṇa)*. 5 pháp này là những phiền não làm cho tâm ô nhiễm, tâm không thể an trú trong một đề mục thiền định nào làm đối tượng.

Năm pháp chướng ngại *(nivaraṇa*) là:

1- *Kāmacchanda: Tham dục,* là tâm tham muốn trong ngũ dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc).

2- *Byāpāda: Sân hận,* là tâm sân, thù hận làm cho bực bội khó chịu, nóng nảy trong tâm.

3- *Thīna-middha: Buồn chán-buồn ngủ,* là 2 tâm sở làm cho tâm thoái chí, buông bỏ đối tượng, không muốn tiến hành thiền định.

4- *Uddhacca-kukkucca: Phóng tâm-hối hận,* là 2 tâm sở làm cho tâm không thể an trú trong đối tượng thiền định. Như *phóng tâm* nghĩ chuyện này chuyện khác và *tâm hối hận*nghiệp ác đã làm, còn nghiệp thiện không làm.

5- *Vicikicchā*: *Hoài nghi,* là tâm hoài nghi, không có đức tin vững chắc nơi Tam bảo, hoặc nơi nghiệp và quả của nghiệp, nhất là còn nghi ngờ trong pháp hành thiền định….

Đó là 5 pháp chướng ngại làm cản trở việc tiến hành thiền định, làm cho tâm không thể an trú trong đề mục thiền định duy nhất nào làm đối tượng.

Muốn chế ngự, đè nén 5 pháp chướng ngại này cần phải nhờ đến 5 chi thiền.

4- Năm chi thiền (jhānaṅga)

Năm chi thiền đó là 5 tâm sở đồng sanh trong đệ nhất thiền sắc giới tâm, có khả năng chế ngự được 5 pháp chướng ngại.

Năm chi thiền là:

1- *Vitakka: Hướng tâm* đến một đề mục thiền định duy nhất làm đối tượng.

2- *Vicāra: Quan sát* đối tượng ấy.

3- *Pīti: Hỉ,* tâm hoan hỉ phát sanh do tâm an trú trong đối tượng ấy.

4- *Sukha: Thọ lạc,* phát sanh do tâm an trú trong đối tượng ấy.

5- *Ekaggatā: Nhất tâm,* định tâm an trú vững chắc trong đối tượng ấy.

Đó là 5 chi thiền đồng sanh trong đệ nhất thiền sắc giới tâm.

5 chi thiền chế ngự 5 pháp chướng ngại

Trong đệ nhất thiền sắc giới tâm có 5 chi thiền, có khả năng chế ngự được 5 pháp chướng ngại như sau:

1- *Vitakka:* Chi thiền hướng tâm tâm sở, có khả năng chế ngự được ***tâm buồn chán-buồn ngủ*** *(thīna-middha).*

2- *Vicāra:* Chi thiền quan sát tâm sở, có khả năng chế ngự được ***tâm hoài nghi****(vicikicchā).*

3- *Pīti:* Chi thiền hỉ tâm sở, có khả năng chế ngự được ***tâm sân hận*** *(byāpāda).*

4- *Sukha:* Chi thiền thọ lạc tâm sở, có khả năng chế ngự được ***phóng tâm-hối hận****(uddhacca-kukkucca).*

5- *Ekaggatā:* Chi thiền nhất tâm tâm sở, có khả năng chế ngự được ***tâm tham dục****(kāmacchanda).*

5- Năm bậc thiền sắc giới

Thiền sắc giới có 5 bậc thiền có thể phát sanh cùng trong một đề mục thiền định, hay cũng có thể khác đề mục thiền định làm đối tượng. Nhưng điều chắc chắn 5 bậc thiền sắc giới khác nhau về các chi thiền như sau:

1- ***Đệ nhất thiền sắc giới*** có 5 chi thiền là: *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatà.*

2- ***Đệ nhị thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *vitakka*, nên còn lại 4 chi thiền là:*vicāra, pīti, sukha, ekaggatā*.

3- ***Đệ tam thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *vicāra*, nên còn lại 3 chi thiền là: *pīti, sukha, ekaggatā*.

4- ***Đệ tứ thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *pīti*, nên còn lại 2 chi thiền là: *sukha, ekaggatā.*

5- ***Đệ ngũ thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *sukha*, thay bằng chi thiền *upekkhā*, nên cũng có 2 chi thiền là: *upekkhā, ekaggatā.*

Thiền sắc giới theo ***Kinh tạng*** thường có bốn bậc thiền, điểm đặc biệt ở ***đệ nhị thiền***sắc giới do có khả năng diệt được *2 chi thiền* cùng một lúc. Do đó, thiền sắc giới có 4 bậc thiền như sau:

1- ***Đệ nhất thiền sắc giới*** có 5 chi thiền là: *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā*.

2- ***Đệ nhị thiền sắc giới*** do diệt được 2 chi thiền *vitakka, vicāra,* nên còn có 3 chi thiền là: *pīti, sukha, ekaggatā.*

3- ***Đệ tam thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *pīti*, nên còn có 2 chi thiền là: *sukha, ekaggatā.*

4- ***Đệ tứ thiền sắc giới*** do diệt được chi thiền *sukha*, thay bằng chi thiền *upekkhā*, nên cũng có 2 chi thiền là: *upekkhā, ekaggatā*.

Sự khác biệt giữa các bậc thiền sắc giới là ở *chi thiền,* nhưng có thể giống nhau ở *đề mục thiền định* làm đối tượng. Nếu những đề mục thiền định ấy có khả năng chứng đắc từ đệ nhất thiền sắc giới đến đệ ngũ thiền sắc giới.

Trường hợp những đề mục thiền định chỉ có khả năng chứng đắc *đệ nhất thiền sắc giới* mà thôi, hay có khả năng chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc giới,* cho đến *đệ tứ thiền sắc giới,* hành giả muốn chứng đắc bậc thiền sắc giới cao hơn, cần phải thay đổi sang đề mục thiền định khác, có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc giới cao hơn nữa.

6- Bốn bậc thiền vô sắc giới

Sau khi hành giả đã chứng đắc qua 5 bậc thiền sắc giới xong rồi, muốn tiếp tục tiến hành thiền định để chứng đắc các bậc thiền vô sắc giới, hành giả cần phải thay đổi sang đề mục thiền vô sắc giới.

Thiền vô sắc giới có 4 bậc thiền, cứ mỗi bậc thiền vô sắc giới, có mỗi đề mục riêng biệt của bậc thiền ấy.

Bốn bậc thiền vô sắc giới là:

1- ***Đệ nhất thiền vô sắc giới***, gọi là: ***"Không vô biên xứ thiền"*** có 2 chi thiền là:*upekkhā* và *ekaggatā*. Có đề mục *"hư không vô biên"* làm đối tượng.

2- ***Đệ nhị thiền vô sắc giới***, gọi là: ***"Thức vô biên xứ thiền"*** có 2 chi thiền là:*upekkhā* và *ekaggatā*. Có đề mục *"thức vô biên (tâm không vô biên xứ thiền)"* làm đối tượng.

3- ***Đệ tam thiền vô sắc giới***, gọi là: ***"Vô sở hữu xứ thiền"*** có 2 chi thiền là: *upekkhā*và *ekaggatā*. Có đề mục *"vô sở hữu"* làm đối tượng.

4- ***Đệ tứ thiền vô sắc giới***, gọi là: ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền"*** có 2 chi thiền là: *upekkhā* và *ekaggatā*. Có đề mục *"rất vắng lặng, rất vi tế"* của vô sở hữu xứ thiền làm đối tượng.

Đó là 4 bậc thiền vô sắc giới, cứ mỗi bậc thiền vô sắc giới có mỗi đề mục khác nhau, nhưng 4 bậc thiền vô sắc giới đều giống nhau về chi thiền là: *upekkhā* và *ekaggatā*.

Điểm khác biệt giữa thiền sắc giới và thiền vô sắc giới:

- Năm bậc thiền sắc giới có chi thiền hoàn toàn khác nhau, về đề mục giống nhau cũng có và khác nhau cũng có.

- Bốn bậc thiền vô sắc giới có 2 chi thiền hoàn toàn giống nhau, nhưng mỗi bậc thiền vô sắc giới có đối tượng hoàn toàn khác nhau.

Điều Nên Biết Về Tiến Hành Thiền Định

Hành giả mong muốn tiến hành thiền định, nên biết những điều quan trọng sau đây:

- Hành giả nên tìm một vị *Thiền sư* thông thạo về pháp học và giàu kinh nghiệm về pháp hành thiền định, để nương nhờ học hỏi trực tiếp, và trình pháp thiền của mình suốt thời gian tiến hành thiền định, để tránh sai lầm trong pháp hành thiền định.

- Nếu tự mình có khả năng tự chọn một đề mục thiền định thích hợp với bản tánh riêng của mình, bằng không, nên nhờ vị *Thiền sư* chọn giúp đề mục thiền định thích hợp.

Điều này rất quan trọng, nếu hành giả chọn đề mục không thích hợp với bản tánh riêng của mình, thì sự tiến hành thiền định khó phát triển tốt được. Khi hành giả chọn đúng đề mục thiền định thích hợp, thì sự tiến hành thiền định được thuận lợi, dễ dàng phát triển tốt.

Đó quả là điều khó khăn, vì ngoài ***Đức Phật*** ra, không có vị *Thiền sư* nào có khả năng biết được căn duyên của hành giả, nên việc chọn đúng đề mục thiền định thích hợp với căn duyên của hành giả là điều không phải dễ.

- Hành giả phải có giới đức trong sạch làm nền tảng để tiến hành thiền định, mới được phát triển tốt. Cũng giống như cây được phát triển tốt là do nương nhờ ở đất tốt.

- Sau khi đã chọn được đề mục thiền định thích hợp với bản tánh riêng của mình, hành giả nên tìm một nơi thanh vắng, yên tĩnh để tiến hành thiền định.

- Buổi ban đầu, hành giả phải nên thường gần gũi thân cận với vị *Thiền sư* giàu kinh nghiệm về pháp hành thiền định, để trình pháp: là trình những hiện tượng, những ấn chứng phát sanh lên với hành giả chưa từng thấy trước đây, để cho vị *Thiền sư* nhận xét đúng hay sai rồi chỉ dẫn tiếp tục sự tiến hành thiền định. Nếu không có sự hướng dẫn trực tiếp của vị*Thiền sư* thì dễ sanh sự hoài nghi, có thể làm chướng ngại việc tiến hành thiền định của hành giả.

Tập sách nhỏ này đề cập đến vấn đề ***"Tìm hiểu về pháp hành thiền tuệ"*** không phải pháp hành thiền định. Song pháp hành thiền định được nêu ra, để có sự nhận xét so sánh; để phân biệt sự khác nhau giữa pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ; để hiểu biết, hỗ trợ lẫn nhau giữa hai pháp hành.

Nếu hành giả muốn tiến hành thiền định, nên học hỏi nghiên cứu ở bộ ***Thanh Tịnh Đạo*** *(Visuddhimagga),* phần thiền định, để tìm hiểu rõ ràng hơn.

7- Quả Báu Của Thiền Định

Hành giả tiến hành thiền định, đã chứng đắc được các bậc thiền sắc giới, các bậc thiền vô sắc giới nào rồi, hành giả sẽ hưởng được nhiều quả báu ngay cả trong kiếp hiện tại lẫn kiếp vị lai như sau:

1- Nhập định để hưởng sự an lạc trong kiếp hiện tại.

2- Chứng đắc được bát thiền có khả năng luyện Ngũ thông *(Abhiññā).*

3- Bậc thiền làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ.

4- Bậc thiền hỗ trợ bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả định.

5- Bát thiền hỗ trợ bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán nhập Diệt thọ tưởng định.

6- Quả báu tái sanh kiếp sau.

7.1- Nhập định để hưởng sự an lạc trong kiếp hiện tại *(jhānasamāpatti)*

Hành giả đã chứng đắc bậc thiền nào rồi, và đã thường quen tập luyện 5 pháp thuần thục *(vasī):*

1- *Āvajjanavasī:* Thuần thục trong sự quán xét chi thiền do ý môn hướng tâm.

2- *Samāpajjanavasī:* Thuần thục trong việc nhập định.

3- *Adhiṭṭhānavasī:* Thuần thục việc phát nguyện thời gian nhập định.

4- *Vuṭṭhānavasī*: Thuần thục việc xả định theo thời gian.

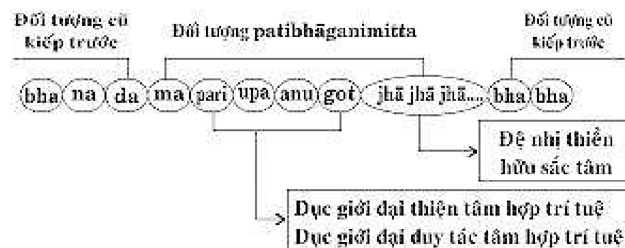
5- *Paccavekkhaṇavasī:* Thuần thục trong việc quán xét chi thiền do tác hành tâm*(javanacitta).*

Hành giả có 5 pháp thuần tục, có thể nhập định ở bậc thiền nào đã chứng đắc, để hưởng an lạc ở kiếp hiện tại, trong một thời gian suốt 1 giờ hay 2-3 giờ theo ý muốn của hành giả. Nếu đã chứng đắc tất cả các bậc thiền sắc giới, thiền vô sắc giới, thì hành giảcó thể nhập định bậc thiền nào, mà hành giả muốn.

Ví dụ:

Hành giả đã chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc giới* đến *đệ ngũ thiền sắc giới.* Nay hành giả phát nguyện muốn nhập định ở *đệ nhị thiền sắc giới,* thì hành giả luyện 5 pháp thuần thục rồi nhập định theo lộ trình đệ nhị thiền sắc giới như sau:

Đồ biểu lộ trình tâm nhập thiền định: ***Jhānasamāpattivīthi***



Giải Thích:

		viết tắt
1- Bhavaṅgacitta	Hộ kiếp tâm	*bha*
2- Bhavaṅgacalana	Hộ kiếp tâm bị rung động	*na*
3- Bhavaṅgupaccheda	Hộ kiếp tâm bị cắt đứt	*da*
4-	Ý môn hướng tâm	*m*

Manodvāravajjanacitta		*a*	
5- Parikamma	Chuẩn bị đệ nhị thiền phát sanh	*ri*	*pa*
6- Upacāra	Cận thiền tâm	*a*	*up*
7- Anuloma	Thuận dòng thiền tâm	*u*	*an*
8- Gotrabhu	Chuyển dục giới tâm sang sắc giới tâm	*t*	*go*
9- Dutiyajjhānacitta	Đệ nhị thiền sắc giới tâm	*ā*	*jh*
10- Bhavaṅgacitta	Hộ kiếp tâm	*a*	*bh*

Hành giả đã nhập định đệ nhị thiền sắc giới, thì đệ nhị thiền sắc giới tâm phát sanh liên tục trong suốt thời gian mà hành giả đã phát nguyện, có thể suốt 1 giờ hoặc 2-3 giờ theo ý muốn của mình.

Trong khi nhập định, chỉ có *thiền tâm* phát sanh theo *ý môn lộ trình thiền tâm* mà thôi.Ngoài ra, các loại tâm khác không phát sanh ở các môn khác, nên hành giả không thấy sắc, không nghe tiếng, không ngửi mùi, không nếm vị, không biết tiếp xúc nóng lạnh, mà chỉ có*thiền tâm phát sanh* liên tục, hành giả hưởng được sự an lạc trong bậc thiền ấy cho đến khi hết thời gian phát nguyện. Khi ấy, hộ kiếp tâm phát sanh, chấm dứt lộ trình tâm nhập định. Hành giả trở lại cuộc sống bình thường. Nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần; nhĩ thức tâm nghe thanh trần, tỷ thức tâm ngửi hương trần; thiệt thức tâm nếm vị trần; thân thức tâm tiếp xúc trần và ý thức tâm biết pháp trần.

7.2- Bát thiền, luyện Ngũ thông *(Abhiññā)*

Hành giả chứng đắc được tứ thiền sắc giới và tứ thiền vô sắc giới, có thể luyện Ngũ thông *(Abhiññā).*

Thế gian thần thông *(Lokiya abhiññā)* có 5 loại:

1- *Iddhividha abhiññā: Thần túc thông:* là thần thông có thể biến hóa một người thành ra cả ngàn người; hiện thân đến nơi khác; tàng hình không ai thấy; xuyên qua núi; hóa mặt đất thành biển, hoá biển thành mặt đất, thăng thiên, độn thổ, hóa ra người già, chư thiên, voi, ngựa, cọp,….

2- *Dibbacakkhu abhiññā: Thiên nhãn thông,* là thần thông có thể thấy khắp mọi nơi; thấy các cõi trời dục giới, sắc giới, thấy ngạ quỷ, atula, địa ngục. Và còn có thể thấy những gì đã xảy ra trong quá khứ, sẽ xảy ra trong vị lai….

3- *Dibbasota abhiññā: Thiên nhĩ thông,* là thần thông có thể nghe được các thứ tiếng từ xa khắp mọi nơi….

4- *Pubbenivāsānussati abhiññā: Túc mạng thông,* là thần thông có thể nhớ rõ những kiếp trong quá khứ, đủ mọi chi tiết, kiếp trước sanh làm loại chúng sinh nào, tên, dòng họ, tạo nghiệp gì….

5- *Paracittavijānana abhiññā: Tha tâm thông,* là thần thông có thể biết rõ được ý nghĩ của người khác, chúng sinh khác.

Năm loại thần thông này thuộc thế gian.

7.3- Bậc thiền làm nền tảng để tiến hành thiền tuệ

Hành giả đã chứng đắc được bậc thiền nào, hành giả *xả bậc thiền* ấy ra rồi dùng bậc thiền ấy làm nền tảng để ***tiến hành thiền tuệ.*** Nghĩa là dùng ***chi thiền*** hay ***bậc thiền tâm*** ấy làm đối tượng của thiền tuệ.

- ***Thiền tâm,*** hay ***chi thiền*** ấy thuộc về ***danh pháp.***

- ***Sắc ý căn*** *(hadayavatthu)* nơi nương nhờ phát sanh thiền tâm cùng chi thiền ấy thuộc về ***sắc pháp.***

Hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp*** ấy sanh rồi diệt, hiện thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả theo*bậc thiền ấy.* Bậc thiền tâm ấy trở thành ***"siêu tam giới thiền tâm"*** vì có Niết Bàn làm đối tượng.

Do đó *siêu tam giới thiền tâm có* 5 bậc thiền, từ đệ nhất thiền đến đệ ngũ thiền, vì đặc biệt có *Niết Bàn siêu tam giới* làm đối tượng thiền tuệ.

7.4- Bậc thiền hỗ trợ bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả Định *(phalasammāpatti)*

Hành giả là bậc Thánh nhân đã chứng đắc thiền định có thể nhập *Thánh Quả Định* bậc cao cuối cùng, để hưởng sự an lạc tịch tịnh Niết Bàn suốt thời gian phát nguyện 1 giờ hay 2-3 giờ tuỳ theo ý muốn của hành giả.

Ví dụ:

Bậc Thánh Arahán đã chứng đắc *đệ ngũ thiền* chỉ có thể nhập *Arahán Thánh Quả Định,* ở *bậc thiền nào* trong 5 bậc thiền đã chứng đắc tùy ý, nhưng không thể nhập Thánh Quả Định bậc thấp, như Bất Lai Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Quả….

(Lộ trình tâm nhập Arahán Thánh Quả Định, xin xem phần "Quả báu của thiền tuệ" ở sau).

7.5- Bậc thiền hỗ trợ cho bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán nhập Diệt thọ tưởng định *(nirodhasamāpatti)*

Hành giả là bậc Thánh Bất Lai *(Anāgāmī)* và bậc Thánh Arahán *(Arahanta)* muốn nhập Diệt thọ tưởng định cần phải có đủ 2 năng lực:

- ***Năng lực của thiền định*** *(samathabala)* phải chứng đắc cửu thiền (hay bát thiền).

- ***Năng lực của thiền tuệ*** *(vipassanābala)* phải là bậc Bất Lai Thánh Quả, hoặc bậc Arahán Thánh Quả.

Do nhờ 2 năng lực ấy, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán mới có thể nhập Diệt thọ tưởng định *(nirodhasammāpatti)*. Nghĩa là diệt ***tâm, tâm sở*** và ***sắc pháp phát sanh từ tâm,*** *(chỉ có sắc pháp phát sanh từ nghiệp, từ thời tiết và từ vật thực còn lại mà thôi),* suốt trong 7 ngày hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh khổ. Qua đến ngày thứ 8 xả *Diệt thọ tưởng định,* trở lại cuộc sống bình thường, thở vô – thở ra, 6 thức tâm tiếp xúc với 6 trần cảnh như trước.

(Lộ trình tâm nhập Diệt thọ tưởng định xin xem phần "Quả báu của thiền tuệ" ở sau).

7.6- Quả báu tái sanh kiếp sau

Hành giả tiến hành thiền định sẽ được những quả báu như sau:

- Nếu hành giả tiến hành thiền định chỉ đạt đến ***cận định*** *(upacārasamādhi)*, chưa chứng đắc bậc thiền nào. Sau khi chết do năng lực dục giới thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người hay làm chư thiên ở 6 cõi trời dục giới, thọ hưởng sự an lạc ở cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

- Nếu hành giả tiến hành thiền định chứng đắc được bậc ***thiền sắc giới*** hay ***thiền vô sắc giới*** nào rồi, bậc thiền ấy không bị hoại mất cho đến lúc chết. Sau khi chết, do năng lực sắc giới thiện nghiệp cho quả chắc chắn tái sanh làm Phạm thiên ở cõi trời sắc giới hay cõi trời vô sắc giới tuỳ theo bậc thiền sở đắc cuối cùng của hành giả.

Khi hành giả đã tái sanh ở cõi trời sắc giới hay cõi trời vô sắc giới nào rồi, được hưởng sự an lạc, của cõi trời sắc giới hay cõi trời vô sắc giới ấy cho đến hết tuổi thọ.

Quả báu 4 bậc thiền sắc giới

Bốn bậc thiền sắc giới, mỗi bậc thiền có năng lực khác nhau tương xứng với 16 tầng trời sắc giới như sau:

1- Quả báu đệ nhất thiền sắc giới

Hành giả đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc giới, sẽ được tái sanh 3 tầng trời sắc giới tuỳ theo năng lực của bậc thiền.

- ***Đệ nhất thiền sắc giới bậc hạ,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Phạm chúng thiên,*** có tuổi thọ 1/3 a tăng kỳ trụ.

- ***Đệ nhất thiền sắc giới bậc trung,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Phạm phụ thiên,*** có tuổi thọ 1/2 a tăng kỳ trụ.

- ***Đệ nhất thiền sắc giới bậc thượng,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Đại phạm thiên,*** có tuổi thọ 1 a tăng kỳ trụ [3].

2- Quả báu đệ nhị thiền sắc giới

Hành giả đã chứng đắc đệ nhị thiền sắc giới, sẽ được tái sanh 3 tầng trời sắc giới tuỳ theo năng lực của bậc thiền.

- ***Đệ nhị thiền sắc giới bậc hạ,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Thiểu quang thiên,*** có tuổi thọ 2 đại kiếp. [4]

- ***Đệ nhị thiền sắc giới bậc trung,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Vô lượng quang thiên,*** có tuổi thọ 4 đại kiếp.

- ***Đệ nhị thiền sắc giới bậc thượng,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Quang âm thiên,*** có tuổi thọ 8 đại kiếp.

3- Quả báu đệ tam thiền sắc giới

Hành giả đã chứng đắc đệ tam thiền sắc giới, sẽ được tái sanh 3 tầng trời sắc giới tuỳ theo năng lực của bậc thiền.

- ***Đệ tam thiền sắc giới bậc hạ,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng tròi ***Thiểu tịnh thiên,*** có tuổi thọ 16 đại kiếp.

- ***Đệ tam thiền sắc giới bậc trung,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Vô lượng tịnh thiên,*** có tuổi thọ 32 đại kiếp.

- ***Đệ tam thiền sắc giới bậc thượng,*** được tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời ***Biến tịnh thiên,*** có tuổi thọ 64 đại kiếp.

4- Quả báu đệ tứ thiền sắc giới

Hành giả là hạng phàm nhân và bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai đã chứng đắc đệ tứ thiền sắc giới, sau khi chết, do năng lực bậc thiền ấy cho quả tái sanh làm Phạm thiên ở tầng trời sắc giới ***Quảng quả thiên,*** có tuổi thọ 500 đại kiếp. Quảng quả thiên là tầng trời tột đỉnh của cõi trời sắc giới.

Và hành giả là hạng phàm nhân đã chứng đắc đệ tứ thiền sắc giới, có tâm nhàm chán ở 4 ***danh uẩn*** *(thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn);* không muốn có 4 danh uẩn, chỉ muốn có 1 ***sắc uẩn.*** cho nên, sau khi chết, do nguyện lực của hành giả, đệ tứ thiền sắc giới không cho quả 4 danh

uẩn tái sanh, mà cho quả sắc uẩn tái sanh đó là *Jīvitanavakakalāpa (nhóm 9 sắc pháp có sắc mạng chủ là chính)* lên cõi trời ***Vô tưởng thiên.*** Phạm thiên ở tầng trời này chỉ có 1 uẩn là ***sắc uẩn,*** không có 4 danh uẩn và có tuổi thọ 500 đại kiếp.

(Như vậy, nếu nói rằng không có tâm thức là không phải chúng sinh, thì ở trường hợp chư Phạm thiên ở tầng trời ***Vô tưởng thiên*** *là không đúng. Chư Phạm thiên ở tầng trời Vô tưởng thiên sống đủ 500 đại kiếp rồi phải tái sanh trở lại cõi trời dục giới).*

Quả báu đệ tứ thiền sắc giới, đối với bậc Thánh Bất Lai

Hành giả là *bậc Thánh Bất Lai* đã chứng đắc đệ tứ thiền sắc giới, sau khi chết, do năng lực bậc thiền này cho quả tái sanh làm Phạm thiên ở 5 tầng trời của ***Phước sanh thiên***theo năng lực của 5 pháp chủ.

Phước sanh thiên có 5 tầng trời:

1- *Bậc Thánh Bất Lai* có ***tín pháp chủ*** nhiều năng lực, bậc thiền ấy cho quả tái sanh ở tầng trời ***Vô phiền thiên,*** có tuổi thọ 1.000 đại kiếp.

2- *Bậc Thánh Bất Lai* có ***tấn pháp chủ*** nhiều năng lực, bậc thiền ấy cho quả tái sanh ở tầng trời ***Vô nhiệt thiên,*** có tuổi thọ 2.000 đại kiếp.

3- *Bậc Thánh Bất Lai* có ***niệm pháp chủ*** nhiều năng lực, bậc thiền ấy cho quả tái sanh ở tầng trời ***Thiện hiện thiên,*** có tuổi thọ 4.000 đại kiếp.

4- *Bậc Thánh Bất Lai* có ***định pháp chủ*** nhiều năng lực, bậc thiền ấy cho quả tái sanh ở tầng trời ***Thiện kiến thiên,*** có tuổi thọ 8.000 đại kiếp.

5- *Bậc Thánh Bất Lai* có ***tuệ pháp chủ*** nhiều năng lực, bậc thiền ấy cho quả tái sanh ở tầng trời ***Sắc cứu cánh thiên,*** có tuổi thọ 16.000 đại kiếp.

Bậc Thánh Bất Lai chắc chắn chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn 1 trong 5 cõi trời Phước sanh thiên này, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Quả báu bốn bậc thiền vô sắc giới

Hành giả đã chứng đắc thiền vô sắc giới, chắc chắn bậc thiền ấy sẽ cho quả tái sanh làm Phạm thiên ở cõi trời vô sắc giới. Chư Phạm thiên ở cõi trời này chỉ có ***4 danh uẩn: thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn,*** không có sắc uẩn, nên cõi trời này gọi là cõi trời vô sắc giới.

1- ***Đệ nhất thiền vô sắc giới***, gọi là ***"không vô biên xứ thiền"***, được tái sanh lên tầng trời vô sắc giới ***"Không vô biên xứ thiên",*** có tuổi thọ 20.000 đại kiếp.

2- ***Đệ nhị thiền vô sắc giới***, gọi là ***"thức vô biên xứ thiền",*** được tái sanh lên tầng trời vô sắc giới ***"Thức vô biên xứ thiên",*** có tuổi thọ 40.000 đại kiếp.

3- ***Đệ tam thiền vô sắc giới,*** gọi là ***"vô sở hữu xứ thiền",*** được tái sanh lên tầng trời vô sắc giới ***"Vô sở hữu xứ thiên",*** có tuổi thọ 60.000 đại kiếp.

4- ***Đệ tứ thiền vô sắc giới***, gọi là ***"phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền",*** được tái sanh lên tầng trời vô sắc giới ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên"*** là tầng trời tột cùng của cõi trời vô sắc giới, có tuổi thọ 84.000 đại kiếp.

Đó là quả báu của bốn bậc thiền sắc giới, và bốn bậc thiền vô sắc giới.

Chư Phạm thiên *(không phải bậc Thánh nhân)* sanh ở tầng trời sắc giới, hay tầng trời vô sắc giới nào, dầu có tuổi thọ sống lâu bao nhiêu đi nữa, đến khi hưởng hết tuổi thọ ở tầng trời ấy rồi, đều phải chết, rồi tái sanh trở lại kiếp khác do nghiệp dẫn dắt.

Vị Phạm thiên nào trong thời gian đang hưởng thọ ở tầng trời sắc giới, và tiếp tục tiến hành thiền định, chứng đắc bậc thiền nào, có thể thấp hơn, hoặc ngang bằng, hoặc cao hơn bậc thiền đang hưởng tại tầng trời ấy, sau khi chết, sẽ tái sanh kiếp khác như sau:

- Nếu chứng đắc bậc thiền sắc giới thấp hơn, thì sẽ tái sanh xuống tầng trời thấp hơn, theo bậc thiền sở đắc.

- Nếu chứng đắc bậc thiền ngang bằng bậc thiền cũ, thì sẽ tái sanh trở lại tầng trời cũ như kiếp trước.

- Nếu chứng đắc bậc thiền cao hơn, thì sẽ tái sanh lên tầng trời cao hơn, theo bậc thiền sở đắc.

- Nhưng nếu không chứng đắc được bậc thiền nào, thì phải tái sanh xuống cõi thiện dục giới (1 cõi người + 6 cõi trời dục giới).

- Chư Phạm thiên ở tầng trời Vô tưởng thiên, khi hưởng hết tuổi thọ 500 đại kiếp rồi, sau khi chết, do năng lực thiện nghiệp kiếp trước tích lưu lại từ kiếp thứ 3 trở về trước, thiện nghiệp ấy cho quả, chắc chắn sẽ tái sanh xuống cõi thiện dục giới.

Vị Phạm thiên nào trong thời gian đang hưởng thọ ở tầng trời vô sắc giới, tiếp tục tiến hành thiền định chỉ có thể chứng đắc ngang bằng bậc thiền cũ, hoặc chứng đắc bậc thiền cao hơn. Nhưng chắc chắn không thể chứng đắc bậc thiền thấp hơn bậc thiền cũ, vì không có đề mục thiền định để làm đối tượng. Như vậy, chư Phạm thiên ở cõi trời vô sắc giới, sau khi chết, chỉ có

thể sẽ tái sanh trở lại tầng trời vô sắc giới cũ, hoặc tầng trời vô sắc giới cao hơn mà thôi.

- Chư Phạm thiên ở tầng trời ***Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên,*** tột đỉnh của cõi trời vô sắc giới, hưởng hết tuổi thọ 84.000 đại kiếp rồi, nếu không chứng đắc được bậc thiền cũ, thì sau khi chết, chắc chắn phải tái sanh xuống cõi thiện dục giới.

Pháp hành thiền định vẫn còn phải chịu cảnh tử sanh luân hồi quanh quẩn trong tam giới, không thể giải thoát khổ.

Pháp hành có thể dẫn đến sự giải thoát tử sanh luân hồi trong tam giới, đó là ***Pháp hành thiền tuệ.***

Chú thích:

[1] Trường hợp nhất tâm tâm sở là loại tâm sở đồng sanh với tất cả các loại tâm, gồm có 89 hoặc 121 tâm, nhận biết cả 6 đối tượng: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Nhất tâm tâm sở này không thuộc về pháp hành thiền định.

[2] Đề mục hình tròn kasiṇa có đường kính 1 gang + 4 lóng tay, để cách xa chỗ ngồi 2 hắc tay + 1 gang.

[3] A tăng kỳ phiên âm từ chữ "asaṅkheyya". Thời gian lâu dài không thể đếm bằng số, thời gian diễn tiến trải qua 4 a tăng kỳ như sau:

- A tăng kỳ thành: khoảng thời gian lâu dài, thế giới được tạo thành mới.

- A tăng kỳ trụ: khoảng thời gian lâu dài, thế giới đang tồn tại, như thế giới ngày nay.

- A tăng kỳ hoại: khoảng thời gian lâu dài, thế giới đang bị hoại.

- A tăng kỳ không: khoảng thời gian lâu dài, thế giới không còn nữa.

[4] Đại kiếp dịch từ Mahākappa: Khoảng thời gian lâu dài trải qua 4 a tăng kỳ thành - trụ - hoại - không.

-ooOoo-

2- PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ *(Vipassanābhāvanā)*

Pháp hành thiền tuệ là pháp hành chỉ có trong Phật giáo, không có ngoài Phật giáo. Qua tiểu sử của Đức Phật khi còn là Đức Bồ Tát, Ngài đã từng thọ giáo với vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta và vị Đạo sư Udaka Rāmaputta về pháp hành thiền định, Đức Bồ Tát đã chứng đắc tứ thiền sắc giới và tứ thiền vô sắc giới, là pháp hành cao nhất ở thời kỳ ấy, nhưng hoàn toàn không có ***pháp hành thiền tuệ.***

Pháp hành thiền tuệ là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được tham ái là nhân sanh khổ, và tất cả mọi phiền não, mọi ác pháp, cuối cùng tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Vì vậy, ***pháp hành thiền tuệ*** là pháp hành rất vi tế, sâu sắc, rất khó hiểu về phần ***pháp học*** *(lý thuyết*), lại càng khó về ***pháp hành*** *(thực hành)* cho đúng.

Phần ***pháp học*** khó hiểu, là vì những danh từ ngôn ngữ chế định có ***Thực tánh pháp*** làm nền tảng. Song ***thực tánh*** của tất cả ***danh pháp, sắc pháp*** hoàn toàn không phải là danh từ ngôn ngữ chế định *(paññatti).*

Do đó, ***pháp học*** cũng chỉ là phương tiện để hiểu rõ, phân biệt rõ được danh từ chế định ***thực tánh*** của mỗi ***danh pháp, sắc pháp*** để hiểu biết về ***pháp hành thiền tuệ.***

Phần ***pháp hành thiền tuệ*** lại càng rất khó, là vì đối tượng của ***pháp hành thiền tuệ*** là ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramatthadhamma), hay* ***Thực tánh pháp****(Sabhāvadhamma),* hoàn toàn không phải danh từ ngôn ngữ chế định. Cho nên rất khó thấy rõ, rất khó biết rõ, bởi vì ***vô minh*** *(avijjā)* bao trùm phủ kín lên thực tánh của danh pháp, sắc pháp, lại còn bị ***tham ái*** *(taṇhā)* lôi cuốn theo 6 dục cảnh: *sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc êm ái, pháp trần hài lòng,* nên mắc phải những sai lầm ***hư ảo*** *(vipallāsa)* như sau:

* ***Tâm hư ảo*** *(cittavipallāsa):* Tâm biết sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp.

* ***Tà kiến hư ảo*** *(diṭṭhivipallāsa):* Tà kiến thấy lầm nơi danh pháp, sắc pháp.

* ***Tưởng hư ảo*** *(saññāvipallāsa):* Tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp.

- Tâm biết lầm, tà kiến thấy lầm, tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho là ***"thường"*** *(nicca);* nhưng sự thật danh pháp, sắc pháp có ***"trạng thái vô thường"*** *(anicca).*

- Tâm biết lầm, tà kiến thấy lầm, tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho là ***"lạc"****(sukha);* nhưng sự thật danh pháp, sắc pháp có ***"trạng thái khổ"*** *(dukkha).*

- Tâm biết lầm, tà kiến thấy lầm, tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho là ***"ngã"****(attā);* nhưng sự thật danh pháp, sắc pháp có ***"trạng thái vô ngã"*** *(anattā).*

- Tâm biết lầm, tà kiến thấy lầm, tưởng lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho là ***"tịnh, đẹp"*** *(subha);* nhưng sự thật danh pháp, sắc pháp có trạng thái ***"bất tịnh"*** *(asubha).*

Do tâm biết lầm, tà kiến thấy lầm, tưởng sai lầm nơi danh pháp cho rằng ***thường, lạc, ngã, tịnh*** nên làm cho chúng sinh say mê trong danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn; mà không biết rằng danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn là ***vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh.***

Pháp hành thiền tuệ là pháp hành để phát sanh *trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ đúng theo sự thật thực tánh của danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện rõ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh,*** để diệt được những điều hư ảo sai lầm cho là ***"danh pháp, sắc pháp là thường, lạc, ngã, tịnh",*** làm cho chúng sinh say mê trong danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn.

Pháp hành thiền tuệ hoàn toàn không sáng tạo thêm ra những gì mới mẽ, không làm cho phát sanh những ấn chứng, hỉ lạc như pháp hành thiền định. Sự thật, pháp hành thiền tuệ cốt để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên.

Sở dĩ không thấy rõ, không biết rõ được thực tánh của các pháp, là vì ***vô minh*** che phủ sự thật thực tánh pháp ấy. Cho nên, tiến hành thiền tuệ để phát sanh trí tuệ thiền tuệ diệt tâm vô minh, trở lại thấy rõ, biết rõ sự thật thực tánh pháp, chỉ có ***khổ*** mà thôi, để nhàm chán nơi danh pháp, sắc pháp; để diệt tâm ***tham ái*** nơi danh pháp, sắc pháp; để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, đó là ***giải thoát khổ sanh*** chính là giải thoát mọi cảnh khổ.

Định Nghĩa Thiền Tuệ (Vipassanāñāṇa).

Thiền tuệ là trí tuệ thấy rõ và biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt, nên hiện thấy rõ biết rõ ba trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được mọi tham ái cùng mọi phiền não và mọi ác pháp, giải thoát mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài

Những điểm đặc biệt trong phần định nghĩa

1- ***Trí tuệ thiền tuệ*** *(vipassanāñāṇa):* là chủ thể của pháp hành thiền tuệ.

2- ***Danh pháp*** *(nāmadhamma),* ***sắc pháp*** *(rūpadhamma):* là đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

3- ***Sự sanh*** *(upāda),* ***sự diệt*** *(vāya)* của danh pháp, sắc pháp trong hiện tại, đó là sự thấy rõ, biết rõ của *trí tuệ thiền tuệ*.

4- ***Ba trạng thái chung*** *(sāmaññalakkhaṇa)* của danh pháp, sắc pháp: đó là sự thấy rõ, biết rõ của *trí tuệ thiền tuệ*.

5- ***Tứ thánh đế*** *(Ariyasacca):* là mục đích của *trí tuệ thiền tuệ.*

6- ***4 Thánh Đạo*** *(Ariyamagga):* là 4 siêu tam giới thiện tâm, là kết quả của pháp hành thiền tuệ.

7- ***4 Thánh Quả*** *(Ariyaphala):* là 4 siêu tam giới quả tâm, là quả của 4 siêu tam giới thiện tâm.

8- ***Niết Bàn*** *(Nibbāna):* là đối tượng của 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm.

9- ***Diệt đoạn tuyệt*** *(samucchedapahāna)* được tham ái, phiền não, ác pháp: bằng Thánh Đạo Tuệ.

10- ***Quả báu*** của pháp hành thiền tuệ.

PHẦN GIẢI THÍCH

1- Trí Tuệ Thiền Tuệ

Trí tuệ thiền tuệ *(Vipassanāñāṇa)* là chủ thể chính yếu của pháp hành thiền tuệ, có khả năng đặc biệt, thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt,*** nên hiện rõ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Còn lại các loại trí tuệ khác hiểu biết các pháp chế định *(paññattidhamma),* pháp học, pháp hành thiền định, các ấn chứng của thiền định…, những loại trí tuệ ấy không gọi là ***trí tuệ thiền tuệ.***

Chức năng của trí tuệ nói chung:

Trí tuệ thuộc về tâm sở gọi là *tuệ chủ tâm sở (paññindriya-cetasika),* đồng sanh với 47 hay 79 tâm như sau:

- 12 dục giới tịnh hảo tâm hợp với trí *(ñāṇasampayuttacitta).*
- 15 sắc giới tâm *(rūpavacaracitta).*
- 12 vô sắc giới tâm *(arūpavacaracitta).*
- 8 hay 40 siêu tam giới tâm *(lokuttaracitta).*

Tuệ chủ tâm sở hợp trong mỗi tâm có khả năng biết đối tượng riêng biệt như sau:

- ***Tuệ chủ tâm sở*** đồng sanh trong 12 dục giới tịnh hảo tâm hợp với trí, đó là: 4 dục giới đại thiện tâm hợp với trí + 4 dục giới đại quả tâm hợp với trí + 4 dục giới đại duy tác tâm hợp với trí, có khả năng biết 6 đối tượng: ***sắc***

trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần [5] **,** biết đối tượng Chân nghĩa pháp và đối tượng Chế định pháp.

- ***Tuệ chủ tâm sở*** đồng sanh với 15 sắc giới tâm, đó là: 5 sắc giới thiện tâm + 5 sắc giới quả tâm + 5 sắc giới duy tác tâm, có khả năng chỉ biết được 1 đối tượng là ***pháp trần,***phần thuộc về ***Chế định pháp*** *(Paññattidhamma).*

- ***Tuệ chủ tâm sở*** đồng sanh với 12 vô sắc giới tâm, đó là: 4 vô sắc giới thiện tâm + 4 vô sắc giới quả tâm + 4 vô sắc giới duy tác tâm, có khả năng chỉ biết được 1 đối tượng là***pháp trần,*** phần thuộc về ***Chế định pháp và Chân nghĩa pháp*** là đối tượng của thiền định.

- ***Tuệ chủ tâm sở*** đồng sanh với 8 hay 40 siêu tam giới tâm, đó là: 4 hay 20 Thánh Đạo Tâm + 4 hay 20 Thánh Quả Tâm, có khả năng chỉ biết được 1 đối tượng là ***pháp trần,***phần thuộc về ***Niết Bàn, Chân nghĩa pháp.***

Trí tuệ thiền tuệ phát sanh như thế nào?

Trí tuệ thiền tuệ phát sanh do nhiều nguyên nhân xa và gần.

- Nguyên nhân xa: hành giả phải là người tam nhân *(vô tham, vô sân, vô si)* từ khi tái sanh.

- Nguyên nhân gần: do trí tuệ lắng nghe, học hỏi, nghiên cứu hiểu biết rõ ràng về danh pháp, sắc pháp thuộc Chân nghĩa pháp; và do trí tuệ tư duy đúng đắn theo pháp đã học, làm nền tảng căn bản, để tiến hành đúng theo pháp hành thiền tuệ.

Khi hành giả tiến hành thiền tuệ, có chánh niệm trực nhận, trí tuệ tỉnh giác trực giác danh pháp, sắc pháp, có sự tinh tấn phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, nên hiện rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Trí tuệ thiền tuệ *(Vipassanāñāna),* có hai loại:

- Trí tuệ thiền tuệ thuộc tam giới *(lokiyavipassanāñāṇa).*

- Trí tuệ thiền tuệ thuộc siêu tam giới *(lokuttaravipassanā).*

* ***Trí tuệ thiền tuệ thuộc tam giới:*** là tuệ chủ tâm sở đồng sanh trong 4 dục giới đại thiện tâm hợp với trí, *(trong tâm của hạng thiện trí phàm nhân và 3 bậc Thánh Hữu Học: bậc Thánh Nhập Lưu, Thánh Nhất Lai, Thánh Bất Lai),* và 4 dục giới đại duy tác tâm hợp với trí,*(trong tâm của bậc Thánh Arahán),* có 6 đối tượng: ***sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần,*** thuộc danh pháp sắc pháp trong tam giới; hay nói cách khác:

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc tam giới, sanh rồi diệt, nên hiện rõ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*** Do đó, gọi là: ***"Trí tuệ thiền tuệ thuộc tam giới".***

* ***Trí tuệ thiền tuệ thuộc siêu tam giới:*** là tuệ chủ tâm sở đồng sanh trong 8 hay 40*siêu tam giới tâm*, hoặc 4 hay 20 *Thánh Đạo Tâm* và 4 hay 20 *Thánh Quả Tâm,* chỉ có ***Niết Bàn siêu tam giới*** làm đối tượng. Do đó, gọi là: ***"Trí tuệ thiền tuệ thuộc siêu tam giới".***

Trí tuệ thiền tuệ thuộc siêu tam giới này, có tên gọi là: ***4 Thánh Đạo Tuệ*** và ***4 Thánh Quả Tuệ.***

2- Danh pháp, Sắc pháp

Đối tượng của thiền tuệ phải là ***danh pháp*** *(nāmadhamma)* và ***sắc pháp****(rūpadhamma)* thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramattha-dhamma),* không phải là ***Chế định pháp*** *(Paññattidhamma).*

2.1- Danh Pháp

Danh pháp (nāmadhamma) là pháp có trạng thái hướng biết đối tượng*(nāmanalakkhaṇa).*

Danh pháp đó là: tâm và tâm sở.

- Tâm gồm có 89 hay 121 tâm.
- Tâm sở gồm có 52 tâm sở.

* **Tâm** *(citta): là đối tượng của thiền tuệ, chỉ có 81 tâm thuộc tam giới,* trừ 8 hay 40 siêu tam giới tâm, vì siêu tam giới tâm không thuộc về *Khổ thánh đế.*

Tam giới tâm có 81 tâm là:

1- **Dục giới tâm** có 54 tâm, gồm:

- Bất thiện tâm có 12 tâm (8 tham tâm + 2 sân tâm + 2 si tâm).
- Vô nhân tâm có 18 tâm.
- Đại thiện tâm có 8 tâm.
- Đại quả tâm có 8 tâm.
- Đại duy tác tâm có 8 tâm.

2- **Sắc giới tâm** có 15 tâm, gồm:

- Sắc giới thiện tâm có 5 tâm.
- Sắc giới quả tâm có 5 tâm.
- Sắc giới duy tác tâm có 5 tâm.

3- **Vô sắc giới tâm** có 12 tâm, gồm:

- Vô sắc giới thiện tâm có 4 tâm.
- Vô sắc giới quả tâm có 4 tâm.

- Vô sắc giới duy tác tâm có 4 tâm.

81 tam giới tâm này, thuộc *Khổ thánh đế* là pháp nên biết.

* **Tâm Sở** *(cetasita),* có 52 tâm.

Tâm sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm, với 4 trạng thái:

- Đồng sanh với tâm.
- Đồng diệt với tâm.
- Đồng đối tượng với tâm.
- Đồng nơi phát sanh với tâm.

Số lượng tâm sở đồng sanh với mỗi tâm, ít hay nhiều khác nhau tùy theo mỗi tâm, để trợ giúp tâm làm các phận sự.

Ví dụ:

- 2 ***nhãn thức tâm,*** chỉ cần có 7 ***tâm sở*** đồng sanh, làm các phận sự trợ giúp cho nhãn thức tâm làm một phận sự nhìn thấy sắc trần.

Cũng như vậy, ***2 nhĩ thức tâm, 2 tỷ thưc tâm, 2 thiệt thức tâm, 2 thân thức tâm,*** chỉ cần có 7 tâm sở đồng sanh trợ giúp làm phận sự của mỗi tâm ấy.

Đó là 10 tâm có số lượng tâm sở ít nhất.

Riêng ***dục giới đại thiện tâm*** cần có đến 38 tâm sở đồng sanh. Vì tâm này làm nhiều phận sự, nên cần có số lượng tâm sở đồng sanh nhiều nhất.

Trạng Thái Tâm, Tâm Sở

Tâm và tâm sở có 2 trạng thái: *trạng thái riêng* và *trạng thái chung*.

- Trạng thái riêng của tâm, tâm sở.

* ***Tâm*** gồm có 89 hay 121 tâm cùng một *trạng thái riêng* là biết đối tượng.

* ***Tâm sở*** gồm có 52 tâm sở, mỗi tâm sở đều có mỗi *trạng thái riêng* khác nhau. Vậy, 52 tâm sở có 52 trạng thái riêng. *(Xin xem lại phần "Tâm sở" ở trước, trang 61-65).*

- Trạng thái chung của tâm, tâm sở.

Tâm và tâm sở thuộc về danh pháp cùng có 3 trạng thái chung:

* *Trạng thái vô thường (aniccalakkhaṇa).*

* *Trạng thái khổ (dukkhalakkhaṇa).*

* *Trạng thái vô ngã (anattalakkhaṇa).*

Phận Sự Của Danh Pháp

Danh pháp có 2 phận sự chính:

1- Danh pháp làm phận sự chủ thể nhận biết đối tượng.

- ***Nhãn thức tâm,*** có phận sự nhìn thấy sắc trần: hình dạng, do nương nhờ nhãn môn (mắt).

- ***Nhĩ thức tâm,*** có phận sự nghe thanh trần: các âm thanh, tiếng nói, do nương nhờ nhĩ môn (tai).

- ***Tỷ thức tâm,*** có phận sự ngửi hương trần: các loại mùi, do nương nhờ tỷ môn (mũi).

- ***Thiệt thức tâm,*** có phận sự nếm vị trần: các loại vị, do nương nhờ thiệt môn (lưỡi).

- ***Thân thức tâm,*** có phận sự tiếp xúc trần: nóng, lạnh, cứng, mềm, phồng, xẹp…, do nương nhờ thân môn (thân).

- ***Ý thức tâm,*** có phận sự biết pháp trần [6] , do nương nhờ ý môn.

2- Danh pháp làm phận sự đối tượng của thiền tuệ.

Hành giả tiến hành thiền tuệ có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** thấy rõ, biết rõ ***danh pháp*** làm đối tượng.

Danh pháp làm đối tượng của thiền tuệ gồm có 81 tâm thuộc tam giới và 52 tâm sở.

Trong trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ ***thọ*** hay ***tâm*** làm đối tượng của thiền tuệ, gọi là: ***"danh pháp biết danh pháp".*** Nghĩa là, ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** thuộc về ***danh pháp*** chủ thể phát sanh sau, thấy rõ, biết rõ***thọ*** hay ***tâm*** thuộc về ***danh pháp đối tượng*** trước vừa mới diệt.

Như phần ***niệm thọ, niệm tâm*** trong pháp hành Tứ niệm xứ.

2.2- Sắc Pháp

Sắc pháp *(rūpadhamma)* là pháp có trạng thái bị hủy hoại do nóng, lạnh, đói, khát,…*(ruppanalakkhaṇa).*

Sắc pháp gồm có 28 sắc pháp, trong thân thể của mỗi người bình thường không bị bệnh tật khiếm khuyết, có thể có đủ 27 sắc pháp.

- Nếu là người đàn ông, thì trừ sắc nữ tính.

- Nếu là người đàn bà, thì trừ sắc nam tính.

- Nếu người nào bị mắt mù, tai điếc,… thì người ấy bị giảm số lượng sắc pháp theo bệnh tật ấy.

Phận Sự Của Sắc Pháp

Sắc pháp chỉ có một phận sự duy nhất là làm ***đối tượng*** của ***tâm,*** hay làm đối tượng của ***danh pháp.*** Sắc pháp hoàn toàn không thể biết được đối tượng, không biết cảm giác. Riêng phần sắc thân của con người không biết

cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức…. Sở dĩ, sắc thân biết cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức,… là do ***tâm*** và ***tâm sở*** tức là ***danh pháp.***

Nếu không có ***tâm*** và ***tâm sở*** hay ***danh pháp*** nương nhờ nơi sắc thân này nữa, thì sắc thân này trở thành tử thi, không thể thở vô, thở ra, đi, đứng, nằm, ngồi,… nói năng, ăn uống; cũng không biết cảm giác nóng lạnh, đói khát, đau nhức….

Sắc thân này thở vô, thở ra, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng,… đều do tâm chủ động, gọi là ***sắc pháp phát sanh từ tâm*** *(cittajarūpa).*

Sắc pháp trong thân chỉ có thể tiếp xúc với đối tượng, làm nhân duyên để phát sanh***tâm*** hay ***danh pháp*** mà thôi.

Ví dụ:

- ***Mắt*** *(nhãn tịnh sắc: cakkhupasādarūpa)* không thể nhìn thấy sắc trần, chỉ là nơi tiếp xúc với sắc trần, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh ***nhãn thức tâm.*** Chính ***nhãn thức tâm*** mới có thể nhìn thấy ***sắc trần.*** Cũng như vậy, nhĩ tịnh sắc, tỷ tịnh sắc, thiệt tịnh sắc, thân tịnh sắc, sắc ý căn *(hadayavatthurūpa)* chỉ là nơi tiếp xúc với đối tượng riêng biệt từng mỗi môn mà thôi.

Phân Biệt Danh Pháp, Sắc Pháp Trong 6 Môn

Danh pháp, sắc pháp phát sanh do nương nhờ 6 môn như sau:

1- Nhãn môn *(mắt):* Khi *sắc trần,* hình dạng, tiếp xúc với *nhãn tịnh sắc* (mắt), do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh *nhãn thức tâm* làm phận sự nhìn thấy được sắc trần: hình dạng… trong hiện tại.

Nhãn thức tâm có 2 tâm:

- *Nhãn thức tâm* là quả của *bất thiện tâm*, nhìn thấy sắc trần xấu xí.
- *Nhãn thức tâm* là quả của *thiện tâm*, nhìn thấy sắc trần tốt đẹp.

* *Sắc trần* với *nhãn tịnh sắc* thuộc về ***sắc pháp.***
* *Nhãn thức tâm* nhìn thấy sắc trần thuộc về ***danh pháp.***

2- Nhĩ môn *(tai):* Khi *thanh trần,* các âm thanh, tiếp xúc với *nhĩ tịnh sắc* (tai), do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh *nhĩ thức tâm* làm phận sự nghe *thanh trần,* các âm thanh, trong hiện tại.

Nhĩ thức tâm có 2 tâm*:*

- *Nhĩ thức tâm* là quả của *bất thiện tâm*, nghe thanh trần, âm thanh dở.
- *Nhĩ thức tâm* là quả của *thiện tâm*, nghe thanh trần, âm thanh hay.

* *Thanh trần* với *nhĩ tịnh sắc* thuộc về ***sắc pháp.***

* *Nhĩ thức tâm* nghe *thanh trần* thuộc về ***danh pháp.***

***3- Tỷ môn** (mũi):* Khi *hương trần,* các loại mùi tiếp xúc với *tỷ tịnh sắc* (mũi), do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh *tỷ thức tâm* làm phận sự ngửi *hương trần*, các loại mùi, trong hiện tại.

Tỷ thức tâm có 2 tâm:

- *Tỷ thức tâm* là quả của *bất thiện tâm,* ngửi hương trần, mùi hôi thối.
- *Tỷ thức tâm* là quả của *thiện tâm*, ngửi hương trần mùi thơm tho.

* *Hương trần* với *tỷ tịnh sắc* thuộc về ***sắc pháp.***

* *Tỷ thức tâm* ngửi hương trần thuộc về ***danh pháp.***

***4- Thiệt môn** (lưỡi):* Khi *vị trần,* các loại vị, tiếp xúc với *thiệt tịnh sắc* (lưỡi), do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh *thiệt thức tâm* làm phận sự nếm *vị trần,* các loại vị, trong hiện tại.

Thiệt thức tâm có 2 tâm:

- *Thiệt thức tâm* là quả của *bất thiện tâm,* nếm vị trần, vị dở.
- *Thiệt thức tâm* là quả của *thiện tâm*, nếm vị trần, vị ngon.

* *Vị trần* với *thiệt tịnh sắc* thuộc về ***sắc pháp.***

* *Thiệt thức tâm* nếm vị trần thuộc về ***danh pháp.***

***5- Thân môn** (thân):* Khi *xúc trần*, cứng, mềm, nóng, lạnh, phồng, xẹp…, tiếp xúc với*thân tịnh sắc* (thân), do sự tiếp xúc ấy, nên phát sanh *thân thức tâm* làm phận sự tiếp xúc với*xúc trần*, cứng, mềm, nóng, lạnh…, trong hiện tại.

Thân thức tâm có 2 tâm:

- *Thân thức tâm* là quả của *bất thiện tâm,* tiếp xúc trần thô, cứng.
- *Thân thức tâm* là quả của *thiện tâm*, tiếp xúc trần tế, êm dịu.

* *Xúc trần* với *thân tịnh sắc* thuộc về ***sắc pháp.***

* *Thân thức tâm* tiếp xúc trần thuộc về ***danh pháp.***

6- Ý môn** (ý):* Khi *pháp trần* tiếp xúc với *sắc ý căn (hadayavatthu-rūpa),* do sự tiếp xúc ấy nên phát sanh ***ý thức tâm làm phận sự biết pháp trần ở 3 thời: quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại 3 thời [7] , đó là đối tượng Niết Bàn và đối tượng paññatti: chế định pháp.

Ý thức tâm phát sanh do nương nhờ ý môn, gồm có 75 tâm *(trừ 10 thức tâm và 4 vô sắc giới quả tâm).*

* *Sắc pháp* với *sắc ý căn* thuộc về ***sắc pháp.***

* *Ý thức tâm* biết pháp trần thuộc về ***danh pháp.***

* *Niết Bàn* là vô vi pháp thuộc về *danh pháp* đặc biệt, làm đối tượng của siêu tam giới tâm.

* *Chế định pháp* không thuộc về *sắc pháp,* cũng không thuộc về *danh pháp,* nên không thể làm đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

BẢNG TÓM LƯỢC

1- Nhãn môn	Nhãn thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở hiện tại*
	Sắc trần →	thuộc sắc pháp	
2- Nhĩ môn	Nhĩ thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở hiện tại*
	Thanh trần →	thuộc sắc pháp	
3- Tỷ môn	Tỷ thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở hiện tại*
	Hương trần →	thuộc sắc pháp	
4- Thiệt môn	Thiệt thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở hiện tại*
	Vị trần →	thuộc sắc pháp	
5- Thân môn	Thân thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở hiện tại*
	Xúc trần →	thuộc sắc pháp	
6- Ý môn	Ý thức tâm →	thuộc danh pháp	*ở 3 thời và ngoại 3 thời*
	Pháp trần →	thuộc sắc, danh pháp	

– ***Pháp trần*** *có 3 pháp: tâm, tâm sở, sắc pháp trong quá khứ, hiện tại, vị lai.*

– ***Niết Bàn*** *và* ***Chế định pháp*** *không trong 3 thời, vì không có sự sanh, sự diệt.*

Danh pháp, Sắc pháp trong Tứ niệm xứ

Pháp hành Tứ niệm xứ, Đức Phật thuyết giảng trong kinh "Đại Tứ niệm xứ" có 4 phần như sau:

– ***Thân niệm xứ: thân*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, tất cả phần thân thuần túy thuộc ***sắc pháp.***

– ***Thọ niệm xứ: thọ*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, tất cả phần thọ thuần túy thuộc ***danh pháp.***

– ***Tâm niệm xứ: tâm*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, tất cả phần tâm thuần túy thuộc ***danh pháp.***

– ***Pháp niệm xứ: pháp*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, tất cả phần pháp thuộc ***danh pháp*** lẫn ***sắc pháp.***

Nhân Duyên Phát Sanh Danh Pháp, Sắc Pháp

Mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp phát sanh lên do hội đủ nhân duyên, nếu thiếu nhân duyên nào, danh pháp, sắc pháp không thể phát sanh lên được.

Nhân Duyên Phát Sanh Danh Pháp

Sự phát sanh danh pháp đối với chúng sinh trong tam giới, có sự nương nhờ khác nhau như sau:

* Đối với chúng sinh có ngũ uẩn trong 11 cõi dục giới, ***danh pháp:*** *tâm, tâm sở* phát sanh do nường nhờ 3 pháp.

– *Atītakamma: Nghiệp quá khứ,* ác nghiệp hoặc thiện nghiệp trong quá khứ.

– *Vatthu: Nơi phát sanh,* có 6 tịnh sắc: nhãn tịnh sắc, nhĩ tịnh sắc, tỷ tịnh sắc, thiệt tịnh sắc, thân tịnh sắc và sắc ý căn.

– *Ārammaṇa: Đối tượng,* có 6 đối tượng: sắc trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần.

* Đối với chúng sinh Phạm thiên có ngũ uẩn trong 15 cõi trời sắc giới (trừ cõi Vô tưởng thiên), ***danh pháp:*** *tâm, tâm sở* phát sanh do nương nhờ 3 pháp.

– Nghiệp quá khứ.

– Nơi phát sanh: có 3 tịnh sắc: nhãn tịnh sắc, nhĩ tịnh sắc và sắc ý căn.

– Đối tượng: có 3 đối tượng: sắc trần, thanh trần và pháp trần.

* Đối với chúng sinh Phạm thiên có tứ uẩn trong 4 cõi trời vô sắc giới, ***danh pháp:****tâm, tâm sở* phát sanh do nương nhờ 2 pháp.

– Nghiệp quá khứ.

– Đối tượng: có một đối tượng, pháp trần.

Danh pháp phát sanh do nương nhờ sắc pháp

Danh pháp: Đó là tâm + tâm sở phát sanh do nương nhờ sắc pháp.

Ví dụ:

Nhãn thức tâm được phát sanh do nhờ *sắc trần:* hình dạng, tiếp xúc với *nhãn tịnh sắc.*

Ví như: *"tiếng chuông"* được phát ra thành tiếng là do nhờ *dùi chuông* đánh đụng vào*cái chuông*.

Thật ra, trong *dùi chuông* không có tiếng chuông, và trong *cái chuông* cũng không có tiếng chuông. Sở dĩ có tiếng chuông là vì dùi chuông đụng vào cái chuông.

Cũng như vậy, khi *sắc trần* tiếp xúc với *nhãn tịnh sắc,* do nhân duyên tiếp xúc ấy, mới phát sanh *"nhãn thức tâm",* là tâm phát sanh do nương nhờ *nhãn tịnh sắc*, làm phận sự nhìn thấy *sắc trần,* hình dạng.

Nếu chỉ riêng ***nhãn tịnh sắc*** *(mắt)* thì không thể nhìn thấy được, như khi tâm đăm chiêu suy nghĩ về một vấn đề gì thuộc nội tâm, dầu đôi mắt đang mở vẫn không nhìn thấy những vật đằng trước mặt; hoặc chỉ riêng ***tâm*** cũng không thể nhìn thấy được sắc trần, hình dạng, như khi nhắm mắt, bịt mắt, dầu tâm muốn nhìn thấy một vật gì cũng không thể thấy được.

Vì cả 2 trường hợp này không hội đủ nhân duyên để cho *nhãn thức tâm* phát sanh, nên không thể nhìn thấy.

Vậy, khi *sắc trần:* hình dạng tiếp xúc với *nhãn tịnh sắc (mắt),* do nhân duyên tiếp xúc ấy, mới phát sanh *nhãn thức tâm* là tâm phát sanh do nương nhờ ở *nhãn tịnh sắc.*

Chính *nhãn thức tâm* này làm phận sự nhìn thấy *sắc trần.* Ngoài nhãn thức tâm ra, không có một tâm nào khác, hay một người nào khác, một chúng sinh nào khác có thể nhìn thấy sắc trần, hình dạng trong hiện tại.

Tương tự như vậy, *nhĩ thức tâm* được phát sanh do nhờ *thanh trần,* âm thanh, tiếp xúc với *nhĩ tịnh sắc* (tai).

Nếu chỉ riêng ***<u>nhĩ tịnh sắc</u>*** (tai), không thể nghe được thanh trần, âm thanh, như khi ngủ say, tai không nghe được âm thanh nào; hoặc chỉ riêng ***<u>tâm</u>*** cũng không thể nghe được âm thanh nào, như khi tai bị bịt chặt, hay trong phòng kín, dẫu tâm muốn nghe âm thanh, cũng không thể nghe được.

Vì cả hai trường hợp này, không hội đủ nhân duyên, để cho *nhĩ thức tâm* phát sanh, nên không thể nghe được.

Vậy, khi *thanh trần*, âm thanh tiếng nói tiếp xúc với *nhĩ tịnh sắc* (tai), do nhân duyên tiếp xúc ấy, mới phát sanh *nhĩ thức tâm* là tâm phát sanh do nương nhờ ở *nhĩ tịnh sắc.*

Chính *nhĩ thức tâm* này làm phận sự nghe thanh trần, âm thanh. Ngoài nhĩ thức tâm ra, không còn có tâm nào khác, hay một người nào khác, một chúng sinh nào khác có thể nghe được thanh trần, âm thanh trong hiện tại.

Tương tự như vậy, *tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm, ý thức tâm.* Mỗi tâm phát sanh cũng đều do hội đủ nhân duyên riêng của tâm ấy.

Nhân Duyên Phát Sanh Sắc Pháp

Sắc pháp phát sanh do 4 nhân duyên.

1- Sắc pháp phát sanh do nghiệp *(kammajarūpa).*

2- Sắc pháp phát sanh do tâm *(cittajarūpa).*

3- Sắc pháp phát sanh do thời tiết *(utujarūpa).*

4- Sắc pháp phát sanh do vật thực *(āhārajarūpa).*

*** Sắc pháp phát sanh do tâm hay danh pháp.**

Hành giả tiến hành thiền tuệ nên tìm hiểu về ***sắc pháp phát sanh do tâm****(cittajarūpa),* vì liên quan đến đối tượng ***trí tuệ thứ nhì*** trong 16 loại trí tuệ thiền tuệ.

<u>Ví dụ</u>:

4 oai nghi chính: đi, đứng, ngồi, nằm, và các ***oai nghi phụ:*** bước tới, bước lui, quay bên trái, quay bên phải, co tay, co chân, duỗi tay, duỗi chân… đều là những sắc pháp phát sanh do tâm, làm đối tượng thiền tuệ.

- Nhân duyên phát sanh 4 oai nghi.

4 oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm là sắc pháp phát sanh do tâm.

Ví dụ:

"Oai nghi đi" gọi là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi"*** là sắc pháp phát sanh do bởi nhiều nhân duyên tuần tự như sau:

- ***Tâm*** nghĩ ***"đi".***
- Do tâm nghĩ đi làm cho phát sanh chất gió.
- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho cử động toàn thân.
- Toàn thân di chuyển bước đi từng bước do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy, gọi là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi"*** là ***sắc pháp phát sanh do tâm*** *(cittajarūpa)**.***

Tương tự như vậy, ***sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm,*** và ***sắc bước tới, sắc bước lui, sắc quay bên phải, sắc quay bên trái, sắc co tay vào, sắc co chân vào, sắc duỗi tay ra, sắc duỗi chân ra,…*** đều là những ***sắc pháp phát sanh do tâm*** *(do danh pháp)**.***

Như vậy, mỗi oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm được là do hội đủ nhân duyên; chứ không phải người nào, hoặc chúng sinh nào có thể đi, đứng, ngồi, nằm.

Sở dĩ, người bị bệnh bại liệt, dầu tâm muốn đi, đứng, ngồi, nằm,… như người bình thường không thể được, là vì ***chất gió phát sanh do tâm*** quá yếu, không đủ năng lực làm chuyển động thân thể nặng nề do bởi chất ***đất*** và chất ***nước*** này.

Điều quan trọng của danh pháp, sắc pháp

Hành giả muốn tiến hành thiền tuệ, điều quan trọng đầu tiên cần phải học cho hiểu biết rõ ràng về ***danh pháp, sắc pháp,*** vì danh pháp, sắc pháp là đối tượng của thiền tuệ; là pháp để thực nghiệm sự thật chân lý, để thấy rõ, biết rõ thực tánh của ***danh pháp, sắc pháp***đúng theo ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramatthadhamma),* hay ***Thực tánh pháp*** *(Sabhāvadhamma)*có trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp; có sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Ngoài danh pháp, sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp ra, ***Chế định pháp,*** dầu ***danh từ ngôn ngữ chế định ấy có Thực tánh pháp làm nền tảng*** đi nữa, thì cũng hoàn toàn không có trạng thái riêng, không có sự sanh, sự diệt, không có trạng thái chung, không thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Ví như một người đọc chữ (sách), điều quan trọng là phải có chữ để mà đọc, phải biết từng nguyên âm, phụ âm, cách ráp vần thành chữ; hiểu ý nghĩa của chữ ấy, thì người ấy đọc được chữ, hiểu được nghĩa.

Cũng như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ, cần phải học hiểu rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp dùng để làm đối tượng thiền tuệ, để thực nghiệm sự thật chân lý của nó.

Phiền Não Nương Nhờ Nơi Danh Pháp, Sắc Pháp

Tất cả mọi phiền não nhất là ***tà kiến*** *(diṭṭhi),* ***tham ái*** *(taṇhā),* ***ngã mạn*** *(māna)* đều nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp mà phát sanh.

1- Tà kiến nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp

Một số người trong đời này, không gần gũi thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, không được học hỏi hiểu rõ về danh pháp, sắc pháp***;*** không tiến hành thiền tuệ, nên không thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đúng theo thực tánh của các pháp là ***pháp vô ngã.***

Do đó, ***tà kiến*** *(diṭṭhi)* nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp phát sanh, nên thấy sai, chấp lầm từ ***danh pháp cho là ta, sắc pháp cho là ta,*** là ***ngã*** như sau:

1- Khi ***nhãn thức tâm*** nhìn thấy ***sắc trần,*** thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ chủ thể***"nhãn thức tâm"*** cho là ***"Ta thấy",*** và từ đối tượng ***"sắc trần"*** cho là ***"người này, người kia… vật này, vật kia…".***

2- Khi ***nhĩ thức tâm*** nghe ***thanh trần***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ chủ thể***"nhĩ thức tâm"*** cho là ***"Ta nghe",*** và từ đối tượng ***"thanh trần"*** cho là ***"tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh…".***

3- Khi ***tỷ thức tâm*** ngửi ***hương trần***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ chủ thể ***"tỷ thức tâm"*** cho là ***"Ta ngửi",*** và từ đối tượng ***"hương trần"*** cho là ***"mùi thơm nước hoa… mùi hôi tử thi…".***

4- Khi ***thiệt thức tâm*** nếm ***vị trần***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai chấp lầm từ chủ thể ***"thiệt thức tâm"*** cho là ***"Ta nếm",*** và từ đối tượng ***"vị trần"*** cho là ***"vị đường ngọt… vị chanh chua…".***

5- Khi ***thân thức tâm*** tiếp xúc với ***xúc trần*** *(cứng, mền, nóng, lạnh...),* thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ chủ thể ***"thân thức tâm"*** cho là ***"Ta tiếp xúc",*** và từ đối tượng ***"xúc trần"*** cho là ***"sắt cứng, trời lạnh…".***

6- Khi ***ý thức tâm*** biết ***pháp trần***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm như sau:

– Khi ***sắc đi***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***"sắc đi"*** cho là ***"Ta đi".***

– Khi ***sắc đứng***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***"sắc đứng"*** cho là ***"Ta dứng".***

– Khi ***sắc ngồi***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***"sắc ngồi"*** cho là ***"Ta ngồi".***

– Khi ***sắc nằm***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***"sắc nằm"*** cho là ***"Ta nằm".***

– Khi ***sắc bước tới***, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***"sắc bước tới"*** cho là ***"Ta bước tới".***

– Khi ***sắc bước lui,*** thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ "***sắc bước lui"*** cho là ***"Ta bước lui"***….

– Khi ***ý thức tâm*** nào ***biết pháp trần*** nào, thì ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ chủ thể ***"ý thức tâm"*** ấy cho là ***"Ta biết",*** và từ đối tượng ***"pháp trần"*** nào cho là ***"môn này, ngành kia,"***….

Sở dĩ ***tâm tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ danh pháp, từ sắc pháp cho là ***"Ta"*** *(Ngã),* là vì không có ***chánh kiến thiền tuệ*** thấy đúng, biết đúng rằng: ***"Thực tánh của danh pháp, sắc pháp là Pháp vô ngã,*** và không có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***có trạng thái vô ngã".***

Sự thật, ***danh pháp*** là pháp vô ngã, ***sắc pháp*** là pháp vô ngã: không phải ta, không phải người, không phải chúng sinh, không phải vật này, vật kia. Nhưng do tâm ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* thấy sai, chấp lầm cho là "ta, người, chúng sinh, vật này vật kia…".

Như vậy, đúng theo thực tánh của các pháp ***không có ngã*** thì làm sao mà ***diệt ngã*** được?

Thật ra, sự chấp có ***ngã*** là do ***tà kiến*** thấy sai chấp lầm; mà tâm tà kiến là có thật, khi ***diệt được tà kiến, thì không còn chấp ngã nữa.***

2- Tham ái nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp

Tâm tham ái *(taṇhā)* hài lòng thỏa thích, say mê ở danh pháp, sắc pháp cho là ***"tốt đẹp, lợi ích, an lạc…".***

Sở dĩ tâm tham ái nương nhờ ở danh pháp, sắc pháp cho là tốt đẹp, lợi ích, an lạc, là vì không có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ rằng:

– Danh pháp, sắc pháp chỉ là ***pháp khổ đế.***

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ.***

3- Ngã mạn nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp.

Tâm ngã mạn *(māna)* chấp ta là danh pháp, sắc pháp cho là ***"ta hơn người, ta bằng người, ta kém người…".***

Sở dĩ tâm ***ngã mạn*** nương nhờ ở danh pháp, sắc pháp chấp ta hơn người, ta bằng người, ta kém người, là vì không có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ rằng:

– Danh pháp, sắc pháp chỉ là ***pháp vô thường.***

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường.***

Do đó, sự học hỏi để hiểu biết rõ về tất cả mọi danh pháp, sắc pháp là điều quan trọng đầu tiên của hành giả muốn ***tiến hành thiền tuệ.***

Tà kiến thấy sai làm khổ mình, khổ người

Tà kiến thấy sai, biết lầm, chấp lầm danh pháp, sắc pháp cho là ***"ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia,…"*** cùng với tham tâm phát sanh chấp rằng: ***"của ta, của người",…*** rồi phát sanh mọi phiền não tham, sân, si,… tự làm khổ mình, làm khổ người không chỉ ở kiếp hiện tại, mà còn nhiều kiếp vị lai nữa.

Ví dụ như:

Ban đêm, một người đi đường, nhìn thấy lờ mờ sợi dây ngoằn ngoèo giống như ***con rắn*** nằm ở giữa đường. Người ấy nhìn sợi dây ấy, thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm cho là ***"con rắn độc"*** nên phát sanh tâm sợ hãi, tự làm khổ mình, lại còn nói cho người khác cũng sợ hãi nữa.

Cũng như vậy, một số người trong đời này, là người si mê, bị vô minh che phủ thực tánh của danh pháp, sắc pháp, có tà kiến thấy sai, biết lầm, chấp lầm ***danh pháp, sắc pháp***cho là ***"Ta, của Ta, người, của người, chúng sinh, vật này, vật kia,…".*** Do đó, các phiền não tham, sân, si, ngã mạn,… có thể phát sanh, tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn người, không chỉ trong kiếp hiện tại này, mà còn phải chịu khổ nhiều kiếp vị lai nữa.

Chánh kiến thiền tuệ không làm khổ mình, khổ người

Có một số người trong đời này, là người thường được gần gũi với bậc Thánh nhân, bậc Thiện trí trong Phật giáo, được lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, được học hỏi hiểu biết rõ về ***danh pháp, sắc pháp,*** được tiến hành thiền tuệ, có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc

pháp, có ***chánh kiến thiền tuệ*** thấy đúng, biết đúng theo thực tánh của danh pháp, sắc pháp là:

- Danh pháp chỉ là danh pháp.
- Sắc pháp chỉ là sắc pháp.
- Danh pháp là một, sắc pháp là một.
- Tất cả mọi danh pháp, sắc pháp đều là pháp vô ngã: không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh, không phải vật này, vật kia,…. Và tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới đều có ***trạng thái vô ngã.***

Nhờ ***chánh kiến thiền tuệ*** mới diệt được ***tà kiến theo chấp ngã,*** đồng thời diệt tất cả mọi tà kiến khác.

Bậc Thánh Thanh Văn có ***chánh kiến thiền tuệ*** nên không còn làm khổ mình, làm khổ người, không còn làm khổ cả mình lẫn người, ngay kiếp hiện tại lẫn kiếp vị lai.

Ví dụ như:

Ban đêm, một người đi đường, có người cho biết có *sợi dây* ngoằn ngoèo nằm giữa đường. Người ấy, tay cầm đèn thắp sáng, nhìn thấy rõ đúng một sợi dây ngoằn ngoèo nằm ở giữa đường. Người ấy biết rõ rằng ***sợi dây chỉ là sợi dây,*** nên không phát sanh tâm sợ hãi, không làm khổ mình, lại còn nói cho người khác cũng không sợ hãi nữa.

Cũng như vậy, bậc Thánh Thanh Văn trong đời này, là bậc có ***chánh kiến thiền tuệ***thấy đúng, biết đúng theo thực tánh của các pháp là:

- *Danh pháp chỉ là danh pháp.*
- *Sắc pháp chỉ là sắc pháp.*
- *Danh pháp, sắc pháp đều là* ***pháp vô ngã.***

Do đó, các phiền não tham, sân, si, ngã mạn,… không phát sanh, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả mình lẫn người, không chỉ trong kiếp hiện tại này mà còn nhiều kiếp vị lai nữa.

Danh Pháp, Sắc Pháp Làm Đối Tượng Thiền Tuệ

Danh pháp, sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp có ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Danh pháp, sắc pháp đã diệt rồi, thuộc quá khứ.
- Danh pháp, sắc pháp đang sanh, thuộc hiện tại.
- Danh pháp, sắc pháp chưa sanh, thuộc vị lai.

Danh pháp, sắc pháp ở thời nào là đối tượng của thiền tuệ?

- *Danh pháp, sắc pháp thuộc quá khứ* đã sanh, đã diệt rồi, danh pháp, sắc pháp ấy không thể làm đối tượng của thiền tuệ. Bởi vì, ***trí tuệ thiền tuệ*** không thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp trong quá khứ ấy. Và ***trí tuệ thiền tuệ*** cũng không thể thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô nga*** của danh pháp, sắc pháp trong quá khứ ấy.

Vì vậy, danh pháp, sắc pháp trong quá khứ không trực tiếp làm đối tượng thiền tuệ.

- *Danh pháp, sắc pháp thuộc vị lai* chưa sanh, danh pháp, sắc pháp ấy không thể làm đối tượng của thiền tuệ. Bởi vì, ***trí tuệ thiền tuệ*** không thể thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt***của danh pháp, sắc pháp trong vị lai ấy. Và ***trí tuệ thiền tuệ*** cũng không thể thấy rõ, biết rõ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp trong vị lai ấy.

Vì vậy, danh pháp, sắc pháp trong vị lai không trực tiếp làm đối tượng thiền tuệ.

- *Danh pháp sắc, pháp đang sanh trong hiện tại* này, mới có thể làm đối tượng của thiền tuệ. Bởi vì, ***trí tuệ thiền tuệ*** có thể thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ấy. Và ***trí tuệ thiền tuệ*** cũng có thể thấy rõ, biết rõ được ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp trong hiện tại ấy.

Vì vậy, ***chỉ có danh pháp, sắc pháp trong hiện tại mới trực tiếp làm đối tượng thiền tuệ.***

Tuy nhiên, khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp trong hiện tại,***có sự sanh sự diệt, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; thì ***trí tuệ thiền tuệ*** cũng có thể thấu triệt, thông suốt được ***danh pháp, sắc pháp trong quá khứ*** cũng đã có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã. Và ***trí tuệ thiền tuệ*** cũng có thể thấu triệt, thông suốt được ***danh pháp, sắc pháp trong vị*** lai cũng sẽ có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; cũng như ***danh pháp, sắc pháp trong hiện tại*** này.

Chỉ có ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** mới có sự sanh, sự diệt, nên có 3 thời: ***quá khứ, hiện tại, vị lai*** mà thôi.

Niết Bàn và ***Chế định pháp*** *(Paññattidhamma)* thuộc về *kālavimutti: ngoại 3 thời:*không có quá khứ, không có hiện tại, không có vị lai. Bởi vì, Niết Bàn và Chế định pháp không có sự sanh, sự diệt.

Danh pháp, sắc pháp hiện tại có 4 loại : [8]

1- *Addhā paccuppanna: Nhất kiếp hiện tại:* Kể từ khi ngũ uẩn tái sanh cho đến khi ngũ uẩn tan rã (chết) là thời gian hiện tại của một kiếp người.

2- *Samaya paccuppanna: Nhất thời hiện tại:* Ngũ uẩn lúc buổi sáng, lúc buổi trưa, lúc buổi chiều, lúc buổi tối… thời gian hiện tại trong một buổi, một lúc.

3- *Santati paccuppanna: Liên tục hiện tại:* Ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp đang sanh diệt liên tục không ngừng qua các lộ trình tâm *(vīthicitta).*

4- *Khaṇa paccuppanna: Sát na hiện tại:* Ngũ uẩn danh pháp, sắc pháp hiện tại ở sát na trụ.

Trong 4 loại hiện tại này, ***nhất kiếp hiện tại*** và ***nhất thời hiện tại*** danh pháp, sắc pháp có thời gian quá dài, không thể làm đối tượng của thiền tuệ; ***sát na hiện tại*** danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt quá ngắn ngủi, mau lẹ, cũng không thể làm đối tượng của thiền tuệ.

Chỉ có ***liên tục hiện tại,*** danh pháp, sắc pháp có khoảng thời gian không dài quá, cũng không ngắn quá, nên có thể làm ***đối tượng của thiền tuệ.***

Một khi, ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp trong hiện tại sanh rồi diệt,*** có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã;*** điều dĩ nhiên, ***trí tuệ thiền tuệ*** hoàn toàn không còn hoài nghi ***danh pháp, sắc pháp trong quá khứ*** và ***danh pháp, sắc pháp trong vị lai*** là ***"thường", "lạc", "ngã".*** Điều chắc chắn là phải có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.***

3- Sự Sanh Sự Diệt Của Danh Pháp, Sắc Pháp

Danh pháp, sắc pháp thuộc về *Chân nghĩa pháp (Paramattha-dhamma)* hay *Thực tánh pháp (Sabhāvadhamma),* là ***pháp hữu vi*** *(saṅkhatadhamma)* bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: ***nghiệp*** *(kamma),* ***tâm*** *(citta),* ***thời tiết*** *(utu),* ***vật thực*** *(āhāra),* nên có trạng thái sanh rồi diệt liên tục không ngừng.

Niết Bàn *(Nibbāna)* là ***danh pháp*** thuộc ***pháp vô vi*** *(asaṅkhata-dhamma),* Và ***Chế định pháp*** *(Paññattidhamma)* cũng được ghép vào pháp vô vi, vì chúng không bị cấu tạo bởi 4 nhân duyên: ***nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực,*** nên không có sự sanh, sự diệt.

Niết Bàn và ***Chế định pháp*** không có sự sanh, sự diệt, nên không có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã;* nhưng cả 2 đều là pháp nên thuộc ***pháp vô ngã.***

Như Đức Phật dạy:

"Āniccā sabbe saṅkhārā, dukkhānattā ca sankhatā.
Nibbānañca paññatti, anattā iti nicchayā". [9]
"Tất cả pháp hữu vi, danh pháp và sắc pháp
Đều có 3 trạng thái, vô thường, khổ, vô ngã.
Niết Bàn và Chế định, thuộc về vô ngã pháp".

1- Sự Sanh, Sự Diệt Của Danh Pháp

Danh pháp là ***Tâm*** và ***Tâm sở,*** có sự sanh sự diệt vô cùng mau lẹ, như Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khưu, Như lai không thấy pháp nào có sự sanh sự diệt vô cùng mau lẹ như Tâm.* [10]

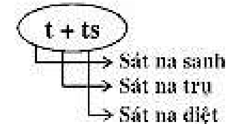
Trong Chú giải dạy rằng: *"Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm + tâm sở (danh pháp) sanh rồi diệt 1000 tỷ lần".* [11]

Mỗi tâm + tâm sở có 3 sát na là:

1- Uppāda khaṇa: Sát na sanh.

2- Ṭhiti khaṇa: Sát na trụ.

3- Bhaṅga khaṇa: Sát na diệt.



2- Sự Sanh, Sự Diệt Của Sắc Pháp

Sự sanh, sự diệt của sắc pháp chậm hơn sự sanh sự diệt của danh pháp, với sự so sánh thời gian 3 sát na ***sanh - trụ - diệt*** của danh pháp như sau:

* Sắc pháp sanh 1 sát na, diệt 1 sát na giống như danh pháp, thời gian trụ của danh pháp chỉ có 1 sát na, nhưng thời gian trụ của sắc pháp lâu hơn thời gian trụ của danh pháp đến*16 lần tâm sanh diệt.*

Theo ***nhãn môn lộ trình tâm*** gồm có 17 tâm liên tục sanh diệt, cứ mỗi tâm có 3 sát na nhỏ: sanh - trụ - diệt. Như vậy suốt một nhãn môn lộ trình tâm gồm có 51 sát na nhỏ.

Sắc trần: là ***sắc pháp,*** hình dạng rõ ràng làm đối tượng của *nhãn môn lộ trình tâm* có thể tồn tại trải qua suốt một lộ trình tâm theo tuần tự có 17 tâm liên tục sanh - trụ - diệt, gồm có 51 sát na nhỏ. Trong đó 1 sát na sanh, 1 sát na diệt, còn lại 49 sát na là thời gian trụ của sắc trần (sắc pháp).

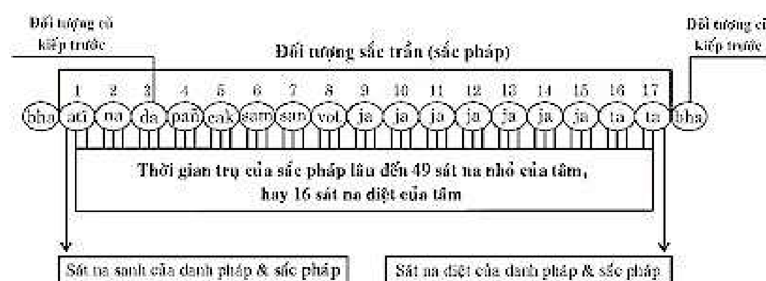
Vậy, danh pháp và sắc pháp giống nhau *1 sát na sanh* và *1 sát na diệt.* Nhưng khác nhau *sát na trụ.* Danh pháp thời gian trụ chỉ 1 sát na nhỏ,

còn sắc pháp thời gian trụ gồm có 49 sát na nhỏ của tâm. Nghĩa là *sắc trần* bắt đầu sanh từ tâm thứ nhất cho đến tâm thứ 17 mới diệt.

Như vậy, sắc pháp sanh rồi diệt chậm hơn danh pháp, đến 16 lần tâm sanh - diệt.

Xem đồ biểu nhãn môn lộ trình tâm, có sắc trần: hình dạng rõ ràng làm đối tượng để có sự so sánh thấy rõ ***sát na sanh - trụ - diệt*** của danh pháp và sắc pháp.

Đồ biểu nhãn môn lộ trình tâm *(Cakkhudvāravīthicitta)*



<u>Giải Thích</u>: Nhãn môn lộ trình tâm

Nhãn môn lộ trình tâm gồm có những tâm sanh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có ***sắc trần*** rõ ràng làm đối tượng. Bắt đầu từ ***hộ kiếp tâm quá khứ*** thứ nhất cho đến ***tiếp đối tượng tâm*** thứ 17, là chấm dứt.

Nhãn thức tâm phát sanh là do sắc trần tiếp xúc với nhãn tịnh sắc, theo nhãn môn lộ trình tâm sanh rồi diệt như sau:

Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm viết tắt (bha)

1- Atītabhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm quá khứ nt (atī)

2- Bhavaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động nt (na)

3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt đứt nt (da)

4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ môn hướng tâm nt (pan)

5- Cakkhuviññaṇacitta: Nhãn thức tâm nt (cak)

6- Sampaṭicchanacitta: Tiếp nhận tâm nt (sam)

7- Santīraṇacitta: Suy xét tâm nt (san)

8- Voṭṭhabbanacitta: Xác nhận tâm nt (vot)

9- 15 Javanacitta: Tác hành tâm nt (ja)

16- 17 Tadālammaṇa: Tiếp đối tượng tâm nt (ta)

Bhavaṅgacitta : Hộ kiếp tâm nt (bha)

Qua 17 tâm sanh diệt, sắc trần diệt cùng với tâm thứ 17. Hộ kiếp tâm phát sanh chấm dứt một nhãn môn lộ trình tâm.

3- Nhân Duyên Sanh Diệt [12]

Tất cả mọi danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng. Song mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp sanh do nhân duyên sanh, diệt do nhân duyên diệt.

*** Nhân duyên sanh của danh pháp**

5 nhân duyên sanh của danh pháp là:

– Danh pháp sanh do ***vô minh*** sanh.

– Danh pháp sanh do ***tham ái*** sanh.

– Danh pháp sanh do ***nghiệp*** sanh.

– Danh pháp sanh do ***danh pháp, sắc pháp*** sanh.

– ***Trạng thái sanh*** của danh pháp.

*** Nhân duyên diệt của danh pháp**

5 nhân duyên diệt của danh pháp là:

– Danh pháp diệt do ***vô minh*** diệt.

– Danh pháp diệt do ***tham ái*** diệt.

– Danh pháp diệt do ***nghiệp*** diệt.

– Danh pháp diệt do ***danh pháp, sắc pháp*** diệt.

– ***Trạng thái diệt*** của danh pháp.

*** Nhân duyên sanh của sắc pháp**

5 nhân duyên sanh của sắc pháp là:

– Sắc pháp sanh do ***vô minh*** sanh.

– Sắc pháp sanh do ***tham ái*** sanh.

– Sắc pháp sanh do ***nghiệp*** sanh.

– Sắc pháp sanh do ***vật thực*** sanh.

– ***Trạng thái sanh*** của sắc pháp.

*** Nhân duyên diệt của sắc pháp**

5 nhân duyên diệt của sắc pháp là:

– Sắc pháp diệt do ***vô minh*** diệt.

– Sắc pháp diệt do ***tham ái*** diệt.

– Sắc pháp diệt do ***nghiệp*** diệt.

– Sắc pháp diệt do ***vật thực*** diệt.

– ***Trạng thái diệt*** của sắc pháp.

4- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thấy Rõ Sự Sanh Sự Diệt

Hành giả tiến hành thiền tuệ có ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc về *Chân nghĩa pháp* làm đối tượng. Trí tuệ tuần tự phát triển như sau:

- *Trí tuệ thứ nhất* gọi là *Nāmarūpaparichedañāṇa: Trí tuệ* thấy rõ, phân biệt rõ *"trạng thái riêng biệt của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp"* là ***pháp***

vô ngã: *không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh nào,…*đúng theo sự thật *Chân nghĩa pháp* hay *Thực tánh pháp* là:

* *Danh pháp chỉ là danh pháp.*

* *Sắc pháp chỉ là sắc pháp.*

* *Danh pháp là một, sắc pháp là một.*

* *Trong danh pháp không có sắc pháp.*

* *Trong sắc pháp không có danh pháp.*

* *Tất cả mọi danh pháp, sắc pháp đều là pháp vô ngã.*

Trí tuệ thứ nhất này đạt đến ***chánh kiến thanh tịnh*** *(diṭṭhi-visuddhi).* Như vậy, Trí tuệ này chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, nhưng vẫn chưa có đủ khả năng thấy rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp.

- ***Trí tuệ thứ nhì*** gọi là *Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí tuệ* thấy rõ, biết rõ***nhân duyên phát sanh*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp. ***Trí tuệ thứ nhì*** này có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***"sự sanh"*** của danh pháp, sắc pháp là do bởi ***"nhân duyên sanh",***nhưng vẫn chưa có khả năng thấy rõ được ***"sự diệt"*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** gọi là *Samasanañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ được***sự diệt*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp. ***Trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** này có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***"sự diệt"*** của danh pháp, sắc pháp là do ***"nhân duyên diệt",*** nhưng vẫn chưa có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***"sự sanh"*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là *Udayabbayañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư có khả năng thấy rõ, biết rõ được rằng:

* ***Sự sanh*** *của danh pháp, sắc pháp là do bởi* ***nhân duyên sanh****.* * ***Sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp là do bởi* ***nhân duyên diệt****.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này là ***trí tuệ thiền tuệ*** *chính thức đầu tiên* trong 9 loại trí tuệ thiền tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại.

* *Danh pháp nào* ***sanh*** *do nhân duyên nào* ***sanh,*** *thì danh pháp ấy* ***diệt*** *cũng do nhân duyên ấy* ***diệt*** *ngay trong hiện tại; nên* ***trí tuệ thiền tuệ*** *thấy rõ, biết rõ được* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp ấy.*

** Sắc pháp nào **sanh** do nhân duyên nào **sanh,** thì sắc pháp ấy **diệt** cũng do nhân duyên ấy **diệt** ngay trong hiện tại; nên **trí tuệ thiền tuệ** thấy rõ, biết rõ được **trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã** của sắc pháp ấy.*

Chú thích:

[5] Pháp trần gồm có tất cả 6 chi pháp: tâm + tâm sở + 5 sắc căn + 16 sắc pháp vi tế + Niết Bàn + ngôn ngữ Chế định pháp.

[6] Pháp trần là đối tượng của thiền tuệ, bị hạn chế còn lại 81 tâm thuộc tam giới + 52 tâm sở + sắc pháp hiện hữu và Niết Bàn. (Trừ ra 10 sắc pháp không rõ ràng, và Chế định pháp).

[7] Ngoại 3 thời: không ở trong thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai.

[8] Bộ Visuddhimagga, phần Khandhaniddesa.

[9] Vinayapiṭaka, bộ Parivàra.

[10] Anguttaranikāya, phần Ekakanapāta.

[11] Chú giải Samyuttanikāya, phần Khandhavagga, Chú giải kinh Phenapin-dupamasuttavaṇṇanā.

[12] Bộ Paṭisambhidāmagga, phần Udayabbayanānaniddesa.

-ooOoo-

2- PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ *(tiếp theo)*

4- Ba Trạng Thái Chung *(Sāmaññalakkhaṇa)*

Tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** hay ***Thực tánh pháp*** đều có 3 trạng thái chung là:

- ***Trạng thái vô thường*** *(aniccalakkhaṇa).*
- ***Trạng thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa).*
- ***Trạng thái vô ngã*** *(anattalakkhaṇa).*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư bắt đầu thấy rõ, biết rõ 3 ***trạng thái chung*** của danh pháp, sắc pháp, là nhờ ***trí tuệ thứ nhất*** thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ được ***trạng thái riêng*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp làm nền tảng.

1- Trạng Thái Riêng Làm Nền Tảng

Trạng thái riêng (visesalakkhaṇa) chỉ có trong *Chân nghĩa pháp,* làm nền tảng cho trạng thái chung.

* ***Tâm*** *(citta):* Gồm có 89 hay 121 tâm cùng có một trạng thái riêng là:*ārammaṇavijānanalakkhaṇa: trạng thái biết đối tượng.*

* ***Tâm sở*** *(cetasika):* Gồm có 52 tâm sở, mỗi tâm sở có mỗi trạng thái riêng, 52 tâm sở có 52 trạng thái riêng của mỗi tâm sở ấy.

Ví dụ:

– *Phassacetasika: Xúc tâm sở,* có trạng thái tiếp xúc đối tượng.

– *Saññacetasika: Tưởng tâm sở,* có trạng thái tưởng nhớ đối tượng.

– *Cetanācetasika: Tác ý tâm sở,* có trạng thái tạo tác theo đối tượng… 52 tâm sở thì có 52 trạng thái riêng của mỗi tâm sở ấy [13] .

* ***Sắc pháp*** *(Rūpadhamma):* Gồm có 28 sắc pháp, mỗi sắc pháp có mỗi trạng thái riêng. Như vậy, 28 sắc pháp thì có 28 trạng thái riêng [14].

Ví dụ:

– *Paṭhavī: Chất đất* có trạng thái cứng hay mềm.

– *Āpo: Chất nước* có trạng thái lỏng hay đông đặc.

– *Tejo: Chất lửa* có trạng thái nóng hay lạnh.

– *Vāyo: Chất gió* có trạng thái phồng hay xẹp, chuyển động v.v….

* ***Niết Bàn*** *(Nibbāna): santilakkhaṇa:* có trạng thái vắng lặng mọi phiền não, mọi nỗi khổ của danh pháp, sắc pháp.

Trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp có tầm quan trọng đối với ***trí tuệ thiền tuệ.*** *Quan trọng như thế nào?*

16 loại trí tuệ trong pháp hành thiền tuệ.

- ***Trí tuệ thứ nhất*** gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa:* Trí tuệ này thấy rõ, biết rõ ***trạng thái riêng*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, nên phân biệt, thấy rõ sự khác biệt của mỗi danh pháp, của mỗi sắc pháp.

- ***Trí tuệ thứ nhì*** gọi là *Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa:* Trí tuệ này thấy rõ, biết rõ**nhân duyên sanh** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, có liên quan đến mỗi ***trạng thái riêng***của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** gọi là *Sammasanañāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp. Bắt đầu thấy rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp nhưng chưa hoàn toàn, ngay trong hiện tại.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là *Udayabbayānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại, nên hiện thấy rõ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** của danh pháp, sắc pháp.

Như vậy, *trí tuệ thứ nhất, trí tuệ thứ nhì* biết rõ ***trạng thái riêng*** của danh pháp, sắc pháp, làm nền tảng căn bản, để giúp cho trí tuệ thiền tuệ thứ ba, trí tuệ thiền tuệ thứ tư... thấy rõ, biết rõ 3 ***trạng thái chung,*** cho đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12*** gọi là *Anulomañāṇa* cũng đều thấy rõ, biết rõ 1 trong 3

trạng thái chung: ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp.

2- Trạng Thái Chung *(Sāmaññalakkhaṇa)*

Tất cả danh pháp, sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp *(Paramattha-dhamma)* đều có 3 trạng thái chung là:

1- ***Trạng thái vô thường*** *(aniccalakkhaṇa).*

2- ***Trạng thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa).*

3- ***Trạng thái vô ngã*** *(anattalakkhaṇa).*

Sở dĩ có ba trạng thái chung***: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã***của danh pháp, sắc pháp, là vì có ***sự sanh, sự diệt*** của mỗi danh pháp, của mỗi sắc pháp liên tục không ngừng.

Ý Nghĩa Vô Thường *(anicca)*

"Aniccaṃ khayaṭṭhena" [15]***:*** *Vô thường với ý nghĩa hoại diệt,* vì tất cả mọi danh pháp, sắc pháp sanh lên rồi đều phải diệt cả thảy; hay *hutvā abhāvaṭṭhena aniccā: có rồi lại không là nghĩa của* ***vô thường****.*

Vô thường có 3 loại:

1- Anicca: Vô thường.

"Sabbe saṅkhārā aniccā": Tất cả các pháp hữu vi đều là vô thường.

Saṅkhārā: Pháp hữu vi: Đó là ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới…. Tóm lại là *danh pháp* và *sắc pháp* đều là vô thường. Vì khi sanh lên rồi, đều phải diệt, theo tự nhiên của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

2- Aniccalakkhaṇa: Trạng thái vô thường.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện rõ ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp.

3- Aniccānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi trạng thái vô thường.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, khi *trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường,*** nên diệt được *sự tưởng lầm chấp lầm* cho rằng:*"Danh pháp, sắc pháp là* ***thường*** *(niccasaññā)".*

Nếu hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, *trí tuệ thiền tuệ theo quán* thấy rõ, biết rõ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp như vậy, có thể dẫn đến sự chứng ngộ ***Niết Bàn*** gọi là *"Aminittanibbāna": Vô Hiện Tượng Niết Bàn (Niết Bàn không có hiện tượng các pháp hữu vi).*

Hành giả được chứng ngộ ***Vô Tướng Niết Bàn*** này, là do ***tín pháp chủ****(saddhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp chủ khác *(tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ);* hay do năng lực của ***giới*** *(sīla).*

Ý Nghĩa Khổ *(Dukkha)*

"Dukkhaṃ bhayaṭṭhena" [16]**:** *Khổ với ý nghĩa đáng kinh sợ,* vì tất cả danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, vô thường, hoại diệt nên đáng kinh sợ; hay*uppādayavapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā: sự sanh, sự diệt luôn luôn hành hạ gọi là* ***khổ.***

Tính chất khổ *có 3 loại:*

1- Dukkhadukkha: Khổ thật khổ, đó là *thọ khổ (dukkhavedanā)* khổ khó chịu đựng nổi, như khổ thân, khổ tâm.

2- Vipariṇāmadukkha: Biến chất khổ, đó là thọ lạc *(sukha-vedanā)* bị trạng thái vô thường biến đổi, nên lạc biến thành khổ, tuy khổ, vẫn còn dễ chịu đựng.

3- Saṅkhāradukkha: Pháp hành khổ, đó là tất cả pháp hành hữu vi: danh pháp, sắc pháp luôn luôn bị cấu tạo bởi 4 nguyên nhân: nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực bị sanh rồi diệt liên tục không ngừng hành hạ, nên phải chịu khổ.

Khổ *có 3 loại:*

1- Dukkha: Khổ thân, khổ tâm.

"Sabbe saṅkhārā dukkhā": Tất cả các pháp hữu vi đều là khổ. Pháp hữu vi đó là ngũ uẩn, 12 xứ, 8 giới,… tóm lại *danh pháp, sắc pháp* đều là khổ, vì danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, vô thường luôn luôn hành hạ *(abhiṇhapaṭipīḷana).*

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng thái khổ.

Tất cả danh pháp, sắc pháp đều có trạng thái vô thường, nên tất cả danh pháp, sắc pháp đều có trạng thái khổ.

Như Đức Phật dạy:

"Yadaniccaṃ taṃ dukkham". [17].

– Pháp nào có trạng thái vô thường, thì pháp ấy có trạng thái khổ.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện rõ ***trạng thái khổ***luôn luôn hành hạ danh pháp, sắc pháp**.**

3- Dukkhānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi trạng thái khổ.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,*** nên diệt được sự tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: *"Danh pháp, sắc pháp là* ***lạc*** *(sukhasaññā)".*

Nếu hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ theo quán thấy rõ, biết rõ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp như vậy, có thể dẫn

đến sự chứng ngộ ***Niết Bàn*** gọi là *Appaṇihitanibbāna: Vô Ái Niết Bàn (Niết Bàn không có tham ái nương nhờ).*

Hành giả chứng ngộ ***Vô Ái Niết Bàn*** do ***định pháp chủ*** *(samādhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, tuệ pháp chủ);*hay do năng lực của ***định*** *(samādhi).*

Ý Nghĩa Vô Ngã *(Anattā)*

"Anattā asārakaṭṭhena" [18]*: Vô ngã với ý nghĩa vô dụng,* bởi vì không chiều theo ý muốn của ta, không phải ta, không phải của ta; hay *avasavattaṭṭhena anattā: không chiều theo ý muốn nghĩa là* ***vô ngã.***

Vô ngã *có 3 loại:*

1- Anattā: Pháp vô ngã, không phải ta, không phải của ta….

"Sabbe dhammā anattā": Tất cả các pháp hữu vi và pháp vô vi đều là vô ngã.

- ***Pháp hữu vi:*** Đó là ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới,... tóm lại là danh pháp *và* sắc pháp, là pháp được cấu tạo bởi 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực đều là ***pháp vô ngã.***

- ***Pháp vô vi:*** Đó là Niết Bàn, (kể cả pháp chế định) là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực cũng là ***pháp vô ngã.***

2- Anattalakkhaṇa: Trạng thái vô ngã.

- Tất cả mọi danh pháp, sắc pháp nào có trạng thái khổ, thì tất cả mọi danh pháp, sắc pháp ấy đều có trạng thái vô ngã.

Như Đức Phật dạy:

"…Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā". [19]

- *Pháp nào có trạng thái khổ, thì pháp ấy có trạng thái vô ngã.*

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có trạng thái khổ. Khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp nào, sắc pháp nào có trạng thái khổ, thì danh pháp ấy, sắc pháp ấy cũng có ***trạng thái vô ngã.***

3- Anattānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi trạng thái vô ngã.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, khi đã phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã***, nên diệt được sự *tưởng lầm chấp lầm* cho rằng: *"Danh pháp, sắc pháp là* ***ngã*** *(attasaññā)".*

Nếu hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, *trí tuệ thiền tuệ theo quán* thấy rõ, biết rõ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp như vậy, có

thể dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là *Suññātanibbāna: Chơn Không Niết Bàn*. *(Niết Bàn hoàn toàn vô ngã, không phải Ta, không phải của Ta).*

Hành giả chứng ngộ ***Chơn Không Niết Bàn*** này do ***tuệ pháp chủ*** *(paññindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ);* hay do năng lực của ***trí tuệ*** *(paññā).*

Sự Liên Quan Giữa 3 Trạng Thái Chung

Ba trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp có liên quan lân nhau.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ

Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā".

*"Pháp nào có **trạng thái vô thường,** thì pháp ấy có **trạng thái khổ.***

*Pháp nào có **trạng thái khổ,** thì pháp ấy có **trạng thái vô ngã".***

Như vậy, mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều có đủ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.***

Xét về đối tượng 3 trạng thái chung

Trí tuệ thiền tuệ đồng sanh trong mỗi dục giới đại thiện tâm, dục giới đại duy tác tâm, mỗi tâm chỉ có thể nhận biết một đối tượng mà thôi *(một tâm không thể nhận biết nhiều đối tượng cùng một lúc).*

– Khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường*** *(aniccalakkhaṇa)* của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, thì khi ấy ***trạng thái khổ*** và ***trạng thái vô ngã*** không hiện rõ.

– Khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***trạng thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa)* của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, thì khi ấy ***trạng thái vô thường*** và ***trạng thái vô ngã*** không hiện rõ.

– Khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô ngã*** *(anattalakkhaṇa)* của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, thì khi ấy ***trạng thái vô thường*** và ***trạng thái khổ*** không hiện rõ.

Như vậy, khi một trạng thái nào hiện rõ làm đối tượng, 2 trạng thái kia, mặc dầu không hiện rõ, nhưng tiềm năng của nó có thể diệt được sự tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: ***"Danh pháp, sắc pháp là thường, lạc, ngã".*** Bởi vì 3 trạng thái chung này có liên quan lẫn nhau.

Quan niệm về vô thường, khổ, vô ngã theo đời

Khi Đức Phật chưa xuất hiện trên thế gian, hay đối với những người không hiểu biết về giáo pháp của Đức Phật cũng có quan niệm:

- ***Về vô thường:*** Là trạng thái không bền vững lâu dài, đó là vô thường.

Ví dụ: Khi nghe một người chết, một chiếc xe hư, một cái ly bể, một sự biến đổi nào,… mọi người bảo nhau rằng: ***"vô thường mà!".***

- ***Về khổ:*** Là trạng thái ***khổ thân:*** như lúc bị bệnh hoạn ốm đau, tai nạn, đánh đập, nóng, lạnh, đói, khát,…. Trạng thái ***khổ tâm:*** như lúc nóng giận, buồn bực, khóc than,….

Mọi người bảo nhau rằng: ***"khổ quá mà!".***

Nhưng ***quan niệm về vô ngã,*** thì không có một ai tự mình hiểu biết rõ về ***pháp vô ngã***cả.

Mặc dầu trong đời có ***quan niệm về vô thường, về khổ,*** cũng chỉ là một phần thô thiển trong giáo pháp của Đức Phật mà thôi.

Sự thật, ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ*** trong giáo pháp của Đức Phật vô cùng vi tế, sâu sắc hơn gấp bội phần, chỉ có thể biết rõ bằng ***trí tuệ thiền tuệ*** như đã trình bày ở phần trước.

- Riêng ***quan niệm về vô ngã*** chỉ đặc biệt có trong giáo pháp của Đức Phật mà thôi.Ngoài ra, không có một Sa môn, một Bà la môn, một Giáo Chủ, một Chư thiên, một Phạm thiên nào có khả năng thuyết giảng về ***pháp vô ngã.*** Bởi vì, những Vị ấy chưa thấy rõ, biết rõđược ***danh pháp, sắc pháp thuộc Chân nghĩa pháp,*** nên vẫn còn tà kiến chấp ngã*(attādiṭṭhi),* hay ngũ uẩn tà kiến *(sakkāyadiṭṭhi).*

3- Tìm Hiểu Ý Nghĩa Từ "Attā" Và "Anattā"

Trong giáo pháp của Đức Phật được ghi lại trong Tam tạng: ***Luật tạng****(Vinayapiṭaka),* ***Kinh tạng*** *(Suttantapiṭaka),* ***Vi diệu pháp tạng*** *(Abhidhammapiṭaka)* thường gặp 2 danh từ *"Attā"* và *"Anattā",* mà Đức Phật thường dùng để thuyết pháp tế độ mỗi chúng sinh, cho hợp với căn duyên của chúng sinh ấy.

Nếu không hiểu rõ ý nghĩa *"Attā"* và *"Anattā"* trong mỗi trường hợp của mỗi chúng sinh ấy, thì khó mà tránh khỏi sự hiểu lầm về ý nghĩa trong từng đoạn Kinh, Luật, Vi Diệu Pháp.

3.1- Ý nghĩa danh từ "attā"

Danh từ *"Attā"* có 4 ý nghĩa:

Theo trong bộ từ điển Abhidhāna: *từ điển từ ngữ Pāḷi,* câu kệ thứ 861 giải nghĩa danh từ *"Attā"* rằng:

"Citte kāye sabhāve ca, so attā paramattani".

"Danh từ Attā có 4 ý nghĩa: tâm, thân, Thực tánh pháp và đại ngã".

Giải Thích:

1- *Attā* có ý nghĩa là: *Citta: tâm.*

Ví dụ:

- *Attasamāpaṇidhi:* Đặt để tâm đúng trong thiện pháp.

- *Attamicchāpaṇidhi:* Đặt để tâm sai lầm trong ác pháp.

- *"Sabbe sattā bhavantu sukhitattā".* [20]

"Cầu mong tất cả chúng sinh tâm thường an lạc".

- *"Attā hi kira duddamo".* [21]

"Thật vậy, dạy được tâm mình là khó lắm!"

- *"Attānaṃ damayanti paṇṇitā".* [22]

"Chư bậc Thiện trí rèn luyện, dạy tâm"....

Attā ở đây có ý nghĩa là ***tâm***.

2- *Attā* có ý nghĩa là: *Kāya: thân thể.*

Ví dụ:

Đức Phật ban hành những giới của Tỳ khưu ni, trong đó có giới như:

- *"Yā pana bhikkhunī attānaṃ vadhitvā vadhitvā rodheyya pācittiyaṃ".* [23]

"Tỳ khưu ni nào tự đấm vào thân mình rồi khóc, Tỳ khưu ni ấy phạm āpatti pācittiya (ưng đối trị)".

– *"Attā hi attano natthi, kuto puttā kuto dhanaṃ?".* [24]

"Chính thân này, không phải nơi nương nhờ của ta, thì nương nhờ con ta, nương nhờ của cải, làm sao được?"....

Attā ở đây có ý nghĩa là ***thân thể.***

3- *Attā* có ý nghĩa là: *Sabhāva: Thực tánh pháp.*

Ví dụ:

– *"Attā hi attano nātho, ko hi nātho paro siyā".*[25]

"Chính thiện pháp là nơi nương nhờ chân chánh của ta, ngoài thiện pháp ra, còn có ai là nơi nương nhờ của ta được?".

– *"Attadīpā bhikkhave, viharatha attasaraṇā anañña-saraṇā".* [26]

"Này chư Tỳ khưu, các con nên sống, chính thiện pháp là hòn đảo, chính thiện pháp là nơi nương nhờ, không nên có nơi nương nhờ nào khác."....

Attā: ***Ta*** ở đây có nghĩa là ***Thực tánh pháp.*** Đó *là tam giới thiện pháp, siêu tam giới thiện pháp,* là nơi nương nhờ *chân chính của ta.*

4- *Attā* có ý nghĩa là: *Parama attā:* ***Đại ngã,*** theo tà kiến của ngoại đạo.

Nhóm ngoại đạo có tà kiến cho rằng: *"Tất cả vạn vật, vũ trụ này do Parama Attā tạo ra, gọi là Đấng Tạo Hóa"*.

Parama Attā: Đại ngã theo tà kiến của nhóm ngoại đạo này, ý nghĩa nghịch với*Anattā: Vô ngã* trong giáo pháp của Đức Phật.

Như vậy, trong 4 ý nghĩa của Attā, có 3 ý nghĩa là ***Tâm, Thân, Thực tánh pháp*** thuộc về chánh kiến. Duy nhất chỉ có *Parama Attā: Đại ngã* theo quan niệm của nhóm ngoại đạo thuộc về tà kiến mà thôi.

Attādiṭṭhi: Tà kiến chấp ngã, hoặc *Attānudiṭṭhi: Tà kiến theo chấp ngã:* là tà kiến thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm từ danh pháp, từ sắc pháp cho là ***Ta,*** là ***Ngã*** cũng trong ý nghĩa tà kiến này.

3.2- Ý nghĩa danh từ "Anattā"

Định nghĩa danh từ Anattā như sau :

"Na attā anattā, natthi attā etassa khandhapañcakassa'ti vā anattā".

- *Tất cả các pháp không phải ta, không phải của ta, là* ***pháp vô ngã,*** *hay ngũ uẩn ấy không phải ta, không phải của ta cũng là* ***pháp vô ngã.***

Ý nghĩa *Anattā: Vô ngã* ở đây là phủ định *Attā*: *ngã, ngã sở,* phủ định cái ta, của ta.

Trong Chú giải dạy, danh từ *Anattā* có 4 ý nghĩa [27] :

1- *Avasavattanaṭṭha:* Anattā có ý nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai.

2- *Asāmikaṭṭha:* Anattā có ý nghĩa là vô chủ, không có ai làm chủ cả.

3- *Suññataṭṭha:* Anattā có ý nghĩa là *"không"*. Nghĩa là không phải ta, không phải của ta.

4- *Attapaṭikkhepaṭṭha:* Anattā có ý nghĩa là phủ nhận thuyết tà kiến theo chấp ngã của nhóm ngoại đạo.

Đó là 4 ý nghĩa của *Anattā: vô ngã.*

*** Anattā và Attā trong Kinh Anattalakkhaṇasutta** [28]

Đức Phật dạy rằng:

- *"Rūpaṃ bhikkhave anattā,*

Rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya.

Labbhetha ca rūpe "evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī'ti".

- *Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati.*

Na ca labbhati rūpe "evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī'ti...".

- "Này Chư Tỳ khưu, sắc uẩn là ***pháp vô ngã.***

"Thật vậy, nếu sắc uẩn này là ***ngã,*** *thì sắc uẩn này không có bệnh, không bị hoại bao giờ.*

"Các con có thể mong muốn được trong sắc uẩn này rằng: ***"Xin cho sắc uẩn của tôi được như thế này, xin cho sắc uẩn của tôi đừng như thế kia".***

"Này chư Tỳ khưu, bởi vì sắc uẩn là ***pháp vô ngã,*** *cho nên sắc uẩn này có bệnh, bị biến đổi.*

"Các con không thể mong muốn được trong sắc uẩn này rằng: ***"Xin cho sắc uẩn của tôi được như thế này, xin cho sắc uẩn của tôi đừng như thế kia...".***

Cũng như vậy, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng đều là ***pháp vô ngã....***

Qua đoạn kinh trên, *Attā: Ngã* trong nghĩa ***tà kiến theo chấp ngã,*** thấy sai chấp lầm từ***sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*** cho là ***Ta, Ngã,*** đối nghịch với ***pháp vô ngã.***

4- Những Chi Tiết Của 3 Trạng Thái Chung

Tất cả mọi danh pháp, sắc pháp thuộc trong tam giới đều có 3 trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Trong mỗi trạng thái chung của danh pháp, sắc pháp ấy, có nhiều trạng thái chi tiết được khai triển rộng trong bộ *Visuddhimagga,* phần *Maggāmaggañāṇavisuddhi* như sau:

4.1- Trạng thái vô thường có 10 loại

1- *Aniccato:* Trạng thái không thường.

2- *Adhuvato:* Trạng thái không bền vững.

3- *Asārakato:* Trạng thái vô dụng, không cốt lõi.

4- *Calato:* Trạng thái biến động.

5- *Palakato:* Trạng thái tiêu hoại.

6- *Vipariṇāmadhammato:* Trạng thái biến đổi là thường.

7- *Maraṇadhammato:* Trạng thái hủy diệt (chết) là thường.

8- *Vibhavato:* Trạng thái bị hoại.

9- *Saṅkhato:* Trạng thái bị cấu tạo.

10- *Pabhaṅguto:* Trạng thái bị tan rã.

Đó là 10 chi tiết nêu lên ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp.

4.2- Trạng thái khổ có 25 loại

1- *Dukkhato:* Trạng thái khó chịu.

2- *Bhayato:* Trạng thái đáng kinh sợ.

3- *Ītito:* Trạng thái khốn đốn.

4- *Upaddavato:* Trạng thái tai nạn nguy hiểm.

5- *Upasaggato:* Trạng thái cản trở.

6- *Rogato:* Trạng thái bệnh tật.

7- *Ābādhato:* Trạng thái đau ốm.

8- *Gandato:* Trạng thái ung nhọt.

9- *Sallato:* Trạng thái tên độc.

10- *Aghato:* Trạng thái xấu xa.

11- *Atāṇato:* Trạng thái không che chở, chống đỡ được.

12- *Aleṇato:* Trạng thái không ẩn náu được.

13- *Asaraṇato:* Trạng thái không nương nhờ được.

14- *Ādīnavato:* Trạng thái tội chướng.

15- *Aghamūlato:* Trạng thái nguồn gốc của đau khổ.

16- *Sāsavato:* Trạng thái phiền não trầm luân.

17- *Vadhakato:* Trạng thái sát hại.

18- *Mārāmisato:* Trạng thái mồi của ma vương.

19- *Jātidhammato:* Trạng thái tái sanh là thường.

20- *Jarādhammato:* Trạng thái già là thường.

21- *Byādhidhammato:* Trạng thái bệnh là thường.

22- *Sokadhammato:* Trạng thái sầu não là thường.

23- *Paridevadhammato:* Trạng thái than khóc là thường.

24- *Upāyāsadhammato:* Trạng thái thống khổ cùng cực là thường.

25- *Saṅkilesikadhammato:* Trạng thái ô nhiễm bởi phiền não là thường.

Đó là 25 chi tiết nêu lên ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp.

4.3- Trạng thái vô ngã có 5 loại

1- *Anattato:* Trạng thái không phải ta, của ta.

2- *Parato:* Trạng thái khác lạ (không phải ta, của ta).

3- *Rittato:* Trạng thái trống rỗng.

4- *Tucchato:* Trạng thái hư huyễn.

5- *Suññato:* Trạng thái không không.

Đó là 5 chi tiết nêu lên ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp.

Như vậy, 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngãcủa danh pháp, sắc pháp, khi được phân loại ra chi tiết gồm có 40 trạng thái.

Mỗi trạng thái chi tiết của danh pháp, sắc pháp này, được hiện rõ tùy theo căn duyên của mỗi hành giả tiến hành thiền tuệ, và cũng có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não.

5- Pháp Che Án 3 Trạng Thái Chung

Danh pháp, sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp có những sự thật hiển nhiên như:

- ***Sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên.

- Ba trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên.

** Sự thật hiển nhiên ấy không hiện rõ, do bởi nguyên nhân nào che phủ thực tánh?*

** Do pháp nào che án?*

5.1- Nguyên nhân che phủ thực tánh

Những thực tánh của danh pháp, sắc pháp bị bao trùm phủ kín bởi màn ***"vô minh"****(avijjā)* tối tăm dày đặc, có ***tâm tà kiến*** *(diṭṭhi)* thấy sai, chấp lầm từ nơi danh pháp, sắc pháp cho là ***"Ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia",***…. Lại còn đặt tên bằng những ***danh từ ngôn ngữ chế định*** gắn lên các danh pháp, sắc pháp ấy. Được truyền đạt từ đời này qua đời khác, từ người này sang người kia, từ ngàn xưa cho đến ngày nay trở thành thói quen, nên chỉ biết có một ***sự thật theo đời do ngôn ngữ chế định*** ấy, mà không còn biết đến ***sự thật theo Chân nghĩa pháp.***

Do đó, ***vô minh*** hay ***si tâm*** là nguyên nhân chính che án, phủ kín thực tánh của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp. Bởi vì bản chất của si tâm có 4 đặc tính riêng biệt là:

– *Aññāṇalakkhaṇo:* Trạng thái không biết chân lý Tứ thánh đế.

– *Ārammaṇasabhāvacchādanaraso:* Phận sự che án, phủ kín thực tánh các pháp.

– *Andhakārapaccuppaṭṭhāno:* Làm cho tối tăm là quả hiện hữu.

– *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno:* Sự hiểu biết sai lầm trong tâm không đúng trạng thái của các pháp, là nguyên nhân gần để phát sanh si tâm.

5.2- Phương pháp tiêu diệt màn vô minh

Khi Đức Phật chưa xuất hiện trên thế gian này, tất cả chúng sinh bị bao phủ, che kín bởi màn ***vô minh*** tối tăm dày đặc, không có một Sa môn, Bà la môn hay một Giáo chủ nào biết đến trạng thái thực tánh của các pháp. Chính Đức Phật là bậc đã hoàn toàn diệt đoạn tuyệt được màn ***vô minh,*** bằng ánh sáng ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới,*** tất cả mọi sự thật chân lý, trạng thái thực tánh của các pháp hiển nhiên hiện rõ. Chính Đức Phật đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên. Ngài gọi là ***bậc Chánh Đẳng Giác*** cao thượng nhất trong 10 ngàn thế giới chúng sinh.

Đức Phật đã thuyết pháp giáo huấn, tế độ chúng sinh có duyên lành bằng ***pháp hành thiền tuệ,*** làm cho ánh sáng ***trí tuệ thiền tuệ*** phát sanh, có khả năng tiêu diệt được màn ***vô minh*** tăm tối, sự thật trạng thái thực tánh của các pháp hiển nhiên hiện rõ, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế,… như Đức Phật.

Diệt vô minh có 2 giai đoạn

– Giai đoạn ngăn ngừa vô minh.

– Giai đoạn diệt đoạn tuyệt vô minh.

**** Giai đoạn ngăn ngừa vô minh bằng cách nào?***

Vô minh hay ***si tâm*** phát sanh do nguyên nhân gần chính là *ayonisomanasikāra:* Sự*hiểu biết sai lầm trong tâm, không đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp* là:

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường*** *(anicca),* thì hiểu biết sai lầm cho rằng: ***"thường"*** *(nicca*).

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ*** *(dukkha),* thì hiểu biết sai lầm cho rằng: ***"lạc"*** *(sukha)*.

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã*** *(anattā),* thì biết hiểu sai lầm cho rằng: ***"ngã"*** *(attā).*

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái bất tịnh*** *(asubha)* thì biết hiểu sai lầm cho rằng: ***"tịnh"*** *(subha).*

Do sự hiểu sai lầm trong tâm không đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp, là ***nguyên nhân gần*** để phát sanh ***si tâm,*** gọi là ***vô minh*** làm che án, phủ kín thực tánh của danh pháp, sắc pháp:

– Không thấy rõ trạng thái riêng của danh pháp, sắc pháp.

– Không thấy rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp.

– Không thấy rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

Phương pháp ngăn ngừa vô minh

Hành giả tiến hành thiền tuệ luôn luôn có *yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp* là:

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường,*** thì trí tuệ hiểu biết đúng rằng: ***"vô thường".***

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,*** thì trí tuệ hiểu biết đúng rằng: ***"khổ".***

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã,*** thì trí tuệ hiểu biết đúng rằng: ***"vô ngã".***

– Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái bất tịnh,*** thì trí tuệ hiểu biết đúng rằng***: "bất tịnh".***

Do sự hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp, là ***nguyên nhân gần*** để phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ *thực tánh của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp.*

– Thấy rõ trạng thái riêng của danh pháp, sắc pháp.

– Thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp.

– Thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế….

Đó là phương pháp ngăn ngừa được ***"vô minh"*** *(si tâm)* không phát sanh, để cho***"minh"*** thiện tâm hợp với trí tuệ phát sanh thấy rõ, biết rõ sự thật thực tánh của danh pháp, sắc pháp.

*** Giai đoạn diệt đoạn tuyệt vô minh**

Hành giả tiến hành thiền tuệ có *yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm đúng 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp* làm nền tảng, cho đến khi ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới***phát sanh chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc ***4 Thánh Đạo Tuệ*** có Niết Bàn làm đối tượng, có khả năng diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn ***vô minh,*** cùng với tất cả mọi ***tham ái,*** mọi***phiền não,*** mọi ***ác pháp.***

5.3- Ba pháp che án 3 trạng thái chung

Phương pháp diệt 3 pháp che án

3 trạng thái chung:

– Trạng thái vô thường.

– Trạng thái khổ.

– Trạng thái vô ngã.

Sở dĩ 3 trạng thái chung của danh pháp, sắc pháp không hiện rõ, bởi vì có 3 pháp che án là:

1- *Dòng sanh diệt liên tục (santati) che án* ***trạng thái vô thường,*** *làm cho trạng thái vô thường không hiện rõ.*

2- *Các oai nghi (iriyapatha) che án* ***trạng thái khổ,*** *làm cho trạng thái khổ không hiện rõ.*

3- *Ngã tưởng đồng nhất (ghanasaññā) che án* ***trạng thái vô ngã,*** *làm cho trạng thái vô ngã không hiện rõ.*

1- Dòng sanh diệt liên tục che án trạng thái vô thường

Đức Phật dạy: *"Sabbe saṅkhārā aniccā…".*

"Tất cả các pháp hữu vi đều có trạng thái vô thường".

Pháp hữu vi: Đó là *"danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới",…* đều có ***trạng thái vô thường,*** vì danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, có rồi lại không.

Như vậy, trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên; vậy, do nguyên nhân nào làm cho ***trạng thái vô thường*** không hiện rõ?

Trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy:

"Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatiyā paṭicchannattā na upatthāti". [29]

"Trước hết, trạng thái vô thường không hiện rõ, vì dòng sanh diệt ***liên tục*** *(santati) của danh pháp, sắc pháp vô cùng mau lẹ, làm che án trạng thái vô thường; bởi do không có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp".*

**** Dòng sanh diệt che án trạng thái vô thường như thế nào?***

Ví dụ thô thiển dễ hiểu để so sánh:

– Ví dụ 1:

Khi ta nhìn thấy những hình ảnh trên ***màn hình ti vi,*** cứ 1 giây đồng hồ có khoảng 24 hình liên tục quay nhanh qua máy chiếu phim, ta nhìn thấy hình ảnh những tài tử diễn viên có những cử chỉ, hành động, lời nói tự nhiên bình thường. Nhưng ta không thể nhìn thấy từng mỗi tấm phim cách khoảng nhau và cũng không nghe từng tiếng nói cách khoảng nhau.

Vì đó là sự liên tục quay nhanh của cuộn phim.

– Ví dụ 2:

Khi ta nhìn thấy ***bóng đèn điện đang cháy sáng,*** trong khi ấy, cứ mỗi giây đồng hồ có khoảng 50-60 lần dòng điện cháy sáng rồi tắt liên tục không

ngừng, trong suốt thời gian bóng đèn cháy sáng. Nhưng ta vẫn nhìn thấy bóng đèn cháy sáng bình thường, ta không thể nhìn thấy bóng đèn cháy sáng rồi tắt liên tục.

Vì đó là do sự liên tục của dòng điện cháy sáng rồi tắt.

Nói về ***sự sanh, sự diệt*** của mỗi danh pháp mỗi sắc pháp, thì vô cùng mau lẹ phi thường.

Trong chú giải dạy rằng: *"Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm và tâm sở (danh pháp) sanh rồi diệt liên tục 1000 tỷ lần".* [30]

Như vậy, nếu không có ***trí tuệ thiền tuệ*** bén nhạy, thì không thể nào thấy rõ ***sự sanh, sự diệt*** liên tục mau lẹ không ngừng của danh pháp, sắc pháp.

Nếu không thấy được ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, thì không thể thấy được ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp.

Sở dĩ, không thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp, là vì ***dòng liên tục*** sanh rồi diệt của danh pháp, sắc pháp vô cùng mau lẹ làm che án ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp.

*** Phương pháp cắt đứt dòng sanh diệt liên tục, để thấy rõ trạng thái vô thường.**

Trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp được hiện rõ, chỉ khi nào có ***trí tuệ thiền tuệ*** bén nhạy. Thật vậy, chỉ có ***trí tuệ thiền tuệ*** bén nhạy mới có khả năng cắt đứt dòng sanh diệt liên tục mau lẹ của danh pháp, sắc pháp, nên ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp hiển nhiên hiện rõ.

Như trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy:

"Udayabbayaṃ pana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti". [31]

*"Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi **trí tuệ thiền tuệ** thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, mới có thể cắt đứt (diệt) được dòng sanh, diệt của danh pháp, sắc pháp. Khi ấy, trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp hiện rõ đúng theo thực tướng của nó".*

Trí tuệ thiền tuệ nào có thể thấy rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp?

Trong 16 loại trí tuệ của pháp hành thiền tuệ, trí tuệ có khả năng thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại; bắt đầu từ ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là *Udayabbayañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại.*

Thật vậy, chính ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này bắt đầu có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại là:

– ***Danh pháp*** *nào sanh, do nhân duyên nào sanh.*

– ***Danh pháp*** *ấy diệt, do nhân duyên ấy diệt.*

– ***Sắc pháp*** *nào sanh, do nhân duyên nào sanh.*

– ***Sắc pháp*** *ấy diệt, do nhân duyên ấy diệt.*

Cho nên, ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** mới bắt đầu chính thức gọi là ***trí tuệ thiền tuệ,*** vì có khả năng đặc biệt cắt đứt được ***dòng liên tục*** *(santati)* sanh diệt mau lẹ không ngừng của danh pháp, sắc pháp.

Do đó, ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp hiển nhiên hiện rõ đúng theo thực tướng của nó và ngoài trạng thái vô thường ra, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã cũng có thể hiện rõ, vì 3 trạng thái chung này có sự liên quan với nhau.

Bắt đầu từ ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này cho đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12*** gọi là *Anulomañāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp.

Qua đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 13*** gọi là *Gotrabhuñāṇa* có Niết Bàn làm đối tượng, thì không còn thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp nữa. Dĩ nhiên cũng không còn thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường***, ***trạng thái khổ***, ***trạng thái vô ngã***. Nhưng ***tiềm năng của 3 trạng thái*** này có tầm quan trọng, đóng vai trò quyết định chọn con đường ***giải thoát*** *(vimokkha),* và dẫn đến sự chứng ngộ các loại ***Niết Bàn.***

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ sự sanh sự diệt rất cao thượng.

Trong Pháp cú kệ, Đức Phật dạy rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve, apassaṃ udayabbayaṃ,
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo, passato udayabbayaṃ". [32]

Người nào dầu sống đến trăm năm,
*Mà không có **trí tuệ thiền tuệ,***
Không thấy sự sanh và sự diệt,
Không bằng hành giả sống một ngày,
*Có **trí tuệ thiền tuệ** phát sanh,*
Thấy rõ sự sanh và sự diệt,
Của danh pháp lẫn sắc pháp,
Cuộc đời cao thượng biết dường nào!

2- Các oai nghi che án trạng thái khổ

Đức Phật dạy rằng:

"Sabbe saṅkhārā dukkhā…". [33]

*"Tất cả các pháp hữu vi đều có **trạng thái khổ**".*

Pháp hữu vi: Đó là danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới,… đều có ***trạng thái khổ.***

Như vậy, trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên. Nhưng do nguyên nhân nào làm cho ***trạng thái khổ*** không hiện rõ?

Trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy rằng:

"Dukkhalakkhaṇaṃ abhiṇhasampaṭipīḷanassa amanasi-kārā iriyapathehi paṭicchannattā na upaṭṭhāti". [34]

"Trạng thái khổ không hiện rõ, vì bị các oai nghi che án, bởi do không có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt luôn luôn hành hạ".

**** Các oai nghi che án trạng thái khổ như thế nào?***

4 oai nghi chính là: đi, đứng, ngồi, nằm, và ***các oai nghi phụ:*** như bước tới, bước lui, quay bên trái, quay bên phải, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,….

Tất cả oai nghi này thuộc về ***sắc pháp phát sanh từ tâm*** luôn luôn có sự sanh sự diệt liên tục không ngừng, nên có ***trạng thái vô thường luôn luôn hành hạ,*** bắt buộc phải thay đổi từ oai nghi cũ sang oai nghi mới, để giảm bớt khổ ở oai nghi cũ. Và cứ thế, thay đổi liên tục không ngừng, nên phải chịu *trạng thái khổ triền miên.*

Sự thật ***trạng thái khổ*** là vậy, nhưng vì không có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***các oai nghi là nơi sanh khổ,*** cứ thay đổi các oai nghi theo ***thói quen tự nhiên.*** Không có ***trí tuệ thiền tuệ*** quan tâm thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của các oai nghi, nên không thấy rõ trạng thái vô thường luôn luôn hành hạ, phải chịu khổ.

Do đó, các oai nghi che án ***trạng thái khổ.***

*** Phương pháp làm cho trạng thái khổ hiện rõ.**

Trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp được hiện rõ, chỉ khi nào hành giả tiến hành thiền tuệ có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt liên tục của các oai nghi; thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường luôn luôn hành hạ, thì khi ấy, ***trạng thái khổ*** của sắc pháp, danh pháp hiển nhiên hiện rõ.

Như trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy rằng:

"Abhiṇhasampaṭipīḷanaṃ manasikatvā, iriyapathe ugghāṭite, dukkhalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti…". [35]

"Hành giả tiến hành thiền tuệ, khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường luôn luôn hành hạ các oai nghi, nên oai nghi không còn che án trạng thái khổ, khi ấy trạng thái khổ của sắc pháp danh pháp hiện rõ đúng theo thực tướng của nó".

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là *udayabbayañāṇa: trí tuệ thiền tuệ thấy rõ sự sanh, sự diệt liên tục của danh pháp, sắc pháp, ngay trong hiện tại,* nên hiện thấy rõ trạng thái vô thường luôn luôn hành hạ, phải chịu khổ, khi ấy ***trạng thái khổ*** hiện rõ đúng theo thực tướng của danh pháp, sắc pháp.

3- Ngã tưởng đồng nhất che án trạng thái vô ngã

Đức phật dạy: *"Sabbe dhammā anattā".* [36]

"Tất cả các pháp đều có trạng thái vô ngã".

Pháp ở đây là *danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới,…* đều có ***trạng thái vô ngã,*** vì các pháp ấy có trạng thái vô thường, trạng thái khổ.

Như vậy, *trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp là sự thật hiển nhiên; vậy, do nguyên nhân nào ***trạng thái vô ngã*** không hiện rõ?

Trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy*:*

"Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuvinibhogassa amanasikārā, ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti…". [37]

"Trạng thái vô ngã không hiện rõ, vì bị ngã tưởng đồng nhất che án, bởi do không có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp mỗi sắc pháp riêng biệt với nhau".

**** Ngã tưởng đồng nhất che án trạng thái vô ngã như thế nào?***

Ngã tưởng đồng nhất *(ghanasaññā)* là sự tưởng lầm ở danh pháp, sắc pháp cho là ***"Ta độc nhất"*** mà thôi.

Ngã tưởng đồng nhất có 4 loại:

1- *Santatighana:* Ngã tưởng đồng nhất liên tục.

2- *Samūhaghana:* Ngã tưởng đồng nhất tổng hợp.

3- *Kiccaghana:* Ngã tưởng đồng nhất phận sự.

4- *Ārammaṇaghana:* Ngã tưởng đồng nhất đối tượng.

1- ***Ngã tưởng đồng nhất liên tục như thế nào?***

Ngã tưởng đồng nhất liên tục là thấy sai tưởng lầm cho rằng: *"Chỉ có* ***Ta*** *liên tục làm mọi phận sự là: ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta tiếp xúc, ta biết… ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm,"*…. Gọi là ngã tưởng đồng nhất liên tục.

Sự thật theo Chân nghĩa pháp, mỗi tâm phát sanh trong một *lộ trình tâm (vīthicitta)* có một phận sự, khi làm xong phận sự ấy rồi diệt, lại làm duyên cho tâm khác phát sanh làm phận sự xong, rồi diệt. Và cứ thế, hết lộ trình tâm này sang lộ trình tâm khác, diễn tiến tiếp tục trong cuộc sống hằng ngày.

Ví dụ:

– Khi nhãn thức tâm nhìn thấy một hình ảnh, phải nương nhờ ở *nhãn môn lộ trình tâm*và *ý môn lộ trình tâm* phát sanh liên tục tiếp nối nhau. Mỗi lộ trình tâm chỉ có thể ghi nhận một điểm nào đó, nhờ qua nhiều lộ trình tâm ghi nhận được hình ảnh, biết sắc trần qua hình dạng, cho đến biết ý nghĩa và tên gọi hình dạng ấy.

– Khi nhĩ thức tâm nghe một câu nói, phải nương nhờ ở *nhĩ môn lộ trình tâm* và *ý môn lộ trình tâm* phát sanh liên tục tiếp nối với nhau qua nhiều lộ trình tâm, làm phận sự nghe thanh trần, âm thanh, và hiểu rõ ý nghĩa câu nói ấy….

– Khi đi, đó là *sắc đi,* là *sắc pháp phát sanh từ tâm,* qua quá trình diễn tiến sanh rồi diệt liên tục của tâm, sắc đi cũng diễn tiến sanh rồi diệt liên tục không ngừng, cho đến khi thay đổi sang oai nghi khác.

Cũng như vậy, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm,… mỗi sắc pháp có phận sự riêng biệt với nhau.

Thế mà ***ngã tưởng đồng nhất liên tục*** thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm ***từ nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần*** cho là ***"ta thấy".***

Cũng như vậy, ngã tưởng đồng nhất thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm từ ***nhĩ thức tâm nghe thanh trần*** cho là ***"ta nghe",***….

Ngã tưởng đồng nhất liên tục thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm từ ***"sắc đi"*** cho là ***"ta đi",*** từ ***"sắc đứng"*** cho là ***"ta đứng",*** từ ***"sắc ngồi"*** cho là ***"ta ngồi",*** từ ***"sắc nằm"*** cho là***"ta nằm"***… chỉ có một mình ***Ta*** liên tục làm mọi phận sự.

Do đó, ***ngã tưởng đồng nhất liên tục,*** làm che án ***trạng thái vô ngã.***

2- Ngã tưởng đồng nhất tổng hợp như thế nào?

Ngã tưởng đồng nhất tổng hợp thấy sai, chấp lầm rằng: *"Chỉ có* ***Ta*** *duy nhất là chủ, ta muốn làm phận sự gì theo ý của* ***Ta****".*

Sự thật theo Chân nghĩa pháp là: mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp phát sanh đều do nhân duyên, để làm phận sự, khi làm xong phận sự ấy rồi diệt, lại làm duyên cho tâm khác phát sanh. Và cứ như vậy, tiếp tục từ tâm này sang tâm khác liên tục không ngừng.

Ví dụ:

– ***Nhãn thức tâm*** phát sanh do nhân duyên *sắc trần* tiếp xúc với *nhãn tịnh sắc*. Do sự tiếp xúc ấy, phát sanh ***nhãn thức tâm*** làm phận sự nhìn thấy *sắc trần,* hình dạng.

– ***Nhĩ thức tâm*** phát sanh do nhân duyên *thanh trần* tiếp xúc với *nhĩ tịnh sắc.* Do sự tiếp xúc ấy, phát sanh ***nhĩ thức tâm,*** làm phận sự nghe *thanh trần,* âm thanh….

Cũng như vậy, ***tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm, ý thức tâm*** phát sanh do nhân duyên của mỗi tâm riêng biệt.

- ***Sắc đi*** phát sanh là do tâm nghĩ đi. Do tâm nghĩ đi ấy, phát sanh ra chất gió phát sanh từ tâm. Do nhờ chất gió ấy, vận chuyển toàn thân di chuyển bước đi từng bước một, gọi là ***sắc đi,*** là sắc pháp phát sanh từ tâm *(cittajarūpa).*

Cũng như vậy***, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** cũng là sắc pháp phát sanh từ tâm theo mỗi nhân duyên riêng biệt.

Danh pháp, sắc pháp nương nhờ lẫn nhau để phát sanh như sau:

– ***Danh pháp*** phát sanh do nương nhờ ***sắc pháp.***

– ***Sắc pháp*** phát sanh do nương nhờ ***danh pháp.***

– ***Danh pháp*** phát sanh do nương nhờ ***danh pháp.***

– ***Sắc pháp*** phát sanh do nương nhờ ***sắc pháp.***

Thế mà ***ngã tưởng đồng nhất tổng hợp*** không thấy rõ không biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp nên thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm rằng: *"Chỉ có **Ta** là chủ làm mọi phận sự".*

Do đó, ***ngã tưởng đồng nhất tổng hợp*** làm che án mọi ***trạng thái vô ngã.***

3- Ngã tưởng đồng nhất phận sự như thế nào?

Ngã tưởng đồng nhất phận sự thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm rằng: *"Chỉ có **Ta** làm mọi phận sự",* như: *ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta tiếp xúc, ta biết.*

Sự thật theo Chân nghĩa pháp, mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều có phận sự riêng biệt nhau, không giống nhau.

Ví dụ:

– ***Nhãn thức tâm*** chỉ có 1 phận sự là nhìn thấy *sắc trần,* hình dạng mà thôi, không thể biết được người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh….

- ***Nhĩ thức tâm*** chỉ có 1 phận sự là nghe *thanh trần,* âm thanh mà thôi, không thể biết được tiếng Anh, tiếng Pháp….

- ***Tỷ thức tâm*** chỉ có 1 phận sự là ngửi *hương trần,* các loại mùi mà thôi, không thể biết được mùi thơm gì, mùi hôi gì….

- ***Thiệt thức tâm*** chỉ có 1 phận sự là nếm *vị trần,* các loại vị mà thôi, không thể biết được vị ngọt của đường, vị chua của chanh….

- ***Thân thức tâm*** chỉ có 1 phận sự là tiếp *xúc trần,* cứng, mềm, nóng, lạnh, phồng, xẹp mà thôi, không thể biết được sự cứng của sắt, sự mềm của bông….

- ***Ý thức tâm*** có nhiều phận sự, có thể biết Chân nghĩa pháp và Chế định pháp, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia, tiếng Anh, tiếng Pháp, các môn học, nghề nghiệp….

Mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều có phận sự riêng biệt với nhau như vậy. Thế mà***ngã tưởng đồng nhất phận sự*** thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: "*chỉ có **Ta** duy nhất làm mọi phận sự*".

Do đó ***ngã tưởng đồng nhất phận sự*** làm che án ***trạng thái vô ngã.***

4- Ngã tưởng đồng nhất đối tượng như thế nào?

Ngã tưởng đồng nhất đối tượng thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm từ tất cả mọi đối tượng khác nhau cho là ***"Ta, Ngã".***

Ví dụ:

– Khi sắc đi, chấp là ***"Ta đi".***

– Khi sắc đứng, chấp là ***"Ta đứng".***

– Khi sắc ngồi, chấp là ***"Ta ngồi".***

– Khi sắc nằm, chấp là ***"Ta nằm",….***

– Khi tâm biết, chấp là ***"Ta biết",….***

Sự thật theo Chân nghĩa pháp thì *sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm…* thuộc về ***sắc pháp;*** *tâm biết* thuộc về ***danh pháp.***

Thế mà ***ngã tưởng đồng nhất đối tượng*** thấy sai, tưởng lầm, chấp lầm từ tất cả các*đối tượng* khác nhau chấp là ***"Ta, Ngã".***

Do đó, ***ngã tưởng đồng nhất đối tượng*** làm che án ***trạng thái vô ngã.***

*** Phương pháp làm cho trạng thái vô ngã hiện rõ**

Trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp được hiện rõ, khi hành giả tiến hành thiền tuệ, có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ ***mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp*** riêng biệt nhau; thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** liên tục của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô ngã.***

Như trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy:

"Nānādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti". [38]

"Hành giả tiến hành thiền tuệ, khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp riêng biệt, có sự sanh sự diệt không ngừng, nên ngã tưởng đồng nhất bị phân tích rời rạc riêng rẽ. Khi ấy, trạng thái vô ngã hiện rõ đúng theo thực tướng của nó".

Hành giả tiến hành thiền tuệ đến khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là *Udayabbayañāṇa: trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh sự diệt của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ngay trong hiện tại,* nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp đúng theo thực tánh của các pháp.

Trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp có sự liên quan với nhau.

– Nếu trạng thái nào bị che án thì 2 trạng thái kia cũng bị che án.

– Nếu trạng thái nào được hiện rõ, thì 2 trạng thái kia cũng được hiện rõ.

Trong 3 trạng thái chung của danh pháp, sắc pháp, một trạng thái chung nào trở thành đối tượng của ***trí tuệ thiền tuệ,*** thì 2 trạng thái còn lại không hiện rõ. Mặc dầu 2 trạng thái kia không hiện rõ theo đối tượng, nhưng sự liên quan giữa 3 trạng thái chung và tiềm năng của 3 trạng thái ấy, đều có khả năng diệt được sự tưởng lầm liên quan đến mỗi trạng thái ấy là:

– Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp, thì diệt được ***"thường tưởng"*** *(niccasaññā): sự tưởng lầm cho rằng:* ***"thường".***

– Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp, thì diệt được ***"lạc tưởng"*** *(sukhasaññā): sự tưởng lầm cho rằng:* ***"lạc".***

– Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp, thì diệt được ***"ngã tưởng"*** *(attasaññā): sự tưởng lầm cho rằng:* ***"ngã ".***

Do 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường***, ***trạng thái khổ***, ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp có sự liên quan với nhau, nên khi 1 trạng thái nào hiện rõ làm đối tượng, cũng có thể diệt được sự tưởng lầm ***"thường, lạc, ngã"*** nơi danh pháp, sắc pháp.

Chú thích:

[13-14] Xin xem lại phần trước.

[15] Visuddhinagga phần Sammasanañāṇa.

[16] Visuddhimagga phần Sammasanañāṇa.

[17] Bộ Samyuttanikāya, Salāyatanavagga.
[18] Visuddhimagga phần Sammasanañāṇa.
[19] Visuddhimagga phần Sammasanañāṇa.
[20] Bộ Khu. Suttanipāta, Kinh Mettasutta.
[21-22] Khu. Bộ Dhammapadagāthā.
[23] Luật tạng, phần Bhikkhunīpātimokkha.
[24-25] Khu, Bộ Dhammapadagāthā.
[26] Bộ Samyuttanikāya, phần Khandhavagga, Kinh Attadīpasutta.
[27] Bộ Sàratthadīpanītīkā , Kinh Anattalakkhaịasuttavaṇṇanā .
[28] Bộ Samyuttanikāya, Khandhavagga, Kinh Anattalakkhaṇasutta.
[29] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadàñāṇadassanavisuddhi .
[30] Bộ Sam. Khandhavagga, Kinh Phenapindupamāsuttavannanā.
[31] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadāñāṇadassanavisuddhi .
[32-33] Bộ Dhammapadagāthā.
[34] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadàñāṇadassanavisuddhi .
[35] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadàñāṇadassanavisuddhi .
[36] Bộ Dhammapadagāthā.
[37] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadāñāṇadassanavisuddhi .
[38] Bộ Visuddhimagga, phần Patipadāñāṇadassanavisuddhi .

-ooOoo-

2- PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ *(tiếp theo)*

5- Tứ Thánh Đế

Tứ thánh đế *(Ariyasacca)* là 4 sự thật chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ, đó là:

1- ***Khổ thánh đế*** *(Dukkha ariyasacca):* ***Danh pháp, sắc pháp*** trong tam giới là ***khổ,***là chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ.

2- ***Nhân sanh Khổ thánh đế*** *(Dukkhasamudaya ariyasacca):* ***Tâm tham ái*** là Nhân sanh Khổ thánh đế, là chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ; hay gọi tắt là: ***Tập thánh đế****(Samudaya ariyasacca).*

3- ***Diệt Khổ thánh đế*** *(Dukkhanirodha ariyasacca):* ***Niết Bàn*** là ***pháp diệt*** Khổ thánh đế, là chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ; hay gọi tắt là: ***Diệt thánh đế*** *(Nirodha ariyasacca).*

4- ***Pháp hành diệt Khổ thánh đế*** *(Dukkhanirodhagāminīpaṭipadā ariyasacca):* ***Bát chánh đạo,*** hợp đủ 8 chánh, là ***pháp hành*** dẫn đến chứng

ngộ Niết Bàn, là chân lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ; hay gọi tắt là: ***Đạo thánh đế*** *(Magga ariyasacca).*

Tứ thánh đế là nền tảng căn bản trong giáo pháp của Chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

* Đức Thế Tôn có danh hiệu là *"Sammāsambuddha"*: ***Chánh Đẳng Giác,*** là do chính ***Ngài*** đã chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** *và* ***Niết Bàn,*** trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên, được tôn xưng ***bậc Chánh Đẳng Giác cao thượng, độc nhất vô nhị*** trong 10 ngàn thế giới chúng sinh.

* Đức thế tôn có danh hiệu ***"Buddha", Đức Phật,*** là do chính ***Ngài*** đã chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế*** đầu tiên, rồi Ngài đem ra giáo huấn cho chúng sinh có duyên lành cùng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế như Ngài.

Sau khi trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, Đức Phật đã ngự đến khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, để tế độ nhóm 5 Tỳ khưu: Đại Đức Koṇṇañña, Đại Đức Vappa, Đại Đức Bhaddiya, Đại Đức Mahānāma, Đại Đức Assaji. Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh đầu tiên gọi là *"Dhammacakkappavattanasutta": Kinh Chuyển Pháp Luân*. Khi nhóm 5 Tỳ khưu lắng nghe xong bài kinh, trong đó *Đại Đức Koṇṇañña* trưởng nhóm đã chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả,*** trở thành ***bậc Thánh Nhập Lưu, vị Thánh Thanh văn đệ tử*** *đầu tiên trong giáo pháp của* ***Đức Phật Gotama,*** cùng với 180 triệu chư thiên và Phạm thiên cũng chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***Thánh Đạo, Thánh Quả*** đồng thời trong lúc ấy.

Trong bài ***Kinh Chuyển Pháp Luân*** này, có một đoạn *Đức Thế Tôn* khẳng định truyền dạy toàn cõi thế giới rằng:

"Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahosi".

"Athāhaṃ bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya devamanussāya "anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho" ti paccaññāsiṃ…". [39]

"Này Chư Tỳ khưu, khi nào trí tuệ thiền tuệ đã thấy rõ, biết rõ đúng thực tánh của Tứ thánh đế theo tam tuệ luân thành 12 loại trí tuệ trong sáng thanh tịnh, đã phát sanh đến với Như Lai".

"Này Chư Tỳ khưu, khi ấy Như Lai khẳng định truyền dạy rằng: "Như Lai đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới

chúng sinh: nhân loại, Vua Chúa, Sa môn, Bà la môn, Chư thiên, Ma Vương và Phạm thiên cả thảy".

Như vậy, Đức Thế Tôn có danh hiệu *"Sammāsambuddha"* vì chính Ngài tự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế theo ***tam tuệ luân*** là:

– ***Trí tuệ học*** *(saccañāṇa).*

– ***Trí tuệ hành*** *(kiccañāṇa).*

– ***Trí tuệ thành*** *(katañāṇa).*

Ba loại trí tuệ trong Tứ thánh đế (3x4) thành 12 loại trí tuệ, mà Đức Phật đã tuần tự chứng đạt một cách hoàn toàn trong sáng thanh tịnh, để trở thành bậc Chánh Đẳng Giác*(Sammāsambuddho).*

Đối với hàng Phật tử là bậc xuất gia Sa di, Tỳ khưu, cũng như hàng tại gia cư sĩ là cận sự nam, cận sự nữ, cùng tất cả chư thiên, Phạm thiên có nguyện vọng trở thành bậc Thánh nhân, phải hành theo con đường duy nhất mà Đức Phật đã tiến hành. Đó là: ***pháp hành thiền tuệ*** để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế theo tam tuệ luân, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Tìm hiểu rõ ý nghĩa Tứ thánh đế

Trong bộ ***Thanh Tịnh Đạo*** giảng giải 16 ý nghĩa của Tứ thánh đế [40] như sau:

1- ***Khổ thánh đế:*** Đó là ***ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp trong tam giới***là sự thật chân lý Khổ thánh đế, có 4 ý nghĩa thực trạng là:

1- Thực trạng khổ luôn luôn hành hạ.

2- Thực trạng khổ là do nhân duyên cấu tạo.

3- Thực trạng khổ làm nóng nảy.

4- Thực trạng khổ là do luôn luôn biến đổi.

2- ***Tập thánh đế:*** Đó là ***tâm tham ái,*** Nhân sanh Khổ thánh đế, có 4 ý nghĩa thực trạng là:

1- Thực trạng làm nhân sanh khổ,

2- Thực trạng làm cho phát sanh khổ đế.

3- Thực trạng ràng buộc trong khổ, không thoát ra khỏi khổ được.

4- Thực trạng dính mắc trong khổ đế.

3- ***Diệt thánh đế:*** Đó là ***Niết Bàn,*** pháp diệt Khổ thánh đế, có 4 ý nghĩa thực trạng là:

1- Thực trạng giải thoát mọi cảnh Khổ thánh đế.

2- Thực trạng không bị ràng buộc trong Khổ thánh đế.

3- Thực trạng không bị nhân duyên nào cấu tạo.

4- Thực trạng không còn sanh tử nữa.

4- *Đạo thánh đế:* Đó là ***Pháp hành Bát chánh đạo*** dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn, có 4 ý nghĩa thực trạng là:

1- Thực trạng pháp hành dẫn đến sự giải thoát khổ tử sanh luân hồi.

2- Thực trạng pháp hành là nhân dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

3- Thực trạng pháp hành để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

4- Thực trạng pháp hành dẫn đầu làm phận sự biết Khổ thánh đế, diệt Nhân sanh Khổ thánh đế, chứng ngộ Niết Bàn.

Tất cả 16 ý nghĩa thực trạng của Tứ thánh đế này đồng thành tựu cùng một lúc trong Thánh Đạo Tâm, không trước không sau.

Tam Tuệ Luân

Tam tuệ luân *(Tiparivaṭṭa):* là 3 bậc trí tuệ luân chuyển theo Tứ thánh đế như sau:

1- *Saccañāṇa:* ***Trí tuệ học*** Tứ thánh đế.

2- *Kiccañāṇa:* ***Trí tuệ hành*** phận sự Tứ thánh đế.

3- *Katañāṇa:* ***Trí tuệ thành*** hoàn thành phận sự Tứ thánh đế.

1- Trí Tuệ Học Tứ Thánh Đế

1.1- Trí tuệ học Khổ thánh đế

Trí tuệ học là hiểu biết rõ các chi pháp trong Khổ thánh đế.

Khổ thánh đế: Đó là ***ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp trong tam giới*** mà bậc Thánh nhân chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

* **Ngũ uẩn chấp thủ** là:

– ***Sắc uẩn chấp thủ:*** sắc uẩn là đối tượng của tham ái, tà kiến chấp thủ.

– ***Thọ uẩn chấp thủ:*** thọ uẩn là đối tượng của tham ái, tà kiến chấp thủ.

– ***Tưởng uẩn chấp thủ:*** tưởng uẩn là đối tượng của tham ái, tà kiến chấp thủ.

– ***Hành uẩn chấp thủ:*** hành uẩn là đối tượng của tham ái, tà kiến chấp thủ.

– ***Thức uẩn chấp thủ:*** thức uẩn là đối tượng của tham ái, tà kiến chấp thủ.

* **Danh pháp, sắc pháp trong tam giới** là:

- ***Danh pháp*** trong tam giới đó là tâm và tâm sở.

* ***Tam giới tâm:*** có 81 tâm *(trừ 8 hay 40 siêu tam giới tâm, vì không phải Khổ thánh đế)*:

- Dục giới tâm có 54 tâm.

- Sắc giới tâm có 15 tâm.

- Vô sắc giới tâm có 12 tâm.

* ***Tâm sở:*** có 51 tâm sở *(trừ tham tâm sở, vì tham tâm sở thuộc Tập thánh đế).*

- ***Sắc pháp*** chỉ có trong dục giới và sắc giới, không có trong vô sắc giới, có tất cả 28 sắc pháp.

Như vậy, gồm có 81 tam giới tâm + 51 tâm sở + 28 sắc pháp là Khổ thánh đế, là pháp mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

1.2- Trí tuệ học Tập thánh đế

Trí tuệ học là hiểu biết rõ các chi pháp trong Tập thánh đế.

Tập thánh đế: Đó là ***tâm tham ái,*** nhân sanh Khổ thánh đế. ***Tham ái*** *(taṇhā):* có 3 loại, 36 loại, 108 loại:

*** Tham ái theo tính chất có 3 loại:**

1- *Kāmataṇhā: Dục ái,* tham ái trong 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) không có tà kiến.

2- *Bhavataṇhā: Hữu ái,* tham ái trong 6 trần hợp với thường kiến *(sassatadiṭṭhi)* thấy sai lầm rằng 6 trần nầy thường tồn, không có sanh diệt. Hoặc,

Tham ái trong 3 cõi: dục giới, sắc giới, vô sắc giới, trong thiền sắc giới, thiền vô sắc giới.

3- *Vibhavataṇhā: Phi hữu ái,* tham ái trong 6 trần hợp với đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi)*thấy sai lầm rằng: 6 trần nầy là đối tượng có sanh mạng và không sanh mạng đều bị mất, không còn gì cả; hoặc chúng sanh chết, không còn tái sanh nữa. Tâm tham ái hoan hỉ với đoạn kiến như vậy.

*** Tham ái theo 6 đối tượng có 6 loại:**

Mỗi tham ái phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng, nên có 6 loại tham ái:

1- *Sắc ái,* tham ái trong sắc trần.

2- *Thanh ái,* tham ái trong thanh trần.

3- *Hương ái,* tham ái trong hương trần.

4- *Vị ái,* tham ái trong vị trần.

5- *Xúc ái,* tham ái trong xúc trần.

6- *Pháp ái,* tham ái trong pháp trần.

*** Tham ái theo 3 thời:**

Mỗi tham ái phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng hiện tại; 6 đối tượng quá khứ; 6 đối tượng vị lai (6 x 3).

Như vậy: – Dục ái có 18 loại tham ái.

- Hữu ái có 18 loại tham ái.

- Phi hữu ái có 18 loại tham ái.

*** Tham ái theo 2 bên trong và ngoài:**

Mỗi tham ái phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng bên trong của mình, và 6 đối tượng bên ngoài: người khác và các vật khác *(có sanh mạng và không sanh mạng)*.

Như vậy: – Dục ái có 18 x 2 = 36 loại.

- Hữu ái có 18 x 2 = 36 loại.

- Phi hữu ái có 18 x 2 = 36 loại.

Tóm lại: tham ái tổng cộng có 36 + 36 + 36 = 108 loại tham ái đều là nhân sanh khổ thánh đế, là pháp mà bậc thánh nhân đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

Tâm tham ái không những là nhân sanh khổ ở kiếp hiện tại, mà còn là nhân sanh khổ dẫn dắt tái sanh trong kiếp sau nữa. Hễ còn ***tâm tham ái,*** thì còn phải tái sanh kiếp sau, trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài không cùng, không tận.

1.3- Trí tuệ học Diệt khổ thánh đế

Trí tuệ học là hiểu biết rõ các chi pháp trong Diệt khổ thánh đế.

Diệt khổ thánh đế: Đó là ***Niết Bàn,*** pháp diệt nhân sanh Khổ thánh đế, cũng là pháp diệt quả Khổ thánh đế.

Niết Bàn có 2 loại theo bậc Thánh Arahán.

1- ***Hữu Dư Niết Bàn*** *(Sa upādisesanibbāna):* Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, còn gọi là ***Phiền Não Niết Bàn*** *(Kilesaparinibbāna),* nhưng ***ngũ uẩn*** vẫn còn tồn tại cho đến hết tuổi thọ.

2- ***Vô Dư Niết Bàn*** *(Anupādisesanibbāna):* Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót. Đồng thời đến lúc hết tuổi thọ, ***ngũ uẩn*** tịch diệt Niết Bàn, còn gọi là ***Ngũ Uẩn Niết Bàn*** *(Khandha-parinibbāna),* chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Niết Bàn có 3 loại theo đối tượng.

1- ***Vô Tướng Niết Bàn*** *(Amimittanibbāna):* Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ. Khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường*** hiện rõ hơn *trạng thái khổ* và *trạng thái vô ngã,* do ***tín pháp chủ*** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác,dẫn đến sự chứng ngộ

Niết Bàn gọi là ***"Vô Hiện Tượng Niết Bàn":*** *Niết Bàn không có hiện tượng pháp hành hữu vi.*

2- ***Vô Ái Niết Bàn*** *(Appaṇihitanibbāna):* Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ. Khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp co ***trạng thái khổ*** hiện rõ hơn*trạng thái vô thường* và *trạng thái vô ngã,* do ***định pháp chủ*** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là ***"Vô Ái Niết Bàn":*** *Niết Bàn không có tham ái nương nhờ.*

3- ***Chơn Không Niết Bàn*** *(Suññatanibbāna):* Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ. Khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã*** hiện rõ hơn *trạng thái vô thường* và *trạng thái khổ,* do ***tuệ pháp chủ*** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là ***"Chơn Không Niết Bàn":*** *Niết Bàn hoàn toàn vô ngã, không phải Ta, không phải của Ta.*

Vậy, các loại Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế, là pháp mà Chư bậc Thánh đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ.

1.4- Trí tuệ học Đạo thánh đế

Trí tuệ học là hiểu biết rõ các chi pháp trong Đạo thánh đế.

Đạo thánh đế: Đó là ***Bát chánh đạo*** hợp đủ 8 chánh, là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

Bát chánh đạo:

- ***Chánh kiến:*** *Trí tuệ chân chính,* là ***trí tuệ thiền tuệ*** chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế:*Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế* và *Đạo thánh đế.*

- ***Chánh tư duy:*** *Tư duy chân chính,* là *tư duy thoát ra khỏi ngũ trần, tư duy không làm khổ mình khổ người, tư duy không làm hại mình hại người.*

- ***Chánh ngữ:*** *Nói lời chân chính,* là *không nói dối, không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục chửi rủa mắng nhiếc, không nói lời vô ích.*

- ***Chánh nghiệp:*** *Hành nghiệp chân chính,* là *không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.*

- ***Chánh mạng:*** *Nuôi mạng chân chính,* là *tránh xa cách sống tà mạng do thân và khẩu.*

- ***Chánh tinh tấn:*** *Tinh tấn chân chính* là:

* *Tinh tấn ngăn ác pháp không cho sanh.*

* *Tinh tấn diệt ác pháp đã sanh.*

* *Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh.*

* *Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã sanh.*

- ***Chánh niệm:*** *Niệm chân chính,* là *niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, (ngoài ra không gọi là chánh niệm).*

- ***Chánh định:*** *Định chân chính,* là *định tâm trong các bậc* ***siêu tam giới thiền tâm,****có Niết Bàn làm đối tượng. (Ngoài ra, định tâm ở bậc thiền sắc giới, thiền vô sắc giới không gọi là chánh định).*

Vậy, ***Bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh,*** là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, diệt Khổ thánh đế, là pháp mà chư bậc Thánh đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ.

Trên đây là 4 ***trí tuệ học,*** là học các chi pháp của ***Tứ thánh đế,*** thuộc về phần ***pháp học*** *(pariyattidhamma).*

2- Trí Tuệ Hành Phận Sự Tứ Thánh Đế

Khi ***4 trí tuệ học*** đã hiểu biết rõ tất cả chi pháp trong Tứ thánh đế xong rồi, luân chuyển đến ***4 trí tuệ hành*** theo phận sự của mỗi Thánh Đế như sau:

2.1- Trí tuệ hành phận sự Khổ thánh đế.

Khổ thánh đế: Đó là ***ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp*** *trong tam giới,* là pháp mà ***trí tuệ hành có phận sự nên biết*** *(pariññeyya);* hay ***trí tuệ hành có phận sự nên biết danh pháp, sắc pháp là khổ đế.*** *(Không phải có phận sự nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

2.2- Trí tuệ hành phận sự Tập thánh đế.

Tập thánh đế: Đó là ***tâm tham ái,*** nhân sanh Khổ thánh đế, là pháp mà ***trí tuệ hành có phận sự nên diệt*** *(pahātabba);* hay ***trí tuệ hành có phận sự nên diệt tâm tham ái.*** *(Không phải có phận sự nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

2.3- Trí tuệ hành phận sự Diệt khổ thánh đế.

Diệt khổ thánh đế: Đó là ***Niết Bàn,*** diệt nhân sanh Khổ thánh đế, là pháp mà ***trí tuệ hành có phận sự nên chứng ngộ*** *(sacchikātabba);* hay ***trí tuệ hành có phận sự nên chứng ngộ Niết Bàn.*** *(Không phải có phận sự nên biết, nên diệt, nên tiến hành).*

2.4- Trí tuệ hành phận sự Đạo thánh đế.

Đạo thánh đế: Đó là ***Bát chánh đạo,*** pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt nhân sanh Khổ thánh đế, là pháp mà ***trí tuệ hành có phận sự nên tiến hành****(bhāvetabba);* hay ***trí tuệ hành có phận sự nên tiến hành Bát chánh đạo.*** *(Không phải có phận sự nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).*

Trên đây là 4 ***trí tuệ hành*** phận sự của Tứ thánh đế, thuộc về phần ***pháp hành****(paṭipattidhamma).*

3- Trí Tuệ Thành Phận Sự Tứ Thánh Đế

Khi ***4 trí tuệ hành*** đã làm tròn phận sự Tứ thánh đế xong rồi, luân chuyển đến ***4 trí tuệ thành,*** hoàn thành xong phận sự của mỗi Thánh Đế như sau:

3.1- Trí tuệ thành phận sự Khổ thánh đế

Khổ thánh đế: Đó là ***ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp*** *trong tam giới,* là pháp mà ***trí tuệ thành đã biết xong*** *(pariññata), đã hoàn thành xong phận sự biết Khổ thánh đế,* hay ***trí tuệ thành đã biết xong danh pháp, sắc pháp là Khổ thánh đế.***

3.2- Trí tuệ thành phận sự Tập thánh đế.

Tập thánh đế: Đó là ***tâm tham ái,*** nhân sanh Khổ thánh đế, là pháp mà ***trí tuệ thành đã diệt xong*** *(pahīna), đã hoàn thành xong phận sự diệt Tập thánh đế,* hay ***trí tuệ thành đã diệt xong tâm tham ái.***

3.3- Trí tuệ thành phận sự Diệt khổ thánh đế.

Diệt khổ thánh đế: Đó là ***Niết Bàn,*** diệt Nhân sanh Khổ thánh đế, là pháp mà ***trí tuệ thành đã chứng ngộ xong*** *(sacchikata), đã hoàn thành xong phận sự chứng ngộ Diệt thánh đế,* hay ***trí tuệ thành đã chứng ngộ xong Niết Bàn.***

3.4- Trí tuệ thành phận sự Đạo thánh đế.

Đạo thánh đế: Đó là ***Bát chánh đạo*** hợp đủ 8 chánh, pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, là pháp mà ***trí tuệ thành đã tiến hành xong*** *(bhāvita); đã hoàn thành xong phận sự tiến hành Đạo thánh đế,* hay ***trí tuệ thành đã tiến hành xong Bát chánh đạo.***

Trên đây là 4 ***trí tuệ thành*** đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ thánh đế, thuộc về***pháp thành*** *(paṭivedhadhamma),* là sự chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn,***gọi là ***9 siêu tam giới pháp*** *(navalokuttaradhamma).*

Nhân Quả Liên Quan Tam Tuệ Luân

- ***Bốn trí tuệ thành,*** là đã hoàn thành xong 4 phận sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,***chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn,*** đó là kết quả của ***4 trí tuệ hành*** theo 4 phận sự của Tứ thánh đế.

- ***Bốn trí tuệ hành,*** là hành đúng theo 4 phận sự của Tứ thánh đế, đó là kết quả của ***4 trí tuệ học.***

- ***Bốn trí tuệ học,*** là học hiểu biết đúng theo các chi pháp của Tứ thánh đế, làm nhân duyên dẫn đến kết quả ***4 trí tuệ hành.***

- ***Bốn trí tuệ hành,*** là hành đúng theo 4 phận sự của Tứ thánh đế, làm nhân duyên dẫn đến kết quả ***4 trí tuệ thành,*** là đã hoàn thành xong 4 phận sự của Tứ thánh đế. Đó là sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả đến Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành ***bậc Thánh Arahán.*** Trí tuệ thấy rõ, biết rõ phạm hạnh đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn phải tái sanh kiếp nào khác nữa.

Như trong đoạn ***Kinh Chuyển Pháp Luân,*** Đức Thế Tôn khẳng định:

"Ñāṇañca pana me dassanaṃ udapādi "Akuppā me vimutti, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo"ti…".

"Trí tuệ quán xét đã phát sanh đến Như Lai biết rõ rằng: "Arahán Thánh Quả Tuệ giải thoát của Như Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp hiện tại này, không còn phải tái sanh kiếp nào nữa".

Tam Tuệ Luân Của Mỗi Thánh Đế

Trong mỗi Thánh Đế có đủ tam tuệ luân như sau:

1- Khổ thánh đế.

– ***Trí tuệ học,*** là trí tuệ hiểu biết rõ ***danh pháp, sắc pháp trong tam giới là Khổ thánh đế.***

– ***Trí tuệ hành,*** là trí tuệ đang tiến hành thiền tuệ, để thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp là pháp có phận sự nên biết*** *(pariññeyya)**.***

– ***Trí tuệ thành,*** là trí tuệ đã tiến hành thiền tuệ, đã thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp là pháp có phận sự đã biết xong*** *(pariññāta).*

2- Tập thánh đế.

– ***Trí tuệ học,*** là trí tuệ hiểu biết rõ ***tâm tham ái là nhân sanh Khổ thánh đế.***

– ***Trí tuệ hành,*** là trí tuệ đang tiến hành thiền tuệ, để thấy rõ, biết rõ ***tâm tham ái là pháp có phận sự nên diệt*** *(pahātabba)**.***

– ***Trí tuệ thành,*** là trí tuệ đã tiến hành thiền tuệ, đã thấy rõ, biết rõ ***tâm tham ái là pháp có phận sự đã diệt xong*** *(pahīna)**.***

3- Diệt thánh đế.

– ***Trí tuệ học,*** là trí tuệ hiểu biết rõ ***Niết Bàn là pháp diệt Khổ thánh đế.***

– ***Trí tuệ hành,*** là trí tuệ đang tiến hành thiền tuệ, để thấy rõ, biết rõ ***Niết Bàn là pháp có phận sự nên chứng ngộ*** *(sacchikātabba)*.

– ***Trí tuệ thành,*** là trí tuệ đã tiến hành thiền tuệ, đã thấy rõ, biết rõ ***Niết Bàn là pháp có phận sự đã chứng ngộ xong*** *(sacchikata)*.

4- Đạo thánh đế.

– ***Trí tuệ học,*** là trí tuệ hiểu biết rõ ***Bát chánh đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn là pháp diệt Khổ thánh đế.***

– ***Trí tuệ hành,*** là trí tuệ đang tiến hành pháp hành ***Bát chánh đạo là pháp có phận sự nên tiến hành*** *(bhāvetabba)*.

– ***Trí tuệ thành,*** là trí tuệ đã tiến hành pháp hành ***Bát chánh đạo, là pháp có phận sự đã tiến hành xong*** *(bhāvita)*.

Trong mỗi Thánh Đế có tam tuệ luân chuyển. Vậy, trong Tứ thánh đế *(4x3)* gồm có 12 tuệ luân chuyển, có thể tượng trưng như một ***Bánh Xe Pháp Luân*** *(dhammacakka)* có 12 căm luân chuyển.

Bảng tóm tắt tam tuệ luân trong Tứ thánh đế

Tam tuệ luân	Tứ thánh đế			
	Khổ thánh đế	Tập thánh đế	Diệt thánh đế	Đạo thánh đế
Trí tuệ học	Danh - sắc	Tham ái	Niết Bàn	Bát chánh đạo
Trí tuệ hành	Nên biết	Nên diệt	Nên chứng ngộ	Nên tiến hành
Trí tuệ thành	Đã biết	Đã diệt	Đã chứng ngộ	Đã tiến hành

Tứ thánh đế	Tam tuệ luân		
	Trí tuệ học	Trí tuệ hành	Trí tuệ thành
Khổ thánh đế	Danh - sắc pháp	Nên biết	Đã biết
Tập thánh đế	Tham ái	Nên diệt	Đã diệt
Diệt thánh đế	Niết Bàn	Nên chứng ngộ	Đã chứng ngộ
Đạo thánh đế	Bát chánh đạo	Nên tiến hành	Đã tiến hành

Tam tuệ luân của 4 bậc Thánh nhân

Mỗi bậc Thánh nhân đều trải qua tam tuệ luân trong Tứ thánh đế, mỗi tuệ luân có năng lực trí tuệ khác nhau đối với mỗi bậc Thánh nhân.

– Bậc Thánh Nhập Lưu trải qua tam tuệ luân trong Tứ thánh đế lần thứ nhất, Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được: *tham ái hợp với tà kiến trong 4 tham tâm hợp tà kiến (còn 4 tham tâm không hợp tà kiến chưa diệt được).*

– Bậc Thánh Nhất Lai trải qua tam tuệ luân trong Tứ thánh đế lần thứ nhì, Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được: *tham ái ngũ trần loại thô trong 4 tham tâm không hợp tà kiến (còn ngũ trần loại vi tế chưa diệt được).*

– Bậc Thánh Bất Lai trải qua tam tuệ luân trong Tứ thánh đế lần thứ ba, Bất Lai Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được: *tham ái ngũ trần loại vi tế, thuộc cõi dục giới, trong 4 tham tâm không hợp tà kiến.*

– Bậc Thánh Arahán trải qua tam tuệ luân trong Tứ thánh đế lần thứ tư, Arahán Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được: *tham ái trong thiền sắc giới, thiền vô sắc giới, cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới phạm thiên, trong 4 tham tâm không hợp tà kiến.*

Tính chất 4 phận sự của Tứ thánh đế

Bốn ***trí tuệ hành*** và bốn ***trí tuệ thành*** 4 phận sự của Tứ thánh đế có tánh cách liên quan đồng thời, không phận sự nào trước, không phận sự nào sau.

Trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** có ví dụ rằng:

"Khi đốt một cây đèn dầu (hay cây đèn cầy) trong đêm tối, có 4 sự việc xảy ra đồng thời, không trước, không sau là:

– Ánh sáng tỏa ra.

– Bóng tối bị tan biến.

– Tim đèn bị cháy mòn.

– Dầu bị hao dần.

Bốn sự việc xảy ra cùng một lúc, không việc nào trước, không việc nào sau.

Cũng giống như 4 phận sự của Tứ thánh đế có tánh cách đồng thời, không trước, không sau".

Trong ***Kinh Gavampati*** [41] có đoạn dạy:

Đại Đức Gavampati thưa với Chư Tỳ khưu rằng:

- *"Này chư Pháp hữu, tôi được nghe từ nơi Đức Thế Tôn dạy rằng:*

* *"Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Khổ thánh đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế".*

* *"Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Tập thánh đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế".*

* *"Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Diệt thánh đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Đạo thánh đế"*

** "Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Đạo thánh đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế...".*

Như vậy, Tứ thánh đế có sự liên quan về phận sự với nhau đồng thời, không trước, không sau.

Phần Giải Thích:

*** Bốn trí tuệ hành phận sự trong Tứ thánh đế.**

Trong 4 trí tuệ hành phận sự này, ***trí tuệ hành phận sự của khổ đế*** là ***chính,*** còn 3 trí tuệ hành phận sự kia là ***phụ.*** Song 4 phận sự có tính cách đồng thời, không trước, không sau.

- Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***danh pháp nào, sắc pháp nào*** là ***khổ đế,*** thì,

- Đồng thời, ***tâm tham ái là nhân sanh khổ đế*** không sanh ở danh pháp ấy, sắc pháp ấy.

- Cũng đồng thời, chứng ngộ ***sự diệt của tâm tham ái, nhân sanh khổ đế*** ở danh pháp ấy, sắc pháp ấy.

- Trong khi đang tiến hành thiền tuệ với ***chánh niệm, chánh kiến, chánh tinh tấn***, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ *khổ đế nên biết, tập đế nên diệt, diệt đế nên chứng ngộ,* thì chính***đạo đế đang nên tiến hành.***

Như vậy, 4 trí tuệ hành phận sự của Tứ thánh đế đồng thời, không trước, không sau.

*** Bốn trí tuệ thành phận sự trong Tứ thánh đế.**

Bốn trí tuệ thành là đã hoàn thành xong 4 phận sự của Tứ thánh đế, là quả của 4 trí tuệ hành. Cũng có tính cách đồng thời, không trước, không sau, chỉ có Niết Bàn làm đối tượng.

- Khi trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới đó là Thánh Đạo Tuệ, đã hoàn thành xong ***phận sựbiết Khổ thánh đế,*** thì:

- Đồng thời Thánh Đạo Tuệ cũng đã hoàn thành xong ***phận sự diệt Tập thánh đế.***

- Đồng thời Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ đã ***chứng ngộ Diệt thánh đế.***

- Đồng thời ***Bát chánh đạo*** hợp đủ 8 chánh: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định,* đồng sanh với *Thánh Đạo Tâm,* ***đã*** hoàn thành xong ***phận sự Đạo thánh đế*** là:

Khổ thánh đế nên biết, thì đã biết xong.

Tập thánh đế nên diệt, thì đã diệt xong.

Diệt thánh đế nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ xong.

Đạo thánh đế nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.

Bốn trí tuệ thành phận sự này, đã hoàn thành xong 4 phận sự Tứ thánh đế, đồng thời, không trước, không sau, chỉ có Niết Bàn làm đối tượng.

Như vậy, trong 4 ***trí tuệ thành*** phận sự này***, trí tuệ thành phận sự của Đạo thánh đế***là ***trọng yếu nhất,*** vì đóng vai trò chính yếu trong sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Vai trò 4 trí tuệ hành và 4 trí tuệ thành

- Trong 4 ***trí tuệ hành*** phận sự của Tứ thánh đế, giai đoạn đầu, ***trí tuệ hành phận sự Khổ thánh đế*** đóng vai trò chính yếu; là trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp là khổ đế, là pháp nên biết.*** Trí tuệ hành phận sự của mỗi Thánh đế còn lại, cũng thành tựu phận sự cùng một lúc, không trước không sau.

- Trong 4 ***trí tuệ thành*** phận sự của Tứ thánh đế, giai đoạn cuối, ***trí tuệ thành phận sự đã tiến hành Đạo thánh đế*** đóng vai trò chính yếu; là vì Thánh đạo hợp đủ 8 chánh, đồng sanh với Thánh Đạo Tâm, Thánh Quả Tâm, có Niết Bàn làm đối tượng, hoàn thành xong phận sự đã tiến hành xong Bát chánh đạo. Trí tuệ thành phận sự của mỗi thánh đế còn lại, cũng thành tựu phận sự cùng một lúc, không trước, không sau.

Tứ thánh đế trong giáo pháp của Đức Phật

Tứ thánh đế là chân lý của chư bậc Thánh, là nền tảng căn bản, là pháp cốt lõi, trọng yếu trong giáo pháp của Chư Phật.

1- Khổ thánh đế: Đó là ***ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp*** *trong tam giới.*Trong giáo pháp của Đức Phật, thì tất cả mọi *danh pháp, sắc pháp cõi dục giới, cõi sắc giới*và *danh pháp cõi vô sắc giới,* đúng theo chân lý đều là ***khổ đế*** *(dukkhasacca).*

Trong tam giới không có pháp nào gọi là **"lạc đế"**, mà chỉ có ***"lạc hư ảo"****(sukhavipallāsa),* do quan niệm ***tâm hư ảo*** *(cittavipallāsa),* ***tà kiến hư ảo*** *(diṭṭhivipallāsa),****tưởng hư ảo*** *(saññāvipallāsa).*

Đúng theo chân lý thì chỉ có ***khổ đế*** mà thôi. Dầu có ***thọ lạc*** *(sukhavedanā),* nhưng*thọ lạc cũng bị vô thường biến đổi,* nên cũng chỉ là khổ đế.

Như Đại Đức Tỳ khưu ni Vajirā dạy rằng:

"Chỉ có khổ đế sanh, khổ đế trụ, khổ đế diệt. Ngoài khổ đế ra, không có gì sanh, không có gì trụ, không có gì diệt…".[42]

Do đó, ngũ uẩn chấp thủ, hay danh pháp, sắc pháp trong tam giới đều là khổ đế.

2- Tập thánh đế: Đó là ***tâm tham ái,*** nhân sanh Khổ thánh đế.

Tâm tham ái là nhân sanh khổ ở kiếp hiện tại.

- Nếu ***tham tâm*** không được thỏa mãn, thì sanh ***sân tâm,*** không hài lòng, làm ***khổ tâm.***

- Nếu ***tham tâm*** mà được, thì sanh tâm chấp thủ, cho là của ta, lại làm nhân phát sanh***sân tâm*** sầu não, lo sợ cũng làm ***khổ tâm.***

Như Đức Phật dạy trong Pháp Cú kệ rằng:

"Taṇhāya jāyatī soko, taṇhāya jāyatī bhayaṃ. Taṇhāya vippamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ?". [43]

"Sự sầu não phát sanh do tham ái,
Sự lo sợ phát sanh do tham ái.
Bậc Thánh Arahán không tham ái,
Không sầu não, từ đâu có lo sợ?" (216).

Tâm tham ái là nhân dẫn dắt đi tái sanh khổ trong kiếp sau. Ngoại trừ ***bậc Thánh Arahán*** đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái ra, còn lại tất cả mọi chúng sinh: nhân loại, chư thiên, Phạm thiên và gồm cả 3 bậc Thánh Hữu Học: *bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai,* còn tham ái, nên còn phải tái sanh khổ trong kiếp sau.

Chúng sinh có ***ngũ uẩn*** *(sắc, thọ, tưởng, hành và thức uẩn)* ở cõi dục giới và sắc giới, hay chúng sinh có ***tứ uẩn*** *(thọ, tưởng, hành và thức uẩn)* ở cõi vô sắc giới, hay chúng sinh chỉ ***nhất uẩn*** *(sắc uẩn)* ở cõi Vô Tưởng Thiên, cũng đều phải chịu ***khổ đế.*** Chỉ khác nhau là khổ nhiều, khổ ít mà thôi.

Do đó tâm tham ái là nhân sanh khổ đế.

3- Diệt thánh đế: Đó là ***Niết Bàn*** là pháp diệt đoạn tuyệt được tham ái, nhân sanh Khổ thánh đế, cũng là pháp diệt quả Khổ thánh đế.

– Niết Bàn pháp diệt đoạn tuyệt tâm tham ái.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi chứng ngộ Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo Tuệ, có Niết Bàn làm đối tượng; ***Thánh Đạo Tuệ*** nào có khả năng diệt đoạn tuyệt được *tâm tham ái nào,* thì *tâm tham ái ấy* vĩnh viễn không bao giờ phát sanh trở lại nữa, gọi là ***"Phiền Não Niết Bàn"*** *(Kilesaparinibbāna).* Loại phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt do Thánh Đạo Tuệ rồi, loại phiền não ấy vĩnh viễn không còn sanh trở lại.

Trường hợp ***Đức Phật Gotama*** chứng ***ngộ "Phiền Não Niết Bàn"*** tại đại cội Bồ Đề.

- Niết Bàn pháp tịch diệt ngũ uẩn.

Bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, gọi là ***"Ngũ Uẩn Niết Bàn"*** *(Khandhaparinibbāna).* Ngũ uẩn của bậc Thánh Arahán khi tịch diệt Niết Bàn rồi, không còn tái sanh kiếp sau nữa, như ngọn đèn tắt.

Trường hợp ***Đức Phật Gotama*** tịch diệt, ***"Ngũ Uẩn Niết Bàn"*** tại khu rừng Kusinārā.

Do đó, Niết Bàn là pháp diệt Khổ thánh đế.

4- Đạo thánh đế: Đó là ***Bát chánh đạo,*** là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi chứng ngộ Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, có Niết Bàn làm đối tượng. Khi ấy, ***Thánh đạo*** hợp đủ 8 chánh: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định,* đồng sanh với Thánh Đạo Tâm đã hoàn thành xong 4 phận sự:

– *Khổ thánh đế* là pháp nên biết, thì Thánh Đạo Tuệ đã biết xong.

– *Tập thánh đế* là pháp nên diệt, thì Thánh Đạo Tuệ đã diệt xong.

– *Diệt thánh đế* là pháp nên chứng ngộ, thì Thánh Đạo Tuệ đã chứng ngộ xong.

– *Đạo thánh đế* là pháp nên tiến hành, thì Bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh đã tiến hành xong.

Do đó, Bát chánh đạo là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

Tứ thánh đế là nền tảng, là cốt lõi chính yếu trong giáo pháp của Chư Phật. Vì vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ, dầu có những đối tượng thiền tuệ khác nhau như ***"thân, thọ, tâm, pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, danh pháp, sắc pháp,…",*** đến giai đoạn cuối cùng đều đạt đến sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn*** như nhau.

Nhân quả liên quan của Tứ thánh đế

Chân lý Tứ thánh đế có nhân quả liên quan với nhau như sau:

1- ***Khổ thánh đế: Ngũ uẩn chấp thủ,*** hay ***danh pháp, sắc pháp trong tam giới*** *(dục giới, sắc giới, vô sắc giới),* là ***quả của Tập thánh đế.***

2- ***Tập thánh đế: Tâm tham ái,*** nhân sanh Khổ thánh đế, nhân dẫn dắt tái sanh kiếp sau *(taṇhā ponobbhavikā).*

3- ***Diệt thánh đế: Niết Bàn,*** không thuộc ***quả phát sanh do một nhân nào.*** Vì ***Niết Bàn*** là ***Vô Vi Pháp*** *(asaṅkhatadhamma),* là pháp hoàn toàn không do một nhân duyên nào cấu tạo.

4- ***Đạo thánh đế: Bát chánh đạo***, là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

Như vậy, Bát chánh đạo là ***nhân đạt đến Niết Bàn, Diệt thánh đế,*** không phải là *nhân sanh Niết Bàn, Diệt thánh đế.* Và ***Niết Bàn, Diệt thánh đế*** cũng không phải là ***quả của Đạo thánh đế,*** mà chỉ là đối tượng ***siêu tam giới*** của ***Đạo thánh đế.***

Ví dụ :

Con đường dẫn đến kinh đô.

– ***Con đường*** ví như ***Bát chánh đạo,*** là Đạo thánh đế.

– ***Kinh đô*** ví như ***Niết Bàn,*** là Diệt thánh đế.

Con đường dẫn đến kinh đô, chứ không phải là nhân sanh kinh đô.

Cũng như vậy, Đạo thánh đế không phải nhân sanh Diệt thánh đế, mà chỉ là nhân đạt đến Diệt thánh đế.

Chú thích:

[39] Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Dhammacakkappavattanasutta.

[40] Bộ Visuddhimagga, Phần Pariññādikiccakathā.

[41] Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Gavampatisutta.

[42] Bộ Samyuttanikāya, Sagathavagga, Kinh Vajirāsutta.

[43] Bộ Dhammapadagāthā.

-ooOoo-

2- PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ *(tiếp theo)*

6- BỐN THÁNH ĐẠO

7- BỐN THÁNH QUẢ

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến giai đoạn đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo *(Ariyamagga),* 4 Thánh Quả *(Ariyaphala).*

4 Thánh Đạo *(Ariyamagga):*

1- Nhập Lưu Thánh Đạo *(Sotāpattimagga).*

2- Nhất Lai Thánh Đạo *(Sakadāgāmimagga).*

3- Bất Lai Thánh Đạo *(Anāgāmimagga).*

4- Arahán Thánh Đạo *(Arahattamagga).*

Đó là ***4 Thánh Đạo Tâm*** thuộc về ***siêu tam giới thiện tâm,*** cho quả tương xứng là *4 Thánh Quả Tâm* không có thời gian ngăn cách *(akālika),* chỉ

sau một sát na tâm mà thôi. Nghĩa là, sau khi Thánh Đạo Tâm diệt, liền tiếp theo Thánh Quả Tâm sanh.

4 Thánh Quả *(Ariyaphala):*

1- Nhập Lưu Thánh Quả *(Sotāpattiphala).*

2- Nhất Lai Thánh Quả *(Sakadāgāmiphala).*

3- Bất Lai Thánh Quả *(Anāgāmiphala).*

4- Arahán Thánh Quả *(Arahattaphala).*

Đó là ***4 Thánh Quả Tâm,*** là quả tương xứng của *4 Thánh Đạo Tâm,* cũng thuộc về***siêu tam giới quả tâm.***

4 Thánh ĐạoTâm và ***4 Thánh Quả Tâm*** đều thuộc về ***siêu tam giới tâm,*** chỉ có ***Niết Bàn*** làm đối tượng mà thôi. Mỗi ***Thánh Đạo Tâm*** chỉ sanh một sát na tâm duy nhất đối với bậc Thánh nhân. Song, mỗi ***Thánh Quả Tâm*** có thể sanh 2-3 sát na tâm trong ***"Thánh Đạo lộ trình tâm"*** *(Maggavīthicitta).* Và mỗi Thánh Quả Tâm có thể sanh liên tục vô số sát na tâm, suốt một thời gian do năng lực phát nguyện, trong ***"Thánh Quả định lộ trình tâm"****(Phalasamāpattivīthicitta).*

4 Thánh Đạo Tâm cho quả tương xứng với ***4 Thánh Quả Tâm*** không có thì giờ ngăn cách *(akālika).* Khi chứng đắc Thánh Đạo, liền chứng đắc Thánh Quả. Nghĩa là, sau khi Thánh Đạo Tâm diệt, liền tiếp theo Thánh Quả Tâm sanh tương xứng với nhau như sau:

4 Thánh Đạo Þ **4 Thánh Quả**

1- Nhập Lưu Thánh Đạo Nhập Lưu Thánh Quả.

2- Nhất Lai Thánh Đạo Nhất Lai Thánh Quả.

3- Bất Lai Thánh Đạo Bất Lai Thánh Quả.

4- Arahán Thánh Đạo Arahán Thánh Quả.

8- NIẾT BÀN (NIBBĀNA)

Đức Phật thuyết giảng về đức tánh siêu việt của Niết Bàn trong kinh*Aggappasādasutta* [44] có đoạn:

…"Yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo alāyasamug-ghāto vaṭṭupacchedo taṇhakkhayo virāgo nirodho nibbānaṃ…".

…"Niết Bàn, diệt khổ, thoát ly tình dục, diệt tham ái, chặt đứt vòng tử sanh luân hồi, nhổ tận gốc rễ luyến ái, dập tắt tâm khao khát, hủy diệt mọi sự say mê…".

Cho nên ***Niết Bàn*** chỉ là đối tượng chắc chắn của 8 hay 40 ***siêu tam giới tâm.*** Đó là 4 hay 20 Thánh Đạo Tâm, và 4 hay 20 Thánh Quả Tâm.

Ngoài ra, dục giới tâm, sắc giới tâm và vô sắc giới tâm không thể tiếp nhận Niết Bàn làm đối tượng.

40 siêu tam giới thiền tâm, nghĩa là 8 siêu tam giới tâm: 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm, đồng sanh với 5 bậc thiền, từ đệ nhất thiền cho đến đệ ngũ thiền, có Niết Bàn làm đối tượng, như sau:

- Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Nhất Lai Thánh Đạo Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Bất Lai Thánh Đạo Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Arahán Thánh Đạo Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Nhập Lưu Thánh Quả Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Nhất Lai Thánh Quả Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Bất Lai Thánh Quả Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.
- Arahán Thánh Quả Tâm đồng sanh với 5 bậc thiền siêu tam giới tâm.

Như vậy, siêu tam giới thiền tâm gồm có 40 tâm.

9- DIỆT ĐOẠN TUYỆT PHIỀN NÃO

Diệt đoạn tuyệt phiền não *(samucchedapahāna):* Đó là khả năng đặc biệt của 4 Thánh Đạo Tuệ, đồng sanh với 4 Thánh Đạo Tâm có Niết Bàn làm đối tượng.

Loại *tham ái, phiền não, ác pháp* nào đã bị diệt đoạn tuyệt do bởi bậc Thánh Đạo Tuệ nào rồi, thì loại *tham ái, phiền não, ác pháp* ấy, vĩnh viễn không bao giờ phát sanh trong tâm của bậc Thánh nhân ấy nữa, nên gọi là *Kilesaparinibbāna: Phiền Não Niết Bàn.* Nghĩa là, phiền não đã bị diệt đoạn tuyệt rồi không còn phát sanh bất cứ lúc nào và bất cứ kiếp nào, nếu còn tái sanh.

Mỗi bậc Thánh Đạo Tuệ, có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, ác pháp tùy theo năng lực Thánh Đạo Tuệ của mỗi bậc Thánh từ thấp đến cao như sau:

1- Ba tham ái (taṇhā)

Tham ái có chi pháp là ***tham tâm sở,*** đồng sanh với 8 tham tâm, là nhân sanh khổ đế trong ba giới bốn loài.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 loại tham ái là:

- *Vibhavataṇhā:* Tham ái hợp với đoạn kiến.

- *Bhavataṇhā:* Tham ái hợp với thường kiến. Đó là *tà kiến tâm sở,* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 loại tham ái là:

- *Kāmataṇhā:* Tham ái trong lục trần loại thô, trong cõi dục giới. Đó là *tham tâm sở,*đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 loại tham ái là:

- *Kāmataṇhā:* Tham ái trong lục trần loại vi tế, trong cõi dục giới. Đó là *tham tâm sở*đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 loại tham ái là:

- *Bhavataṇhā:* Tham ái trong thiền sắc giới và thiền vô sắc giới, cõi sắc giới và cõi vô sắc giới. Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

Tham ái hoàn toàn bị diệt đoạn tuyệt không còn dư sót, nghĩa là diệt đoạn tuyệt được nhân sanh Khổ thánh đế.

2- Bốn pháp trầm luân (āsava)

Pháp trầm luân có chi pháp là ***tà kiến, tham, si*** làm cho chúng sinh say mê, lầm lạc trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, vô thủy vô chung.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến trầm luân****(diṭṭhāsava).* Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục trầm luân****(kāmāsava), loại thô trong cõi dục giới.* Đó là tham tâm sở đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục trầm luân,*** *loại vi tế trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp:

– ***Kiếp trầm luân*** *(bhavāsava), trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.* Đó là ***tham tâm sở***đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Vô minh trầm luân*** *(avijjāsava).* Đó là ***si tâm sở*** đồng sanh với bất thiện tâm.

3- Bốn pháp nước xoáy (ogha)

Pháp nước xoáy có chi pháp là ***tà kiến, tham, si*** như dòng nước xoáy, làm cho chúng sinh chìm đắm trong biển khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, không thể ngoi đầu lên được, vô thủy vô chung.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến như nước xoáy****(diṭṭhogha)*. Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục như nước xoáy****(kāmogha), loại thô trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục như nước xoáy,*** *loại vi tế trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp:

– ***Kiếp như nước xoáy*** *(bhavogha), trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Vô minh như nước xoáy*** *(avijjogha).* Đó là *si tâm sở* đồng sanh với bất thiện tâm.

4- Bốn pháp dính chặt (yogo)

Pháp dính chặt có chi pháp là ***tà kiến, tham, si*** ví như keo dính chặt chúng sinh, không thể giải thoát ra khỏi vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, vô thủy vô chung.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến dính chặt****(diṭṭhiyoga).* Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục dính chặt****(kāmayoga), loại thô trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***ngũ dục dính chặt,*** *loại vi tế trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp:

– ***Kiếp dính chặt*** *(bhavayoga), trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.* Đó là *tham tâm sở*đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Vô minh dính chặt*** *(avijjāyoga).* Đó là *si tâm sở* đồng sanh với bất thiện tâm.

5- Bốn pháp chấp thủ (upādāna)

Pháp chấp thủ có chi pháp là ***tà kiến, tham*** làm cho chúng sinh chấp thủ chắc chắn nơi đối tượng, không chịu buông thả, ví như con rắn ngậm con nhái.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp là:

– ***Tà kiến chấp thủ*** *(diṭṭhupādāna):* chấp thủ điều thấy sai hiểu lầm.

– ***Pháp thường hành chấp thủ*** *(sīlabbattupādāna)*: chấp thủ nơi pháp thường hành sai của mình cho là đúng.

– ***Ngã kiến chấp thủ*** *(attavādupādāna):* chấp thủ ngũ uẩn cho là ta.

Ba pháp này, đều có chung chi pháp là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tham dục chấp thủ****(kāmupādāna), loại thô trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tham dục chấp thủ*** *loại vi tế trong cõi dục giới.* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***tham dục chấp thủ*** *trong cõi sắc giới và cõi vô sắc giới*. Đó là *tham tâm* sở đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

6- Bốn pháp thiên vị (agati)

Pháp thiên vị có chi pháp là ***tham, sân, si,*** khiến cho chúng sinh làm những điều không nên làm.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn 4 pháp thiên vị là:***thiên vị vì thương*** *(chandāgati),* ***thiên vị vì ghét*** *(dosāgati),* ***thiên vị vì si*** *(mohāgati),* ***thiên vị vì sợ*** *(bhayāgati)* không còn dư sót.

Còn bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán hoàn toàn không có 4 pháp thiên vị.

7- Sáu pháp chướng ngại (nīvaraṇa)

Pháp chướng ngại có chi pháp là ***tham, sân, si, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận, hoài nghi,*** là những pháp làm chướng ngại mọi thiện pháp như thiền định, v.v…

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***hoài nghi*** *(vicikicchā).* Đó *là hoài nghi tâm sở* đồng sanh với si tâm hợp hoài nghi.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp loại thô trong cõi dục giới là:

– ***Tham dục*** *(kāmacchanda):* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Sân hận*** *(byāpāda):* Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm.

– ***Hối hận*** *(kukkucca):* Đó là *hối hận tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp loại vi tế trong cõi dục giới là:

– ***Tham dục:*** Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Sân hận:*** Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm.

– ***Hối hận:*** Đó là *hối hận tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp là:

– ***Buồn chán-buồn ngủ*** *(thīnamiddha)*: Đó là *buồn chán-buồn ngủ tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm, và 1 sân tâm cần động viên.

– ***Phóng tâm*** *(uddhacca):* Đó là *phóng tâm tâm sở* đồng sanh với si tâm hợp phóng tâm.

– ***Vô minh*** *(avijjā)*: Đó là *si tâm sở* đồng sanh với bất thiện tâm.

8- Bảy pháp ngủ ngầm (anusaya)

Pháp ngủ ngầm có chi pháp là ***tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi,*** là những phiền não vô cùng vi tế, ẩn tàng trong tâm, nên năng lực của giới và định không thể diệt đoạn tuyệt được. Chỉ có trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới mới có thể diệt đoạn tuyệt được loại phiền não ngủ ngầm trong tâm này.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp là:

– ***Tà kiến ngủ ngầm*** *(diṭṭhānusaya):* Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

– ***Hoài nghi ngủ ngầm*** *(vicikicchānusaya):* Đó là *hoài nghi tâm sở* đồng sanh với si tâm hợp hoài nghi.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp loại thô trong cõi dục giới là:

– ***Ái dục ngủ ngầm*** *(kāmarāgānusaya):* Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tâm tham không hợp tà kiến.

– ***Hận thù ngủ ngầm*** *(paṭighānusaya):* Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm,*loại thô trong cõi dục giới.*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp loại vi tế trong cõi dục giới là:

– ***Ái dục ngủ ngầm:*** Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Hận thù ngủ ngầm:*** Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp là:

– ***Ngã mạn ngủ ngầm*** *(mānānusaya):* Đó là *ngã mạn tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Ái kiếp ngủ ngầm*** *(bhavārāgānusaya)*: Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến.

– ***Vô minh ngủ ngầm*** *(avijjānusaya):* Đó là *si tâm sở* đồng sanh với bất thiện tâm.

9- Tám pháp thế gian (lokadhamma)

Pháp thế gian: Đó là ***được lợi, mất lợi, được danh, mất danh, lạc, khổ, khen, chê*** là pháp thường có trong đời, mà chúng sinh thường bị lệ thuộc.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt được pháp thế gian nào cả.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 4 pháp *loại thô:* ***mất lợi****(alābha),* ***mất danh*** *(ayasa),* ***khổ*** *(dukkha),* ***chê*** *(mindā).*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 4 pháp *loại vi tế*: ***mất lợi, mất danh, khổ, chê.***

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 4 pháp: ***được lợi*** *(lābha),* ***đượcdanh*** *(yasa),* ***lạc*** *(sukha),* ***khen*** *(pasaṃsā).*

10- Mười phiền não (kilesa)

Phiền não có chi pháp là ***tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi, buồn ngủ, phóng tâm, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi*** là những phiền não làm cho tâm ô nhiễm, thân và tâm nóng nảy khiến tạo nghiệp cho quả tử sanh luân hồi.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp phiền não là: ***tà kiến****(diṭṭhi),* và ***hoài nghi*** *(vicikicchā).*

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp phiền não là: ***sân****(dosa) loại thô.*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp phiền não là: ***sân*** *loại vi tế.*

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 7 pháp phiền não là: ***tham****(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã mạn*** *(māna),* ***buồn ngủ*** *(thīna),* ***phóng***

tâm *(uddhacca),* ***không biết hổ thẹn tội lỗi*** *(ahirika)* và ***không biết ghê sợ tội lỗi*** *(anottappa).*

11- Mười pháp ràng buộc (sanyojana)

Pháp ràng buộc có chi pháp là ***tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi, phóng tâm,*** ví như những sợi dây cột chặt chúng sinh, không cho thoát khỏi khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 pháp là: ***ngũ uẩn tà kiến****(sakkāyadiṭṭhi),* ***hoài nghi*** *(vicikicchā)* và ***pháp thường hành tà kiến chấp thủ****(sīlabbataparāmāsa).*

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp *loại thô trong cõi dục giới* là: ***dục ái*** *(kāmarāga),* và ***sân hận*** *(paṭigha).*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp *loại vi tế trong cõi dục giới* là: ***dục ái*** và ***sân hận.***

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 5 pháp là: ***ái sắc giới****(rūparāga),* ***ái vô sắc giới*** *(arūparāga),* ***ngã mạn*** *(māna),* ***phóng tâm*** *(uddhacca)* và ***vô minh****(avijjā).*

12- Mười bất thiện nghiệp (akusalakamma)

Bất thiện nghiệp có chi pháp là ***tác ý bất thiện tâm sở*** *(cetanā)* đồng sanh trong tham tâm, sân tâm, si tâm tạo nên 10 bất thiện nghiệp*: 3 thân bất thiện nghiệp, 4 khẩu bất thiện nghiệp, 3 ý bất thiện nghiệp,* cho quả khổ trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 5 bất thiện nghiệp là: ***sát sanh*** *(pānātipāta),* ***trộm cắp*** *(adinnādāna),* ***tà dâm*** *(kāmesu micchācāra),* ***nói dối*** *(musāvāda)*và ***tà kiến*** *(micchādiṭṭhi).*

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 bất thiện nghiệp *loại thô* là:***nói lời chia rẽ*** *(pisuṇavācā),* ***nói lời thô tục*** *(pharusavācā)* và ***thù hận*** *(byāpāda).*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 3 bất thiện nghiệp *loại vi tế* là:***nói lời chia rẽ, nói lời thô tục*** và ***thù hận.***

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 bất thiện nghiệp là: ***nói lời vô ích*** *(samphappalāpa)* và ***tham lam*** *(abhijjhā).*

13- Mười hai bất thiện tâm (akusalacitta)

Bất thiện tâm: Đó là 8 tham tâm + 2 sân tâm + 2 si tâm, là những bất thiện tâm do hợp với bất thiện tâm sở, làm cho tâm bị ô nhiễm, cho quả khổ trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 5 bất thiện tâm là: ***4 tham tâm hợp tà kiến*** *(diṭṭhigatasampayuttacitta)* và ***1 si tâm hợp hoài nghi****(vicikicchāsampayuttacitta).*

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***2 tâm sân*** *(dosacitta) loại thô.*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được ***2 tâm sân*** *loại vi tế.*

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 5 bất thiện tâm là: ***4 tham tâm không hợp tà kiến*** *(diṭṭhigatavippayutta-citta)* và ***1 si tâm hợp phóng tâm****(uddhaccasampayuttacitta).*

14- Mười bốn bất thiện tâm sở (akusalacetasika)

Bất thiện tâm sở: Đó là ***3 tâm sở nhóm tham, 4 tâm sở nhóm sân, 4 tâm sở nhóm si, 2 tâm sở buồn chán-buồn ngủ*** và ***1 hoài nghi tâm sở,*** là những bất thiện tâm sở đồng sanh tùy theo 12 bất thiện tâm.

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 4 bất thiện tâm sở là: ***tà kiến tâm sở*** *(diṭṭhi),* ***hoài nghi tâm sở*** *(vicikicchā),* ***ganh tị tâm sở*** *(issā)* và ***keo kiệt tâm sở****(macchariya).*

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 bất thiện tâm sở *loại thô* là:***sân tâm sở*** *(dosa),* ***hối hận tâm sở*** *(kukkucca).*

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 2 bất thiện tâm sở loại vi tế là:***sân tâm sở, hối hận tâm sở.***

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** diệt đoạn tuyệt được 8 bất thiện tâm sở là: ***tham tâm sở*** *(lobha),* ***ngã mạn tâm sở*** *(māna),* ***si tâm sở*** *(moha),* ***phóng tâm tâm sở*** *(uddhacca),* ***buồn chán tâm sở*** *(thīna),* ***buồn ngủ tâm sở*** *(middha)* ***không biết hổ thẹn tội lỗi tâm sở*** *(ahirika)*và ***không biết ghê sợ tội lỗi tâm sở*** *(anottappa).*

Trên đây trình bày mỗi ***bậc Thánh Đạo Tuệ*** có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***tham ái, phiền não, ác pháp*** để làm tiêu biểu. Còn lại một số bất thiện pháp khác liên quan với chi pháp cũng đều bị diệt đoạn tuyệt cùng một lúc. Điều chắc chắn là khi chứng đắc đến ***bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ*** thì tất cả mọi ***tham ái, phiền não, ác pháp*** đều bị diệt đoạn tuyệt hoàn toàn không còn dư sót.

10- Quả Báu Của Pháp Hành Thiền Tuệ

Hành giả ***tiến hành thiền tuệ*** đúng theo ***Pháp hành trung đạo,*** có thể đưa đến kết quả chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh nhân.

Bậc Thánh nhân trong Phật giáo từ thấp đến cao có 4 bậc là:

1- Bậc Thánh Nhập Lưu *(Sotāpanna).*

2- Bậc Thánh Nhất Lai *(Sakadāgāmī).*

3- Bậc Thánh Bất Lai *(Anāgāmī).*

4- Bậc Thánh Arahán *(Arahanta).*

1- Quả báu của bậc Thánh Nhập Lưu

Bậc Thánh thứ nhất: ***bậc Thánh Nhập Lưu*** là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được*tham tâm hợp tà kiến* và *si tâm hợp hoài nghi.* Kể từ kiếp hiện tại cho đến kiếp vị lai, *4 tham tâm hợp tà kiến* và *si tâm hợp hoài nghi,* vĩnh viễn không còn có trong tâm của bậc Thánh Nhập Lưu nữa. Nên bậc Thánh Nhập Lưu hoàn toàn giải thoát khổ ***tà kiến*** và ***hoài nghi*** trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai. Hoàn toàn giải thoát cảnh khổ tái sanh trong 4 đường ác: *địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh*.

* **Bậc Thánh Nhập Lưu** có 3 hạng là:

1- *Sattakkhattuparamasotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** có *5 pháp chủ* [45] *năng lực yếu,* còn phải tái sanh làm người và làm chư thiên cõi trời dục giới nhiều nhất 7 kiếp nữa. Đến kiếp thứ 7, thì chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

2- *Kolaṃkolasotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** có *5 pháp chủ năng lực trung bình*nên còn phải tái sanh làm người và làm chư thiên từ 2-3-5 kiếp nữa, mới có thể chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- *Ekabījīsotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** có *5 pháp chủ năng lực mạnh* nên chỉ còn tái sanh làm người hay làm Chư thiên 1 kiếp nữa. Ngay trong kiếp ấy, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Bậc Thánh Nhập Lưu tái sanh hơn 7 kiếp [46]

Trường hợp ngoại lệ, có 7 vị Thánh Nhập Lưu tái sanh hơn 7 kiếp như sau:

1- Phú hộ Anāthapiṇṇika.

2- Bà Visākhā mahā upāsikā.

3- Chư thiên Cullaratha.

4- Chư thiên Mahāratha.

5- Chư thiên Anekavaṇṇa.

6- Chư thiên Nāgadatta.

7- Đức vua trời Sakka.

Bảy Vị thánh Nhập Lưu này có phát nguyện, muốn hưởng sự an lạc trong các cõi trời từ dục giới đến các cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh: ***Sắc cứu cánh thiên*** *(Akaniṭṭha),* mới chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi ngay trong cõi sắc giới phạm thiên tột đỉnh ấy.

2- Quả báu của bậc Thánh Nhất Lai

Bậc Thánh thứ nhì: ***bậc Thánh Nhất Lai*** là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được *tham tâm không hợp tà kiến* và *sân tâm, loại thô cõi dục giới,* nên chỉ còn tái sanh làm người hay làm chư thiên 1 kiếp nữa. Ngay trong kiếp ấy sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- Quả báu của bậc Thánh Bất Lai

Bậc Thánh thứ ba: ***bậc Thánh Bất Lai*** là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được *tham tâm không hợp tà kiến* và *sân tâm, loại vi tế cõi dục giới*, nên không còn tái sanh trở lại cõi dục giới, chỉ tái sanh lên cõi sắc giới. Nếu chứng đắc đệ tứ thiền sắc giới, sẽ tái sanh lên tầng trời Tịnh cư thiên.

* **Bậc Thánh Bất Lai** có 5 hạng là:

1- *Antarāparinibbāyī:* ***bậc Thánh Bất Lai*** sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, *chưa đến một nửa tuổi thọ* của cõi sắc giới phạm thiên ấy, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

2- *Upahaccaparinibbāyī:* ***bậc Thánh Bất Lai*** sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, *quá một nửa tuổi thọ* của cõi sắc giới phạm thiên ấy, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- *Asaṅkhāraparinibbāyī:* ***bậc Thánh Bất Lai*** *không cần phải tinh tấn nhiều,* cũng sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi sắc giới phạm thiên ấy, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

4- *Saṅkhāraparinibbāyī:* ***bậc Thánh Bất Lai*** *cần phải tinh tấn nhiều,* sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi sắc giới phạm thiên ấy, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

5- *Uddhaṃsoto akaniṭṭhagāmī:* ***bậc Thánh Bất Lai*** khi hết tuổi thọ trong cõi trời Sắc giới tầng thấp, tuần tự tái sanh từng trời bậc cao, cho đến tầng trời sắc giới Akaniṭṭha tột đỉnh, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi trời sắc giới Akaniṭṭha ấy, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

4- Quả báu của bậc Thánh Arahán

Bậc Thánh thứ tư: ***bậc Thánh Arahán*** là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn tất cả *mọi tham ái, mọi phiền não, mọi ác pháp* không còn dư sót. Nên bậc Thánh Arahán không còn tái sanh trở lại kiếp nào khác nữa. Ngay kiếp hiện tại này, đến khi hết tuổi thọ, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

* **Bậc Thánh Arahán** có nhiều hạng:

1- ***Bậc Thánh Arahán*** *Tevijjā: bậc Thánh Arahán chứng đắc Tam Minh:* Túc mạmg minh, Thiên nhãn minh, và Lậu tận minh.

2- ***Bậc Thánh Arahán*** *Chaḷabhiññā: bậc Thánh Arahán chứng đắc Lục thông:* Thần túc thông, Nhãn thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Lậu tận thông.

3- ***Bậc Thánh Arahán*** *Catupaṭisambhidappabheda: bậc Thánh Arahán chứng đắc Tứ tuệ phân tích:* Nghĩa *(nhân)* phân tích, Pháp *(quả)* phân tích, Ngôn ngữ phân tích và Ứng đối phân tích.

4- ***Bậc Thánh Arahán*** *Ubhatobhāgavimutta: bậc Thánh Arahán giải thoát bằng 2 pháp hành:* thiền định chứng đắc 4 bậc thiền vô sắc giới và thiền tuệ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả.

5- ***Bậc Thánh Arahán*** *Paññāvimutta: bậc Thánh Arahán giải thoát bằng pháp hành thiền tuệ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả….*

Mười điểm đặc biệt trong phần định nghĩa về pháp hành thiền tuệ được giải thích tóm tắt. Pháp hành thiền tuệ là một đề tài lớn, có tính chất bao quát, vừa sâu sắc, vừa rộng lớn, nên không có đủ khả năng giảng giải tỉ mỉ rõ ràng được.

Pháp hành thiền tuệ thuộc về lĩnh vực thực hành, để thực nghiệm thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế. Do đó, phần pháp học *(lý thuyết),* chỉ là phương tiện để hiểu biết ***pháp hành thiền tuệ*** mà thôi, không thể nào diễn tả được thực tánh của các pháp; song do nhờ hiểu biết đúng đắn về pháp học, nên hành giả mới có thể hành đúng theo pháp hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ, mới thấy rõ, biết rõ

được thực tánh của các pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Chú thích:

[44] Khu. Itivuttakapāḷi, kinh Aggappasādasutta.

[45] 5 pháp chủ: tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ.

[46] Bộ Chú giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Ekābhiññasutta.

-ooOoo-

3. PHÁP HÀNH TỨ NIỆM XỨ

Trong kinh Tứ niệm xứ, Đức Phật bắt đầu rằng:

"Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo…". [1]

- "Này chư Tỳ khưu, đạo này là con đường duy nhất, để dẫn đến sự trong sạch, thanh tịnh hoàn toàn mọi phiền não ô nhiễm trong tâm của Bậc Chánh Đẳng Giác, Chư Phật Độc Giác, Chư Thánh Thanh Văn Giác; để diệt sự sầu não, than khóc; để diệt sự khổ thân, khổ tâm; để chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả; để chứng ngộ Niết Bàn.

*Đạo duy nhất này, đó là **pháp hành Tứ niệm xứ.***

- Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu hay hành giả trong Phật giáo này:

*1- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thân trong thân"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,**không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*2- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thọ trong thọ"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*3- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"tâm trong tâm"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*4- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"pháp trong pháp"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,**không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này…".*

Chi pháp hành Tứ niệm xứ

1- Niệm thân: ***Thân*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

2- Niệm thọ: ***Thọ*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

3- Niệm tâm: ***Tâm*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

4- Niệm pháp: ***Pháp*** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

* Thân, thọ, tâm, pháp là đối tượng của pháp hành Tứ niệm xứ.
* Chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, tinh tấn là chủ thể, hành giả tiến hành Tứ niệm xứ.

Trong bài kinh có 3 chi pháp quan trọng.

"Ātāpī sampajāno satimā…".

1- *Satimā:* Chánh niệm trực nhận [2] trực tiếp ngay đối tượng ***thân,*** hoặc ***thọ,*** hoặc***tâm,*** hoặc ***pháp*** của chính nó *(không qua niệm tưởng).* Đó là ***chánh niệm*** trong Bát chánh đạo.

2- *Sampajāno:* trí tuệ tỉnh giác trực giác [3] trực tiếp ngay đối tượng nào, mà chánh niệm trực nhận; thấy rõ biết rõ đối tượng ấy đúng theo thực tánh của chính nó *(không qua trí tuệ tư duy).* Đó là ***chánh kiến*** trong Bát chánh đạo.

3- *Ātāpī:* Tinh tấn giúp cho chánh niệm và trí tuệ tỉnh giác liên tục không ngừng, để ngăn mọi phiền não không phát sanh; để thiêu huỷ phiền não đã sanh, để làm cho thiện pháp phát sanh, và làm cho tăng trưởng thiện pháp đã sanh. Đó là ***chánh tinh tấn*** trong Bát chánh đạo.

Khi hành giả tiến hành Tứ niệm xứ, Đức Phật dạy:

- Niệm ***thân*** trong ***thân.***
- Niệm ***thọ*** trong ***thọ.***
- Niệm ***tâm*** trong ***tâm.***
- Niệm ***pháp*** trong ***pháp.***

Mỗi đối tượng được Đức Phật nhắc lại 2 lần nghĩa là ***chánh niệm đối tượng nào riêng biệt đối tượng ấy,*** không nên chánh niệm đối tượng này, lẫn lộn trong đối tượng kia.

Chú giải niệm thân trong thân...

Chú giải trong bài kinh Tứ niệm xứ dạy:

*"**Kāyānupassī'**ti kāye anupassanasīlo kāyaṃ vā anupassamāno. **Kāye**'ti ca vatvā puna kāyānupassī'ti dutiyakāyaggahaṃ asammissato vavatthānaghanavinib-bhogādidassanatthaṃ katanti veditabbaṃ. Tena na kāye vedanānupassī vā, cittadhammānupassī vā, attha kho kāyānupassīyeva'ti kāyasaṅkhāte vatthusmiṃ kāyānupas-sanākārasseva dassanena asammissato vavatthānaṃ dassitaṃ hoti…".* [4]

Lược giải:

Kāyānupassī nghĩa là trí tuệ thiền tuệ thường theo dõi thấy rõ biết rõ toàn thân, hoặc trí tuệ thiền tuệ đang thấy rõ biết rõ toàn thân.

Kāye nhắc lại một lần nữa trong câu *"kāye kāyānupassī"*; danh từ kāya lần thứ nhì, nên hiểu rằng: để giải thích phân biệt rõ mỗi đối tượng riêng biệt không nên lẫn lộn với đối tượng khác.

Như: *"kāye kāyānupassī":* trí tuệ thiền tuệ thường theo dõi thấy rõ biết rõ ***toàn thân***trong ***thân;*** không phải trí tuệ thấy rõ, biết rõ ***thọ*** *(vedanānupassī)* trong thân; hoặc trí tuệ thấy rõ biết rõ ***tâm, pháp*** *(cittadhammānupassī)* trong thân. Thật ra, trí tuệ thiền tuệ chỉ thấy rõ biết rõ toàn thân trong thân mà thôi.

Trong phần đối tượng thân, trí tuệ thiền tuệ chỉ thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân mà thôi, được chỉ dẫn rõ ràng, phân biệt, không lẫn lộn với các đối tượng khác.

Như vậy,

- Trong phần ***niệm thân,*** không nên *niệm thọ, niệm tâm*, *niệm pháp*, mà chỉ có chánh niệm = ***niệm thân*** trong ***thân*** mà thôi.

- Trong phần ***niệm thọ,*** không nên *niệm thân, niệm tâm, niệm pháp*, mà chỉ có chánh niệm = ***niệm thọ*** trong ***thọ*** mà thôi.

- Trong phần ***niệm tâm***, không nên *niệm thân, niệm thọ, niệm pháp*, mà chỉ có chánh niệm = ***niệm tâm*** trong ***tâm*** mà thôi.

- Trong phần ***niệm pháp***, không nên *niệm thân, niệm thọ, niệm tâm*, mà chỉ có chánh niệm = ***niệm pháp*** trong ***pháp*** mà thôi.

Có ví dụ rằng:

"Một nước có kinh thành, cung điện của Đức vua ở chính giữa, có 4 con đường từ 4 hướng, đều có thể đi đến kinh thành, cung điện của Đức vua.

- Dân chúng ở hướng Đông, đi đến cung điện của Đức vua, bằng con đường từ hướng Đông.

- Dân chúng ở hướng Nam, đi đến cung điện của Đức vua, bằng con đường từ hướngNam.

- Dân chúng ở hướng Tây, đi đến cung điện của Đức vua, bằng con đường từ hướng Tây.

- Dân chúng ở hướng Bắc, đi đến cung điện của Đức vua, bằng con đường từ hướng Bắc.

Cung điện của Đức vua ở giữa, ví như Niết Bàn.

Bốn con đường từ 4 hướng, ví như Tứ niệm xứ: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

Dân chúng ở 4 hướng đi đến chầu Đức Vua, bằng con đường riêng biệt của hướng mình ở như thế nào, việc ***tiến hành Tứ niệm xứ*** cũng như thế ấy. ***Niệm thân***, hay ***niệm thọ***, hay ***niệm tâm***, hay ***niệm pháp*** cũng đều có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não như nhau cả thảy".

Tứ niệm xứ

1- Thân niệm xứ *(Kāyānupassanāsatipaṭṭhāna).*

2- Thọ niệm xứ *(Vedanānupassanāsatipaṭṭhāna).*

3- Tâm niệm xứ *(Cittānupassanāsatipaṭṭhāna).*

4- Pháp niệm xứ *(Dhammānupassanāsatipaṭṭhāna).*

Thân, thọ, tâm, pháp là 4 đối tượng của chánh niệm trí tuệ tỉnh giác.

Đối Tượng Của Tứ Niệm Xứ

1- Phần thân niệm xứ có 14 đối tượng

1- Niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

2- Niệm tứ oai nghi chính: đi, đứng, ngồi, nằm.

3- Niệm tất cả các oai nghi phụ như: đi tới trước, đi lui sau, quay phải, quay trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,….

4- Niệm 32 thể trược trong thân: tóc, lông, móng, răng, da,….

5- Niệm tứ đại: đất, nước, lửa, gió.

6- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ ở nghĩa địa, đã trải qua 1-2-3 ngày.

7- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ ở nghĩa địa, bị quạ, diều, chó rừng… cắn xé ăn thịt.

8- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn là bộ xương dính thịt và máu, có gân ràng rịt.

9- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn xương dính máu thịt rã rời….

10- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn bộ xương khô, không có máu và thịt nữa.

11- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn bộ xương rời rã, rải rác mọi nơi.

12- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn bộ xương màu trắng.

13- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn một đống xương.

14- Niệm tưởng thân của mình, như tử thi bỏ ở nghĩa địa, chỉ còn là bột xương trắng.

Đó là 14 đối tượng của phần ***thân niệm xứ*** thuộc về ***sắc pháp.***

2- Phần thọ niệm xứ có 1 đối tượng, chia 9 loại thọ

1- Thọ khổ.
2- Thọ lạc.
3- Thọ không khổ, không lạc (thọ xả).
4- Thọ khổ hợp với ngũ dục.[5]
5- Thọ lạc hợp với ngũ dục.
6- Thọ không khổ không lạc hợp với ngũ dục.
7- Thọ khổ không hợp với ngũ dục.
8- Thọ lạc không hợp với ngũ dục.
9- Thọ không khổ không lạc không hợp với ngũ dục.

Đó là 1 đối tượng của phần ***thọ niệm xứ,*** thuộc về ***danh pháp.***

3- Phần tâm niệm xứ có 1 đối tượng, chia 16 loại tâm

1- Tâm tham.
2- Tâm không tham.
3- Tâm sân.
4- Tân không sân.
5- Tâm si.
6- Tâm không si.
7- Tâm buồn ngủ.
8- Tâm phóng tâm.
9- Đại hành tâm (sắc giới thiền tâm, vô sắc giới thiền tâm).
10- Tâm không phải đại hành tâm (dục giới tâm).
11- Tâm bậc thấp (dục giới tâm).
12- Tâm bậc cao (sắc giới tâm, vô sắc giới tâm).
13- Tâm định (tâm cận định, tâm an định).
14- Tâm không định.

15- Tâm thoát khỏi phiền não từng thời (dục giới thiện tâm).

16- Tâm không thoát khỏi phiền não.

Đó là 1 đối tượng của phần ***tâm niệm xứ,*** thuộc về ***danh pháp.***

4- Phần pháp niệm xứ có 5 đối tượng

1- ***Năm pháp chướng ngại:*** *tham dục, sân hận, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận, hoài nghi.*

Năm pháp chướng ngại thuộc về ***danh pháp.***

2- ***Ngũ uẩn chấp thủ:*** *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn chấp thủ.*

Ngũ uẩn thuộc về ***sắc pháp, danh pháp.***

3- ***12 xứ:***

- 6 xứ bên ngoài: *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*
- 6 xứ bên trong: *nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.*

12 xứ thuộc về ***sắc pháp, danh pháp***.

4- ***Thất giác chi:*** *niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỉ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi.*

Thất giác chi thuộc về ***danh pháp.***

5- ***Tứ đế:***

- Khổ thánh đế: Đó là danh pháp, sắc pháp trong tam giới.
- Tập thánh đế: Đó là tham ái, nhân sanh Khổ thánh đế.
- Diệt thánh đế: Đó là Niết Bàn, pháp diệt Khổ thánh đế.
- Đạo thánh đế: Đó là Bát chánh đạo, là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

Tứ thánh đế thuộc về ***danh pháp, sắc pháp,*** chia làm 2 loại:

- Khổ thánh đế và Tập thánh đế thuộc danh pháp, sắc pháp trong tam giới.
- Diệt thánh đế và Đạo thánh đế thuộc danh pháp trong siêu tam giới.

Trên đây là 5 đối tượng của phần ***pháp niệm xứ,*** thuộc về ***danh pháp*** và ***sắc pháp.***

Trong Tứ niệm xứ gồm có 21 đối tượng của pháp hành Tứ niệm xứ và cũng là ***đối tượng của pháp hành thiền tuệ.*** Trong 21 đối tượng này, đối tượng nào cũng có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả; Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả tùy theo 5 pháp chủ và trí tuệ ba la mật của hành giả.

Ajjhattaṃ – Bahiddhā: bên trong – bên ngoài

Trong 21 đối tượng của 4 pháp tứ niệm xứ, mỗi đối tượng Đức Phật đều kết luận:

Trong phần niệm thân rằng:

1- "Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati,

Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati…".

Trong phần niệm thọ rằng:

2- "Iti ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanānupassī viharati,

Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati…".

Trong phần niệm tâm rằng:

3- "Iti ajjhattaṃ vā citte cittānupassī viharati,

Bahiddhā vā citte cittānupassī viharati…".

Trong phần niệm pháp rằng:

4- Iti ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī viharati,

Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati…".

Nghĩa:

1- Trong phần niệm thân:

Như vậy, hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ thân trong phần thân bên trong của mình; hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ thân trong phần thân bên ngoài của người khác….

2- Trong phần niệm thọ:

Như vậy, hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ thọ trong những phần thọ bên trong của mình; hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ thọ trong những phần thọ bên ngoài của người khác….

3- Trong phần niệm tâm:

Như vậy, hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ tâm trong phần tâm bên trong của mình; hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ tâm trong phần tâm bên ngoài của người khác….

4- Trong phần niệm pháp:

Như vậy, hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ pháp trong những phần pháp bên trong của mình; hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ pháp trong những phần pháp bên ngoài của người khác….

Trong chú giải kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta, phần Kāyānu-passanā, đối tượng Anāpāna pabbavaṇṇanā rằng:

Iti ajjhattaṃ vā''ti evaṃ attano vā assāsapassāsakāye kāyānupassī viharati.

Bahiddhā vā'ti parassa vā assāsapassāsakāye.

Ajjhattabahiddhā vā'ti kālena attano, kālena parassa assāsapassāsakāye….

Nghĩa:

Iti ajjhattaṃ vā: có nghĩa là: *Hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ hơi thở vô – hơi thở ra bên trong của mình.*

Bahiddhā vā: có nghĩa là: *Hoặc hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ hơi thở vô – hơi thở ra bên ngoài của người khác.*

Ajjhattabahiddhā vā: có nghĩa là: *Hoặc, hành giả có trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ khi thì hơi thở vô – hơi thở ra bên trong của mình; khi thì hơi thở vô – hơi thở ra bên ngoài của người khác....* Nhưng cùng một lúc không thể biết hơi thở vô – hơi thở ra bên trong của mình và bên ngoài của người khác.

Phần Chú giải này, trường hợp hành giả ***trước tiên tiến hành thiền định*** đề mục*"ānāpānassati: niệm hơi thở vô – hơi thở ra"* đã chứng đắc 4 bậc thiền sắc giới xong rồi; thoát ra khỏi bậc thiền ấy, hành giả tiếp theo ***sau tiến hành thiền tuệ*** có hai phương pháp:

- Sử dụng hơi thở vô – hơi thở ra là đối tượng thiền tuệ. Hoặc:
- Chi thiền của bậc thiền ấy làm đối tượng của thiền tuệ.

Hơi thở vô – hơi thở ra làm đối tượng thiền tuệ như thế nào?

Hơi thở vô – hơi thở ra làm đối tượng của thiền tuệ có nghĩa là hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực giác biết rõ hơi thở tiếp xúc nơi thân; không phải biết hơi thở vô – hơi thở ra dài hoặc ngắn, v.v….

Thật vậy, hơi thở nương nhờ nơi thân, tiếp xúc với thân *(kāya)* thuộc ***sắc pháp*** làm đối tượng của thiền tuệ, và chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác đồng sanh với thiện tâm biết rõ sự tiếp xúc của hơi thở thuộc ***danh pháp.*** Sắc pháp, danh pháp là pháp vô ngã, không phải ta, người, chúng sinh nào….

Hành giả tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của ***danh pháp, sắc pháp*** ấy, thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của***danh pháp, sắc pháp*** ấy dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Chi thiền của bậc thiền ấy làm đối tượng thiền tuệ như thế nào?

Chi thiền *"sukha"* của bậc thiền thuộc phần *vedanā:* thọ, hoặc bậc thiền tâm thuộc phần *citta:* tâm, thuộc về ***danh pháp.*** Và ***thọ*** hoặc ***tâm*** nương nhờ *hadayavatthurūpa: sắc ý căn* mà phát sanh; sắc ý căn thuộc về ***sắc pháp.*** Danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã, không phải ta, người, chúng sinh nào….

Hành giả tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của ***danh pháp, sắc pháp*** ấy, thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng

thái khổ, trạng thái vô ngã của ***danh pháp, sắc pháp*** ấy dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Tất cả 21 đối tượng của 4 pháp niệm xứ: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp; mỗi đối tượng Đức Phật đều kết luận giống nhau: *"Iti ajjhattaṃ vā…",* và mỗi đối tượng đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả; đến Arahán Thánh Đạo – Arahán Thánh Quả tùy theo trí tuệ ba la mật của hành giả.

Như vậy, từ hạng thiện trí phàm nhân để chứng đắc thành bậc Thánh nhân, hành giả tiến hành thiền tuệ, cần phải trải qua 16 trí tuệ của thiền tuệ, bắt đầu từ trí tuệ thứ nhất gọi là *Nāmarūpapariccheda-ñāṇa: Trí tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ từng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng.*

Trí tuệ thứ nhất này đạt đến *Diṭṭhivisuddhi:* ***Chánh kiến thanh tịnh,*** thấy đúng biết đúng danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh nào….

Tiếp đến trí tuệ thứ nhì gọi là *Nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa: Trí tuệ thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thứ nhì này: với *paccakkhañāṇa:* trí tuệ trực tiếp thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ***bên trong*** *(ajjhatta)* ***của mình như thế nào;*** và với *anumānañāṇa:* trí tuệ gián tiếp thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ***bên ngoài*** *(bahiddhā)* ***của người khác, chúng sinh khác phát sanh cũng do nhân duyên như thế ấy.*** Cho nên, trí tuệ thứ nhì này đạt đến thanh tịnh *Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi:* ***Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh.***

Nhờ trí tuệ thứ nhì này, hành giả không còn hoài nghi nơi danh pháp, sắc pháp nữa; không còn tin có một Đấng Tạo Hóa nào tạo nên danh pháp, sắc pháp bên trong, của mình; hoặc bên ngoài, của người khác.

Bản tánh và trí tuệ của hành giả, thích hợp đối tượng Tứ niệm xứ

- ***Về thiền định***, hành giả được phân loại có *6 bản tánh*: *tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh suy diễn, tánh tín, tánh giác.*

- ***Về thiền tuệ***, hành giả được phân loại có *2 bản tánh*, gồm có 4 hạng người:

1- Hạng hành giả có tánh tham ái, trí tuệ kém.

2- Hạng hành giả có tánh tham ái, trí tuệ nhiều.

3- Hạng hành giả có tánh tà kiến, trí tuệ kém.

4- Hạng hành giả có tánh tà kiến, trí tuệ nhiều.

Nếu hành giả biết chọn đúng đối tượng thiền tuệ thích hợp với tánh và trí tuệ của mình, thì việc tiến hành thiền tuệ, ở giai đoạn ban đầu, rất thuận lợi cho sự phát triển trí tuệ thiền tuệ. Đến giai đoạn giữa và giai đoạn cuối còn tùy thuộc vào căn duyên của mỗi hành giả trong kiếp quá khứ.

Trong Chú giải kinh Đại Tứ niệm xứ dạy rằng:

- Hành giả có ***tánh tham ái, trí tuệ kém,*** thì thích hợp với đối tượng ***"niệm thân"***thuộc về ***sắc pháp.***

Hành giả tiến hành ***niệm thân*** *(sắc pháp)* để thấy rõ, biết rõ thân này ***"bất tịnh"*** nên diệt được ***tâm tham ái*** nương nhờ nơi ***thân*** cho rằng: ***"tịnh, xinh đẹp".***

- Hành giả có ***tánh tham ái, có trí tuệ nhiều,*** thì thích hợp với đối tượng ***"niệm thọ"***thuộc ***danh pháp.***

Hành giả tiến hành ***niệm thọ*** *(danh pháp)* để thấy rõ, biết rõ thọ này ***"khổ",*** mới diệt được ***tâm tham ái*** nương nhờ nơi ***thọ*** cho rằng: ***"lạc".***

- Hành giả có ***tánh tà kiến, trí tuệ kém***, thì thích hợp với đối tượng ***"niệm tâm"*** thuộc***danh pháp.***

Hành giả tiến hành ***niệm tâm*** *(danh pháp)* để thấy rõ, biết rõ tâm này ***"vô thường",***nên diệt được ***tâm tà kiến*** nương nhờ nơi ***tâm*** cho rằng: ***"thường".***

- Hành giả có ***tánh tà kiến, trí tuệ nhiều***, thì thích hợp với đối tượng ***"niệm pháp"***thuộc ***danh pháp, sắc pháp.***

Hành giả tiến hành ***niệm pháp*** *(danh pháp, sắc pháp)* sẽ thấy rõ, biết rõ pháp này ***"vô ngã",*** nên diệt được ***tâm tà kiến*** nương nhờ nơi pháp cho rằng: ***"ngã".***

Tuy bốn đối tượng: ***"thân là bất tịnh, thọ là khổ, tâm là vô thường, pháp là vô ngã"***chỉ đề cập đến tính chất đặc biệt của mỗi đối tượng. Nhưng thực ra, tất cả 4 đối tượng ***"thân, thọ, tâm, pháp"*** đều có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh.***

Nếu hành giả biết chọn đúng đối tượng thích hợp với ***tánh và trí tuệ*** của mình, thì việc tiến hành thiền tuệ rất thuận lợi cho sự phát triển trí tuệ thiền tuệ, để thấy rõ, biết rõ***trạng thái riêng*** của danh pháp, sắc pháp; ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; 3 ***trạng thái chung:*** *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến

sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Nhận xét 21 đối tượng

Xét về 21 đối tượng trong ***Tứ niệm xứ,*** thì đối tượng ***tứ oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm***, trong ***phần thân niệm xứ,*** là một đối tượng tương đối rõ ràng và ***thường có ở hiện tại hơn*** so với các đối tượng khác.

Đối tượng ***tứ oai nghi*** này, rất thích hợp với hạng hành giả có ***tánh tham ái, trí tuệ kém.***

Hành giả nào có *tánh tham ái, trí tuệ kém* thì nên chọn ***tứ oai nghi: sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** làm đối tượng thiền tuệ căn bản ban đầu, để tiến hành thiền tuệ.

Nếu hành giả, những tiền kiếp trong quá khứ đã từng tiến hành những đối tượng thiền tuệ khác, thích hợp với căn duyên hơn, thì sự thay đổi đối tượng thiền tuệ là việc đương nhiên trong ***pháp hành thiền tuệ.*** Vì đối tượng của thiền tuệ gồm tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp *(khác với đối tượng thiền định, chỉ có giới hạn một số đề mục làm đối tượng).*

Chú thích:

[1] Dīghanikāya, Mahāvagga, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

[2] Trực nhận: có nghĩa là nhận biết trực tiếp ngay 1 trong 4 đối tượng thân, thọ, tâm, pháp. trong mỗi đối tượng lớn ấy, có nhiều đối tượng nhỏ; chánh niệm trực nhận đối tượng nhỏ nào, thì biết rõ đối tượng nhỏ ấy. Sở dĩ không dùng chữ "niệm" là vì để tránh sự hiểu lầm với niệm tưởng như: niệm Ân Đức Phật, niệm đề mục đất, đất, v.v... thuộc đề mục làm đối tượng của thiền định.

[3] Trực giác: có nghĩa biết trực tiếp ngay thực tánh của đối tượng nào thì thấy rõ, biết rõ thực tánh của đối tượng ấy; không qua trí tuệ tư duy. Sở dĩ không dùng chữ "quán" là vì để tránh sự hiểu lầm với quán xét bằng trí tuệ tư duy không đúng với thực tánh của các pháp. Biết rõ đúng thực tánh của các pháp chỉ bằng trí tuệ hành (bhavanāmayapaññā) mà thôi.

[4] Chú giải Dīghanikāya, Mahāvaggaṭṭhakathā, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta-vaṇṇnā.

[5] Ngũ dục: sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục.

-ooOoo-

4. ĐỐI TƯỢNG TỨ OAI NGHI

Đối tượng tứ oai nghi *(Iriyapathapabba)* là một trong 14 đối tượng trong phần niệm thân.

Đức Phật dạy trong kinh Đại Tứ niệm xứ, phần đối tượng tứ oai nghi rằng:

"Puna ca paraṃ bhikkhave bhikkhu.
"Gacchanto vā gacchāmī'ti pajānāti
"Ṭhito vā ṭhito'mhī'ti pajaànāti,
"Nisinno vā nisinno'mhī'ti pajānāti,
"Sayāno vā sayāno'mhī'ti pajānāti,
"Yathā yathā vā pana'ssa kāyo paṇihito hoti.
"Tathā tathā naṃ pajānāti…".
"Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati.
Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.
Ajjhattabahiddhāvā kāye kāyānupassī viharati.
Samudayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.
Vayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.
"Atthi kāyo"ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti.
Yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
Evampi kho bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī viharati". [5]
(Iriyāpathapabbaṃ niṭṭhitaṃ).

Nghĩa:

Sau khi thuyết giảng xong đối tượng "niệm hơi thở vô – hơi thở ra", Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ khưu rằng:

"Này chư Tỳ khưu, (hay hành giả), một đối tượng khác, Tỳ khưu:

- Khi đang đi, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ rằng: "sắc đi".

- Khi đang đứng, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ rằng: "sắc đứng".

- Khi đang ngồi, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ rằng: "sắc ngồi".

- Khi đang nằm, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ rằng: "sắc nằm".

- Hoặc toàn thân của hành giả đang trong tư thế (dáng) như thế nào, hành giả nên có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ toàn thân đang trong tư thế (dáng) như thế ấy…".

- Như vậy, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân của mình.

- Hoặc, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân của người khác.

- Hoặc, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi thấy rõ, biết rõ khi thì toàn thân trong thân của mình, khi thì toàn thân trong toàn thân của người khác.

- Hoặc, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi thấy rõ, biết rõ trạng thái sanh do nhân duyên nào sanh trong thân.

- Hoặc, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi thấy rõ, biết rõ trạng thái diệt do nhân duyên ấy diệt trong thân.

- Hoặc, hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ trạng thái sanh do nhân duyên nào sanh, thì trạng thái diệt do nhân duyên ấy diệt trong thân.

Chánh niệm của hành giả trực nhận rằng: "chỉ là thân mà thôi", đối tượng hiện tại chỉ để phát triển chánh niệm, chỉ để phát triển trí tuệ tỉnh giác mà thôi. Hành giả không có tham ái và tà kiến nương nhờ (nơi đối tượng và chủ thể), không có chấp thủ nào (ta và của ta) trong ngũ uẩn này.

Này chư Tỳ khưu (hay hành giả), như vậy gọi là Tỳ khưu có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thường theo dõi trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ toàn thân trong thân.

(Xong đối tượng 4 oai nghi).

Đoạn kinh này có những động từ:

* *Gacchāmi*: Theo nghĩa thường là *"tôi đi",* nhưng theo *Chân nghĩa pháp* là: ***"thân đi",*** hoặc ***"sắc đi".***

* *Ṭhito'mhi:* Theo nghĩa thường là: *"tôi đứng",* nhưng theo *Chân nghĩa pháp* là:***"thân đứng",*** hoặc ***"sắc đứng".***

* *Nisinno'mhi:* Theo nghĩa thường là: *"tôi ngồi",* nhưng theo *Chân nghĩa pháp* là:***"thân ngồi",*** hoặc ***"sắc ngồi".***

* *Sayāno'mhi*: Theo nghĩa thường là: *"tôi nằm",* nhưng theo *Chân nghĩa pháp*: ***"thân nằm",*** hoặc ***"sắc nằm".***

Nhận xét về "thân đi" hoặc "sắc đi"

Thân dịch từ danh từ *kāya.*

Kāya: thân có nghĩa là tổng hợp các phần lớn nhỏ lại với nhau, như 32 thể trược trong thân v.v….

Hay nói cách khác, *kāya:* thân là nơi tổng hợp 28 sắc pháp có tâm làm chủ.

Thật ra, trong thân của mỗi người bình thường tổng hợp gồm có 27 sắc pháp.

- Nếu là đàn ông trừ sắc nữ tính.
- Nếu là đàn bà trừ sắc nam tính.

Cho nên, gọi ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi"*** chỉ khác nhau về danh từ, song giống nhau về ý nghĩa.

Thân đứng hoặc sắc đứng, thân ngồi hoặc sắc ngồi, thân nằm hoặc sắc nằm cũng giải thích như thân đi.

4 oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm thuộc về ***sắc pháp phát sanh từ tâm*** *(cittajarūpa).*

Do đó, gọi là: ***"Sắc đi", "Sắc đứng", "Sắc ngồi", "Sắc nằm".***

Tâm có thể phát sanh tứ oai nghi chính: đi, đứng, ngồi, nằm và các oai nghi phụ khác, gồm có 32 tâm, đó là:

8 tham tâm + 2 sân tâm + 2 si tâm + 8 dục giới đại thiện tâm + 8 dục giới duy tác tâm + 1 tiếu sanh tâm + 1 ý môn hướng tâm + và đặc biệt có 2 thần thông tâm.

Ví dụ:

- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***tham tâm,*** thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu khoan thai, nhẹ nhàng đáng yêu….
- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***sân tâm,*** thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu nóng nảy, mạnh bạo….
- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***si tâm,*** thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu ngơ ngẩn, thẩn thờ, phóng tâm….
- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***dục giới đại thiện tâm không hợp trí tuệ,*** thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu, tư thế tự nhiên, có trí nhớ, nhưng không có trí tuệ biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp.
- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***dục giới đại thiện tâm hợp với trí tuệ,*** đối với hành giả tiến hành thiền tuệ thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu, tư thế tự nhiên, có trí nhớ, có trí tuệ có thể biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp.
- Đi, đứng, ngồi, nằm sanh từ ***8 dục giới đại duy tác tâm***, tâm của bậc Thánh Arahán, thì đi, đứng, ngồi, nằm… với dáng điệu, tư thế tự nhiên, ***luôn luôn có trí nhớ,*** khi hợp trí tuệ, khi không hợp trí tuệ, tùy theo đối tượng.

Đối Tượng Tứ Oai Nghi

4 oai nghi: oai nghi đi, oai nghi đứng, oai nghi ngồi, oai nghi nằm là những oai nghi bình thường tự nhiên của mỗi chúng sinh, Đức Phật dạy 4 oai nghi làm đối tượng trong phần niệm thân, bởi vì, đối tượng tứ oai nghi này là ***sắc pháp*** phát sanh từ tâm, có thể làm đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

Tứ oai nghi làm nơi nương nhờ của tà kiến

Có số người không được gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, không được học hỏi, nghiên cứu về ***Chân nghĩa pháp,*** không hiểu biết về ***danh pháp, sắc pháp,*** là***pháp vô ngã;*** cho nên số người ấy, mỗi khi đi, đứng, ngồi, nằm không diệt được chấp thủ về chúng sinh *(sattūpaladdhiṃ na pajahati)* và cũng không từ bỏ sự tưởng lầm cho là ta*(attsaññā na ugghāṭeti: ngã tưởng);* vì vậy, đối tượng đi, đứng, ngồi, nằm làm nơi nương nhờ cho tà kiến phát sanh thấy sai, chấp lầm rằng:

- Khi ***thân đi*** hoặc ***sắc đi,*** thì ***tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc đi*** cho là ***"ta đi".***

- Khi ***thân đứng*** hoặc ***sắc đứng,*** thì ***tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc đứng*** cho là ***"ta đứng".***

- Khi ***thân ngồi*** hoặc ***sắc ngồi,*** thì ***tà kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc ngồi*** cho là ***"ta ngồi".***

- Khi ***thân nằm*** hoặc ***sắc nằm,*** thì tà kiến thấy sai, chấp lầm từ ***sắc nằm*** cho là ***"ta nằm",***….

Khi có ***sắc đi***, thì ***tà kiến*** nương nhờ ở ***sắc đi*** để thấy sai, chấp lầm rằng: ***"ta đi".*** Thật ra, *"ta đi"* không có, mà chỉ có *"sắc đi"*. Nhưng do tâm ***tà kiến*** thấy sai chấp lầm từ *"sắc đi"*cho là *"ta đi"*. Khi tâm có ***tà kiến*** phát sanh, thì chắc chắn ắt phải có ***si tâm sở*** *(vô minh)* đồng sanh làm che án, bao trùm phủ kín thực tánh của danh pháp, sắc pháp ấy.

Đúng theo thực tánh của danh pháp sắc pháp là ***pháp vô ngã,*** không có ***ngã.*** Vậy, ***ngã không có thật,*** thì chắc chắn không thể ***diệt ngã*** được. Sở dĩ có sự ***chấp ngã*** là do ***tà kiến***thấy sai, chấp lầm từ danh pháp chấp là ***ngã*** (ta) và từ sắc pháp chấp là ***ngã*** (ta). ***Tâm tà kiến có thật,*** nên hành giả tiến hành thiền tuệ có thể ***diệt được tâm tà kiến*** ấy. Khi tâm ***tà kiến*** bị diệt bằng chánh kiến thấy đúng, biết đúng theo thực tánh của danh pháp sắc pháp là ***pháp vô ngã,*** thì sự chấp ngã không còn nữa.

Tứ oai nghi làm nơi nương nhờ của chánh kiến

Có số người thường gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, được học hỏi, nghiên cứu về ***Chân nghĩa pháp,*** hiểu biết rõ về ***danh pháp, sắc pháp,*** là ***pháp vô ngã.*** Họ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có giới

hạnh thanh tịnh, tiến hành thiền tuệ dùng 4 oai nghi làm đối tượng; cho nên mỗi khi đi, đứng, ngồi, nằm diệt được sự chấp thủ về chúng sinh*(sattūpaladdhiṃ pajahati)* và từ bỏ được sự tưởng lầm cho là ta *(attasaññā ugghāṭeti: ngã tưỡng);* vì vậy, đối tượng đi, đứng, ngồi, nằm làm nơi nương nhờ cho chánh kiến phát sanh thấy đúng, biết đúng rằng:

- Khi ***thân đi*** hoặc ***sắc đi,*** thì ***chánh kiến*** thấy đúng, biết đúng từ ***oai nghi đi, dáng đi***là ***"sắc đi".***

- Khi ***thân đứng*** hoặc ***sắc đứng,*** thì ***chánh kiến*** thấy đúng, biết đúng từ ***oai nghi đứng, dáng đứng*** là ***"sắc đứng".***

- Khi ***thân ngồi*** hoặc ***sắc ngồi,*** thì ***chánh kiến*** thấy đúng, biết đúng từ ***oai nghi ngồi, dáng ngồi*** là ***"sắc ngồi".***

- Khi ***thân nằm*** hoặc ***sắc nằm,*** thì ***chánh kiến*** thấy đúng, biết đúng từ ***oai nghi nằm, dáng nằm*** là ***"sắc nằm"….***

Chánh kiến chính là trí tuệ. Tâm hợp với trí tuệ thiền tuệ là tâm sáng suốt thấy rõ, biết rõ đúng theo sự thật thực tánh của danh pháp, sắc pháp. Cho nên, ***tiến hành Tứ niệm xứ*** hay***tiến hành thiền tuệ*** là cốt để trở lại thấy đúng, biết đúng theo thực tánh của ***danh pháp, sắc pháp*** là ***pháp vô ngã,*** không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh nào, không phải vật này, vật kia… mà sự thật theo Chân nghĩa pháp là:

- *Danh pháp nào là danh pháp ấy.*

- *Sắc pháp nào là sắc pháp ấy.*

Tứ oai nghi làm đối tượng thiền tuệ như thế nào?

Đức Phật dạy trong kinh Đại Tứ niệm xứ, đối tượng ***"tứ oai nghi"*** là 1 trong 14 đối tượng trong phần ***niệm thân. 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm*** là *sắc pháp phát sanh từ tâm*, gọi là *cittajarūpa* cũng thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramatthadhamma).*

Thật vậy, trong Chú giải kinh Đại Tứ niệm xứ, về phần niệm thân, dạy rằng:

"Paramatthato hi dhātūnaṃ yeva gamanaṃ, dhātūnaṃ ṭhānaṃ, dhātūnaṃ nisajjaṃ, dhātūnaṃ sayanaṃ". [7]

Thật vậy, xét về chân nghĩa pháp, thì ***"oai nghi đi"*** *chỉ là của tứ đại,* ***"oai nghi đứng"*** *chỉ là của tứ đại,* ***"oai nghi ngồi"*** *chỉ là của tứ đại,* ***"oai nghi nằm"*** *chỉ là của tứ đại mà thôi.*

Như vậy, tứ oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm là sắc pháp phát sanh từ tâm, thuộc về ***sắc tứ đại***, nên không thuộc về của người nào, của chúng sinh nào cả.

Sắc tứ đại, có 4 sắc pháp là:

- Sắc địa đại, chất đất.
- Sắc thủy đại, chất nước.
- Sắc hỏa đại, chất lửa.
- Sắc phong đại, chất gió.

Sắc tứ đại này, là 4 sắc pháp căn bản chính, làm nền tảng cho 24 sắc pháp phụ thuộc phát sanh.

Đối tượng 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm.. là sắc toàn thân, không phải một phần nào của thân, mà trong thân của mỗi người bình thường có đầy đủ 27 sắc pháp, gồm sắc tứ đại và 23 sắc pháp phụ thuộc.

Do đó, ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** thuộc sắc pháp là đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

I- Phần Lý Thuyết Pháp Học Tứ Oai Nghi

Hành giả muốn tiến hành thiền tuệ, dùng ***tứ oai nghi*** làm đối tượng, trước tiên, hành giả cần phải học hỏi, nghiên cứu tìm hiểu sâu sắc bằng trí tuệ hiểu biết đúng đắn về 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm là sắc pháp phát sanh từ tâm.

Hành giả có trí tuệ sáng suốt hiểu biết đúng rằng:

- ***Oai nghi đi,*** đó là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi".***
- ***Oai nghi đứng,*** đó là ***"thân đứng"*** hoặc ***"sắc đứng".***
- ***Oai nghi ngồi,*** đó là ***"thân ngồi"*** hoặc ***"sắc ngồi".***
- ***Oai nghi nằm,*** đó là ***"thân nằm"*** hoặc ***"sắc nằm".***

Đó là sự hiểu biết theo *chánh kiến thiền tuệ*.

1- Thế nào gọi là sắc đi?

Sắc đi, chính là *dáng đi, tư thế đi, toàn thân di chuyển bước đi từng bước, một cách tự nhiên.*

Cho nên, ***sắc đi*** trong ***trạng thái động.***

Sắc đi thuộc về sắc pháp, làm đối tượng của thiền tuệ, đó là: ***dáng đi, tư thế đi.*** Có vô số dáng đi, tư thế đi gọi là ***sắc đi*** có vô số.

2- Thế nào gọi là sắc đứng?

Sắc đứng, *chính là dáng đứng, tư thế đứng, toàn thân đứng yên* [8] *không cử động, một cách tự nhiên*.

Cho nên, ***sắc đứng*** trong ***trạng thái tĩnh*** *(hiện tại ngắn ngủi).*

Sắc đứng, thuộc về sắc pháp, làm đối tượng của thiền tuệ, đó là: ***dáng đứng, tư thế đứng.*** Có vô số dáng đứng, tư thế đứng, gọi là ***sắc đứng*** có vô số.

3- Thế nào gọi là sắc ngồi?

Sắc ngồi, chính là *dáng ngồi, tư thế ngồi, toàn thân ngồi yên không cử động, một cách tự nhiên; thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo dáng ngồi, theo tư thế ngồi; như ngồi xếp bằng, ngồi bán già, ngồi kiết già, ngồi trên ghế dựa, ngồi trên ghế salon,....*

Cho nên, ***sắc ngồi*** trong ***trạng thái tĩnh*** *(hiện tại ngắn ngủi).*

Sắc ngồi, thuộc về sắc pháp, làm đối tượng của thiền tuệ, đó là: ***dáng ngồi, tư thế ngồi.*** Có vô số dáng ngồi, tư thế ngồi, gọi là ***sắc ngồi*** có vô số.

4- Thế nào gọi là sắc nằm?

Sắc nằm, chính là *dáng nằm, tư thế nằm, toàn thân nằm yên không cử động, một cách tự nhiên, như nằm nghiêng, nằm ngửa,....*

Cho nên, ***sắc nằm*** trong ***trạng thái tĩnh*** *(hiện tại ngắn ngủi).*

Sắc nằm, thuộc về sắc pháp, làm đối tượng của thiền tuệ, đó là: ***dáng nằm, tư thế nằm.*** Có nhiều dáng nằm, tư thế nằm, gọi là ***sắc nằm*** có vô số.

Hành giả nên hiểu biết đúng rằng:

- Khi đi, không phải ta đi, cũng không phải ai đi, sự thật chỉ là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi".*** Đó là ***dáng đi, tư thế đi.***

- Khi đứng, không phải ta đứng, cũng không phải ai đứng, sự thật chỉ là ***"thân đứng"***hoặc ***"sắc đứng".*** Đó là ***dáng đứng, tư thế đứng.***

- Khi ngồi, không phải ta ngồi, cũng không phải ai ngồi, sự thật chỉ là ***"thân ngồi"***hoặc ***"sắc ngồi".*** Đó là ***dáng ngồi, tư thế ngồi.***

- Khi nằm, không phải ta nằm, cũng không phải ai nằm, sự thật chỉ là ***"thân nằm"***hoặc ***"sắc nằm".*** Đó là ***dáng nằm, tư thế nằm.***

Nhân duyên phát sanh

Danh pháp, sắc pháp phát sanh đều do nhân duyên. Danh pháp nào phát sanh, do nhân duyên của danh pháp ấy. Sắc pháp nào phát sanh, do nhân duyên của sắc pháp ấy.

4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm thuộc về sắc pháp phát sanh từ tâm gọi là sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm phát sanh đều do nhân duyên của chúng.

Theo bộ Chú giải [9] của bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta (kinh Đại Tứ niệm xứ)* dạy rằng:

- Không có chúng sinh nào đi, đứng, ngồi, nằm....

- Oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm... không phải của chúng sinh nào, không phải của người nào.

- Sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm phát sanh đều do nhân duyên của chúng.

1- Nhân duyên nào phát sanh sắc đi?

Sắc đi phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"đi".***

- Do tâm nghĩ đi làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân di chuyển bước đi từng bước do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi"*** là ***sắc pháp phát sanh do tâm** (cittajarūpa).*

2- Nhân duyên nào phát sanh sắc đứng?

Sắc đứng phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"đứng".***

- Do tâm nghĩ đứng làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi dáng đứng, tư thế đứng, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân đứng"*** hoặc ***"sắc đứng",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

3- Nhân duyên nào phát sanh sắc ngồi?

Sắc ngồi phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"ngồi".***

- Do tâm nghĩ ngồi làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân ngồi: thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân ngồi"*** hoặc ***"sắc ngồi",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

4- Nhân duyên nào phát sanh sắc nằm?

Sắc nằm phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"nằm".***

- Do tâm nghĩ nằm làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân đặt nằm ngang theo mỗi dáng nằm, tư thế nằm yên, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân nằm"*** hoặc ***"sắc nằm",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

Nếu trường hợp thiếu một nhân duyên nào, thì ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm,…***không thể phát sanh được.

Ví dụ:

Sở dĩ, người bị bại liệt, dầu ***tâm*** của họ muốn đi, muốn đứng, muốn ngồi, muốn nằm… trong tư thế này hay tư thế khác, cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm… theo ý muốn của mình, như người bình thường; là vì ***chất gió phát sanh từ tâm*** không đủ năng lực làm cho toàn thân cử động theo ý muốn của họ.

Con người bình thường đi, đứng, ngồi, nằm,... cử động được dễ dàng là do nhờ năng lực của chất gió phát sanh từ tâm điều hòa được tứ đại (đất, nước, lửa, gió).

Ví dụ:

Oai nghi đi, hay "sắc đi".

- *Khi nhấc chân lên*: ***phong đại*** và ***hỏa đại*** có năng lực mạnh, còn ***địa đại*** và ***thủy đại***có năng lực yếu.

- *Khi đạp chân xuống*: ***địa đại*** và ***thủy đại*** có năng lực mạnh, còn ***phong đại*** và ***hỏa đại*** có năng lực yếu.

Bởi vậy cho nên, ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,…*** là công việc của tứ đại, do tâm chủ động, điều khiển.

Đức Phật ví ***"thân"*** này như một ***chiếc xe; "tâm"*** này ví như ***người lái xe.*** Thật vậy, chiếc xe chạy mau, chạy chậm, quẹo trái, quẹo phải, ngừng lại,… đều do người lái xe điều khiển.

Cũng như vậy, ***thân*** này đi, đứng, ngồi, nằm, bước tới, bước lui, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,…

đều do ***tâm*** điều khiển, cho nên gọi là ***"sắc pháp phát sanh từ tâm"*** *(cittajarūpa).*

Phân biệt đối tượng tứ oai nghi thuộc Paññatti - Paramattha

4 oai nghi: sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm là sắc pháp phát sanh từ tâm*(cittajarūpa)* thuộc paramattha *(chân nghĩa pháp).*

Hành giả tiến hành thiền tuệ dùng tứ oai nghi làm đối tượng, điều trước hết là cần phải học hỏi, nghiên cứu rõ ràng về tứ oai nghi như thế nào thuộc về đối tượng Paramattha*(Chân nghĩa pháp),* và như thế nào thuộc về đối tượng Paññatti *(Chế định pháp);* điều này tối quan trọng, bởi vì mỗi đối tượng sẽ dẫn đến mỗi kết quả hoàn toàn khác nhau.

Tứ oai nghi thuộc về Paññatti: Chế định pháp

Chế định pháp là pháp mà con người đặt ra do căn cứ nơi chân nghĩa pháp, có quy ước với nhau theo mỗi nhóm người, mỗi dân tộc được lưu truyền từ thế hệ trước cho đến thế hệ sau nối tiếp nhau.

Pháp chế định có 2 loại:

1- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng chế định.

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ có khái niệm về dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm là những hình dạng ***khái niệm trong tâm,***thì những đối tượng ấy thuộc về atthapaññatti: ý nghĩa, hình dạng chế định.

2- Nāmapaññatti: Danh từ, ngôn ngữ chế định.

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ căn cứ vào những khái niệm trong tâm:

- Về dáng đi, tư thế đi ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: "sắc đi", "sắc đi",….

- Về dáng đứng, tư thế đứng ấy mà niệm tưởng trong tâm rằng: "sắc đứng", "sắc đứng"….

- Về dáng ngồi, tư thế ngồi ấy mà niệm tưởng trong tâm rằng: "sắc ngồi", "sắc ngồi"….

- Về dáng nằm, tư thế nằm ấy mà niệm tưởng trong tâm rằng: "sắc nằm", "sắc nằm"….

Thì những đối tượng này thuộc về vijjānāmapaññatti: danh từ, ngôn ngữ chế định có thực tánh pháp làm nền tảng.

Hành giả trong khi niệm tưởng trong tâm đến đối tượng sắc đi, sắc đứng… nào, thì tâm cũng có thể an trú ở đối tượng ấy như đối tượng của thiền định, mà không phải tiến hành thiền định, vì tứ oai nghi không có trong

40 đề mục thiền định; hơn nữa, sự tiến hành thiền định chỉ có một đề mục duy nhất làm đối tượng, nhưng ở đây mỗi lần thay đổi oai nghi là thay đổi đối tượng. Do đó, hành giả ***không phải tiến hành thiền định*** mà cũng ***không phải tiến hành thiền tuệ,*** bởi vì đối tượng tứ oai nghi ấy thuộc về Chế định pháp, sẽ dẫn đến kết quả như sau:

- Không thể thấy rõ, biết rõ được thực tánh của danh pháp, sắc pháp.
- Không thể thấy rõ, biết rõ trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.
- Không thể thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp.
- Không thể thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp....

Tứ oai nghi thuộc về Paramattha: Chân nghĩa pháp

Chân nghĩa pháp là pháp không do con người chế định, pháp này có thực tánh hiện hữu một cách tự nhiên của chúng, nhưng không có một ai thấy rõ biết rõ đến chúng, bởi vì vô minh bao trùm phủ kín thực tánh pháp của chúng. Cho đến khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài đã diệt đoạn tuyệt được vô minh, cho nên sự thật chân nghĩa pháp hiển nhiên hiện rõ; rồi Ngài giảng dạy cho chúng sinh hiểu biết chân nghĩa pháp.

4 oai nghi thuộc về chân nghĩa pháp đó là:

- *Dáng đi, tư thế đi thuần túy tự nhiên.*
- *Dáng đứng, tư thế đứng thuần túy tự nhiên.*
- *Dáng ngồi, tư thế ngồi thuần túy tự nhiên.*
- *Dáng nằm, tư thế nằm thuần túy tự nhiên.*

Những dáng đi, tư thế đi… này là những trạng thái diễn biến của tứ đại phát sanh từ tâm gọi là cittajarūpa *(sắc pháp sanh từ tâm),* được ***thể hiện toàn thân,*** hoàn toàn không qua một ***khái niệm*** hoặc một ***danh từ ngôn ngữ*** nào, có thể diễn đạt được thực tánh của nó. Do đó, dáng đi, tư thế đi, dáng đứng, tư thế đứng… này thuộc về paramattha: chân nghĩa pháp.

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ, có chánh niệm trực nhận, trí tuệ tỉnh giác trực giác trực tiếp ngay đối tượng paramattha của 4 oai nghi: ***"dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm",*** được ***thể hiện toàn thân,*** không qua*khái niệm trong tâm* và *danh từ ngôn ngữ chế định,* thì có thể dẫn đến kết quả như sau:

- Có thể thấy rõ, biết rõ được thực tánh của danh pháp, sắc pháp.
- Có thể thấy rõ, biết rõ trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- Có thể thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- Có thể thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

- Có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Như vậy, để tiến hành đúng theo pháp hành thiền tuệ, hành giả cần phải biết phân biệt rõ đối tượng thuộc paññatti và đối tượng thuộc paramattha, để mà biết chọn đúng đối tượng paramattha làm đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

Cho nên, đối với hành giả tiến hành thiền tuệ có 3 giai đoạn quan trọng:

Giai đoạn đầu tiên: hành giả cần phải tìm hiểu, học hỏi để biết rõ tứ oai nghi thuộc đối tượng paññatti (chế định pháp) và tứ oai nghi thuộc đối tượng paramattha (chân nghĩa pháp).

Giai đoạn giữa: khi hành giả tiến hành thiền tuệ có chánh niệm trực nhận, trí tuệ tỉnh giác trực giác trực tiếp ngay đối tượng paramattha ***dáng đi, tư thế đi; hoặc dáng đứng, tư thế đứng; hoặc dáng ngồi, tư thế ngồi; hoặc dáng nằm, tư thế nằm…*** được thể hiện ***toàn thân,*** hoàn toàn ***không phải khái niệm trong tâm, hoặc danh từ ngôn ngữ nào.***

Giai đoạn cuối: trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp; sự sanh, sự diệt, của danh pháp, sắc pháp; trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

II- Phần Thực Hành Đối Tượng Tứ Oai Nghi

Tứ oai nghi là một trong 21 đối tượng của Tứ niệm xứ có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Sau khi hiểu rõ phần lý thuyết pháp học của tứ oai nghi, hành giả muốn tiến hành thiền tuệ, cần phải có những điều kiện cần thiết như sau__

- Điều đầu tiên, hành giả cần phải tìm một vị Thiền sư thông thạo về pháp học, có đầy đủ kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ, để nương nhờ. ***Trực tiếp thụ giáo với vị Thiền sư ấy,*** theo một ***nghi lễ thọ pháp hành thiền tuệ*** trang nghiêm, tôn kính, để hộ trì cho hành giả được an toàn trong khi tiến hành thiền tuệ. Và ***trình pháp,*** là trình bày pháp hành của mình, khi mình

chưa có khả năng nhận định được đúng hay sai; trình bày những cảm giác phát sanh trong khi tiến hành thiền tuệ, làm cho phát sanh tâm hoài nghi, làm cản trở việc tiến hành thiền tuệ. Hành giả nhờ vị thiền sư giảng giải cho hiểu rõ không còn hoài nghi, để tiếp tục pháp hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

- Hành giả phải là người có ***giới*** hạnh trong sạch để làm nền tảng cho ***định*** và ***tuệ*** phát sanh. Nếu giới không trong sạch, thì định và tuệ không có chỗ nương nhờ để phát sanh. Ví như không có đất, thì cây không có chỗ nương nhờ để sanh trưởng, thì còn mong gì đến hoa và quả.

- Là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có chánh kiến đúng đắn, có sự tinh tấn liên tục không ngừng, vì ***sự giải thoát khổ do nhờ tinh tấn.***

Như Đức Phật dạy:

"Vīriyena dukkhamacceti…". [10]

"Chúng sinh giải thoát khổ do nhờ tinh tấn".

- Phải có đủ những điều kiện thuận lợi cho sự tiến hành thiền tuệ được phát triển tốt.

Hành giả muốn tiến hành thiền tuệ có 4 oai nghi: ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm…*** làm đối tượng, cần phải hiểu rõ phương pháp tiến hành thiền tuệ như sau__

1- Sắc Đi

1- **Đối tượng sắc đi:**

Đó chính là *dáng đi, tư thế đi* là sắc pháp phát sanh từ tâm, toàn thân di chuyển, bước đi từng bước. ***Dáng đi, tư thế đi phải tự nhiên,*** thanh thản, như đi tản bộ, không nên đi chậm quá, cũng không nên đi mau quá, làm mất dáng tự nhiên, làm che án thực tánh của nó.

Thực tánh của các pháp luôn luôn trong trạng thái tự nhiên, nên dáng đi, tư thế đi làm đối tượng của thiền tuệ cũng phải tự nhiên.

Sắc đi trong trạng thái ***động,*** thuộc về ***sắc pháp,*** dùng làm đối tượng để tiến hành thiền tuệ, đó chính là mỗi ***dáng đi, tư thế đi, toàn thân di chuyển,*** do bước đi từng bước, từng bước một cách tự nhiên.

2- **Chủ thể:**

* Hành giả là người có ***chánh niệm*** (niệm thân) ***trực nhận*** đúng ngay đối tượng mỗi***dáng đi, tư thế đi,*** theo dõi, ghi nhớ quá trình diễn biến mỗi *dáng đi, tư thế đi,* ***toàn thân di chuyển*** *do bước đi từng bước, từng bước* một cách tự nhiên….

Toàn thân di chuyển như thế nào?

<u>Ví dụ:</u>

Khi nhìn thấy chiếc xe chạy, là nhìn thấy ***toàn chiếc xe di chuyển,*** không phải nhìn thấy bánh xe lăn….

Cũng như vậy, hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận ngay đối tượng theo dõi quá trình diễn biến mỗi dáng đi, tư thế đi, toàn thân di chuyển bước đi một cách tự nhiên.

Hành giả không nên chú tâm ở một phần nào của thân như chân bước từng bước, không nên có ***khái niệm về dáng đi, tư thế đi*** trong tâm; và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: ***sắc đi… sắc đi… hoặc chân trái bước, chân mặt bước….*** Bởi vì, khái niệm về dáng đi, tư thế đi, hoặc niệm tưởng sắc đi, chân trái bước, chân phải bước… trong tâm như vậy, thì đối tượng sắc đi… trở thành đối tượng *paññatti: chế định pháp,* không phải là đối tượng *paramattha: chân nghĩa pháp.* Cho nên, đối tượng ấy không phải là đối tượng của thiền tuệ.

Theo ***Chân nghĩa pháp***, thì đối tượng ***"sắc đi"*** đó chính là mỗi ***dáng đi, tư thế đi****hiện rõ* ***toàn thân*** *di chuyển bước đi,* đối tượng hiện tại *sắc đi không ở trong* ***tâm tưởng.*** Nếu hành giả niệm tưởng ***sắc đi*** trong tâm, thì sự trực nhận đối tượng ***sắc đi*** không đúng chỗ (vị trí), hành giả không thể nào thấy rõ, biết rõ thực tánh của đối tượng ***sắc đi*** ấy.

Vì vậy, hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi ***dáng đi, tư thế đi toàn thân di chuyển từng bước, từng bước*** một cách tự nhiên.

* Hành giả là người có ***trí tuệ tỉnh giác*** thấy rõ biết rõ mỗi ***dáng đi, tư thế đi*** toàn thân di chuyển bước đi ấy; mỗi dáng đi, tư thế đi, gọi là ***sắc đi;*** có vô số dáng đi, tư thế đi, nên sắc đi có vô số.

Hành giả tiến hành thiền tuệ có trí tuệ tỉnh giác thấy rõ biết rõ dáng đi, tư thế đi gọi là***sắc đi*** ấy đúng theo ***chánh kiến thiền tuệ,*** đồng thời có thể diệt được ***tà kiến theo chấp ngã***tưởng lầm rằng: ***"ta đi"*** và các phiền não khác *(diệt theo cách từng thời).*

Tóm lại, hành giả là người có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ mỗi dáng đi, tư thế đi toàn thân di chuyển bước đi như thế nào, thì thấy rõ biết rõ mỗi dáng đi, tư thế đi toàn thân di chuyển bước đi như thế ấy, ***một cách thoáng qua*** [11] *(ví như chụp hình mỗi tư thế đi khác biệt nhau).*

* Hành giả là người có ***tâm tinh tấn*** hỗ trợ cho *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*, tiến hành thiền tuệ liên tục không ngừng, để cho trí tuệ thiền tuệ được

phát triển, *chánh kiến thiền tuệ*càng thấy rõ ***sắc đi,*** thì đồng thời *tà kiến theo chấp ngã* tưởng lầm **"ta đi"** bị lu mờ dần, cho đến khi tà kiến theo chấp ngã bị tiêu diệt hẳn, do năng lực của ***trí tuệ thiền tuệ.***

Trên đây phân tách 3 loại tâm sở: *niệm tâm sở* là ***chánh niệm***; *trí tuệ tâm sở*: trí tuệ tỉnh giác là ***chánh kiến***; *tinh tấn tâm sở* là ***chánh tinh tấn*** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các thiện tâm sở khác, đồng sanh trong một ***dục giới đại thiện tâm***, có chung một đối tượng thiền tuệ. Song mỗi tâm sở có phận sự riêng, đồng thời, không trước, không sau.

2- Sắc Đứng

1- **Đối tượng sắc đứng:**

Đó chính là mỗi *dáng đứng, tư thế đứng,* là sắc pháp phát sanh từ tâm, toàn thân đứng yên không cử động. ***Dáng đứng, tư thế đứng phải tự nhiên,*** không nên đứng kiểu này kiểu nọ, cũng không nên đứng trân người, làm mất dáng tự nhiên, làm che án thực tánh của nó.

Thực tánh của các pháp luôn luôn trong trạng thái tự nhiên, nên dáng đứng, tư thế đứng làm đối tượng của thiền tuệ cũng phải tự nhiên.

Sắc đứng trong trạng thái ***tĩnh*** [12]**,** thuộc về ***sắc pháp,*** dùng làm đối tượng để tiến hành thiền tuệ, đó chính là mỗi ***dáng đứng, tư thế đứng toàn thân đứng yên không cử động****(đối tượng hiện tại ngắn ngủi, nếu thân cử động, thì không còn dáng đứng, tư thế đứng).*

2- **Chủ thể:**

* Hành giả là người có ***chánh niệm*** (niệm thân) trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi***dáng đứng, tư thế đứng*** *toàn thân đứng yên không cử động,* theo dõi, ghi nhớ mỗi *dáng đứng, tư thế đứng tự nhiên toàn thân đứng yên không cử động,* đối tượng hiện tại ấy.

Hành giả không nên chú tâm ở một phần nào của thân; không nên có khái niệm về dáng đứng, tư thế đứng trong tâm, và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: ***sắc đứng,… sắc đứng,…*** hoặc ***đứng à,… đứng à….*** Bởi vì, khái niệm về dáng đứng, tư thế đứng; niệm tưởng sắc đứng trong tâm như vậy, thì đối tượng ***sắc đứng*** trở thành đối tượng ***chế định pháp,*** không phải chân nghĩa pháp. Cho nên, đối tượng ấy không phải là đối tượng của thiền tuệ.

Theo ***Chân nghĩa pháp***, thì đối tượng ***sắc đứng*** chính là mỗi ***dáng đứng, tư thế đứng****tự nhiên hiện rõ* ***toàn thân*** *đứng yên không cử động,* đối tượng hiện tại của *sắc đứng không ở trong* ***tâm tưởng.*** Nếu hành giả niệm tưởng ***sắc đứng*** trong tâm, thì sự trực nhận đối tượng***sắc đứng*** không đúng

chỗ (vị trí), hành giả không thể nào thấy rõ, biết rõ thực tánh của đối tượng ***sắc đứng ấy.***

Vì vậy, hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi ***dáng đứng, tư thế đứng*** *toàn thân đứng yên, không cử động* một cách tự nhiên.

* Hành giả là người có ***trí tuệ tỉnh giác*** thấy rõ, biết rõ mỗi ***dáng đứng, tư thế đứng***toàn thân đứng yên ấy, mỗi dáng đứng tư thế đứng gọi là ***"sắc đứng"*** có vô số dáng đứng, tư thế đứng, nên sắc đứng có vô số.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, có trí tuệ tỉnh giác thấy rõ biết rõ dáng đứng, tư thế đứng gọi là ***sắc đứng*** ấy đúng theo ***chánh kiến thiền tuệ,*** đồng thời có thể diệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng ***"ta đứng"*** và các phiền não khác *(diệt theo cách từng thời).*

Tóm lại, hành giả là người có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ mỗi dáng đứng, tư thế đứng toàn thân như thế nào, thì thấy rõ biết rõ mỗi dáng đứng, tư thế đứng toàn thân như thế ấy, ***một cách thoáng qua*** *(ví như chụp hình mỗi tư thế đứng khác biệt nhau).*

* Hành giả là người có ***tâm tinh tấn*** hỗ trợ cho *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác* tiến hành thiền tuệ liên tục không ngừng, để cho trí tuệ thiền tuệ được phát triển, *chánh kiến thiền tuệ*càng thấy rõ ***sắc đứng,*** thì đồng thời *tà kiến theo chấp ngã* tưởng lầm ***"ta đứng"*** bị lu mờ dần, cho đến khi tà kiến theo chấp ngã bị tiêu diệt hẳn, do năng lực của ***trí tuệ thiền tuệ.***

3- Sắc Ngồi

1- **Đối tượng sắc ngồi:**

Đó chính là mỗi ***dáng ngồi, tư thế ngồi***, là sắc pháp phát sanh từ tâm, toàn thân ngồi yên không cử động, thân phần trên ngồi thẳng, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi. ***Dáng ngồi, tư thế ngồi phải tự nhiên,*** không nên ngồi kiểu này, kiểu kia, làm mất dáng tự nhiên, làm che án thực tánh của nó.

Thực tánh của các pháp luôn luôn trong trạng thái tự nhiên, nên dáng ngồi, tư thế ngồi làm đối tượng của thiền tuệ cũng phải tự nhiên.

Sắc ngồi trong trạng thái ***tĩnh*** [13] **,** thuộc về ***sắc pháp,*** dùng làm đối tượng để tiến hành thiền tuệ, đó chính là mỗi ***dáng ngồi, tư thế ngồi toàn thân ngồi yên không cử động****(đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi, nếu thân cử động, thì không còn dáng ngồi, tư thế ngồi)****.***

2- **Chủ thể:**

* Hành giả là người có ***chánh niệm*** (niệm thân) trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi***dáng ngồi, tư thế ngồi toàn thân ngồi yên không cử***

động [14]**,** theo dõi ghi nhớ *mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi toàn thân, ngồi yên2 không cử động ấy.*

Hành giả không nên chú tâm ở một phần nào của thân; không nên có khái niệm về dáng ngồi, tư thế ngồi trong tâm, và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: ***sắc ngồi,… sắc ngồi,…*** hoặc ***ngồi à,… ngồi à….*** Bởi vì, khái niệm về dáng ngồi, tư thế ngồi; niệm tưởng sắc ngồi trong tâm như vậy, thì đối tượng ***sắc ngồi*** trở thành đối tượng ***chế định pháp,*** không phải chân nghĩa pháp. Cho nên, đối tượng ấy không phải là đối tượng của thiền tuệ.

Theo ***Chân nghĩa pháp***, thì đối tượng ***sắc ngồi*** chính là mỗi ***dáng ngồi, tư thế ngồi*** *tự nhiên hiện rõ* ***toàn thân*** *ngồi yên,* đối tượng hiện tại của *sắc ngồi không ở trong* ***tâm tưởng.***Nếu hành giả niệm tưởng ***sắc ngồi*** trong tâm, thì sự trực nhận đối tượng ***sắc ngồi*** không đúng chỗ (vị trí), hành giả không thể nào thấy rõ, biết rõ thực tánh của đối tượng ***sắc ngồi ấy.***

Vì vậy, hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi ***dáng ngồi, tư thế ngồi*** *toàn thân ngồi yên, không cử động* một cách tự nhiên.

* Hành giả là người có ***trí tuệ tỉnh giác*** thấy rõ, biết rõ mỗi ***dáng ngồi, tư thế ngồi***toàn thân ngồi yên ấy, mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi gọi là ***"sắc ngồi"*** có vô số dáng ngồi, tư thế ngồi, nên sắc ngồi có vô số.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, có trí tuệ tỉnh giác thấy rõ biết rõ dáng ngồi, tư thế ngồi gọi là ***sắc ngồi*** ấy đúng theo ***chánh kiến thiền tuệ,*** đồng thời có thể diệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng ***"ta ngồi"*** và các phiền não khác *(diệt theo cách từng thời).*

Tóm lại, hành giả là người có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi toàn thân như thế nào, thì thấy rõ biết rõ mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi toàn thân như thế ấy, ***một cách thoáng qua*** *(ví như chụp hình mỗi tư thế ngồi khác biệt nhau).*

* Hành giả là người có ***tâm tinh tấn*** hỗ trợ cho *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác* tiến hành thiền tuệ liên tục không ngừng, để cho trí tuệ thiền tuệ được phát triển, *chánh kiến thiền tuệ*càng thấy rõ ***sắc ngồi***, thì đồng thời *tà kiến theo chấp ngã* tưởng lầm ***"ta ngồi"*** bị lu mờ dần, cho đến khi tà kiến theo chấp ngã bị tiêu diệt hẳn, do năng lực của ***trí tuệ thiền tuệ.***

4- Sắc Nằm

1- **Đối tượng sắc nằm:**

Đó chính là mỗi ***dáng nằm, tư thế nằm,*** là sắc pháp phát sanh từ tâm, ***toàn thân nằm yên không cử động*** theo mỗi tư thế nằm. ***Dáng nằm, tư thế nằm phải tự nhiên,*** không nên nằm kiểu này, kiểu kia, làm mất dáng tự nhiên, làm che án thực tánh của nó.

Thực tánh của các pháp luôn luôn trong trạng thái tự nhiên, nên dáng nằm, tư thế nằm làm đối tượng của thiền tuệ cũng phải tự nhiên.

Sắc nằm trong trạng thá***i tĩnh*** [15] **,** thuộc về ***sắc pháp,*** dùng làm đối tượng để tiến hành thiền tuệ, đó chính là mỗi ***dáng nằm, tư thế nằm toàn thân nằm yên không cử động****(đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi, nếu thân cử động, thì không còn dáng nằm, tư thế nằm).*

2- **Chủ thể:**

* Hành giả là người có ***chánh niệm*** (niệm thân) trực nhận đúng ngay đối tượng mỗi***dáng nằm, tư thế nằm toàn thân nằm yên không cử động,*** theo dõi, ghi nhớ mỗi *dáng nằm, tư thế nằm toàn thân nằm yên không cử động ấy.*

Hành giả không nên chú tâm ở một phần nào của thân; không nên có khái niệm về dáng nằm, tư thế nằm trong tâm, và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: ***sắc nằm,… sắc nằm,…*** hoặc ***nằm à,… nằm à….*** Bởi vì, khái niệm về dáng nằm, tư thế nằm; niệm tưởng sắc nằm trong tâm như vậy, thì đối tượng ***sắc nằm*** trở thành đối tượng ***chế định pháp,*** không phải chân nghĩa pháp. Cho nên, đối tượng ấy không phải là đối tượng của thiền tuệ.

Theo ***Chân nghĩa pháp,*** thì đối tượng ***sắc nằm*** chính là mỗi ***dáng nằm, tư thế nằm****hiện rõ* ***toàn thân*** *nằm yên không cử động,* đối tượng hiện tại của *sắc nằm không ở trong* ***tâm tưởng.*** Nếu hành giả niệm tưởng ***sắc nằm*** trong tâm, thì sự trực nhận đối tượng ***sắc nằm***không đúng chỗ (vị trí), hành giả không thể nào thấy rõ, biết rõ thực tánh của đối tượng ***sắc nằm ấy.***

Vì vậy, hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận đúng ngay đối tượng, là theo dõi mỗi ***dáng nằm, tư thế nằm*** *toàn thân nằm yên, không cử động* một cách tự nhiên.

* Hành giả là người có ***trí tuệ tỉnh giác*** thấy rõ, biết rõ mỗi ***dáng nằm, tư thế nằm***toàn thân nằm yên ấy, mỗi dáng nằm, tư thế nằm gọi là ***"sắc nằm"*** có vô số dáng nằm, tư thế nằm, nên sắc nằm có vô số.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, có trí tuệ tỉnh giác thấy rõ biết rõ dáng nằm, tư thế nằm gọi là ***sắc nằm*** ấy đúng theo ***chánh kiến thiền tuệ,*** đồng thời

có thể diệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng ***"ta nằm"*** và các phiền não khác *(diệt theo cách từng thời).*

Tóm lại, hành giả là người có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ mỗi dáng nằm, tư thế nằm toàn thân như thế nào, thì thấy rõ biết rõ mỗi dáng nằm, tư thế nằm toàn thân như thế ấy, ***một cách thoáng qua*** *(ví như chụp hình mỗi tư thế nằm khác biệt nhau).*

* Hành giả là người có **tâm tinh tấn** hỗ trợ cho *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác* tiến hành thiền tuệ liên tục không ngừng, để cho trí tuệ thiền tuệ được phát triển, *chánh kiến thiền tuệ*thấy rõ ***sắc nằm,*** thì đồng thời *tà kiến theo chấp ngã* tưởng lầm ***"ta nằm"*** bị lu mờ dần, cho đến khi tà kiến theo chấp ngã bị tiêu diệt hẳn, do năng lực của ***trí tuệ thiền tuệ.***

Oai nghi chính – oai nghi phụ

Oai nghi chính luôn luôn cần có những oai nghi phụ hỗ trợ, như trường hợp thay đổi từ oai nghi cũ sang oai nghi mới, cần phải có những oai nghi phụ hỗ trợ để hoàn thành oai nghi mới. Ngoài ra, các oai nghi phụ phát sanh như đưa tay gải, cử động..., những trường hợp ấy, oai nghi chính không còn hiện hữu. Khi ấy, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác***trực nhận, trực giác ngay ***các oai nghi phụ*** ấy, cũng là ***sắc pháp*** phát sanh từ tâm. Khi các oai nghi phụ xong phận sự, hành giả trở lại đối tượng ***oai nghi chính*** ngay, để cho sự tiến hành thiền tuệ liên tục, không bị gián đoạn.

Khi hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ được sắc pháp - danh pháp hiện rõ trong mỗi oai nghi chính, mỗi oai nghi phụ thuộc sắc pháp. Nếu trường hợp có danh pháp nào phát sanh, thì chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác cũng thấy rõ biết rõ danh pháp ấy như:

- Khi ***nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần:*** hình dáng, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh thấy"*** *(không phải ta thấy).* [16]

- Khi ***nhĩ thức tâm nghe thanh trần:*** các âm thanh, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh nghe"*** *(không phải ta nghe).* [16]

- Khi ***tỷ thức tâm ngửi hương trần:*** các loại mùi, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh ngửi"*** *(không phải ta ngửi).* [16]

- Khi ***thiệt thức tâm nếm vị trần:*** các loại vị, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh nếm"*** *(không phải ta nếm).* [16]

- Khi ***thân thức tâm tiếp với xúc trần:*** cứng, mềm, nóng, lạnh,… hành giả nên có***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh tiếp xúc"*** *(không phải ta tiếp xúc).* [16]

- Khi ***ý thức tâm phóng tâm*** về chuyện này, chuyện kia phát sanh, hành giả nên có***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh phóng tâm"*** *(không phải ta phóng tâm, không nên quan tâm đến chuyện ấy).*

- Khi ***ý thức tâm xao lãng việc tiến hành thiền tuệ,*** suy nghĩ vấn đề khác, hành giả nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác ngay: ***"danh suy nghĩ"*** *(không phải ta suy nghĩ, không nên suy nghĩ đến vấn đề ấy)….*

Những trường hợp trên là nguyên nhân buông bỏ ***oai nghi chính,*** hành giả nên có***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trực nhận, trực giác thấy rõ, biết rõ ***danh pháp*** ấy xong; hành giả trở lại ngay đối tượng ***oai nghi chính,*** để cho sự tiến hành thiền tuệ được liên tục không bị gián đoạn.

Ngoài 4 oai nghi chính: ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** ra, còn có vô số ***oai nghi phụ*** thuộc sắc pháp phát sanh từ tâm, và các ***danh pháp*** cũng đều có thể là ***đối tượng thiền tuệ,*** *vì có thực tánh của sắc pháp, danh pháp; có sự sanh, sự diệt của sắc pháp, danh pháp; có ba trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của sắc pháp, danh pháp.*

Như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ không nên ***xem trọng danh pháp, sắc pháp này, xem khinh danh pháp, sắc pháp kia,*** đặt thiện tâm trung dung trong mọi đối tượng sắc pháp danh pháp, để cho sự tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo,*** dẫn đến thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; có thể thấy rõ trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp; dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Nguyên nhân không biết đối tượng chân nghĩa pháp

Thực tánh của danh pháp sắc pháp là có thật, là một sự thật hiển nhiên, đó là 6 đối tượng: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần (trừ chế định pháp) luôn luôn hiện rõ trong 6 lộ trình tâm: nhãn môn lộ trình tâm, nhĩ môn lộ trình tâm, tỷ môn lộ trình tâm, thiệt môn lộ trình tâm, thân môn lộ trình tâm và ý môn lộ trình tâm tuỳ theo mỗi đối tượng tương ứng với môn của chúng. Nhưng thực tế trong cuộc sống, đối với hàng phàm nhân, không phải là hành giả đang tiến hành thiền tuệ, thường không thấy,

không biết đến thực tánh của danh pháp sắc pháp thuộc chân nghĩa pháp, mà thường chỉ thấy, chỉ biết đến chế định pháp theo khái niệm ý nghĩa, hình dạng chế định trong tâm và danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên như: con người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia v.v……

Bởi do nguyên nhân nào không thấy, không biết thực tánh của danh pháp sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp; mà thường chỉ thấy, chỉ biết đến chế định pháp, theo khái niệm ý nghĩa chế định, danh từ ngôn ngữ chế định?

Sở dĩ, chúng ta không biết được thực tánh của danh pháp sắc pháp thuộc chân nghĩa pháp; là vì, những đối tượng danh pháp, sắc pháp hiện tại hiện ra và tồn tại (trụ) thời gian quá ngắn ngủi. Hơn nữa, mỗi sát na tâm biết đối tượng sanh rồi diệt lại càng quá mau lẹ *(chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm sanh diệt liên tục trải qua 1.000 tỷ lần)* qua các lộ trình tâm quá mau lẹ theo định luật tự nhiên của chúng.

Cho nên, đối tượng danh pháp sắc pháp thuộc chân nghĩa pháp vừa hiện rõ trong lộ trình tâm này, liền chuyển sang ý môn lộ trình tâm khác, trở thành đối tượng chế định pháp.

Tuy nhiên, nguyên nhân chính làm cho chúng ta không thấy không biết được thực tánh của danh pháp, sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp, đó là do ***vô minh*** bao trùm phủ kín trên đối tượng danh pháp sắc pháp ấy.

Theo thói quen của tâm thường biết đến đối tượng chế định pháp, theo khái niệm ý nghĩa chế định, danh từ ngôn ngữ chế định gọi tên khái niệm ý nghĩa ấy. Do đó, tâm không thể biết được thực tánh của danh pháp sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp.

Bí quyết pháp hành thiền tuệ

Để biết thực tánh của danh pháp, sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp*(paramatthadhamma),* hành giả tiến hành thiền tuệ cần phải biết bí quyết pháp hành thiền tuệ là ***"tâm chỉ cần biết thoáng qua".***

Tâm đó là đại thiện tâm có ***chánh niệm*** trực nhận đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp nào, ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác chỉ cần biết thoáng qua đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp ấy mà thôi.

Tại sao tâm chỉ cần biết thoáng qua?

Bởi vì, đối tượng ***danh pháp, sắc pháp hiện tại*** của ***chân nghĩa pháp****(paramatthadhamma)* hiện rõ trên ý môn lộ trình tâm vô cùng mau lẹ; cho nên, thiện tâm có chánh niệm trực nhận đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp nào, trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ngay đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp ấy ***chỉ cần biết thoáng qua*** mà thôi; thì đối tượng danh pháp

hoặc sắc pháp ấy vẫn còn trong lãnh vực thuộc ***chân nghĩa pháp.*** Nếu hành giả chú tâm lâu nơi đối tượng, thì đối tượng ấy vượt qua khỏi lãnh vực của đối tượng chân nghĩa pháp, chuyển sang đối tượng chế định pháp, không phải là đối tượng của pháp hành thiền tuệ. Vả lại, ***pháp hành thiền tuệ*** chỉ cần khaṇikasamādhi (sát na định) định tâm trên đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp hiện tại trong khoảnh khắc rất ngắn ngủi; khác với ***pháp hành thiền định*** phải có upacārasamādhi: cận định và appanāsamādhi: an định trên một đối tượng duy nhất, để có thể chứng đắc các bậc thiền sắc giới, thiền vô sắc giới.

Trong tiểu sử Ngài Đại Đức Ānanda (bậc Thánh Nhập Lưu) chứng đắc từ Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả cùng với thần thông trong khoảng thời gian thay đổi oai nghi ngồi sang oai nghi nằm, mà đầu chưa đụng gối.

Như vậy, Ngài chứng đắc 3 Thánh Đạo - 3 Thánh Quả bậc cao không trong oai nghi chính nào, chỉ trong oai nghi phụ mà thôi.

Cho nên, oai nghi chính - oai nghi phụ đều là đối tượng của pháp hành thiền tuệ, có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Bảng phân biệt đối tượng

6 thức tâm	Đt Paramatthadhamma	Đt Paññattidhamma
Nhãn thức tâm	Hình dáng →	Gọi là: "sắc trần"
Nhĩ thức tâm	Âm thanh →	Gọi là: "thanh trần"
Tỷ thức tâm	Các loại hương →	Gọi là: "hương trần"
Thiệt thức tâm	Các loại vị →	Gọi là: "vị trần"
Thân thức tâm	Cứng, mềm, nóng, lạnh... →	Gọi là: "xúc trần"
Ý thức tâm	**Tứ oai nghi**	
	Dáng đi, tư thế đi →	Gọi là: "sắc đi"
	Dáng đứng, tư thế đứng →	Gọi là: "sắc đứng"
	Dáng ngồi, tư thế ngồi →	Gọi là: "sắc ngồi"
	Dáng nằm, tư thế nằm →	Gọi là: "sắc nằm"
	Những oai nghi phụ	
	Thân cử động →	Gọi là: "sắc cử động", đưa lên, đưa xuống...
	Phóng tâm → Suy nghĩ → Biết đối tượng →	Gọi là: { "Danh phóng tâm" "Danh suy nghĩ"... "Tâm", v.v...

Vai Trò Của Đối Tượng Và Chủ Thể

1- Vai trò đối tượng:

Đó là 4 oai nghi chính: ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** thuộc về sắc pháp phát sanh từ tâm, xem như ***vai trò chính.***

Ngoài tứ oai nghi chính ra, còn có vô số oai nghi phụ cử động của thân như: *thay đổi từ oai nghi cũ này sang oai nghi mới khác,* cần phải nhờ đến nhiều oai nghi phụ hỗ trợ, để có thể hoàn thành oai nghi mới; và có những oai nghi phụ cử động riêng rẽ như: *đưa tay lên gãi ngứa, để tay xuống, duỗi chân ra, co chân vào,....* Tất cả những oai nghi phụ này, cũng là sắc pháp phát sanh từ tâm, xem như ***vai trò phụ.*** Tứ oai nghi chính và tất cả oai nghi phụ có giá trị tương đương nhau, cũng đều có thể làm ***đối tượng của thiền tuệ.***

Ngoài sắc pháp ra, còn những danh pháp là *tham tâm, sân tâm, si tâm, phóng tâm…*cũng đều là đối tượng của thiền tuệ, xem như ***vai trò phụ.***

Tất cả ***mọi sắc pháp,*** tất cả ***mọi danh pháp*** đều có giá trị tương đương; có thực tánh của mỗi sắc pháp, mỗi danh pháp phát sanh lên làm phận sự xong rồi đều phải diệt một cách tự nhiên; có 3 trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã;* đều dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, và Niết Bàn, như nhau cả thảy.

Tất cả mọi sắc pháp, mọi danh pháp đều là đối tượng của thiền tuệ, ví như ***những vai diễn trung thực*** trong một bộ phim, hay một vở tuồng.

2- Vai trò chủ thể:

Đó là ***chánh niệm*** trực nhận nơi đối tượng *dáng đi, tư thế đi, hoặc dáng đứng, tư thế đứng, hoặc dáng ngồi, tư thế ngồi, hoặc dáng nằm, tư thế nằm,* gọi là tứ oai nghi chính; và ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác nơi đối tượng *(mà chánh niệm trực nhận)* thấy rõ biết rõ dáng đi, tư thế đi gọi là ***"sắc đi"*** hoặc dáng đứng, tư thế đứng gọi là ***"sắc đứng";*** hoặc dáng ngồi, tư thế ngồi gọi là ***"sắc ngồi";*** hoặc dáng nằm, tư thế nằm gọi là ***"sắc nằm",*** đúng theo thực tánh của sắc pháp ấy, để diệt tà kiến thấy sai chấp lầm cho là ***ta.***

Ngoài ra, ***chánh niệm*** trực nhận, ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác mọi sự cử động của thân gọi là ***oai nghi phụ.*** 4 oai nghi chính, và các oai nghi phụ, đều thuộc về sắc pháp phát sanh từ tâm.

Và ***chánh niệm*** trực nhạn, ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác trạng thái các **tâm, tâm str**ong tam giới, gọi là ***danh pháp.***

Các đối tượng dầu là ***sắc pháp*** hay ***danh pháp*** cũng đều có giá trị tương đương như nhau; nghĩa là có thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc

pháp; có sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, đều có thể dẫn đến sự chứng ngộ sự thật chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, và Niết Bàn, như nhau cả thảy.

Cho nên, hành giả không nên xem trọng một sắc pháp, một danh pháp nào, cũng không nên xem khinh một sắc pháp, một danh pháp nào; để tránh mắc phải 2 cực đoan thuộc 2 biên kiến, để cho sự tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

Vậy, vai trò hành giả có ***chánh niệm*** trực nhận, ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác thấy rõ biết rõ các danh pháp, sắc pháp là đối tượng của pháp hành thiền tuệ, ví như vai trò người ***khán giả*** xem các ***vai chính, vai phụ*** trong một bộ phim hay một vở tuồng mà thôi.

Thật ra, đối tượng của pháp hành thiền tuệ đó là danh pháp, sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp. Cho nên, không có danh từ ngôn ngữ chế định nào có thể diễn tả được **thực tánh***trung thực của danh pháp, sắc pháp; mà chỉ thực hành đúng theo pháp hành thiền tuệ, khi trí tuệ thiền tuệ phát sanh mới có thể thấy rõ biết rõ được thực tánh của danh pháp, sắc pháp mà thôi.*

Do đó, phần thực hành ***đối tượng tứ oai nghi: sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm****, dầu giảng giải tỉ mỉ như thế nào đi nữa, cũng không thể nào diễn tả được* **thực tánh** *trung thực của sắc pháp, danh pháp đối tượng của thiền tuệ.*

Về **pháp hành thiền tuệ,** *hành giả tự học ở sách, rồi tự tiến hành thiền tuệ đúng theo****Pháp hành Trung đạo*** *không phải là việc dễ dàng!*

Trong pháp hành thiền tuệ, dầu hành giả là người có giới trong sạch, có định vững vàng, có tâm tinh tấn liên tục; nhưng chỉ cần **hiểu sai, hành sai** *một chút nào đó cũng có thể dẫn đến kết quả hoàn toàn khác, không thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế,....*

Vậy điều tốt hơn hết, hành giả nên tìm gặp vị Thiền sư ***thông thạo về pháp học, đầy đủ kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ,*** *để thân cận, nương nhờ học hỏi, để được sự chỉ dạy trực tiếp. Khi tiến hành thiền tuệ hành giả có thấy, có biết những pháp mà tự mình chưa có khả năng ý thức được, chưa nhận định được đúng hoặc sai; hành giả nên trình những pháp ấy, để vị Thiền sư nhận định phê bình đúng hay sai. Điều này rất cần thiết đối với hành giả, nhất là hành giả ban đầu tập tiến hành thiền tuệ.*

Chú thích:

[6] Bộ Dīghanikāya, Mahāvagga, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

[7] Majjhimanikāya, Mùlapannāsa, Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇnā .

[8] Yên: mỗi dáng đứng, tư thế đứng đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi.

[9] Chú giải Dīghanikāya, Mahāvaggaṭṭhakathā, và M. Mū. aṭṭhakathā, kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇnā .

[10] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Āḷavakasutta.

[11] Một cách thoáng qua: nghĩa là không cần chú tâm rõ ràng đối tượng quá, chỉ cần chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết thoáng qua đối tượng, nhờ tinh tấn nên càng lúc càng rõ thêm. Bởi vì, chú tâm nơi đối tượng quá, thì đối tượng không còn ở lãnh vực đối tượng paramattha, mà chuyển sang lãnh vực đối tượng paññatti.

[12] Trạng thái tĩnh: trong một giây lát ngắn ngủi của mỗi dáng đứng, tư thế đứng đối tượng hiện tại.

[13] Trạng thái tĩnh: trong một giây lát ngắn ngủi của mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi đối tượng hiện tại.

[14] Yên: mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi.

[15] Trạng thái tĩnh: trong một giây lát ngắn ngủi của mỗi dáng nằm, tư thế nằm đối tượng hiện tại.

[16] Ngũ thức tâm: nhãn thức tâm, nhĩ thức tâm, tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm chỉ có thể biết đối tượng thuộc về paramatthadhamma, không thể biết đối tượng paññattidhamma.

-ooOoo-

Chánh Niệm, Trí Tuệ Tỉnh Giác

Chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác *(satisampajañña)* đóng vai trò chủ thể chính yếu trong việc tiến hành thiền tuệ.

* ***Sati: niệm,*** đó là ***saticetasika:*** *niệm tâm sở* đồng sanh với 59 hoặc 91 tâm (ngoại trừ 12 bất thiện tâm, 18 vô nhân tâm), ghi nhớ tất cả 6 đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Trạng thái của Saticetasika: niệm tâm sở

1- Apilāpanalakkhaṇā: có trạng thái thường có trí nhớ biết mình hoặc không dễ duôi.

2- Asammohararasā: có phận sự không quên.

3- Ārakkhapaccupaṭṭhānā: giữ gìn đối tượng là quả hiện hành của niệm tâm sở.

4- Thirasaññāpadaṭṭhānā: có trí nhớ khắng khít là nguyên nhân gần của niệm tâm sở phát sanh.

Sati trong phần này chỉ đề cập đến *sammāsati: chánh niệm.*

Trong bài kinh Đại niệm xứ *(Mahāsatipaṭṭhānasutta)* Đức Phật dạy về chánh niệm như sau__

"Katamā ca bhikkhave sammāsati?...".

"Này chư Tỳ khưu, thế nào gọi là chánh niệm?

- Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu hay hành giả trong Phật giáo này:

1- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"thân trong thân"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

2- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"thọ trong thọ"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

3- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"tâm trong tâm"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

4- Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"pháp trong pháp"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này…".*

Này chư Tỳ khưu, như vậy gọi là chánh niệm". [17]

Đối tượng của chánh niệm đó là ***thân, thọ, tâm và pháp,*** ngoài ra các đối tượng khác không phải là đối tượng của chánh niệm.

Trong chú giải bài kinh này giải thích 4 đối tượng thân, thọ, tâm và pháp như sau__

1- <u>Thân</u>: *"Kāyo'va atthi":* ***Thân*** *chỉ là thân mà thôi, thuộc về sắc pháp, là pháp vô ngã: không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī), không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ta (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai cả (na koci), không phải của ai cả, v.v….*

Như vậy, thân *(kāya)* là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trong phần thân niệm xứ có 14 đối tượng thuộc về sắc pháp *paramattha:* chân nghĩa pháp.

2- <u>Thọ</u>: *"Vedanā'va atthi":* ***Thọ*** *chỉ là thọ mà thôi, thuộc về danh pháp, là pháp vô ngã: không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī), không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ta (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai cả (na koci), không phải của ai cả, v.v….*

Như vậy, thọ *(vedanā)* là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trong phần thọ niệm xứ có 1 đối tượng chia làm 9 loại thọ thuộc về danh pháp *paramattha:* chân nghĩa pháp.

3- <u>Tâm</u>: *"Cittam'va atthi":* ***Tâm*** *chỉ là tâm mà thôi, thuộc về danh pháp là pháp vô ngã: không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī), không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ta (na attaniyaṃ), không phải*

ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai cả (na koci), không phải của ai cả, v.v….

Như vậy tâm *(citta)* là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trong phần tâm niệm xứ có 1 đối tượng chia làm 16 loại tâm thuộc về danh pháp *paramattha:* chân nghĩa pháp.

4- <u>Pháp</u>: *"Dhammo'va atthi": **Pháp** chỉ là pháp mà thôi, thuộc về sắc pháp, danh pháp đều là pháp vô ngã: không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī), không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ta (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai cả (na koci), không phải của ai cả, v.v….*

Như vậy, pháp *(dhamma)* là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trong phần pháp niệm xứ có 5 đối tượng thuộc về sắc pháp – danh pháp *paramattha:* chân nghĩa pháp.

Đối tượng của pháp hành Tứ niệm xứ chỉ có thân, thọ, tâm, và pháp mà thôi, ngoài ra, các đối tượng khác, không phải là đối tượng của ***chánh niệm.***

Đối tượng của chánh niệm

- ***Thân*** thuộc sắc pháp là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.
- ***Thọ*** thuộc danh pháp là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.
- ***Tâm*** thuộc danh pháp là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.
- ***Pháp*** thuộc sắc pháp, danh pháp là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Hay nói cách khác, đối tượng của tứ niệm xứ đó là sắc pháp danh pháp; mà sắc pháp, danh pháp cũng là đối tượng của thiền tuệ.

Như vậy, hành giả ***tiến hành Tứ niệm xứ***, hay ***tiến hành thiền tuệ*** chỉ khác nhau về danh từ gọi, giống nhau về đối tượng và kết quả.

Sự ***tiến hành thiền tuệ*** cũng phải có ***thân, thọ, tâm, pháp*** làm đối tượng. Trong pháp hành thiền tuệ thường dùng đến danh từ **"danh pháp** *(nāma)*, **sắc pháp** *(rūpa)***"** để cho phù hợp với 16 loại trí tuệ của thiền tuệ; như trí tuệ thứ nhất gọi là Nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ từng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng.

*** Sampajañña: Trí tuệ tỉnh giác**

Trí tuệ dịch từ *paññā* đó là *paññācetasika: trí tuệ tâm sở* đồng sanh với 47 hoặc 79 tâm (ngoại trừ 12 bất thiện tâm + 18 vô nhân tâm + dục giới đại thiện tâm, đại quả tâm, đại duy tác tâm không hợp với trí tuệ), biết tất cả 6 đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Trạng thái của paññācetasika: trí tuệ tâm sở:

1- *Yathābhūtapaṭivedhalakkhaṇā:* có trạng thái thấy rõ biết rõ thực tánh các pháp.

2- *Visayobhāsanarasā:* có phận sự làm rõ ràng các đối tượng.

3- *Asammohapaccupaṭṭhānā:* không mê muội, sáng suốt trong các đối tượng là quả hiện hành của trí tuệ tâm sở.

4- *Yonisomanasikārapadaṭṭhānā:* có Yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng thái của tất cả các pháp là nguyên nhân gần của trí tuệ tâm sở phát sanh.

Trí tuệ trong phần này, đề cập đến vai trò ***trí tuệ tỉnh giác*** *(sampajañña).*

Trí tuệ tỉnh giác đóng vai trò chính yếu hỗ trợ trong việc tiến hành thiền tuệ, để dễ thấy rõ biết rõ danh pháp sắc pháp đúng theo thực tánh pháp hay chân nghĩa pháp.

Trí tuệ tỉnh giác diễn tiến qua 4 giai đoạn như sau:

1- *Sātthakasampajañña:* Trí tuệ tỉnh giác biết rõ lợi và bất lợi.

2- *Sappāyasampajañña:* Trí tuệ tỉnh giác biết rõ thuận tiện và bất tiện.

3- *Gocarasampajañña:* Trí tuệ tỉnh giác biết rõ được đối tượng và không biết rõ được đối tượng.

4- *Asammohasampajañña:* Trí tuệ tỉnh giác biết rõ được danh pháp, sắc pháp đúng theo thực tánh của các pháp.

Bốn pháp trí tuệ tỉnh giác này hỗ trợ cho việc ***tiến hành thiền tuệ*** được phát triển tốt.

Bốn pháp trí tuệ tỉnh giác hỗ trợ như thế nào?

Áp dụng vào đối tượng tứ oai nghi

Hành giả tiến hành thiền tuệ có 4 oai nghi: ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** làm đối tượng thiền tuệ.

Mỗi khi thay đổi từ oai nghi cũ sang oai nghi mới, cần phải có trí tuệ tỉnh giác sáng suốt biết chọn rằng: *"nên, hay không nên thay đổi oai nghi. Nếu bắt buộc phải thay đổi, nên thay đổi oai nghi nào, để cho việc tiến hành thiền tuệ được phát triển tốt".* Điều này cần phải có ***trí tuệ tỉnh giác*** biết suy xét, lựa chọn sáng suốt *chọn lấy điều lợi, bỏ điều bất lợi; chọn lấy điều thuận tiện, bỏ điều bất tiện; chọn lấy điều biết rõ đối tượng, bỏ điều không biết rõ đối tượng; cuối cùng, để cho trí tuệ tỉnh giác biết rõ sắc pháp, danh pháp đúng theo thực tánh của các pháp.*

Ví dụ:

Hành giả ***ngồi*** lâu cảm thấy nhức mỏi, đó là cảm giác khổ sanh từ thân, cần phải ***đi.***Nghĩa là cần phải thay đổi từ ***oai nghi ngồi*** sang ***oai nghi đi,*** để làm giảm bớt khổ trong oai nghi ngồi, hành giả phải nên biết áp dụng 4 pháp ***trí tuệ tỉnh giác*** theo tuần tự như sau__

1- Trí tuệ tỉnh giác biết rõ "sắc đi" lợi hay bất lợi.

- Nếu hành giả *đang ngồi* cảm thấy bực bội khó chịu, ***muốn đi*** cho thoải mái. Vậy, sự thay đổi sang "*sắc đi*" là ***bất lợi,*** vì thay đổi do năng lực của phiền não, thì không nên thay đổi.

- Khi ***trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ ***sắc ngồi*** khó chịu, vì cảm thấy nhức mỏi ***khổ bắt buộc***phải thay đổi sang ***"sắc đi"*** *cốt yếu làm giảm bớt khổ ở sắc ngồi cũ.* Như vậy, sự thay đổi sang ***"sắc đi"*** là có ***lợi,*** nên thay đổi.

2- Trí tuệ tỉnh giác biết rõ "sắc đi" thuận tiện hay bất tiện.

- ***Trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ *"sắc đi" có lợi*. Nếu xét thấy bên ngoài, đường đi kinh hành trời nắng nóng quá, hay trời đang mưa, thì sự thay đổi sang sắc đi là ***bất tiện***, *không nên thay đổi*.

- ***Trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ *"sắc đi" có lợi*, xét thấy bên ngoài đường đi kinh hành trời mát mẻ, không nắng, không mưa, không nóng, không lạnh. Như vậy, sự thay đổi sang sắc đi rất ***thuận tiện,*** *nên thay đổi.*

3- Trí tuệ tỉnh giác biết rõ hay không biết được đối tượng "sắc đi".

- ***Trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ *"sắc đi" có lợi và rất thuận tiện*. Nếu xét thấy bên ngoài đường đi kinh hành có nhiều người qua lại ồn ào, khó thu thúc lục căn cho được thanh tịnh. Chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác không thể biết rõ được đối tượng *"sắc đi",* thì *không nên thay đổi*.

- ***Trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ *"sắc đi" có lợi và rất thuận tiện*, xét thấy bên ngoài đường đi kinh hành vắng vẻ không có người qua lại, dễ thu thúc lục căn cho được thanh tịnh. Chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ được đối tượng ***"sắc đi".*** Như vậy, *nên thay đổi*.

4- Trí tuệ tỉnh giác biết rõ dáng đi, tư thế đi gọi là "sắc đi" thuộc sắc pháp.

- ***Trí tuệ tỉnh giác*** biết rõ ***"sắc đi"*** *có lợi, rất thuận tiện* và chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ được đối tượng ***"dáng đi, tư thế đi"*** gọi là ***"sắc đi"*** thuộc về ***sắc pháp,*** là ***pháp vô ngã,*** nên diệt được *tà kiến theo chấp ngã* là ***"ta đi"*** bằng *chánh kiến thiền tuệ.*

Các oai nghi khác ***sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm…*** cũng qua quá trình diễn tiến theo tuần tự 4 trí tuệ tỉnh giác như trên.

Sự diễn tiến tuần tự ***4 trí tuệ tỉnh giác,*** để có một sự ***lựa chọn sáng suốt thuận tiện,***hỗ trợ cho việc tiến hành thiền tuệ được phát triển tốt.

Trong ***4 trí tuệ tỉnh giác*** tuần tự hỗ trợ này, chỉ có ***trí tuệ tỉnh giác thứ tư*** là chính yếu, hỗ trợ trực tiếp cho việc ***tiến hành thiền tuệ*** được phát triển; trí tuệ thiền tuệ phát sanh để thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đúng theo ***thực tánh*** của nó; để thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; để thấy rõ, biết rõ ***ba trạng thái chung***: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp; dẫn đến sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn.***

Do đó, ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** đóng vai trò chính yếu trong việc ***tiến hành thiền tuệ.***

Vậy ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** *phát sanh do nhân duyên nào?*

Nhân duyên sanh chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác

Tất cả các pháp phát sanh đều do từ nhân duyên. Khi đầy đủ nhân duyên, thì quả phát sanh, nếu thiếu nhân duyên thì quả không phát sanh. ***Chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** cũng phát sanh do nhân duyên của nó.

Nên tìm hiểu nhân duyên phát sanh ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trong bài kinh*Avijjāsutta* [18]**.**

Trong bài kinh Avijjāsutta có một đoạn, Đức Phật dạy nhân quả liên hoàn tuần tự như sau:

1- Thường được gần gũi, thân cận bậc Thiện trí, mới có lắng nghe chánh pháp được đầy đủ.

2- Có lắng nghe chánh pháp được đầy đủ, mới có đức tin được đầy đủ.

3- Có đức tin được đầy đủ, mới có yonisomanasikāra được đầy đủ.

*4- Có yonisomanasikāra được đầy đủ, mới có **chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác** được đầy đủ.*

5- Có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác được đầy đủ, mới có thu thúc lục căn được đầy đủ.

6- Có sự thu thúc lục căn được đầy đủ, mới có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ.

7- Có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ, mới có Tứ niệm xứ được đầy đủ.

8- Có Tứ niệm xứ được đầy đủ, mới có Thất giác chi được đầy đủ.

*9- Có Thất giác chi được đầy đủ, mới có **trí minh** (vijjā) **Thánh Đạo Tuệ** và **giải thoát** (vimutti) **Thánh Quả Tuệ.***

Qua bài kinh trên đây, thì: ***"chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác"*** là quả được đầy đủ, là do nhờ có nhân *yonisomanasikāra* đầy đủ.

Vậy yonisomanasikāra là pháp như thế nào?

Ý Nghĩa Yonisomanasikāra

Yonisomanasikāra, phân tách có 3 từ ghép là: *Yoniso + manasi + kāra.*

- *Yoniso: bằng trí tuệ.*

- *Manasi: trong tâm.*

- *Kāra: sự làm*, có nghĩa là sự hiểu biết.

Vậy, *yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ,* đúng theo 4 trạng thái của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới là__

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường** (anicca),* thì trí tuệ hiểu đúng là ***"vô thường".***

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ** (dukkha),* thì trí tuệ hiểu đúng là ***"khổ".***

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã** (anattā),* thì trí tuệ hiểu đúng là ***"vô ngã"**(không phải ta).*

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái bất tịnh** (asubha),* thì trí tuệ hiểu đúng là ***"bất tịnh"** (không xinh đẹp).*

Trí tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng thái của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới là ***vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*** gọi là *yonisomanasikāra* làm nhân duyên để phát sanh ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.***

Như vậy, chính *yonisomanasikāra* cũng là pháp hỗ trợ thiết yếu cho ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** trong việc ***tiến hành thiền tuệ.***

Ý Nghĩa Ayonisomanasikāra

Ý nghĩa trái ngược lại với *yonisomanasikāra* là *ayoniso-manasikāra* như sau: *Ayoniso + manasi + kāra,* phân tách có 3 từ ghép.

- *Ayoniso: do không có trí tuệ, do si mê.*

- *Manasi: trong tâm.*

- *Kāra: sự làm, sự hiểu biết.*

Vậy, *ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do si mê, sai lầm* trong 4 trạng thái của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới là__

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường*** *(anicca),* do tâm si mê biết sai lầm cho rằng: ***"thường"*** *(niccavipallāsa).*

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ*** *(dukkha),* do tâm si mê biết sai lầm cho rằng:***"lạc"*** *(sukhavipallāsa).*

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã*** *(anattā*), do tâm si mê biết sai lầm cho rằng: ***"ngã"*** *(attavipallāsa).*

- Danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái bất tịnh*** *(asubha),* do tâm si mê biết sai lầm cho rằng: ***"tịnh"*** *(xinh đẹp, subhavipallāsa).*

Sự hiểu biết trong tâm do si mê, sai lầm, không đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp làm nhân duyên phát sanh ***tâm si mê, vô minh*** làm che án, bao trùm phủ kín mọi thực tánh của danh pháp, sắc pháp, nên không thấy không biết thực tánh của danh pháp, sắc pháp; không thấy rõ biết rõ sự sanh sự diệt của danh pháp, sắc pháp; không thấy rõ biết rõ ba trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp.

Do *ayonisomanasikāra* hiểu biết sai lầm trong tâm như vậy, làm nhân duyên phát sanh những điều *vipallāsa: điều hư ảo, sai lầm:*

Hư ảo *(vipallāsa)* có 3 loại:

- ***Tâm hư ảo*** *(cittavipallāsa):* Tâm biết sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho rằng:***"thường, lạc, ngã, tịnh".***

- ***Tưởng hư ảo*** *(saññāvipallāsa):* Tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho rằng:***"thường, lạc, ngã, tịnh".***

- ***Tà kiến hư ảo*** *(diṭṭhivipallāsa):* Thấy sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp cho rằng:***"thường, lạc, ngã, tịnh".***

Do đó, có 12 loại hư ảo (3 loại hư ảo nhân với 4 điều sai lầm).

Những điều hư ảo sai lầm này, làm nhân duyên phát sanh mọi phiền não tuỳ theo đối tượng, làm che án, bao trùm phủ kín mọi thực tánh của danh pháp sắc pháp. Vậy chỉ có*yonisomanasikāra* mới có thể diệt được 12 loại hư ảo ấy mà thôi.

Yonisomanasikāra phát sanh do nhân nào?

Trong bài kinh *Sotāpattiyangasutta* [19] Đức Phật dạy có 4 chi pháp cần thiết để trở thành ***bậc Thánh Nhập Lưu*** như sau__

1- *Sappurisasaṃseva:* Sự gần gũi thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo.

2- *Saddhammassavana:* Sự lắng nghe chánh pháp của bậc Thiện trí.

3- *Yonisomanasikāra:* Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp.

4- *Dhammānudhammapaṭipatti:* Sự tiến hành thiền tuệ hướng đến sự chứng đắc siêu tam giới pháp: 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Như vậy, muốn trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, hành giả cần phải có đủ điều kiện cần thiết, trải qua 3 giai đoạn:

* *Giai đoạn đầu tiên:* gần gũi, thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, để được lắng nghe chánh pháp, có đức tin trong sạch nơi chánh pháp của Ngài.

* *Gian đoạn giữa:* Có *Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ,* đúng theo 4 trạng thái của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới.

* *Giai đoạn cuối:* Việc ***tiến hành thiền tuệ*** đúng theo ***Pháp hành Trung đạo,*** để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Ayonisomanasikāra và Yonisomanasikāra

- *Ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do si mê* sai lầm trong 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp cho là ***"thường, lạc, ngã, tịnh",*** hoàn toàn sai lầm với thực tánh của danh pháp, sắc pháp có 4 trạng thái là ***vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh.***

Cho nên, *ayonisomanasikāra* là làm nhân duyên phát sanh ***tâm si mê,*** gọi là ***vô minh,***không thể thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp, không thể chứng ngộ được chân lý Tứ thánh đế.

- *Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ* đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp là ***vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh,*** nên ngăn ngừa được 12 loại hư ảo*(vipallāsa)* trong tâm; làm nhân duyên phát sanh ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác,*** đóng vai trò chính yếu trong việc tiến hành thiền tuệ để thấy rõ, biết rõ ***thực tánh*** của danh pháp, sắc pháp; để thấy rõ, biết rõ ***sự sanh sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; để thấy rõ, biết rõ ***ba trạng thái chung:*** *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của

danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Yonisomanasikāra có thể ngăn ngừa được phiền não, nhất là ***tham tâm,*** hài lòng nơi đối tượng, và ***sân tâm,*** không hài lòng nơi đối tượng, hỗ trợ cho sự ***tiến hành Tứ niệm xứ*** hay ***tiến hành thiền tuệ*** đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

Yonisomanasikāra có vai trò rất trọng yếu, vì là nguồn gốc phát sanh mọi thiện pháp, từ ***thiện pháp trong tam giới*** cho đến ***thiện pháp siêu tam giới*** đó là ***4 Thánh Đạo.***

Đối với hành giả tiến hành thiền tuệ, nếu chưa hiểu biết rõ *yonisomanasikāra* thường gặp phải 2 loại phiền não như sau:

- *Abhijjhā: Tham tâm,* hài lòng nơi đối tượng đáng hài lòng, đáng ưa thích, cho là tốt, đem lại sự lợi ích.

- *Domanassa: Sân tâm,* không hài lòng nơi đối tượng không đáng hài lòng, không đáng ưa thích, cho là xấu, không đem lại sự lợi ích,

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ có tứ oai nghi làm đối tượng pháp hành thiền tuệ, nếu không hiểu rõ *yonisomanasikāra,* khó tránh khỏi 2 loại phiền não: ***tham tâm,*** *hài lòng và* ***sân tâm,*** *không hài lòng* nơi đối tượng.

Ví dụ:

Khi hành giả đang ngồi, có ***chánh niệm*** trực nhận, ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác nơi ***dáng ngồi, tư thế ngồi*** ấy gọi là ***"sắc ngồi".***

- Nếu nghĩ rằng: *"Sắc ngồi này sẽ đem lại sự lợi ích",* thì sẽ phát sanh ***tham tâm, hài lòng nơi sắc ngồi*** ấy.

- Nếu một khi có ***phóng tâm*** phát sanh, ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** bị diệt, không còn thấy rõ, biết rõ ***sắc ngồi,*** nên nghĩ rằng: *"Phóng tâm đem lại sự tai hại",* thì sẽ phát sanh ***sân tâm, không hài lòng nơi phóng tâm*** ấy.

Như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ đã thiên về bên này ***tham tâm***, hoặc thiên về bên kia ***sân tâm***, không đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.*** Vì Pháp hành Trung đạo là pháp hành không thiên về bên nào, hay diệt được ***tham tâm,*** hài lòng nơi đối tượng, và diệt được ***sân tâm,*** không hài lòng nơi đối tượng.

Sở dĩ như vậy, là vì hành giả không hiểu rõ *yonisomanasikāra,* nên nhận thức sai lầm, đánh giá không đúng về đối tượng danh pháp, sắc pháp.

Xét về đối tượng: Nếu hành giả hiểu biết rõ *yonisomanasikāra* rằng: *"Tất cả mọi đối tượng, dầu là danh pháp hay sắc*

pháp thuộc Chân nghĩa pháp, đều có sự sanh, sự diêt; đều có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh như nhau. Tất cả đều có thể làm đối tượng thiền tuệ và có giá trị như nhau không hơn không kém". Nhờ vậy, tâm của hành giả nên đặt trung dung trong tất cả mọi đối tượng thiền tuệ.

Khi hành giả nhận thức đúng, đánh giá đúng về tất cả mọi đối tượng danh pháp, sắc pháp, nên không ***xem trọng*** danh pháp, sắc pháp này, cũng không ***xem khinh*** danh pháp, sắc pháp kia.

Do đó, hành giả không nghĩ sai lầm rằng: *"Sắc ngồi này sẽ đem lại sự lợi ích"* và*"Phóng tâm kia đem lại sự tai hại",* thì ***tham tâm,*** hài lòng không phát sanh từ nơi ***sắc ngồinày*** và ***sân tâm,*** không hài lòng cũng không phát sanh từ nơi ***danh phóng tâm kia.*** Nghĩa là, nhờ có *yonisomanasikāra* nên diệt được ***tham tâm*** và ***sân tâm*** trong tất cả mọi đối tượng danh pháp, sắc pháp.

Như vậy, sự tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành trung đạo,*** có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Trong đó, vai trò *yonisomanasikāra* là nhân duyên chính yếu hỗ trợ việc tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

Thay Đổi Oai Nghi

Mỗi khi thay đổi oai nghi là điều rất quan trọng, vì ở một thời điểm chuyển tiếp từ ***oai nghi cũ sang oai nghi mới,*** hành giả cần phải hiểu biết rõ *yonisomanasikāra* thế nào để ngăn ngừa được phiền não, nhất là ***sân tâm,*** không hài lòng nơi oai nghi cũ, và ***tham tâm,*** hài lòng nơi oai nghi mới.

Trường hợp không hiểu Yonisomanasikāra

Nếu hành giả không hiểu rõ *yonisomanasikāra* nơi ***oai nghi cũ, sắc ngồi***, cảm thấy mệt mỏi: ***"khổ",*** thì ***sân tâm,*** *(không hài lòng)* có thể nương nhờ nơi ***oai nghi cũ, sắc ngồi***mà phát sanh; nên ***muốn thay đổi*** sang ***oai nghi mới, sắc đi,*** để được *thoải mái an lạc.* Khi thay đổi sang ***oai nghi mới, sắc đi,*** thì ***tham tâm,*** *(hài lòng)* có thể nương nhờ ở ***oai nghi mới, sắc đi*** mà phát sanh. Và cứ như thế, ***sân tâm*** nương nhờ nơi ***oai nghi cũ*** mà phát sanh và ***tham tâm*** cũng nương nhờ nơi ***oai nghi mới*** mà phát sanh.

Như vậy, sự tiến hành thiền tuệ không đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

Trường hợp hiểu biết Yonisomanasikāra

Nếu hành giả hiểu biết rõ *yonisomanasikāra* nơi ***oai nghi cũ, sắc ngồi*** cảm thấy mệt mỏi: ***"khổ"*** biết rõ rằng: ***"sắc ngồi sanh khổ"*** không phải ***"ta khổ".*** Do đó, ***sân tâm,*** *(không hài lòng)* không thể nương nhờ ở *oai*

nghi cũ, sắc ngồi mà phát sanh; có nghĩa là ***diệt được sân tâm,*** *(không hài lòng) nơi oai nghi cũ, sắc ngồi.*

Do trí tuệ thấy rõ, biết rõ ***khổ đế*** nơi ***oai nghi cũ, sắc ngồi bắt buộc phải thay đổi***sang ***oai nghi mới, sắc đi, cốt yếu làm giảm bớt khổ ở oai nghi cũ.***

Khi thay đổi sang ***oai nghi mới, sắc đi*** là do ***khổ bắt buộc***, nên ***tham tâm,*** *(hài lòng)*không thể nương nhờ ở *oai nghi mới, sắc đi,* mà phát sanh; có nghĩa là ***diệt được tham tâm,****(hài lòng) nơi oai nghi mới, sắc đi.* Và cứ như thế, ***sân tâm*** không thể nương nhờ nơi ***oai nghi cũ*** mà phát sanh, và ***tham tâm*** cũng không thể nương nhờ nơi ***oai nghi mới*** mà phát sanh; nghĩa là, diệt được ***sân tâm*** ở ***oai nghi cũ*** và diệt được ***tham tâm*** ở ***oai nghi mới.***

Như vậy, sự tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

Hành giả khi đang thay đổi từ ***oai nghi chính cũ,*** sang ***oai nghi chính mới*** luôn luôn cần phải nhờ đến ***những oai nghi phụ,*** như mọi cử động của thân bắt đầu chuyển đổi từ ***oai nghi cũ*** cho đến khi hoàn thành ***oai nghi mới.*** Để cho sự tiến hành thiền tuệ liên tục, hành giả phải nên có *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác* theo dõi biết rõ quá trình chuyển biến từng mỗi ***oai nghi phụ,*** cũng là ***sắc pháp*** phát sanh từ tâm. Ví dụ như: bắt đầu cử động chuyển đổi từ ***oai nghi cũ, sắc ngồi*** cho đến khi hoàn thành ***oai nghi mới, sắc đi.***

Như vậy, sự tiến hành thiền tuệ có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh*** giác phát triển liên tục không bị gián đoạn.

Thay đổi oai nghi có 2 trường hợp

1- Trường hợp ***thọ khổ*** đã phát sanh ở oai nghi cũ, chính ***khổ đế*** này trực tiếp là nguyên nhân ***bắt buộc*** phải thay đổi oai nghi cũ sang oai nghi mới. Như trường hợp ở trên.

2- Trường hợp ***cần thiết*** xảy đến như: đau tiểu tiện, đau đại tiện, khát nước, đi uống nuớc, đói bụng, đi dùng cơm, đi tắm, đi giặt,… là những trường hợp cần thiết xảy ra, cũng gọi là ***"khổ đế"*** một cách gián tiếp; cho nên, cần phải thay đổi sang oai nghi mới, để giải quyết được ***khổ đế*** ấy.

Để nhận thức rõ thế nào là trường hợp cần thiết, hành giả nên tự đặt câu hỏi rằng:

- *Nếu không thay đổi sang oai nghi mới có được hay không?*

Câu trả lời trung thực và chính xác rằng:

- *"Không thay đổi, không thể được!".*

Như vậy, gọi là trường hợp ***cần thiết*** phải thay đổi oai nghi mới, để giải quyết khổ đế ấy.

Nếu câu trả lời trung thực và chính xác rằng:

- *"Không thay đổi, cũng được!"*.

Như vậy, gọi là trường hợp ***không cần thiết*** phải thay đổi sang oai nghi mới, thì hành giả không nên thay đổi, để ngăn ngừa mọi phiền não nương nhờ nơi oai nghi mới mà phát sanh, có thể làm trở ngại cho sự tiến hành thiền tuệ.

Trường hợp thay đổi do năng lực của phiền não

*** Thay đổi oai nghi do năng lực của tham tâm:**

Ví như ***tham tâm*** *muốn đi, muốn đứng, muốn ngồi, muốn nằm,...* để tiến hành thiền tuệ, mong được thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp….

*** Thay đổi oai nghi do năng lực của sân tâm:**

Ví như ***sân tâm*** không hài lòng ở oai nghi cũ, muốn thay đổi oai nghi mới cho được thoải mái an lạc.

*** Thay đổi oai nghi do năng lực của tâm si mê:**

Ví như ***tâm si mê*** không biết nguyên nhân nào, không biết mình, quên mình, thay đổi oai nghi mới ***theo thói quen,*** không có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Những ***oai nghi mới*** ấy, phát sanh từ ***bất thiện tâm,*** tâm bị phiền não làm ô nhiễm, không trong sạch, nên việc tiến hành thiền tuệ rất trở ngại; nhưng việc đã thay đổi oai nghi mới rồi, thì xem như việc đã qua ở quá khứ. Hành giả nên bắt đầu có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác ngay ở hiện tại, vẫn tiếp tục dùng oai nghi mới ấy làm đối tượng để tiến hành thiền tuệ. Hành giả *không nên thay đổi trở lại oai nghi trước, mà không có nguyên nhân chính đáng, để tránh khỏi sai lầm lần thứ hai.*

Sự thay đổi ***oai nghi mới,*** bắt buộc phải có ***nguyên nhân chính đáng,*** nhưng không bắt buộc phải theo một tuần tự nào (đi, đứng, ngồi, nằm), hay một quy tắc nào.

Hành giả xem xét thấy cần phải thay đổi ***oai nghi mới*** nào, thích hợp theo ***nơi chốn,***theo ***thời gian,*** thì nên thay đổi oai nghi mới ấy, để thuận tiện cho sự liên tục tiến hành thiền tuệ được phát triển tốt.

Ví dụ:

- Về ***nơi chốn:*** Khi thay đổi từ ***oai nghi ngồi*** sang ***oai nghi đi,*** phải có một nơi tương đối rộng rãi, có thể đi lại thuận tiện, không thể đi lại trong một chỗ quá chật hẹp làm cho tâm cảm thấy khó chịu.

- Về ***thời gian:*** Lúc ban đêm trước khi đi ngủ, nên thay đổi từ ***oai nghi ngồi*** sang ***oai nghi nằm,*** rất thuận tiện hơn các oai nghi khác. Hành giả có

chánh niệm trực nhận, trí tuệ tỉnh giác trực giác ngay ***dáng nằm, tư thế nằm,*** gọi là ***sắc nằm*** ấy cho đến khi ngủ ngon giấc. Khi vừa mới tỉnh giấc, chắc chắn phải có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác biết rõ ngay ***dáng nằm, tư thế nằm*** ấy trước tiên.

Sự liên tục tiến hành thiền tuệ được trình bày, có nghĩa là khi tiến hành thiền tuệ không nên để cho có một sự gián đoạn nào làm cho *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác bị đình trệ.*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, nên có sự tinh tấn liên tục không ngừng, theo dõi từ oai nghi chính sang tất cả mọi oai nghi phụ; mọi hành vi cử chỉ, như: *đại tiện, tiểu tiện, tắm rửa, giặt giũ, ăn uống v.v... từ khi tỉnh giấc ngủ, tiếp tục suốt ngày đêm một cách tự nhiên, cho đến khi nằm ngủ ngon giấc.*

Cứ như vậy, từ ngày đêm này sang ngày đêm khác, thì sự tiến hành thiền tuệ được phát triển và tăng trưởng tốt; vì rằng, ở vào thời đại chúng ta, con người phần đông phiền não nặng, trí tuệ kém; cho nên, chúng ta cần phải có sự tinh tấn liên tục không ngừng mới mong đạt đến mục đích giải thoát khổ.

Ví như người cần lửa, dùng 2 thanh củi khô cọ xát vào nhau liên tục không ngừng cho đến khi phát ra lửa. Nếu người ấy cọ xát một lát nghỉ, một lát nghỉ và cứ như thế thì chẳng bao giờ phát sanh ra lửa được.

Cũng như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ cần phải có ***tâm tinh tấn liên tục không ngừng,*** hỗ trợ cho chánh ***niệm, trí tuệ tỉnh giác*** tiến hành thiền tuệ được phát triển, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, để giải thoát khỏi khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Đức Phật dạy rằng:

"Viriyena dukkhamacceti…". [20]

"Chúng sinh giải thoát khỏi khổ do nhờ tâm tinh tấn".

Một người vốn có trí tuệ, nhưng không có sự tinh tấn, thì chẳng thành công được việc gì trong đời. Nhưng khi người ấy có chánh tinh tấn, thì sự thành công dễ dàng đối với họ.

Nếu người vốn có trí tuệ ấy, có duyên lành, có chánh tinh tấn tiến hành thiền tuệ, có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, và Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Đoạn kết của đối tượng 4 oai nghi

Đoạn kết của đối tượng 4 oai nghi, Đức Phật dạy rằng:

"Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati.

Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.

Ajjhattabahiddhāvā kāye kāyānupassī viharati…".

Phần Chú giải [21] của đối tượng 4 oai nghi giải thích rằng:

Iti ajjhattaṃ vā'*ti evaṃ attano vā catu iriyāpathaparig-gaṇhanena kāye kāyānupassī viharati.*

Bahiddhā vā'*ti parassa catu iriyāpathapariggaṇhanena.*

Ajjhattabahiddhā vā'*ti kālena attano, kālena parassa catu iriyāpathapariggaṇhanena kāye kāyānupassī viharati.*

Samudayadhammānupassī vā'*ti ādīsu pana "avijjā-samudayā rūpasamudayo"ti adinā nayena pañcahākārehi rūpakkhandhassa samudayo ca vayo ca nīharitabbo.*

Tañhi sandhāya idha "samudayadhammānupassī vā 'ti adi vuttaṃ.

Atthi kāyo'*ti vā parassā ti adi vuttasadisameva.*

Nghĩa:

* *Iti ajjhattaṃ vā:* hoặc Tỳ khưu (hành giả), có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ thân trong thân – 4 oai nghi bên trong của mình như vậy.

* *Bahiddhā vā:* hoặc Tỳ khưu (hành giả), có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ thân trong thân – 4 oai nghi bên ngoài của người khác như vậy.

* *Ajjhattabahiddhā vā:* hoặc Tỳ khưu (hành giả), có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi trực nhận, trực giác thấy rõ biết rõ thân trong thân – 4 oai nghi, khi thì bên trong của mình; khi thì bên ngoài của người khác như vậy.

* *Samudayadhammānupassī vā:* hoặc chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi thấy rõ biết rõ ***trạng thái sanh*** do bởi 5 nhân duyên sanh của sắc pháp: vô minh, tham ái, nghiệp, vật thực, trạng thái sanh của sắc pháp như vậy.

* *Vayadhammānupassī vā:* hoặc chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi thấy rõ biết rõ***trạng thái diệt*** do bởi 5 nhân duyên diệt của sắc pháp: vô minh, tham ái, nghiệp, vật thực, trạng thái diệt của sắc pháp như vậy.

* *Samudayavayadhammānupassī vā:* hoặc chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác theo dõi thấy rõ biết rõ khi thì ***trạng thái sanh*** do bởi 5 nhân duyên sanh của sắc pháp; khi thì ***trạng thái diệt*** do bởi 5 nhân duyên diệt của sắc pháp, như vậy.

* *Atthi kāyo:* chỉ là thân mà thôi. Thân trong đối tượng này là 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm thuộc về sắc pháp là pháp vô ngã: *không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī), không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ngã (ta) (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai (na koci), không phải của ai, v.v….*

Chánh niệm trực nhận dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm… cốt để cho chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác được phát triển, tăng trưởng *(sati sampajaññānaṃ vuṇṇhatthāya).*

* *Anisito ca viharati:* hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác hoàn toàn trong sạch thanh tịnh, không có tà kiến và tham ái nương nhờ trong dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm….

* *Na ca kiñci loke upādīyati:* tâm không còn chấp thủ do bởi tà kiến, tham ái cho rằng: "ta, của ta" nào trong ngũ uẩn này nữa. (Đó là tâm của bậc Thánh Arahán).

Như vậy, đối tượng tứ oai nghi trong phần niệm thân này có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả; đến Arahán Thánh Đạo – Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng.

Nhận xét về đoạn kết

Mỗi đoạn kết của 21 đối tượng trong kinh Đại Tứ Niệm Xứ đều bắt đầu: *"Iti ajjhattaṃ vā…".*

- *Iti ajjhattaṃ vā:* hoặc đối tượng bên trong của mình như: hơi thở vô – hơi thở ra bên trong của mình; 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, bên trong của mình v.v… điều ấy không có gì đáng thắc mắc.

- *Bahiddhā vā:* hoặc đối tượng bên ngoài của người khác như: hơi thở vô – hơi thở ra bên ngoài của người khác; 4 oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, bên ngoài của người khác v.v… như thế nào?

Thật ra, hành giả tiến hành pháp hành Tứ niệm xứ, hoặc pháp hành thiền tuệ đã đến giai đoạn có khả năng phát sanh trí tuệ thứ nhất gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa:* Trí tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ từng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ***bên trong của mình*** đúng theo thực tánh các pháp đều là ***pháp vô ngã,*** có chánh kiến thiền tuệ *(Vipassanāsammādiṭṭhi),* đạt đến thanh tịnh gọi là *Diṭṭhivisuddhi: Chánh kiến thanh tịnh.* Và trí tuệ phát triển

tiến hoá tuần tự phát sanh trí tuệ thứ nhì gọi là *Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa:* Trí tuệ thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp: với *paccakkhañāṇa:* trí tuệ trực tiếp thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ***bên trong** (ajjhatta) **của mình như thế nào;*** và bằng *anumānañāṇa:* trí tuệ gián tiếp thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp ***bên ngoài** (bahiddhā) **của người khác, chúng sinh khác phát sanh cũng do nhân duyên như thế ấy.*** Cho nên, trí tuệ thứ nhì này đạt đến thanh tịnh gọi là*Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh.*

Do nhờ trí tuệ thứ nhì này, hành giả không có hoài nghi về sự sanh của danh pháp, sắc pháp bên trong của mình; hoặc danh pháp, sắc pháp bên ngoài của người khác.

Như vậy, *"bahiddhā vā":* Hoặc đối tượng bên ngoài của người khác, không phải là đối tượng thật ở hiện tại, mà chỉ là đối tượng của trí tuệ suy tư đúng đắn, do nhờ trí tuệ thứ nhì thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp bên trong của mình làm nền tảng.

- *Samudayadhammānupassī vā:* Hoặc trí tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ ***trạng thái sanh***của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên sanh, đó là trí tuệ thứ nhì gọi là*Nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa:* Trí tuệ thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- *Vayadhammānupassī vā:* Hoặc trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ ***trạng thái diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, đó là trí tuệ thứ ba gọi là *Sammasanañāṇa:*Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp sắc pháp do nhân duyên diệt, nên thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp sắc pháp.

- *Samudayavayadhammānupassī vā:* Hoặc trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên sanh, nhân duyên diệt ngay hiện tại, nên thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp sắc pháp. Đó là trí tuệ thiền tuệ thứ tư gọi là *Udayabbayañāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại, nên thấy rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp sắc pháp. v.v....

- *Atthi kāyo:* nghĩa là chỉ là ***thân*** mà thôi, sắc thân thuộc sắc pháp là pháp vô ngã.

- *Anisito ca viharati:* nghĩa là hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác hoàn toàn trong sạch thanh tịnh, không có ***tà kiến*** nương nhờ và cũng không có ***tham ái*** nương nhờ nơi đối tượng sắc thân, hoặc danh pháp, sắc pháp.

- *Na ca kiñci loke upādīyati:* nghĩa là tâm không còn chấp thủ cho rằng: "ta, của ta" nào trong ngũ uẩn (sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn); hoặc sắc pháp, danh pháp này nữa. Đó là tâm của bậc Thánh Arahán.

Tóm lại, tất cả 21 đối tượng trong Tứ niệm xứ (thân niệm xứ có 14 đối tượng, thọ niệm xứ có 1 đối tượng chia làm 9 loại thọ, tâm niệm xứ có 1 đối tượng chia làm 16 loại tâm, pháp niệm xứ có 5 đối tượng) mỗi đối tượng đều có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả; Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả; Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả; đến Arahán Thánh Đạo – Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng, tuỳ theo duyên lành, 5 pháp chủ *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ)* và ba la mật của mỗi hành giả.

Chú thích:

[17] Bộ Dīghanikāya, phần Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

[18] Bộ Aṅguttaranikāya, phần Dasakanipāta, Kinh Avijjāsutta.

[19] Bộ Samyuttanikāya, phần Mahāvagga, Kinh Sotāpattiyangasutta.

[20] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Āḷàvakasutta.

[21] Majjhimanikāya, Mūl., kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇnā .

-ooOoo-

5. KẾT QUẢ CỦA PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ

Kết quả của pháp hành thiền tuệ là những kết quả diễn tiến theo nhân quả tuần tự như sau:

- Đầu tiên hành giả nên tìm đến một bậc Thiện trí trong Phật giáo, là một vị ***Thiền sư***thông thạo về pháp học, có đầy đủ kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ, để làm nơi nương nhờ.

- Hành giả là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có đức tính nhẫn nại, lắng nghe, học hỏi, nghiên cứu để hiểu rõ ***đối tượng của thiền tuệ,*** đó là tất cả mọi danh pháp mọi sắc pháp thuộc về ***Chân nghĩa pháp*** *(Paramatthadhamma),* hoặc ***Thực tánh pháp****(Sabhāvadhamma).*

- Hành giả là người có giới hạnh trong sạch để làm nền tảng cho định và tuệ.

- Khi tiến hành thiền tuệ, hành giả cần phải hiểu biết rõ về *yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ đúng theo 4 trạng thái của mọi danh pháp, sắc pháp,* để ngăn ngừa tâm ***vô minh*** *(avijjā)* làm che án thực tánh của danh pháp, sắc pháp và những điều ***hư ảo*** *(vipallāsa).*

- Hành giả tiến hành thiền tuệ đúng theo ***Pháp hành Trung đạo,*** để diệt được tham tâm (hài lòng) và sân tâm, (không hài lòng) ở đối tượng danh pháp, sắc pháp.

- Hành giả ***tiến hành thiền tuệ*** đúng, có khả năng dẫn đến kết quả là phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** *(vipassanāñāṇa)* theo tuần tự, từ thấp lên cao, từ ***trí tuệ thiền tuệ tam giới****(lokiyavipassanā),* đến ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới*** *(lokuttaravipassanā),* gồm có 16 trí tuệ thiền tuệ.

16 TRÍ TUỆ THIỀN TUỆ (VIPASSANĀÑĀṆA)

1- Trí Tuệ Thứ Nhất *(Nāmarūpaparicchedañāṇa)*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, có ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc ***Chân nghĩa pháp,*** hoặc***Thực tánh pháp*** làm ***đối tượng***, có ***chánh niệm*** trực nhận ngay nơi đối tượng danh pháp, sắc pháp nào; có ***trí tuệ tỉnh giác*** trực giác ngay đối tượng danh pháp, sắc pháp ấy hiện tại; có***tâm tinh tấn*** không ngừng, cho đến khi ***trí tuệ thứ nhất*** phát sanh, gọi là*Nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng là pháp vô ngã.*

Trí tuệ thứ nhất này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***trạng thái riêng biệt*** của danh pháp, sắc pháp là:

- Tất cả ***danh pháp*** có trạng thái riêng là: ***"hướng tâm biết đối tượng"****(namanalakkhaṇa).*

- Tất cả ***sắc pháp*** có trạng thái riêng là: ***"hủy hoại, biến đổi do nhân duyên đối nghịch*** *như nóng lạnh, đói khát,…" (ruppanalakkhaṇa).*

Và còn có khả năng thấy rõ, biết rõ từng *trạng thái riêng biệt của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp (visesalakkhaṇa).*

Trí tuệ thứ nhất này không những có khả năng thấy rõ, biết rõ ***đối tượng*** *danh pháp, sắc pháp* đúng theo thực tánh của chúng, mà còn có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***chủ thể:****danh pháp,* tâm biết đối tượng nữa.

- ***Danh pháp*** là đối *tượng thiền tuệ,* chỉ có ***81 tâm trong tam giới*** *(trừ 8 hay 40 siêu tam giới tâm),* và ***52 tâm sở.***

- ***Sắc pháp*** là *đối tượng thiền tuệ,* thì chỉ có ***18 sắc pháp thật*** *(nipphan-narūpa), (trừ 10 sắc pháp không thật (anipphannarūpa)).*

Sự thật thực tánh của danh pháp, sắc pháp trước đây bị màn ***vô minh*** *(avijjā)* bao trùm, phủ kín không thấy rõ, lại còn ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* thấy sai chấp lầm từ ***danh pháp, sắc pháp*** cho là ***ta,*** là ***người,*** là ***đàn ông,*** là ***đàn bà,*** là ***chúng sinh*** nào đó, ….

Hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** đến khi ***trí tuệ thứ nhất*** phát sanh thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thực tánh*** mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo *Chân nghĩa pháp* là:

- *Danh pháp chỉ là danh pháp.*
- *Sắc pháp chỉ là sắc pháp.*
- *Danh pháp là một, sắc pháp là một.*
- *Trong danh pháp không có sắc pháp.*
- *Trong sắc pháp không có danh pháp.*
- *Danh pháp, sắc pháp đều là Pháp Vô Ngã, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh nào và cũng không phải vật này, vật kia,….* Khi ấy, mới diệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* từng thời *(tadaṅgapahāna).*

Ví dụ:

Trước đây ông A đi đường vào ban đêm, không mang theo đèn, nhìn thấy ***sợi dây*** *ngoằn ngoèo giống như con rắn nằm giữa đường. Ông thấy sai, tưởng lầm từ sợi dây ngoằn ngoèo kia cho là* ***con rắn độc,*** *ông phát sanh tâm sợ hãi, tránh xa con rắn độc ấy mà đi.*

Đến nay, ông A gặp được bậc Thiện trí khuyên dạy, trao cho một ngọn đèn, dẫn trở lại ngay chỗ sợi dây ngoằn ngoèo ấy. Ông A rọi đèn chiếu sáng, tận mắt nhìn thấy rõ sự thật ***sợi dây chỉ là sợi dây,*** *không phải con rắn độc như đã thấy sai, tưởng lầm trước kia. Tâm của ông A trở lại tự nhiên không còn sợ hãi như trước.*

Qua ví dụ trên nên hiểu rằng:

- *Sợi dây* ám chỉ đến danh pháp, sắc pháp.
- *Thấy sai, tưởng lầm từ sợi dây cho là con rắn độc:* nghĩa là thấy sai tưởng lầm từ danh pháp, sắc pháp cho là ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia v.v….
- *Rọi đèn chiếu sáng, tận mắt nhìn thấy rõ sợi dây chỉ là sợi dây, không phải con rắn độc:* nghĩa là, khi trí tuệ thứ nhất phát sanh, như ánh sáng trí tuệ thấy rõ biết rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng với thực tánh của chúng đều là pháp vô ngã, không phải ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia v.v….

Như vậy trí tuệ thứ nhất này trở lại thấy rõ biết rõ sự thật thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều là pháp vô ngã, nên diệt *diệt từng thời (tadaṅgapahāna)* được ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi),* hoặc ***ngũ uẩn tà kiến*** *(sakkāyadiṭṭhi)* cả đối tượng lẫn chủ thể; nên gọi là ***chánh kiến thiền tuệ*** *(vipassanāsammādiṭṭhi),* đồng thời đạt đến ***chánh kiến thanh tịnh*** *(diṭṭhivisuddhi).*

Diṭṭhivisuddhi: chánh kiến thanh tịnh

Đối với hạng phàm nhân còn có ngũ uẩn tà kiến, khi thấy, nghe, ngửi, nếm, tiếp xúc và biết không thể tách rời khỏi tà kiến thấy sai chấp lầm rằng: ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh, vật này, vật kia,….

Đối với hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi trí tuệ thứ nhất phát sanh gọi là *"Nāmarūpaparicchedañāṇa":* trí tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng là pháp vô ngã. *Chánh kiến thiền tuệ* phát sanh, mới diệt từng thời được *ngũ uẩn tà kiến.* Cho nên, khi nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần, nhĩ thức tâm nghe thanh trần, tỷ thức tâm ngửi hương trần, thiệt thức tâm nếm vị trần, thân thức tâm tiếp xúc trần, ý thức tâm biết pháp trần, nhờ trí tuệ thứ nhất này có khả năng phân tích thấy rõ, biết rõ từng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng đều là ***pháp vô ngã,*** không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh, không phải vật này, vật kia….

Trí tuệ thứ nhất *Nāmarūpaparicchedañāṇa* thấy đúng, biết đúng thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp thuộc chân nghĩa pháp là pháp vô ngã, nên đạt đến thanh tịnh gọi là *diṭṭhivisuddhi: chánh kiến thanh tịnh,* là thanh tịnh thứ nhất của pháp hành thiền tuệ; và là thanh tịnh thứ 3 trong 7 pháp thanh tịnh.

Vai trò của trí tuệ thứ nhất

Trong 16 trí tuệ thiền tuệ, trí tuệ thứ nhất đóng vai trò tối quan trọng là:

Hành giả tiến hành thiền tuệ, phát sanh ***trí tuệ thứ nhất*** thấy rõ biết rõ được thực tánh của danh pháp, sắc pháp thuộc ***Chân nghĩa pháp*** hay ***Thực tánh pháp,*** là ***pháp vô ngã*** và thấy rõ, biết rõ được sự thật chân lý của danh pháp, sắc pháp trong tam giới đều là ***khổ đế.***

Điều đó có thể nói rằng, lần đầu tiên, hành giả gặp được ***"Vị Chân Sư",*** đó là ***danh pháp, sắc pháp.*** Chính vị Chân Sư danh pháp, sắc pháp này sẽ trực tiếp dạy cho trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ rằng:

- *Danh pháp, sắc pháp đều là pháp vô ngã.*

- Danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng.

- Danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường.

- Danh pháp, sắc pháp có trạng thái khổ.

- Danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô ngã.

- Dẫn đến sự chứng ngộ từ chân lý Tứ thánh đế trong tam giới cho đến siêu tam giới, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Như vậy vai trò vị ***Chân Sư: danh pháp, sắc pháp*** dắt dẫn giảng dạy tỉ mỉ sự thật chân lý từ tam giới đến siêu tam giới, qua 2 giai đoạn như sau:

* Giai đoạn đầu: ***Danh pháp, sắc pháp trong tam giới*** dắt dẫn giảng dạy từ ***trí tuệ thứ nhất*** gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa* cho đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12*** gọi là *Anulomañāṇa,*chấm dứt phận sự đối tượng của danh pháp, sắc pháp trong tam giới.

* Giai đoạn cuối cùng: Đối tượng danh pháp, sắc pháp trong tam giới chuyển sang***danh pháp Niết Bàn siêu tam giới*** làm đối tượng, dẫn đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 13*** gọi là*Gotrabhuñāṇa,* ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14*** gọi là *Maggañāṇa* và ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15*** gọi là *Phalañāṇa,* chấm dứt phận sự của đối tượng danh pháp Niết Bàn siêu tam giới.

Thật vậy, chỉ có ***hạt muối*** mới cho ta biết được ***vị mặn,*** chỉ có ***trái chanh*** mới cho ta biết được ***vị chua;*** ngoài hạt muối, trái chanh ra, không có một ai khác có khả năng cho ta biết được vị mặn, vị chua. Cũng như, chỉ có danh pháp, sắc pháp mới có khả năng cho ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ được ***danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã; sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.*** Ngoài danh pháp, sắc pháp ra, không có một ai có khả năng cho biết được ***sự thật thực tánh của các pháp như vậy.***

Do đó, vai trò ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc ***Chân nghĩa pháp*** tối quan trọng trong pháp hành thiền tuệ.

Và ***trí tuệ thứ nhất*** này, thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp làm nền tảng, làm nhân để cho những trí tuệ thiền tuệ khác tuần tự phát sanh cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ 16. Nghĩa là từ trí tuệ thiền tuệ trong tam giới, cho đến trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới đều nương nhờ ***trí tuệ thứ nhất*** làm nền tảng.

Trí tuệ thứ nhất làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thứ nhì.

2- Trí Tuệ Thứ Nhì *(Paccayapariggahañāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ phát triển và tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thứ nhì, gọi là: *Nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.*

Trí tuệ thứ nhì này phát sanh do nương nhờ trí tuệ thứ nhất làm nhân duyên, làm nền tảng, có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp*** phát sanh đều do nhân duyên riêng biệt của chính nó. Ngoài ra, không có một ai có quyền năng tạo ra được một danh pháp, sắc pháp nào.

Trí tuệ thứ nhì có khả năng thấy rõ, biết rõ ***nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp*** khác nhau, tùy theo căn duyên quan điểm của mỗi hành giả. Song đặc biệt đều dẫn đến kết quả diệt được sự ***hoài nghi*** ở danh pháp, sắc pháp.

Nhân duyên phát sanh danh pháp, sắc pháp theo quan điểm nguồn gốc

*** Nhân duyên phát sanh sắc pháp.**

Số hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thứ nhì*** phát sanh thấy rõ, biết rõ sắc thân (sắc pháp) bắt nguồn từ khi đầu thai vào lòng mẹ (con người và một số loài súc sanh), do bởi 5 nhân duyên [22] :

1- Avijjā: ***Vô minh,*** là không biết chân lý Tứ thánh đế.

2- Taṇhā: ***Tham ái,*** là nhân dắt dẫn tái sanh.

3- Upādāna: ***Chấp thủ,*** là sự cố chấp trong ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp cho là ta.

4- Kamma: ***Nghiệp,*** đó là thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp cho quả tái sanh.

5- Āhāra: ***Vật thực,*** là đồ ăn nuôi dưỡng sắc thân.

Trong đó, vô minh, tham ái, chấp thủ và nghiệp là nhân *(hetu),* còn vật thực nuôi dưỡng là duyên *(paccaya),* được phân chia ra 3 phận sự như sau:

- ***Vô minh, tham ái, chấp thủ,*** là nhân nương nhờ tái sanh; ví như ***người mẹ,*** là nơi nương nhờ để cho đứa con đầu thai sanh ra.

- ***Nghiệp:*** thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp, là nhân cho quả tái sanh kiếp sau; ví như ***người cha*** giúp tạo nên đứa con.

- ***Vật thực,*** là duyên nuôi dưỡng cho sắc thân phát triển; ví như ***người vú nuôi,*** nuôi đứa trẻ trưởng thành.

Sắc thân (sắc pháp) phát sanh do nương nhờ ở 5 nhân duyên này. Ngoài ra, chắc chắn không có một Đấng Tạo Hoá nào khác có khả năng tạo nên được sắc thân.

Do đó, hành giả không còn ***hoài nghi*** trong ***sự sanh của sắc pháp.***

*** Nhân duyên phát sanh danh pháp.**

Mỗi danh pháp phát sanh do nhiều nhân duyên riêng biệt của chính nó. Nếu trường hợp thiếu một nhân duyên nào thì danh pháp ấy không thể phát sanh được.

1- ***Danh thấy sắc trần:*** Đó là ***2 nhãn thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên: ***sắc trần*** (hình dạng) tiếp xúc với ***nhãn tịnh sắc*** (mắt). Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***nhãn thức tâm,*** là tâm phát sanh do nhờ nhãn tịnh sắc làm phận sự nhìn thấy sắc trần ấy. Gọi là***danh thấy sắc trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** [23] dạy:

Hai ***nhãn thức tâm*** phát sanh lên được do bởi 4 nhân duyên là:

1- Nhãn tịnh sắc tốt (mắt không bị mù).

2- Sắc trần, (hình dạng rõ ràng) tiếp xúc với nhãn tịnh sắc.

3- Ánh sáng đủ nhìn thấy rõ.

4- Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận sắc trần.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***nhãn thức tâm*** phát sanh, làm phận sự nhìn thấy sắc trần.

2- ***Danh nghe thanh trần:*** Đó là 2 ***nhĩ thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên: ***thanh trần*** (âm thanh) tiếp xúc với ***nhĩ tịnh sắc*** (tai). Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***nhĩ thức tâm,*** là tâm phát sanh do nhờ nhĩ tịnh sắc làm phận sự nghe thanh trần. Gọi là ***danh nghe thanh trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** dạy:

Hai ***nhĩ thức tâm*** phát sanh lên được do bởi 4 nhân duyên là:

1- Nhĩ tịnh sắc tốt (tai không bị điếc).

2- Thanh trần (âm thanh) tiếp xúc với nhĩ tịnh sắc.

3- Không gian không bị vật cản.

4- Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận thanh trần.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***nhĩ thức tâm*** phát sanh, làm phận sự nghe thanh trần.

3- ***Danh ngửi hương trần:*** Đó là 2 ***tỷ thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên: ***hương trần*** (các loại mùi) tiếp xúc với ***tỷ tịnh sắc*** (mũi). Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***tỷ thức tâm*** là tâm phát sanh do nhờ tỷ tịnh sắc làm phận sự ngửi hương trần. Gọi là ***danh ngửi hương trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** dạy:

Hai ***tỷ thức tâm*** phát sanh lên được do bởi 4 nhân duyên là:

1- Tỷ tịnh sắc tốt (mũi không bị nghẹt).

2- Hương trần (các loại mùi) tiếp xúc với tỷ tịnh sắc.

3- Chất gió đưa mùi hương đến mũi.

4- Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận hương trần.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***tỷ thức tâm*** phát sanh làm phận sự ngửi hương trần.

4- ***Danh nếm vị trần:*** Đó là 2 ***thiệt thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên: ***vị trần***(các loại vị) tiếp xúc với ***thiệt tịnh sắc*** (lưỡi). Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***thiệt thức tâm*** là tâm phát sanh do nhờ thiệt tịnh sắc làm phận sự nếm vị trần. Gọi là ***danh nếm vị trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** dạy:

Hai ***thiệt thức tâm*** phát sanh lên được do bởi 4 nhân duyên là:

1- Thiệt tịnh sắc tốt (lưỡi tốt).

2- Vị trần (các loại vị) tiếp xúc với thiệt tịnh sắc.

3- Chất nước miếng.

4- Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận vị trần.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***thiệt thức tâm*** phát sanh, làm phận sự nếm vị trần.

5- ***Danh tiếp xúc trần:*** Đó là 2 ***thân thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên: ***xúc trần***(cứng mềm, nóng lạnh, phồng xẹp) tiếp xúc với ***thân tịnh sắc*** (thân). Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***thân thức tâm*** là tâm phát sanh do nhờ thân tịnh sắc làm phận sự chạm xúc trần ấy. Gọi là ***danh tiếp xúc trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** dạy:

Hai thân thức tâm phát sanh lên được do bởi 4 nhân duyên là:

1- Thân tịnh sắc tốt (thân không bị bại liệt).

2- Xúc trần (cứng, mềm; nóng, lạnh; phồng, xẹp) tiếp xúc với thân tịnh sắc.

3- Chất đất cứng mềm.

4- Ngũ môn hướng tâm tiếp nhận xúc trần.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***thân thức tâm*** phát sanh, làm phận sự chạm xúc trần.

6- ***Danh biết pháp trần:*** Đó là 67 hay 99 ***ý thức tâm*** phát sanh do nhờ nhân duyên:***pháp trần,*** tiếp xúc với ***sắc ý căn*** *(hadayavatthu).* Khi hội đủ nhân duyên ấy phát sanh ***ý thức tâm***, là tâm phát sanh do nhờ sắc ý căn làm phận sự biết pháp trần. Gọi là ***danh biết pháp trần.***

Theo bộ ***Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa*** dạy:

Ý thức tâm gồm có 67 hay 99 tâm phát sanh được do 4 nhân duyên là:

1- 6 tịnh sắc: nhãn tịnh sắc, nhĩ tịnh sắc, tỷ tịnh sắc, thiệt tịnh sắc, thân tịnh sắc, sắc ý căn.

2- 6 đối tượng: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần.

3- Sắc ý căn.

4- Ý môn hướng tâm tiếp nhận 6 đối tượng.

Khi hội đủ 4 nhân duyên này thì ***ý thức tâm*** phát sanh, làm phận sự biết pháp trần.

Do đó, hành giả không còn ***hoài nghi*** trong ***sự sanh của danh pháp.***

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thứ nhì*** phát sanh thấy rõ, biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp riêng biệt như vậy; nên ***trí tuệ tư duy*** đúng đắn phát sanh tư duy rằng:

"Danh pháp, sắc pháp ở hiện tại phát sanh do nhờ nhân duyên như thế nào, thì danh pháp, sắc pháp ở quá khứ hay ở vị lai phát sanh cũng do nhờ nhân duyên như thế ấy; hoặc danh pháp, sắc pháp bên trong của mình phát sanh như thế nào; thì danh pháp, sắc pháp bên ngoài của người khác cũng phát sanh như thế ấy".

Nhờ ***Trí tuệ thứ nhì*** làm nền tảng căn bản, nên trí tuệ tư duy đúng đắn theo thực tánh của tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp hiện tại, quá khứ, vị lai hoặc bên trong của mình, bên ngoài của người khác phát sanh đều do nhờ nhân duyên của mỗi pháp, chắc chắn không có một Đấng Tạo Hoá nào sáng tạo ra được danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn… nào cả. Do đó, nên không còn ***hoài nghi*** về danh pháp, sắc pháp.

Trí tuệ thứ nhì có khả năng *diệt từng thời* hoài nghi *(tadaṅga-pahāna),* chưa có khả năng *diệt đoạn tuyệt* hoài nghi.

Nhân duyên phát sanh danh pháp, sắc pháp theo quan điểm nhân quả hiện thực

*** Nhân duyên phát sanh sắc pháp**

Một số hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thứ nhì*** phát sanh thấy rõ, biết rõ được sắc pháp (sắc thân) phát sanh do bởi 4 nhân duyên là__

1- *Kamma:* ***Nghiệp:*** Đó là thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã tạo ở kiếp quá khứ và kiếp hiện tại này, làm nhân duyên phát sanh sắc pháp, danh pháp.

- Nếu ***thiện nghiệp*** cho quả phát sanh ***sắc pháp,*** thì có được *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*xinh đẹp, đáng yêu, đáng mến.

- Nếu ***thiện nghiệp*** cho quả phát sanh ***danh pháp,*** thì *nhãn thức tâm nhìn thấy sắc đẹp; nhĩ thức tâm lắng nghe tiếng hay; tỷ thức tâm ngửi mùi*

thơm; thiệt thức tâm nếm vị ngon; thân thức tâm tiếp xúc êm ấm...; ý thức tâm biết đi, đứng, ngồi, nằm,... nhẹ nhàng, uyển chuyển....

- Nếu ***bất thiện nghiệp*** cho quả phát sanh ***sắc pháp,*** thì có được *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* xấu xí, đáng ghét.

- Nếu ***bất thiện nghiệp*** cho quả phát sanh ***danh pháp,*** thì *nhãn thức tâm nhìn thấy sắc xấu xí; nhĩ thức tâm nghe tiếng xấu; tỷ thức tâm ngửi mùi hôi thúi; thiệt thức tâm nếm vị dở; thân thức tâm tiếp xúc thô cứng...; ý thức tâm biết đi, đứng, ngồi, nằm,... nặng nề....*

2- *Citta:* ***Tâm:*** Đó là 75 tâm (trừ 10 thức tâm + 4 vô sắc giới quả tâm) [24], và 52 tâm sở ở kiếp hiện tại, làm nhân duyên phát sanh ***sắc pháp.***

Ví dụ:

- Khi ***tham tâm*** làm nhân duyên phát sanh thì sắc thân mềm mại, cử chỉ, dáng điệu dịu dàng, nói cười vui vẻ, mặt mày tươi vui....

- Khi ***sân tâm*** làm nhân duyên phát sanh thì sắc thân cứng cỏi, cử chỉ, dáng điệu thô kệch, nét mặt cau có, nói lời sỗ sàng, thô bạo.

- Khi ***thiện tâm*** làm nhân duyên phát sanh thì sắc thân nhẹ nhàng, nhu nhuyến, uyển chuyển, nhanh nhẹn,....

3- *Utu:* ***Thời tiết:*** Đó là khí hậu nóng quá, hoặc lạnh quá, hoặc mát mẻ dễ chịu bên trong thân, hoặc ở ngoài thân làm nhân duyên phát sanh sắc thân (sắc pháp) thay đổi theo thời tiết ấy.

4- *Āhāra:* ***Vật thực:*** Đó là những thức ăn có chất bổ, hay những thức ăn có chất độc, làm nhân duyên phát sanh sắc thân (sắc pháp) thay đổi theo vật thực ấy.

Đó là 4 nhân duyên phát sanh ***sắc pháp,*** theo nhân quả hiện thực.

*** Nhân duyên phát sanh tứ oai nghi**

1- Nhân duyên phát sanh sắc đi.

Sắc đi phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"đi".***

- Do tâm nghĩ đi làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân di chuyển bước đi từng bước do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân đi"*** hoặc ***"sắc đi"*** là ***sắc pháp phát sanh do tâm*** *(cittajarūpa).*

2- Nhân duyên phát sanh sắc đứng.

Sắc đứng phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"đứng".***

- Do tâm nghĩ đứng làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi dáng đứng, tư thế đứng, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân đứng"*** hoặc ***"sắc đứng",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

3- Nhân duyên phát sanh sắc ngồi.

Sắc ngồi phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"ngồi".***

- Do tâm nghĩ ngồi làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân ngồi: thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân ngồi"*** hoặc ***"sắc ngồi",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

4- Nhân duyên phát sanh sắc nằm.

Sắc nằm phát sanh từ tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân duyên như sau__

- ***Tâm*** nghĩ ***"nằm".***

- Do tâm nghĩ nằm làm cho phát sanh chất gió.

- Chất gió phát sanh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động.

- Toàn thân đặt nằm ngang theo mỗi dáng nằm, tư thế nằm yên, do năng lực của chất gió phát sanh từ tâm ấy.

Do đó, gọi là ***"thân nằm"*** hoặc ***"sắc nằm",*** là ***sắc pháp phát sanh từ tâm.***

Nếu trường hợp thiếu một nhân duyên nào, thì ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm,…***không thể phát sanh được.

*** Nhân duyên phát sanh danh pháp**

Danh pháp đó là ***tâm*** và ***tâm sở.*** Tâm sở luôn luôn tùy thuộc vào tâm. Tâm như thế nào, tâm sở cũng như thế ấy.

Tâm có 4 loại, mỗi loại phát sanh do nhân duyên:

1- ***Danh pháp*** thuộc loại ***bất thiện tâm*** (tham tâm, sân tâm, si tâm) phát sanh do nhân duyên *ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do si mê sai lầm trong 4 trạng thái của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh (tốt đẹp),* làm nhân duyên phát sanh ***bất thiện tâm*** (8 tham tâm +2 sân tâm + 2 si tâm).

2- ***Danh pháp*** thuộc loại ***thiện tâm,*** phát sanh do bởi nhân duyên *yonisomanasikāra:Sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ hiểu đúng theo 4 trạng thái của tất cả danh pháp, sắc pháp trong tam giới là: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh,* làm nhân duyên phát sanh ***thiện tâm.*** (8 dục giới đại thiện tâm + 5 sắc giới thiện tâm + 4 vô sắc giới thiện tâm + 4 hay 20 siêu tam giới thiện tâm).

3- ***Danh pháp*** thuộc loại ***quả tâm,*** phát sanh do bởi nhân duyên ***nghiệp:*** thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã tạo ở kiếp quá khứ và kiếp hiện tại.

- Nếu ***thiện nghiệp*** làm nhân duyên phát sanh cho ***thiện quả vô nhân tâm,*** như : *nhãn thức tâm* nhìn thấy sắc đẹp; *nhĩ thức tâm* nghe tiếng hay; *tỷ thức tâm* ngửi mùi thơm; *thiệt thức tâm* nếm vị ngon; *thân thức tâm* tiếp xúc êm ấm; *ý thức tâm* tiếp nhận đối tượng tốt,….

- Nếu ***bất thiện nghiệp*** làm nhân duyên phát sanh cho ***bất thiện quả vô nhân tâm,***như: *nhãn thức tâm* nhìn thấy sắc xấu; *nhĩ thức tâm* nghe tiếng xấu; *tỷ thức tâm* ngửi mùi hôi;*thiệt thức tâm* nếm vị dở; *thân thức tâm* tiếp xúc thô cứng; *ý thức tâm* tiếp nhận đối tượng xấu,….

4- ***Danh pháp*** thuộc ***duy tác tâm:*** Đó là tâm của bậc Thánh Arahán phát sanh do bởi nhân duyên ***hộ kiếp tâm*** *(bhavaṅgacitta*),….

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thứ nhì*** phát sanh thấy rõ, biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp riêng biệt như vậy; nên ***trí tuệ tư duy*** đúng đắn phát sanh tư duy rằng:

"Danh pháp, sắc pháp ở hiện tại phát sanh do nhờ nhân duyên như thế nào, thì danh pháp, sắc pháp ở quá khứ hay ở vị lai phát sanh cũng do nhờ nhân duyên như thế ấy; hoặc danh pháp, sắc pháp bên trong của mình phát sanh như thế nào; thì danh pháp, sắc pháp bên ngoài của người khác cũng phát sanh như thế ấy".

Nhờ ***trí tuệ thứ nhì*** làm nền tảng căn bản, nên trí tuệ tư duy đúng đắn theo thực tánh của tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp hiện tại, quá khứ, vị lai hoặc bên trong của mình, bên ngoài của người khác phát sanh đều do nhờ nhân duyên của mỗi pháp; chắc chắn không có một Đấng Tạo Hoá nào sáng

tạo ra được danh pháp, sắc pháp, ngũ uẩn… nào cả. Do đó, nên không còn ***hoài nghi*** về danh pháp, sắc pháp.

Trí tuệ thứ nhì có khả năng ***diệt từng thời hoài nghi*** *(tadaṅga-pahāna),* chưa có khả năng *diệt đoạn tuyệt* hoài nghi.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thứ nhì*** phát sanh thấy rõ, biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp mỗi sắc pháp bằng nhiều cách khác nhau, nhưng chắc chắn đều đạt đến kết quả giống nhau, là diệt được sự ***hoài nghi*** về sự sanh của danh pháp, sắc pháp, hay thoát ly khỏi sự ***hoài nghi*** về sự sanh của danh pháp, sắc pháp ngay ở hiện tại, quá khứ và vị lai.

Do đó, ***trí tuệ thứ nhì*** này đạt đến thanh tịnh *"Kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi":* ***Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh***, và ***diệt từng thời được sự hoài nghi*** *(tadaṅgapahāna*). Trí tuệ thứ nhì này chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt được hoài nghi.

Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh

Có số người trong đời, không gần gũi thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, không được lắng nghe học hỏi chánh pháp của bậc Thiện trí, không có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, không tin nghiệp và quả của nghiệp; vì vậy, có những điều hiện hữu trong đời này, ngoài khả năng hiểu biết, suy tư, quán xét, lý giải của mình; cho nên thường nghĩ rằng: *"Đó là một điều huyền bí do một Đấng Thiêng Liêng, Đấng Sáng Tạo, Đấng Tạo Hoá tạo nên như vậy… như vậy".* Tin như thế là xong, khỏi bận tâm suy nghĩ nữa, thậm chí không còn dám hoài nghi, sợ phạm lỗi, vì xen vào việc của một Đấng nào đó?

Đối với hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi trí tuệ thứ nhì này phát sanh thấy rõ biết rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp phát sanh đều do nhân duyên riêng biệt của nó, ngoài ra, không có một ai có quyền năng sáng tạo ra được một danh pháp, một sắc pháp nào cả. Bởi do chính trí tuệ của mình đã thấy rõ biết rõ như vậy, nên diệt được tâm ***hoài nghi.***

Cho nên, trí tuệ thứ nhì *Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, thoát ly được hoài nghi ấy, nên đạt đến thanh tịnh gọi là *Kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi: Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh*, là thanh tịnh thứ nhì của pháp hành thiền tuệ và là thanh tịnh thứ tư trong 7 pháp thanh tịnh.

Quả báu 2 loại trí tuệ giai đoạn đầu

- Trí tuệ thứ nhất Nāmarūpapaccayaparicchedañāṇa thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ trạng thái riêng của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- Trí tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa thấy rõ, biết rõ nhân duyên phát sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

* *Ñātapariññā:* trí tuệ hiểu biết thực tánh của danh pháp sắc pháp gồm có 2 loại trí tuệ: trí tuệ thứ nhất gọi là Nāmarūpaparic-chedañāṇa và trí tuệ thứ nhì gọi là Nāmapaccayapariggahañāṇa.

Bậc Tiểu Nhập Lưu *(Cūḷasotāpanna)*

- Trí tuệ thứ nhất đạt đến ***chánh kiến thiền tuệ*** *(vipassanāsammā-diṭṭhi)* diệt từng thời được ***ngũ uẩn tà kiến*** *(sakkāyadiṭṭhi)* hoặc ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* nơi danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thứ nhì đạt đến ***thoát ly hoài nghi thanh tịnh*** *(kaṅkhā-vitaraṇavisuddhi),* diệt từng thời được ***hoài nghi*** *(vicikicchā)* về sự sanh của danh pháp, sắc pháp.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, phát triển đạt đến hai loại trí tuệ này rồi, diệt từng thời*(tadaṅgapahāna)* được ***tà kiến*** và ***hoài nghi.*** Do đó, hành giả được gọi là *Cūḷasotāpanna: bậc Tiểu Nhập Lưu.*

Bậc Tiểu Nhập Lưu chưa phải là ***bậc Thánh Nhập Lưu,*** bởi vì hành giả chưa trải qua 16 trí tuệ thiền tuệ, chưa chứng ngộ Tứ thánh đế, chưa chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, chưa chứng ngộ Niết Bàn, chưa diệt đoạn tuyệt *(samuccheda-pahāna)*được ***tà kiến*** và ***hoài nghi.*** Do đó chưa phải là bậc Thánh Nhập Lưu, song hành giả cũng là người có duyên lành trong Phật giáo, có thể nhập theo dòng đến bậc Thánh Nhập Lưu, nếu có đủ pháp hạnh ba la mật và 5 pháp chủ *(indriya).*

Nếu hành giả là người có ba la mật đã tạo nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ hỗ trợ, kiếp hiện tại hành giả có tâm tinh tấn không ngừng tiến hành thiền tuệ, thì trí tuệ thiền tuệ tuần tự phát triển có thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu ngay ở kiếp hiện tại này.

Trí tuệ thứ nhì làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ ba.

3- Trí Tuệ Thứ Ba *(Sammasanañāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ phát triển và tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ ba, gọi là: *Sammasanañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, nên thấy* rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba phát sanh là do nhờ *trí tuệ thứ nhất* và *trí tuệ thứ nhì* làm nhân duyên, làm nền tảng. Trí tuệ thiền tuệ thứ ba có khả năng

thấy rõ biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt ở hiện tại, và trí tuệ quán xét biết rõ danh pháp, sắc pháp quá khứ; danh pháp, sắc pháp vị lai chắc chắn cũng diệt như danh pháp, sắc pháp hiện tại này.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ *sự diệt* của sắc pháp, danh pháp, do nhân duyên diệt nên có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Ví dụ:

Hành giả tiến hành thiền tuệ có ***tứ oai nghi: sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** và các ***oai nghi phụ*** như: ***sắc bước tới, sắc bước lui, sắc quay bên phải, sắc quay bên trái, sắc co (tay), sắc co (chân), sắc duỗi (tay), sắc duỗi (chân),***… đều bị diệt nên có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** như sau__

1- Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ sắc đi

Sắc đi: dáng đi, tư thế đi, toàn thân di chuyển do bước từng bước, gồm có nhiều sắc pháp sanh diệt liên tục làm nhân duyên diễn tiến để cho sắc đi hiện hữu, như sau:

- *Khi sắc nhấc (chân) lên:* Trong sắc tứ đại, có phong đại và hỏa đại có năng lực mạnh, còn địa đại và thủy đại có năng lực yếu.

- *Khi sắc để (chân) xuống:* Trong sắc tứ đại, có địa đại và thủy đại có năng lực mạnh, còn phong đại và hỏa đại có năng lực yếu.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ ***sắc đi*** diễn tiến qua các giai đoạn:

- ***Khi sắc nhấc (chân) lên:*** *Tất* cả sắc pháp nào ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở giai đoạn***sắc nhấc lên*** rồi, thì tất cả sắc pháp ấy không còn dư sót đến giai đoạn *sắc để (chân) xuống.*

Do đó, ***sắc đi*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Khi sắc để (chân) xuống:*** Tất cả sắc pháp nào ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở giai đoạn***sắc để xuống*** rồi, thì tất cả sắc pháp ấy không còn dư sót lại đến giai đoạn *sắc nhấc (chân) lên khác….*

Do đó, ***sắc đi*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Như vậy, trong ***sắc đi*** có vô số ***sắc pháp*** sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

2- Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ sắc đứng

Sắc đứng: dáng đứng, tư thế đứng, toàn thân đứng yên tự nhiên, trong trạng thái tĩnh (đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi).

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ biết rõ sắc đứng ở tư thế nào, tất cả sắc pháp ở tư thế đứng ấy ***bị diệt*** do nhân duyên diệt không còn dư sót ở tư thế đứng khác.

Mỗi tư thế đứng là mỗi sắc đứng, có vô số tư thế đứng, nên có vô số sắc đứng sanh rồi diệt liên tục không ngừng.

Do đó, ***sắc đứng*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

3- Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ sắc ngồi

Sắc ngồi: dáng ngồi, tư thế ngồi, toàn thân ngồi: thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo từng mỗi tư thế ngồi tự nhiên, trong trạng thái tĩnh (đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi).

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ biết rõ sắc ngồi tư thế nào, tất cả sắc pháp tư thế ngồi ấy ***bị diệt*** do nhân duyên diệt không còn dư sót ở tư thế ngồi khác.

Mỗi tư thế ngồi là mỗi sắc ngồi, có vô số tư thế ngồi, nên có vô số sắc ngồi sanh rồi diệt liên tục không ngừng.

Do đó, ***sắc ngồi*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

4- Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ sắc nằm

Sắc nằm: dáng nằm, tư thế nằm, toàn thân nằm yên theo từng mỗi tư thế nằm tự nhiên, trong trạng thái tĩnh (đối tượng hiện tại rất ngắn ngủi).

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ biết rõ sắc nằm tư thế nào, tất cả sắc pháp tư thế nằm ấy ***bị diệt*** do nhân duyên diệt, không còn dư sót ở tư thế nằm khác.

Mỗi tư thế nằm là mỗi sắc nằm, có vô số tư thế nằm, nên có vô số sắc nằm sanh rồi diệt liên tục không ngừng.

Do đó, ***sắc nằm*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ biết rõ được ***sự diệt*** của ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** do nhân duyên diệt ở hiện tại như thế nào, và còn có khả năng quán xét biết rõ chắc chắn ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** ở quá khứ, cũng như ở vị lai cũng đều ***bị diệt***do nhân duyên diệt như thế ấy, cũng có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ mọi oai nghi phụ

Tất cả mọi oai nghi phụ như: ***sắc bước tới, sắc bước lui, sắc quay bên phải, sắc quay bên trái, sắc co (tay) vào, sắc co (chân) vào, sắc duỗi (tay) ra, sắc duỗi (chân) ra,***….

Cũng như vậy, có vô số oai nghi phụ là có vô số sắc pháp phát sanh từ tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ biết rõ:

Sắc bước tới: Tất cả sắc pháp nào ***bị diệt*** do nhân duyên diệt trong ***sắc bước tới*** nào rồi, thì tất cả sắc pháp ấy không còn dư sót ở ***sắc bước tới*** khác, có vô số sắc bước tới sanh rồi diệt liên tục không ngừng, do đó ***sắc bước tới*** ấy có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Cũng như vậy, ***sắc bước lui, sắc quay bên phải, sắc quay bên trái, sắc co (tay) vào, sắc co (chân) vào, sắc duỗi (tay) ra, sắc duỗi (chân) ra,***… sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Do đó, tất cả mọi oai nghi phụ sanh rồi diệt không ngừng, nên đều có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** do nhân duyên diệt của sắc pháp trong tất cả mọi oai nghi phụ ở hiện tại thế nào, và còn có khả năng quán xét biết rõ chắc chắn tất cả mọi oai nghi phụ ở quá khứ, cũng như ở vị lai cũng đều ***bị diệt*** do nhân duyên diệtnhư thế ấy, cũng có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,* như oai nghi phụ hiện tại.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ sắc pháp, danh pháp có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba thấy rõ biết rõ ***danh pháp,*** đó là 6 thức tâm, có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* như sau__

- ***Nhãn thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở nhãn tịnh sắc, rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở nhãn tịnh sắc, ***danh pháp nhãn thức tâm*** ấy không còn dư sót ở tịnh sắc nào khác.

Do đó, ***danh pháp nhãn thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Nhĩ thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở nhĩ tịnh sắc, rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở nhĩ tịnh sắc, ***danh pháp nhĩ thức tâm*** ấy không còn dư sót ở tịnh sắc nào khác.

Do đó, ***danh pháp nhĩ thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Tỷ thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở tỷ tịnh sắc, rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở tỷ tịnh sắc, ***danh pháp tỷ thức tâm*** ấy không còn dư sót ở tịnh sắc nào khác.

Do đó, ***danh pháp tỷ thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Thiệt thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở thiệt tịnh sắc, rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở thiệt tịnh sắc, ***danh pháp thiệt thức tâm*** ấy không còn dư sót ở tịnh sắc nào khác.

Do đó, ***danh pháp thiệt thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Thân thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở thân tịnh sắc, rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở thân tịnh sắc, ***danh pháp thân thức tâm*** ấy không còn dư sót ở tịnh sắc nào khác.

Do đó, ***danh pháp thân thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Ý thức tâm*** là danh pháp phát sanh do nương nhờ ở sắc ý căn *(hadayavatthu),* rồi ***bị diệt*** do nhân duyên diệt ở sắc ý căn, ***danh pháp ý thức tâm*** ấy không còn dư sót ở căn nào khác.

Do đó, ***danh pháp ý thức tâm*** có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

- ***Ý thức tâm*** nào, dầu là danh pháp cõi trời vô sắc giới phát sanh do không nương nhờ ở sắc ý căn nào, rồi cũng ***bị diệt*** do nhân duyên diệt, danh pháp ý thức tâm ấy không còn dư sót.

Do đó, ***danh pháp ý thức tâm*** cõi trời vô sắc giới cũng có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này có khả năng thấy rõ ***sự diệt của đối tượng*** danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, nên hiện thấy rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã;* và đồng thời cũng thấy rõ ***sự diệt của chủ thể*** danh pháp *(tâm biết đối tượng)* do nhân duyên diệt, nên hiện rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của chủ thể danh pháp ấy.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba này thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt ở hiện tại như thế nào, và còn có khả năng quán xét biết rõ chắc chắn danh pháp quá khứ, danh pháp vị lai cũng bị diệt như thế ấy, cũng có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã như thế ấy.

Ba Trạng Thái Chung *(Sāmaññalakkhaṇa)*

Tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp dầu ở hiện tại, ở quá khứ, ở vị lai đều ***do nhân duyên cấu tạo, do nhân duyên mà sanh, do nhân duyên mà***

diệt, nên có 3 trạng thái chung:*trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

Hành giả chưa có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ được ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, nên chưa thấy rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí ***tuệ thiền tuệ thứ ba,*** gọi là*"Sammasanañāṇa": Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp* do nhân duyên diệt, nên hiện thấy rõ được 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.***

Ý nghĩa của 3 trạng thái chung

- Tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp đều có trạng thái vô thường, với ***ý nghĩa hoạidiệt*** *(aniccaṃ khayaṭṭhena)* [25] .

- Tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp đều có trạng thái khổ, với ***ý nghĩa đáng sợ****(dukkhaṃ bhayaṭṭhena)* [25].

- Tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp đều có trạng thái vô ngã, với ***ý nghĩa vô dụng****(anattā asārakaṭṭhena)* [25].

Do đó, tất cả mọi danh pháp mọi sắc pháp thuộc tam giới đều có 3 trạng thái chung:

- ***Trạng thái vô thường*** *(aniccalakkhaṇa).*
- ***Trạng thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa).*
- ***Trạng thái vô ngã*** *(anattālakkhaṇa).*

Trong bộ ***Visuddhimagga,*** 3 trạng thái chung này, mỗi trạng thái phân tích ra nhiều loại như sau__

Trạng thái vô thường, có 10 loại:

1- *Aniccato:* do trạng thái không thường.
2- *Adhuvato:* do trạng thái không bền vững.
3- *Asārakato:* do trạng thái vô dụng, không cốt lõi.
4- *Calato:* do trạng thái biến động.
5- *Palakato:* do trạng thái tiêu hoại.
6- *Vipariṇāmadhammato:* do trạng thái biến đổi là thường.
7- *Maraṇadhammato:* do trạng thái hủy diệt (chết) là thường.
8- *Vibhavato:* do trạng thái bị hoại.
9- *Saṅkhato:* do trạng thái bị cấu tạo.
10- *Pabhaṅguto:* do trạng thái bị tan rã.

Đó là 10 loại trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp, phát sanh tùy theo căn duyên của mỗi hành giả.

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ 3*** này thấy rõ, biết rõ được 1 trong 10 trạng thái vô thường nào, cũng gọi là ***trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp.

Trạng thái khổ, có 25 loại:

1- *Dukkhato:* do trạng thái khó chịu.
2- *Bhayato:* do trạng thái đáng kinh sợ.
3- *Ītito:* do trạng thái khốn đốn.
4- *Upaddavato:* do trạng thái tai nạn nguy hiểm.
5- *Upasaggato:* do trạng thái cản trở.

6- *Rogato:* do trạng thái bệnh tật.
7- *Ābādhato:* do trạng thái đau ốm.
8- *Gandato:* do trạng thái ung nhọt.
9- *Sallato:* do trạng thái tên độc.
10- *Aghato:* do trạng thái xấu xa.
11- *Atāṇato:* do trạng thái không che chở, chống đỡ được.
12- *Aleṇato:* do trạng thái không ẩn náu được.
13- *Asaraṇato:* do trạng thái không nương nhờ được.
14- *Ādīnavato:* do trạng thái tội chướng.
15- *Aghamūlato:* do trạng thái nguồn gốc của đau khổ.
16- *Sāsavato:* do trạng thái phiền não trầm luân.
17- *Vadhakato:* do trạng thái sát hại.
18- *Mārāmisato:* do trạng thái mồi của ma vương.
19- *Jātidhammato:* do trạng thái tái sanh là thường.
20- *Jarādhammato:* do trạng thái già là thường.
21- *Byādhidhammato:* do trạng thái bệnh là thường.
22- *Sokadhammato:* do trạng thái sầu não là thường.
23- *Paridevadhammato:* do trạng thái than khóc là thường.
24- *Upāyāsadhammato:* do trạng thái thống khổ cùng cực là thường.
25- *Saṅkilesikadhammato:* do trạng thái ô nhiễm bởi phiền não là thường.

Đó là 25 loại trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp, phát sanh tùy theo căn duyên của hành giả.

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ 3*** này phát sanh thấy rõ, biết rõ được 1 trong 25 trạng thái khổ nào, cũng gọi là ***trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp.

Trạng thái vô ngã có 5 loại:

1- *Anattato:* do trạng thái không phải ta, của ta.
2- *Parato:* do trạng thái khác lạ (không phải ta, của ta).
3- *Rittato:* do trạng thái trống rỗng.
4- *Tucchato:* do trạng thái hư huyễn.
5- *Suññato:* do trạng thái không (không phải ta, của ta).

Đó là 5 trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, phát sanh tùy theo căn duyên của hành giả.

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ 3*** này thấy rõ, biết rõ được 1 trong 5 trạng thái vô ngã nào, cũng gọi là ***trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp.

Ba trạng thái chung, theo chi tiết:

- Trạng thái vô thường có 10 loại.
- Trạng thái khổ có 25 loại.
- Trạng thái vô ngã có 5 loại.

Ba trạng thái chung gồm có 40 trạng thái chi tiết. Mỗi trạng thái chi tiết nào của danh pháp, sắc pháp hiện rõ tùy theo căn duyên của mỗi hành giả, đều có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4

Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, ác pháp.

Phiền não tà kiến, tham ái, ngã mạn phát sanh

Hành giả tiến hành thiền tuệ, không phát triển và tiến hóa được là do phiền não làm cho tâm ô nhiễm, nhất là ***tà kiến*** *(diṭṭhi),* ***ngã mạn*** *(māna),* ***tham ái*** *(taṇhā)….*

Mặc dầu khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ 3*** phát sanh, thấy rõ, biết rõ được sự diệt của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, đã hiện thấy rõ được ***3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** nhưng trí tuệ thiền tuệ này còn non yếu, chưa đủ năng lực, nên phiền não có thể phát sanh, như ***tà kiến, ngã mạn, tham ái*** làm cho tâm ô nhiễm.

**** Tà kiến theo chấp ngã phát sanh bằng cách nào?***

Tà kiến theo chấp ngã có thể nương nhờ ở trí tuệ thiền tuệ còn non yếu ấy, mà nghĩ rằng:

*"**Ta** thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã", hoặc "trí tuệ thiền tuệ ấy là **cái ngã của ta** (eso me attā)".*

Đó là tà kiến theo chấp ngã, thấy sai, chấp lầm ở danh pháp, *(trí tuệ thiền tuệ)* cho là***ta.***

**** Ngã mạn phát sanh bằng cách nào?***

Tâm ngã mạn có thể nương nhờ ở trí tuệ thiền tuệ còn non yếu ấy mà nghĩ rằng:

*"**Ta** thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã đặc biệt đến như thế này", hoặc "trí tuệ thiền tuệ thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ đặc biệt ấy chính là **Ta** (eso'hamasmi)".*

Đó là tâm ngã mạn, tự cho mình là đặc biệt hơn người, hoặc bằng người, hoặc kém người.

**** Tham ái phát sanh bằng cách nào?***

Tâm tham ái có thể nương nhờ ở trí tuệ thiền tuệ, còn non yếu ấy mà nghĩ rằng:

*"Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã **của ta** đáng hài lòng quá! (etaṃ mama)"*

Đó là tâm tham ái hài lòng ở trí tuệ thiền tuệ ấy.

Vậy, khi phiền não ***tà kiến, ngã mạn, tham ái…*** đã phát sanh, thì làm cho tâm bị ô nhiễm, làm trở ngại việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn.

Phương pháp diệt tà kiến, tham ái, ngã mạn

- Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** có năng lực mạnh phát sanh thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp. Khi ấy, trí tuệ thiền tuệ ấy mới có thể diệt từng thời được ***tâm ngã mạn,*** tự cho mình là đặc biệt hơn người, hoặc bằng người, hoặc kém người.

Để diệt đoạn tuyệt được ***tâm ngã mạn*** chỉ có ***Arahán Thánh Đạo Tuệ*** mà thôi.

- Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** có năng lực mạnh phát sanh thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp. Khi ấy, trí tuệ thiền tuệ ấy mới có thể diệt từng thời được ***tâm tham ái,*** hài lòng, ưa thích, say đắm trong danh pháp, sắc pháp.

Để diệt đoạn tuyệt được ***tâm tham ái*** chỉ có ***Arahán Thánh Đạo Tuệ*** mà thôi.

- Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi nào ***trí tuệ thiền tuệ*** có năng lực mạnh phát sanh thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Khi ấy, trí tuệ thiền tuệ ấy mới có thể diệt từng thời được ***tâm tà kiến theo chấp ngã,*** cho là ta, người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh,….

Để diệt đoạn tuyệt được ***tâm tà kiến*** chỉ cần ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ.***

9 Chi Pháp Để 5 Pháp Chủ Có Năng Lực

5 pháp chủ đó là: ***tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ*** và ***tuệ pháp chủ,*** là pháp rất quan trọng để hỗ trợ cho pháp hành thiền tuệ được phát triển và tiến hóa, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** đã phát sanh, nhưng chưa có khả năng phát triển đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư,*** là vì 5 pháp chủ còn yếu, chưa đủ năng lực hỗ trợ để cho trí tuệ thiền tuệ thứ tư phát sanh.

Như vậy, hành giả cần phải thực hành 9 chi pháp làm cho 5 pháp chủ được tăng cường thêm năng lực, để hỗ trợ cho trí tuệ thiền tuệ thứ tư phát sanh và tiến hóa theo tuần tự trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn.

9 chi pháp làm cho 5 pháp chủ có năng lực là: [26]

1- Trí tuệ thiền tuệ thứ 3 thường thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt.

2- Trí tuệ thiền tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt, một cách đặc biệt.

3- Làm cho trí tuệ thiền tuệ thứ 3 phát sanh liên tục không ngừng để tăng cường thêm năng lực.

4- Trí tuệ thiền tuệ thứ 3 phát sanh trong 7 điều thuận lợi [27], tránh 7 điều bất lợi.

5- Trí tuệ thiền tuệ thứ 3 luôn luôn có đối tượng danh pháp, sắc pháp.

6- Trí tuệ thiền tuệ phát sanh cùng với pháp hành ***thất giác chi,*** thích hợp với mỗi chi trong mỗi trường hợp.

7- Hành giả không màng đến ***sắc thân*** và ***sanh mạng,*** kiên quyết tiến hành thiền tuệ, dầu phải hy sinh sanh mạng của mình.

8- Tinh tấn tiến hành thiền tuệ liên tục, không màng đến ***sắc thân*** và ***sanh mạng.***

9- Hành giả kiên quyết tiến hành thiền tuệ, nếu chưa chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, thì nguyện không chịu thối chuyển, không chịu ngưng việc tiến hành thiền tuệ.

Hành giả thực hành đầy đủ 9 chi pháp này, giúp 5 pháp chủ tăng cường thêm năng lực, hỗ trợ cho ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** được phát sanh và phát triển tiến hóa đến những trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn nữa.

Trí tuệ thiền tuệ thứ ba làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ tư.

Chú thích:
[22] Bộ Visuddhimagga, phần Kankhāvitaraṇavisuddhiniddesa.
[23] Bộ Abhidhammatthasaṅgaha (còn dịch là "Thắng Pháp Tập Yếu Luận").
[24] 10 thức tâm: 2 nhãn thức tâm + 2 nhĩ thức tâm + 2 tỷ thức tâm + 2 thiệt thức tâm + 2 thân thức tâm.
[25] Bộ Visuddhimagga, Sammasanañāṇakathā.
[26] Bộ Visuddhimagga, Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi .
[27] 7 điều thuận lợi: chỗ ở, nơi đi lại, lời nói, bạn thiện trí, vật thực, thời tiết, oai nghi.

-ooOoo-

4- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Tư *(Udayabbayañāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hoá tuần tự phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** gọi là: *Udayabbayañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp* ***ngay hiện tại,*** *nên hiện thấy rõ 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này phát sanh lên được là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ ba làm nhân duyên, làm nền tảng. Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này là tổng hợp khả năng của 3 trí tuệ trước:

- ***Trí tuệ thứ nhất*** thấy rõ, biết rõ thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- ***Trí tuệ thứ nhì*** thấy rõ, biết rõ nhân duyên sanh hay ***sự sanh*** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên diệt.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** tổng hợp 3 loại trí tuệ trước, có khả năng thấy rõ biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ***ngay hiện tại,*** nên hiện thấy rõ 3 trạng thái chung:*trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư có 2 trạng thái đặc biệt:

1- *Udaya: Sự sanh,* là ***trạng thái sanh*** của danh pháp, sắc pháp, do ***nhân duyên sanh,***nên diệt được ***đoạn kiến*** *(ucchedadiṭṭhi).*

2- *Vaya: sự diệt,* là ***trạng thái diệt*** của danh pháp, sắc pháp, do ***nhân duyên diệt,*** nên diệt được ***thường kiến*** *(sassatadiṭṭhi).*

4.1- Sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp

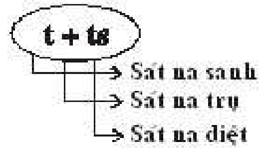
*** Sự sanh, sự diệt của danh pháp**

Danh pháp đó là tâm và tâm sở, mỗi tâm cùng tâm sở có 3 sát na:

1- Uppādakhaṇa: sát na sanh.

2- Ṭhitikhaṇa: sát na trụ.

3- Bhaṅgakhaṇa: sát na diệt.



Do đó, sự sanh, sự diệt của mỗi danh pháp vô cùng mau lẹ phi thường.

Đức Phật dạy:

- *Này chư Tỳ khưu, Như Lai không từng thấy pháp nào có sự sanh sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.* [28]

Trong Chú giải dạy rằng:

- *"Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm sanh rồi diệt liên tục 1000 tỷ lần…".* [29]

*** Sự sanh sự diệt của sắc pháp.**

Mỗi sắc pháp có 4 trạng thái:

1- Upacaya: sắc sanh.

2- Santati: sắc tiếp tục (sắc trụ).

3- Jaratā: sắc già.

4- Aniccatā: sắc diệt.

4 trạng thái của mỗi sắc pháp so sánh với 3 sát na sanh - trụ - diệt của mỗi danh pháp như sau:

- Sắc sanh của sắc pháp tương đương sát na sanh của danh pháp.

- Sắc tiếp tục và sắc già của sắc pháp tương đương sát na trụ của danh pháp.

- Sắc diệt của sắc pháp tương đương sát na diệt của danh pháp.

Như vậy, ***Sắc sanh, sắc diệt*** của mỗi ***sắc pháp*** có thời gian *1 sát na* giống như ***danh pháp.*** Nhưng ***thời gian trụ*** của ***sắc pháp*** lâu hơn thời gian trụ của danh pháp gấp 16 lần, sát na tâm sanh diệt của danh pháp.

<u>Ví dụ:</u>

Trong một ***nhãn môn lộ trình tâm*** *(cakkhudvāravīthicitta)* gồm có 17 sát na tâm (sanh-trụ-diệt), bằng 51 sát na nhỏ.

Thời gian ***sanh-trụ-diệt*** của mỗi ***danh pháp*** có ***1 sát na sanh, 1 sát na trụ, 1 sát na diệt.***

Thời gian ***sanh - trụ - diệt*** của mỗi ***sắc pháp*** tương đương ***1 sát na sanh, 1 sát na diệt,*** giống như danh pháp, nhưng ***thời gian trụ*** của ***sắc pháp*** có thể trụ được ***49 sát na nhỏ***so với danh pháp.

Do đó, ***sự sanh, sự diệt*** của ***sắc pháp*** chậm hơn ***sự sanh, sự diệt*** của ***danh pháp.***

Xét về: ***3 trạng thái chung:*** *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*của ***danh pháp*** và ***sắc pháp*** có kết quả không khác nhau.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này phát sanh thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên sanh, do nhân duyên diệt, nên hiện thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại.

Sự thật, sanh mạng của mỗi chúng sinh chỉ tồn tại trong ***một sát na trụ,*** dầu chư thiên ở cõi trời dục giới hay phạm thiên ở cõi trời sắc giới, vô sắc giới, có tuổi thọ lâu dài đến 84.000 đại kiếp, sanh mạng cũng chỉ tồn tại trong ***một sát na trụ*** của tâm mà thôi.

Sở dĩ, gọi là đời sống lâu, là nhờ dòng liên tục ***sanh rồi diệt - diệt rồi sanh,*** không ngừng của danh pháp và sắc pháp, đặc biệt có ***sắc mạng chủ*** liên tục cùng sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nên vẫn duy trì được sanh sanh mạng lâu.

- Danh pháp, sắc pháp nào sanh ở quá khứ, thì đã diệt ở quá khứ rồi, không còn dư sót lại ở hiện tại.
- Danh pháp, sắc pháp nào đang sanh ở hiện tại, thì đang diệt ở hiện tại, không còn dư sót lại ở vị lai.
- Danh pháp, sắc pháp nào sẽ sanh ở vị lai, thì cũng sẽ diệt ở vị lai, không còn dư sót lại ở vị lai kế tiếp.
- Phần ***danh pháp*** sanh rồi diệt liên tục không ngừng từ đời này sang đời khác, từ kiếp quá khứ đến kiếp hiện tại và tiếp tục đến kiếp vị lai, nếu còn tham ái, nhân dẫn dắt tái sanh kiếp sau.
- Phần sắc pháp khi cuối cùng mỗi kiếp sống, ***sắc mạng chủ*** diệt rồi không sanh; người đời thường gọi là ***"chúng sinh chết".***
- Phần danh pháp còn lại liền kết hợp với ***sắc pháp mới*** khác cùng sanh do năng lực của nghiệp cho quả, người đời thường gọi là ***"chúng sinh tái sanh".***

4.2- Sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp do nhân duyên

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ:

- ***Sự sanh*** của ***sắc pháp,*** do nhân duyên sanh.
- ***Sự diệt*** của ***sắc pháp,*** do nhân duyên diệt.
- ***Sự sanh*** của ***danh pháp,*** do nhân duyên sanh.

- ***Sự diệt*** của ***danh pháp,*** do nhân duyên diệt.

1- Nhân duyên sanh của sắc pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh*** của sắc pháp, do ***5 nhân duyên sanh*** *(samudaya).*

1- Sự sanh của sắc pháp, do sự sanh của ***vô minh*** *(avijjā).*

2- Sự sanh của sắc pháp, do sự sanh của ***tham ái*** *(taṇhā).*

3- Sự sanh của sắc pháp, do sự sanh của ***nghiệp*** *(kamma).*

4- Sự sanh của sắc pháp, do sự sanh của ***vật thực*** *(āhāra).*

5- ***Trạng thái sanh*** của sắc pháp *(nibbattilakkhaṇa).*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh của sắc pháp*** do***nhân duyên sanh.*** Nghĩa là ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** có khả năng thấy rõ, biết rõ ***quả sanh,*** là do trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***nhân duyên sanh.***

2- Nhân duyên diệt của sắc pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc pháp, do bởi***5 nhân duyên diệt*** *(nirodha).*

1- Sự diệt của sắc pháp, do sự diệt của ***vô minh.***

2- Sự diệt của sắc pháp, do sự diệt của ***tham ái.***

3- Sự diệt của sắc pháp, do sự diệt của ***nghiệp.***

4- Sự diệt của sắc pháp, do sự diệt của ***vật thực.***

5- ***Trạng thái diệt*** của sắc pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của sắc pháp***, do***nhân duyên diệt.*** Nghĩa là ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** thấy rõ, biết rõ ***quả diệt,*** là do trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***nhân duyên diệt.***

3- Nhân duyên sanh của danh pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh*** của danh pháp, do ***5 nhân duyên sanh.***

1- Sự sanh của danh pháp, do sự sanh của ***vô minh.***

2- Sự sanh của danh pháp, do sự sanh của ***tham ái.***

3- Sự sanh của danh pháp, do sự sanh của ***nghiệp.***

4- Sự sanh của danh pháp, do sự sanh của ***danh pháp, sắc pháp*** *(nāmarūpa).*

5- ***Trạng thái sanh*** của danh pháp *(nibbattilakkhaṇa).*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh của danh pháp,*** do***nhân duyên sanh.*** Nghĩa là ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** biết rõ ***quả sanh,*** là do trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***nhân duyên sanh.***

4- Nhân duyên diệt của danh pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp do ***5 nhân duyên diệt.***

1- Sự diệt của danh pháp, do sự diệt của ***vô minh.***

2- Sự diệt của danh pháp, do sự diệt của ***tham ái.***

3- Sự diệt của danh pháp, do sự diệt của ***nghiệp.***

4- Sự diệt của danh pháp, do sự diệt của ***danh pháp, sắc pháp.***

5- ***Trạng thái diệt*** của danh pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của danh pháp*** do***nhân duyên diệt.*** Nghĩa là trí tuệ thiền tuệ thứ tư thấy rõ, biết rõ ***quả diệt,*** là do trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***nhân duyên diệt.***

4.3- Sự sanh sự diệt của danh pháp, sắc pháp theo sát na

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ:

- Sắc pháp sanh theo ***sát na sanh*** *(upattikhaṇa).*
- Sắc pháp diệt theo ***sát na diệt*** *(bhaṅgakhaṇa).*
- Danh pháp sanh theo ***sát na sanh*** *(upattikhaṇa).*
- Danh pháp diệt theo ***sát na diệt*** *(bhaṅgakhaṇa).*

4.4- Tứ đế hiện rõ

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại bằng 2 cách: ***nhân duyên*** và ***sát na.*** Tứ đế hiện rõ như sau:

1- Khổ đế hiện rõ.

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh*** của danh pháp, sắc pháp theo ***sát na sanh,*** thì ***khổ đế*** hiện rõ, bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***khổ sanh.***

Và khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp theo ***sát na diệt,*** thì ***khổ đế*** cũng hiện rõ, bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***khổ chết.***

2- Tập đế hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh*** của danh pháp, sắc pháp theo ***nhân duyên sanh,*** thì ***tập đế*** hiện rõ, bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp phát sanh do ***nhân duyên sanh.***

3- Diệt đế hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp theo ***nhân duyên diệt,*** thì ***diệt đế*** hiện rõ, bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp diệt do ***nhân duyên diệt.***

4- Đạo đế hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại, theo ***sát na,*** theo ***nhân duyên,*** thì ***đạo đế*** hiện rõ, bởi vì trí tuệ thiền tuệ làm 4 phận sự của tứ đế: ***biết khổ đế, diệt tập đế, chứng ngộ diệt đế, tiến hành đạo đế.***

Trong ***tứ đế*** này, ***diệt đế*** và ***đạo đế*** vẫn còn là ***tam giới pháp*** *(lokiyadhamma)* vì chưa đạt đến sự chứng ngộ ***Niết Bàn siêu tam giới pháp,*** nên chưa gọi là ***Tứ thánh đế.***

4.5- Trạng thái chung hiện rõ

1- Trạng thái vô thường hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại, do ***nhân duyên sanh, do nhân duyên diệt,*** nên ***trạng thái vô thường*** hiện rõ. Bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái có rồi lại không*** *(hutvā abhāvaṭṭhena).*

Mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp sanh rồi diệt, làm nhân duyên cho danh pháp, sắc pháp khác sanh rồi diệt; sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp liên tục không ngừng trải qua 3 thời: quá khứ, hiện tại và vị lai.

2- Trạng thái khổ hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ, nên có ***trạng thái khổ****(uppādavayapaṭipīlanaṭṭhena dukkhā)* hiện rõ. Bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp luôn luôn hành hạ.

3- Trạng thái vô ngã hiện rõ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại do nhân duyên sanh, nhân duyên diệt, nên ***trạng thái vô ngã****(avasavattanaṭṭhena anattā)* hiện rõ. Bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp phát sanh, do nhân duyên sanh; danh pháp, sắc pháp diệt, do nhân duyên diệt, không chiều theo sự mong muốn của ai cả.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay trong hiện tại, nên hiện rõ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Cho nên, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư,***mới thật sự chính thức là ***trí tuệ thiền tuệ đầu tiên.*** Do đó, ***trí tuệ thiền tuệ còn non***

yếu*(taruṇavipassanāñāṇa),* và đối với ***hành giả, đây mới thật sự chính thức bắt đầu tiến hành thiền tuệ*** *(āraddhavipassaka).*

4.6- Phiền não của thiền tuệ *(Vipassanūpakilesa)*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư,*** thật sự chính thức là ***trí tuệ thiền tuệ đầu tiên,*** nên còn non yếu, và đối với hành giả, đây mới thật sự chính thức bắt đầu tiến hành thiền tuệ, nên chưa có đủ kinh nghiệm nhận thức rõ được thế nào là***pháp hành chánh đạo,*** thế nào là ***pháp hành phi đạo.***

Do đó, phiền não của thiền tuệ có 10 loại, có thể phát sanh, làm cản trở, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn, không thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Phiền não của thiền tuệ: là phiền não phát sanh khi đã có ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư***phát sanh, vì trí tuệ thiền tuệ này còn non yếu, nên phiền não nương nhờ vào đó mà phát sanh.

Phiền não của thiền tuệ có 10 loại:

1- Obhāsa: Ánh sáng sanh từ thiền tuệ.

2- Ñāṇa: Trí tuệ của thiền tuệ.

3- Pīti: Hỷ của thiền tuệ.

4- Passaddhi: Tịnh của thiền tuệ.

5- Sukha: Lạc của thiền tuệ.

6- Adhimokkha: Đức tin của thiền tuệ.

7- Paggaha: Tinh tấn của thiền tuệ.

8- Upaṭṭhāna: Niệm của thiền tuệ.

9- Upekkhā: Xả của thiền tuệ.

10- Nikanti: Tâm hài lòng của thiền tuệ.

Trong 10 loại phiền não này, có 9 loại kể từ ***ánh sáng sanh từ thiền tuệ*** cho đến ***xảcủa thiền tuệ*** gọi là ***phiền não của thiền tuệ,*** bởi vì các phiền não này làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao. Cho nên, 9 loại phiền não này không phải là ***ác pháp*** mà là***thiện pháp.***

Còn ***tâm hài lòng của trí tuệ thiền tuệ*** *(nikanti)* là phiền não của thiền tuệ, và cũng là nơi nương nhờ phát sanh phiền não, ác pháp.

Mười loại phiền não của thiền tuệ này không phát sanh đến những hạng người như:

- Bậc Thánh nhân đã nhận thức được ***pháp hành chánh đạo*** và ***pháp hành phi đạo,***vì đã từng thực hành đúng theo ***pháp hành Bát chánh đạo,*** đã

chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả rồi, nên 10 phiền não của thiền tuệ không thể phát sanh.

- Hạng hành giả tiến hành thiền tuệ ***không đúng theo pháp hành thiền tuệ,*** nên trí tuệ thiền tuệ không phát sanh, thì 10 phiền não của thiền tuệ cũng không phát sanh.

- Hạng hành giả tiến hành theo ***đúng pháp hành thiền tuệ,*** nhưng là hành giả lười biếng, bỏ việc tiến hành thiền tuệ, nên 10 pháp hành thiền tuệ không phát sanh.

Trong 10 loại phiền não của thiền tuệ này chỉ phát sanh đến hạng hành giả ***tiến hành thiền tuệ đúng theo Pháp hành Trung đạo,*** khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ tư, còn non yếu, và đối với hành giả đây mới thật sự chính thức bước trên con đường tiến hành thiền tuệ, chưa có đủ kinh nghiệm để phân biệt rõ thế nào là ***pháp hành chánh đạo,*** thế nào là ***pháp hành phi đạo.*** Cho nên, khi thấy ánh sáng phát sanh từ thiền tuệ,… thì hành giả nghĩ lầm rằng: ***"Chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả rồi!".***

Hành giả đã chấp lầm, không phải ***Thánh Đạo*** cho là ***Thánh Đạo***, không phải ***Thánh Quả*** cho là ***Thánh Quả***, phát sanh tâm hài lòng nơi ***ánh sáng***,… từ bỏ ***đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp,*** mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, trí tuệ thiền tuệ bị ngưng trệ hoàn toàn.

Do đó, 10 loại phiền não này gọi là ***phiền não của thiền tuệ.***

Giải thích 10 loại phiền não của thiền tuệ

1- Obhāsa: *Ánh sáng của thiền tuệ, hay ánh sáng phát sanh từ thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh thì ***ánh sáng*** từ thiền tuệ cũng phát sanh. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, vì chưa từng thấy ánh sáng phi thường như thế này bao giờ, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, ánh sáng như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Do đó, khi hành giả có sự chấp lầm nơi ánh sáng ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt***của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô nga*** của

danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi ánh sáng,*** chỉ hướng tâm theo dõi ánh sáng, cho nên làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

Ánh sáng của thiền tuệ này tỏa ra hẹp, rộng đối với một số hành giả khác nhau.

- Có một số hành giả, ánh sáng phát sanh từ thiền tuệ tỏa ra ở phạm vi nhỏ hẹp, trong phòng hay trong ngôi chùa.

- Có một số hành giả, ánh sáng toả ra ở phạm vi rộng đến một, hai, ba do tuần

(một do tuần khoảng 20 cây số).

- Có một số hành giả, ánh sáng toả rộng lớn ra đến cõi trời dục giới, cõi trời sắc giới.

Ánh sáng này thường phát sanh đến hành giả đã từng chứng đắc các bậc ***thiền sắc giới*** trước, về sau tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ tư, thì ánh sáng từ thiền tuệ cũng phát sanh, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ.

Do đó, phiền não của thiền tuệ này làm ngưng trệ sự phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

2- Ñāṇa: *Trí tuệ thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, thì ***trí tuệ*** này cũng phát sanh. Trí tuệ này, thấy rõ, biết rõ vô cùng sâu sắc và bén nhạy, quán xét tất cả danh pháp, sắc pháp một cách mau lẹ phi thường. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, trí tuệ như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi ***trí tuệ*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi trí tuệ*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi trí tuệ ấy mà thôi.

Đó là trí tuệ thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

3- Pīti: *Hỷ của thiền tuệ,* ***hỷ*** *tâm sở cùng phát sanh với thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, thì ***hỷ*** tâm sở cũng phát sanh với thiền tuệ.

Hỷ có 5 loại :

1- Khuddakāpīti: Hỷ chút đỉnh, cảm thấy nổi da gà.

2- Khaṇikāpīti: Hỷ phát sanh từng lúc, từng lúc.

3- Okkantikāpīti: Hỷ có trạng thái làm cho thân lay chuyển, như ngồi trên thuyền

óng gợn nhấp nhô.

4- Ubbegāpīti: Hỷ có trạng thái làm cho thân tâm nhẹ nhàng bay bổng.

5- Pharaṇāpīti: Hỷ có trạng thái tỏa khắp toàn thân, tâm no đủ, an lạc lâu.

Khi trí tuệ thiền tuệ thứ tư phát sanh, hỷ có trạng thái tỏa khắp toàn thân, tâm no đủ, an lạc lâu, hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, hỷ có trạng thái toả khắp toàn thân, tâm no đủ, an lạc lâu như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi ***hỷ*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi hỷ*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi hỷ ấy mà thôi.

Đó là hỷ của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

4- Passaddhi: *Tịnh của thiền tuệ,* ***tịnh tâm sở*** *cùng sanh với thiền tuệ làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***tịnh tâm sở*** cùng phát sanh với thiền tuệ, làm cho thân tâm của hành giả vắng lặng yên tịnh, không những làm cho thân tâm vắng lặng yên tịnh, mà còn làm cho thân tâm nhẹ nhàng, nhu nhuyến, uyển chuyển đáng hài lòng ưa thích. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, trạng thái thân tâm an tịnh như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi !".*

Hành giả chấp lầm nơi ***thân tâm an tịnh*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi thân tâm an tịnh*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi thân tâm an tịnh ấy mà thôi.

Đó là tịnh của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

5- Sukha: *Lạc của thiền tuệ, **thọ lạc** cùng sanh với thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***thọ lạc*** cùng phát sanh với thiền tuệ làm cho thân tâm an lạc tuyệt vời, sự an lạc vô cùng tinh tế. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, sự an lạc vi tế tuyệt vời như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi !".*

Hành giả chấp lầm nơi ***thọ an lạc*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi thọ lạc***tuyệt vời ấy, chỉ hướng tâm theo dõi thọ lạc tuyệt vời ấy mà thôi,

Đó là lạc của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

6- Adhimokkha: *Đức tin của thiền tuệ, **đức tin tâm sở** cùng sanh với thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***đức tin tâm sở*** cùng phát sanh với thiền tuệ. Đức tin vô cùng trong sạch, làm cho tâm trong sáng tuyệt vời. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, đức tin trong sạch làm cho tâm trong sáng tuyệt vời như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi ***đức tin*** trong sáng ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã

từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi đức tin*** trong sáng ấy, chỉ hướng tâm theo dõi đức tin trong sáng ấy mà thôi.

Đó là đức tin của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

7- Paggāha: *Tinh tấn của thiền tuệ,* ***tinh tấn tâm sở*** *cùng sanh với thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***tinh tấn tâm sở*** cùng phát sanh với thiền tuệ. Sự tinh tấn đều đặn, không hăng hái quá độ, cũng không lười biếng quá độ, đã gìn giữ và hỗ trợ cho tâm làm tròn mọi phận sự. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, sự tinh tấn đều đặn như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi sự ***tinh tấn*** đều đặn ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi tinh tấn*** đều đặn ấy, chỉ hướng tâm theo dõi tinh tấn đều đặn ấy mà thôi.

Đó là tinh tấn của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

8- Upaṭṭhāna: *Niệm của thiền tuệ,* ***niệm tâm sở*** *cùng sanh với thiền tuệ làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***niệm tâm sở*** cùng phát sanh với thiền tuệ. Niệm tâm sở làm phận sự chánh niệm trực nhận các đối tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** hay danh pháp, sắc pháp một cách liên tục, khắng khít trong mỗi đối tượng, không hề quên lãng. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, chánh niệm liên tục vững vàng như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi ***chánh niệm*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng

thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi chánh niệm*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi chánh niệm ấy mà thôi,

Đó là niệm của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

9- Upekkhā: *Xả của thiền tuệ, **xả** cùng phát sanh với thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, ***xả*** cùng phát sanh với thiền tuệ. Xả của thiền tuệ, đó là trí tuệ trung dung trong mọi đối tượng, không thiên về một cực đoan nào, tạo ra một sức mạnh, một năng lực phi thường, vững chắc không có gì làm cho tâm xao động được. Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, trạng thái xả như thế này chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi trạng thái xả ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi xả*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi xả ấy mà thôi.

Đó là xả của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

10- Nikanti: *Tâm hài lòng trong thiền tuệ, là phiền não của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ như thế nào?*

Khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh, *ánh sáng, trí tuệ, tịnh, lạc,…* cùng phát sanh với thiền tuệ. Tâm hài lòng này vô cùng vi tế, có trạng thái vắng lặng, khó có thể nhận thức, khó có thể biết rõ được **sự hài lòng này là tham tâm,** mà chỉ thấy tâm hài lòng này, là tâm tha thiết trong việc tiến hành thiền tuệ, một cách chu đáo, theo dõi *ánh sáng, trí tuệ, hỷ, tịnh, lạc,….* Hành giả vô cùng ngạc nhiên, bèn nghĩ rằng: *"Từ trước đến nay, tâm hài lòng tha thiết trong việc tiến hành thiền tuệ một cách chu đáo như thế này, chưa từng phát sanh đến với ta, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*

Hành giả chấp lầm nơi sự ***hài lòng*** ấy: *không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo; không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả;* đã từ bỏ đối tượng thiền tuệ danh pháp, sắc pháp, mà trước đây, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** đã từng thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; đã từng hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Bây giờ không còn thấy rõ nữa, hành giả phát sanh tâm ***hài lòng nơi tâm tha thiết hài lòng*** ấy, chỉ hướng tâm theo dõi tâm tha thiết hài lòng ấy mà thôi.

Đó là tâm hài lòng của thiền tuệ, là phiền não của thiền tuệ, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

Ba mươi phiền não của thiền tuệ

Hành giả tiến hành thiền tuệ là người không thông hiểu rõ ràng về ***pháp học.*** Khi các phiền não của thiền tuệ phát sanh như *ánh sáng, trí tuệ,...* tâm nghĩ sai lầm, nhận định sai lầm, làm nơi nương nhờ để phát sanh phiền não của thiền tuệ. Do năng lực của ***tà kiến, ngã mạn, tham ái,*** cho nên 10 phiền não ấy trở thành 30 phiền não của thiền tuệ.

Ví dụ:

Khi ánh sáng phát sanh từ thiền tuệ, làm nơi nương nhờ phát sanh phiền não của thiền tuệ, do năng lực của *tà kiến, ngã mạn, tham ái* như sau:

- Nếu chấp lầm rằng: ***"Ta đã tiến hành thiền tuệ, làm cho phát sanh ánh sáng",*** như vậy là do năng lực của ***tà kiến.***

- Nếu chấp lầm rằng: ***"Ta đã được ánh sáng đáng tự hào quá!",*** như vậy là do năng lực của ***ngã mạn.***

- Nếu chấp lầm rằng: ***"Ánh sáng của ta đáng hài lòng quá!",*** như vậy là do năng lực của ***tham ái.***

Tương tự như vậy, 9 phiền não còn lại của thiền tuệ, mỗi phiền não của thiền tuệ, hành giả chấp lầm, do năng lực của ***tà kiến, ngã mạn, tham ái,*** trở thành 30 loại phiền não của thiền tuệ, làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ, không dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

4.7- Phương pháp diệt phiền não của thiền tuệ

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đầu tiên cần phải thông thuộc, hiểu rõ về ***pháp học,*** nhất là ***phần lý thuyết về pháp hành thiền tuệ;*** nên học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu biết rõ bài kinh***Đại Tứ niệm***

xứ** (Mahāsatipaṭṭhānasutta),* bộ ***Thanh tịnh đạo** (Visuddhimagga),…* để làm nền tảng cho ***pháp hành thiền tuệ.

Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ được ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp rồi, đã hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp; hành giả nên nhận định chắc chắn rằng***: "Đó là chánh đạo",*** đúng là con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

Nếu trí tuệ thấy rõ, biết rõ các pháp nào khác, ngoài ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; ngoài ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp ra, hành giả nên nhận định chắc chắn rằng: ***"Đó là phi đạo",*** không phải con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

Tiến hành thiền tuệ cốt để chứng ngộ ***sự thật chân lý khổ đế*** nơi danh pháp, sắc pháp trong tam giới, để phát sanh tâm nhàm chán nơi danh pháp sắc pháp, để diệt tâm hài lòng nơi danh pháp sắc pháp, không phải để phát sanh tâm hài lòng nơi danh pháp sắc pháp. Thật vậy, trong giáo pháp của Đức Phật chỉ có ***khổ đế** (dukkhasacca)* là sự thật chân lý, còn ***lạc*** chỉ là***hư ảo hão huyền, lạc hư ảo** (sukha-vipallāsa),* dầu ***lạc*** là ***thọ lạc*** thuộc về ***danh pháp*** cũng có ***sự sanh, sự diệt;*** có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** nên cũng chỉ là ***khổ đế*** mà thôi.

Khi đã hiểu biết rõ được những điều cơ bản và mục đích của pháp hành thiền tuệ rồi, hành giả tiến hành thiền tuệ có danh pháp sắc pháp làm đối tượng, trí tuệ thiền tuệ thứ tư phát sanh trở lại, thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dầu có ***phiền não của thiền tuệ*** phát sanh như: ***ánh sáng, trí tuệ, hỷ, tịnh, lạc, đức tin, tinh tấn, niệm, xả, tâm hài lòng*** phát sanh; thì hành giả có trí tuệ sáng suốt nhận định, phân biệt rõ trong 10 pháp ấy***không phải là chánh đạo,*** chỉ là ***phi đạo***, nên không phát sanh ***tâm hài lòng*** nơi những đối tượng ấy; hành giả có trí tuệ sáng suốt nhận định, ý thức rõ rằng: đối tượng danh pháp sắc pháp có sự sanh, sự diệt; có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã này là***chánh đạo,*** dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Cho nên, sự tiến hành thiền tuệ của hành giả không bị ngưng trệ, trí tuệ thiền tuệ có thể phát triển lên bậc cao hơn.

Nếu trường hợp hành giả tự mình không thể ý thức được những ***phiền não của thiền tuệ,*** thì hành giả nên tìm đến ***vị Thiền sư*** là bậc thông suốt về pháp học, đầy kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ, nhờ vị Thiền sư ấy giảng giải và chỉ dạy phương pháp tháo gỡ những gút mắt quan trọng làm ngăn cản, ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

4.8- Chánh đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh *(Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi).*

Khi hành giả là người có trí tuệ sáng suốt, nhận thức biết rõ được rằng: *"10 hay 30 phiền não của thiền tuệ* ***không phải là chánh đạo,*** *không phải con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, đó chỉ là* ***phi đạo*** *mà thôi".*

Và trí tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ rằng: ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** đó là ***chánh đạo***, *đúng là con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế*, dẫn đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Hành giả tiến hành thiền tuệ từ bỏ ***phi đạo,*** tiếp tục hành theo pháp hành ***chánh đạo,***phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** Udayabbañāṇa thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, nên đạt đến thanh tịnh gọi là: *Maggāmaggañāṇa-dassanavisuddhi:* ***Chánh đạo, phi đạo tri kiến thanh tịnh,*** là thanh tịnh thứ 3 của pháp hành thiền tuệ và là thanh tịnh thứ 5 trong 7 pháp thanh tịnh.

*** Tiraṇapariññā:** trí tuệ hiểu biết rõ trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp sắc pháp, đó là trí tuệ thứ tư gọi là Udayabbayañāṇa.

4.9- Ba gút mắt tiến hành thiền tuệ

Hành giả tiến hành thiền tuệ thường gặp phải 3 gút mắt quan trọng là:

1- Gút mắt thứ nhất về pháp học thiền tuệ.

Khi hành giả học hỏi, nghiên cứu tìm hiểu về pháp hành thiền tuệ thường gặp gút mắt thứ nhất là__

- ***Danh pháp, sắc pháp*** thế nào thuộc về *Paññattidhamma: Chế định pháp.*

- ***Danh pháp, sắc pháp*** thế nào thuộc về *Paramatthadhamma: Chân nghĩa pháp.*

Nếu hành giả không biết phân biệt rõ được 2 loại danh pháp, sắc pháp này; thì khi tiến hành thiền tuệ dùng đối tượng ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc về ***Chế định pháp,*** thì sự tiến hành thiền tuệ không dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

Hành giả tiến hành thiền tuệ phải có đối tượng ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc về ***Chân nghĩa pháp,*** ngay hiện tại, không phải ***Chế định pháp.***

Thật ra, Chân nghĩa pháp là sự thật hiển nhiên trong đời, nhưng do vô minh che án thực tánh của chân nghĩa pháp ấy, nên không thấy không biết. Nếu không có Đức Phật hoặc bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật chỉ dạy, thì chắc chắn không có một ai tự thấy, tự biết được thực tánh của chân nghĩa pháp ấy.

Khi hành giả được học hỏi danh pháp, sắc pháp thuộc về ***pháp học thiền tuệ*** rồi, biết phân biệt rõ được ***danh pháp, sắc pháp thuộc về Chế định pháp*** và ***danh pháp sắc pháp thuộc về Chân nghĩa pháp.***

Như vậy, hành giả đã tháo gỡ được gút mắt quan trọng đầu tiên, khi bước vào con đường tiến hành thiền tuệ, biết sử dụng danh pháp hoặc sắc pháp thuộc về chân nghĩa pháp làm đối tượng thiền tuệ.

2- Gút mắt thứ nhì về pháp hành thiền tuệ.

Hành giả sau khi đã học hỏi tìm hiểu biết đúng về ***pháp học thiền tuệ*** là ***một điều khó đầu tiên;*** đến khi bước sang ***pháp hành thiền tuệ,*** bắt đầu tiến hành thiền tuệ, thực nghiệm để thấy rõ, biết rõ đúng về ***thực tánh của danh pháp, sắc pháp*** đúng theo chân nghĩa pháp, đó là ***điều khó thứ nhì.*** Bởi vì ***thực tánh của danh pháp, sắc pháp*** thuộc về chân nghĩa pháp*(không phải chế định pháp)* luôn luôn bị ***màn vô minh*** bao trùm, phủ kín, nên thực tánh của danh pháp, sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp không hiện rõ được.

Muốn thấy rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp, hành giả cần phải có*yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm bằng trí tuệ đúng theo 4 trạng thái của tất cả danh pháp, sắc pháp trong tam giới là: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh,* mới có thể ngăn cản được***vô minh*** và đồng thời ngăn được những điều ***hư ảo*** *(vippallāsa),* để hỗ trợ cho sự phát sanh***trí tuệ thứ nhất*** *(Nāmarūpaparicchedañāṇa)* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo chân nghĩa pháp của chính nó là:

- *Danh pháp chỉ là danh pháp.*
- *Sắc pháp chỉ là sắc pháp.*
- *Danh pháp là một, sắc pháp là một.*

- *Danh pháp và sắc pháp đều là pháp vô ngã.*

Trí tuệ thứ nhất này đóng vai trò quan trọng trước tiên, làm nền tảng căn bản để cho phát sanh trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn.

Như vậy, hành giả đang tiến hành thiền tuệ đã tháo gỡ được gút mắt thứ nhì được rồi, chỉ còn gút mắt cuối cùng.

3- Gút mắt thứ ba, ở giai đoạn trí tuệ thiền tuệ thứ tư.

Hành giả tiến hành thiền tuệ phát sanh từ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ tư; lần đầu tiên, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** thấy rõ, biết rõ được ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại; thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp. Song t***rí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *này còn non yếu(taruṇavipassanāñāṇa).* Vả lại, hành giả cũng là người mới bước vào lãnh vực trí tuệ thiền tuệ đầu tiên nên chưa có kinh nghiệm. Do đó, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** này là nơi nương nhờ để phát sanh ***10 loại phiền não của thiền tuệ,*** mà đối với hành giả chưa từng thấy, chưa từng biết bao giờ, nên có sự thấy sai, chấp lầm từ nơi phiền não của thiền tuệ ấy cho rằng: ***"chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả thật rồi!".*** Sự thật ***"Không phải Thánh Đạo chấp là Thánh Đạo, không phải Thánh Quả chấp là Thánh Quả".***

Chính phiền não của thiền tuệ này là gút mắt làm ngưng trệ việc phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao hơn.

Trong trường hợp này, hành giả là người có trí tuệ sáng suốt, nhận thức biết rõ được rằng: *"10 loại phiền não của thiền tuệ* ***không phải là chánh đạo,*** *không phải con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, đó chỉ là* ***phi đạo*** *mà thôi".*

Và trí tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ rằng: ***"Trí tuệ thiền tuệ thứ tư"*** đã thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã***, đó mới thật là ***chánh đạo,*** *đúng là con đường dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế,* dẫn đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Hành giả bỏ ***phi đạo,*** tiếp tục theo ***pháp hành chánh đạo,*** trí tuệ thiền tuệ được phát triển trở lại.

Như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ đến giai đoạn tháo gỡ được gút mắt ***phiền não của thiền tuệ*** cuối cùng rồi, hành giả trở lại tiếp tục ***pháp hành chánh đạo,*** là tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** phát sanh trở lại, thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, thấy

rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp và phát triển trí tuệ thiền tuệ đến bậc cao.

4.10- Pháp hành tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi)

Hành giả tiến hành thiền tuệ một lần nữa, ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư****Udayabbayānupassanāñāṇa* phát sanh thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp; sau khi không còn bị ***phiền não của thiền tuệ*** làm ngưng trệ nữa; tiến hành đúng theo***pháp hành chánh đạo***, đó là ***Pháp hành Trung đạo. Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** lại tiếp tục thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; lại thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp một cách liên tục, làm cho ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư tăng trưởng, có nhiều năng lực***, ***sắc bén và mau lẹ,*** thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp càng mau lẹ hơn.

Khi ấy ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư không chú tâm đến sự sanh,*** của danh pháp, sắc pháp; mà ***đặc biệt chú tâm đến sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, để làm nền tảng, làm nhân để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ năm.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tư *Udayabbayānupassanāñāṇa* khi thoát khỏi phiền não của thiền tuệ *(uppakilesavimutta)* đạt đến thanh tịnh gọi là *Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi:* ***Pháp hành tri kiến thanh tịnh,*** là thanh tịnh thứ 4 của pháp hành thiền tuệ và là thanh tịnh thứ 6 trong 7 pháp thanh tịnh.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 4 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 5.

5- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Năm *(Bhaṅgānupassanāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ năm, gọi là *Bhaṅgānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ đặc biệt thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ năm này phát sanh lên được là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ tư, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ năm có nhiều năng lực không chú tâm đến *sự sanh* của danh pháp, sắc pháp, mà chỉ đặc biệt chú tâm đến ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp.

Sự diệt của danh pháp, sắc pháp như thế nào?

Trí tuệ thiền tuệ thứ năm này không những thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của đối tượng***danh pháp, sắc pháp, mà còn thấy rõ ***sự diệt của chủ thể,*** danh biết đối tượng, bằng trí tuệ thiền tuệ.

1- Trí tuệ thiền tuệ có 7 cách *(anupassanā).*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ bằng 7 cách:

1- *Aniccānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô thường,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***thường*** *(niccasaññā).*

2- *Dukkhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***lạc*** *(sukhasaññā).*

3- *Anattānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô ngã,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***ngã*** *(attasaññā).*

4- *Nibbidānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***đáng nhàm chán,*** nên diệt được ***tham tâm hài lòng*** trong danh pháp, sắc pháp *(nandi).*

5- *Virāgānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***không đáng say mê,*** nên diệt được ***tham tâm say mê*** trong danh pháp, sắc pháp *(rāga).*

6- *Nirodhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được ***sự sanh*** của tham ái *(samudaya).*

7- *Paṭinissaggānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đáng xả bỏ,*** nên diệt được ***tâm chấp thủ*** nơi danh pháp, sắc pháp *(ādāna).*

Đó là 7 cách tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ có sự liên quan với nhau như sau:

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ năm*** thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, nên cũng thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.***

- Danh pháp, sắc pháp nào có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** thì danh pháp, sắc pháp ấy ***đáng nhàm chán.***

- Danh pháp, sắc pháp nào ***đáng nhàm chán,*** thì danh pháp, sắc pháp ấy ***không đáng say mê.***

- Danh pháp, sắc pháp nào ***không đáng say mê,*** thì danh pháp, sắc pháp ấy ***đáng diệt bỏ.***

- Danh pháp, sắc pháp nào ***đáng diệt bỏ,*** thì danh pháp, sắc pháp ấy ***đáng xả bỏ,***không nên chấp thủ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ năm thấy rõ ***tội lỗi*** của danh pháp, sắc pháp, là ***khổ đế*** và hiểu rõ ân đức của Niết Bàn, pháp giải thoát ***khổ,*** nên hướng tâm đến sự chứng ngộ Niết Bàn.

2- 18 loại đại trí tuệ thiền tuệ *(mahāvipassanā).*[30]

Hành giả tiến hành thiền tuệ, khi phát ***sanh trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp một cách rõ ràng, thuần thục rồi có thể phát sanh 18 loại ***đại trí tuệ thiền tuệ***như sau:

1- *Aniccānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô thường,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***thường*** *(niccasaññā).*

2- *Dukkhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***lạc*** *(sukhasaññā).*

3- *Anattānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô ngã,*** nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***ngã*** *(attasaññā).*

4- *Nibbidānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***đáng nhàm chán,*** nên diệt được ***tham tâm hài lòng*** trong danh pháp, sắc pháp *(nandi).*

5- *Virāgānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***không đáng say mê,*** nên diệt được ***tham tâm say mê*** trong danh pháp, sắc pháp *(rāga).*

6- *Nirodhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được ***sự sanh*** của tham ái *(samudaya).*

7- *Paṭinissaggānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đáng xả bỏ,*** nên diệt được ***sự chấp thủ*** nơi danh pháp, sắc pháp *(ādāna).*

8- *Khayānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***sự tận diệt*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ***ngã tưởng đồng nhất*** *(ghanasaññā).*

9- *Vayānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***sự hoại diệt*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được ***tham tâm tích luỹ*** *(āyūhana).*

10- *Vipariṇāmānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***sự biến đổi*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được ***tâm lầm tưởng cho là bền vững lâu dài*** *(dhuvasaññā).*

11- *Animittānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***không hiện tượng,*** nên diệt được ***chấp thủ hiện tượng*** danh pháp, sắc pháp *(nimitta).*

12- *Appaṇihitānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp, ***không đáng tham muốn,*** nên diệt được ***tâm tham muốn*** *(paṇidhi).*

13- *Suññatānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp***không phải ta, không phải của ta,*** nên diệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** *(abhinivesa).*

14- *Adhipaññādhammavipassanā:* Trí tuệ thiền tuệ siêu việt thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp rõ ràng vô dụng, nên diệt được tâm ***chấp thủ cho là lợi ích****(sārādānābhinivesa).*

15- *Yathābhūtañāṇadassanā:* Trí tuệ thiền tuệ tri kiến nơi danh pháp, sắc pháp ***đúng như thật chân lý,*** nên diệt được ***chấp thủ bởi si mê*** *(sammohābhinivesa).*

16- *Ādīnavānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***tội lỗi*** của danh pháp, sắc pháp, nên diệt được ***tâm chấp thủ do tham ái quyến luyến*** *(ālayābhinivesa).*

17- *Paṭisaṅkhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi quán xét ***con đường giải thoát khổ,*** nên diệt được ***tâm không muốn tìm con đường giải thoát khổ*** *(appaṭisaṅkhā).*

18- *Vivaṭṭānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ ***Niết Bàn,*** *pháp giải thoát khổ luân hồi,* nên diệt được ***tâm chấp thủ do ràng buộc*** *(samyogābhinivesa).*

Đó là 18 đại trí tuệ thiền tuệ phát sanh tùy căn duyên của hành giả. Nhưng trong 18***đại trí tuệ thiền tuệ*** này, chung quy chỉ có 3 đại trí tuệ thiền tuệ căn bản chính là:

1- *Aniccānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô thường.***

2- *Dukkhānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ.***

3- *Anattānupassanā:* Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có***trạng thái vô ngã.***

Còn lại 15 ***đại trí tuệ thiền tuệ*** khác có thể sát nhập vào trong 3 loại đại trí tuệ căn bản chính này tùy theo trạng thái gần giống nhau như sau:

- *Aniccānupassanā:* Có 5 đại trí tuệ thiền tuệ có trạng thái gần giống nhau được sát nhập vào như: *animittānupassanā, nirodhānu-passanā, khayānupassanā, vayānupassanā, vipariṇāmānu-passanā.*

- *Dukkhānupassanā:* Có 4 đại trí tuệ thiền tuệ có trạng thái gần giống nhau được sát nhập vào như: *Appaṇihitānupassanā, nibbidānupassanā, virāgānupassanā, ādīnavānupassanā.*

- *Anattānupassanā:* Có 4 đại trí tuệ thiền tuệ có trạng thái gần giống nhau được sát nhập vào như: *suññatānupassanā*, *paṭinis-saggānupassanā*, *paṭisaṅkhānupassanā, vivaṭṭānupassanā.*

- *Adhipaññādhammavipassanā:* có thể sát nhập vào tất cả mọi đại trí tuệ thiền tuệ.

- *Yathābhūtañāṇadassana:* thuộc về *kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi.*

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ, có 3 loại ***đại trí tuệ thiền tuệ*** căn bản chính thuần thục rồi, còn các loại đại trí tuệ thiền tuệ phụ khác tùy căn duyên mà phát sanh.

Ba loại ***đại trí tuệ thiền tuệ*** này gọi là căn bản chính, là vì có khả năng dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn riêng biệt.

- Đại trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường,*** có thể dẫn đến sự chứng ngộ ***Vô Hiện Tượng Niết Bàn*** *(Animittanibbāna).*

- Đại trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,***có thể dẫn đến sự chứng ngộ ***Vô Ái Niết Bàn*** *(Appaṇihitanibbāna).*

- Đại trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã,*** có thể dẫn đến sự chứng ngộ ***Chơn Không Niết Bàn*** *(Suññatanibbāna).*

3- Quả báu của trí tuệ thiền tuệ thứ năm.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, có khả năng đạt đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ năm*** gọi là*Bhaṅgānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ đặc biệt* ***sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp,* hành giả có được 8 quả báu như sau:

1- Hành giả diệt từng thời được ***tà kiến trong kiếp*** *(bhavadiṭṭhi).*

2- Hành giả không màng đến sanh mạng, quyết tâm tiến hành thiền tuệ.

3- Tinh tấn tiến hành thiền tuệ, và phát triển mọi thiện pháp ngày đêm.

4- Có chánh mạng, nuôi mạng chân chánh và trong sạch.

5- Không tạo mọi điều ác do thân, khẩu, ý.

6- Không sợ hãi.

7- Có đức nhẫn nại và dễ dạy.

8- Chế ngự được tâm tham muốn

Trong Chú giải có dạy rằng :

"Khi bậc Thiện trí có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp bị hoại diệt thường thường; khi biết rõ được 8 quả báu cao quý của trí tuệ thiền tuệ này, nên kiên trì tiến hành thiền tuệ không thối chuyển, với ý nguyện mong chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát khổ, cũng ví như người bị cháy tóc hay khăn quấn trên đầu, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi".

Trí tuệ thiền tuệ thứ 5 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 6.

Chú thích:

[28] Bộ Anguttaranikāya.

[29] Chú giải Samyuttanikāya, Khandhavagga, kinh Pheṇapiṇḍasutta.

[30] Bộ Visuddhimagga, phần Pariññādippabhedakathā .

-ooOoo-

6- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Sáu *(Bhayatupaṭṭhānañāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hoá tuần tự phát sanh trí tuệ thứ sáu, gọi là, *Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp* ***đáng kinh sợ.***

Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu này phát sanh lên được là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ năm, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu này thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***sự diệt, sự tan rã, sự tiêu diệt***của danh pháp, sắc pháp ***đáng kinh sợ.***

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 6 này không những có khả năng thấy rõ, biết rõ sắc pháp, danh pháp trong hiện tại tiêu diệt, tan rã, thật đáng kinh sợ, mà còn có khả năng hiểu biết thấu triệt đến danh pháp, sắc pháp trong quá khứ đã diệt rồi, và danh pháp, sắc pháp trong vị lai cũng sẽ diệt như nhau cả thảy. Thật đáng kinh sợ! Cho nên, trí tuệ này gọi là, *Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ.*

Tính chất trí tuệ thiền tuệ thứ sáu

Vấn: *– Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu có phải kinh sợ danh pháp, sắc pháp hay không?*

Đáp: – Trí tuệ thiền tuệ không phải kinh sợ danh pháp, sắc pháp, mà trí tuệ thiền tuệ thứ sáu chỉ quán xét thấy danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ rằng:

* Danh pháp, sắc pháp ở quá khứ đã bị diệt.

* Danh pháp, sắc pháp ở hiện tại đang bị diệt.

* Danh pháp, sắc pháp sẽ sanh ở vị lai, cũng sẽ bị diệt như nhau cả thảy.

Ví như, một người có đôi mắt sáng, nhìn thấy 3 hầm lửa than hồng cháy hừng hực, người ấy không kinh sợ, mà quán xét thấy rằng: *"Chúng sinh nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng cháy hừng hực này, chắc chắn bị khổ bởi lửa nóng thiêu đốt".*

Cũng như vậy, ***trí tuệ thiền tuệ thứ sáu*** này, không phải sợ, mà chỉ quán xét thấy danh pháp, sắc pháp trong 3 cõi: dục giới, sắc giới, vô sắc giới như trong 3 hầm lửa than hồng cháy hừng hực, đang thiêu đốt chúng sinh.

* Danh pháp, sắc pháp nào đã sanh ở quá khứ, danh pháp, sắc pháp ấy đã diệt ở quá khứ.

* Danh pháp, sắc pháp nào đang sanh ở hiện tại, danh pháp, sắc pháp ấy đang diệt ở hiện tại.

* Danh pháp, sắc pháp nào sẽ sanh ở vị lai, danh pháp, sắc pháp ấy cũng sẽ diệt ở vị lai.

Do đó, trí tuệ thiền tuệ ấy gọi là, *Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ.*

Trạng thái kinh sợ của trí tuệ thiền tuệ

* ***Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt, sự tan rã*** của danh pháp, sắc pháp, hiện rõ ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp. Đó là đối tượng đáng kinh sợ của trí tuệ thiền tuệ thứ sáu.

* ***Trí turệ thiền tuệ thứ sáu*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt liên tục*** của danh pháp, sắc pháp luôn luôn bị hành hạ, hiện rõ ***trạng thái khổ.*** Dầu có ***thọ lạc,*** thì thọ lạc ấy cũng sanh rồi diệt liên tục không ngừng biến đổi, nên hiện rõ ***trạng thái khổ.*** Đó là đối tượng đáng kinh sợ của trí tuệ thiền tuệ thứ sáu.

* ***Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp, thấy rõ đặc biệt ***không phải ta, không phải của ta, là vô chủ,*** hiện rõù ***trạng thái vô ngã.*** Đó là đối tượng đáng kinh sợ của trí tuệ thiền tuệ thứ sáu.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 6 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 7.

7- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Bảy *(Ādīnavānupassanāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ bảy gọi là, *Ādīnavānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ bảy này phát sanh lên được là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ sáu, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ bảy này có khả năng:

- Thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ,*** không phải là nơi ẩn náu an toàn, không phải là nơi nương nhờ. Trong tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới gồm có 31 cõi này, như hầm lửa than hồng hừng hực thiêu đốt chúng sinh.

- Thấy rõ, biết rõ ***tứ đại:*** *đất, nước, lửa, gió*, ví như 4 loài rắn độc kinh khủng.

- Thấy rõ, biết rõ ***ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp,*** ví như kẻ sát nhân tàn bạo đang cầm dao bổ xuống đầu.

- Thấy rõ, biết rõ ***lục căn bên trong:*** nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý ví như xóm nhà bỏ hoang.

- Thấy rõ, biết rõ ***lục trần bên ngoài:*** sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, ví như bọn cướp sát nhân đói khát, chờ dịp xông vào xóm nhà trống cướp phá.

- Thấy rõ, biết rõ ***ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp*** luôn luôn bị *11* ***loại lửa:*** *lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm và lửa thống khổ cùng cực,* không ngừng thiêu đốt ngày đêm.

- Thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp*** như mụt nhọt đau nhức, như căn bệnh trầm kha, như trúng mũi tên độc, là nơi phát sanh mọi bệnh tật, là nơi đau khổ triền miên, đầy tội chướng, chỉ có ***khổ thật,*** không thể tìm thấy sự ***an lạc thật*** lâu dài nào trong danh pháp, sắc pháp này.

Trí tuệ thiền tuệ thứ bảy thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng, như vậy gọi là *Ādīnavānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng.*

Trí tuệ thiền tuệ Bhayatupaṭṭhānañāṇa có năng lực trở thành trí tuệ thiền tuệ Ādīnavānupassanāñāṇa.

Vấn: – Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, trở thành trí tuệ thiền tuệ thứ bảy thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng như thế nào?

Đáp: ***– Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ rằng:

- ***Sự sanh*** *(uppāda)* của danh pháp, sắc pháp thật đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ đầy tội chướng của danh pháp, sắc pháp.

- ***Sự hiện hữu*** *(pavatta)* của danh pháp, sắc pháp thật đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ đầy tội chướng của danh pháp, sắc pháp.

- ***Các pháp hữu vi*** *(nimitta)* thật đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ đầy tội chướng của danh pháp, sắc pháp.

- ***Nghiệp chướng*** *(āyūhanā)* thật đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ đầy tội chướng của danh pháp, sắc pháp.

- ***Sự tái sanh*** *(paṭisandhi)* thật đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ đầy tội chướng của danh pháp, sắc pháp,....

1- Đối tượng đáng sợ *(bhaya)* **và nơi an toàn** *(khema)*

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự sanh*** *(uppāda)* của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** *(ādīnavañāṇa)* của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không sanh*** *(anuppāda)* của danh pháp, sắc pháp là nơi an toàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh*** *(santipadañāṇa).*

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự hiện hữu*** *(pavatta)* của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không hiện hữu*** *(appavatta)* của danh pháp, sắc pháp là nơi an toàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ các ***pháp hữu vi*** *(nimitta)* bị cấu tạo đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***pháp vô vi*** *(animitta)* không bị cấu tạo là nơi an toàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến Niết Bàn ***tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***nghiệp chướng*** *(āyūhana)* của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***không nghiệp chướng*** *(anāyūhana)* của danh pháp, sắc pháp là nơi an toàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự tái sanh*** *(paṭisandhi)* của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không tái sanh*** *(appaṭisandhi)* của danh pháp, sắc pháp là nơi an toàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh***....

2- Đối tượng Khổ *(dukkha)* **– Lạc** *(sukha)*

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự sanh*** của danh pháp, sắc pháp là khổ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không sanh*** của danh pháp, sắc pháp là lạc, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là khổ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là lạc, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ các ***pháp hữu vi*** bị cấu tạo là khổ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***pháp vô vi*** không bị cấu tạo là lạc, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là khổ, cho nên trí tuệ thiền thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***không nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là lạc, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn*** tịch tịnh**.**

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là khổ, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là lạc, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh***....

3- Đối tượng luân hồi *(sāmisa),* **chấm dứt luân hồi** *(nirāmisa)*

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự sanh*** của danh pháp, sắc pháp là luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không sanh*** của danh pháp, sắc pháp là chấm dứt luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là chấm dứt luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ các ***pháp hữu vi*** bị cấu tạo là luân hồi, nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***pháp vô vi*** *(animitta)* không bị cấu tạo là chấm dứt luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***không nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là chấm dứt luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là luân hồi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là chấm dứt luân hồi, nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh***....

4- Đối tượng pháp hữu vi *(saṅkhāra),* **Niết Bàn** *(Nibbāna)*

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự sanh*** của danh pháp, sắc pháp là pháp hữu vi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không sanh*** của danh pháp, sắc pháp là Niết Bàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là pháp hữu vi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không hiện hữu*** của danh pháp, sắc pháp là Niết Bàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ các ***danh pháp, sắc pháp*** *(nimitta)* là pháp hữu vi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***pháp vô vi*** không bị cấu tạo là Niết Bàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là pháp hữu vi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***không nghiệp chướng*** của danh pháp, sắc pháp là Niết Bàn, cho nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh.***

* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là pháp hữu vi, cho nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***tội chướng*** của danh pháp, sắc pháp.

- Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ ***sự không tái sanh*** của danh pháp, sắc pháp là Niết Bàn, nên trí tuệ thiền tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh***....

5- Thông suốt trong 10 loại trí tuệ thiền tuệ

Hành giả có ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ 5 đối tượng danh pháp, sắc pháp có ***sự sanh, sự hiện hữu, các pháp hữu vi, nghiệp chướng*** và ***sự tái sanh là khổ.*** Đó là ***trí tuệ thiền tuệ thứ bảy*** thấy rõ ***tội chướng*** *(ādīnavañāṇa).*

Và ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ 5 đối tượng Niết Bàn: ***sự không sanh, sự không hiện hữu, pháp vô vi, không nghiệp chướng, sự không tái sanh là lạc.*** Đó là ***trí tuệ thiền tuệ thứ bảy*** trí tuệ hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh*** *(santipadañāṇa).*

Hành giả nào là người có trí tuệ thiền tuệ thông suốt thuần thục trong 2 loại đối tượng, mỗi loại có 5 loại trí tuệ thiền tuệ: gồm có 10 loại trí tuệ thiền tuệ, hành giả ấy không bị lay chuyển bởi các tà kiến.

6- Đối tượng của Ādīnavā¸ñāṇa và Santipadañāṇa

Đối tượng của *Ādīnavañāṇa* và *Santipadañāṇa* hoàn toàn đối nghịch nhau như sau:

- Trí tuệ thiền tuệ *Ādīnavañāṇa* này thấy rõ, biết rõ ***danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng, bởi đáng kinh sợ, không phải là nơi ẩn náu an toàn, không phải là nơi nương nhờ an toàn, chỉ có khổ thật***, nên hành giả nhàm chán nơi danh pháp, sắc pháp ấy.

- Trí tuệ thiền tuệ *Santipadañāṇa* hướng đến ***Niết Bàn tịch tịnh đầy ân đức, là nơi ẩn náu an toàn, là nơi nương nhờ an toàn, chỉ có an lạc tuyệt đối.***

Do đó, hành giả có đức tin trong sạch vững chắc trong sự tiến hành thiền tuệ này dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn pháp diệt khổ.

7- Sự tương quan giữa các pháp

- Danh pháp, sắc pháp nào thật đáng kinh sợ, danh pháp, sắc pháp ấy là khổ thật.

- Danh pháp, sắc pháp nào là khổ thật, danh pháp, sắc pháp ấy là pháp luân hồi.

- Danh pháp, sắc pháp nào là pháp luân hồi, danh pháp, sắc pháp ấy là pháp hữu vi.

- Như vậy, danh pháp, sắc pháp là đáng kinh sợ, đầy ***tội chướng,*** đáng nhàm chán.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 7 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 8.

8- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Tám *(Nibbidānupassanāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thứ tám, gọi là, *Nibbidā-nupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ danh pháp, sắc pháp thật đáng nhàm chán.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ tám này phát sanh là do nhờ trí tuệ thứ nhất đến trí tuệ thiền tuệ thứ bảy, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ tám này nhàm chán, không chút hài lòng trong tất cả mọi danh pháp, sắc pháp ở trong ***tam giới:*** *dục giới, sắc giới* và *vô sắc giới*; trong ***bốn loài***: *thai sanh, noãn sanh, thấp sanh* và *hoá sanh*. Bởi vì trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, danh pháp, sắc pháp đầy ***tội chướng.***

Do đó, ***trí tuệ thiền tuệ thứ tám*** này nhàm chán trong tất cả mọi danh pháp, sắc pháp, vì ***sanh rồi diệt, diệt rồi lại sanh*** và cứ như vậy liên tục không ngừng hành hạ, có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*** Chung quy cũng chỉ có ***khổ đế*** mà thôi, ngoài khổ đế ra, không có sự an lạc nào thật. Cho nên, hành giả phải có sự tinh tấn không ngừng tiến hành theo 7 loại *anupassanā* để mong giải thoát khỏi khổ đế như sau:

1- Aniccānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường; nên diệt được tâm lầm tưởng cho là thường (niccasaññā).

2- Dukkhānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có trạng thái khổ; nên diệt được tâm lầm tưởng cho là lạc (sukhasaññā).

3- Anattānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô ngã; nên diệt được tâm lầm tưởng cho là ngã (attasaññā).

4- Nibbidānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng nhàm chán; nên diệt được tâm tham hài lòng trong danh pháp, sắc pháp (nandi).

5- Virāgānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp không đáng say mê; nên diệt được tâm tham say mê trong danh pháp, sắc pháp (rāga).

6- Nirodhānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp; nên diệt được sự sanh của tham ái (samudaya).

7- Paṭinissaggānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng xả bỏ; nên diệt được tâm chấp thủ nơi danh pháp, sắc pháp (ādāna).

Hành giả có sự tinh tấn không ngừng nghỉ, tiến hành 7 loại *anupassanā* trên, nhất là tiến hành *aniccānupassanā, dukkhānupassanā*, *anattānupassanā* là căn bản chính của trí tuệ thiền tuệ, để thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường, có trạng thái khổ, có trạng thái vô ngã;*** để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp diệt khổ sanh, khổ lão, khổ bệnh, khổ tử....

Đức Phật dạy:

"Khemaṃ sukhaṃ nirāmisaṃ nibbānaṃ" [1] .

"Niết Bàn là nơi an toàn, an lạc, không có phiền não".

Ba loại trí tuệ thiền tuệ: *bhayatupaṭṭhānañāṇa, ādīnavā-nupassanāñāṇa, nibbidānupassanāñāṇa* tương tự về ý nghĩa, khác nhau về danh từ. Bởi vì khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đáng kinh sợ,*** nên trở thành trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đầy tội chướng.*** Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đầy tội chướng,*** nên trở thành trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đáng nhàm chán.***

Trí tuệ thiền tuệ thứ 8 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 9.

9- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Chín *(Muñcitukamyatāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát triển và tiến hoá tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ chín gọi là, *Muñcitukamyatāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ mong muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ chín này phát sanh là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ tám, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ chín này, mong muốn giải thoát ra khỏi danh pháp, sắc pháp. Bởi vì trí tuệ thiền tuệ, thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, tâm không muốn dính mắc, ràng buộc trong danh pháp, sắc pháp, chỉ mong muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp mà thôi.

Trí tuệ thiền tuệ thứ chín này, thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp, dầu trong cõi dục giới, cõi sắc giới, hoặc cõi vô sắc giới, cũng như trong 3 hầm lửa than hồng, hừng hực thiêu đốt chúng sinh, chỉ có khổ đế mà thôi. Do đó, chỉ mong muốn giải thoát ra khỏi danh pháp, sắc pháp. Ví như *cá ở trong đảy lưới, con nhái nằm trong miệng rắn, gà rừng nhốt trong chuồng, nai bị mắc bẫy, rắn nằm trong tay thầy rắn, voi rơi xuống hầm, Long vương ở trong miệng Điểu vương, lính bị kẻ thù vây hãm,...* chỉ muốn thoát ra khỏi vòng nguy hiểm đến sanh mạng, như thế nào, hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ chín này, tâm chỉ mong muốn giải thoát ra khỏi danh pháp, sắc pháp nguy khốn, cũng như thế ấy.

Nên trí tuệ thiền tuệ này gọi là: *Muñcitukamyatāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ mong muốn giải thoát khỏi tất cả mọi danh pháp, sắc pháp ở trong tam giới, gồm có 31 cảnh giới đầy nguy khốn này.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ 9 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 10.

10- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Mười *(Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ thiền tuệ, tiến hóa tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ mười gọi là, *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại danh pháp, sắc pháp có **trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã** một cách rõ ràng, để tìm ra phương pháp giải thoát khỏi **khổ đế** của danh pháp, sắc pháp.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười này phát sanh là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ chín, làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của *danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, mong muốn giải thoát khỏi tất cả mọi danh pháp, sắc pháp,* những trí tuệ thiền tuệ này làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ mười – là trí tuệ thiền tuệ tìm ra phương pháp để giải thoát khỏi ***khổ đế*** của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp – bằng cách thấy rõ, biết rõ trở lại ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã***của danh pháp, sắc pháp.

1- Trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp bằng 12 trạng thái chi tiết như sau:

1- Anaccantikato: do bởi trạng thái không phải thường.

2- Tāvakālikato: do bởi trạng thái vay mượn tạm thời.

3- Uppādavayaparicchinnato: do bởi trạng thái phân tách rõ sự sanh, sự diệt.

4- Palokato: do bởi trạng thái tiêu hoại.

5- Calato: do bởi trạng thái biến động.

6- Pabhaṅguto: do bởi trạng thái tan rã.

7- Addhuvato: do bởi trạng thái không bền vững.

8- Vipariṇāmadhammato: do bởi trạng thái biến đổi là thường.

9- Assārakato: do bởi trạng thái vô dụng, không cốt lõi.

10- Vibhavato: do bởi trạng thái bị huỷ hoại.

11- Saṅkhatato: do bởi trạng thái bị cấu tạo.

12- Maraṇadhammato: do bởi trạng thái hủy diệt là thường....

Trong 12 chi tiết của ***trạng thái vô thường*** này, hiện rõ tùy theo căn duyên của hành giả, chi tiết nào cũng biểu hiện rõ được trạng thái vô thường của danh pháp, sắc pháp.

2- Trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp, bằng 27 trạng thái chi tiết như sau:

1- Abhiṇhapatiïpiḷanato: do bởi trạng thái bị hành hạ không ngừng.

2- Dukkhamato: do bởi trạng thái khó chịu đựng nổi.

3- Dukkhavatthuto: do bởi trạng thái nơi sanh khổ.

4- Rogato: do bởi trạng thái bệnh tật.

5- Gaṇṇato: do bởi trạng thái ung nhọt.

6- Sallato: do bởi trạng thái tên độc.

7- Aghato: do bởi trạng thái xấu xa.

8- Ābādhato: do bởi trạng thái đau ốm.

9- Ītito: do bởi trạng thái khốn đốn.

10- Upaddavato: do bởi trạng thái tai họa nguy hiểm.

11- Bhayato: do bởi trạng thái đáng kinh sợ.

12- Upasaggato: do bởi trạng thái cản trở.

13- Atāṇato: do bởi trạng thái không che chở chống đỡ được.

14- Aleṇato: do bởi trạng thái không ẩn náu được.

15- Asaraṇato: do bởi trạng thái không nương nhờ được.

16- Ādīnavato: do bởi trạng thái đầy tội chướng.

17- Aghamūlato: do bởi trạng thái nguồn gốc của đau khổ.

18- Vadhakato: do bởi trạng thái sát hại.

19- Sāsavato: do bởi trạng thái phiền não trầm luân.

20- Mārāmisato: do bởi trạng thái mồi của ma vương.

21- Jātidhammato: do bởi trạng thái tái sanh là thường.

22- Jarādhammato: do bởi trạng thái già là thường.

23- Byādhidhammato: do bởi trạng thái bệnh là thường.

24- Sokadhammato: do bởi trạng thái sầu não là thường.

25- Paridevadhammato: do bởi trạng thái than khóc là thường.

26- Upāyāsadhammato: do bởi trạng thái thống khổ cùng cực là thường.

27- Saṅkilesikadhammato: do bởi trạng thái bị ô nhiễm bởi phiền não là thường....

Trong 27 chi tiết của ***trạng thái khổ*** này hiện rõ tùy theo căn duyên của hành giả, chi tiết nào cũng biểu hiện rõ được trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp.

3- Trạng thái bất tịnh của danh pháp, sắc pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là bất tịnh, không tốt đẹp, bằng 7 trạng thái chi tiết như sau:

1- Ajaññato: do bởi trạng thái không tốt đẹp.

2- Duggandhato: do bởi trạng thái mùi hôi tanh.

3- Jegucchato: do bởi trạng thái ghê tởm.

4- Paṭikūlato: do bởi trạng thái dơ bẩn.

5- Amaṇṇanārahato: do bởi trạng thái không đáng trang điểm.

6- Virūpato: do bởi trạng thái đáng nhàm chán.

7- Bībhacchato: do bởi trạng thái đáng nhờm gớm....

Trong 7 chi tiết của ***trạng thái bất tịnh***, hiện rõ tùy theo căn duyên của hành giả, chi tiết nào cũng biểu hiện rõ được trạng thái bất tịnh của danh pháp, sắc pháp.

4- Trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp, bằng 7 trạng thái chi tiết như sau:

1- Parato: do bởi trạng thái khác lạ (không phải của ta).

2- Rittato: do bởi trạng thái trống rỗng.

3- Tucchato: do bởi trạng thái hư huyễn.

4- Suññato: do bởi trạng thái không (không phải của ta).

5- Assāmikato: do bởi trạng thái vô chủ.

6- Anissarato: do bởi trạng thái không có ai làm lớn.

7- Avasavattito: do bởi trạng thái không ở trong quyền hạn của ai, không chìu theo ai cả....

Trong 7 chi tiết của ***trạng thái vô ngã*** này hiện rõ tùy theo căn duyên của hành giả, chi tiết nào cũng biểu hiện rõ được trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười này thấy rõ, biết rõ trở lại danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã***, một cách rõ ràng, đầy năng lực, để có thể diệt được sự lầm tưởng cho là: ***thường, lạc, ngã, tịnh***; đồng thời, chọn ***một phương pháp thích hợp với căn duyên, bản tính*** của hành giả bằng ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã,*** để dẫn đến sự giải thoát khổ của danh pháp, sắc pháp.

Ví dụ:

Một người nông dân cầm nơm đi bắt cá, người ấy xuống ao sâu, chụp nơm xuống nước, đến khi nghĩ đã chụp được con cá; người ấy thò tay vào nơm, nắm trúng ngay đầu con rắn đẻn độc, lại tưởng lầm rằng con lươn, người ấy vô cùng vui mừng hoan hỉ nghĩ rằng*: "Ta đã bắt được con lươn!".* Người ấy nắm chặt đầu con lươn, rút tay ra khỏi cái nơm, mới biết đó là con rắn đẻn độc ***đáng kinh sợ, có độc hại đến tánh mạng; muốn buông thả con rắn đẻn độc ra khỏi tay,*** mà không hại đến tính mạng. Người ấy bèn nghĩ ra một cách đưa con rắn đẻn độc lên cao khỏi đầu, rồi quay 2, 3 vòng làm cho con rắn đẻn đuối sức, vừa lấy trớn mới buông ném con rắn đẻn độc ra xa. Người ấy leo lên bờ đứng rồi nghĩ thầm: *"May quá, hôm nay ta đã thoát chết khỏi con rắn đẻn độc kia !".*

Cũng như hành giả tiến hành thiền tuệ trải qua quá trình diễn tiến trí tuệ thiền tuệ như sau:

- Hành giả đã được sanh ***làm người,*** cảm thấy hài lòng chấp thủ như thế nào, cũng ví như người nông dân bắt được ***con rắn đẻn độc,*** tưởng lầm rằng ***"con lươn",*** vô cùng vui mừng hoan hỉ cũng như thế ấy.

- Hành giả tiến hành thiền tuệ, cho đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ***danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã,*** *không phải ta, không phải của ta*,... mà danh pháp, sắc pháp này sanh rồi diệt liên tục không ngừng. Trí tuệ thiền tuệ diễn tiến thấy rõ *danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã; đáng kinh sợ; đầy tội chướng; đáng nhàm chán; mong muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp; tìm chọn phương pháp thích hợp để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp này như thế*

nào. Ví như người nông dân khi thấy rõ, biết rõ rằng: *"con rắn đẻn độc, không phải con lươn"* như đã lầm tưởng từ trước. Con rắn đẻn độc này có nọc độc hại đến tính mạng, cần phải tìm cách buông bỏ ra khỏi tay, ném cho thật xa, cũng như thế ấy.

Vậy ***Trí tuệ thiền tuệ thứ mười*** *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ tìm chọn phương pháp ưu việt nhất, thích hợp với căn duyên của hành giả, để giải thoát khỏi mọi danh pháp, sắc pháp,* làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 11.

11- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Mười Một *(Saṅkhārupekkhāñāṇa)*

Hành giả tiếp tục tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ tiến hoá tuần tự phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ mười một gọi là, *Saṅkhā-rupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp rõ ràng là* ***pháp vô ngã,*** *nên trí tuệ thiền tuệ đặt tâm trung dung giữa danh pháp sắc pháp, có* ***trạng thái vô thường,*** *hoặc* ***trạng thái khổ,*** *hoặc* ***trạng thái vô ngã*** *làm đối tượng.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một này phát sanh là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ mười làm nhân duyên, làm nền tảng.

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một này có một tầm quan trọng, để chuẩn bị cho một sự kiện quan trọng cho ***"Thánh Đạo lộ trình tâm"*** *(Maggavīthicitta)* sẽ phát sanh.

Cho nên, trí tuệ thiền tuệ thứ mười một có những tính chất đặc biệt như sau__

1- Trí tuệ thiền tuệ Saṅkhārupekkhāñāṇa trung dung giữa danh pháp, sắc pháp

Hành giả tiến hành thiền tuệ, khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ thứ mười một*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là ***pháp vô ngã:*** *không phải ta (na attā), không phải của ta (na attaniya), không phải người, không phải của người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh nào, không phải của chúng sinh nào,....*

Những trí tuệ thiền tuệ phần trước đã thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp liên tục không ngừng, nên hiện rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** *thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ; đầy tội chướng; đáng chán nản; mong muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp; tìm chọn đối tượng nào ưu việt nhất trong 3 trạng thái, để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.*

Cho nên, ***trí tuệ thiền tuệ thứ mười một*** này không cố chấp danh pháp, sắc pháp cho là ***ta,*** là ***của ta*** nữa, nên diệt được ***tham tâm,*** hài lòng trong

danh pháp, sắc pháp và cũng diệt được ***sân tâm,*** chán ghét trong danh pháp, sắc pháp. Do đó, gọi trí tuệ thiền tuệ này là*Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp rõ ràng là* **pháp vô ngã,** nên trí tuệ thiền tuệ ***trung dung giữa danh pháp, sắc pháp*** có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** làm đối tượng để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp bằng một trong ba trạng thái chung: ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã*** ấy.

Ví dụ:

Có người đàn ông rất yêu thương, say mê người vợ trẻ đẹp, cho là thuộc về riêng của mình. Một hôm, ngẫu nhiên người đàn ông ấy nhìn thấy người vợ yêu dấu của mình quan hệ bất chính với một người đàn ông khác. Người đàn ông ấy nổi giận vì ghen tức. Nghĩ rằng:*"Ta yêu thương say mê vợ của ta, nhưng vợ của ta đem lòng phụ tình với ta, lại yêu thương người đàn ông khác".*

Khi người đàn ông thấy rõ tội lỗi của người vợ bạc tình kia, nên quyết định ly dị, không còn chấp nhận là vợ của mình nữa, xem như những người đàn bà khác. Người đàn ông ấy không còn thương yêu và cũng không còn ghen tức người đàn bà ấy nữa.

Về sau, người đàn ông này nhìn thấy người đàn bà kia *(trước đây là vợ)* có quan hệ bất chính với bất cứ người đàn ông nào khác, người đàn ông này tâm vẫn trung dung đối với người đàn bà kia, không yêu thương, cũng không ghen tức nữa.

Cũng như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ thứ mười một*** giữ tâm trung dung giữa danh pháp, sắc pháp, có ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** tâm không tham muốn trong tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới; trong 4 loài: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh. Ví như giọt nước rơi trên lá sen, nước không dính lá sen, lá sen cũng không dính nước.

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một *Saṅkhārupekkhāñāṇa* cũng như thế ấy, trí tuệ thiền tuệ trung dung giữa danh pháp, sắc pháp, có trạng thái vô thường, hoặc trạng thái khổ, hoặc trạng thái vô ngã.

2- Trí tuệ thiền tuệ Saṅkhārupekkhāñāṇa tìm hướng

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một *Saṅkhārupekkhāñāṇa* này tìm hướng để dắt dẫn đến pháp giải thoát khổ.

- Nếu ***Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một,*** khi thấy được hướng Niết Bàn, sẽ từ bỏ (buông bỏ) đối tượng danh pháp, sắc pháp, hướng tâm đến Niết Bàn làm đối tượng.

- Nếu ***Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một*** chưa thấy được hướng Niết Bàn làm đối tượng, thì vẫn còn danh pháp, sắc pháp làm đối tượng thiền tuệ, lại càng cố gắng tinh tấn không ngừng làm cho trí tuệ thiền tuệ càng tăng thêm năng lực mạnh mẽ, để có thể thấy rõ Niết Bàn, hầu buông bỏ đối tượng danh pháp, sắc pháp.

Ví dụ:

Đoàn người đi buôn bằng thuyền buồm, khi ra giữa biển khơi, thường đem theo một***con diều*** để chỉ đường. Mỗi khi gặp phải gió bão, thuyền bị lạc hướng, không biết đâu là bờ bến, người thuyền trưởng thả con diều cho nó bay lên cao đi tìm hướng bờ bến *(vì con diều có đôi mắt nhìn thấy xa)*. Khi con diều nhìn thấy hướng bờ bến, nó sẽ bay thẳng theo hướng ấy; nếu con diều không nhìn thấy hướng bờ bến, nó bay trở lại đậu trên cột buồm chờ đợi.

Cũng như vậy, trí tuệ thiền tuệ *Saṅkhārupekkhāñāṇa* này còn có phận sự tìm hướng Niết Bàn.

- Nếu thấy được Niết Bàn, sẽ buông bỏ đối tượng danh pháp, sắc pháp, hướng tâm đến Niết Bàn làm đối tượng.

- Nếu chưa thấy được Niết Bàn, thì vẫn còn danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã*** làm đối tượng của trí tuệ thiền tuệ.

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một *Saṅkhārupekkhāñāṇa* trí tuệ thiền tuệ đặt tâm trung dung, không hài lòng và cũng không chán ghét ở danh pháp, sắc pháp, nên có một tiềm lực mãnh liệt, một khả năng đặc biệt, quyết định con đường giải thoát khỏi khổ tam giới:

Giải thoát khỏi tam giới

- Bằng ***1*** trong ***3 trạng thái chung: trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc***trạng thái vô ngã.***

- Bằng ***1*** trong ***3 tùy tuệ:*** *aniccānupassanā, hoặc dukkhā-nupassanā, hoặc anattānupassanā.*

- Bằng ***1*** trong ***3 pháp chủ:*** *saddhindriya, hoặc samādhindriya, hoặc paññindriya.*

- Bằng ***1*** trong ***3 cửa giải thoát:*** *animittavimokkha, hoặc appaṇihitavimokkha, hoặc suññatavimokkha.*

- Bằng *1* trong *3* ***loại Niết Bàn:*** *animittanibbāna****,*** *hoặc appaṇihitanibbāna****,*** *hoặc suññatanibbāna****.***

3- Phân định bảy bậc Thánh nhân

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một *Saṅkhārupekkhāñāṇa* đóng một vai trò quan trọng trong việc dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và phân định 7 bậc Thánh nhân như sau:

1- Nếu hành giả tiến hành theo *aniccānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ****trạng thái vô thường,*** *của danh pháp, sắc pháp.* Bởi vì hành giả là người có nhiều ***đức tintrong sạch*** trong các pháp, nên ***tín pháp chủ*** *(saddhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp chủ khác *(tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ),* dẫn đến cửa ***vô tướng giải thoát*** *(animitta-vimokkha),* chứng ngộ ***Vô Hiện Tượng Niết Bàn*** *(Animitta-nibbāna).*

- Chứng đắc *Nhập Lưu Thánh Đạo* gọi là *Saddhānusārī: bậc Thánh Nhập Lưu chứng đắc bằng đức tin*.

- Chứng đắc *Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả* gồm có 7 bậc Thánh nhân gọi là *Saddhāvimutta: bậc Thánh nhân giải thoát bằng đức tin*.

2- Nếu hành giả tiến hành theo *dukkhānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ****trạng thái khổ*** *của danh pháp, sắc pháp.* Bởi vì hành giả là người có nhiều ***định,*** nên ***định pháp chủ*** *(samādhindriya)* có nhiều năng lực hơn cả 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, tuệ pháp chủ)* dẫn đến cửa ***vô ái giải thoát*** *(appaṇihitavimokkha), chứng ngộ* ***Vô Ái Niết Bàn*** *(Appaṇihitanibbāna)*.

- Chứng đắc *4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả* gồm đủ 8 bậc Thánh nhân gọi là*Kāyasakkhi: là bậc Thánh nhân trước có các bậc thiền sắc giới làm nền tảng, sau tiến hành thiền tuệ chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả.*

- Nếu trường hợp hành giả trước đã chứng đắc *tứ thiền vô sắc giới,* sau tiến hành thiền tuệ chứng đắc *Arahán Thánh Quả* gọi là *Ubhatobhāgavimutta: bậc Thánh Arahán giải thoát bằng cả hai: tứ thiền vô sắc giới và trí tuệ thiền tuệ.*

3- Nếu hành giả tiến hành *anattānupassanā: Trí tuệ thiền tuệ theo dõi thấy rõ* ***trạng thái vô ngã,*** *của danh pháp, sắc pháp.* Bởi vì hành giả là người có nhiều ***trí tuệ,*** nên ***tuệ pháp chủ*** *(paññindriya)* có nhiều năng lực hơn cả 4 pháp chủ khác *(tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp*

chủ), dẫn đến cửa ***chơn không giải thoát*** *(suññatavimokkha),*chứng ngộ ***Chơn Không Niết Bàn*** *(Suññatanibbāna).*

- Chứng đắc Nhập *Lưu Thánh Đạo* gọi là *Dhammānusārī: là bậc Thánh nhân chứng đắc bằng trí tuệ siêu việt*.

- Chứng đắc *Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo* gồm có 6 bậc Thánh nhân gọi là *Diṭṭhipatta: là bậc Thánh nhân chứng đắc bằng trí tuệ siêu việt.*

- Chứng đắc Arahán Thánh Quả gọi là *Paññāvimutta: là bậc Thánh Arahán giải thoát*bằng *trí tuệ siêu việt, không có bậc thiền nào làm nền tảng.*

4- Bảy bậc Thánh nhân theo 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả

1- ***Bậc Thánh*** *Saddhānusārī:* Đó là ***bậc Nhập Lưu Thánh Đạo,*** chứng đắc bằng đức tin trong sạch.

2- ***Bậc Thánh*** *Dhammā¸nusārī:* Đó là ***bậc Nhập Lưu Thánh Đạo,*** chứng đắc bằng trí tuệ siêu việt.

3- ***Bậc Thánh*** *Diṭṭhippatta:* gồm có 6 bậc Thánh nhân: ***Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo,*** chứng đắc bằng trí tuệ siêu việt.

4- ***Bậc Thánh*** *Saddhāvimutta:* gồm có 7 bậc Thánh nhân: ***Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo,*** giải thoát bằng đức tin trong sạch.

5- ***Bậc Thánh*** *Kāyasakkhi:* gồm có 8 bậc Thánh nhân: ***Nhập Lưu Thánh Đạo***, ***Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả*** là 8 bậc Thánh nhân có bậc thiền sắc giới làm nền tảng.

6- *Ubhatobhāgavimutta:* đó là ***bậc Arahán Thánh Quả*** giải thoát bằng cả hai: bậc thiền vô sắc giới và trí tuệ thiền tuệ.

7- *Paññāvimutta:* đó là ***bậc Arahán Thánh Quả*** giải thoát chỉ bằng trí tuệ thiền tuệ, không có bậc thiền làm nền tảng.

5- Ba trí tuệ thiền tuệ mục đích giống nhau

1- Trí tuệ thiền tuệ *Muñcitukamyatāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ mong muốn giải thoát ra khỏi danh pháp, sắc pháp.*

2- Trí tuệ thiền tuệ *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường, trạng thái*

khổ, trạng thái vô ngã một cách rõ ràng, để tìm ra phương pháp giải thoát khỏi khổ của danh pháp, sắc pháp.

3- Trí tuệ thiền tuệ *Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp rõ ràng là* ***pháp vô ngã,*** *nên trí tuệ thiền tuệ đặt trung dung giữa danh pháp, sắc pháp có* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *làm đối tượng, để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, bằng một trong ba trạng thái chung: trạng thái vô thường, hoặc trạng thái khổ, hoặc trạng thái vô ngã ấy.*

Ba trí tuệ thiền tuệ này đều giống nhau một phận sự, một mục đích giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, chỉ khác nhau ở ba giai đoạn:

- Trí tuệ thiền tuệ *Muñcitukamyatāñāṇa* ở giai đoạn đầu.
- Trí tuệ thiền tuệ *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* ở giai đoạn giữa.
- Trí tuệ thiền tuệ *Saṅkhārupekkhāñāṇa* ở giai đoạn cuối.

Do đó, ba trí tuệ thiền tuệ này, ý nghĩa và mục đích giống nhau, chỉ khác nhau theo thời gian.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 11 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 12.

Chú thích:

[1] Bộ Paṭisambhidāmagga, phần Ādīnavañāṇaniddesa .

-ooOoo-

12- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Mười Hai *(Anulomañāṇa)*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ thiền tuệ đến ***Thánh Đạo lộ trình tâm****(Maggavīthicitta).* Trong lộ trình tâm này có 7 sát na tâm *Javanakicca: phận sự tác hành:* Sát na tâm thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, gồm 3 sát na tâm đầu trong 7 *tác hành tâm (javanacitta),* là trí tuệ thứ 12 gọi là *Anulomañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thuận dòng theo* ***8 trí tuệ thiền tuệ*** *phần trước và thuận dòng theo* ***37 pháp chứng đắc Thánh Đạo*** [2] *phần sau.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười hai này phát sanh là do nhờ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ mười một, làm nhân duyên, làm nền tảng. Trí tuệ thiền tuệ này thuận dòng đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

1- Trí tuệ thiền tuệ Anulomañāṇa: Thuận dòng

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười hai *Anulomañāṇa* này, thuận dòng theo 8 trí tuệ thiền tuệ phần trước, vì có chung một phận sự, thấy rõ, biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung: ***trạng***

thái vô thường, hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc***trạng thái vô ngã,*** theo dòng phát triển trí tuệ thiền tuệ tuần tự như sau:

1- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *Udayabbayānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

2- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ năm*** *Bhaṅgānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt* ***sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

3- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ sáu*** *Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp* ***đáng kinh sợ.***

4- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ bảy*** *Ādīnavānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp* ***đầy tội chướng.***

5- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tám*** *Nibbidānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp* ***đáng nhàm chán.***

6- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ chín*** *Muñcitukamyatāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ* ***mong muốn giải thoát*** *khỏi danh pháp, sắc pháp.*

7- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ mười*** *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***trở lại danh pháp, sắc pháp*** *có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, một cách rõ ràng, để tìm ra phương pháp giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.*

8- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ mười một*** *Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là* ***pháp vô ngã****, trí tuệ thiền tuệ đặt trung dung giữa danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường, hoặc trạng thái khổ, hoặc trạng thái vô ngã, để giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp bằng một trong ba trạng thái chung ấy.*

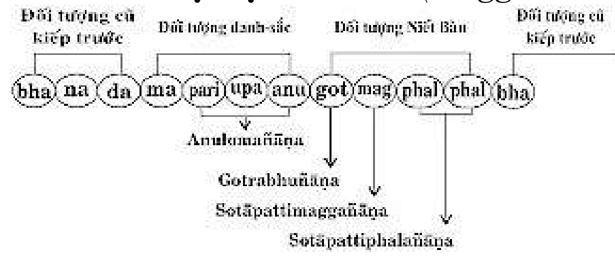
Đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ mười hai*** *Anulomañāṇa, là trí tuệ thiền tuệ thuận dòng theo****8 trí tuệ thiền tuệ*** *phần trước, vì cùng chung một phận sự, một mục đích giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.*

2- Trí tuệ thiền tuệ Anulomañāṇa: thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo, phần sau

Trí tuệ thiền tuệ thứ mười hai *Anulomañāṇa,* là trí tuệ thiền tuệ phát sanh trong***Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Maggavīthicitta),* chắc chắn sắp chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,***có ***Niết Bàn*** làm đối tượng, chứng đắc ***Thánh Đạo, Thánh Quả*** thuộc về ***siêu tam giới tâm,***nơi hội tụ đầy đủ ***37 pháp chứng đắc Thánh Đạo*** ở trong ***4 Thánh Đạo Tâm.*** Do đó, ***trí tuệ thiền tuệ*** *Anulomañāṇa* này thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo *(4*

pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo) phần sau, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Đồ biểu Nhập Lưu Thánh Đạo lộ trình tâm *(Maggavīthicitta)*



Giải thích Thánh Đạo lộ trình tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm, viết tắt: (bha)

2- Bhavaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động, viết tắt: (na)

3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt đứt, viết tắt: (da)

4- Manodvāravajjanacitta: Ý môn hướng tâm, viết tắt: (ma)

5- Parikamma: Chuẩn bị Thánh Đạo Tâm sanh, viết tắt: (pari)

6- Upacāra: Cận Thánh Đạo Tâm, viết tắt: (upa)

7- Anuloma: Thuận dòng trước – sau, viết tắt: (anu)

8- Gotrabhu: Chuyển sang dòng Thánh, viết tắt: (got)

9- Sotāpattimaggacitta: Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm, viết tắt: (mag)

10- Sotāpattiphalacitta: Nhập Lưu Thánh Quả Tâm, viết tắt: (phal)

11- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm, viết tắt: (bha)

Xem đồ biểu Thánh Đạo lộ trình tâm, thấy rõ vị trí của ***trí tuệ thiền tuệ thứ mười hai****Anulomañāṇa,* chỉ có 3 sát na tâm đầu *(có khi chỉ còn 2 sát na tâm, trừ sát na tâm parikamma)* làm phận sự *Anulomañāṇa,* có một trong 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, để cho ***trí tuệ thiền tuệ*** *Anulomañāṇa* làm phận sự như sau:

- *Sát na tâm thứ nhất* gọi là *parikamma: chuẩn bị để cho Thánh Đạo Tâm phát sanh*. Khi làm phận sự xong rồi diệt, để làm duyên cho sát na tâm sau phát sanh là:

- *Sát na tâm thứ nhì* gọi là *upacāra: cận Thánh Đạo Tâm sẽ phát sanh*. Khi làm phận sự xong rồi diệt, để làm duyên cho sát na tâm sau phát sanh là:

- *Sát na tâm thứ ba* gọi là *anuloma: thuận theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo, để cho Thánh Đạo Tâm phát sanh*. Ba sát na tâm này thuộc về trí tuệ thứ 12 gọi là *Anulomañāṇa*trong Thánh Đạo lộ trình tâm. Khi làm phận

sự xong rồi diệt, đồng thời diệt luôn cả ***đối tượng danh pháp*** hoặc ***sắc pháp*** có ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã,*** chấm dứt đối tượng thuộc tam giới danh pháp, sắc pháp, để làm duyên cho sát na tâm sau phát sanh là:

- *Sát na tâm thứ tư* gọi là *Gotrabhu: chuyển dòng từ phàm nhân sẽ sang bậc Thánh nhân*. Sát na tâm Gotrabhu, mặc dầu tâm còn là dục giới đại thiện tâm hợp với trí tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận ***Niết Bàn làm đối tượng.*** Sát na tâm Gotrabhu, thuộc về ***trí tuệ thiền tuệ thứ 13*** gọi là *Gotrabhuñāṇa* trong Thánh Đạo lộ trình tâm, chỉ có 1 sát na tâm rồi diệt, chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, chỉ làm duyên cho sát na tâm sau phát sanh là:

- *Sát na tâm thứ năm Sotāpattimaggacitta:* ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm,*** thuộc về ***siêu tam giới tâm,*** có ***Niết Bàn làm đối tượng.*** Trong ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm*** này, hội tụ đầy đủ 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo, có ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ,*** thuộc về***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14*** gọi là *Maggañāṇa* trong Thánh Đạo lộ trình tâm, chỉ có 1 sát na tâm, song có khả năng siêu việt làm phận sự ***diệt đoạn tuyệt*** được *4 tham tâm hợp tà kiến và si tâm hợp hoài nghi,* đồng thời các ***phiền não,*** ác pháp liên quan với tà kiến và hoài nghi khác. ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm*** làm phận sự xong rồi diệt, để làm duyên cho sát na tâm sau phát sanh là:

- *Sát na tâm thứ sáu* và *thứ bảy* gọi là *Sotāpattiphalacitta:* ***Nhập Lưu Thánh Quả Tâm,*** thuộc về ***siêu tam giới tâm,*** có ***Niết Bàn làm đối tượng.*** Trong ***Nhập Lưu Thánh Quả Tâm*** này, có 2 hoặc 3 sát na tâm hội tụ có 33 pháp chứng đắc Thánh Quả: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo, có ***Nhập Lưu Thánh Quả Tuệ,*** thuộc về ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15*** gọi là *Phalañāṇa* trongThánh Đạo lộ trình tâm, có 2 - 3 sát na tâm rồi diệt. Tiếp theo là *bhavaṅgacitta**:** hộ kiếp tâm*phát sanh, chấm dứt *Thánh Đạo lộ trình tâm.*

Như vậy ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12*** *Anulomañāṇa* này, là trí tuệ thiền tuệ tột cùng của ***trí tuệ thiền tuệ thuộc tam giới*** *(lokiyavipassanā).* Và còn gọi là *Saccānulomañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thuận dòng theo sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.*

3- Trí tuệ thiền tuệ thuộc Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi

Chín loại ***trí tuệ thiền tuệ*** thuộc về *Paṭipadāñāṇadassana-visuddhi: Pháp hành tri kiến thanh tịnh* như sau__

1- *Udayabbayānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thứ tư, khi ***không còn phiền não của thiền tuệ,*** đang tiến hành đúng theo chánh đạo, con đường Pháp hành Trung đạo.

2- *Bhaṅgānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt ***sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp.

3- *Bhayatupaṭṭhānañāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh diệt ***đáng kinh sợ.***

4- *Ādīnavānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đầy tội chướng.***

5- *Nibbidānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp ***đáng nhàm chán.***

6- *Muñcitukamyatāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ mong muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.

7- *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp một cách rõ ràng, để tìm con đường giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, bằng một trong 3 trạng thái chung.

8- *Saṅkhārupekkhāñāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là ***pháp vô ngã,*** không phải ta, không phải của ta, nên trí tuệ đặt trung dung giữa danh pháp, sắc pháp.

9- *Anulomañāṇa:* Trí tuệ thiền tuệ thuận dòng theo 8 trí tuệ thiền tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo phần sau, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

Chín trí tuệ thiền tuệ này còn trong lãnh vực trí tuệ thiền tuệ tam giới*(lokiyavipassanā)*, thuộc về ***Pháp hành tri kiến thanh tịnh*** *(Paṭipadāñāṇadassanaisuddhi),*là thanh tịnh thứ 4 trong phần trí tuệ thiền tuệ, và là thanh tịnh thứ 6 trong 7 pháp thanh tịnh.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 12 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 13.

13- Trí Tuệ Thiền Tuệ Thứ Mười Ba *(Gotrabhuñāṇa)*

Theo thứ tự Thánh Đạo lộ trình tâm, 3 sát na đầu thuộc về ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12****Anulomañāṇa,* đến sát na tâm thứ tư là trí tuệ thiền tuệ thứ 13 gọi là *Gotrabhuñāṇa:* ***Trí tuệ thiền tuệ*** *chuyển từ dòng phàm nhân sang dòng bậc Thánh nhân, thấy rõ Niết Bàn làm đối tượng.*

Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa* này chỉ có 1 sát na tâm, mặc dầu tâm còn là dục giới thiện tâm hợp với trí tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt như sau:

- Buông bỏ đối tượng ***trạng thái vô thường,*** hoặc ***trạng thái khổ,*** hoặc ***trạng thái vô ngã,*** của danh pháp, sắc pháp, mà tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

- Chuyển từ dòng phàm nhân sang dòng bậc Thánh nhân.

- Trí tuệ thiền tuệ thứ mười ba *Gotrabhuñāṇa* chỉ phát sanh lên 1 sát na tâm rồi diệt, làm duyên cho sát na ***Thánh Đạo Tâm*** phát sanh theo sau.

Ví dụ:

Một người nhận thấy bên bờ sông này đầy những nguy hiểm, muốn nhảy sang bờ bên kia cho được an toàn. Người ấy dùng một cây sào dài, chạy hết tốc lực từ xa đến bờ sông bên này, hai tay chống cây sào dài, tung người lên cao, lao thân qua bờ sông bên kia, rồi buông sào rơi xuống, đứng dậy vẫn còn bỡ ngỡ.

Cũng như hành giả nhận thấy trong ***ba giới:*** dục giới, sắc giới, vô sắc giới; ***bốn loài:***thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh đầy những cảnh khổ sanh, khổ lão, khổ bệnh, khổ tử,... cũng như người kia nhận thấy bờ sông bên này đầy nguy hiểm.

Hành giả mong muốn chứng ngộ Niết Bàn, pháp giải thoát khỏi mọi cảnh khổ sanh, khổ lão, khổ bệnh, khổ tử,... cũng như người kia muốn nhảy sang bờ sông bên kia an toàn.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng danh pháp, sắc pháp, tiếp nhận Niết Bàn làm đối tượng, vì thấy rõ, biết rõ Niết Bàn là nơi an lạc tuyệt đối, cũng như người kia dùng cây sào làm phương tiện để chống tung người lên cao, lao mình sang bờ sông bên kia an toàn.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa* tuy có Niết Bàn làm đối tượng, nhưng chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***tham ái, phiền não,*** là vì còn mới, chưa có nhân duyên hỗ trợ, nên chỉ làm duyên hỗ trợ cho Thánh Đạo Tâm phát sanh, cũng như người kia vừa buông sào rơi xuống bờ sông bên kia mới lạ, còn đang bỡ ngỡ.

Sự giống nhau và khác nhau giữa trí tuệ thiền tuệ Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa

- Hai trí tuệ thiền tuệ này hoàn toàn giống nhau ***về tâm,*** cả hai đều là dục giới đại thiện tâm hợp với trí tuệ và cùng trong một ***Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Maggavīthicitta).*

- Hai trí tuệ thiền tuệ này hoàn toàn khác nhau ***về đối tượng:*** Trí tuệ thiền tuệ*Anulomañāṇa* vẫn còn **danh pháp, sắc pháp** làm đối tượng thiền tuệ. Còn trí tuệ thiền tuệ*Gotrabhuñāṇa* đã buông bỏ đối tượng danh pháp, sắc pháp, tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

Trí tuệ thiền tuệ dẫn đến pháp giải thoát khổ

Trí tuệ thiền tuệ dẫn đến giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, hay gọi ***trí tuệ thiền tuệ tam giới tột đỉnh*** *(vuṭṭhānagāminīvipassanā)* có 2 trí tuệ thiền tuệ là:

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 12 *Anulomañāṇa,* là trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh, tận cùng của ***đối tượng danh pháp, sắc pháp trong tam giới*** *(lokiya ārammaṇa).*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa,* là trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh, tận cùng của ***trí tuệ thiền tuệ tam giới*** *(lokiyavipassanāñāṇa).*

Hai trí tuệ thiền tuệ này đạt đến đỉnh cao nhất của trí tuệ thiền tuệ tam giới, dẫn đến giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp, nên gọi là *vuṭṭhānagāminīvipassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ dẫn đến giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp,* để chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả.***

Sự khác nhau về đối tượng giải thoát

Những hành giả tiến hành thiền tuệ, đối tượng giải thoát cuối cùng khỏi danh pháp, sắc pháp có thể khác nhau, tùy theo căn duyên đã tạo nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ và kiếp hiện tại này, như__

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có khi ***danh pháp,*** có khi ***sắc pháp*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminīvipassanāñāṇa* này chỉ còn có ***danh pháp*** làm đối tượng**.** Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng ***danh pháp,*** tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có khi ***danh pháp,*** có khi ***sắc pháp*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminīvipassanāñāṇa* này, chỉ còn có ***sắc pháp*** làm đối tượng. Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng ***sắc pháp,*** tiếp nhận Niết Bàn làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có khi ***trạng thái vô thường,*** có khi***trạng thái khổ,*** có khi ***trạng thái vô ngã*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminī-vipassanāñāṇa* này, chỉ còn có ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng**.** Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng có ***trạng thái vô thường,*** tiếp

nhận ***Vô Hiện Tượng Niết Bàn*** làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có khi ***trạng thái khổ,*** có khi ***trạng thái vô thường,*** có khi ***trạng thái vô ngã*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminī-vipassanāñāṇa* này, chỉ còn có ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng**.** Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng có ***trạng thái khổ,*** tiếp nhận ***Vô Ái Niết Bàn*** làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có khi ***trạng thái vô ngã,*** có khi ***trạng thái khổ,*** có khi ***trạng thái vô thường*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminī-vipassanāñāṇa* này, chỉ còn có ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng**.** Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng có ***trạng thái vô ngã,*** tiếp nhận ***Chơn Không Niết Bàn*** làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

* Có số hành giả tiến hành thiền tuệ, ban đầu, có ***ngũ uẩn*** làm đối tượng, đến khi phát sanh trí tuệ thiền tuệ tột đỉnh *vuṭṭhānagāminī-vipassanāñāṇa* này, có ***ngũ uẩn*** làm đối tượng**.**Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* buông bỏ đối tượng ***ngũ uẩn,*** tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng, để chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả....

Như vậy, trí tuệ thiền tuệ chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả giống nhau, nhưng ***đối tượng của thiền tuệ*** có thể khác nhau, tùy theo căn duyên của mỗi hành giả.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14.

14- Trí Tuệ Thiền Tuệ Siêu Tam Giới Thứ Mười Bốn *(Maggañāṇa)*

Theo thứ tự ***Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Maggavīthicitta)* có 3 sát na tâm đầu, gọi là trí tuệ thiền tuệ: *Anulomañāṇa,* đến sát na tâm thứ tư gọi là *Gotrabhuñāṇa,* đến sát na tâm thứ năm là trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14, gọi là *Maggañāṇa: Thánh Đạo Tuệ,* thuộc về ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới,*** vì có ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

Thánh Đạo Tuệ là ***trí tuệ*** đồng sanh với ***Thánh Đạo Tâm,*** dầu chỉ có một sát na tâm phát sanh, song có một năng lực siêu việt, có thể diệt đoạn tuyệt được ***tham ái, phiền não, ác pháp*** tùy theo khả năng của mỗi ***Thánh Đạo Tuệ.***

Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ *(Sotāpattimaggañāṇa)* đồng sanh với ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm*** phát sanh lên lần đầu tiên của mỗi một chúng sinh, trong vòng tử sanh luân hồi trong tam giới từ vô thủy, không sao kể xiết được, cho đến kiếp hiện tại này.

1- Khả năng của Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ

Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ có khả năng đặc biệt, diệt đoạn tuyệt*(samucchedapahāna)* được ***tham ái, tà kiến*** đồng sanh với *4 tham tâm hợp tà kiến* và ***hoài nghi*** đồng sanh với *si tâm hợp hoài nghi*. ***Tà kiến*** và ***hoài nghi*** đã bị diệt đoạn tuyệt bằng***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** rồi, vĩnh viễn trong kiếp hiện tại này và kiếp sau, hay bất cứ kiếp nào nữa cũng không bao giờ có ***tà kiến*** và ***hoài nghi.***

Ngoài ra, những ***ác pháp*** nào liên quan đến ***tà kiến*** và ***hoài nghi*** cũng bị diệt đoạn tuyệt cùng một lúc.

- ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** có khả năng đóng chặt 4 ác giới *(địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh),* chắc chắn bất cứ kiếp nào cũng không còn tái sanh trong 4 ác giới nữa. Và chỉ còn tái sanh nhiều nhất là 7 kiếp: tái sanh làm người và tái sanh làm chư thiên ở cõi trời dục giới.

- ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** chỉ thực hành theo ***pháp hành chánh đạo*** [3] *(sammāmagga),* không bao giờ còn thực hành theo ***pháp hành tà đạo*** [4] *(micchāmagga).*

- ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** là bậc Thánh thứ nhất trong 8 bậc Thánh ở trong Phật giáo.

2- Sự khác nhau giữa trí tuệ thiền tuệ Gotrabhuñāṇa và Maggañāṇa trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới

Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa* là ***trí tuệ*** đồng sanh với ***dục giới đại thiện tâm hợp trí tuệ,*** song có khả năng đặc biệt tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

- ***Trí tuệ thiền tuệ*** *Gotrabhuñāṇa* chỉ có thể thoát khỏi được ***đối tượng danh pháp, sắc pháp*** tiếp nhận Niết Bàn làm đối tượng, nhưng ***chủ thể*** vẫn còn là ***dục giới đại thiện tâm hợp trí tuệ,*** nên gọi là *ekato vuṭṭhāna: Thoát khỏi được một phần đối tượng danh pháp, sắc pháp,* tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

- ***Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới Thánh Đạo Tuệ*** *(Maggañāṇa),* là ***trí tuệ*** đồng sanh với ***Thánh Đạo Tâm*** thuộc ***siêu tam giới tâm***, có ***Niết Bàn*** làm đối tượng. *Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới Thánh Đạo Tuệ* thoát khỏi

được cả ***đối tượng*** và ***chủ thể tam giới,*** nên gọi là *dubhatovuṭṭhāna: Thoát khỏi được cả 2 phần:*

* *Phần đối tượng:* thoát khỏi danh pháp, sắc pháp thuộc tam giới, tiếp nhận ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

* *Phần chủ thể:* thoát khỏi dục giới đại thiện tâm, thay bằng siêu tam giới thiện tâm, có Niết Bàn làm đối tượng.

Pahānapariññā: *Trí tuệ có khả năng diệt phiền não,* gồm có 10 loại trí tuệ thiền tuệ, bắt đầu từ trí tuệ thiền tuệ thứ 5 gọi là Bhaṅgānupassanāñāṇa cho đến trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 gọi là Maggañāṇa.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 14 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 15.

15- Trí Tuệ Thiền Tuệ Siêu Tam Giới Thứ Mười Lăm *(Phalañāṇa)*

Theo thứ tự ***Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Maggavīthicitta)* có 3 sát na tâm đầu, gọi là trí tuệ thiền tuệ: *Anulomañāṇa,* đến sát na tâm thứ tư gọi là *Gotrabhuñāṇa,* đến sát na tâm thứ năm gọi là *Maggañāṇa: Thánh Đạo Tuệ*, đến sát na tâm thứ sáu và thứ bảy là trí tuệ thiền thứ 15, gọi là *Phalañāṇa: Thánh Quả Tuệ* thuộc về ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới,*** vì có ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

Thánh Quả Tuệ là ***trí tuệ*** đồng sanh với ***Thánh Quả Tâm***, có 2 sát na tâm (có thể có 3 sát na tâm) là quả trực tiếp của ***Thánh Đạo Tâm.***

Nhập Lưu Thánh Quả Tuệ là ***trí tuệ*** đồng sanh với ***Nhập Lưu Thánh Quả Tâm,*** là quả trực tiếp của ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm*** cho quả không có thời gian ngăn cách gọi là *"akāliko"*. Nghĩa là khi chứng đắc ***Thánh Đạo,*** liền chứng đắc ***Thánh Quả*** ngay sau một sát na tâm.

Nhập Lưu Thánh Quả Tâm là bậc Thánh thứ nhì trong 8 bậc Thánh trong Phật giáo, phát sanh 2 sát na tâm (có thể có 3 sát na tâm) rồi diệt, chấm dứt Thánh Đạo lộ trình tâm. Hành giả đã trở thành ***bậc Thánh Nhập Lưu*** *(Sotāpanna),* là *bậc Thánh nhân thứ nhất* trong 4 bậc Thánh nhân của Phật giáo.

Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ

- Thánh Đạo Tuệ là trí tuệ đồng sanh với Thánh Đạo Tâm, thuộc siêu tam giới thiện tâm, có Niết Bàn làm đối tượng. Trong Thánh Đạo lộ trình tâm, Thánh Đạo Tâm phát sanh một sát na tâm, chỉ một lần duy nhất.

- Thánh Quả Tuệ là trí tuệ đồng sanh với Thánh Quả Tâm, thuộc siêu tam giới quả tâm, có Niết Bàn làm đối tượng. Trong Thánh Đạo lộ trình tâm,

Thánh Quả Tuệ có thể phát sanh 2 - 3 sát na tâm; và ngoài Thánh Đạo lộ trình tâm ra, Thánh Quả Định lộ trình tâm *(phalasamāpattivīthicitta)* Thánh Quả Tâm có thể phát sanh liên tục nhiều vô số trong suốt thời gian nhập Thánh Quả Định

Như vậy, ***Thánh Đạo Tâm*** và ***Thánh Quả Tâm*** giống nhau về ***đối tượng Niết Bàn,*** nhưng khác nhau về loại ***siêu tam giới tâm,*** và Thánh Đạo Tâm chỉ có 1 sát na tâm, còn Thánh Quả Tâm có nhiều sát na tâm sanh diệt liên tục khi nhập Thánh Quả Định.

Trí tuệ thiền tuệ thứ 15 làm nhân duyên phát sanh trí tuệ thiền tuệ thứ 16.

16- Trí Tuệ Thứ Mười Sáu *(Paccavekkhanañāṇa)*

Sau Nhập Lưu Thánh Đạo lộ trình tâm chấm dứt, hành giả đã trở thành ***bậc Thánh Nhập Lưu*** *(Sotāpanna),* tiếp theo trí tuệ thứ mười sáu gọi là: *Paccavekkhanañāṇa: Trí tuệ quán xét* gồm có những lộ trình tâm phát sanh; mỗi lộ trình tuần tự làm mỗi phận sự quán xét:

Năm điều quán xét:

1- Trí tuệ quán xét ***Thánh Đạo*** rằng: ***"Biết rõ đã chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo xong rồi".***

2- Trí tuệ quán xét ***Thánh Quả*** rằng: ***"Biết rõ đã chứng đắc Nhập Lưu Thánh Quả xong rồi".***

3- Trí tuệ quán xét ***Niết Bàn*** rằng: ***"Biết rõ đã chứng ngộ Niết Bàn lần đầu tiên rồi".***

4- Trí tuệ quán xét ***phiền não*** nào đã bị diệt đoạn tuyệt rằng: ***"Biết rõ đã diệt đoạn tuyệt tà kiến và hoài nghi xong rồi".***

5- Trí tuệ quán xét ***phiền não*** nào chưa diệt được rằng: ***"Biết rõ chưa diệt được phiền não tham, sân, si,...".***

Bậc Thánh Nhập Lưu có trí tuệ quán xét 5 điều trên.

Cũng như vậy, ***bậc Thánh Nhất Lai*** và ***bậc Thánh Bất Lai*** cũng có trí tuệ quán xét 5 điều ấy. Nhưng mỗi bậc Thánh nhân chỉ có khác nhau về ***đối tượng:*** *Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn, phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt rồi và phiền não nào chưa diệt được.*

Riêng ***bậc Thánh Arahán***, thì chỉ có trí tuệ quán xét 4 điều là:

1- Trí tuệ quán xét ***Arahán Thánh Đạo.***

2- Trí tuệ quán xét ***Arahán Thánh Quả.***

3- Trí tuệ quán xét ***Niết Bàn*** đã chứng ngộ lần thứ tư.

4- Trí tuệ quán xét tất cả ***phiền não*** đều đã bị diệt đoạn tuyệt không còn dư sót, (không có quán xét phiền não nào còn lại chưa diệt đoạn tuyệt được, bởi vì bậc Thánh Arahán không còn phiền não dư sót).

Như vậy, trí tuệ quán xét của bốn bậc Thánh nhân gồm có 19 điều.

Riêng về ***bậc Thánh Hữu Học*** *(Sekkhapuggala)* trường hợp trí tuệ quán xét ***phiền não*** nào đã bị diệt đoạn tuyệt rồi và trí tuệ quán xét ***phiền não*** nào chưa diệt đoạn tuyệt được. Có số vị có đủ 2 điều này, có số vị không có đủ 2 điều này.

Bậc Thánh Nhân *(Ariyapuggala)*

Trong Phật giáo có 4 bậc Thánh nhân là kết quả của sự tiến hành thiền tuệ đúng theo Pháp hành Trung đạo. Hành giả tiến hành thiền tuệ được phát sanh trí tuệ thiền tuệ theo tuần tự bắt đầu từ trí tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thứ 16; cứ mỗi lần trải qua 16 trí tuệ thiền tuệ là 1 lần chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả trở thành bậc Thánh nhân.

Như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ trí tuệ phát sanh tuần tự trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ trải qua 4 lần:

1- Trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ lần đầu tiên, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo.

2- Trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ lần thứ nhì, chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo – Nhất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh thứ nhì trong Phật giáo.

3- Trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ lần thứ ba, chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo – Bất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh thứ ba trong Phật giáo.

4- Trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ lần thứ tư, chứng đắc Arahán Thánh Đạo – Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, bậc Thánh thứ tư cao thượng nhất trong Phật giáo.

1- Bậc Thánh nhân thứ nhất: bậc Thánh Nhập Lưu *(Sotāpanna)* có 3 hạng:

1- *Sattakkhattuparamasotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** chỉ còn tái sanh 7 kiếp: làm người hoặc làm chư thiên ở 6 cõi trời dục giới; chắc chắn không còn tái sanh trong 4 ác giới *(địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh)*. Đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

2- *Kolaṃkolasotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** có thể tái sanh làm người, hoặc tái sanh làm chư thiên ở 6 cõi trời dục giới, từ 2 kiếp đến 6 kiếp, rồi chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán, tịch diệt Niết Bàn chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- *Ekabījīsotāpanna:* ***bậc Thánh Nhập Lưu*** chỉ còn tái sanh một kiếp nữa, tái sanh làm người, hoặc tái sanh làm chư thiên ở cõi trời dục giới, trong kiếp ấy chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán, tịch diệt Niết Bàn chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

2- Bậc Thánh nhân thứ nhì: bậc Thánh Nhất Lai *(Sakadāgāmī)*

Bậc Thánh Nhập Lưu muốn trở thành ***bậc Thánh Nhất Lai*** *(Sakadāgāmī),* cần phải có những điều như sau:

1- **Ba pháp hỗ trợ trở thành bậc Thánh Nhất Lai.**

Hành giả là *bậc Thánh Nhập Lưu* có đủ ba la mật tiếp tục tiến hành thiền tuệ, bồi bổ 3 pháp: ***5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi*** có đủ năng lực để hỗ trợ cho sự chứng đắc***Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả.*** 3 pháp đó là:

- ***5 pháp chủ:*** tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ và tuệ pháp chủ.

- ***5 pháp lực:*** tín pháp lực, tấn pháp lực, niệm pháp lực, định pháp lực và tuệ pháp lực.

- *7* ***pháp giác chi:*** *pháp để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế* là: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi và xả giác chi.

2- **Phát triển trí tuệ thiền tuệ.**

Bậc Thánh Nhập Lưu tiếp tục tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ thiền tuệ bắt đầu từ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *Udayabbayā-nupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp, hiện thấy rõ* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp, sắc pháp* hiện tại và trí tuệ thiền tuệ tiến hóa tuần tự phát sanh:

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 5 *Bhaṅgānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 6 *Bhayatupaṭṭhānāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 7 *Ādīnavānupassanā¸ñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 8 *Nibbidānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 9 *Muñcitukamyatāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 10 *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 11 *Saṅkhārupekkhāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 12 *Anulomañāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 *Sakadāgāmimaggañāṇa (Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ).*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15 *Sakadāgāmiphalañāṇa (Nhất Lai Thánh Quả Tuệ).*

- Trí tuệ thứ 16 quán xét *Paccavekkhaṇañāṇa.*

Hành giả đã trải qua quá trình diễn tiến trí tuệ thiền tuệ theo tuần tự cho đến ***Nhất Lai Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Sakadāgāmi-maggavīthicitta)* chứng đắc ***Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả,*** trở thành ***bậc Thánh Nhất Lai*** *(Sakadāgāmī)* là bậc Thánh nhân thứ nhì trong Phật giáo.

Bậc Thánh Nhất Lai *(Sakadāgāmī)* chỉ còn tái sanh 1 kiếp nữa mà thôi, tái sanh làm người, hoặc làm chư thiên ở cõi trời dục giới. Ngay trong kiếp ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- Bậc Thánh nhân thứ ba: bậc Thánh Bất Lai *(Anāgāmī)*

Bậc Thánh Nhất Lai muốn trở thành ***bậc Thánh Bất Lai*** *(Anāgāmī)* cần phải có những điều như sau:

1- **Ba pháp hỗ trợ trở thành bậc Thánh Bất Lai.**

Hành giả là *bậc Thánh Nhất Lai* có đủ ba la mật tiếp tục tiến hành thiền tuệ, bồi bổ 3 pháp: ***5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi*** có đủ năng lực để hỗ trợ cho sự chứng đắc ***Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả.***

2- **Phát triển trí tuệ thiền tuệ.**

Bậc Thánh Nhất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ thiền tuệ bắt đầu từ ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *Udayabbayā-nupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp, hiện thấy rõ* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp, sắc pháp* hiện tại và trí tuệ thiền tuệ tiến hóa tuần tự phát sanh:

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 5 *Bhaṅgānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 6 *Bhayatupaṭṭhānāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 7 *Ādīnavānupassanā¸ñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 8 *Nibbidānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 9 *Muñcitukamyatāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 10 *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 11 *Saṅkhārupekkhāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 12 *Anulomañāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 *Anāgāmimaggañāṇa (Bất Lai Thánh Đạo Tuệ).*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15 *Anāgāmiphalañāṇa (Bất Lai Thánh Quả Tuệ).*

- Trí tuệ thứ 16 quán xét *Paccavekkhaṇañāṇa.*

Hành giả đã trải qua quá trình diễn tiến trí tuệ thiền tuệ theo tuần tự cho đến ***Bất Lai Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Anāgāmimagga-vīthicitta),* chứng đắc ***Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả*** trở thành ***bậc Thánh Bất Lai*** *(Anāgāmī),* là bậc Thánh nhân thứ ba trong Phật giáo.

Bậc Thánh Bất Lai *(Anāgāmī)* không còn tái sanh trở lại ở cõi dục giới, chỉ còn tái sanh ở cõi trời sắc giới (hoặc vô sắc giới). Ngay tại cõi trời sắc giới ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn ở cõi trời sắc giới ấy, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

4- Bậc Thánh nhân thứ tư: bậc Thánh Arahán *(Arahanta)*

Bậc Thánh Bất Lai muốn trở thành ***bậc Thánh Arahán*** *(Arahanta)* cần phải có những điều như sau:

1- **Ba pháp hỗ trợ trở thành bậc Thánh Arahán.**

Hành giả là *bậc Thánh Bất Lai* có đủ ba la mật tiếp tục tiến hành thiền tuệ, bồi bổ 3 pháp: ***5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi*** có đủ năng lực để hỗ trợ cho sự chứng đắc***Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả.***

2- **Phát triển trí tuệ thiền tuệ.**

Bậc Thánh Bất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, phát triển trí tuệ thiền tuệ bắt đầu từ ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *Udayabbayā-nupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp, hiện thấy rõ* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp, sắc pháp* hiện tại và trí tuệ thiền tuệ tiến hóa tuần tự phát sanh:

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 5 *Bhaṅgānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 6 *Bhayatupaṭṭhānāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 7 *Ādīnavānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 8 *Nibbidānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 9 *Muñcitukamyatāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 10 *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 11 *Saṅkhārupekkhāñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 12 *Anulomañāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa.*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 *Arahattamaggañāṇa (Arahán Thánh Đạo Tuệ).*

- Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15 *Arahattaphalañāṇa (Arahán Thánh Quả Tuệ).*

- Trí tuệ thứ 16 quán xét *Paccavekkhaṇañāṇa.*

Hành giả đã trải qua quá trình diễn tiến trí tuệ thiền tuệ theo tuần tự cho đến ***Arahán Thánh Đạo lộ trình tâm*** *(Arahattamagga-vīthicitta)* đã chứng đắc ***Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả,*** trở thành ***bậc Thánh Arahán*** *(Arahanta),* là bậc Thánh nhân thứ tư trong Phật giáo.

Bậc Thánh Arahán *(Arahanta),* ngay trong kiếp hiện tại, đến khi hết tuổi thọ, đồng thời cùng một lúc tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Trí Tuệ Thiền Tuệ Thuộc Ñāṇadassanavisuddhi

Trí tuệ thiền tuệ thuộc về *Ñāṇadassanavisuddhi: Tri kiến thanh tịnh,* phải là ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới*** đó là:

4 Thánh Đạo Tuệ:

1- Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ *(Sotāpattimaggañāṇa).*

2- Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ *(Sakadāgāmimaggañāṇa).*

3- Bất Lai Thánh Đạo Tuệ *(Anāgāmimaggañāṇa).*

4- Arahán Thánh Đạo Tuệ *(Arahattamaggañāṇa).*

4 Thánh Đạo Tuệ này là ***trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới*** chứng ngộ Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt phiền não, nên đạt đến thanh tịnh gọi là: *Ñāṇadassanavisuddhi: Tri kiến thanh tịnh,* là thanh tịnh thứ 5 của pháp hành thiền tuệ, và là thanh tịnh thứ 7, thanh tịnh cuối cùng, trong 7 pháp thanh tịnh

4 Thánh Quả Tuệ cũng là trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới, nhưng không thuộc về ***Tri kiến thanh tịnh,*** vì là 4 Thánh Quả Tuệ là quả trực tiếp của 4 Thánh Đạo Tuệ.

Trí tuệ thiền tuệ *Gotrabhuñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ chuyển dòng từ* ***phàm nhân*** *sang dòng* ***bậc Thánh nhân,*** và *chuyển dòng từ* ***bậc Thánh nhân bậc thấp,*** *lên dòng* ***bậc Thánh nhân bậc cao. Trí tuệ thiền***

tuệ *Gotrabhuñāṇa* chỉ làm phận sự hướng dẫn cho Thánh Đạo Tâm, nên không thuộc về ***Pháp hành Tri kiến thanh tịnh,*** cũng không thuộc về ***Tri kiến thanh tịnh.*** [5]

Chú thích:

[2] 37 Pháp pháp chứng đắc Thánh Đạo: 4 pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 5 pháp lực, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo.

[3] Chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

[4] Tà đạo: tà kiến, tà tư duy, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

[5] Bộ Visuddhimagga, phần Ñāṇadassanavisuddhi.

-ooOoo-

6. DIỆT PHIỀN NÃO *(Kilesapahāna)*

Phiền não dịch từ tiếng Pāḷi: *Kilesa.*

Kilesa: phiền não là những *bất thiện tâm so*û đồng sanh với những *bất thiện tâm* làm cho thân tâm nóng nảy, khó chịu, khổ thân, khổ tâm; phiền não còn làm cho tâm, tâm sở bị ô nhiễm, khiến tạo nghiệp do thân, khẩu, ý.

Phiền não có 10 loại:

1- ***Tham:*** Đó là *tham tâm sở* đồng sanh với 8 tham tâm có trạng thái tham muốn, hài lòng say mê trong đối tượng.

2- ***Sân:*** Đó là *sân tâm sở* đồng sanh với 2 sân tâm, có trạng thái hung dữ, tàn bạo, không hài lòng nơi đối tượng.

3- ***Si:*** Đó là *si tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái si mê không biết thực tánh của các pháp.

4- ***Tà kiến:*** Đó là *tà kiến tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến, có trạng thái thấy sai, chấp lầm trong đối tượng.

5- ***Ngã mạn:*** Đó là *ngã mạn tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến, có trạng thái so sánh *"Ta"* hơn người, bằng người, kém thua người.

6- ***Hoài nghi:*** Đó là *hoài nghi tâm sở* đồng sanh với si tâm hợp hoài nghi, có trạng thái hoài nghi nơi đối tượng.

7- ***Buồn chán:*** Đó là *buồn chán tâm sở* đồng sanh với 4 tham tâm và 1 sân tâm (loại tâm cần động viên), có trạng thái không hăng hái, buông bỏ đối tượng.

8- ***Phóng tâm*****:** Đó là *phóng tâm tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái không an trụ ở đối tượng.

9- ***Không hổ thẹn:*** Đó là *không hổ thẹn tâm* sở đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái không biết hổ thẹn với mình, khi hành ác.

10- ***Không ghê sợ:*** Đó là *không ghê sợ tâm sở* đồng sanh với 12 bất thiện tâm, có trạng thái không biết ghê sợ tội lỗi, khi hành ác.

Đó là 10 loại phiền não, mỗi khi có phiền não nào phát sanh trong bất thiện tâm không những làm cho tâm bị ô nhiễm, nóng nảy, mà còn làm cho thân cũng nóng nảy, khó chịu, mặt mày mất vẻ tự nhiên, không còn tươi tỉnh....

Tính chất phiền não – pháp diệt phiền não

Tính chất của phiền não có 3 loại và diệt chúng bằng 3 pháp:

1- Vitikkamakilesa: phiền não loại thô được biểu hiện ra ở thân hành ác như: sát sanh, trộm cắp, tà dâm; và khẩu nói ác như: nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.

Phiền não loại thô này có thể diệt bằng ***pháp hành giới,*** nghĩa là có tác ý thiện tâm*(kusalacetanā)* giữ gìn thân, khẩu tránh xa mọi hành ác, để làm cho thân và khẩu được trong sạch khỏi bị phiền não làm ô nhiễm.

Pháp hành giới có thể diệt từng thời *(tadaṅgapahāna)* được phiền não loại thô này, không hiện ra ở thân và khẩu.

2- Pariyuṭṭhākilesa: phiền não loại trung phát sanh ở trong tâm, đó là 5 pháp chướng ngại *(nivāraṇa):* tham dục, thù hận, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận và hoài nghi.

Phiền não loại trung này có thể diệt bằng ***pháp hành thiền định.***

Khi hành giả chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc giới,*** do nhờ 5 chi thiền (hướng tâm, quan sát, hỉ, lạc, nhất tâm) có thể diệt bằng cách đè nén, chế ngự phiền não loại trung này.

3- Anusayakilesa: phiền não cực kỳ vi tế ẩn tàng ngấm ngầm ở trong tâm thức, đó là 7 pháp ngủ ngầm trong tâm: ái dục ngủ ngầm, ái kiếp ngủ ngầm, ngã mạn ngủ ngầm, tà kiến ngủ ngầm, hoài nghi ngủ ngầm và vô minh ngủ ngầm.

Phiền não loại vi tế này chỉ có thể diệt bằng ***pháp hành thiền tuệ.***

Hành giả tiến hành thiền tuệ đến khi trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới đó là chứng đắc ***4 Thánh Đạo Tuệ,*** mới có thể diệt đoạn tuyệt được loại phiền não vi tế này.

Phiền não tính rộng có 1.500 loại:

Phiền não có 10 loại này, khi chúng liên quan đến đối tượng làm nhân duyên để phát sanh phiền não, tính rộng có 1.500 loại phiền não.

Cách tính như sau:

75 pháp có thể làm đối tượng của phiền não: ***Tâm*** tính là 1 pháp *(vì cùng có một trạng thái biết đối tượng)*. ***Tâm sở*** tính 52 pháp *(vì mỗi tâm sở có mỗi trạng thái riêng biệt)*. ***Sắc pháp*** chỉ có 18 sắc pháp hiện hữu thật rõ ràng; và *trạng thái của sắc pháp* có 4 pháp.

Như vậy, gồm có (1+52+18+4) = 75 pháp có thể làm đối tượng của phiền não.

75 pháp này làm đối tượng của phiền não bên trong mình, là kẻ thù bên trong.

75 pháp này làm đối tượng của phiền não bên ngoài mình, là kẻ thù bên ngoài.

Đối tượng của phiền não bên trong mình có 75 pháp và bên ngoài mình có 75 pháp gồm cả thảy 150 pháp, nhân với 10 loại phiền não *(tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, hoài nghi, buồn chán, phóng tâm, không hổ thẹn, không ghê sợ)* (150 x 10) thành 1.500 loại phiền não.

Thật ra, 10 loại phiền não trong bất thiện tâm mới làm cho tâm bị ô nhiễm, làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, khổ tâm, khổ thân.

Phiền não làm nhân tạo nghiệp

- Phiền não làm nguyên nhân trực tiếp tạo mọi bất thiện nghiệp (ác nghiệp).

- Phiền não làm nguyên nhân gián tiếp tạo mọi thiện nghiệp trong tam giới (do vô minh làm duyên nên tạo mọi thiện nghiệp).

Hễ còn phiền não, còn nghiệp thì còn phải tái sanh kiếp sau, tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài vô thủy vô chung.

Hễ còn phiền não thì còn phải chịu khổ tâm.

- Đối với hạng phàm nhân còn đầy đủ 10 loại phiền não; phiền não có nhiều năng lực, sự khổ tâm càng nhiều, thì sự an lạc rất ít.

- Đối với bậc Thánh Hữu Học (bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai và bậc Thánh Bất Lai) còn lại ít phiền não chừng nào, sự khổ tâm có ít chừng ấy, thì sự an lạc càng nhiều.

- Đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não, tham ái, ác pháp không còn dư sót, hoàn toàn không có khổ tâm, thì tâm luôn luôn được an lạc hoàn toàn. Song chỉ còn có khổ thân mà thôi, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn chấm dứt sự tử sanh luân hồi, mới hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh khổ, chư bậc Thánh nhân ca tụng Niết Bàn an lạc tuyệt đối.

Năm Cách Diệt Phiền Não

Diệt phiền não có 5 cách, bằng 5 pháp :

1- Vikkhambhanapahāna: Diệt phiền não bằng cách chế ngự, do năng lực thiền định. tâm thiền định này có khả năng chế ngự (đè nén) được phiền não loại trung.

2- Tadaṅgapahāna: Diệt phiền não bằng cách từng thời, do có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực nhận trực giác nơi danh pháp, sắc pháp và do trí tuệ thiền tuệ từ ***trí tuệ thứ nhất****(nāmarūpaparicchedañāṇa),* cho đến ***trí tuệ thiền tuệ thứ 12*** *(anulomañāṇa).* Những trí tuệ thiền tuệ này có khả năng diệt từng thời tâm tham, tâm sân, tâm si.

3- Samucchedapahāna: Diệt phiền não bằng cách diệt đoạn tuyệt, do năng lực của ***4 Thánh Đạo Tuệ,*** nhờ có Niết Bàn làm đối tượng. Mỗi Thánh Đạo Tuệ có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt loại phiền não nào xong rồi, loại phiền não ấy vĩnh viễn không bao giờ có thể phát sanh lên được nữa.

4- Paṭipassaddhipahāna: Diệt phiền não bằng cách vắng lặng, do năng lực ***4 Thánh Quả Tuệ,*** nhờ có Niết Bàn làm đối tượng. Mỗi Thánh Quả Tuệ có khả năng đặc biệt làm vắng lặng phiền não theo năng lực Thánh Quả Tuệ ấy, để hưởng sự an lạc tuyệt đối.

5- Nissaraṇapahāna: Diệt phiền não bằng cách giải thoát khỏi Khổ Thánh Đế, do nhờ chứng ngộ Niết Bàn, pháp diệt Khổ Thánh Đế.

Chú ý: *Xem lại mỗi Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, ác pháp đã trình bày ở mục* ***"Diệt Đoạn Tuyệt Phiền Não"*** *trong phần* ***Pháp Hành Thiền Tuệ*** *(trang 203 đến 211).*

Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não

Vấn: *Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não trong quá khứ, hay diệt đoạn tuyệt phiền não trong vị lai, hay diệt đoạn tuyệt phiền não đang trong hiện tại?*

Đáp: Thánh Đạo Tuệ không phải diệt đoạn tuyệt phiền não trong quá khứ, cũng không phải diệt đoạn tuyệt phiền não trong vị lai, và cũng không phải diệt đoạn tuyệt phiền não đang trong hiện tại. Vì những lý do như sau:

- Phiền não nào đã sanh trong quá khứ, phiền não ấy đã diệt trong quá khứ rồi, không dư sót lại trong hiện tại. Phiền não nào đã diệt rồi, chẳng lẽ Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não ấy được hay sao!

Do đó, Thánh Đạo Tuệ không phải diệt đoạn tuyệt phiền não trong quá khứ.

- Phiền não nào sẽ sanh trong vị lai, phiền não ấy chưa phát sanh. Phiền não nào chưa sanh, chẳng lẽ Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não ấy được hay sao!

Do đó, Thánh Đạo Tuệ không phải diệt đoạn tuyệt phiền não trong vị lai.

- Phiền não nào đang sanh trong hiện tại. Nghĩa là phiền não ấy đang đồng sanh với bất thiện tâm, thì khi ấy, Thánh Đạo Tuệ không thể phát sanh lên, thì làm sao diệt đoạn tuyệt phiền não ấy đang sanh trong hiện tại được!

Do đó, Thánh Đạo Tuệ không phải diệt đoạn tuyệt phiền não trong hiện tại.

Sự thật, thì có Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não, có Thánh Quả Tuệ, có sự chứng ngộ Niết Bàn.

Ví dụ:

Có một cây ăn quả, đã từng cho quả trong quá khứ, đang cho quả trong hiện tại và cũng sẽ cho quả trong vị lai.

Người ta đốn cây ăn quả ấy, đào gốc, chặt hết rễ, đem phơi khô, đốt thành tro. Như vậy, những quả nào đã từng có trong quá khứ, thì những quả ấy đã ăn hết rồi; những quả nào sẽ sanh trong vị lai, thì những quả ấy sẽ không bao giờ có được ở vị lai nữa; những quả nào đang cho quả trong hiện tại, thì những quả ấy không còn nơi nương nhờ để cho quả nữa.

Cũng như vậy, sự sanh của danh pháp, sắc pháp, là nhân, là duyên để cho tất cả mọi phiền não nương nhờ nơi danh pháp, sắc pháp mà sanh lên.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi nào ***Thánh Đạo Tuệ*** phát sanh, có ***Niết Bàn*** làm đối tượng *(không có danh pháp nào, cũng không có sắc pháp nào làm đối tượng).* Do đó, phiền não nào đã từng sanh trong quá khứ, thì đã diệt trong quá khứ rồi, không còn dư sót lại trong hiện tại. Ngay hiện

tại, Thánh Đạo Tuệ có Niết Bàn làm đối tượng, nên phiền não không những không thể nương nhờ vào nơi nào để phát sanh được, mà còn bị diệt đoạn tuyệt bằng Thánh Đạo Tuệ, nhờ có Niết Bàn làm đối tượng. Phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt được bằng Thánh Đạo Tuệ nào rồi, loại phiền não ấy, vĩnh viễn không bao giờ phát sanh trong kiếp hiện tại và kiếp vị lai.

Do đó, có Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não, có Thánh Quả Tuệ, có sự chứng ngộ Niết Bàn.

Trí tuệ thiền tuệ với Pháp Thanh Tịnh

Hành giả tiến hành thiền tuệ, mục đích để mong chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được mọi tham ái, phiền não, ác pháp, ngõ hầu mong giải thoát mọi cảnh khổ trong vòng tử sanh luân hồi trong tam giới.

Như vậy, hành giả cần phải thực hành theo ***pháp hành Giới - Định - Tuệ;*** với điều kiện ***Pháp hành giới, Pháp hành thiền định, Pháp hành thiền tuệ*** phải hoàn toàn trong sạch thanh tịnh, không bị ô nhiễm bởi phiền não. Do đó, ***Pháp hành Giới - Định - Tuệ,*** ở trong ***"Bảy Pháp Thanh Tịnh"*** *(Visuddhi).*

7 pháp thanh tịnh *(visuddhi)*

1- Giới thanh tịnh.

2- Định thanh tịnh.

3- Chánh kiến thanh tịnh.

4- Thoát ly hoài nghi thanh tịnh.

5- Đạo phi đạo tri kiến thánh tịnh.

6- Pháp hành tri kiến thanh tịnh.

7- Tri kiến thanh tịnh.

7. Bảy Pháp Thanh TỊnh

1- Sīlavisuddhi: Giới thanh tịnh

Tác ý thiện tâm *(kusalacetanā)* giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi điều ác, làm cho thân và khẩu hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não,... gọi là ***giới thanh tịnh.***

Nếu có giới không thanh tịnh, nghĩa là hành giả ***giữ gìn giới*** để mong được giàu sang phú quý, làm vua, chư thiên, phạm thiên,... thì ***giới*** ấy, làm nơi nương nhờ của ***tham ái, ngã mạn, tà kiến*** phát sanh, làm cho ***giới*** bị ô nhiễm bởi phiền não, không gọi là giới thanh tịnh.

Bởi vì, nếu không có ***giới*** làm nền tảng, thì ***định*** và ***tuệ*** không có nơi nương nhờ để phát sanh, cũng ví như không có ***đất*** tốt để làm nền tảng, thì ***cây*** và ***hoa quả*** không có nơi phát triển được.

Hành giả hành ***giới thanh tịnh*** chỉ cốt làm nền tảng cho ***định*** và ***tuệ*** phát sanh, làm nhân duyên để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt ***tham ái, phiền não,*** ngõ hầu giải thoát mọi cảnh khổ trong vòng tử sanh luân hồi trong tam giới.

Do đó, ***Giới thanh tịnh*** là giữ gìn giới hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, nhất là tham ái, ngã mạn, tà kiến. Giới thanh tịnh là quả của ***Pháp hành Giới.***

2- Cittavisuddhi: Định thanh tịnh

Tâm có thiền định trong sạch thanh tịnh, không bị ô nhiễm bởi phiền não,... gọi là***Định thanh tịnh.***

Nếu có định không thanh tịnh, nghĩa là hành giả tiến hành thiền định, mong chứng đắc các bậc thiền định, để được thọ hưởng sự an lạc của thiền định trong kiếp hiện tại, và mong tái sanh làm phạm thiên ở cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới, hưởng sự an lạc và tuổi thọ lâu dài tại cõi trời ấy. Như vậy, tâm thiền định ấy, làm nơi nương nhờ cho ***tham ái, ngã mạn, tà kiến*** phát sanh, làm cho ***tâm thiền định*** bị ô nhiễm bởi phiền não, không gọi là ***Định thanh tịnh.***

Hành giả tiến hành thiền định với ***tâm*** hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, đến khi các ***bậc thiền tâm*** phát sanh. Bậc thiền tâm ấy, không làm nơi nương nhờ cho ***tham ái, ngã mạn, tà kiến*** phát sanh. Như vậy, các bậc thiền tâm ấy, mới gọi là ***"Định thanh tịnh".***

Hành giả hành ***Định thanh tịnh*** cốt chỉ làm nền tảng, làm nguyên nhân gần để cho ***trí tuệ thiền tuệ*** phát sanh, để mong chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt ***tham ái, phiền não,*** ngõ hầu giải thoát mọi cảnh khổ trong vòng tử sanh luân hồi trong tam giới.

Do đó, ***Định thanh tịnh*** là định tâm hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, tham ái, ngã mạn, tà kiến. Định thanh tịnh là quả của ***Pháp hành thiền Định.***

5 pháp thanh tịnh của Pháp hành thiền Tuệ

3- Diṭṭhivisuddhi: Chánh kiến thanh tịnh

Chánh kiến thanh tịnh là quả của ***trí tuệ thứ nhất*** gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa:Trí tuệ thấy rõ, biết rõ phân biệt rõ mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp thuộc về chân nghĩa pháp, có trạng thái riêng, đúng theo thực tánh của danh pháp, sắc pháp là* ***pháp vô ngã,*** không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải một chúng sinh nào, không phải vật này, vật kia,... mà chỉ là:

- Danh pháp chỉ là danh pháp.
- Sắc pháp chỉ là sắc pháp.
- Danh pháp là một, sắc pháp là một.
- Danh pháp, sắc pháp đều là pháp vô ngã.

Trí tuệ thứ nhất này đạt đến quả thanh tịnh thứ nhất của Pháp hành thiền tuệ gọi là:*Diṭṭhivisuddhi:* ***Chánh kiến thanh tịnh*** là thanh tịnh thứ 3 trong 7 pháp thanh tịnh.

4- Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: Thoát ly hoài nghi thanh tịnh

Thoát ly hoài nghi thanh tịnh là quả của ***trí tuệ thứ nhì*** gọi là,*Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí tuệ thấy rõ, biết rõ* ***nhân duyên***

phát sanh *của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp.* Do đó, thoát ly được sự hoài nghi trong danh pháp, sắc pháp; không còn hoài nghi rằng: *"Có Đấng Tạo Hóa nào sáng tạo ra danh pháp, sắc pháp".*

Trí tuệ thứ nhì này đạt đến thanh tịnh thứ nhì của Pháp hành thiền tuệ gọi là:*Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi:* ***Thoát ly hoài nghi thanh tịnh*** là thanh tịnh thứ 4 trong 7 pháp thanh tịnh.

Hành giả tiến hành thiền tuệ đã phát sanh ***trí tuệ thứ nhất,*** đạt đến ***Chánh kiến thanh tịnh*** *(Diṭṭhivisuddhi),* có ***chánh kiến thiền tuệ*** *(vipassanāsammādiṭṭhi),* diệt từng thời được***ngũ uẩn tà kiến*** hoặc tà kiến theo chấp ngã; và ***trí tuệ thứ nhì*** đạt đến ***Thoát ly hoài nghi thanh tịnh,*** diệt từng thời được ***hoài nghi.*** Xem như hành giả đã diệt từng thời được ***tà kiến***và ***hoài nghi,*** nên hành giả có tên gọi là: *"Cūḷasotāpanna": bậc Tiểu Nhập Lưu,* vẫn còn là phàm nhân chưa phải là ***bậc Thánh Nhập Lưu*** *(Sotāpanna);* vì chưa trải qua 16 loại trí tuệ thiền tuệ, chưa chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chưa chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả.

Tuy nhiên, ***bậc Tiểu Nhập Lưu*** đã làm nhẹ bớt phần nào phiền não ***tà kiến*** và ***hoài nghi,*** có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có pháp hành giới - định - tuệ đúng, đang tiến hành thiền tuệ nhập theo dòng, để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả ở phía trước.

5- Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi: Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh

Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là quả của 2 trí tuệ thiền tuệ là:

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ ba*** *Sammasanañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt****của danh pháp, sắc pháp,* nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp.

- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *Udayabbayānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại,* nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại. Song trí tuệ thiền tuệ thứ tư chưa có thể thoát khỏi phiền não của thiền tuệ *(vipassanūpakilesa),* nên có thể làm ngừng trệ sự phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.

Hai trí tuệ thiền tuệ này đạt đến quả thanh tịnh thứ ba của Pháp hành thiền tuệ gọi là:*Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi:* ***Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*** là thanh tịnh thứ 5 trong 7 pháp thanh tịnh.

6- Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi: Pháp hành tri kiến thanh tịnh

Pháp hành tri kiến thanh tịnh là quả của cả 9 loại trí tuệ thiền tuệ:

1- ***Trí tuệ thiền tuệ thứ 4*** *Udayabbayānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sanh, sự diệt*** *của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại, nên hiện thấy rõ* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp, sắc pháp ngay hiện tại, đặc biệt đã thoát khỏi phiền não của thiền tuệ (vipassanūpakilesa), có thể tiếp tục phát triển trí tuệ thiền tuệ bậc cao.*

*2- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 5** Bhaṅgānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt **sự diệt** của danh pháp, sắc pháp hiện rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*

*3- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 6** Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh pháp, sắc pháp đáng kinh sợ.*

*4- **Trí tuệ thiền tuệ thứ** 7 Ādīnavānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp đầy tội chướng.*

*5- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 8** Nibbidānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp thật đáng nhàm chán.*

*6- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 9** Muñcitukamyatāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp.*

*7- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 10** Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã một cách rõ ràng, để chọn con đường giải thoát khổ của danh pháp, sắc pháp.*

*8- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 11** Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là **pháp vô ngã,** nên trí tuệ thiền tuệ đặt trung dung giữa danh pháp, sắc pháp có **trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã** làm đối tượng, không có tâm tham muốn nơi danh pháp, sắc pháp, cũng không có tâm sân chán ghét nơi danh pháp, sắc pháp, nên chọn 1 trong 3 trạng thái chung: **trạng thái vô thường,** hoặc **trạng thái khổ,**hoặc **trạng thái vô ngã** để dẫn đến sự giải thoát khổ của danh pháp, sắc pháp.*

*9- **Trí tuệ thiền tuệ thứ 12** Anulomañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thuận dòng theo 8 trí tuệ thiền tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo phần sau, để dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.*

Chín loại trí tuệ thiền tuệ này đạt đến thanh tịnh thứ 4 của Pháp hành thiền tuệ gọi là:*Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi: **Pháp hành tri kiến thanh tịnh*** là thanh tịnh thứ 6 trong 7 pháp thanh tịnh.

7- Ñāṇadassanavisuddhi: Tri kiến thanh tịnh

Tri kiến thanh tịnh là quả của 4 trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 đó là:

- ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ.***
- ***Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ.***
- ***Bất Lai Thánh Đạo Tuệ.***
- ***Arahán Thánh Đạo Tuệ.***

4 *Thánh Đạo Tuệ* này đạt đến thanh tịnh thứ 5 của Pháp hành thiền tuệ gọi là:*Ñāṇadassanavisuddhi: **Tri kiến thanh tịnh*** là thanh tịnh thứ 7, thanh tịnh cuối cùng, trong 7 pháp thanh tịnh.

Trí tuệ thiền tuệ không thuộc về thanh tịnh

Trí tuệ thiền tuệ thứ 13 *Gotrabhuñāṇa,* trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15*Phalañāṇa* và trí tuệ thiền tuệ thứ 16 *Paccavekkhaṇañāṇa* không thuộc về thanh tịnh nào trong 7 pháp thanh tịnh.

-ooOoo-

8. QUẢ BÁU ĐẶC BIỆT CỦA THIỀN TUỆ

Quả báu của thiền tuệ không sao kể siết được, song có thể tóm lược 4 quả báu chính của pháp hành thiền tuệ là:

1- Nānākilesaviddhaṃsana: Diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, phiền não, ác pháp.

2- Ariyaphalarasānubhavana: Thọ hưởng quả vị giải thoát của Thánh Quả.

3- Nirodhasamāpattisamāpajjanasamatthatā: bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán có thể nhập ***Diệt thọ tưởng định.***

4- Āhuṇeyyabhāvādisiddhi: bậc Thánh nhân đã thành tựu có được Ân Đức Tăng Āhuṇeyya....

Giải Thích:

1- Diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, phiền não, ác pháp

Bốn ***bậc Thánh Đạo Tuệ,*** từ bậc thấp đến bậc cao, mỗi ***bậc Thánh Đạo Tuệ*** đều có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, ác pháp tùy theo khả năng của mỗi***bậc Thánh Đạo Tuệ.***

(Giải thích xong ở phần ***"Diệt đoạn tuyệt phiền não"*** *trong phần "Pháp hành thiền tuệ" xem trang 205-213).*

2- Thọ hưởng quả vị giải thoát của Thánh Quả

4 Thánh Quả Tâm hưởng quả bằng 2 cách:

- *Hưởng quả vị theo Thánh Đạo lộ trình tâm (Maggavīthicitta).*
- *Hưởng quả khi nhập Thánh Quả Định (Phalasamāpatti).*

2.1- Hưởng quả vị theo Thánh Đạo lộ trình tâm

4 Thánh Đạo Tâm là ***siêu tam giới thiện tâm,*** căn cứ theo vị trí *Thánh Đạo lộ trình tâm,* sau sát na ***Thánh Đạo Tâm*** diệt, liền tiếp theo sau ***Thánh Quả Tâm*** sanh, là quả trực tiếp của ***Thánh Đạo Tâm*** cho quả không có thời gian ngăn cách *(akālika).* Khi chứng đắc***Thánh Đạo*** nào liền cho ***Thánh Quả*** ấy chỉ sau một sát na tâm sanh diệt trong cùng Thánh Đạo lộ trình tâm như sau:

Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm diệt, liền cho quả là ***Nhập Lưu Thánh Quả Tâm.***
Nhất Lai Thánh Đạo Tâm diệt, liền cho quả là ***Nhất Lai Thánh Quả Tâm.***

Bất Lai Thánh Đạo Tâm diệt, liền cho quả là ***Bất Lai Thánh Quả Tâm. Arahán Thánh Đạo Tâm*** diệt, liền cho quả là ***Arahán Thánh Quả Tâm.***

Đó là ***4 Thánh Quả Tâm*** là quả tương xứng của ***4 Thánh Đạo Tâm,*** chính là quả báu của pháp hành thiền tuệ, cho quả trong cùng Thánh Đạo lộ trình tâm *(Maggavīthicitta).*

2.2- Hưởng quả khi nhập Thánh Quả Định

Bậc Thánh nhân nào chỉ có thể nhập Thánh Quả Định của bậc Thánh nhân ấy, để hưởng vị giải thoát an lạc Niết Bàn *(vimuttirasa)* ngay trong kiếp hiện tại.

Bậc Thánh Nhập Lưu chỉ có thể nhập ***Nhập Lưu Thánh Quả Định. Bậc Thánh Nhất Lai*** chỉ có thể nhập ***Nhất Lai Thánh Quả Định. Bậc Thánh Bất Lai*** chỉ có thể nhập ***Bất Lai Thánh Quả Định. Bậc Thánh Arahán*** chỉ có thể nhập ***Arahán Thánh Quả Định.***

Bậc Thánh nhân đã chứng đắc Thánh Quả cuối cùng nào, chỉ có thể nhập Thánh Quả Định ấy mà thôi. Bậc Thánh nhân bậc thấp không thể nhập Thánh Quả Định bậc cao, vì chưa chứng đắc Thánh Quả ấy; và bậc Thánh nhân bậc cao cũng không nhập Thánh Quả Định bậc thấp.

2.3- Nhập Thánh Quả Định khác với nhập thiền định

Bậc Thánh nhân khi đã chứng đắc bậc Thánh Đạo nào, có thể trực tiếp nhập bậc Thánh Quả Định ấy. Song bậc Thánh nhân đã chứng đắc đến ***ngũ thiền sắc giới*** và ***tứ thiền vô sắc giới*** một cách thuần thục rồi, bậc Thánh nhân ấy có thể nhập thiền định bất cứ bậc thiền nào mà mình muốn. Bậc Thánh nhân có thể nhập bậc thiền thấp, hoặc bậc thiền cao theo ý muốn của mình, hoặc nhập thiền định theo tuần tự từ bậc thiền thấp, đến bậc thiền cao, rồi từ bậc thiền cao, xuống bậc thiền thấp.

2.4- Điều kiện nhập Thánh Quả Định

Bậc Thánh nhân muốn nhập Thánh Quả Định để hưởng vị giải thoát tịch tịnh an lạc Niết Bàn, trong suốt thời gian ấn định theo sự phát nguyện, cần phải có đủ 3 chi pháp như sau:

- Phát nguyện thời gian nhập Thánh Quả Định và quy định thời gian xả Thánh Quả Định.
- Trí tuệ thiền tuệ không theo dõi đối tượng danh pháp, sắc pháp.
- Trí tuệ thiền tuệ chỉ hướng tâm đến Niết Bàn làm đối tượng.

2.5- Giai đoạn nhập Thánh Quả Định

Bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả Định trải qua 2 giai đoạn:

<u>Giai đoạn đầu</u>: Phát nguyện rằng: *"Nguyện xin nhập Thánh Quả Định suốt thời gian 1 giờ, 2 giờ... 1 ngày, 2 ngày... (nhưng không đến 7 ngày) xin Thánh Quả Tâm phát sanh liên tục không ngừng suốt thời gian phát nguyện ấy".*

<u>Giai đoạn nhập Thánh Quả Định</u>: Bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả Định quán xét rằng:

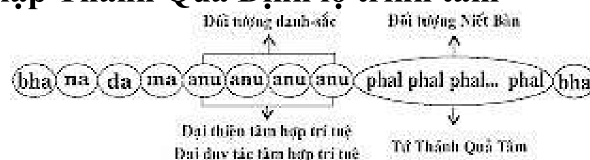
- Quán xét về Thánh Quả Tâm bậc cao đã chứng đắc.
- Quán xét về bậc thiền siêu tam giới đã chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả.

<u>Ví dụ:</u>

Hành giả là ***bậc Thánh Bất Lai*** đã chứng đắc ***5 bậc thiền sắc giới,*** muốn nhập Thánh Quả Định, thì chỉ có thể nhập Bất Lai Thánh Quả Định mà thôi. Song trong 5 bậc thiền sắc giới ấy, bậc Thánh Bất Lai có thể muốn dùng bậc thiền nào làm nền tảng để nhập Bất Lai Thánh Quả Định tùy ý. Bậc thiền ấy trở thành bậc thiền siêu tam giới, vì có Niết Bàn làm đối tượng. [6]

Bậc Thánh Bất Lai, sau khi phát nguyện nhập Bất Lai Thánh Quả Định xong, tiến hành thiền tuệ, có danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, bắt đầu từ trí tuệ thiền tuệ thứ tư là *Udayabbayānupassañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, hiện rõ* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** *của danh pháp, sắc pháp,* và phát triển trí tuệ thiền tuệ tuần tự *Bhaṅgānupassanāñāṇa,...* cho đến *Anulomañāṇa* trong ***Thánh Quả Định lộ trình tâm*** *(Phalasamāpattivīthicitta)* như sau:

Đồ biểu nhập Thánh Quả Định lộ trình tâm



<u>Giải Thích:</u> Thánh Quả Định lộ trình tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm, viết tắt (bha)

2- Bhaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động , viết tắt: (na)

3- Bhaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt đứt , viết tắt: (da)

4- Manodvāravajjanacitta: Ý môn hướng tâm , viết tắt: (ma)

5- 8- Anulomacitta: Thuận dòng tâm , viết tắt: (anu)

9- Phalacitta: Thánh Quả Tâm , viết tắt: (pha)

10- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm , viết tắt: (bha)

Nhập Thánh Quả Định lộ trình tâm có điểm đặc biệt khác với ***nhập thiền định lộ trình tâm*** *(jhānasamāpattivīthicitta)* và ***nhập diệt thọ tưởng định lộ trình tâm****(nirodhasamāpattivīthicitta)* ở chỗ *Anuloma: thuận dòng*.

Thiền định lộ trình tâm và ***Diệt thọ tưởng định lộ trình tâm,*** cả hai lộ trình tâm này đều có đủ *parikamma, upacāra, anuloma, Gotrabhu.* Nhưng đối với ***Thánh Quả Định lộ trình tâm*** thì chỉ có 4 sát na tâm (hay 3 sát na tâm) làm phận sự *"anuloma"* diệt, tiếp theo sau *"Phalacitta"* phát sanh liên tục suốt thời gian phát nguyện, có Niết Bàn làm đối tượng.

2.6- Niết Bàn là đối tượng của Thánh Quả Định

Niết Bàn là đối tượng của Thánh Quả Định, có 3 loại tùy theo căn duyên riêng của bậc Thánh nhân ấy.

1- Animittanibbāna: Vô Hiện Tượng Niết Bàn, là đối tượng của Thánh Quả Tâm, đối với bậc Thánh nhân nào có ***tín pháp chủ*** nhiều năng lực.

Giai đoạn đầu, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô thường*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng. Giai đoạn cuối, bậc Thánh nhân ấy, khi nhập Thánh Quả Định, có ***Vô Hiện Tượng Niết Bàn*** làm đối tượng.

2- Appaṇihītanibbāna: Vô Ái Niết Bàn, là đối tượng của Thánh Quả Tâm, đối với bậc Thánh nhân nào có ***định pháp chủ*** nhiều năng lực.

Giai đoạn đầu, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái khổ*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng. Giai đoạn cuối, bậc Thánh nhân ấy, khi nhập Thánh Quả Định, có ***Vô Ái Niết Bàn*** làm đối tượng.

3- Suññatanibbāna: Chơn Không Niết Bàn, là đối tượng của Thánh Quả Tâm, đối với bậc Thánh nhân nào có ***tuệ pháp chủ*** nhiều năng lực.

Giai đoạn đầu, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp làm đối tượng. Giai đoạn cuối, bậc Thánh nhân ấy, khi nhập Thánh Quả Định, có ***Chơn Không Niết Bàn*** làm đối tượng.

2.7- Điều kiện xả Thánh Quả Định

Bậc Thánh nhân, khi đang nhập Thánh Quả Định, muốn xả Thánh Quả Định cần có 2 chi pháp như sau:

- Trí tuệ thiền tuệ theo dõi đối tượng danh pháp, sắc pháp.
- Trí tuệ không theo dõi đối tượng Niết Bàn.

Khi bậc Thánh nhân có đủ 2 chi pháp này, ***Thánh Quả Tâm*** cuối cùng ***diệt,*** làm nhân duyên cho ***hộ kiếp tâm*** *(bhavaṅgacitta)* sanh, chấm dứt Thánh Quả Định lộ trình tâm.

Nhập Thánh Quả Định Tâm là quả báu của pháp hành thiền tuệ.

3- Nhập diệt thọ tưởng định

Nhập ***diệt thọ tưởng định*** *(nirodhasamāpatti),* là diệt ***tâm, tâm sở,*** và ***sắc pháp sanh từ tâm,*** suốt thời gian liên tục 7 ngày, không phải ăn uống, đại tiện, tiểu tiện ... giống như tịch diệt Niết Bàn, an lạc tuyệt đối; nghĩa là hoàn toàn giải thoát khỏi khổ của danh pháp, sắc pháp suốt 7 ngày.

3.1- Bậc Thánh nhân nào nhập diệt thọ tưởng định?

Có hai bậc Thánh nhân có khả năng đaàu7841?c biệt nhập diệt thọ tưởng định; là ***bậc Thánh Bất Lai*** và ***bậc Thánh Arahán*** đã chứng đắc đầy đủ ***cửu thiền:*** *ngũ thiền sắc giới* và*tứ thiên vô sắc giới*. Bởi vì, khi nhập ***Diệt thọ tưởng định*** cần phải nhờ đến 2 năng lực:

Năng lực thiền định *(samathabala)* phải chứng đắc đến đệ tứ thiền vô sắc giới: ***Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền.***

Năng lực thiền tuệ *(vipassanāabala)* phải chứng đắc ***Bất Lai Thánh Quả*** hoặc***Arahán Thánh Quả.***

Ngoài ra, ***bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán*** không chứng đắc đầy đủ *cửu thiền*và ***bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai,*** dầu có chứng đắc đầy đủ ***cửu thiền,*** cũng không có khả năng nhập ***Diệt thọ tưởng định,*** vì không đủ năng lực.

3.2- Điều kiện nhập diệt thọ tưởng định

Bậc Thánh Bất Lai hoặc ***bậc Thánh Arahán*** có khả năng nhập Diệt thọ tưởng định [7], cần phải có đầy đủ những chi pháp như sau:

1- Phải có đầy đủ 2 năng lực *(bala).*

2- Phải có khả năng chế ngự 3 pháp hành *(saṅkhāra).*

3- Phải có 16 pháp hành thiền tuệ *(ñāṇacariyā).*

4- Phải có 9 pháp thiền định *(samādhi).*

5- Phải có 5 pháp thuần thục trong bát thiền *(vasī)*

Đó là 5 chi pháp cần thiết hỗ trợ cho sự ***nhập diêït thọ tưởng định.***

Giải thích:

1- Hai năng lực *(bala)*

Năng lực thiền định *(samathabala):* bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán đã chứng đắc tất cả các bậc thiền định từ đệ nhất thiền sắc giới cho đến đệ tứ thiền vô sắc giới: ***"Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền"*** mới có năng lực vững chắc.

Năng lực thiền tuệ *(vipassanābala):* bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán có đầy đủ 7 loại *anupassanā: aniccānupassanā, dukkhānupassanā,*

anattānupassanā, nibbidānupassanā, virāgānupassanā, nirodhānupassanā, paṭinissaggānupassanā, mới có năng lực vững chắc.

2- Khả năng chế ngự 3 pháp hành *(saṅkhāra)*

Ba pháp hành đó là:

Kāyasaṅkhāra: thân hành, đó là hơi thở vô, hơi thở ra.

Vacīsaṅkhāra: khẩu hành, đó là *hướng tâm tâm sở (vitakka)* và *quan sát tâm sở*

vicāra).

Cittasaṅkhāra: ý hành, đó là *thọ tâm sở (vedanā)* và *tưởng tâm sở (saññā).*

Đệ nhị thiền sắc giới [8]**,** có khả năng diệt được 2 chi thiền ***hướng tâm tâm sở*** và***quan sát tâm sở,*** nên chế ngự được ***khẩu hành, khẩu yên tịnh,*** khẩu không còn nói năng nữa.

Đệ tứ thiền sắc giới, có khả năng diệt được ***hơi thở vô, hơi thở ra,*** nên chế ngự được***thân hành, thân yên tịnh,*** thân không còn hơi thở vô, hơi thở ra nữa.

Bậc Thánh Bất Lai và ***bậc Thánh Arahán*** khi nhập định ***Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền,*** thì ***thọ tâm sở*** và ***tưởng tâm sở,*** vô cùng vi tế tưởng như không có, nên bậc thiền này có khả năng diệt được ***thọ tâm sở*** và ***tưởng tâm sở,*** nên chế ngự được ***ý hành,*** tâm hoàn toàn vắng lặng không còn biết đối tượng nữa.

3- 16 pháp hành thiền tuệ *(ñāṇacariyā)*

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán đã thuần thục 16 pháp hành thiền tuệ là:

1- Tiến hành Aniccānupassanā.

2- Tiến hành Dukkhānupassanā.

3- Tiến hành Anattānupassanā.

4- Tiến hành Nibbidānupassanā.

5- Tiến hành Virāgānupassanā.

6- Tiến hành Nirodhānupassanā.

7- Tiến hành Paṭinissaggānupassanā.

8- Tiến hành Vivaṭṭānupassanā.

9- Sotāpattimagga.

10- Nhập Sotāpattiphalasamāpatti.

11- Sakadāgāmimagga.

12- Nhập Sakadāgāmiphalasamāpatti.

13- Anāgāmimagga.

14- Nhập Anāgāmiphalasamāpatti.

15- Arahattamagga.

16- Nhập Arahattaphalasamāpatti.

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán đã thuần thục 16 pháp hành thiền tuệ: trí tuệ thiền tuệ tam giới và trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới.

4- 9 pháp hành thiền định *(samādhi).*

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán cần phải thuần thục 9 pháp hành thiền định như sau:

1- Nhập đệ nhất thiền sắc giới.

2- Nhập đệ nhị thiền sắc giới.

3- Nhập đệ tam thiền sắc giới.

4- Nhập đệ tứ thiền sắc giới.

5- Nhập đệ ngũ thiền sắc giới.

6- Nhập Không vô biên xứ thiền.

7- Nhập Thức vô biên xứ thiền.

8- Nhập Vô sở hữu xứ thiền vô sắc giới.

9- Nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền.

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán thuần thục 5 bậc thiền sắc giới và 4 bậc thiền vô sắc giới.

5- Năm pháp thuần thục *(vasī).*

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán cần phải có đầy đủ 5 pháp thuần thục một cách thông thạo, mau lẹ.

1- Āvajjanavasī: Thuần thục trong sự quán xét chi thiền do ý môn hướng tâm.

2- Samāpajjanavasī: Thuần thục trong việc nhập các bậc thiền sắc giới và các bậc thiền vô sắc giới.

3- Adhiṭṭhānavasī: Thuần thục nguyện thời gian nhập định theo ý muốn.

4- Vuṭṭhānavasī: Thuần thục xả định theo ý muốn.

5- Pacavekkhaṇavasī: Thuần thục quán xét chi thiền theo tác hành tâm *(javanacitta).*

Bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán có đầy đủ 5 pháp thuần thục một cách thông thạo, mau lẹ trong 9 bậc thiền (5 bậc thiền sắc giới và 4 bậc thiền vô sắc giới).

Khi bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán có đầy đủ ***9 bậc thiền, 2 năng lực, có khả năng chế ngự được 3 pháp hành,*** có đầy đủ ***16 pháp hành thiền tuệ, 9 pháp hành thiền định*** và ***5 pháp thuần thục,*** khi nhập diệt thọ tưởng định cần phải thực hành tuần tự nhập thiền và xả thiền; quán xét trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** theo tuần tự từ ***đệ nhất thiền sắc giới*** cho đến ***đệ tứ thiền vô sắc giới: Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền.***

6- Nhập diệt thọ tưởng định nương nhờ 2 năng lực thiền định và thiền tuệ

Hành giả là bậc Thánh Bất Lai hoặc bậc Thánh Arahán nhập thiền và xả thiền, tiếp tục trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của danh pháp*** theo tuần tự:

A) Đối với bậc Thánh Bất Lai

1- Đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm.

Nhập đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm.

Xả đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm,*** có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

2- Đệ nhị thiền sắc giới thiện tâm.

Nhập đệ nhị thiền sắc giới thiện tâm.

Xả đệ nhị thiền sắc giới thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp đệ nhị thiền sắc giới thiện tâm,*** có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

3- Đệ tam thiền sắc giới thiện tâm.

Nhập đệ tam thiền sắc giới thiện tâm.

Xả đệ tam thiền sắc giới thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp đệ tam thiền sắc giới thiện tâm,*** có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

4- Đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm.

Nhập đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm.

Xả đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm,***có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

5- Đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm.

Nhập đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm.

Xả đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm,*** có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

6- Đệ nhất thiền vô sắc giới thiện tâm.

Nhập Không vô biên xứ thiện tâm.

Xả Không vô biên xứ thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp Không vô biên xứ thiện tâm,***có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

7- Đệ nhị thiền vô sắc giới thiện tâm.

Nhập Thức vô biên xứ thiện tâm.

Xả Thức vô biên xứ thiện tâm.

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***danh pháp Thức vô biên xứ thiện tâm,*** có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

8- Đệ tam thiền vô sắc giới thiện tâm.

Nhập Vô sở hữu xứ thiện tâm.

Xả Vô sở hữu xứ thiện tâm.

Hành giả không quán xét ***sự diệt*** của ***danh pháp Vô sở hữu xứ thiện tâm,*** như các bậc thiền ở trên, mà phải phát nguyện theo 4 phận sự trước khi nhập diệt thọ tưởng định*(pubbakicca)*.

Bốn phận sự trước khi nhập diệt thọ tưởng định

Bậc Thánh Bất Lai phát nguyện 4 phận sự như sau:

- *Nānābaddha avikopana:*

"Trong suốt 7 ngày ***nhập diệt thọ tưởng định,*** *tất cả những vật dụng, y, bát, chỗ ở,... xin đừng bị hư hoại do bởi lửa, nước, gió, trộm cướp,...".*

Do nguyện lực này, tất cả vật dụng hoàn toàn không bị hư hoại.

- *Saṃghapaṭimānana:*

"Trong suốt thời gian 7 ngày ***nhập diệt thọ tưởng định,*** *nếu Chư Tăng hội họp hành Tăng sự nào đó, cần đến tôi, thì tôi sẽ xả diệt thọ tưởng định ngay lập tức, không để cho vị Tỳ khưu nào đến gọi".*

Do nguyện lực này, khi chư Tăng có hội họp, bậc Thánh Bất Lai xả diệt thọ tưởng định, đến trình diện chư Tăng ngay.

- *Satthupakkosana:*

"Trong suốt thời gian 7 ngày ***nhập diệt thọ tưởng định,*** *nếu Đức Thế Tôn cho hội họp Chư Tăng để ban hành giới điều,... cần đến tôi, thì tôi sẽ xả diệt thọ tưởng định ngay lập tức, không để cho vị Tỳ khưu nào đến gọi tôi".*

Do nguyện lực này, khi Đức Thế Tôn có việc cần đến, bậc Thánh Bất Lai sẽ xả diệt thọ tưởng định, đến hầu Đức Thế Tôn ngay.

- *Addhānapariccheda:*

"Sanh mạng của tôi còn tồn tại quá 7 ngày hay không?"

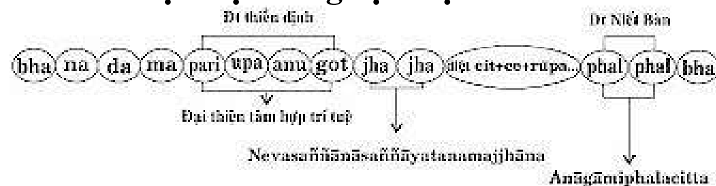
Nếu sanh mạng sẽ bị diệt trong vòng 7 ngày, thì hành giả phải xả diệt thọ tưởng định trước khi chuyển kiếp *(cuti),* vì sự chết không thể xảy ra trong lúc đang nhập diệt thọ tưởng định.

Do sự quán xét này, bậc Thánh Bất Lai biết rõ được tuổi thọ để chuẩn bị trước khi chuyển kiếp *(cuti)*.

9- Đệ tứ thiền vô sắc giới thiện tâm.

Hành giả là bậc Thánh Bất Lai, sau khi phát nguyện xong 4 phận sự rồi, trở lại tiếp tục nhập ***phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện tâm*** cuối cùng trong ***Diệt thọ tưởng định lộ trìnhtâm*** *(nirodhasamāpatti-vīthicitta)* như sau:

Đồ biểu diệt thọ tưởng định lộ trình tâm



<u>Giải Thích:</u>

Đồ biểu diệt thọ tưởng định lộ trình tâm

Bậc Thánh Bất Lai đã trải qua quá trình diễn tiến đi đôi giữa 2 năng lực ***thiền định*** và***thiền tuệ,*** bắt đầu từ ***đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm*** cho đến ***đệ tứ thiền vô sắc giới thiện tâm: Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện tâm,*** trong ***diệt thọ tưởng định lộ trình tâm*** cuối cùng phát sanh như sau:

Hộ kiếp tâm – hộ kiếp tâm rung động – hộ kiếp tâm bị cắt đứt – ý môn hướng tâm – chuẩn bị tâm – cận thiền tâm –thuận dòng tâm – chuyển giới tâm – Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện tâm, 2 sát na tâm – diệt tâm + tâm sở + sắc pháp phát sanh từ tâm, liên tục suốt thời gian đủ 7 ngày đêm, không biết khổ thân, khổ tâm nữa.

Trước khi xả ***diệt thọ tưởng định*** của bậc Thánh Bất Lai, thì có Bất Lai Thánh Quả Tâm phát sanh 2 sát na tâm, có Niết Bàn làm đối tượng rồi diệt, *hộ kiếp tâm* sanh tiếp theo, chấm dứt việc ***diệt thọ tưởng định,*** trở lại đời sống bình thường hằng ngày như: thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, tiếp xúc, biết pháp trần.

Bậc Thánh Bất Lai suốt 7 ngày qua không dùng vật thực, nay đến ngày thứ 8, cần có vật thực để duy trì sanh mạng, cho nên bậc Thánh Bất Lai phải đi khất thực. Những thí chủ nào để bát cúng dường đến bậc Thánh Bất Lai sau khi ***xả diệt thọ tưởng định,*** chắc chắn sẽ được quả báu lớn lao cao quý

ngay kiếp hiện tại, trong vòng 7 ngày và kiếp vị lai nhiều vô số không sao kể được.

B) Đối với bậc Thánh Arahán

Về phương pháp nhập diệt thọ tưởng định đối với bậc Thánh Bất Lai như thế nào, thì đối với bậc Thánh Arahán cũng hoàn toàn giống như thế ấy.

Nhưng ***về tâm,*** bậc Thánh Bất Lai hoàn toàn khác với bậc Thánh Arahán:

Đối với ***bậc Thánh Bất Lai,*** có các loại tâm thuộc về ***thiện tâm*** *(kusalacitta)* như: *dục giới đại thiện tâm, sắc giới thiện tâm, vô sắc giới thiện tâm và Bất Lai Thánh Quả Tâm.*

Đối với ***bậc Thánh Arahán,*** có các loại tâm thuộc về ***duy tác tâm*** *(kiriyācitta)* như:*dục giới đại duy tác tâm, sắc giới duy tác tâm, vô sắc giới duy tác tâm và Arahán Thánh Quả Tâm.*

Đó là quả báu của pháp hành thiền tuệ, ***nhập diệt thọ tưởng định,*** đối với bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán.

Bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán chỉ có thể nhập diệt thọ tưởng định ở cõi dục giới, cõi sắc giới mà thôi, không thể nhập diệt thọ tưởng định ở cõi vô sắc giới. Bởi vì ở cõi vô sắc giới không thể nhập các bậc thiền sắc giới được.

Người chết và bậc Thánh nhập diệt thọ tưởng định

Trong Kinh [9] *Đại Đức Sāriputta* dạy *Đại Đức Mahākoṭṭhika* rằng:

"Này hiền đệ, Người chết rồi thì ***thân hành*** *là* ***hơi thở vô, hơi thở ra*** *bị diệt,* ***khẩu hành*** *là* ***hướng tâm tâm sở*** *và* ***quan sát tâm sở*** *cũng bị diệt,* ***ý hành*** *là* ***thọ tâm sở*** *và* ***tưởng tâm sở*** *cũng đều bị diệt, hết tuổi thọ, không còn hơi ấm, các tịnh sắc đều bị tan rã".*

"Còn bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán nhập diệt thọ tưởng định rồi, thì cũng diệt ***thân hành*** *là diệt* ***hơi thở vô, hơi thở ra;*** *diệt* ***khẩu hành*** *là diệt* ***hướng tâm tâm sở*** *và****quan sát tâm sở;*** *diệt* ***ý hành*** *là diệt* ***thọ tâm sở*** *và* ***tưởng tâm sở,*** *(giống như người chết). Nhưng bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán khi nhập diệt thọ tưởng định, tuổi thọ vẫn còn, hơi ấm vẫn còn và các tịnh sắc vẫn còn nguyên vẹn, hoàn toàn không bị tan rã".*

Đó là điều giống nhau và khác nhau giữa bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán nhập diệt thọ tưởng định, với người đã chết.

4- Bậc Thánh nhân thành tựu các Ân Đức Tăng

Quả báu của pháp hành thiền tuệ dẫn đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán có được những Ân Đức Tăng cao quý là:

Āhuṇeyya: Chư Thánh Tăng là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, là bậc xứng đáng thọ lãnh 4 món vật dụng... của thí chủ từ phương xa đem đến dâng cúng đến quý Ngài, họ sẽ được nhiều phước báu cao thượng.

Pāhuṇeyya: Chư Thánh Tăng là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, là bậc xứng đáng thọ lãnh 4 món vật dụng... của thí chủ, mà họ thường dùng để tiếp đải khách quý, nay họ đem đến dâng cúng cho quý Ngài, họ sẽ được nhiều phước báu cao thượng

Dakkhiṇeyya: Chư Thánh Tăng là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, là bậc xứng đáng thọ lãnh 4 món vật dụng... của thí chủ, là người có chánh kiến, tin nghiệp quả, chắc chắn có thể thành tựu những quả báu cao quý mà họ mong muốn.

Anjalīkaraṇeyya: Chư Thánh Tăng là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, là bậc xứng đáng để cho chúng sinh tôn kính lễ bái, cúng dường, để họ được nhiều phước báu cao quý.

Anuttaraṃ puññakkhetaṃ lokassa: Chư Thánh Tăng là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, là phước điền cao thượng của tất cả chúng sinh, dầu gieo giống phước thiện ít, song họ hưởng được quả báu lớn lao không đâu sánh được.

Đó là quả báu của pháp hành thiền tuệ, thành tựu những Ân Đức Tăng cao quý.

Quả Báu Đặc Biệt Của Thiền Tuệ

Tất cả mọi chúng sinh trong tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới, gồm có 31 cõi, bốn loài: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh nói chung, con người nói riêng, đều cùng chung khổ đế là khổ sanh, khổ lão, khổ bệnh, khổ tử..., đó là sự khổ của danh pháp, sắc pháp, vì danh pháp, sắc pháp đều là ***khổ đế*** *(dukkhasacca).* Nếu có thọ lạc *(sukhavedanā)*cũng chỉ là lạc hư ảo *(sukhavippallāsa),* vì thọ lạc cũng bị sanh rồi diệt là thường.

Danh pháp, sắc pháp dầu sanh ở cõi dục giới, cõi sắc giới, hoặc cõi vô sắc giới cũng đều có ***sự sanh, sự diệt,*** nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.*** Trạng thái nào cũng dẫn đến ***khổ đế*** giống nhau cả thảy, nếu có sự khác nhau, thì khác ở mức độ khổ nhiều hoặc khổ ít mà thôi.

Do đó, Đức Phật thuyết giảng sự thật chân lý tóm tắt rốt ráo là ***khổ đế*** *(dukkhasacca)*và ***Niết Bàn***, ***pháp diệt Khổ Thánh Đế*** *(dukkhakkhaya).*

Khổ đế *(dukkhasacca)* gồm có 2 loại:

1. Khổ thân hoặc khổ của sắc pháp

Khổ thân *(kāyikadukkha):* Đó là sự khổ phát sanh do tứ đại không điều hòa, do bệnh hoạn, đói khát ... ***khổ đế*** này đối với chúng sinh có đủ ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp, thì không thể tránh khỏi, dầu là Đức Phật, chư bậc Thánh Arahán, hoàn toàn không còn khổ tâm, nhưng cũng không tránh khỏi được ***khổ thân.***

Do đó, chư bậc Thánh nhân thường muốn nhập ***Thánh Quả Định*** *(Phalasamāpatti),*có Niết Bàn làm đối tượng, để an hưởng sự an lạc tịch tịnh của Niết Bàn trong thời gian ngắn, 1 giờ, 2 giờ, 1 ngày, 2 ngày ở hiện tại.

Nếu muốn giải thoát khỏi khổ hoàn toàn của danh pháp, sắc pháp trong hiện tại, chỉ có ***bậc Thánh Bất Lai*** và ***bậc Thánh Arahán*** chứng đắc 9 bậc thiền có khả năng ***nhập diệt thọ tưởng định*** *(nirodha-samāpatti)* trong vòng 7 ngày, vì diệt được tâm, tâm sở, sắc pháp sanh từ tâm, chỉ còn có sắc thân, mà không có tâm biết, nên hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh khổ thân, khổ tâm, nhưng cũng chỉ lâu được có 7 ngày mà thôi. Qua đến ngày thứ 8 phải xả diệt thọ tưởng định, trở lại cuộc sống bình thường, đi khất thực độ thân để làm giảm khổ bệnh đói khát, ***khổ thân*** và duy trì sanh mạng tiếp tục.

Như vậy, không phải bậc Thánh nhân nào cũng có khả năng nhập diệt thọ tưởng định được, mà chỉ có bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán có đầy đủ 2 năng lực, năng lực thiền định và năng lực thiền tuệ, mới có thể nhập diệt thọ tưởng định được.

2. Khổ tâm hoặc khổ của danh pháp.

Khổ tâm *(cetasikadukkha):* Đó là sự khổ phát sanh do những phiền não, những ác pháp làm cho tâm ô nhiễm, nóng nảy....

Riêng về phần khổ tâm này thường phát sanh đối với hạng ***phàm nhân*** và ***bậc Thánh Hữu Học*** *(bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai).* Khổ tâm không bao giờ phát sanh đối với bậc Thánh Arahán; bởi vì, bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được mọi tham ái, phiền não, ác pháp không còn dư sót, cho nên, bậc Thánh Arahán hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** nữa.

Khổ tâm là một điều có thể tránh được đối với hạng thiện trí phàm nhân và bậc Thánh nhân Hữu Học trong những trường hợp như sau:

Hạng thiện trí phàm nhân, khi đang tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã; thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, hiện thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

Do đó, phiền não không có thể nương nhờ vào ở đâu mà phát sanh lên được. Khi ấy, hành giả thiện trí phàm nhân có thể tránh được ***khổ tâm*** theo từng thời.

Bậc Thánh Nhập Lưu đã diệt đoạn tuyệt được 2 loại phiền não: ***tà kiến, hoài nghi*** và những ác pháp có liên quan đến tà kiến, hoài nghi cũng đều bị diệt đoạn tuyệt không còn dư sót. Cho nên, bậc Thánh Nhập Lưu hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** do ***tà kiến*** và ***hoài nghi,***nhưng các phiền não khác còn lại chưa diệt được, cũng vẫn có thể làm cho bậc Thánh Nhập Lưu khổ tâm.

Như trường hợp bà Visākhā Mahā upāsikhā là bậc Thánh Nhập Lưu từ khi lên 7 tuổi. Một hôm có một người cháu gái tên Sudattā chết, bà Visākhā đau khổ khóc, đến hầu Đức Phật. Đức Phật khuyên dạy bà rằng:

"..Ṭena hi mā soci, soko vā bhayaṃ vā pemato jāyati". [10]

"Sự chết, xa lìa người thương yêu xảy ra như vậy rồi, con chớ nên khóc than thương tiếc, tự làm khổ mình! Sầu não, lo sợ thường phát sanh từ sự thương yêu...".

Và khi Đức Phật sắp tịch diệt Niết Bàn, Đại Đức Ānanda tủi phận khóc, khi ấy Ngài còn là bậc Thánh Nhập Lưu. Đức Phật gọi đến an ủi Đại Đức Ānanda. [11]

Bậc Thánh Nhập Lưu chưa diệt đoạn tuyệt được sân tâm, do đó phiền não này có thể phát sanh làm cho khổ tâm, buồn tủi, sầu não khóc than....

Bậc Thánh Nhất Lai đã diệt đoạn tuyệt được ***sân phiền não loại thô*** và các ác pháp liên quan đến sân tâm loại thô cũng đều bị diệt đoạn tuyệt không còn dư sót. Cho nên, bậc Thánh Nhất Lai hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** do ***sân tâm loại thô,*** nhưng các phiền não khác còn lại chưa diệt được, cũng vẫn có thể làm cho bậc Thánh Nhất Lai khổ tâm được.

Bậc Thánh Bất Lai đã diệt đoạn tuyệt được ***sân phiền não loại vi tế*** và các ác pháp liên quan đến sân tâm loại vi tế cũng đều bị diệt đoạn tuyệt không còn dư sót. Cho nên, bậc Thánh Bất Lai hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** do ***sân tâm loại vi tế,*** nhưng còn các phiền não khác còn lại chưa diệt được, cũng vẫn có thể làm cho bậc Thánh Bất Lai khổ tâm.

Bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót. Cho nên, bậc Thánh Arahán hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** nào cả.

Vì vậy, những bậc Thiện trí hoan hỷ trong pháp hành thiền tuệ, cố gắng tiến hành thiền tuệ, hầu mong được chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khỏi ***khổ tái sanh,*** là giải thoát mọi cảnh ***khổ thân*** và ***khổ tâm.***

9. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN TUỆ

Pháp hành thiền định và ***pháp hành thiền tuệ*** khác biệt nhau, song có thể hỗ trợ lẫn nhau được. Những điểm khác biệt tìm thấy trong pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ được trình bày từng điểm như sau:

1- Ý nghĩa *(Aṭṭha):*

Thiền định: Thiền định là ***định tâm*** nơi một đối tượng thiền định duy nhất, để dẫn đến sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới, các bậc thiền vô sắc giới.

Thiền tuệ: Thiền tuệ là ***trí tuệ*** thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, hiện thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

2- Chi pháp *(Dhammaṅga):*

Thđ [12]***:*** Chi pháp của thiền định là ***nhất tâm tâm sở.***

Tht [13]***:*** Chi pháp của thiền tuệ là ***tuệ chủ tâm sở.***

3- Trạng thái riêng *(Visesalakkhaṇa):*

Thđ: Thiền định có trạng thái riêng là không phóng tâm.

Tht: Thiền tuệ có trạng thái riêng là thấy rõ, biết rõ thực tánh của tất cả các pháp.

4- Phận sự *(Rasa):*

Thđ: Thiền định có phận sự tập trung tâm trên một đối tượng.

Tht: Thiền tuệ có phận sự diệt vô minh che án thực tánh của các pháp.

5- Quả hiện hữu *(Paccuppaṭṭhāna):*

Thđ: Thiền định có tâm an trú một đối tượng duy nhất, đó là quả hiện hữu.

Tht: Thiền tuệ có trí tuệ thiền tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp, đó là quả hiện hữu.

6- Nguyên nhân gần *(Padaṭṭhāna):*

Thđ: Thiền định có thọ lạc là nguyên nhân gần.

Tht: Thiền tuệ có định tâm là nguyên nhân gần.

7- Đối tượng *(Ārāmmaṇa):*

Thđ: Thiền định có *40 đề mục thiền định* làm đối tượng.

Tht: Thiền tuệ có *danh pháp, sắc pháp* thuộc về Chân nghĩa pháp làm đối tượng.

8- Pháp *(Dhamma):*

Thđ: Đối tượng thiền định thuộc về *Chế định pháp (Paññatti-dhamma).*

Tht: Đối tượng thiền tuệ thuộc về *Chân nghĩa pháp (Paramattha-dhamma).*

9- Sanh – diệt *(Udaya – vaya):*

Thđ: Đối tượng thiền định không có sự sanh, sự diệt.

Tht: Đối tượng thiền tuệ có sự sanh, sự diệt.

10- Thời gian *(Kāla):*

Thđ: Thiền định có đối tượng Chế định pháp, nên thuộc về kālavimutti: ngoại 3 thời, không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tht: Thiền tuệ có đối tượng Chân nghĩa pháp ở 3 thời, thời hiện tại là chính; thời quá khứ, thời vị lai là phụ.

11- Căn môn *(Dvāra):*

Thđ: Thiền định chỉ dùng đến 2 môn: nhãn môn hoặc thân môn là phụ, ý môn là chính.

Tht: Thiền tuệ dùng đến 6 căn môn: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn. Ý môn là chính.

12- Trạng thái chung *(Sāmaññalakkhaṇa):*

Thđ: Thiền định có đối tượng là Chế định pháp nên không có trạng thái riêng và trạng thái chung nào.

Tht: Thiền tuệ có đối tượng là Chân nghĩa pháp nên có trạng thái riêng của mỗi pháp và có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

13- Bản tánh *(Carita):*

Thđ: Thiền định, phân chia hành giả có 6 loại tánh: tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh suy diễn, tánh tín, tánh giác.

Tht: Thiền tuệ, phân chia hành giả có 2 loại tánh: tánh tham ái, tánh tà kiến.

14- Ấn chứng *(Nimitta):*

Thđ: Thiền định có 3 ấn chứng: ấn chứng ban đầu tiến hành *(parikammanimitta)*, ấn chứng thô ảnh tương tự *(uggahanimitta)*, ấn chứng quang ảnh trong sáng *(paṭibhāganimitta)*.

Tht: Thiền tuệ hoàn toàn không có ấn chứng nào.

15- Tâm định *(Samādhi):*

Thđ: Thiền định có 2 loại tâm định: tâm cận định *(upacārasamādhi),* tâm an định*(appanāsamādhi).*

Tht: Thiền tuệ chỉ có 1 tâm định là sát na định *(khaṇikasamādhi).*

16- Chứng đắc *(Adhigama):*

Thđ: Tiến hành thiền định để chứng đắc 5 hoặc 4 bậc thiền sắc giới, 4 bậc thiền vô sắc giới.

Tht: Tiến hành thiền tuệ để chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

17- Tâm *(Citta):*

Thđ: Thiền định đạt đến đại hành tâm *(mahāgatacitta).* Đó là sắc giới tâm, vô sắc giới tâm.

Tht: Thiền tuệ đạt đến siêu tam giới tâm *(lokuttaracitta).* Đó là 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm.

18- Diệt phiền não *(Pahāna):*

Thđ: Sắc giới thiền, vô sắc giới thiền có khả năng diệt chế ngự được phiền não*(vikkhambhanapahāna).*

Tht: Siêu tam giới, đó là 4 Thánh Đạo Tuệ có khả năng diệt đoạn tuyệt được phiền não *(samucchedapahāna);* 4 Thánh Quả Tuệ có khả năng diệt vắng lặng được phiền não*(paṭipassadhipahāna);* Niết Bàn diệt danh pháp, sắc pháp, giải thoát khỏi khổ*(nissaraṇapahāna).*

19- Mục đích:

Thđ: Mục đích của thiền định đạt đến tâm an trụ trong bậc thiền, thọ hưởng sự an lạc trong bậc thiền; bậc thiền thiện tâm cho quả tái sanh trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới tuỳ theo bậc thiền sở đắc của mình.

Tht: Mục đích của thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

20- Quả báu *(Ānisaṃsa):*

Thđ: Thiền định, khi chứng đắc 5 bậc thiền sắc giới, 4 bậc thiền vô sắc giới có nhiều quả báu như sau:

a) Kiếp hiện tại:

Nhập định để thọ hưởng sự an lạc trong bậc thiền.

Có khả năng luyện ngũ thông *(abhiññā).*

Làm nền tảng (đối tượng) để tiến hành thiền tuệ.

Hỗ trợ cho bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả Định.

Chứng đắc 9 bậc thiền hỗ trợ cho bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán nhập diệt thọ Tưởng Định....

b) Kiếp vị lai:

Nếu bậc thiền định không bị hư mất, sau khi chết, bậc thiền ấy chắc chắn sẽ cho quả tái sanh làm phạm thiên ở cõi trời sắc giới, hoặc vô sắc giới tùy theo bậc thiền sở đắc của hành giả.

Tht: Thiền tuệ siêu tam giới, đó là 4 Thánh Quả Tâm có nhiều quả báu như sau:

a) Kiếp hiện tại:

Bậc Thánh nhân nhập Thánh Quả Định thọ hưởng sự an lạc ***Niết Bàn tịch tịnh.***

Bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán chứng đắc đủ 9 bậc thiền có khả năng nhập diệt thọ Tưởng Định, suốt 7 ngày đêm, giải thoát khổ của danh pháp, sắc pháp....

b) Kiếp vị lai:

Bậc Thánh Nhập Lưu sau khi chết vĩnh viễn không tái sanh trong 4 ác giới, do thiện nghiệp cho quả chỉ còn tái sanh cõi thiện dục giới nhiều nhất 7 kiếp nữa... sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Bậc Thánh Nhất Lai sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả chỉ còn tái sanh 1 kiếp nữa... sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Bậc Thánh Bất Lai sau khi chết, không còn trở lại tái sanh cõi dục giới, do bậc thiền cho quả chỉ còn tái sanh cõi sắc giới, (cõi vô sắc giới)... sẽ tịch diệt Niết Bàn ở cõi trời sắc giới ấy.

Bậc Thánh Arahán, ngay kiếp hiện tại này, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

21- Tính chất quả báu:

Thđ: Quả báu của thiền định: các bậc thiền định sắc giới có thể hư mất, hoặc hưởng hết tuổi thọ ở cõi trời sắc giới, vô sắc giới ấy, rồi phải tái sanh nơi cảnh giới khác tùy theo nghiệp của hành giả.

Tht: Quả báu của thiền tuệ siêu tam giới, đó là 4 Thánh Quả Tâm vĩnh viễn không bao giờ bị hư mất.

22- Đối tượng - chủ thể:

Thđ:

Đối tượng thiền định paññatti chuyển biến từ parikamma-nimitta đến uggahanimitta; từ uggahanimitta đến paṭibhāganimitta; mỗi đối tượng thiền định có ấn chứng khác biệt nhau.

Chủ thể định tâm: từ khi chưa biết ấn chứng đến khi an trú trong ấn chứng ấy; dẫn đến sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới, vô sắc giới......

***Tht*:**

Đối tượng thiền tuệ paramattha thực tánh hoàn toàn không chuyển biến. Mọi đối tượng đều có trạng thái chung giống hệt nhau.

Chủ thể: *chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác* từ khi chưa thấy, chưa biết rõ thực tánh của các pháp, đến khi thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp; dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn....

23- Con đường:

Thđ: Pháp hành thiền định ví như con đường vòng tròn, tử sanh luân hồi trong tam giới không cùng tận.

Tht: Pháp hành thiền tuệ ví như con đường thẳng, tiến đến Niết Bàn, giải thoát khổ tử sanh luân hồi trong tam giới....

24- Pháp hành:

Thđ: Pháp hành thiền định có trong Phật giáo và có ngoài Phật giáo.

Tht: Pháp hành thiền tuệ chỉ có trong Phật giáo mà thôi.

Nhận xét về pháp hành thiền định – pháp hành thiền tuệ

Nhận xét qua những điều khác biệt giữa pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ thấy rằng:

Trong ***tam giới pháp*** *(lokiyadhamma)* thiền định và thiền tuệ có nhiều điểm khác biệt với nhau, không thể gặp nhau được; song có thể gián tiếp hỗ trợ lẫn nhau.

Trong ***siêu tam giới pháp*** *(lokuttaradhamma)* có Niết Bàn làm đối tượng, thì thiền định và thiền tuệ có điểm giống nhau, gặp nhau được.

Như trường hợp Thánh Đạo Tâm và Thánh Quả Tâm phát sanh có Niết Bàn làm đối tượng. Trong Thánh Đạo Tâm và Thánh Quả Tâm có hợp đủ 8 chánh:

Có ***chánh định:*** định tâm trong các bậc thiền siêu tam giới có Niết Bàn là đối tượng, thuộc về thiền định siêu tam giới.

Có ***chánh kiến:*** trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới chứng ngộ Niết Bàn là đối tượng, thuộc về thiền tuệ siêu tam giới.

Như vậy, thiền định và thiền tuệ có chung Niết Bàn làm đối tượng, cả hai đồng sanh trong siêu tam giới tâm.

Chú thích:

[6] Nếu trường hợp bậc Thánh nhân không chứng đắc các bậc thiền sắc giới, thiền vô sắc giới làm nền tảng, thì có lẽ bậc Thánh nhân ấy không thể nhập Thánh Quả Định được, vì chưa có 5 pháp thuần thục (vāsī).

[7] Bộ Visuddhimagga, Phần Nirodhasamāpattikathā.

[8] Trường hợp thiền sắc giới có 4 bậc.

[9] Majjhimanikāya, bộ Mūlapaṇṇāsa, kinh Mahāvedallasutta.

[10] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, chuyện Visākhāvatthu.

[11] Dīghanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta.

[12] Thđ: viết tắt chữ thiền định.

[13] Tht: viết tắt chữ thiền tuệ.

-ooOoo-

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT

1- Sáu Pháp Chướng Ngại *(Nīvaraṇa)*

Hành giả ***tiến hành thiền định*** hay ***tiến hành thiền tuệ*** buổi ban đầu, thường gặp các pháp chướng ngại có thể làm cản trở mọi thiện pháp không phát triển được. Cho nên 6 chi pháp này gọi là ***"sáu pháp chướng ngại".***

Sáu pháp chướng ngại là:

1- Kāmacchanda nīvaraṇa: Tham dục trong ngũ trần là pháp chướng ngại. Đó là tham tâm sở đồng sanh với 8 tham tâm.

2- Byāpāda nīvaraṇa: Sân hận là pháp chướng ngại. Đó là sân tâm sở đồng sanh với 2 sân tâm.

3- Thīnamiddha nīvaraṇa: Buồn chán-buồn ngủ là pháp chướng ngại. Đó là buồn chán tâm sở và buồn ngủ tâm sở đồng sanh với 5 bất thiện tâm cần động viên.

4- Uddhaccakukkucca nīvaraṇa: Phóng tâm-hối hận là pháp chướng ngại. Đó làphóng tâm tâm sở đồng sanh với 12 bất thiện tâm và hối hận tâm sở đồng sanh với 2 sân tâm.

5- Vicikicchā nīvaraṇa: Hoài nghi là pháp chướng ngại. Đó là hoài nghi tâm sở đồng sanh với si tâm hợp hoài nghi.

6- Avijjā nīvaraṇa: Vô minh là pháp chướng ngại. Đó là si tâm tâm sở đồng sanh với 12 bất thiện tâm.

Sáu pháp chướng ngại đó là 8 tâm sở: ***tham, sân, buồn chán, buồn ngủ, phóng tâm, hối hận, hoài nghi*** và ***si,*** tùy sanh rải rác trong 12 bất thiện tâm. Dầu 1 hoặc nhiều pháp chướng ngại phát sanh, cũng có thể làm chướng

ngại mọi thiện pháp, như bố thí, giữ giới, tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

Mỗi pháp chướng ngại có mỗi đối tượng riêng, khi phát sanh làm cho ác pháp chưa sanh có thể phát sanh, hoặc ác pháp đã sanh rồi, lại càng phát triển. Và ngược lại, thiện pháp chưa sanh, thì không phát sanh, hoặc thiện pháp đã phát sanh rồi, lại bị suy thoái.

Trong Chú giải kinh Đại Tứ niệm xứ, phần ***5 pháp chướng ngại*** [14] có giải thích như sau__

1- Tham Dục Là Pháp Chướng Ngại

1.1- Nhân sanh tâm tham dục

Tham dục ngũ trần được phát sanh do 2 nhân duyên:

a) Ayonisomanasikāra: Si mê biết sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp trong tam giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh (tốt đẹp).

b) Subhanimitta: Đối tượng tưởng lầm cho là tốt đẹp, nên phát sanh tâm tham dục.

Khi hành giả có *ayonisomanasikāra:* Si mê trong *đối tượng cho là tốt đẹp ấy*, nên làm cho tham dục trong ngũ trần phát sanh.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu tưởng lầm đối tượng cho là tốt đẹp; có ayonisomanasikāra: si mê trong đối tượng cho là tốt đẹp ấy, làm nhân duyên phát sanh tâm tham dục; hoặc tâm tham dục đã phát sanh rồi, lại càng phát triển". [15]

1.2- Nhân diệt tâm tham dục

Tham dục trong ngũ trần bị diệt do bởi 2 nhân duyên:

a) Yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu biết đúng danh pháp, sắc pháp trong tam giới, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh.

b) Asubhanimitta: Đối tượng có trạng thái bất tịnh.

Khi Tỳ khưu có *yonisomanasikāra*: Trí tuệ hiểu biết đúng danh pháp, sắc pháp có trạng thái bất tịnh ấy, nên diệt được tâm tham dục.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu biết đúng đối tượng có trạng thái bất tịnh; có yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu biết đúng danh pháp, sắc pháp có trạng thái bất tịnh ấy, làm nhân duyên không phát sanh tâm tham dục; hoặc tâm tham dục đã phát sanh rồi, thì bị diệt".[15]

 Pháp để diệt tâm tham dục

Ngoài ra, còn có 6 pháp có thể diệt tâm tham dục là:

1- Học hiểu rõ về 10 đề mục thiền định bất tịnh. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

2- Tiến hành đề mục bất tịnh. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

3- Biết thu thúc lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) được thanh tịnh, khi thấy sắc trần, nghe thanh trần, ngửi hương trần, nếm vị trần, chạm xúc

trần, biết pháp trần tâm không chấp thủ sai lầm cho là tốt đẹp. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

4- Biết tri túc trong vật thực, khi dùng vật thực còn độ 4-5 miếng cơm nữa là đủ no, nên ngưng lại để dùng nước là vừa, chớ nên dùng vật thực no quá. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

5- Có bạn lành, bậc Thầy khả kính giảng giải rõ ràng về đề mục bất tịnh. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

6- Lời nói thuận lợi, nói về đề mục bất tịnh, quả báu đề mục bất tịnh. Đó là pháp có thể diệt được tâm tham dục.

Thật ra, ***tâm tham dục*** trong ngũ trần bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Arahán Thánh Đạo Tuệ. Bậc Thánh Arahán*** hoàn toàn không còn tâm tham dục.

2- Sân Hận Là Pháp Chướng Ngại

2.1- Nhân sanh tâm sân hận

Sân hận phát sanh do bởi 2 nhân duyên là:

a) Ayonisomanasikāra: Si mê không hiểu biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp, không hài lòng nơi đối tượng.

b) Paṭighanimitta: Đối tượng thù nghịch làm phát sanh tâm sân hận.

Khi Tỳ khưu có *ayonisomanasikāra:* Si mê trong đối tượng thù nghịch ấy làm cho tâm sân hận phát sanh.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu không hài lòng trong đối tượng, gặp đối tượng thù nghịch; có ayonisomanasikāra: si mê trong đối tượng không hài lòng, đối tượng thù nghịch ấy, làm nhân duyên phát sanh tâm sân hận; hoặc tâm sân hận đã phát sanh rồi, lại càng phát triển".[15]

2.2- Nhân diệt tâm sân hận

Sân hận bị diệt do bởi 2 nhân duyên là:

a) Yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu biết rõ tất cả danh pháp, sắc pháp trong tam giới, hoặc biết rõ đối tượng gọi về chúng sinh.

b) Mettācetovimutta: Tiến hành niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh không phân biệt bạn với thù, chứng đắc đến cận định, hoặc bậc thiền sắc giới.

Khi Tỳ khưu có *yonisomanasikāra:* Trí tuệ hiểu biết rõ đối tượng *chúng sinh đáng yêu đáng mến*, niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh ấy, nên diệt được tâm sân hận.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu (hành giả), Tỳ khưu hành niệm rải tâm từ chứng đắc thiền sắc giới; có yonisomanasikāra: trí tuệ hiểu biết rõ đối tượng tất cả chúng sinh, niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh ấy, làm nhân duyên không phát sanh tâm sân hận; hoặc tâm sân hận đã phát sanh rồi, thì bị diệt". [15]

*** Pháp để diệt tâm sân hận**

Ngoài ra còn có 6 pháp có thể diệt tâm sân hận là:

1- Học hiểu rõ đề mục niệm rải tâm từ đến cho mình và tất cả chúng sinh, không phân biệt bạn với thù. Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

2- Tiến hành thiền định đề mục niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh. Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

3- Quán xét mỗi chúng sinh có nghiệp là của riêng mình.

Hành giả tự khuyên dạy mình rằng: *"Ta thù hận người ấy, ta có thể nào phá hoại được mọi thiện pháp như giới, định, tuệ,... của người ấy được hay không? Hay ta chỉ tự phá hoại mọi thiện pháp của mình mà thôi".*

"Người nào tâm sân hận giận dữ người khác, người ấy như tự mình đụng chạm phải miếng sắt đang cháy đỏ, hay nhảy vào hầm lửa, tự thiêu đốt mình".

Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

4- Biết quán xét rằng: *"Người nào tạo thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp, người ấy sẽ thọ hưởng quả của thiện nghiệp, bất thiện nghiệp ấy"....* Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

5- Gần gũi bạn lành, bậc Thầy khả kính nương nhờ, để học hỏi về pháp hành thiền định đề mục niệm rải tâm từ. Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

6- Lời nói thuận lợi, nói về niệm rải tâm từ, quả báu pháp hành niệm rải tâm từ. Đó là pháp có thể diệt được tâm sân hận.

Thật ra, ***tâm sân hận*** bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Bất Lai Thánh Đạo Tuệ. Bậc Thánh Bất Lai*** hoàn toàn không còn tâm sân hận.

3- Buồn Chán – Buồn Ngủ Là Pháp Chướng Ngại

3.1- Nhân sanh tâm buồn chán-buồn ngủ

Buồn chán-buồn ngủ phát sanh do bởi 2 nhân duyên:

a) Ayonisomanasikāra: Si mê không hiểu biết danh pháp, sắc pháp là khổ đế, dã dượi quên mình, biếng nhác, mê ngủ.

b) Tâm chán nản, lười biếng; thân biếng nhác, mệt mỏi, say mê vật thực,....

Khi Tỳ khưu có tâm chán nản, lười biếng; thân biếng nhác, mệt mỏi, say mê vật thực; có *ayonisomanasikāra:* Si mê trong sự chán nản... ấy, làm nhân duyên phát sanh tâm buồn chán-buồn ngủ.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có tâm chán nản, lười biếng; thân biếng nhác, mệt mỏi, say mê vật thực...; có ayonisomanasikāra: si mê ở trong sự chán nản,... ấy, làm nhân duyên phát sanh tâm buồn chán-buồn ngủ; hoặc tâm buồn chán-buồn ngủ đã phát sanh rồi, lại càng phát triển". [15]

3.2- Nhân diệt tâm buồn chán-buồn ngủ

Buồn chán-buồn ngủ bị diệt do bởi 2 nhân duyên là:

a) Yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu đúng theo 4 trạng thái của tất cả danh pháp, sắc pháp trong tam giới là: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh.

b) Sự bắt đầu tinh tấn, tinh tấn liên tục không ngừng, tinh tấn không thối chuyển.

Khi Tỳ khưu có *yonisomanasikāra:* Trí tuệ hiểu biết rõ trong 3 giai đoạn tinh tấn ấy, nên diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có sự bắt đầu tinh tấn, tinh tấn liên tục không ngừng, tinh tấn không thối chuyển; có yonisomanasikāra: trí tuệ hiểu rõ trong 3 giai đoạn tinh tấn ấy, làm nhân duyên không phát sanh tâm buồn chán-buồn ngủ; hoặc tâm buồn chán-buồn ngủ đã phát sanh rồi, thì bị diệt". [15]

*** Pháp để diệt tâm buồn chán-buồn ngủ**

Ngoài ra, còn có 6 pháp có thể diệt tâm buồn chán-buồn ngủ như sau:

1- Biết tri túc trong vật thực, khi dùng vật thực còn độ 4-5 miếng cơm nữa là đủ no, nên ngưng lại để dùng nước là vừa, chớ nên dùng vật thực no quá. Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

2- Biết thay đổi oai nghi, khi ở oai nghi ngồi, tâm buồn chán-buồn ngủ, nên thay đổi sang oai nghi đi,.... Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

3- Tâm tưởng đến ánh sáng, tưởng đến ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ánh sáng đèn, lửa.... Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

4- Ở nơi trống trải, sáng sủa, thoáng khí.... Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

5- Có bạn lành, bậc Thầy khả kính thường động viên khuyến khích tinh tấn tiến hành thiền tuệ. Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

6- Lời nói thuận lợi, ca tụng sự tinh tấn tiến hành thiền tuệ, để mong giải thoát khổ tử sanh luân hồi. Đó là pháp có thể diệt được tâm buồn chán-buồn ngủ.

Thật ra, ***tâm buồn chán-buồn ngủ*** bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Arahán Thánh Đạo Tuệ. Bậc Thánh Arahán*** hoàn toàn không còn tâm buồn chán-buồn ngủ nữa.

4- Phóng Tâm – Hối Hận Là Pháp Chướng Ngại

4.1- Nhân sanh của phóng tâm-hối hận

Phóng tâm-hối hận phát sanh do 2 nhân duyên là:

a) Ayonisomanasikāra: Si mê không hiểu biết về danh pháp, sắc pháp, mà lầm lạc trong những câu chuyện phóng tâm, những điều hối hận ở quá khứ.

b) Tâm không vắng lặng, không an trú trong đối tượng.

Phóng tâm: Khiến tâm nghĩ chưa hết chuyện này, đã sang chuyện khác, không tự chủ được.

Hối hận: Khiến tâm hối hận việc thiện không làm, mà đã làm việc ác.

Khi Tỳ khưu có *ayonisomanasikāra:* Si mê lầm lạc trong những câu chuyện phóng tâm, những điều hối hận ở quá khứ ấy, nên phát sanh phóng tâm-hối hận.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có tâm không vắng lặng, có ayonisomanasikāra: si mê lầm lạc trong những chuyện phóng tâm, những điều hối

hận ở quá khứ ấy, làm nhân duyên phát sanh phóng tâm-hối hận; hoặc phóng tâm-hối hận đã phát sanh rồi, thì càng phát triển".[15]

4.2- Nhân diệt của phóng tâm-hối hận

Phóng tâm-hối hận bị diệt do 2 nhân duyên là:

a) Yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu đúng theo 4 trạng thái của tất cả danh pháp, sắc pháp trong tam giới là: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh.

b) Tâm vắng lặng, an trụ ở đối tượng.

Khi Tỳ khưu có *yonisomanasikāra:* Trí tuệ hiểu biết rõ tâm vắng lặng, an trụ ở đối tượng ấy, nên diệt được phóng tâm-hối hận.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có tâm vắng lặng, an trụ ở đối tượng; có yonisomanasikāra: trí tuệ hiểu rõ tâm vắng lặng, an trụ ở đối tượng ấy, làm nhân duyên không phát sanh phóng tâm-hối hận; hoặc phóng tâm-hối hận đã phát sanh rồi, thì bị diệt".[15]

*** Pháp để diệt phóng tâm-hối hận.**

Ngoài ra, còn có 6 pháp có thể diệt phóng tâm-hối hận là:

1- Học nhiều hiểu rộng, là người thông hiểu Tam tạng, Chú giải. Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

2- Học hỏi, tìm hiểu, thế nào là thiện pháp, thế nào là bất thiện pháp, thế nào là pháp nên hành, thế nào là pháp không nên hành.... Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

3- Thông hiểu rành rẽ Luật tạng, biết rõ phạm giới, không phạm giới, nên hành, không nên hành,.... Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

4- Gần gũi, thân cận bậc Trưởng lão thông thạo Tam tạng để học hỏi. Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

5- Có bạn lành, bậc Thầy khả kính nương nhờ để học và hành. Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

6- Nói lời thuận lợi, nói điều nên hành, điều không nên hành.... Đó là pháp có thể diệt được phóng tâm-hối hận.

Thật ra, ***phóng tâm*** bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Arahán Thánh Đạo Tuệ*** và ***hối hận***bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Bất Lai Thánh Đạo Tuệ. Bậc Thánh Arahán*** hoàn toàn không còn phóng tâm, và ***bậc Thánh Bất Lai*** hoàn toàn không còn hối hận.

Sở dĩ 2 tâm sở phóng tâm và hối hận đi đôi với nhau, là vì 2 tâm sở này đều có trạng thái không vắng lặng, không an trụ trong đối tượng.

5- Hoài Nghi Là Pháp Chướng Ngại

5.1- Nhân sanh của hoài nghi

Hoài nghi phát sanh do bởi 2 nhân duyên là:

a) Ayonisomanasikāra: Si mê không hiểu biết về tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh (tốt đẹp).

b) Hoài nghi nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng; hoài nghi kiếp trước, kiếp sau,....

Khi Tỳ khưu có *ayonisomanasikāra:* Si mê không hiểu biết Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng; hoài nghi kiếp trước, kiếp sau... ấy, nên phát sanh hoài nghi.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có sự hoài nghi nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, hoài nghi kiếp trước, kiếp sau,...; có ayonisomanasikāra: si mê không tin Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng,... ấy, làm nhân duyên phát sanh hoài nghi; hoặc hoài nghi đã phát sanh rồi, thì càng phát triển". [15]

5.2- Nhân diệt của hoài nghi

Hoài nghi bị diệt do 2 nhân duyên là:

a) Yonisomanasikāra: Trí tuệ hiểu biết đúng danh pháp, sắc pháp trong tam giới, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh.

b) Trí tuệ phân biệt rõ: Thiện pháp, bất thiện pháp, tội, vô tội, pháp nên hành, pháp không nên hành, pháp thấp hèn, pháp cao thượng, pháp đen (ác pháp), pháp trắng (thiện pháp),....

Khi Tỳ khưu có *yonisomanasikāra:* Trí tuệ phân biệt rõ thiện pháp, bất thiện pháp; tội, vô tội; pháp nên hành, pháp không nên hành; pháp thấp hèn, pháp cao thượng; pháp đen (ác pháp), pháp trắng (thiện pháp),... ấy, nên diệt được hoài nghi.

Như Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu có trí tuệ phân biệt rõ thiện pháp, bất thiện pháp; tội, vô tội; pháp nên hành, pháp không nên hành; pháp thấp hèn, pháp cao thượng; pháp đen (ác pháp), pháp trắng (thiện pháp),...; có yonisomanasikāra: trí tuệ phân biệt rõ trong thiện pháp, bất thiện pháp,... ấy, làm nhân duyên không phát sanh hoài nghi; hoặc hoài nghi đã phát sanh rồi, thì bị diệt". [15]

*** Pháp để diệt hoài nghi.**

Ngoài ra, có 6 pháp có thể diệt hoài nghi.

1- Học nhiều hiểu rộng, thông hiểu Tam tạng, Chú giải. Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

2- Học hỏi, tìm hiểu, thế nào là thiện pháp, thế nào là bất thiện pháp; thế nào pháp nên hành, thế nào pháp không nên hành; ngũ uẩn hiện tại, ngũ uẩn quá khứ, ngũ uẩn vị lai,.... Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

3- Thông hiểu rành rẽ Luật tạng, biết rõ phạm giới, không phạm giới, nên hành, không nên hành,.... Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

4- Có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo; có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp. Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

5- Có bạn lành, bậc Thầy khả kính nương nhờ để học và hành. Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

6- Lời nói thuận lợi, tán dương ca tụng Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, nói về nghiệp và quả của nghiệp.... Đó là pháp có thể diệt được hoài nghi.

Thật ra, ***hoài nghi*** bị diệt đoạn tuyệt được bằng ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ. Bậc Thánh Nhập Lưu*** hoàn toàn không còn hoài nghi nữa.

Tính Chất Của Pháp Chướng Ngại

Năm pháp chướng ngại này là phiền não loại trung sanh trong bất thiện tâm, làm chướng ngại mọi thiện pháp nhất là pháp hành thiền định. Song 5 pháp chướng ngại này là đối tượng của pháp hành thiền tuệ. Trong phần niệm pháp có 5 đối tượng, trong đó có đối tượng 5 pháp chướng ngại, vì 5 pháp chướng ngại thuộc về danh pháp, nên có thể làm đối tượng của pháp hành thiền tuệ.

Hành giả tiến hành thiền tuệ có ***pháp chướng ngại*** là ***danh pháp*** làm đối tượng thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp ấy, hiện thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ mà không hiểu biết rõ phương pháp sử dụng ***pháp chướng ngại*** làm ***đối tượng,*** thì pháp chướng ngại mới trở thành chướng ngại, là vì pháp chướng ngại ấy là phiền não ác pháp; hễ ác pháp phát sanh, đồng thời thiện pháp bị suy thoái.

<u>Ví dụ</u>:

Khi ***phóng tâm*** phát sanh, nghĩ chưa hết chuyện này, sang câu chuyện khác. Nếu hành giả *theo dõi câu chuyện thuộc chế định pháp,* chuyện vui, thì tham tâm, hài lòng phát sanh và ngược lại, chuyện buồn, thì sân tâm, không hài lòng phát sanh. Như vậy, chỉ có ác pháp phát sanh, còn thiện pháp bị suy thoái.

Do đó, hành giả cần phải hiểu biết rõ:

Nhân sanh của phóng tâm.

Nhân diệt của phóng tâm.

Hành giả không nên theo dõi câu chuyện phóng tâm, mà phải biết sử dụng ***phóng tâm là danh pháp*** làm đối tượng thiền tuệ, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác thấy rõ, biết rõ ***"danh phóng"*** (đồng thời phóng tâm về câu chuyện bị diệt).

Phóng tâm tâm sở thuộc về danh pháp làm đối tượng thiền tuệ như các danh pháp khác; cũng có sự sanh, sự diệt, có 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã....

Như vậy, hành giải tiến hành thiền tuệ không nên khinh đối tượng ***danh pháp-danh phóng*** này, cũng không nên coi trọng đối

tượng ***danh pháp*** kia, để cho việc tiến hành thiền tuệ đúng theo Pháp hành Trung đạo.

2- Sự Thuận Lợi *(Sappāya)*

Hành giả tiến hành thiền định cũng như tiến hành thiền tuệ, để được phát triển tốt cần phải có 7 điều thuận lợi như sau:

Điều thuận lợi *(sappāya)* có 7 là:

1- Āvāsa: Chỗ ở thuận lợi, là ở nơi thanh vắng, yên tịnh.

2- Gocara: Nơi đi lại thuận lợi, là nơi đi lại mà hành giả luôn luôn giữ được đối tượng thiền tuệ.

3- Bhassa: Lời nói thuận lợi, là nói về 10 chuyện: *Nói về chuyện không tham muốn; chuyện tri túc; chuyện ở nơi thanh vắng; chuyện không nên sống chung chạ; chuyện về sự tinh tấn; chuyện giới trong sạch; chuyện định; chuyện tuệ; chuyện giải thoát bằng Thánh Đạo, Thánh Quả; chuyện giải thoát tri kiến.* 10 chuyện về thuận lợi, là cốt yếu tránh xa chuyện vô ích.

4- Puggala: Người thuận lợi, là bậc Thiền sư, hoặc bạn thiện trí đồng hành phạm hạnh.

5- Bhojana: Vật thực thuận lợi, là những vật thực thích hợp với cơ thể của hành giả.

6- Utu: Thời tiết thuận lợi, là thời tiết không nóng quá, không lạnh quá, thời tiết thích hợp với cơ thể của hành giả.

7- Iriyapatha: Oai nghi thuận lợi, là những oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm,... làm cho điều hòa cơ thể của hành giả. Không nên để cho một oai nghi nào chịu đựng khổ quá sức, làm mất đi tánh tự nhiên, nên điều hòa các oai nghi thích hợp với cơ thể của hành giả, để tránh bệnh hoạn.

Đó là 7 điều thuận lợi cần thiết đối với hành giả, để hỗ trợ cho việc tiến hành thiền định cũng như tiến hành thiền tuệ được phát triển tốt.

3- Thời Gian *(Kāla)*

Đối với ***hành giả tiến hành thiền định,*** chỉ có ***một đề mục*** làm đối tượng thiền định duy nhất và có ***2 căn môn:*** ý môn là chính, nhãn môn (hoặc thân môn) là phụ, nên cần có thời gian tiến hành lâu; để tâm an trú trong một đề mục thiền định ấy, để đạt đến ***cận định****(upacārasamādhi)* và ***an định*** *(appanāsamādhi);* để chứng đắc các bậc thiền sắc giới và bậc thiền vô sắc giới; để thọ hưởng sự an lạc trong thiền định.

Do đó, thời gian tiến hành thiền định có thể kéo dài lâu trong một oai nghi, cho đến khi xả thiền; khi ấy mới trở lại tiếp xúc các đối tượng khác ở 6 căn môn, như trong cuộc sống bình thường hằng ngày.

Đối với ***hành giả tiến hành thiền tuệ,*** có 6 loại đối tượng tiếp xúc ở 6 môn, gồm tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp ở hiện tại, như sau:

Nhãn thức tâm nhìn thấy ***sắc trần:*** hình dạng.

Nhĩ thức tâm nghe ***thanh trần:*** âm thanh.

Tỷ thức tâm ngửi ***hương trần:*** các loại mùi.

Thiệt thức tâm nếm ***vị trần:*** các loại vị.

Thân thức tâm chạm ***xúc trần:*** cứng, mềm, nóng, lạnh....

Ý thức tâm biết ***pháp trần:*** tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn.

Tất cả mọi đối tượng phải là ***danh pháp, sắc pháp*** thuộc ***Chân nghĩa pháp.*** Tâm biết đối tượng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp theo ***sát na định*** *(khaṇikasamādhi): định từng thời, từng khoảnh khắc trong mỗi đối tượng, không quy định thời gian cho mỗi đối tượng thiền tuệ*, thời gian hoàn toàn tùy thuộc vào nhân duyên sanh và nhân duyên diệt của mỗi danh pháp, sắc pháp ấy.

Hành giả tiến hành thiền tuệ cần phải ***có sự tinh tấn liên tục ngày đêm không ngừng, chỉ trừ khi ngủ ngon giấc.*** Khi thức dậy nên có ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh*** giác trực nhận, trực giác ngay đối tượng ***danh pháp,*** hoặc ***sắc pháp*** hiện tại.

Hành giả tiến hành thiền tuệ có ***tứ oai nghi***: ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** làm***đối tượng chính*** của thiền tuệ. Ngoài ra còn có vô số ***oai nghi phụ,*** thuộc về ***sắc pháp*** phát sanh từ tâm và tất cả mọi ***danh pháp*** khác cũng là ***đối tượng phụ*** của thiền tuệ. Các đối tượng thiền tuệ dầu chính hay phụ cũng đều có giá trị tương đương với nhau, đều có sanh - diệt, có ***3 trạng thái chung***: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã***, nên hành giả không thể ***xem trọng*** danh pháp, sắc pháp này, ***xem khinh*** danh pháp, sắc pháp kia.

Hành giả không nên quy định thời gian tiến hành của mỗi oai nghi là bao lâu, mà nên để mỗi oai nghi ***sắc đi,*** hoặc ***sắc đứng,*** hoặc ***sắc ngồi,*** hoặc ***sắc nằm,*** v.v... một cách tự nhiên, theo thời gian thích hợp, tùy thuộc vào nhân duyên sanh, nhân duyên diệt của mỗi oai nghi một cách tự nhiên.

4- Quan Trọng Hóa Chủ Thể, Đối Tượng

Hành giả tiến hành thiền tuệ cốt để phát sanh trí tuệ thiền tuệ, thấy rõ, biết rõ trở lại***thực tánh tự nhiên của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã.*** Nghĩa là, ***chủ thể*** *(tâm biết đối tượng)* và ***đối tượng*** *(danh pháp, sắc pháp làm đối tượng)* đều là ***pháp vô ngã.***

Nếu hành giả quan trọng hóa ***chủ thể*** và ***đối tượng,*** thì mọi phiền não sẽ nương nhờ vào đó mà phát sanh, nhất là ***tà kiến, tham ái, ngã mạn,*** làm che án thực tánh tự nhiên của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã.

4.1- Quan trọng hóa chủ thể

Hành giả phải nên thận trọng, chỉ cần có ý nghĩ sai lầm một chút về chủ thể, cũng có thể làm nơi nương nhờ của phiền não, nhất là *tà kiến, tham ái, ngã mạn* phát sanh. Khi phiền não nào phát sanh, ắt phải có ***vô minh*** đồng sanh làm cho tâm ô nhiễm, bao trùm, phủ kín thực tánh tự nhiên của danh pháp, sắc pháp. Do đó, sự tiến hành thiền tuệ không thể phát triển được.

Ví dụ:

Nếu hành giả ***quan trọng hóa chủ thể*** nghĩ rằng: ***"Ta đang hành thiền tuệ",*** thì phiền não sẽ nương nhờ như sau__

Tâm tà kiến theo chấp ngã *(attānudiṭṭhi)* **phát sanh.**

Khi đang đi, tà kiến chấp lầm rằng: ***"ta đi".***

Khi đang đứng, tà kiến chấp lầm rằng: ***"ta đứng".***

Khi đang ngồi, tà kiến chấp lầm rằng: ***"ta ngồi".***

Khi đang nằm, tà kiến chấp lầm rằng: ***"ta nằm".***

Đó là tâm ***tà kiến chấp ngã*** *(attādiṭṭhi)* hay ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* làm cho tâm ô nhiễm, không thể thấy rõ được thực tánh tự nhiên của các danh pháp, sắc pháp.

Tâm tham ái *(taṇhā)* **tham muốn phát sanh.**

Khi đang đi với tâm tham ***muốn đi,*** muốn thấy, muốn biết ***"sắc đi";*** muốn thấy ***sự sanh, sự diệt của "sắc đi",*** muốn thấy ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của ***"sắc đi"....***

Khi đang đứng với tâm tham ***muốn đứng,*** thì muốn thấy, muốn biết ***"sắc đứng";***muốn thấy ***sự sanh, sự diệt của "sắc đứng";*** muốn thấy ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của "sắc đứng"....***

Khi đang ngồi với tâm tham ***muốn ngồi,*** thì muốn thấy, muốn biết ***"sắc ngồi";*** muốn thấy ***sự sanh, sự diệt của "sắc ngồi";*** muốn thấy ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của "sắc ngồi"....***

Khi đang nằm với tâm tham ***muốn nằm,*** thì muốn thấy, muốn biết ***"sắc nằm";*** muốn thấy ***sự sanh, sự diệt của "sắc nằm";*** muốn thấy ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của "sắc nằm"....***

Đó là tâm ***tham ái,*** tham muốn làm cho tâm ô nhiễm không thể thấy rõ được thực tánh của các danh pháp, sắc pháp.

Tâm ngã mạn *(māna)* **chấp ta – người phát sanh:**

Khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, khi đang nằm... hành giả tự quan trọng hóa rằng: ***"Ta là người đang tiến hành thiền tuệ", "ta hơn các người khác",*** hay ***"ta bằng với hành giả khác",*** hay ***"ta thua các hành giả khác".***

Đó là ***tâm ngã mạn***, đem mình so sánh với người khác, làm cho tâm ô nhiễm, thì không thể thấy rõ được thực tánh của các danh pháp, sắc pháp.

Nếu hành giả tự quan trọng hóa mình, thì khó mà ngăn ngừa được mọi phiền não, nhất là ***tà kiến, tham ái, ngã mạn*** phát sanh. Khi phiền não nào phát sanh, ắt phải có ***si mê tâm sở*** gọi là ***vô minh*** bao trùm, phủ kín thực tánh tự nhiên của danh pháp, sắc pháp. Cho nên, sự tiến hành thiền tuệ không thể phát triển được.

Đó là những điều hành giả nên thận trọng, không nên quan trọng hóa mình, mà hành giả chỉ cần có *yonisomanasikāra: Sự hiểu biết ở trong tâm bằng trí tuệ* đúng theo 4 trạng thái của danh pháp, sắc pháp, làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác,*** trực nhận, trực giác ngay đối tượng danh pháp, sắc pháp, để cho trí tuệ thiền tuệ phát sanh thấy rõ, biết rõ đúng theo thực tánh tự nhiên của danh pháp, sắc pháp ấy.

4.2- Quan trọng hóa đối tượng

Nếu hành giả ***quan trọng hóa đối tượng*** thiền tuệ: ***"sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm"***... sẽ làm cho đối tượng ***"dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm...",*** mất tánh tự nhiên bình thường, do bất thiện tâm, nên làm che án thực tánh của sắc pháp danh pháp.

Khi quan trọng hóa đối tượng, nghĩa là xem đối tượng ***có lợi ích,*** sẽ đem lại sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, nhờ nơi đối tượng ấy. Nếu nghĩ vậy thì khó tránh khỏi ***tham ái, ngã mạn, tà kiến*** nương nhờ ở đối tượng ấy mà phát sanh, làm trở ngại cho việc tiến hành thiền tuệ.

Do đó, hành giả không nên quan ***trọng hóa đối tượng sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm...*** mà chỉ nên để đối tượng phát sanh một cách tự nhiên bình thường:

Sắc đi: Đó là ***"dáng đi, tư thế đi"*** một cách tự nhiên bình thường.

Sắc đứng: Đó là ***"dáng đứng, tư thế đứng"*** một cách tự nhiên bình thường.

Sắc ngồi: Đó là ***"dáng ngồi, tư thế ngồi"*** một cách tự nhiên bình thường.

Sắc nằm: Đó là ***"dáng nằm, tư thế nằm"*** một cách tự nhiên bình thường.

Đối tượng thiền tuệ phải ***hoàn toàn tự nhiên,*** bởi *chân lý luôn luôn ở trạng thái tự nhiên;* cho nên đối tượng phải tự nhiên, trí tuệ mới có thể thực nghiệm được thực tánh của danh pháp, sắc pháp; để thấy rõ, biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; để thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp ấy.

Khi thấy rõ, biết rõ thực tánh của tất cả mọi danh pháp, sắc pháp trong tam giới, chỉ có ***sự thật chân lý khổ đế*** mà thôi**,** không có ***an lạc thật.*** Nếu có ***thọ lạc*** thì chỉ là ***hư ảo.*** Vì thọ lạc là danh pháp, cũng có sự sanh, sự diệt; có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, cho nên thọ lạc cũng chỉ là ***khổ đế*** mà thôi.

4.3- Quan trọng hóa chủ thể và đối tượng

Nếu hành giả ***quan trọng hóa chủ thể và đối tượng thiền tuệ,*** thì tất cả mọi phiền não, nhất là ***tham ái, ngã mạn, tà kiến,*** có thể nương nhờ nơi chủ thể và đối tượng ấy mà phát sanh.

Vì vậy, trong bài kinh ***Đại Niệm Xứ,*** đoạn kết của mỗi đối tượng (trong 21 đối tượng), Đức Phật đều dạy rằng:

"Atthi kāyo’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti, yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya, anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati...". [16]

*"Chánh niệm của hành giả trực nhận rằng: **"chỉ là thân mà thôi".** Đối tượng hiện tại, chỉ để cho phát triển chánh niệm, chỉ để cho phát triển trí tuệ tỉnh giác mà thôi, hành giả không có tà kiến và tham ái nương nhờ nơi đối tượng - chủ thể, và không có sự chấp thủ nào ta, của ta trong ngũ uẩn này".*

Cũng như vậy, ở *phần thọ, phần tâm, phần pháp*, Đức Phật cũng dạy: ***"chỉ là thọ mà thôi"*** *(atthi vedanā),* ***"chỉ là tâm mà thôi"*** *(atthi cittaṃ),* ***"chỉ là pháp mà thôi"*** *(atthi dhammā).*

Trong phần Chú giải dạy rằng:

"Thân chỉ là thân, thọ chỉ là thọ, tâm chỉ là tâm, pháp chỉ là pháp" *thuộc về sắc pháp và danh pháp, là pháp vô ngã, không phải chúng sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải đàn bà (na itthī),*

không phải đàn ông (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ngã (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai cả (na koci), không phải của ai cả,....

Sự thật:

Phần *thân* chỉ là *thân,* thuộc về *sắc pháp* là *sắc uẩn.*

Phần *thọ* chỉ là *thọ,* thuộc về *danh pháp* là *thọ uẩn.*

Phần *tâm* chỉ là *tâm,* thuộc về *danh pháp* là *thức uẩn.*

Phần *pháp* chỉ là *pháp,* thuộc về *danh pháp, sắc pháp* là *ngũ uẩn*.

Đức Phật dạy rằng: ***"Tóm lại ngũ uẩn chấp thủ này là khổ"*** *(Saṃkhitena pañcuppādānakkhandhā dukkhā).*

Người nào say mê trong ngũ uẩn, người ấy bị chìm đắm trong cảnh khổ, chẳng bao giờ giải thoát ra khỏi cảnh khổ tử sanh luân hồi, như trong kinh *Abhinandanasutta* [17] Đức phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu,

Người nào say mê trong sắc uẩn, Như Lai gọi người ấy say mê trong khổ. Người nào say mê trong khổ, Như Lai gọi người ấy không thể giải thoát khỏi khổ được.

Người nào say mê trong thọ uẩn, Như Lai gọi người ấy say mê trong khổ...

Người nào say mê trong tưởng uẩn, Như Lai gọi người ấy say mê trong khổ...

Người nào say mê trong hành uẩn, Như Lai gọi người ấy say mê trong khổ....

Người nào say mê trong thức uẩn, Như Lai gọi người ấy say mê trong khổ. Người nào say mê trong khổ, Như Lai gọi người ấy không thể giải thoát khỏi khổ được.

"Này chư Tỳ khưu,

Người nào không say mê trong sắc uẩn, Như Lai gọi người ấy không say mê trong khổ. Người nào không say mê trong khổ, Như Lai gọi người ấy có thể giải thoát khỏi khổ.

Người nào không say mê trong thọ uẩn, Như Lai gọi người ấy không say mê trong khổ...

Người nào không say mê trong tưởng uẩn, Như Lai gọi người ấy không say mê trong khổ...

Người nào không say mê trong hành uẩn, Như Lai gọi người ấy không say mê trong khổ...

Người nào không say mê trong thức uẩn, Như Lai gọi người ấy không say mê trong khổ. Người nào không say mê trong khổ, Như Lai gọi người ấy có thể giải thoát khỏi khổ...".

Hành giả tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***đối tượng ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp*** đều là ***khổ đế,*** vì có sự sanh, sự diệt là thường.

Và trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ***chủ thể*** đó là ***chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác*** (hành uẩn) cũng là ***khổ đế***, vì cũng có sự sanh, sự diệt là thường, nên không say mê chìm đắm trong cảnh khổ của danh pháp, sắc pháp, nhàm chán danh pháp, sắc pháp, muốn giải thoát khỏi danh pháp, sắc pháp ấy.

Khi hành giả không quan trọng hóa ***đối tượng:*** *danh pháp, sắc pháp*, và ***chủ thể:****danh pháp*, thì ***tà kiến, tham ái, ngã mạn*** không nương vào đâu mà phát sanh lên được.

5- Diệt Tham Ái, Ngã Mạn, Tà Kiến

Tham ái *(taṇhā),* ***ngã mạn*** *(māna),* ***tà kiến*** *(diṭṭhi)* gọi là ***ba pháp trì hoãn****(papañcadhamma),* làm chúng sinh, đắm chìm trong biển khổ trầm luân, tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài từ vô thủy mãi đến vô chung.

Đức Phật xuất hiện trên thế gian với tâm đại bi bao la rộng lớn, muốn cứu vớt chúng sinh thoát ra khỏi biển khổ trầm luân, tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, nên Đức Phật thuyết pháp, giảng dạy cho chúng sinh hiểu rõ sự tai họa của ***ba pháp trì hoãn*** và con đường pháp hành thiền tuệ để diệt ba pháp trì hoãn ấy.

Ba ***pháp trì hoãn: tham ái, ngã mạn, tà kiến*** không thể diệt bằng ***pháp hành giới trong sạch,*** cũng không thể diệt bằng ***pháp hành thiền định,*** dầu chứng đắc *các* bậc *thiền sắc giới* và *các bậc thiền vô sắc giới*, mà chỉ có thể diệt bằng ***pháp hành thiền tuệ*** mà thôi.

Đối tượng – chủ thể – thời gian

Về đối tượng và chủ thể: Hành giả đang tiến hành thiền tuệ, không nên quan trọng hóa đối tượng và chủ thể.

Về thời gian: Hành giả không nên có quy định thời gian hành, mà nên có sự tinh tấn liên tục không ngừng, tiến hành thiền tuệ một cách tự nhiên bình thường hằng ngày, đêm cho đến khi nằm ngủ ngon giấc.

Diệt tham ái, ngã mạn, tà kiến bằng hai giai đoạn

5.1- Giai đoạn diệt từng thời *(tataṅgapahāna).*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi ***trí tuệ thiền tuệ thứ tư*** *(trong 16 trí tuệ thiền tuệ)* phát sanh gọi là *Udayabbayañāṇa: trí tuệ thiền tuệ thấy rõ,*

biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp, nên hiện thấy rõ, biết rõ 3 trạng thái chung:

Trạng thái vô thường *(aniccalakkhaṇa).*

Trạng thái khổ *(dukkhalakkhaṇa).*

Trạng thái vô ngã *(anattalakkhaṇa).*

Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô thường,*** nên có thể diệt được ***ngã mạn*** *(māna)* tự chấp mình so sánh với người.

Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái khổ,*** nên có thể diệt được ***tham ái*** *(taṇhā)* tham đắm say mê trong danh pháp, sắc pháp.

Khi trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có ***trạng thái vô ngã,*** nên có thể diệt được ***tà kiến*** *(diṭṭhi)* chấp ngã, chấp từ danh pháp, sắc pháp cho là ***ta.***

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ *danh pháp, sắc pháp trong tam giới có* ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** chỉ có khả năng ***diệt từng thời*** *(tadaṅgapahāna)*được ***tham ái, ngã mạn, tà kiến,*** chứ chưa có đủ khả năng diệt đoạn tuyệt được chúng.

5.2- Giai đoạn diệt đoạn tuyệt *(samucchedapahāna).*

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi trí tuệ thiền tuệ tuần tự phát triển đến ***trí tuệthiền tuệ siêu tam giới*** thứ 14*,* gọi là ***Thánh Đạo Tuệ*** *(Ariyamaggañāṇa),* có *Niết Bàn làm đối tượng.* Thánh Đạo Tuệ có 4 bậc:

1- ***Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ:*** Có khả năng diệt đoạn tuyệt hoàn toàn ***tà kiến****(diṭṭhi),* và tất cả các ác pháp thuộc tà kiến vĩnh viễn không bao giờ phát sanh cả trong kiếp hiện tại này lẫn kiếp vị lai. Nhưng ***tham ái*** và ***ngã mạn,*** bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt được.

2- ***Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ:*** Có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***tham ái*** và ***ngã mạn,*** *phần thô ở cõi dục giới.* Nhưng phần vi tế, bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ chưa có khả năng diệt được.

3- ***Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ:*** Có khả năng diệt đoạn tuyệt được ***tham ái*** và ***ngã mạn*** *phần vi tế ở cõi dục giới.* Nhưng ***tham ái*** và ***ngã mạn*** ở cõi sắc giới và vô sắc giới, bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ chưa có khả năng diệt được.

4- ***Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ:*** Có khả năng diệt đoạn tuyệt hoàn toàn ***tham ái*** và***ngã mạn,*** không còn dư sót.

Bậc Thánh Arahán hoàn toàn không còn ***pháp trì hoãn*** *(papañca-dhamma)* nào, nên không còn chìm đắm trong biển khổ trầm luân nữa, đã hoàn thành xong phạm hạnh, biết rõ kiếp này là kiếp cuối cùng, sau khi tịch diệt Niết Bàn, không còn tái sanh kiếp nào khác nữa; chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài, hoàn toàn giải thoát khỏi cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử.

-ooOoo-

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT *(tiếp theo)*

6- Ngũ Uẩn Tà Kiến Và Tà Kiến Theo Chấp Ngã

Ngũ uẩn tà kiến dịch từ *sakkāyadiṭṭhi.* Do 2 từ ghép *sakkāya + diṭṭhi. Sakkāya:* nghĩa là, *tổng hợp các pháp có thật rõ ràng,* đó là ngũ uẩn. *Diṭṭhi:* nghĩa là, *tà kiến,* thấy sai, hiểu lầm.

Vậy, *sakkāyadiṭṭhi* là: *tà kiến thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm nơi ngũ uẩn,* gọi là ***ngũ uẩn tà kiến.***

Tà kiến theo chấp ngã: dịch từ *attānudiṭṭhi.* Do 3 từ ghép *attā + ānu + diṭṭhi. Attā:* Ở đây có nghĩa là *ngã* (ta theo tà kiến). *Ānu:* Tiếp đầu ngữ có nghĩa là *theo. Diṭṭhi: Tà kiến:*thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm.

Vậy, *Attānudiṭṭhi* là, *tà kiến theo chấp ngã.* Đó là tà kiến theo chấp lầm nơi ngũ uẩn cho là ***ta.***

Như vậy, ***ngũ uẩn tà kiến*** và ***tà kiến theo chấp ngã,*** hai loại tà kiến này, khác về*danh từ,* song giống nhau về *ý nghĩa* và *chi pháp.*

Do nguyên nhân nào có ngũ uẩn tà kiến và tà kiến theo chấp ngã?

Trong bộ *Patisambhidāmagga* [18] dạy:

Một số phàm nhân trong đời này, vì không được gần gũi thân cận với bậc Thánh nhân, không được lắng nghe chánh pháp, không được hướng dẫn dạy dỗ từ bậc Thánh nhân, không được học hỏi hiểu biết chánh pháp, không được hành theo chánh pháp của bậc Thánh nhân; do đó, số phàm nhân ấy phát sanh tà kiến thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm nơi ngũ uẩn rằng: ***"Sắc uẩn là ta, ta có sắc uẩn, sắc uẩn ở trong ta, ta ở trong sắc uẩn".*** *Cũng như vậy,****thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn****, và* ***"thức uẩn là ta, ta có thức uẩn, thức uẩn ở trong ta, ta ở trong thức uẩn".*** *Mỗi uẩn có 4 loại tà kiến, như vậy 5 uẩn gồm có 20 loại tà kiến.*

6.1- Ngũ Uẩn Tà Kiến, có 20 loại:

1- Tà kiến ở nơi sắc uẩn, có 4 loại:

1.1- ***Tà kiến thấy sai "sắc uẩn là ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi ***sắc uẩn*** cho là ***ta.*** Nghĩa là ***sắc uẩn*** với ***ta*** là một, sắc uẩn như thế nào, ta cũng như thế ấy, ta như thế nào, sắc uẩn cũng như thế ấy.

Ví dụ:

Như *cái đèn dầu đang cháy sáng*. Người ta nhìn thấy cho rằng: *ngọn đèn với ánh sáng là một. Ngọn đèn như thế nào, ánh sáng như thế ấy, ánh sáng như thế nào, ngọn đèn cũng như thế ấy.* Cũng như vậy, số phàm nhân có

tà kiến, thấy sai, hiểu lầm từ nơi ***sắc uẩn*** cho là***ta, ta*** là ***sắc uẩn; sắc uẩn*** với ***ta*** là một.

Nhưng sự thật, ***tâm tà kiến*** *(chấp ta)* không phải là sắc uẩn; ***sắc uẩn*** cũng không phải là tâm tà kiến. ***Sắc uẩn*** thuộc về ***sắc pháp; tâm tà kiến*** thuộc về ***danh pháp;*** nhưng do tâm tà kiến thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm từ ***sắc uẩn*** cho là ***ta, ta*** là ***sắc uẩn.***

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"sắc uẩn là ta".***

1.2- ***Tà kiến thấy sai "Ta có sắc uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này có ***sắc uẩn.***

Ví dụ:

Như *cây có bóng*. Người ta cho rằng: *"Đây là cây, đây là bóng, cây có bóng"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này có ***sắc uẩn,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta có sắc uẩn".***

1.3- ***Tà kiến thấy sai "sắc uẩn ở trong ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***sắc uẩn*** ở trong ***ta.***

Ví dụ:

Như *mùi thơm ở trong đóa hoa*. Người ta cho rằng: *"Đây là đóa hoa, đây là mùi thơm, song mùi thơm ở trong đóa hoa này"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***sắc uẩn*** ở trong ***ta,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"sắc uẩn ở trong ta".***

1.4- ***Tà kiến thấy sai "ta ở trong sắc uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***sắc uẩn.***

Ví dụ:

Như *viên ngọc mani ở trong cái hộp*. Người ta cho rằng: *"Đây là viên ngọc mani, đây là cái hộp, viên ngọc mani ở trong cái hộp"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta***, mà ***ta*** này ở trong ***sắc uẩn,***cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta ở trong sắc uẩn".***

2- Tà kiến ở nơi thọ uẩn, có 4 loại:

2.1- ***Tà kiến thấy sai "thọ uẩn là ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người thấy sai, hiểu lầm nơi ***thọ uẩn*** cho là ***ta.*** Nghĩa la***ø thọ uẩn*** với ***ta*** là một, ***thọ uẩn*** như thế nào, ***ta*** cũng như thế ấy, ***ta*** như thế nào, ***thọ uẩn*** cũng như thế ấy.

Ví dụ:

Như *cái đèn dầu đang cháy sáng*. Người ta nhìn thấy cho rằng: *ngọn đèn với ánh sáng là một. Ngọn đèn như thế nào, ánh sáng như thế ấy, ánh sáng như thế nào, ngọn đèn cũng như thế ấy.* Cũng như vậy, số phàm nhân có

tà kiến, thấy sai, hiểu lầm nơi ***thọ uẩn*** cho là ***ta, ta*** là ***thọ uẩn, thọ uẩn*** với ***ta*** là một.

Nhưng sự thật, ***tâm tà kiến*** *(chấp ta)* không phải là ***thọ uẩn; thọ uẩn*** cũng không phải là ***tâm tà kiến. Thọ uẩn*** thuộc về ***danh pháp; tâm tà kiến*** thuộc về ***danh pháp*** khác, nhưng do tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi thọ uẩn, chấp ***thọ uẩn*** là ***ta, ta*** là ***thọ uẩn.***

Như vậy, gọi là, tà kiến thấy sai ***"thọ uẩn là ta".***

2.2- ***Tà kiến thấy sai "Ta có thọ uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này có ***thọ uẩn.***

Ví dụ:

Như *cây có bóng*. Người ta cho rằng: *"Đây là cây, đây là bóng, cây có bóng"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này co***ù thọ uẩn,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta có thọ uẩn".***

2.3- ***Tà kiến thấy sai "thọ uẩn ở trong ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***thọ uẩn*** ở trong ***ta.***

Ví dụ:

Như *mùi thơm ở trong đóa hoa*. Người ta cho rằng: *"Đây là đóa hoa, đây là mùi thơm, mùi thơm ở trong đóa hoa này"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***thọ uẩn*** ở trong ***ta,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"thọ uẩn ở trong ta".***

2.4- ***Tà kiến thấy sai "ta ở trong thọ uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***thọ uẩn.***

Ví dụ:

Như *viên ngọc mani ở trong cái hộp*. Người ta cho rằng: *"Đây là viên ngọc mani, đây là cái hộp, viên ngọc mani ở trong cái hộp"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***thọ uẩn,***cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta ở trong thọ uẩn".***

3- Tà kiến ở nơi tưởng uẩn, có 4 loại:

3.1- ***Tà kiến thấy sai "tưởng uẩn là ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi ***tưởng uẩn*** cho là ***ta.*** Nghĩa la***ø tưởng uẩn*** với ***ta*** là một, ***tưởng uẩn*** như thế nào, ***ta*** cũng như thế ấy, ***ta*** như thế nào, ***tưởngï uẩn***cũng như thế ấy.

Ví dụ:

Như *cái đèn dầu đang cháy sáng*. Người ta nhìn thấy cho rằng: *ngọn đèn với ánh sáng là một. Ngọn đèn như thế nào, ánh sáng như thế ấy, ánh sáng như thế nào, ngọn đèn cũng như thế ấy.* Cũng như vậy, số phàm nhân có

tà kiến, thấy sai, hiểu lầm nơi ***tưởng uẩn*** cho là***ta, ta*** là ***tưởng uẩn, tưởng uẩn*** với ***ta*** là một.

Nhưng sự thật, ***tâm tà kiến*** *(chấp ta)* không phải là ***tưởngï uẩn; tưởng uẩn*** cũng không phải là *tâm tà kiến*. ***Tưởng uẩn*** thuộc về ***danh pháp; tâm tà kiến*** thuộc về ***danh pháp***khác, nhưng do tâm tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi tưởng uẩn, chấp ***tưởng uẩn*** cho là ***ta, ta*** là***tưởng uẩn***.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"tưởng uẩn là ta".***

3.2- ***Tà kiến thấy sai "Ta có tưởng uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà trong ***ta*** này có ***tưởng uẩn.***

Ví dụ:

Như *cây có bóng*. Người ta cho rằng*: "Đây là cây, đây là bóng. Cây có bóng"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này co***ù tưởng uẩn,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta có tưởng uẩn".***

3.3- ***Tà kiến thấy sai "tưởng uẩn ở trong ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***tưởng uẩn*** ở trong ***ta.***

Ví dụ:

Như *mùi thơm ở trong đóa hoa*. Người ta cho rằng: *"Đây là đóa hoa, đây là mùi thơm, mùi thơm ở trong đóa hoa này",* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta***, mà ***tưởng uẩn*** ở trong ***ta,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"tưởng uẩn ở trong ta".***

3.4- ***Tà kiến thấy sai "ta ở trong tưởng uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***tưởng uẩn.***

Ví dụ:

Như *viên ngọc mani ở trong cái hộp*. Người ta cho rằng: *"Đây là viên ngọc mani, đây là cái hộp, viên ngọc mani ở trong cái hộp",* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, hành uẩn, thức uẩn* cho là ***ta***, mà ***ta*** này ở trong ***tưởng uẩn,***cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta ở trong tưởng uẩn".***

4- Tà kiến ở nơi hành uẩn, có 4 loại:

4.1- ***Tà kiến thấy sai "hành uẩn là ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi ***hành uẩn*** cho là ***ta.*** Nghĩa la***ø hành uẩn*** với ***ta*** là một, ***hành uẩn*** như thế nào, ***ta*** cũng như thế ấy, ***ta*** như thế nào, ***hành uẩn*** cũng như thế ấy.

Ví dụ:

Như *cái đèn dầu đang cháy sáng*. Người ta nhìn thấy cho rằng: *ngọn đèn với ánh sáng là một. Ngọn đèn như thế nào, ánh sáng như thế ấy, ánh*

sáng như thế nào, ngọn đèn cũng như thế ấy. Cũng như vậy, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi ***hành uẩn*** cho là***ta, ta*** là ***hành uẩn, hành uẩn*** với ***ta*** là một.

Nhưng sự thật, ***tâm tà kiến*** *(chấp ta)* là 1 ***hành uẩn;*** tất cả ***hành uẩn*** không phải là tâm tà kiến. ***Hành uẩn*** thuộc về ***danh pháp; tâm tà kiến*** thuộc về ***danh pháp*** khác, nhưng do tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi hành uẩn, chấp ***hành uẩn*** cho là ***ta, ta*** là ***hành uẩn.***

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"hành uẩn là ta".***

4.2- ***Tà kiến thấy sai "Ta có hành uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này có ***hành uẩn.***

Ví dụ:

Như *cây có bóng*. Người ta cho rằng: *"Đây là cây, đây là bóng, cây có bóng"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này co***ù hành uẩn,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là thấy sai, hiểu lầm ***"ta có hành uẩn".***

4.3- ***Tà kiến thấy sai "hành uẩn ở trong ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn* cho là***ta,*** mà ***hành uẩn*** ở trong ***ta.***

Ví dụ:

Như *mùi thơm ở trong đóa hoa*. Người ta cho rằng: *"Đây là đóa hoa, đây là mùi thơm, mùi thơm ở trong đóa hoa này",* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***hành uẩn*** ở trong ***ta,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"hành uẩn ở trong ta".***

4.4- ***Tà kiến thấy sai "ta ở trong hành uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***hành uẩn.***

Ví dụ:

Như *viên ngọc mani ở trong cái hộp*. Người ta cho rằng: "*Đây là viên ngọc mani, đây là cái hộp, viên ngọc mani ở trong cái hộp*" như thế nào. Số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***hành uẩn,***cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta ở trong hành uẩn".***

5- Tà kiến ở nơi thức uẩn, có 4 loại:

5.1- ***Tà kiến thấy sai "thức uẩn là ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi ***thức uẩn*** cho là ***ta.*** Nghĩa la***ø thức uẩn***với ***ta*** là một, ***thức uẩn*** như thế nào, ***ta*** cũng như thế ấy, ***ta*** như thế nào, ***thức uẩn*** cũng như thế ấy.

Ví dụ:

Như *cái đèn dầu đang cháy sáng*. Người ta nhìn thấy cho rằng: *ngọn đèn với ánh sáng là một. Ngọn đèn như thế nào, ánh sáng như thế ấy, ánh sáng như thế nào, ngọn đèn cũng như thế ấy.* Cũng như vậy, số phàm nhân có tà kiến, thấy sai, hiểu lầm nơi ***thức uẩn*** cho là ***ta, ta*** là ***thức uẩn, thức uẩn*** với ***ta*** là một.

Nhưng sự thật, ***tâm tà kiến*** không phải là ***thức uẩn; thức uẩn*** cũng không phải là tâm tà kiến. ***Thức uẩn*** thuộc về ***danh pháp; tâm tà kiến*** thuộc về ***danh pháp*** khác, nhưng do tâm tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi thức uẩn, chấp ***thức uẩn*** cho là ***ta, ta*** là ***thức uẩn***.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"thức uẩn là ta".***

5.2- ***Tà kiến thấy sai "Ta có thức uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này có ***thức uẩn.***

Ví dụ:

Như *cây có bóng*. Người ta cho rằng: "*Đây là cây, đây là bóng. Cây có bóng*" như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này co***ù thức uẩn*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta có thức uẩn".***

5.3- ***Tà kiến thấy sai "thức uẩn ở trong ta" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn* cho là ***ta,*** mà ***thức uẩn*** ở trong ***ta.***

Ví dụ:

Như *mùi thơm ở trong đóa hoa*. Người ta cho rằng: *"Đây là đóa hoa, đây là mùi thơm, mùi thơm ở trong đóa hoa này"* như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm ở *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn* cho là ***ta,*** mà ***thức uẩn*** ở trong ***ta,*** cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"thức uẩn ở trong ta".***

5.4- ***Tà kiến thấy sai "ta ở trong thức uẩn" như thế nào?*** Một số phàm nhân trong đời này, là những người có tà kiến thấy sai, hiểu lầm *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn*cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***thức uẩn.***

Ví dụ:

Như *viên ngọc mani ở trong cái hộp*. Người ta cho rằng: "*Đây là viên ngọc mani, đây là cái hộp, viên ngọc mani ở trong cái hộp*" như thế nào, số phàm nhân có tà kiến thấy sai, hiểu lầm nơi *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn* cho là ***ta,*** mà ***ta*** này ở trong ***thức uẩn,***cũng như thế ấy.

Như vậy, gọi là tà kiến thấy sai ***"ta ở trong thức uẩn".***

Tóm lại, ***ngũ uẩn tà kiến*** gồm có 20 loại và cũng là ***tà kiến theo chấp ngã,*** vì hai loại tà kiến này liên quan với nhau. Song, ***ngũ uẩn tà kiến*** vẫn đóng vai trò chính trong 62 loại tà kiến.

Cho nên, khi bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt được ***ngũ uẩn tà kiến***[19] *(sakkāyadiṭṭhi)* xong rồi, thì các loại tà kiến khác cũng đều bị

diệt đoạn tuyệt cùng một lúc, vĩnh viễn không bao giờ phát sanh trong kiếp hiện tại lẫn những kiếp vị lai.

Dĩ nhiên, Chư bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán thì hoàn toàn không còn ***ngũ uẩn tà kiến*** và ***tà kiến theo chấp ngã.***

Tất cả chúng sinh là hạng phàm nhân như: nhân loại, chư thiên ở cõi dục giới, phạm thiên ở cõi trời sắc giới và cõi trời vô sắc giới vẫn còn nguyên vẹn ***ngũ uẩn tà kiến*** và ***tà kiến theo chấp ngã.***

Bảng tóm lược "ngũ uẩn tà kiến"

Ngũ uẩn *(pañcakkhandha)*.

1- Sắc uẩn thuộc về **sắc pháp.**
2- Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, là 4 danh uẩn thuộc về **danh pháp.**

Chấp ***sắc uẩn*** là Ta, có 4 loại:

1- Sắc uẩn là Ta, Ta là Sắc uẩn.

2- Ta có Sắc uẩn. (Ta ở đây là 4 danh uẩn).

3- Sắc uẩn ở trong Ta. (Ta ở đây là 4 danh uẩn).

4- Ta ở trong Sắc uẩn. (Ta ở đây là 4 danh uẩn).

Chấp ***thọ uẩn*** là Ta, có 4 loại:

1- Thọ uẩn là Ta, Ta là Thọ uẩn.

2- Ta có Thọ uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

3- Thọ uẩn ở trong Ta. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

4- Ta ở trong Thọ uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

Chấp ***tưởng uẩn*** làTa, có 4 loại:

1- Tưởng uẩn là Ta, Ta là Tưởng uẩn.

2- Ta có Tưởng uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

3- Tưởng ở uẩn trong Ta. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

4- Ta ở trong Tưởng uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn) .

Chấp ***hành uẩn*** là Ta, có 4 loại:

1- Hành uẩn làTa, Ta là Hành uẩn.

2- Ta có Hành uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

3- Hành uẩn ở trong Ta. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

4- Ta ở trong Hành uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

Chấp ***thức uẩn*** là Ta, có 4 loại:

1- Thức uẩn là Ta, Ta là Thức uẩn.

2- Ta có Thức uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

3- Thức uẩn ở trong Ta. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

4- Ta ở trong Thức uẩn. (Ta ở đây là 3 danh uẩn và sắc uẩn).

Sự cản trở của ngũ uẩn tà kiến hoặc tà kiến theo chấp ngã

Đối với hành giả còn là phàm nhân, khi tiến hành thiền tuệ, *ngũ uẩn tà kiến hoặc tà kiến theo chấp ngã* là một ***cản trở lớn*** cho sự phát triển trí tuệ thiền tuệ; cản trở lớn cho việc thấy rõ, biết rõ thực tánh của ***danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã***, ***có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã;*** cản trở lớn cho sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Nhưng ***ngũ uẩn tà kiến hoặc tà kiến theo chấp ngã không cản trở*** việc phước thiện như: ***bố thí, giữ giới;*** cũng không cản trở việc ***tiến hành thiền định,*** để chứng đắc các ***bậc thiền sắc giới*** và ***các bậc thiền vô sắc giới.***

Như vậy, ***ngũ uẩn tà kiến hoặc tà kiến theo chấp ngã,*** chỉ cản trở việc trở thành ***bậc Thánh nhân,*** nhưng không cản trở việc tái sanh làm ***người,*** tái sanh làm ***chư thiên*** ở cõi trời dục giới; cũng không cản trở việc tái sanh làm ***phạm thiên*** ở cõi trời sắc giới và cõi trời vô sắc giới.

Sự sanh và sự diệt của ngũ uẩn tà kiến

1- Sự sanh của ngũ uẩn tà kiến:

Những phàm nhân trong đời này, là những người không gần gũi, thân cận bậc Thánh nhân, không được lắng nghe chánh pháp, không thực hành theo chánh pháp của bậc Thánh nhân, nên họ là những người có tà kiến, thấy sai, hiểu lầm rằng:

"Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cho là ta".

"Ta có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn."

"Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn ở trong ta".

"Ta ở trong sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn".

Do đó, nên có ***sự sanh của ngũ uẩn tà kiến.***

2- Sự diệt của ngũ uẩn tà kiến:

Bậc Thánh Thanh văn đệ tử của Đức Phật, là những bậc đã gần gũi, thân cận bậc Thánh nhân, được lắng nghe chánh pháp, đã thực hành theo chánh pháp của bậc Thánh nhân.

Bậc Thánh Thanh văn là ***bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ*** đã diệt đoạn tuyệt được ***tâm tà kiến*** và ***hoài nghi*** rồi; nên ***bậc Thánh Nhập Lưu*** đã có ***thiền tuệ chánh kiến****(vipassanāsammādiṭṭhi),* ***Thánh Đạo chánh kiến*** *(Maggasammādiṭṭhi),* ***Thánh Quả chánh kiến*** *(Phalasammādiṭṭhi)* thấy đúng, biết đúng rằng:

"Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn không phải là ta".

"Không phải ta có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn".

"Không phải sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn ở trong ta".

"Không phải ta ở trong sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn".

Bởi vì, ***bậc Thánh Nhập Lưu*** đã diệt đoạn tuyệt được ***ngũ uẩn tà kiến,*** đồng thời cũng diệt đoạn tuyệt tất cả 62 loại tà kiến cùng một lúc, vì tất cả mọi tà kiến phát sanh đều do nương nhờ ngũ uẩn tà kiến.

6.1- Tà Kiến Theo Chấp Ngã *(attānudiṭṭhi)*

Tà kiến theo chấp ngã thường phát sanh do nương nhờ ở ***đối tượng*** và ***chủ thể.***

Đối tượng đó là ***sắc pháp*** và ***danh pháp.***

Chủ thể đó là tâm biết đối tượng thuộc về ***danh pháp*** *(sắc pháp hoàn toàn không biết đối tượng).*

Có 3 trường hợp như sau:

1- Tà kiến theo chấp ngã, thấy sai cả từ đối tượng lẫn nơi chủ thể.

2- Trí tuệ thấy đúng từ đối tượng; nhưng chưa thấy đúng nơi chủ thể.

3- Chánh kiến thấy đúng, cả từ đối tượng lẫn nơi chủ thể.

1- Tà kiến theo chấp ngã, thấy sai cả từ đối tượng lẫn nơi chủ thể như thế nào?

Một số người phàm nhân trong đời này, không gần gũi thân cận với bậc Thiện trí trong Phật giáo, không được nghe, học hỏi, nghiên cứu về danh pháp, sắc pháp ở bên trong mình và danh pháp, sắc pháp bên ngoài ở chúng sinh khác, vạn vật khác ở trong đời. Do đó, nên thường phát sanh tà kiến theo chấp ngã, thấy sai, chấp lầm từ ***sắc pháp*** cho là ***ta,*** từ ***danh pháp*** cho là ***ta,*** gọi là ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* hoặc ***ngũ uẩn tà kiến****(sakkāyadiṭṭhi)* thấy sai, chấp lầm nơi ngũ uẩn.

a) <u>Từ sắc pháp</u>:

<u>Ví dụ</u>: Khi thân đi gọi là *"sắc đi".* Sắc đi là đối tượng.

Thấy sai từ đối tượng.

Người không học hiểu về danh pháp, sắc pháp, không phải là hành giả đang tiến hành thiền tuệ. Sự thật *"thân đi"* hay *"sắc đi",* thấy sai, chấp lầm từ đối tượng *"sắc đi"* ấy cho là ***"ta đi".***

Đó là ***tà kiến theo chấp ngã*** thấy sai, chấp lầm từ đối tượng**.**

Thấy sai nơi chủ thể.

Tà kiến theo chấp ngã cũng thấy sai, chấp lầm do nương nhờ nơi ***chủ thể.*** Sự thật, danh biết *"sắc đi"* nhưng ***tà kiến theo chấp ngã*** cho là ***"ta biết ta đi".***

Đó là trường hợp ***tà kiến theo chấp ngã*** thấy sai, chấp lầm cả từ ***đối tượng,*** lẫn nơi***chủ thể.*** Tương tự như trên, trong các trường hợp ***sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm....***

b) <u>Từ danh pháp</u>:

<u>Ví dụ:</u> Khi phóng tâm, gọi là ***danh phóng tâm.*** Danh phóng tâm là đối tượng.

Thấy sai từ đối tượng.

Người không học hiểu về danh pháp, sắc pháp, không phải là hành giả đang tiến hành thiền tuệ. Sự thật *phóng tâm* gọi là *"danh phóng tâm",* nhưng ***tà kiến theo chấp ngã,*** thấy sai, chấp lầm từ đối tượng *"danh phóng tâm"* ấy, cho là ***"Ta phóng tâm".***

Đó là ***tà kiến theo chấp ngã*** thấy sai, chấp lầm từ đối tượng**.**

Thấy sai nơi chủ thể.

Tà kiến theo chấp ngã cũng thấy sai, chấp lầm do nương nhờ nơi ***chủ thể.*** Sự thật***"danh biết phóng tâm",*** nhưng tà kiến theo chấp ngã cho là ***"Ta biết ta phóng tâm".***

Đó là trường hợp ***tà kiến theo chấp ngã*** thấy sai, chấp lầm cả từ ***đối tượng,*** lẫn nơi***chủ thể.*** Tương tự như vậy, các danh pháp khác cũng giải thích như trên.

2- Trí tuệ thấy đúng từ đối tượng, nhưng chưa thấy đúng nơi chủ thể như thế nào?

Trường hợp đang tiến hành thiền tuệ, hành giả là người có chánh niệm có trí tuệ ***chỉ theo dõi chăm chú từ đối tượng,*** nên trí tuệ chỉ thấy đúng từ đối tượng. Nhưng không quan tâm đến chủ thể *(danh biết đối tượng)*. Do đó ***tà kiến theo chấp ngã*** ẩn tàng ngầm thấy sai chấp lầm do nương nhờ nơi chủ thể: danh biết đối tượng ấy.

a) <u>Từ sắc pháp:</u>

<u>Ví dụ</u>: Khi thân đi gọi là "sắc đi". Sắc đi là đối tượng.

Thấy đúng từ đối tượng:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ ***chỉ theo dõi chăm chú dáng đi, tư thế đi*** ấy, trí tuệ thấy rõ biết rõ *"dáng đi, tư thế đi"* ấy gọi là *"sắc đi"* (không phải ta đi).

Đó là trí tuệ thấy đúng từ đối tượng.

Chưa thấy đúng nơi chủ thể:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ chỉ theo dõi chăm chú dáng đi, tư thế đi ấy, trí tuệ thấy rõ biết rõ *"dáng đi, tư thế đi ấy gọi là sắc đi"*. Nhưng trí tuệ không quan tâm đến ***chủ thể*** (danh biết sắc đi). Do đó, trí tuệ chưa thấy đúng nơi chủ thể, cho nên, tà kiến theo chấp ngã ẩn tàng ngầm thấy sai, chấp lầm do nương nhờ nơi ***chủ thể*** (danh biết sắc đi) ấy cho là ***"ta biết sắc đi".***

Đó là trường hợp thấy đúng từ đối tượng, nhưng chưa thấy đúng nơi chủ thể. Tương tự như vậy các "sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm, v.v..." cũng giải thích như trên.

b) Từ danh pháp:

Ví dụ: Khi phóng tâm, gọi là "danh phóng tâm". Danh phóng tâm là đối tượng.

Thấy đúng từ đối tượng.

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ chỉ theo dõi đối tượng phóng tâm ấy, trí tuệ thấy rõ biết rõ *"danh phóng tâm"* (không phải ta phóng tâm).

Đó là trí tuệ thấy đúng từ đối tượng.

Chưa thấy đúng nơi chủ thể:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, trí tuệ ***chỉ theo dõi đối tượng phóng tâm ấy,*** trí tuệ thấy rõ biết rõ *"danh phóng tâm"*. Nhưng trí tuệ không quan tâm đến***chủ thể*** *(danh biết phóng tâm)*. Do đó, trí tuệ chưa thấy đúng nơi chủ thể, cho nên tà kiến theo ngã chấp ẩn tàng ngầm thấy sai chấp lầm do nương nhờ nơi ***chủ thể*** *(danh biết phóng tâm)* ấy cho là ***"ta biết danh phóng tâm".***

Đó là trường hợp thấy đúng từ đối tượng, nhưng chưa thấy đúng nơi chủ thể. Tương tự như vậy, các danh pháp khác cũng giải thích như trên.

3- Chánh kiến thấy đúng cả từ đối tượng, lẫn nơi chủ thể như thế nào?

Trường hợp đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác, trực nhận trực giác ngay trên ***đối tượng*** thiền tuệ, vừa quan tâm đến ***chủ thể*** *(danh biết đối tượng)*. Do đó, tà kiến theo chấp ngã không thể nương nhờ ***cả đối tượng lẫn chủ thể*** để phát sanh. Cho nên, trí tuệ tỉnh giác trực giác ngay ***thực tánh của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã cả đối tượng lẫn chủ thể.***

a) Từ sắc pháp:

Ví dụ: Khi thân đi gọi là *"sắc đi".* Sắc đi là đối tượng.

Chánh kiến thấy đúng từ đối tượng:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác ngay đối tượng *dáng đi, tư thế đi,* trí tuệ thấy rõ biết rõ *"dáng đi, tư thế đi"* ấy gọi là *sắc đi* (không phải ta đi).

Do đó trí tuệ chánh kiến thấy đúng từ đối tượng.

Chánh kiến thấy đúng nơi chủ thể:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác trực nhận trực giác ngay ***đối tượng*** *"dáng đi, tư thế đi",* và trí tuệ thấy rõ biết rõ ***chủ thể*** *(danh biết sắc đi)* là***"sắc đi do danh biết"*** không phải ta biết sắc đi.

Đó là trường hợp chánh kiến thấy đúng cả từ đối tượng lẫn nơi chủ thể. Tương tự như vậy, các "sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm v.v..." cũng giải thích như trên.

b) Từ danh pháp:

Ví dụ:

Khi phóng tâm, gọi là *"danh phóng tâm".* Danh phóng tâm là đối tượng.

Thấy đúng từ đối tượng:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác trực nhận trực giác ngay đối tượng phóng tâm ấy, trí tuệ thấy rõ biết rõ ***"danh phóng tâm"*** *(không phải ta phóng tâm).*

Đó là trí tuệ thấy đúng từ đối tượng.

Thấy đúng nơi chủ thể:

Đang tiến hành thiền tuệ, hành giả có chánh niệm, có trí tuệ tỉnh giác trực nhận trực giác ngay ***đối tượng*** phóng tâm, và trí tuệ thấy rõ biết rõ ***chủ thể*** *(danh biết danh phóng tâm)*là ***"danh phóng tâm do danh biết"*** không phải ta biết danh phóng tâm.

Đó là trường hợp chánh kiến thấy đúng cả từ đối tượng lẫn nơi chủ thể. Tương tự như vậy các danh pháp khác cũng giải thích như trên.

Hành giả tiến hành thiền tuệ cần phải học hiểu rõ tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp. Trong khi đang tiến hành thiền tuệ, cần phải biết rõ cách ngăn ngừa ***"tà kiến theo chấp ngã"***không thể nương nhờ cả từ đối tượng lẫn chủ thể bằng ***chánh kiến thiền tuệ*** thấy đúng, biết đúng ngay cả đối tượng thiền tuệ lẫn chủ thể tâm biết đối tượng.

Khi hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng ngăn ngừa ***tà kiến theo chấp ngã*** không thể nương nhờ cả đối tượng lẫn chủ thể; làm cho ***chánh kiến thiền tuệ*** phát sanh thấy đúng biết đúng thực tánh của danh pháp, sắc pháp cả đối tượng lẫn chủ thể, trí tuệ đạt đến thanh tịnh gọi là ***chánh kiến thanh tịnh*** *(diṭṭhivisuddhi).*

7- Không Chấp Ngã

Không chấp ngã có 2 cách:

1- Không chấp ngã bằng cách phủ định ngã (ta).

2- Không chấp ngã bằng cách khẳng định không có ngã (ta).

7.1- Không chấp ngã bằng cách phủ định ngã (ta) như thế nào?

Bậc Thiện trí phàm nhân *(Kalyāṇaputhujjana)* trong đời này, là người thường được gần gũi thân cận với bậc Thánh nhân, bậc Thiện trí trong Phật giáo, được lắng nghe học hỏi, nghiên cứu về pháp học Phật giáo, do nhờ trí tuệ học *(sutamayapaññā)* nên hiểu rõ tất cả các pháp hữu vi và pháp vô vi đều là pháp vô ngã *(anattā).*

Pháp hữu vi *(saṅkhatadhamma):* là pháp được cấu tạo do bởi nhân duyên, có sự sanh, sự diệt là thường, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã... đó là tâm, tâm sở, sắc pháp thuộc về chân nghĩa pháp *(paramatthadhamma).*

Pháp vô vi *(asaṅkhatadhamma)* là pháp không bị cấu tạo do bởi nhân duyên nào, không có sự sanh, sự diệt, không có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã... đó là Niết Bàn và kể cả chế định pháp *(paññattidhamma).* Song ***Niết Bàn*** và ***chế định pháp***đều là ***pháp vô ngã.***

Như vậy tất cả các pháp gồm cả chân nghĩa pháp lẫn chế định pháp đều là pháp vô ngã *anattā: không phải ta* [20]*, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chư thiên, không phải phạm thiên, không phải chúng sinh nào, không phải vật này, vật kia v.v....*

Tất cả các pháp trong tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và pháp siêu tam giới đều là ***pháp vô ngã,*** không có ***Ta,*** chỉ có ***pháp*** mà thôi.

Do đó, bậc Thiện trí phàm nhân có thể ***phủ nhận ngã*** (ta), mặc dầu, chưa diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** *(attānidiṭṭhi)* trong 4 tham tâm hợp tà kiến của mình.

Như vậy, ***bậc Thiện trí phàm nhân không chấp ngã bằng cách phủ định ngã*** (ta), nghĩa là còn có ngã (ta) để mà phủ định nó, theo khả năng trí tuệ học và trí tuệ tư duy đúng đắn của mình.

Thậm chí, bậc Thiện trí phàm nhân này có thể giảng giải về ***pháp vô ngã*** đúng theo sở học, sự hiểu biết của mình do nhờ trí tuệ học hiểu rõ về pháp học Phật giáo.

7.2- Không chấp ngã bằng cách khẳng định không có ngã (ta) như thế nào?

Bậc Thánh nhân *(Ariyapuggala)* trong Phật giáo, là bậc đã hiểu rõ về pháp học Phật giáo, rồi đem thực hành theo pháp hành Phật giáo: hành giới, hành định, hành tuệ, nhất là tiến hành thiền tuệ dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo – Nhập Lưu Thánh Quả, đã diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến*** trong 4 tham tâm hợp tà kiến rồi. Cho nên, bậc Thánh Nhập Lưu không còn thấy sai, chấp lầm từ danh pháp, sắc pháp cho là ngã (ta) nữa.

Theo chánh kiến, thực tánh của danh pháp, sắc pháp là ***pháp vô ngã,*** không phải ta. Sở dĩ gọi là ***ngã*** (ta), là do ***tâm tà kiến*** thấy sai chấp lầm từ danh pháp cho là ***ta,*** từ sắc pháp cho là ***ta. Ngã vốn không có thật,*** nhưng ***tâm tà kiến là có thật.*** Do đó, không ***diệt ngã*** được; mà chỉ có thể ***diệt tâm tà kiến*** theo chấp ngã được mà thôi.

Bậc Thánh Nhập Lưu đã diệt đoạn tuyệt được ***tâm tà kiến*** và ***tâm hoài nghi rồi,*** nên có chánh kiến thấy đúng, biết đúng thực tánh của các pháp, là pháp vô ngã, sự thật hiển nhiên là:

Không có ngã (ta) để chấp.

Không có ngã (ta) để phủ định.

Không có ngã (ta) để diệt.

Do đó: bậc Thánh Nhập Lưu không chấp ngã bằng cách khẳng định không có ngã (ta).

Còn bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, hoàn toàn không chấp ngã ***do tà kiến;*** nhưng vẫn còn có cái thuộc về ngã *(attaniyaṃ)* do ***tham ái*** và ***ngã mạn,*** bởi do chưa diệt đoạn tuyệt được 4 tham tâm không hợp tà kiến *(diṭṭhigatavippayuttacitta),* nên còn có chấp rằng:

"Của ta" do tâm ***tham ái.***

"Ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người" do tâm ***ngã mạn.***

Chỉ có bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được 4 tham tâm không hợp tà kiến, nên không còn tâm tham ái và tâm ngã mạn, đồng thời diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não, mọi ác pháp không còn dư sót.

Do đó, bậc Thánh Arahán hoàn toàn không chấp ngã bằng cách khẳng định không có ngã (ta) nào nữa.

Ví dụ:

Ông A đi đường vào ban đêm, có mang theo đèn. Ông nhìn thấy ***một sợi dây*** ngoằn ngoèo (giống như ***con rắn***), nằm ở giữa đường. Ông rọi đèn thấy rõ, chỉ là một ***sợi dây,*** ông đi qua tự nhiên không chút sợ hãi.

Cũng đêm ấy, ông B đi qua quãng đường đó, không có mang đèn. Ông nhìn thấy sợi dây ngoằn ngoèo, giống như con rắn nằm ở giữa đường. Ông thấy lầm, tưởng lầm từ ***sợi dây***ngoằn ngoèo kia cho là ***con rắn độc,*** ông phát tâm sợ hãi, tránh xa con rắn độc ấy mà đi.

Khi ông B gặp ông A, thuật lại việc con rắn độc nằm ở giữa đường, ông A khẳng định với ông B rằng: ***"Đó chỉ là sợi dây!".***

Ông B tin theo lời của ông A, nói rằng: ***"Đó chỉ là sợi dây!",*** nhưng chính mắt ông B chưa thấy rõ sợi dây ấy, vì ảnh hưởng tính sợ hãi vừa qua, khiến cho ông còn hoài nghi: *"sợi dây hay là con rắn độc?".*

Cùng đêm ấy, ông C cũng đi qua quãng đường đó, mọi việc xảy ra giống như trường hợp ông B.

Khi ông C gặp ông B, thuật lại việc con rắn độc nằm giữa đường, ông B phủ định với ông C rằng: ***"Đó chỉ là sợi dây, không phải con rắn độc".***

Vì bản tính tà kiến chấp thủ của ông C, nên ông C dẫn ông B đến tại nơi sợi dây tưởng lầm con rắn độc ấy, rồi nói với ông B rằng:

Ông nói, ***"Đó chỉ là sợi dây, không phải con rắn độc",*** vậy xin ông thử đụng vào nó xem thế nào!

Ông B tin theo lời ông A, chỉ nhắc lại đúng theo lời ông A: ***"Đó chỉ là sợi dây"*** và ông B còn phủ định: ***"Không phải con rắn độc".*** Tuy nói như vậy, song trong tâm ông B vẫn còn hoài nghi: ***"sợi dây, hay là con rắn độc?".*** Do đó, nên ông B sợ không dám đụng vào sợi dây tưởng lầm con rắn độc ấy.

Qua ví dụ trên đây để hiểu rõ:

Đối với bậc Thánh nhân *(Ariyapuggala)* trong Phật giáo, là bậc đã diệt đoạn tuyệt được ***tà kiến theo chấp ngã*** trong 4 tham tâm hợp tà kiến rồi, nên không còn thấy sai, chấp lầm từ danh pháp cho là ***ta,*** từ sắc pháp cho là ***ta*** nữa; đã từng thấy rõ, biết rõ đúng theo ***thực tánh*** của ***danh pháp là danh pháp, sắc pháp là sắc pháp,*** danh pháp và sắc pháp đều là ***pháp vô ngã.*** Sự thật, hoàn toàn không có ngã (ta) nào cả, để mà chấp.

Cũng như ông A nhờ đèn rọi sáng thấy rõ ***"sợi dây chỉ là sợi dây",*** nên không có sự ngộ nhận tưởng lầm, thấy lầm, chấp lầm nào từ sợi dây cho là con rắn độc, vì sự thật chỉ có sợi dây, không có con rắn độc.

Đối với ***bậc Thiện trí phàm nhân*** *(Kalyāṇaputhujjana)* thường được gần gũi, thân cận với bậc Thánh nhân, hay bậc Thiện trí trong Phật giáo, được lắng nghe học hỏi hiểu rõ về tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp đều là ***pháp vô ngã.*** Do nhờ ***trí tuệ học*** hiểu rõ như vậy, nên không chấp ngã bằng cách ***phủ định ngã***. Nghĩa là còn có ngã để mà phủ định. Bởi vì, bậc Thiện trí phàm nhân chưa diệt đoạn tuyệt được ***4 tham tâm hợp tà kiến*** và ***si tâm hợp hoài nghi,*** nên ***tà kiến theo chấp ngã*** vẫn còn ngủ ngầm trong tâm.

Cũng như trường hợp ông B nói rằng: *"Đó chỉ là sợi dây, không phải con rắn độc".*Nghĩa là còn có con rắn độc ở trong tâm, để cho ông phủ định nó (con rắn).

Đối với ***hạng si mê phàm nhân*** *(Bālaputhujjana),* không gần gũi với bậc Thánh nhân, hay bậc Thiện trí trong Phật giáo, nên không được nghe, học hỏi về tất cả mọi ***danh pháp,***mọi ***sắc pháp*** đều là ***pháp vô ngã.***

Do đó, ***tà kiến chấp thủ*** từ ***danh pháp*** cho là ***ta,*** từ ***sắc pháp*** cho là ***ta.*** Nhưng sự thật đúng theo thực tánh của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã (không phải ta).

Sở dĩ ngộ nhận từ danh pháp, sắc pháp ấy là do ***tà kiến*** thấy sai, chấp lầm, không đúng theo thực tánh của danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã, nên thường phát sanh nhiều phiền não, tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình lẫn người....

Cũng như trường hợp ông C thấy lầm, chấp lầm sợi dây cho là con rắn độc, nên phát sanh tâm sợ hãi, tự làm khổ mình, làm khổ người.

8- Phân Biệt 2 Sự Thật

Trong đời này có 2 sự thật hiện hữu:

Sự thật theo chân nghĩa pháp.

Sự thật do ngôn ngữ chế định.

Trong 2 sự thật, sự thật chân nghĩa pháp *(paramatthasacca)* luôn luôn làm nền tảng để chế định ra ngôn ngữ trực tiếp có thực tánh làm nền tảng và chế định ra ngôn ngữ gián tiếp không có thực tánh làm nền tảng.

1- Sự thật theo chân nghĩa pháp như thế nào?

Sự thật đúng theo thực tánh của các pháp:

Sắc pháp: có trạng thái bị huỷ hoại do nóng, lạnh, đói, khát v.v.... mỗi sắc pháp có thực tánh riêng biệt của nó.

Ví dụ:

Chất đất có trạng thái cứng hoặc mềm.

Chất nước có trạng thái lỏng hoặc đông đặc.

Chất lửa có trạng thái nóng hoặc lạnh.

Chất gió có trạng thái phồng xẹp hoặc rung chuyển v.v...

Danh pháp: có trạng thái hướng biết đối tượng.

Mỗi danh pháp có mỗi phận sự biết đối tượng riêng biệt:

Nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần.

Nhĩ thức tâm nghe thanh trần.

Tỷ thức tâm ngửi hương trần.

Thiệt thức tâm nếm vị trần.

Thân thức tâm tiếp xúc trần.

Ý thức tâm biết pháp trần. *v.v....*

Những thực tánh này không thể có danh từ ngôn ngữ nào diễn tả được, nhưng có thể biết bằng tâm.

Do đó gọi là sự thật theo chân nghĩa pháp.

2- Sự thật theo ngôn ngữ chế định như thế nào?

Sự thật được chế định bằng danh từ ngôn ngữ để thông tin hiểu biết lẫn nhau.

Những ngôn ngữ chế định này do căn cứ sự thật chân nghĩa pháp, có hai loại danh từ ngôn ngữ chế định:

a) Danh từ ngôn ngữ chế định trực tiếp có thực tánh pháp làm nền tảng.

Ví dụ:

Danh từ ngôn ngữ chế định gọi *"**Nhãn thức tâm** nhìn thấy sắc trần";* danh từ gọi ***"nhãn thức tâm"*** thuộc về danh pháp và ***sắc trần*** thuộc về sắc pháp là những danh từ ngôn ngữ chế định có thực tánh pháp làm nền tảng.

Bởi vì, danh từ gọi là ***nhãn thức tâm*** là tâm có phận sự nhìn thấy sắc trần và danh từ gọi ***"sắc trần"*** là hình dạng có thật làm đối tượng của nhãn thức tâm. Do đó, những danh từ ngôn ngữ chế định này có thực tánh pháp làm nền tảng.

b) Danh từ ngôn ngữ chế định gián tiếp không có thực tánh pháp làm nền tảng.

Ví dụ: *"Tôi thấy người đàn ông".*

Danh từ ***"Tôi"*** và ***"người đàn ông"*** là những danh từ ngôn ngữ chế định không có thực tánh pháp làm nền tảng.

Bởi vì danh từ gọi là ***"Tôi"*** không có khả năng thấy được; và danh từ gọi là ***"người đàn ông"*** cũng không thể làm đối tượng để ***"thấy"*** được. Do đó, những danh từ ngôn ngữ chế định này không có thực tánh pháp làm nền tảng.

Nếu nói rằng: ***"nhãn thức tâm nhìn thấy sắc trần"*** có tính cách chung, người nghe thắc mắc không biết rõ ***nhãn thức tâm*** là ai nhìn thấy? Và ***sắc trần*** ấy là gì?

Để cho người nghe dễ hiểu, không thắc mắc, phân biệt rõ ràng, nên nhân cách hoá ***"nhãn thức tâm"*** ấy gọi là ***"Tôi",*** và ***sắc trần*** ấy gọi là ***"người đàn ông".*** Như vậy, người nghe hiểu biết được.

Do đó, gọi là sự thật do ngôn ngữ chế định.

* Đối với ***hạng phàm nhân,*** nếu chỉ biết ***sự thật do ngôn ngữ chế định****(samuttisacca),* mà chưa biết đến ***sự thật theo chân nghĩa pháp*** *(paramatthasacca),* nên thường hay có tà kiến chấp thủ sai lầm ***"ta, của ta, người, của người, đàn ông, đàn bà, chúng sinh này, chúng sinh khác, vật này, vật khác..."*** do ***tà kiến theo chấp ngã***, không còn là những ***danh từ thuần túy để thông tin hiểu biết lẫn nhau.***

Do đó, phát sanh mọi phiền não, tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn người.

* Đối với ***bậc Thánh nhân*** trong Phật giáo, đặc biệt biết cả hai loại sự thật: ***sự thật do danh từ ngôn ngữ chế định*** và ***sự thật theo chân nghĩa pháp".*** Dầu trong cuộc sống hằng ngày, phải dùng đến sự thật do ngôn ngữ chế định gọi là: ***"Ta, người, đàn ông, đàn bà, chư thiên, phạm thiên, chúng sinh, vật này, vật kia,..."*** đó chỉ là những ***danh từ thuần túy để thông tin hiểu biết lẫn nhau,*** hoàn toàn không có ***tà kiến chấp thủ.***

Bởi vì, bậc Thánh nhân đã diệt đoạn tuyệt được tâm ***tà kiến*** trong 4 tham tâm hợp tà kiến, vĩnh viễn không còn phát sanh lên để thấy sai, chấp lầm từ đối tượng và chủ thể nữa. Do đó, không phát sanh phiền não, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình lẫn người.

Chú thích:

[14] Bộ Chú giải Dī. Mahāvagga, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

[15] Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Āhārasutta.

[16] Bộ Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

[17] Bộ Samyuttanikāya, Khandhavagga, Kinh Abhinandanasutta.

[18] Khuddakanikāya, bộ Patisambhidàmagga, phần Diṭṭhikathā.

[19] Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt được tà kiến nương nhờ nơi ngũ uẩn, không phải diệt ngũ uẩn.

[20] "Không phải Ta" nghĩa là ngũ uẩn, danh pháp-sắc pháp, tâm, tâm sở, sắc pháp… không phải ta..., phải là ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp.

-ooOoo-

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT *(tiếp theo)*

9- Danh Pháp, Sắc Pháp Trong Pháp Hành Thiền Tuệ

Trong pháp hành thiền tuệ, danh pháp, sắc pháp đóng vai trò chính yếu từ khi bắt đầu, cho đến kết quả cuối cùng. Do đó, hành giả cần phải tìm hiểu, biết rõ về ***danh pháp, sắc pháp.*** Điều này sẽ giúp đỡ, hỗ trợ trực tiếp cho hành giả trong sự ***tiến hành thiền tuệ.***

9.1- Danh pháp (nāmadhamma)

Danh pháp: là pháp có trạng thái hướng biết đối tượng *(nāmana-lakkhaṇa),* gồm tâm, tâm sở và Niết Bàn.

Tâm và ***tâm sở*** thuộc ***pháp hữu vi*** *(saṅkhātadhamma)* vì luôn luôn bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: ***nghiệp*** *(kamma),* ***tâm*** *(citta),* ***thời tiết*** *(utu)* và ***vật thực*** *(āhāra).*

Niết Bàn thuộc về ***pháp vô vi*** *(asaṅkhatadhamma),* vì không bị cấu tạo do 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

Tâm *(citta):* Có 89 tâm hay 121 tâm có cùng chung một trạng thái là hướng biết đối tượng.

Tâm làm đối tượng của thiền tuệ chỉ có 81 tâm thuộc trong *tam giới*, trừ 8 hay 40 *siêu tam giới tâm.* Vì *siêu tam giới tâm* không thuộc về Khổ thánh đế, là pháp nên biết.

Tâm sở *(cetasika):* Có 52 tâm sở, mỗi tâm sở đều có mỗi trạng thái riêng, nên có 52 trạng thái riêng như sau__

a) Toàn tâm chung tâm sở *(sabbacittasādharaṇacetasika):* tâm sở đồng sanh với tất cả các tâm, gồm có 7 tâm sở.

1- Phassa: Xúc tâm sở, có trạng thái tiếp xúc đối tượng.

2- Vedanā: Thọ tâm sở, có trạng thái cảm thọ nơi đối tượng.

3- Saññā: Tưởng tâm sở, có trạng thái tưởng nơi đối tượng.

4- Cetanā: Tác ý tâm sở, có trạng thái tạo tác theo đối tượng.

5- Ekaggatā: Nhất tâm tâm sở, có trạng thái chú tâm trong đối tượng.

6- Jīvitindriya: Danh mạng căn tâm sở, có trạng thái bảo hộ danh pháp.

7- Manasikāra: Ý hành tâm sở, có trạng thái hướng dẫn tâm đến đối tượng.

(7 tâm sở này, đồng sanh đầy đủ trong 89 hay 121 tâm).

b) Tùy sanh tâm sở *(pakiṇṇakacetasika):* tâm sở đồng sanh rải rác tuỳ theo tâm, gồm có 6 tâm sở.

1- Vitakka: Hướng tâm tâm sở, có trạng thái hướng tâm đến đối tượng.

2- Vicāra: Quan sát tâm sở, có trạng thái quan sát nơi đối tượng.

3- Adhimokkha: Quyết định tâm sở, có trạng thái quyết định đối tượng.

4- Vīriya: Tinh tấn tâm sở, có trạng thái tinh tấn.

5- Pīti: Hỷ tâm sở, có trạng thái hoan hỷ nơi đối tượng.

6- Chanda: Nguyện vọng tâm sở, có trạng thái muốn thành đạt.

(6 loại tâm sở này, đồng sanh tuỳ theo tâm, rải rác trong các loại tâm, trừ ra 10 loại thức tâm (2 nhãn thức tâm, 2 nhĩ thức tâm, 2 tỷ thức tâm, 2 thiệt thức tâm và 2 thân thức tâm).

c) Bất thiện tâm sở *(akusalacetasika):* tâm sở đồng sanh trong bất thiện tâm, gồm có 14 tâm sở.

1- Moha: Si tâm sở, có trạng thái không biết thực tánh của các pháp.

2- Ahirika: Không hổ thẹn tâm sở, có trạng thái tự mình không biết hổ thẹn tội lỗi, khi hành ác.

3- Anottappa: Không ghê sợ tâm sở, có trạng thái không ghê sợ tội lỗi, khi hành ác.

4- Uddhacca: Phóng tâm tâm sở, có trạng thái không an trụ trong đối tượng.

(4 tâm sở này có ***si tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với 12 bất thiện tâm).*

5- Lobha: Tham tâm sở, có trạng thái tham muốn, chấp thủ nơi đối tượng.

6- Diṭṭhi: Tà kiến tâm sở, có trạng thái thấy sai chấp lầm nơi đối tượng.

7- Māna: Ngã mạn tâm sở, có trạng thái so sánh ta với người khác *(ta hơn người, ta bằng người, ta kém hơn người).*

(3 tâm sở này, có ***tham tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với tham tâm).*

Tham tâm sở đồng sanh với 8 tham tâm.

Tà kiến tâm sở đồng sanh với 4 tham tâm hợp tà kiến.

Ngã mạn tâm sở đồng sanh với 4 tham tâm không hợp tà kiến (không chắc chắn).

8- Dosa: Sân tâm sở, có trạng thái hung dữ, tàn bạo, không hài lòng nơi đối tượng.

9- Issā: Ganh tị tâm sở, có trạng thái ganh tị của cải, sắc đẹp, địa vị... người khác.

10- Macchariya: Bỏn xẻn tâm sở, có trạng thái cất giấu tài sản của mình không cho người khác.

11- Kukkucca: Hối hận tâm sở, có trạng thái nóng nảy hối hận việc ác đã làm, việc thiện không làm.

(4 tâm sở này, có ***sân tâm sở*** *là gốc, đồng sanh với 2 sân tâm, riêng Issā, Macchariya, Kukkucca không chắc chắn, khi sanh, khi không sanh, tùy theo đối tượng).*

12- Thīna: Buồn chán tâm sở, có trạng thái không hăng hái trong đối tượng.

13- Middha: Buồn ngủ tâm sở, có trạng thái buồn ngủ buông bỏ đối tượng.

(2 tâm sở này đồng sanh trong 4 tham tâm và 1 sân tâm cần có sự động viên, không chắc chắn).

14- Vicikicchā: *Hoài nghi tâm sở,* có trạng thái hoài nghi nơi đối tượng.

(Hoài nghi tâm sở này đồng sanh với 1 si tâm hợp hoài nghi).

(14 bất thiện tâm sở này chỉ đồng sanh rải rác trong 12 bất thiện tâm).

d) Tịnh hảo chung tâm sở *(sobhanasādharaṇacetasika),* tâm sở đồng sanh tất cả mọi tịnh hảo tâm, gồm có 19 tâm sở.

1- Saddhā: Đức tin tâm sở, có trạng thái tin nơi Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

2- Sati: Niệm tâm sở, có trạng thái niệm trong đối tượng.

3- Hiri: *Hổ thẹn tâm sở,* có trạng thái tự mình hổ thẹn tội lỗi.

4- Ottappa: *Ghê sợ tâm sở,* có trạng thái ghê sợ tội lỗi.

5- Alobha: *Vô tham tâm sở,* có trạng thái không tham muốn dính mắc nơi đối tượng.

6- Adosa: *Vô sân tâm sở,* có trạng thái hiền hòa không hung dữ nơi đối tượng.

7- Tatramajjhattatā: *Trung dung tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm và tâm sở đồng đều nhau.

8- Kāyappassaddhi: *Tịnh toàn tâm sở* [1], có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở vắng lặng trong thiện pháp.

9- Cittappassaddhi: *Tịnh tâm tâm sở* [2], có trạng thái làm cho tâm vắng lặng trong thiện pháp.

10- Kāyalahutā: Nhẹ nhàng toàn tâm sở, có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở nhẹ nhàng trong thiện pháp.

11- Cittalahutā: *Nhẹ nhàng tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm nhẹ nhàng trong thiện pháp.

12- Kāyamudutā: *Nhu nhuyến toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở nhu nhuyến trong thiện pháp.

13- Cittamudutā: *Nhu nhuyến tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm nhu nhuyến trong thiện pháp.

14- Kāyakammaññatā: *Uyển chuyển toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở uyển chuyển trong thiện pháp.

15- Cittakammaññatā: *Uyển chuyển tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm uyển chuyển trong thiện pháp.

16- Kāyapāguññatā: *Thành thạo toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở thành thạo trong thiện pháp.

17- Cittapāguññatā: *Thành thạo tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm thành thạo trong thiện pháp.

18- Kāyujukatā: *Chánh trực toàn tâm sở,* có trạng thái tổng hợp toàn tâm sở chánh trực trong thiện pháp.

19- Cittujukatā: *Chánh trực tâm tâm sở,* có trạng thái làm cho tâm chánh trực trong thiện pháp.

(19 Tịnh hảo đồng sanh tâm sở này, đồng sanh với 24 dục giới tịnh hảo tâm + 15 sắc giới tâm + 12 vô sắc giới tâm + 8 hay 40 Siêu thế giới tâm, trừ ra 12 bất thiện tâm và 18 vô nhân tâm. Như vậy, 19 tịnh hảo đồng sanh tâm sở này, đồng sanh với 59 hay 91 tâm).

g) Tiết chế tâm sở *(viraticetasika):* là tâm sở chế ngự được tâm không hành ác, gồm có 3 tâm sở.

1- Sammāvācā: Chánh ngữ tâm sở, có trạng thái tránh xa sự nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.

2- Sammākammanta: *Chánh nghiệp tâm sở,* có trạng thái tránh xa sự sát sanh, sự trộm cắp, sự tà dâm.

3- Sammā ājīva: *Chánh mạng tâm sở,* có trạng thái nuôi mạng chân chánh, tránh xa cách sống tà mạng do hành ác.

(3 tiết chế tâm sở này chỉ sanh riêng rẽ từng mỗi tâm sở với 8 dục giới đại thiện tâm. Nhưng chắc chắn đồng sanh cùng một lúc với 8 hay 40 siêu tam giới tâm. Như vậy tiết chế tâm sở đồng sanh với 16 hay 48 tâm).

f) Vô lượng tâm sở *(appamaññācetasika):* là tâm sở có đối tượng chúng sinh vô lượng, gồm có 2 tâm sở.

1- Karuṇā: Bi tâm sở, có trạng thái muốn cứu giúp chúng sinh đang trong cảnh khổ.

2- Muditā: Hỉ tâm sở, có trạng thái hoan hỷ với chúng sinh đang hưởng sự an lạc hạnh phúc.

(2 vô lượng tâm sở này chỉ sanh riêng rẽ từng mỗi tâm sở với 8 dục giới đại thiện tâm + 8 dục giới đại duy tác tâm + 12 sắc giới tâm, trừ 3 sắc giới đệ ngũ thiền tâm. Như vậy, vô lượng tâm sở đồng sanh với 28 tâm).

g) Tuệ chủ tâm sở *(paññindriyacetasika):* là trí tuệ tâm sở, có 1 tâm sở.

Trí tuệ tâm sở có trạng thái thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp.

(Trí tuệ tâm sở đồng sanh với 4 dục giới đại thiện tâm hợp với trí + 4 dục giới đại quả tâm hợp với trí + 4 dục giới duy tác tâm hợp với trí + 15 sắc giới tâm + 12 vô sắc giới tâm + 8 hay 40 siêu tam giới tâm. Như vậy, trí tuệ tâm sở đồng sanh với 47 hay 79 tâm).

Tâm sở và tâm không thể tách rời được, vì tâm sở đồng sanh, đồng diệt, đồng đối tượng, đồng nơi sanh với tâm, như bóng với hình, bóng luôn luôn tuỳ thuộc vào hình, hình như thế nào, bóng cũng như thế ấy.

9.2- Sắc pháp (rūpadhamma)

Sắc pháp: Là pháp có trạng thái bị hủy hoại do nóng, lạnh, đói, khát,*...(ruppanalakkhaṇa).*

Sắc pháp gồm có 28 sắc pháp, phân làm 2 loại:

1- Sắc tứ đại (mahābhūtarūpa).

2- Sắc phụ thuộc (upādayarūpa).

1- Sắc tứ đại *(mahābhūtarūpa),* là 4 sắc pháp rộng lớn làm nền tảng cho các sắc pháp, gồm có:

Sắc địa đại *(pathavīdhātu): chất đất.*

Sắc thủy đại *(āpodhātu): chất nước.*

Sắc hỏa đại *(tejodhātu): chất lửa.*

Sắc phong đại *(vāyodhātu): chất gió.*

Sắc tứ đại là sắc pháp có tính chất rộng lớn, có thực tánh rõ ràng, có sự biến đổi.

Sắc tứ đại: *chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió,* là 4 sắc pháp không thể tách rời được, luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, song số lượng của sắc đại nào nhiều nhất, đóng vai trò chính, thì gọi tên của sắc đại ấy.

Sắc tứ đại ở trong thân của chúng sinh và ở bên ngoài thân của chúng sinh, vạn vật.

a- Địa đại *(paṭhavīdhātu):* là sắc pháp có thực tánh rộng lớn, làm nền tảng cho tất cả mọi sắc pháp khác.

4 tính chất riêng của sắc địa đại:

Sắc địa đại có trạng thái cứng hoặc mềm.

Sắc địa đại có phận sự làm nền tảng cho các sắc pháp khác đồng sanh.

Sắc địa đại là nơi tiếp nhận các sắc đồng sanh, là quả hiện hữu.

Sắc địa đại có 3 sắc đại: sắc thủy đại, sắc hỏa đại và sắc phong đại, là nguyên nhân gần để phát sanh.

Sắc địa đại luôn luôn nương nhờ ở 3 sắc đại khác:

Địa đại nương nhờ ở thủy đại để làm cho được đông đặc, rắn chắc.

Địa đại nương nhờ ở hỏa đại để giữ gìn.

Địa đại nương nhờ ở phong đại để chuyển động, rung chuyển.

Địa đại có trạng thái cứng hay mềm:

Địa đại có trạng thái cứng, là vì chất đất có số lượng nhiều nhất, hơn 3 sắc đại khác và là chính ở trong mọi sắc pháp ấy. Cho nên, khi sắc thân tiếp xúc với địa đại có cảm giác cứng. Ví như : xương, sắt, đá, gỗ....

Địa đại có trạng thái mềm, vì chất đất có số lượng ít, nhưng vẫn nhiều hơn 3 sắc đại khác và cũng là chính ở trong mọi sắc pháp ấy. Cho nên, khi sắc thân tiếp xúc có cảm giác mềm. Ví như da thịt, bông gòn,....

Khi sắc thân tiếp xúc với sắc pháp có trạng thái cứng hay mềm đều thuộc về ***địa đại.****(Ngoài địa đại ra không có sắc pháp nào khi thân tiếp xúc lại có cảm giác cứng hoặc mềm).*

Địa đại là một sắc pháp lớn, là nơi nương nhờ của các sắc pháp khác.

b- Thủy đại *(āpodhātu):* là sắc pháp có thực tánh lỏng thấm vào mọi sắc pháp khác.

4 tính chất riêng của sắc thủy đại.

Sắc thủy đại có trạng thái lỏng hoặc đông đặc.

Sắc thủy đại có phận sự làm cho tất cả sắc pháp đồng sanh được phát triển.

Sắc thủy đại làm kết dính tất cả mọi sắc pháp đồng sanh khác vào nhau là quả hiện hữu.

Sắc thủy đại có 3 sắc đại: địa đại, hỏa đại, phong đại, là nguyên nhân gần để phát sanh.

Sắc thủy đại luôn luôn nương nhờ ở 3 sắc đại khác:

Thủy đại nương nhờ ở địa đại làm nền tảng.

Thủy đại nương nhờ ở hỏa đại để gìn giữ.

Thủy đại nương nhờ ở phong đại để chuyển động, rung động.

Thủy đại là sắc pháp có trạng thái lỏng hay đông đặc.

Thủy đại có trạng thái lỏng, chất nước bình thường có trạng thái lỏng, khi chất nước tiếp xúc với không khí lạnh dưới 00 C, chất nước sẽ đông đặc lại thành khối cứng rắn. Ví như nước đá. Nếu đem khối nước đá tiếp xúc với hơi nóng, sẽ tan ra thành chất lỏng như bình thường.

Thủy đại có trạng thái đông đặc, chất nước ở trong chất sáp, chì, đồng, sắt,... khi bị nung đốt, tiếp xúc với sức nóng ở nhiệt độ cao, thì chất sáp, chì, đồng, sắt,... tan ra trở thành thể lỏng trôi chảy. Sự trôi chảy này, không phải là chất nước, mà là chất đất cùng với chất nước. Khi thể lỏng này tiếp xúc với nhiệt độ lạnh, sẽ hoàn trở lại đông đặc như trước.

Thủy đại ví như một chất keo gắn dính liền các nguyên tử địa đại vào với nhau.

Chức năng của thủy đại:

Thủy đại thấm vào mọi sắc pháp đồng sanh, rồi ở trong sắc pháp ấy.

Thủy đại làm cho tất cả sắc pháp đồng sanh được phát triển tốt.

Thủy đại theo gìn giữ tất cả mọi sắc pháp đồng sanh ấy gắn bó, khắn khít lại với nhau không để rời rạc.

Sắc pháp có trạng thái lỏng hay đông đặc thuộc về ***thủy đại.***

c- Hỏa đại *(tejodhātu):* là sắc pháp có trạng thái nóng làm cho chín mềm mọi sắc pháp khác

4 tính chất riêng của sắc hỏa đại:

Sắc hỏa đại có trạng thái nóng hoặc lạnh.

Sắc hỏa đại có phận sự làm cho tất cả mọi sắc pháp đồng sanh già dần, đốt cháy cằn cỗi dần.

Sắc hỏa đại làm cho tất cả mọi sắc pháp đồng sanh khác mềm mại, là quả hiện hữu.

Sắc hỏa đại có 3 sắc đại: địa đại, thủy đại, phong đại, là nguyên nhân gần để phát sanh.

Sắc hỏa đại luôn luôn nương nhờ ở 3 sắc đại khác:

Hỏa đại nương nhờ ở địa đại làm nền tảng .

Hỏa đại nương nhờ ở thủy đại để làm cho dính lại không rời rạc.

Hỏa đại nương nhờ ở phong đại để chuyển động, rung chuyển.

Hỏa đại có trạng thái nóng hay lạnh.

Hỏa đại có trạng thái nóng *(uṇhatejo)* làm cho tất cả mọi sắc đồng sanh chín dần, mềm mại, ví dụ: nấu cơm, nấu đồ ăn,....

Hỏa đại có trạng thái lạnh *(sītatejo)* có thể làm khô héo.

Hỏa đại có 5 loại:

1- Usmātejo: Hỏa đại có nhiệt độ ấm ở trong sắc thân của mỗi chúng sinh.

2- Santappanatejo: Hỏa đại tăng cao nhiệt độ nóng ở thân thể.

3- Dahanatejo: Hỏa đại tăng nhiệt độ nóng lên cao tột bực có thể làm người bệnh phát khùng.

4- Jiraṇatejo: Hỏa đại trong sắc thân làm cho già nua, da nhăn, tóc bạc, răng rụng,....

5- Pācakatejo: Hỏa đại làm phận sự tiêu hoá vật thực.

Trong 5 loại hỏa đại này, có 2 loại hỏa đại luôn luôn có trong thân thể chúng sinh là usmātejo***:*** *hỏa đại có nhiệt độ ấm trong thân thể,* và pācakatejo***:*** *hỏa đại là chất lửa làm tiêu hóa vật thực.* Còn lại 3 loại hỏa đại kia là do sự biến đổi từ hỏa đại có nhiệt độ ấm trong thân thể *(usmātejo)* mà có.

Đối với người bệnh, khi bị cảm sốt, từ usmātejo***:*** *nhiệt độ ấm trong thân thể,* tăng nhiệt độ nóng lên cao trở thành santappanatejo***:*** *hỏa đại tăng nhiệt độ nóng ở thân thể lên cao.* Khi nhiệt độ nóng lên cao đến tột bực, trở thành *dahanatejo**:** hỏa đại tăng nhiệt độ nóng lên tột bực* có thể làm cho người bệnh phát khùng.

Đối với người bình thường, hằng ngày *usmātejo**:** nhiệt độ ấm trong thân thể,* thiêu đốt các sắc pháp trong thân thể trở thành *jiraṇatejo**:** hỏa đại làm cho sắc thân già nua, da nhăn, tóc bạc, răng rụng,....*

Khi sắc thân tiếp xúc với sắc pháp có trạng thái nóng hay lạnh, đều thuộc về ***hỏa đại.***

d- Phong đại *(vāyodhātu):* là sắc pháp có thực tánh chuyển động, rung chuyển.

4 tính chất riêng của sắc phong đại:

Sắc phong đại có trạng thái di chuyển.

Sắc phong đại có phận sự làm cho tất cả sắc pháp chuyển động.

Sắc phong đại làm rung chuyển tất cả sắc pháp đồng sanh là quả hiện hữu.

Sắc phong đại có 3 sắc: địa đại, thủy đại, hỏa đại là nguyên nhân gần để phát sanh.

Sắc phong đại luôn luôn nương nhờ ở 3 sắc đại khác:

Phong đại nương nhờ ở địa đại làm nền tảng.

Phong đại nương nhờ ở thủy đại làm cho nối tiếp, không rời rạc.

Phong đại nương nhờ ở hỏa đại làm cho gió có nhiệt độ nóng, gió có nhiệt độ lạnh.

Phong đại có trạng thái phồng và rung chuyển:

Phong đại có trạng thái làm phồng lên, gọi là *vitthambhanavāyo**:** chất gió làm căng phồng lên,* làm cho mọi sắc pháp đồng sanh trở nên cứng rắn.

Nếu chất gió căng phồng lên trong thân thể, làm cho người ấy có cảm giác khó chịu mỏi mệt, đau nhức toàn thân. Nếu chất gió căng phồng lên ở vật gì bên ngoài, làm cho vật ấy cứng rắn. Ví như bơm hơi vào trái bóng, bánh xe....

Phong đại có trạng thái di chuyển, gọi là *samīraṇavāyo**:** chất gió làm cho mọi sắc pháp đồng sanh di chuyển*. Chất gió *samīraṇavāyo* ở trong thân thể chúng sinh làm cử động, đi lại được. Chúng sinh đi, đứng, ngồi, nằm, co tay vào, duỗi chân ra... đều do năng lực của chất gió này.

Chất gió có 6 loại:

1- Uddhaṅgamavāyo: Chất gió bốc lên phía trên.

2- Adhogamavāyo: Chất gió đẩy xuống phía dưới.

3- Kucchiṭṭhavāyo: Chất gió ở trong bụng.

4- Koṭṭhāsayavāyo: Chất gió ở trong ruột già.

5- Aṅgamangānusārīvāyo: Chất gió ở toàn thân thể.

6- Assāsapassāsavāyo: Chất gió hơi thở vô, thở ra.

Đó là 6 loại gió ở trong thân thể của mỗi chúng sinh.

Chất gió samīraṇavāyo ở bên ngoài thân thể làm cho rung chuyển, di động từ nơi này đến nơi khác được.

Khi sắc thân tiếp xúc với sắc pháp có trạng thái phồng xẹp, chuyển động, đều là***phong đại.***

Sắc tứ đại: ***sắc địa đại, sắc thủy đại, sắc hoả đại, sắc phong đại*** có tính chất rộng lớn và có thực tánh rõ ràng.

Trong bộ ***Abhidhamma*** *(Vi diệu pháp)* dạy rằng: ***xúc trần*** là đối tượng của ***thân thức tâm*** chỉ có 3 sắc đại là:

1- Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa: Xúc trần, chất đất cứng hoặc mềm.

2- Tejophoṭṭhabbārammaṇa: Xúc trần, chất lửa nhiệt độ nóng hoặc nhiệt độ lạnh.

3- Vāyophoṭṭhabbārammaṇa: Xúc trần, chất gió phồng hoặc xẹp.

Chất đất, chất lửa và ***chất gió,*** chỉ có 3 chất này có thể tiếp xúc trực tiếp với ***thân tịnh sắc*** (sắc thân) để phát sanh ***thân thức tâm***, biết được ***xúc trần:*** cứng hoặc mềm (chất đất), nhiệt độ nóng hoặc nhiệt độ lạnh (chất lửa), phồng hoặc xẹp (chất gió).

Riêng về ***sắc thủy đại*** không phải là ***xúc trần,*** nên không thể biết bằng ***thân thức tâm.****Sắc thủy đại* thuộc về ***pháp trần,*** nên chỉ có thể biết bằng ***ý thức tâm.*** Bởi vì, *sắc thủy đại* là đối tượng rất vi tế, thân thức tâm không thể tiếp xúc, nhận biết được.

Trong bộ Abhidhammavibhāvinīṭīkā có giảng giải rằng:

"*Āpodhātuyā sukhumbhāvena phusitaṃ asakkuṇeyyattaṃ vuttaṃ...*" *"Sắc thủy đại có thực tánh rất vi tế, nên thân tịnh sắc không thể tiếp xúc đối tượng sắc thủy đại được".*

Trong nước lạnh hoặc nước nóng, dĩ nhiên có chất nước nhiều hơn các chất đất, chất lửa, chất gió. Khi sắc thân tiếp xúc, tưởng như tiếp xúc với nước. Nhưng sự thật, khi ***thân tịnh sắc*** tiếp xúc ***nhiệt độ nóng*** hoặc ***nhiệt độ lạnh,*** đó là ***chất lửa; cứng*** hoặc ***mềm*** đó là***chất đất;*** sự ***chuyển động*** đó là ***chất gió. Thân thức tâm*** chỉ biết được ***chất đất, chất lửa, chất gió*** ở trong ***chất nước ấy.*** Vì chất nước không thuộc về ***xúc trần,*** mà là ***pháp trần,*** nên chỉ có thể biết bằng ***ý thức tâm*** mà thôi.

2- Sắc phụ thuộc *(Upādāyarūpa),* là sắp pháp nương nhờ sắc tứ đại nà phát sanh, có 24 sắc pháp:

5 tịnh sắc: *nhãn tịnh sắc, nhĩ tịnh sắc, tỷ tịnh sắc, thiệt tịnh sắc và thân tịnh sắc.*

5 sắc đối tượng: *sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và xúc trần* [3].

2 sắc tính: *sắc nam tính* và *sắc nữ tính.*

1 sắc ý căn *(hadayavatthu).*

1 sắc mạng chủ.

1 sắc vật thực.

1 sắc chân không.

2 sắc cử động: *sắc thân cử động, sắc khẩu cử động.*

3 sắc biến chuyển: *sắc nhẹ nhàng, sắc mềm mại, sắc uyển chuyển.*

4 sắc trạng thái: *sắc sanh, sắc liên tục, sắc già giặn, sắc vô thường.*

Trong 24 sắc pháp này, hoàn toàn tùy thuộc vào sắc tứ đại mà phát sanh.

Như vậy, sắc pháp gồm có 28 sắc pháp. Một người bình thường không bị khiếm khuyết vì bệnh tật, trong thân thể người ấy có đủ 27 sắc pháp. Nếu là người đàn ông thì trừ sắc nữ tính. Nếu là người đàn bà thì trừ sắc nam tính.

Trường hợp người có đôi mắt bị mù, hai tai bị điếc,... thì số sắc pháp trong thân thể người ấy bị giảm theo bệnh tật khiếm khuyết ấy.

10- Pháp Hành Trung Đạo *(Majjhimāpaṭipadā)*

Pháp hành Trung đạo là một pháp hành chỉ có trong Phật giáo, không có ngoài Phật giáo.

Trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, lần đầu tiên tế độ nhóm 5 Tỳ khưu tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, Đức Phật đề cao Pháp hành Trung đạo lên hàng đầu, rằng:

"Ete bhikkhave ubho ante anupagamma, majjhimāpaṭipadā. Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibhānāya samvattati...". [4]

"Này chư Tỳ khưu, không thiên về hai biên kiến ấy, Như Lai đã hành theo ***Pháp hành trung đạo,*** *nên đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế bằng trí tuệ siêu tam giới, làm cho tuệ nhãn phát sanh; trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới phát sanh, để làm vắng lặng mọi phiền não; làm cho trí tuệ siêu việt thông suốt chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả và Niết Bàn...".*

Thật vậy, hai biên kiến mà Đức Phật nêu ra phần đầu của bài kinh rằng:

"Này chư Tỳ khưu, có 2 pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến người xuất gia không nên hành theo. Hai pháp ấy như thế nào?

1- Một là, việc thường thụ hưởng khoái lạc trong ngũ dục do tâm tham ái hợp với thường kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

2- Hai là, việc thường tự ép xác hành khổ mình do tâm sân hận và có đoạn kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo, không phải của bậc Thánh nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

Đức Phật dạy Bậc xuất gia phải nên tránh xa, không nên hành theo hai pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến ấy, phải nên thực hành theo ***Pháp hành***

Trung đạo, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Vậy, ***Pháp hành Trung đạo*** đóng vai trò chính yếu dẫn đầu trong việc ***tiến hành Tứ niệm xứ,*** hoặc ***tiến hành thiền tuệ,*** để dẫn đến đích cuối cùng, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Đức Chánh Đẳng Giác, Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác.

Trong kinh Chuyển Pháp Luân, ***Pháp hành Trung đạo*** đó là ***pháp hành Bát thánh đạo*** hợp đủ 8 chánh trong 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm.

Bát chánh đạo là những pháp gì?

Bát chánh đạo gồm có 8 chánh là: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm* và *chánh định.* Đó là 8 tâm sở, mỗi chánh là mỗi tâm sở đồng sanh trong các tâm khác nhau như sau__

1- Chánh kiến: đó là ***tuệ tâm sở*** đồng sanh với 4 đại thiện tâm hợp trí, 4 đại duy tác tâm hợp trí và 26 tác hành thiền tâm [5].

2- Chánh tư duy: đó là ***hướng tâm tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm, 8 đại duy tác tâm, đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm, đệ nhất thiền sắc giới duy tác tâm và 8 siêu tam giới tâm.

3- Chánh ngữ: đó là ***chánh ngữ tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm và 8 siêu tam giới tâm.

4- Chánh nghiệp: đó là ***chánh nghiệp tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm và 8 siêu tam giới tâm.

5- Chánh mạng: đó là ***chánh mạng tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm và 8 siêu tam giới tâm.

6- Chánh tinh tấn: đó là ***tinh tấn tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm, 8 đại duy tác tâm và 26 tác hành thiền tâm.

7- Chánh niệm: đó là ***niệm tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm, 8 đại duy tác tâm và 26 tác hành tâm.

8- Chánh định: đó là ***định tâm sở*** đồng sanh với 8 đại thiện tâm, 8 đại duy tác tâm và 26 tác hành tâm.

Như vậy, Bát chánh đạo này có trong ***tam giới tâm*** và trong ***siêu tam giới tâm.***

10.1- Phân biệt Bát chánh đạo tam giới và siêu tam giới

Chánh kiến *(sammādiṭṭhi):* trí tuệ thấy đúng, biết đúng có 5 loại [6] :

1- *Kammassakatā sammādiṭṭhi: Chánh kiến sở nghiệp:* Trí tuệ thấy đúng. biết đúng thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã tạo rồi là của riêng mình.

2- *Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh kiến thiền tuệ:* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là pháp vô ngã, có sự sanh, sự diệt, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

3- *Magga sammādiṭṭhi: Chánh kiến Thánh Đạo Tuệ:* Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới chứng đắc Thánh Đạo, có Niết Bàn làm đối tượng.

4- *Phala sammādiṭṭhi: Chánh kiến Thánh Quả Tuệ:* Trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới chứng đắc Thánh Quả, có Niết Bàn làm đối tượng.

5- *Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh kiến quán xét:* Trí tuệ thiền tuệ quán xét Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn, phiền não đã diệt rồi, phiền não còn lại chưa diệt được.

Trong 5 loại chánh kiến này, *Chánh kiến sở nghiệp, Chánh kiến thiền tuệ, Chánh kiến quán xét* thuộc tam giới; còn ***Chánh kiến Thánh Đạo Tuệ*** và ***Chánh kiến Thánh Quả Tuệ*** là chánh kiến trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Chánh tư duy *(sammāsaṅkappa): Tư duy chân chánh:* đó là 3 chánh tư duy:

Tư duy thoát ra khỏi ngũ dục.

Tư duy không làm khổ mình, khổ người.

Tư duy không làm hại mình, hại người.

Chánh tư duy trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Chánh ngữ *(sammāvācā): Lời nói chân chánh.*

Chánh ngữ có 3 loại:

1- *Kathā sammāvācā: Chánh ngữ ngôn từ:* đồng sanh trong đại thiện tâm hoặc đại duy tác tâm nói lời chân chánh không có lỗi, không làm khổ mình, không làm khổ người... lời nói hợp với nhân quả.

2- *Cetanā sammāvācā: Chánh ngữ tác ý:* đồng sanh với tác ý thiện tâm phát sanh tránh xa 4 tà ngữ:

Tránh xa lời nói dối, mà nói lời chân thật.

Tránh xa lời nói chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.

Tránh xa lời nói thô tục, chửi rủa, mắng nhiếc, mà nói lời êm dịu dễ nghe.

Tránh xa lời nói vô ích, mà nói lời hữu ích.

3- *Virati sammāvācā: Chánh ngữ tiết chế:* đồng sanh với tiết chế tâm sở tránh xa tà ngữ, khi đang tiến hành thiền tuệ.

Trong 3 chánh ngữ này, *Chánh ngữ trong lời nói, Chánh ngữ tác ý* thuộc tam giới; chỉ có ***Chánh ngữ tiết chế*** có Niết Bàn làm đối tượng, là chánh ngữ trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới.

Chánh nghiệp *(sammākammanta): Hành nghiệp chân chánh.*

Chánh nghiệp có 3 loại:

1- *Kiriyā sammākammanta: Chánh nghiệp hành động:* đồng sanh trong đại thiện tâm hoặc đại duy tác tâm hành động chân chánh, không có lỗi, không làm khổ mình, không làm khổ người, chúng sinh.

2- *Cetanā sammākammanta: Chánh nghiệp tác ý:* đồng sanh với tác ý thiện tâm phát sanh tránh xa 3 tà nghiệp:

Tránh xa sự sát sanh.

Tránh xa sự trộm cắp.

Tránh xa sự tà dâm.

3- *Virati sammākammanta: Chánh nghiệp tiết chế:* đồng sanh với tiết chế tâm sở tránh xa tà nghiệp, khi đang tiến tiến hành thiền tuệ.

Trong 3 chánh nghiệp này, *Chánh nghiệp hành động, Chánh nghiệp tác ý* thuộc tam giới, chỉ có ***Chánh nghiệp tiết chế*** có Niết Bàn làm đối tượng, là chánh nghiệp trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới.

Chánh mạng *(sammā ājīva): Nuôi mạng chân chánh.*

Chánh mạng có 2 loại:

1- *Vīriya sammā ājīva: Chánh mạng tinh tấn:* đồng sanh trong đại thiện tâm hoặc đại duy tác tâm tinh tấn nuôi mạng chân chánh, không do thân hành ác, khẩu nói ác, không làm khổ mình, không làm khổ người.

2- *Virati sammā ājīva: Chánh mạng tiết chế:* đồng sanh với tiết chế tâm sở tránh xa mọi hành ác do thân và khẩu, khi đang tiến hành thiền tuệ.

Trong 2 chánh mạng này, *Chánh mạng tinh tấn* thuộc tam giới; ***Chánh mạng tiết chế***có Niết Bàn làm đối tượng, là chánh mạng trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới.

Chánh tinh tấn *(sammāvāyāma): Tinh tấn chân chánh.* Đó là 4 pháp tinh tấn:

Tinh tấn ngăn ác pháp không cho phát sanh.

Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sanh.

Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh.

Tinh tấn làm cho tăng trưởng thiện pháp đã phát sanh.

Chánh tinh tấn trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Chánh niệm *(sammāsati): Niệm chân chánh.* Đó là pháp hành Tứ niệm xứ:

Thân niệm xứ: Thân là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Thọ niệm xứ: Thọï là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Tâm niệm xứ: Tâm là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Pháp niệm xứ: Pháp là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.

Ngoài Tứ niệm xứ ra, bất cứ niệm đối tượng nào khác, đều không phải là *chánh niệm*. Chánh niệm có thân, thọ, tâm, pháp làm đối tượng thuộc tam giới.

Chánh niệm trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Chánh định *(sammāsamādhi): Định chân chánh.* Đó là định tâm ở 5 bậc thiền siêu tam giới có Niết Bàn làm đối tượng:

Đệ nhất thiền siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Đệ nhị thiền siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Đệ tam thiền siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Đệ tứ thiền siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Đệ ngũ thiền siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Định tâm ở các bậc thiền sắc giới, các bậc thiền vô sắc giới không gọi là *chánh định*.

Chánh định trong Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, thuộc siêu tam giới, có Niết Bàn làm đối tượng.

Bát chánh đạo không bao giờ đồng sanh trong dục giới tâm, sắc giới tâm, vô sắc giới tâm. Vì trong Bát chánh đạo này, có 3 chánh: *chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng* là 3 tâm sở, lúc nào cũng chỉ có thể sanh riêng rẽ từng mỗi tâm trong *8 dục giới đại thiện tâm,* bởi vì mỗi tâm có mỗi đối tượng khác nhau. Nhưng đặc biệt *3 tâm sở* này khi có Niết Bàn làm đối tượng, thì chắc chắn đồng sanh trong 8 hay 40 siêu tam giới tâm, đã hoàn thành xong phận sự phần pháp hành giới trong Thánh Đạo. Ngoài ra, các tâm khác trong tam giới, *3 tâm sở* này không đồng sanh với một tâm nào cả.

Như vậy, ***Pháp hành Trung đạo*** đó là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, đặc biệt chỉ đồng sanh trong 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm có Niết Bàn làm đối tượng.

Vậy bắt đầu của pháp hành Bát chánh đạo như thế nào? Đó là một vấn đề hành giả nên tìm hiểu rõ về pháp hành Bát chánh đạo.

Bát chánh đạo có 8 chánh: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định,* phân chia làm 3 phần: pháp hành tuệ, pháp hành giới, pháp hành định như sau:

*1- **Chánh kiến, chánh tư duy*** thuộc về phần ***Pháp hành Tuệ.***

*2- **Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng*** thuộc về phần ***Pháp hành Giới.***

*3- **Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*** thuộc về phần ***Pháp hành Định.***

Bát thánh đạo hợp đủ 8 chánh, bắt đầu là ***chánh kiến*** và cuối cùng là ***chánh định,***đồng sanh trong 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm, có ***Niết Bàn*** làm đối tượng. Đây không phải theo ***tuần tự pháp hành*** *(paṭipattidhamma),* mà sự thật, đây là theo ***tuần tự pháp thành*** *(paṭivedhadhamma).* Nghĩa là trí tuệ thành đã hoàn thành xong mọi phận sự của Tứ thánh đế, thì ***chánh kiến*** đóng vai trò chính yếu làm phận sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, nên đặt ***chánh kiến*** lên trọng yếu hàng đầu, làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh tư duy; chánh tư duy*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh ngữ; chánh ngữ*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh nghiệp; chánh nghiệp*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh mạng; chánh mạng*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh tinh tấn; chánh tinh tấn*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh niệm; chánh niệm*** làm nhân duyên hỗ trợ cho ***chánh định,*** gồm có 8 chánh này đều có Niết Bàn làm đối tượng. Đó là ***pháp hành Bát chánh đạo ở giai đoạn cuối cùng.*** Giai đoạn đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ thánh đế.

Còn giai đoạn bắt đầu của ***pháp hành Bát chánh đạo,*** chính là bắt đầu từ ***chánh niệm.*** Đó là: *niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp,* gọi là ***pháp hành Tứ niệm xứ.***

Thật vậy, Trong kinh *Rahogatasutta* [7] Đại Đức Anuruddha đã từng suy tư rằng:

*"Người nào chán nản **tiến hành Tứ niệm xứ,** người ấy gọi là chán nản **tiến hành Bát chánh đạo,** không thể dẫn đến sự giải thoát khỏi khổ đế.*

*"Hành giả nào tinh tấn **tiến hành Tứ niệm xứ,** hành giả ấy gọi là tinh tấn **tiến hành Bát chánh đạo** dẫn đến sự giải thoát khỏi khổ đế".*

Như vậy, chánh niệm đó là ***pháp hành Tứ niệm xứ*** là ***nhân*** bắt đầu, để dẫn đến ***quả***cuối cùng là ***Thánh Đạo*** hợp đủ 8 chánh: *chánh kiến, chánh*

tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, đồng sanh trong 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm.

Trong bộ Chú giải kinh Đại Tứ niệm xứ giảng giải rằng:

"Pubbabhāgasatipaṭṭhānamaggo": Tứ niệm xứ là chánh đạo phần đầu.

10.2- Pháp hành Trung đạo là pháp hành Tứ niệm xứ

Pháp hành Tứ niệm xứ không chỉ đóng vai trò chính yếu bắt đầu, mà còn gọi là***Pháp hành Trung đạo*** nữa.

Trong Chi bộ kinh, phần 3 chi [8], Đức Phật dạy về 3 pháp hành:

1- Āgāḷhāpaṭipadā: Pháp hành hưởng khoái lạc thấp hèn cực đoan.

2- Nijjhāmāpaṭipadā: Pháp hành khổ hạnh cực đoan.

3- Majjhimāpaṭipadā: Pháp hành Trung đạo.

Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khưu, thế nào gọi là Pháp hành Trung đạo?

"Này chư Tỳ khưu, Tỳ khưu (hay hành giả) trong Phật giáo này:

** Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ **"thân trong thân"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

** Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ **"thọ trong thọ"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

** Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ **"tâm trong tâm"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

** Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ **"pháp trong pháp"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này...".*

*Này chư Tỳ khưu, **Tứ niệm xứ** này gọi là **Pháp hành Trung đạo...".***

Như vậy, ***Pháp hành Trung đạo*** phần đầu chính là ***pháp hành Tứ niệm xứ,*** hay ***pháp hành thiền tuệ,*** và phần cuối cùng kết quả là ***pháp hành Bát chánh đạo hợp đủ*** 8 chánh trong 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Thánh Quả, có Niết Bàn làm đối tượng.

10.3- Pháp hành Trung đạo có hai giai đoạn:

Giai đoạn bắt đầu của Pháp hành Trung đạo.

Giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo.

Giai đoạn bắt đầu của Pháp hành Trung đạo.

Giai đoạn đầu của ***Pháp hành Trung đạo*** là sự bắt đầu ***tiến hành Tứ niệm xứ*** hay ***tiến hành thiền tuệ,*** để diệt ***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng) trong danh pháp, sắc pháp, chính là Pháp hành Trung đạo để cho ***trí tuệ thiền tuệ*** phát sanh, và tuần tự phát triển qua 16 loại trí tuệ của thiền tuệ.

Bắt đầu từ trí tuệ thứ nhất gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí tuệ phân biệt rõ, biết rõ thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều là pháp vô ngã;* tiếp tục trí tuệ tuần tự phát triển dần cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ 11 gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ danh pháp, sắc pháp rõ ràng là pháp vô ngã,* nên trí tuệ thiền tuệ đặt trung dung nơi danh pháp, sắc pháp có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã làm đối tượng, tiến đến *Thánh Đạo lộ trình tâm (Maggavīthicitta)* lần đầu tiên gọi là *Nhập Lưu Thánh Đạo lộ trình tâm.*

Trong lộ trình tâm này có 7 sát na tác hành tâm *(javanacitta).*

3 sát na tâm đầu (thứ nhất, thứ nhì, thứ ba) đóng vai trò trí tuệ thiền tuệ thứ 12 gọi là *Anulomañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thuận dòng* 8 trí tuệ thiền tuệ phần đầu và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo phần sau.

Sát na tâm thứ tư đóng vai trò trí tuệ thiền tuệ thứ 13 gọi là *Gotrabhuñāṇa: Trí tuệ thiền tuệ chuyển tánh từ dòng phàm nhân sang dòng bậc Thánh nhân,* có khả năng tiếp nhận Niết Bàn làm đối tượng. Song tâm vẫn còn thuộc về dục giới đại thiện tâm hợp với trí tuệ.

Hành giả tiến hành pháp hành Tứ niệm xứ hoặc tiến hành thiền tuệ, đến khi phát sanh trí tuệ bắt đầu từ trí tuệ thiền tuệ thứ nhất cho đến trí tuệ thiền tuệ thứ 13, trong đại thiện tâm hợp với trí này, đó là ***giai đoạn đầu của Pháp hành Trung đạo.***

Giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo.

Giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo là đạt đến mục đích, kết quả cuối cùng của sự tiến hành Tứ niệm xứ hay tiến hành thiền tuệ, đã chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Qua sự tuần tự diễn tiến theo Nhập Lưu Thánh Đạo lộ trình tâm.

Sát na thứ 5 đóng vai trò trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 gọi là *Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ,* có Niết Bàn làm đối tượng. Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ đồng sanh trong Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm có hội đủ 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo, trong đó có 8 pháp chánh đạo: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm* và *chánh định.*

Sát na tâm thứ 6 và thứ 7 đóng vai trò trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 15 gọi là *Nhập Lưu Thánh Quả Tuệ,* có Niết Bàn làm đối tượng. Nhập Lưu Thánh Quả tuệ đồng sanh trong Nhập Lưu Thánh Quả Tâm có 33 pháp chứng đắc Thánh Quả (trừ 4 pháp tinh tấn) trong đó có 8 pháp chánh đạo: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.*

Như vậy, Thánh Đạo Tâm, Thánh Quả Tâm hợp đủ 8 chánh có Niết Bàn làm đối tượng, thuộc về siêu tam giới pháp, đó là ***giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo.***

10.4- Tính chất của Pháp hành Trung đạo

Pháp hành Trung đạo là pháp hành không thiên về hai biên kiến cực đoan:

Một là: *Tham đắm say mê trong ngũ trần, là một biên kiến cực đoan*. Một số người có tà kiến thấy sai lầm rằng: ***"Sân tâm rất tai hại,*** *muốn cho sân tâm không sanh, hay diệt sân tâm, bằng cách tìm những đối tượng ngũ dục: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc êm ái, để làm cho tham tâm luôn luôn hài lòng, say mê ở trong ngũ dục ấy", thì sân tâm không sanh.*

Hai là: *Tự ép xác thân hành khổ hạnh, cũng là một biên kiến cực đoan*. Một số người có tà kiến thấy sai lầm rằng: ***"Tham tâm rất tai hại,*** *muốn cho tham tâm không sanh, hay diệt tham tâm, bằng cách ép xác thân hành khổ hạnh, để làm cho sân tâm, không hài lòng luôn luôn phát sanh trong pháp hành khổ hạnh ấy", thì tham tâm không sanh.*

Thường kiến là một biên kiến cực đoan. Thường kiến thấy sai lầm rằng: *"Mọi vật thường tồn bất biến, như con người chết rồi tái sanh trở lại làm người, con thú nào chết rồi tái sanh trở lại làm con thú ấy,"* v.v....

Đoạn kiến cũng là một biên kiến cực đoan. Đoạn kiến thấy sai lầm rằng: *"Con người chết là mất hết, không còn tái sanh trở lại kiếp nào khác, hoàn toàn không tin có nghiệp và có quả của nghiệp".*

Tham tâm, hài lòng, là một biên kiến.

Sân tâm, không hài lòng, cũng là một biên kiến....

Pháp hành Trung đạo là pháp hành không những không thiên về hai biên kiến cực đoan ấy, mà còn diệt được hai biên kiến cực đoan ấy nữa. Nhất là diệt ***tham tâm*** (hài lòng) và diệt ***sân tâm*** (không hài lòng) ở nơi danh pháp, sắc pháp.

Nếu hành giả ***tiến hành Tứ niệm xứ*** hay ***tiến hành thiền tuệ*** mà không diệt được***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng) ở nơi danh pháp, sắc pháp, thì sự tiến hành ấy không đúng theo ***Pháp hành Trung đạo.***

11- Thực Hành Pháp Hành Trung Đạo

11.1- Hành sai Pháp hành Trung đạo

Một số hành giả tiến hành thiền tuệ, khi chưa hiểu rõ tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp trong tam giới đều là ***khổ đế.***

Về đối tượng: Tất cả mọi *danh pháp, sắc pháp* đều là ***khổ đế,*** như nhau cả thảy, không hơn không kém. Nhưng số hành giả ấy, vì chưa hiểu rõ sự thật chân lý ***khổ đế*** này, *nên coi trọng đối tượng danh pháp, sắc pháp này, coi khinh đối tượng danh pháp, sắc pháp kia, tâm không đặt trung dung ở tất cả mọi đối tượng danh pháp, sắc pháp.*

Cho nên, khi hành giả tiến hành thiền tuệ, khi thì ***tham tâm*** (hài lòng) trong danh pháp, sắc pháp này, khi thì ***sân tâm*** (không hài lòng) trong danh pháp, sắc pháp kia. Khi***tham tâm*** phát sanh, hoặc khi ***sân tâm*** phát sanh, đều luôn luôn có ***si tâm sở*** *(vô minh)* đồng sanh bao trùm, phủ kín thực tánh của danh pháp, sắc pháp.

Như vậy, trí tuệ thiền tuệ không thể phát sanh, không thể thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp, sắc pháp đúng theo Chân nghĩa pháp; đồng thời pháp hành đã thiên về 2 biên kiến: ***tham tâm*** (hài lòng), và ***sân tâm*** (không hài lòng), nên sự tiến hành thiền tuệ ***không đúng theo Pháp hành Trung đạo,*** chắc chắn không thể dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Ví dụ:

Khi hành giả đang tiến hành thiền tuệ, có ***sắc ngồi*** làm đối tượng, hành giả ***coi trọng sắc ngồi,*** nên ***tham tâm*** (hài lòng) phát sanh trong đối tượng sắc ngồi, cùng với ***si tâm sở*** *(vô minh)* đồng sanh nương nhờ nơi ***sắc ngồi*** (sắc pháp) ấy, làm bao trùm, phủ kín thực tánh của***sắc pháp*** (sắc ngồi) ấy.

Một khi ***phóng tâm*** phát sanh *(nghĩ đến chuyện khác)* phải buông bỏ đối tượng ***"sắc ngồi",*** hành giả ***coi khinh phóng tâm,*** nên ***sân tâm*** (không hài lòng) phát sanh trong đối tượng phóng tâm, cùng với ***si tâm sở*** *(vô minh)* đồng sanh nương nhờ nơi ***phóng tâm*** (danh pháp) ấy, làm bao trùm, phủ kín thực tánh của ***danh pháp*** (phóng tâm) ấy. Cho nên, hành giả tiến hành thiền tuệ mà không diệt được ***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng) nơi danh pháp, sắc pháp ấy.

Như vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ ***không đúng theo Pháp hành Trung đạo.*** Vì thiên về hai biên kiến: ***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng) nơi danh pháp, sắc pháp ấy.

11.2- Hành đúng Pháp hành Trung đạo

Hành giả tiến hành thiền tuệ, khi hiểu rõ tất cả mọi danh pháp mọi sắc pháp trong tam giới đều là ***"khổ đế".***

Về đối tượng: Tất cả mọi *danh pháp, sắc pháp* đều là ***khổ đế,*** như nhau cả thảy, không hơn không kém. Hành giả hiểu rõ sự thật chân lý ***khổ đế*** này, *nên không coi trọng đối tượng danh pháp, sắc pháp này, không coi khinh đối tượng danh pháp, sắc pháp kia, đặt tâm trung dung ở tất cả mọi đối tượng danh pháp, sắc pháp ấy.*

Cho nên, khi hành giả tiến hành thiền tuệ, dầu đối tượng ***danh pháp*** nào, hoặc ***sắc pháp*** nào, cũng ngăn ngừa được ***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng), không thể nương nhờ ở danh pháp, sắc pháp ấy mà phát sanh, và ngăn được ***si tâm sở*** *(vô minh)* không sanh, nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ được thực tánh của danh pháp, sắc pháp ấy, đồng thời diệt được ***tham tâm*** và ***sân tâm*** cùng với ***si tâm sở*** nơi đối tượng danh pháp, sắc pháp ấy.

Hành giả tiến hành thiền tuệ ***giai đoạn đầu đúng theo Pháp hành Trung đạo,*** vì không thiên về 2 biên kiến cực đoan: ***tham tâm*** (hài lòng) và ***sân tâm*** (không hài lòng), dẫn đến sự phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ biết rõ ***danh pháp, sắc pháp*** đúng theo sự thật ***chân nghĩa pháp;*** thấy rõ biết rõ ***sự sanh, sự diệt*** của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ biết rõ 3 trạng thái chung: ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*** của danh pháp, sắc pháp, rồi tiến triển đến ***giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo,*** dẫn đến sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế,*** chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn.***

Ví dụ:

Khi hành giả đang tiến hành thiền tuệ, có ***sắc ngồi*** làm đối tượng thiền tuệ; hành giả có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác trực nhận, trực giác ngay ***dáng ngồi, tư thế ngồi*** thuộc về ***sắc pháp*** *phát sanh từ tâm*, gọi là ***"sắc ngồi".*** Hành giả ***không coi trọng sắc ngồi,*** nên ***tham tâm***(hài lòng), cùng với ***si tâm sở*** không thể nương nhờ nơi ***sắc ngồi*** (sắc pháp), mà phát sanh.

Một khi có ***phóng tâm*** phát sanh *(nghĩ đến chuyện khác)* phải buông bỏ đối tượng ***"sắc ngồi",*** hành giả cũng ***không coi khinh phóng tâm,*** nên ***sân tâm*** (không hài lòng), cùng với ***si tâm sở*** không thể nương nhờ nơi ***phóng***

tâm (danh pháp), mà phát sanh; nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ được thực tánh của ***danh pháp*** (phóng tâm) ấy, đồng thời diệt được***tham tâm*** và ***sân tâm*** cùng với ***si tâm sở*** nơi đối tượng danh pháp ấy.

Hành giả tiến hành thiền tuệ ***giai đoạn đầu đúng theo Pháp hành Trung đạo***, vì không thiên về 2 biên kiến: ***tham tâm*** (hài lòng) nơi ***sắc ngồi*** (sắc pháp), và ***sân tâm*** (không hài lòng) nơi ***phóng tâm*** (danh pháp), nên phát sanh ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ biết rõ thật tánh của danh pháp, sắc pháp đúng sự thật chân nghĩa pháp; thấy rõ biết rõ *sự sanh, sự diệt* của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ biết rõ 3 trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,* của danh pháp, sắc pháp, rồi tiến triển đến ***giai đoạn cuối của Pháp hành Trung đạo***, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý ***Tứ thánh đế***, chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả*** và ***Niết Bàn.***

Chú thích:

[1] Kāya: nghĩa là tổng hợp toàn tâm sở, gồm có 3 uẩn: thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn.

[2] Citta: nghĩa là tâm thuộc về thức uẩn.

[3] Xúc trần: có 3 sắc đất, lửa, gió đã tính trong phần sắc tứ đại rồi, nên trong phần sắc phụ thuộc không tính vào số 24 sắc pháp.

[4] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, Dhammacakkappavattana sutta.

[5] 26 tác hành thiền tâm *(appanājavana):* 9 bậc thiền thiện tâm + 9 bậc thiền duy tác tâm + 8 siêu tam giới tâm.

[6] Majjhimanikāya, Uparipaṇṇāsa.

[7] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, Kinh Rahogatasutta.

[8] Aṅguttaranikāya, phần Tikanipāta, Paṭipadā.

-ooOoo-

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT *(tiếp theo)*

12- Pháp Hành Giới Định Tuệ

Pháp hành Giới Định Tuệ là:

Pháp hành Giới: là gìn giữ giới hạnh cho được trong sạch. Nghĩa là có tác ý thiện tâm ***gìn giữ thân*** tránh xa sự sát sanh, sự trộm cắp, sự tà dâm; và có tác ý thiện tâm ***gìn giữ khẩu*** tránh xa sự nói dối; nói lời chia rẽ; nói lời thô tục, chửi rủa, mắng nhiếc; nói lời vô ích, để làm nền tảng cho pháp hành thiền định.

Pháp hành Định: là tiến hành thiền định, để chứng đắc các bậc thiền sắc giới và các bậc thiền vô sắc giới, để làm nền tảng cho pháp hành thiền tuệ.

Pháp hành Tuệ: là tiến hành thiền tuệ, để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

12.1- Pháp hành Giới Định Tuệ trong tam giới

Trong tam giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới, ***pháp hành giới, pháp hành định, pháp hành tuệ*** thường phải hành theo tuần tự trước sau làm nền tảng cho nhau.

1- ***Pháp hành giới*** thuộc phần đầu, là pháp hành trước tiên, đó là tác ý thiện tâm gìn giữ thân và khẩu cho được trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, để làm nền tảng cho***pháp hành thiền định.***

2- ***Pháp hành định*** thuộc phần giữa, đó là pháp hành thiền định, ở giai đoạn giữa *(sau pháp hành giới),* để làm nền tảng cho ***pháp hành tuệ.***

3- ***Pháp hành tuệ*** thuộc phần cuối, là pháp hành thiền tuệ *(sau pháp hành thiền định).*Nhưng cũng có trường hợp đặc biệt, tiến hành thiền tuệ trước, tiến hành thiền định sau, sẽ trình bày ở sau.

Ba pháp hành giới, định, tuệ thuộc trong tam giới này là pháp hành theo tuần tự trước sau, vì ***mỗi pháp hành*** đều có ***đối tượng riêng biệt,*** song có thể làm nhân duyên hỗ trợ lẫn nhau.

Như trong ***Bộ Thanh Tịnh Đạo*** dạy về bảy pháp thanh tịnh theo tuần tự như sau:

1- ***Giới thanh tịnh*** *(sīlavisuddhi):* thuộc về ***pháp hành giới thanh tịnh,*** đó là tác ý thiện tâm gìn giữ thân và khẩu cho được trong sạch, để làm nhân duyên phát sanh ***định thanh tịnh.***

2- ***Định thanh tịnh*** *(cittavisuddhi):* thuộc về ***pháp hành thiền định thanh tịnh,*** là sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới và các bậc thiền vô sắc giới, để làm nhân duyên phát sanh 5 loại ***tuệ thanh tịnh*** tuần tự tiếp theo.

3- ***Chánh kiến thiền tuệ thanh tịnh*** *(diṭṭhivisuddhi)* là thanh tịnh thứ nhất của pháp hành thiền tuệ. Đó là trí tuệ thứ nhất gọi là *Nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí tuệ phân biệt thấy rõ biết rõ thực tánh của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đều là pháp vô ngã*, đúng theo chánh kiến thiền tuệ, nên diệt từng thời được ***tà kiến theo chấp ngã***.

4- ***Thoát ly hoài nghi thanh tịnh*** *(kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)*, là thanh tịnh thứ nhì của pháp hành thiền tuệ, đó là trí tuệ thứ nhì gọi là *Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí tuệ thấy rõ biết rõ nhân duyên phát*

sanh mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp, nên diệt được ***hoài nghi***nơi tất cả mọi danh pháp, mọi sắc pháp.

*5- **Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh** (maggāmaggañāṇadassana-visuddhi)* là thanh tịnh thứ 3 của pháp hành thiền tuệ, đó là trí tuệ thiền tuệ thứ 4 gọi là *Udayabbayañāṇa: Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ **sự sanh, sự diệt** của danh pháp sắc pháp ngay trong hiện tại,* nên hiện thấy rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp; nên diệt được sự thấy sai chấp lầm nơi danh pháp sắc pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.

*6- **Pháp hành tri kiến thanh tịnh** (paṭipadāñāṇadassanivisuddhi)* là thanh tịnh thứ 4 của pháp hành thiền tuệ, đó là gồm 9 loại trí tuệ thiền tuệ, từ trí tuệ thứ 4 không có phiền não của thiền tuệ cho đến trí tuệ thứ 12 có khả năng diệt được từng thời phiền não.

*7- **Tri kiến thanh tịnh** (ñāṇadassanivisuddhi)* là thanh tịnh thứ 5 của pháp hành thiền tuệ, đó là trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới thứ 14 gọi là *Maggañāṇa: Thánh Đạo Tuệ,* gồm có 4 Thánh Đạo Tuệ: Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ, Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ, Bất Lai Thánh Đạo Tuệ, Arahán Thánh Đạo Tuệ. Mỗi Thánh Đạo Tuệ có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái, ác pháp tuỳ theo năng lực của mỗi Thánh Đạo Tuệ, đến Arahán Thánh Đạo Tuệ, thì diệt đoạn tuyệt được mọi phiền não, tham ái, ác pháp không còn dư sót nữa; cho nên tâm của bậc Thánh Arahán hoàn toàn trong sạch thanh tịnh.

Bảy pháp thanh tịnh theo tuần tự trước sau:

Giới thanh tịnh thuộc về *pháp hành giới,* là phần đầu.

Định thanh tịnh thuộc về *pháp hành thiền định,* là phần giữa.

Chánh kiến thiền tuệ thanh tịnh cho đến Tri kiến thanh tịnh, cả 5 pháp thanh tịnh này thuộc về *pháp hành thiền tuệ,* là phần cuối.

12.2- Pháp hành Giới Định Tuệ trong siêu tam giới

Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh: ***chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*** chia ra 3 pháp hành như sau:

1- Chánh kiến, chánh tư duy thuộc về ***pháp hành Tuệ.***

2- Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc về ***pháp hành Giới.***

3- Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thuộc về ***pháp hành Định.***

Bát chánh đạo đó là 8 tâm sở*: trí tuệ tâm sở, hướng tâm tâm sở, chánh ngữ tâm sở, chánh nghiệp tâm sở, chánh mạng tâm sở, tinh tấn tâm sở, niệm*

tâm sở, định tâm sở, cùng với 28 tâm sở khác đồng sanh trong siêu tam giới tâm, đó là 4 hoặc 20 Thánh Đạo Tâm và 4 hoặc 20 Thánh Quả Tâm có Niết Bàn làm đối tượng.

Như vậy, trong Bát chánh đạo gồm có 3 pháp hành: *pháp hành tuệ, pháp hành giới, pháp hành định* cùng sanh trong 4 hoặc 20 Thánh Đạo Tâm và 4 hoặc 20 Thánh Quả Tâm không trước không sau có Niết Bàn làm đối tượng. Trong Thánh Đạo Tâm, Thánh Quả Tâm ***chánh kiến*** đóng vai trò ***chính yếu*** trong sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn. Do đó, trong Bát chánh đạo sắp đặt ***chánh kiến*** lên hàng đầu làm nền tảng hỗ trợ cho ***chánh tư duy. Chánh tư duy*** làm nền tảng hỗ trợ cho ***chánh ngữ;*** và theo tuần tự cho đến cuối cùng là ***chánh định.*** Đó là sự sắp đặt theo tính chất quan trọng của mỗi chánh, làm nhân duyên hỗ trợ tuần tự với nhau, không phải sắp đặt theo tuần tự ***pháp hành*** trước sau. Vì Bát chánh đạo đó là 8 tâm sở ***đồng sanh, đồng diệt, đồng đối tượng Niết Bàn, đồng nơi sanh với 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm,*** thuộc về siêu tam giới tâm, phần ***pháp thành*** *(paṭivedha)* đồng thời, không trước không sau.

Ví dụ:

Một thang thuốc chữa bệnh, gồm có 8 vị thuốc, trong đó có một vị thuốc chính để trị bệnh, 7 vị thuốc còn lại để phụ trợ. Khi đem 8 vị thuốc đó bỏ chung vào siêu thuốc, đổ thêm vào 3 chén nước, sắc thuốc cạn xuống còn 8 phân. Trong chén nước thuốc 8 phân này, vị thuốc chính cũng có thể nhận ra, tuy cùng hòa chung với 7 vị thuốc kia. Khi uống thuốc, uống một lần, không thể phân biệt được uống vị nào trước, vị nào sau, như thế nào, ***Bát chánh đạo*** đồng sanh với ***siêu tam giới tâm*** cũng như thế ấy.

12.3- Quả báu của mỗi pháp hành Giới, Định, Tuệ

Pháp hành giới: ***Tác ý*** *(cetanā)* gìn giữ thân và khẩu được trong sạch, thuộc ***dục giới đại thiện nghiệp.*** Ngay trong kiếp hiện tại, hưởng được quả báu ***thân, khẩu thanh tịnh,*** tâm an lạc. Sau khi chết sẽ, do dục giới thiện nghiệp cho quả được tái sanh làm ***người,*** hoặc làm ***chư thiên trong 6 cõi thiện dục giới,*** thọ hưởng sự an lạc trong cõi người, hoặc cõi trời dục giới ấy cho đến hết tuổi thọ.

Quả báu cao hơn pháp hành giới là:

Pháp hành định: *Hành giả tiến hành thiền định*, nếu hành giả chỉ đạt đến ***cận định*** *(upacārasamādhi),* thiện tâm còn thuộc về ***dục giới đại thiện nghiệp;*** ngay trong kiếp hiện tại, ***thân, tâm thường được an lạc*** đặc biệt. Sau

khi chết, do dục giới thiện nghiệp cho quả sẽ được tái sanh làm ***chư thiên trong 6 cõi thiện dục giới,*** thọ hưởng an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Nếu hành giả chứng đắc được bậc thiền sắc giới, hoặc bậc thiền vô sắc giới nào. Ngay kiếp hiện tại, thọ hưởng quả báu an lạc đặc biệt của bậc thiền ấy. Sau khi chết, do sắc giới thiện nghiệp hoặc vô sắc giới thiện nghiệp cho quả sẽ được tái sanh làm ***phạm thiên trong cõi trời sắc giới,*** hoặc ***cõi trời vô sắc giới*** tùy theo bậc thiền sở đắc của mình, thọ hưởng sự an lạc thiền định trong cõi trời sắc giới hay cõi trời vô sắc giới ấy, cho đến hết tuổi thọ.

Quả báu cao hơn pháp hành định là:

Pháp hành tuệ: Hành giả tiến hành thiền tuệ, nếu hành giả chưa chứng đắc được bậc Thánh Đạo, bậc Thánh Quả nào, vẫn còn là phàm nhân, thiện tâm còn thuộc về ***dục giới đại thiện nghiệp;*** ngay trong kiếp hiện tại, có chánh kiến, có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, thân tâm thường được an lạc. Sau khi chết, do dục giới thiện nghiệp cho quả sẽ được tái sanh làm ***người*** có trí tuệ sáng suốt, hoặc làm ***chư thiên*** có trí tuệ trong ***cõi trời dục giới,*** thọ hưởng sự an lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi ấy.

Nếu hành giả được chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả sẽ trở thành bậc Thánh nhân.

Bậc Thánh nhân nào, đã diệt đoạn tuyệt được loại tham ái, phiền não nào rồi, loại tham ái, phiền não ấy vĩnh viễn không bao giờ phát sanh, không làm khổ tâm bậc Thánh nhân ấy nữa, ngay trong kiếp hiện tại lẫn kiếp vị lai.

Bốn bậc Thánh nhân

Bậc Thánh Nhập Lưu sau khi chết, chắc chắn giải thoát khỏi khổ tái sanh trong 4 ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh), chỉ còn tái sanh ***cõi thiện dục giới*** (cõi người, và cõi trời dục giới) nhiều nhất 7 kiếp. Đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thàmh bậc Thánh Arahán, rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Bậc Thánh Nhất Lai sau khi chết, chỉ còn tái sanh một kiếp nữa trong ***cõi thiện dục giới.*** Trong kiếp ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Bậc Thánh Bất Lai sau khi chết, không tái sanh trở lại cõi dục giới, chỉ còn tái sanh lên cõi trời sắc giới. Ở tại cõi trời ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc

Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Bậc Thánh Arahán ngay kiếp hiện tại, khi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Pháp hoàn hảo

Giáo pháp của Đức Phật sâu sắc, vi tế về ý nghĩa; chánh pháp hoàn toàn hoàn hảo suốt 3 phần.

Pháp hành giới hoàn hảo ở phần đầu.

Pháp hành định hoàn hảo ở phần giữa.

Pháp hành tuệ hoàn hảo ở phần cuối.

Hay là:

Pháp hành giới, pháp hành định hoàn hảo ở phần đầu.

Pháp hành tuệ, 4 Thánh Đạo hoàn hảo ở phần giữa.

4 Thánh Quả, Niết Bàn hoàn hảo ở phần cuối.

Hay là:

Pháp hành giới, pháp hành định, pháp hành tuệ hoàn hảo ở phần đầu.

4 Thánh Đạo hoàn hảo ở phần giữa.

4 Thánh Quả, Niết Bàn hoàn hảo ở phần cuối....

13- Ba Phương Pháp Tiến Hành Để Chứng Đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần Yuganaddhakathā* dạy ba phương pháp tiến hành để chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả tóm lược như sau:

1- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền định trước, tiếp theo sau tiến hành thiền tuệ.

2- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền tuệ trước, tiếp theo sau tiến hành thiền định.

3- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau.

Phần Giải Thích

1- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền định trước, tiếp theo sau tiến hành thiền tuệ như thế nào?

Trước tiên, hành giả tiến hành thiền định có đề mục thiền định làm đối tượng, đến khi chứng đắc bậc thiền nào rồi; hành giả xả bậc thiền ấy để làm nền tảng, sử dụng bậc thiền ấy làm đối tượng.

Nếu sử dụng ***chi thiền lạc*** ấy, thì thuộc về phần ***niệm thọ*** là ***danh pháp.*** Nếu sử dụng***thiền tâm*** ấy, thì thuộc về phần ***niệm tâm*** là ***danh pháp.***

Thiền tâm ấy phát sanh nương nhờ*hadayavatthurūpa:* ***sắc ý căn*** thuộc về ***sắc pháp.***

Tiếp theo sau, hành giả tiến hành thiền tuệ có ***danh pháp, sắc pháp*** của bậc thiền ấy (sở đắc của mình) làm đối tượng, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp ấy; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp ấy; dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo – 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt các pháp ràng buộc *(samyojana),* các phiền não ngủ ngầm trong tâm *(anusaya)* tuần tự theo năng lực của mỗi Thánh Đạo Tuệ.

Như vậy gọi là hành giả tiến hành thiền định trước, tiếp theo sau tiến hành thiền tuệ.

4 bậc Thánh Đạo Tuệ diệt phiền não:

Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ, diệt đoạn tuyệt được 3 pháp ràng buộc: ***ngũ uẩn tà kiến*** *(sakkāyadiṭṭhi),* ***hoài nghi*** *(vicikicchā),* ***pháp hành thường chấp thủ****(sīlabbataparāmāsa);* và 2 loại phiền não ngủ ngầm trong tâm: ***tà kiến ngủ ngầm****(diṭṭhānusaya),* ***hoài nghi ngủ ngầm*** *(vicikicchānusaya).*

Bậc Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ, diệt đoạn tuyệt được 2 pháp ràng buộc: ***ái dục****(kāmarāga),* ***sân hận*** *(paṭigha);* và 2 loại phiền não: ***ái dục ngủ ngầm, sân hận ngủ ngầm***đều là loại thô trong cõi dục giới.

Bậc Bất Lai Thánh Đạo Tuệ, diệt đoạn tuyệt được hai pháp ràng buộc: ***ái dục, sân hận;*** và 2 loại phiền não: ***ái dục ngủ ngầm, sân hận ngủ ngầm*** đều là loại vi tế trong cõi dục giới không còn dư sót.

Bậc Arahán Thánh Đạo Tuệ, diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi pháp ràng buộc còn lại là: ***tham ái thiền sắc giới*** *(rūparāga),* ***tham ái thiền vô sắc giới*** *(arūparāga),* ***ngã mạn****(māna),* ***phóng tâm*** *(uddhacca)* và ***vô minh*** *(avijjā)* không còn dư sót. Và tất cả mọi phiền não ngủ ngầm trong tâm còn lại là: ***ngã mạn ngủ ngầm*** *(mānānusaya),* ***ái kiếp ngủ ngầm****(bhavarāgānusaya),* ***vô minh ngủ ngầm*** *(avijjānusaya)* và tất cả mọi phiền não, mọi ác pháp không còn dư sót.

2- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền tuệ trước, tiếp theo sau tiến hành thiền định như thế nào?

Trước tiên, hành giả tiến hành thiền tuệ có danh pháp, sắc pháp làm đối tượng, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp sắc pháp; ngay khi ấy, sát na định*(khaṇikasamādhi)* định tâm

từng thời, khoảnh khắc nơi danh pháp hoặc sắc pháp hiện tại ấy, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo – 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt các pháp ràng buộc *(samyojana),* các phiền não ngủ ngầm trong tâm *(anusaya)* tuần tự theo năng lực của mỗi Thánh Đạo Tuệ.

Ví dụ:

Trường hợp hành giả tiến hành thiền tuệ, sử dụng đối tượng 4 oai nghi: dáng đi, tư thế đi gọi là ***sắc đi;*** dáng đứng, tư thế đứng gọi là ***sắc đứng;*** dáng ngồi, tư thế ngồi gọi là ***sắc ngồi;*** dáng nằm, tư thế nằm gọi là ***sắc nằm...*** thuộc về ***sắc pháp*** phát sanh từ tâm.

Và thiện tâm hợp với trí, có chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, trực nhận trực giác dáng đi, tư thế đi gọi là sắc đi, v.v... thuộc về ***danh pháp.***

Mỗi khi chánh niệm trực nhận mỗi sắc pháp nào, mỗi danh pháp nào có sát na định*(khaṇikasamādhi)* định tâm từng thời, khoảnh khắc trong đối tượng hiện tại ấy, thuộc về***thiền định.***

Hành giả tiến hành thiền tuệ có sắc pháp (của đối tượng 4 oai nghi) làm đối tượng, trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo – 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt các pháp ràng buộc *(samyojana),* các phiền não ngủ ngầm trong tâm *(anusaya)* tuần tự theo năng lực của mỗi Thánh Đạo Tuệ.

Như vậy gọi là hành giả tiến hành thiền tuệ trước, tiếp theo sau tiến hành thiền định.

3- Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau như thế nào?

Tỳ khưu hành giả tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau bằng nhiều cách:

Cùng chung đối tượng *(ārammaṇa).*

Cùng chung mục đích hướng đến *(gocara).*

v.v....

Hành giả tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau cùng chung đối tượng như thế nào?

Trong trường hợp thiền định đó là các bậc thiền siêu tam giới có ***Niết Bàn làm đối tượng,*** diệt phóng tâm, và thiền tuệ đó là thiền tuệ siêu tam giới trong 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm có Niết Bàn làm đối tượng.

Như vậy, gọi là tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau cùng chung Niết Bàn làm đối tượng. Tương tự như trên, tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đội với nhau cùng chung mục đích hướng đến Niết Bàn. v.v....

Trong ba phương pháp tiến hành để chứng đắc ***4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn*** này, còn tùy thuộc vào căn cơ duyên lành, trình độ trí tuệ thích hợp của mỗi chúng sinh.

Có số hành giả trước tiên cần phải tiến hành thiền định làm nền tảng, tiếp theo là tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Những bậc Thánh nhân này, thường có ***lục thông*** *(abhiññā).*

Có số hành giả trước tiên cần phải tiến hành thiền tuệ, dẫn đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, cùng với ***đệ nhất thiền siêu tam giới*** theo Thánh Đạo Tâm và Thánh Quả Tâm.

Những bậc Thánh nhân này, thường không có ***lục thông.*** Nhưng cũng có trường hợp đặc biệt, do nhờ tiền kiếp đã từng chứng đắc các bậc thiền và thần thông; kiếp hiện tại dầu không có thiền định làm nền tảng, khi chứng đắc Thánh Đạo thì thiền định cùng thần thông phát sanh. Như trường hợp Ngài Đại Đức Arahán Cūḷapanthaka....

Có số hành giả tiến hành thiền định và thiền tuệ cả hai đi đôi với nhau, dẫn đến sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Những bậc Thánh nhân này, thường có ***lục thông.***

Cho nên ***pháp hành thiền định*** và ***pháp hành thiền tuệ*** luôn luôn hỗ trợ lẫn nhau. Tùy theo mỗi trường hợp, tùy theo căn duyên của mỗi hành giả.

14- Niết Bàn Ở Đâu?

Niết Bàn ở đâu là một vấn đề mà hạng phàm nhân thường hay quan tâm tìm hiểu, nhưng không thể nào thấy được, hiểu được, biết được, bởi vì Niết Bàn là pháp bên ngoài *(bahiddhā dhammā),* là pháp vô vi *(asaṅkhatadhamma)* không bị cấu tạo do nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực. Niết Bàn thuộc về pháp siêu tam giới, nên không phải là đối tượng của dục giới tâm, sắc giới tâm, vô sắc giới tâm, mà chỉ là đối tượng của siêu tam giới tâm đó là 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm, là tâm của các bậc Thánh nhân mà thôi. Cho nên các hạng phàm nhân không thể biết được Niết Bàn.

Niết Bàn là pháp của diệt Khổ thánh đế *(dukkhanirodha ariyasacca: là sự thật chân lý mà chư bậc Thánh nhân chứng ngộ)* đó là ***pháp diệt*** đoạn tuyệt được tâm tham ái là nhân sanh Khổ thánh đế.

Như vậy, *tham ái sanh nơi nào?*

Trong bài kinh ***Đại Tứ niệm xứ*** [9] *(Mahāsatipaṭṭhānasutta),* Đức Phật thuyết giảng phần ***"Nhân sanh Khổ thánh đế"*** như sau:

"Katamañca bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ?

Yāyaṃ taṇhā ponabhavikā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī, seyyathidaṃ:

Kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

Sā kho panesā bhikkhave taṇhā kattha uppajjamānā uppajjati, kattha vinisamānā vīnisati?

Yaṃ loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthāsā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati?

Kiñca loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ?

Cakkhu loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthāsā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati...".

"Này chư Tỳ khưu, thế nào gọi là Nhân sanh Khổ thánh đế?

Tham ái dắt dẫn tái sanh kiếp sau, hợp với tham muốn và thỏa thích, có trạng thái thường say đắm, hoan lạc trong kiếp sống và các đối tượng.

Nhân sanh Khổ thánh đế ấy là:

Kāmataṇhā: ***Dục ái:*** *Tham ái trong 6 cảnh trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.*

Bhavataṇhā: ***Hữu ái:*** *Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến; hoặc tham ái trong thiền sắc giới, thiền vô sắc giới, cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới.*

Vibhavataṇhā: ***Phi hữu ái:*** *Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.*

– Này chư Tỳ khưu, ba loại tham ái này, khi phát sanh, thì phát sanh ở đâu? Khi dính mắc, thì dính mắc ở đâu?

Pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng, ba loại tham ái ấy, khi phát sanh, thì phát sanh do nương nhờ nơi pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi dính mắc, thì dính mắc nơi pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.

Pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng ở trong đời?

*1- **Nhãn** (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng trong đời. Ba tham ái ấy, khi phát sanh thì phát sanh do nương nhờ nơi nhãn (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi dính mắc thì dính mắc nơi nhãn (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.*

Cũng tương tự như vậy, nhĩ (tai), tỷ (mũi), thiệt (lưỡi), thân và ý là 6 căn bên trong tiếp xúc với 6 cãnh trần bên ngoài.

*2- **Sáu đối tượng** (ārammaṇa): sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần bên ngoài tiếp xúc với 6 căn bên trong.*

*3- **Sáu thức tâm** (viññāṇa): nhãn thức tâm, nhĩ thức tâm, tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm và ý thức tâm phát sanh do 6 trần bên ngoài tiếp xúc với 6 căn bên trong.*

*4- **Sáu xúc** (phassa): nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc phát sanh trong 6 thức tâm.*

*5- **Sáu thọ** (vedanā): nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ và ý thọ phát sanh trong 6 thức tâm.*

*6- **Sáu tưởng** (saññā): sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng và pháp tưởng phát sanh trong 6 thức tâm.*

*7- **Sáu tác ý** (cetanā): sắc tác ý, thanh tác ý, hương tác ý, vị tác ý, xúc tác ý và pháp tác ý phát sanh trong 6 thức tâm.*

*8- **Sáu ái** (taṇhā): sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng.*

*9- **Sáu hướng tâm** (vitakka): hướng tâm đến sắc, hướng tâm đến thanh, hướng tâm đến hương, hướng tâm đến vị, hướng tâm đến xúc và hướng tâm đến pháp phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng.*

*10- **Sáu quan sát** (vicāra): quan sát sắc, quan sát thanh, quan sát hương, quan sát vị, quan sát xúc và quan sát pháp phát sanh do nương nhờ 6 đối tượng.*

Gồm có 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng, ba tham ái ấy, khi phát sanh thì phát sanh do nương nhờ ở 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi dính mắc thì dính mắc ở 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.

Tham ái, nhân sanh khổ, phát sanh do nương nhờ ở pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng, dính mắc ở pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng, thì sự khổ phát sanh do nương nhờ ở pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy, sự tái sanh kiếp sau, sự luân hồi tiếp tục kéo dài sanh tử – tử sanh vô cùng vô tận.

Đó gọi là tham ái, Nhân sanh Khổ thánh đế, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ, đã diệt đoạn tuyệt được tham ái bằng Thánh Đạo Tuệ".

Cũng trong bài kinh này, Đức Phật thuyết giảng phần ***"Diệt Khổ thánh đế"*** như sau:

"Katamañca bhikkhave dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ?

Yo tassāyeva taṇhāya asesavirāga nirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Sā kho panesā bhikkhave, taṇhā kattha pahīyamānā pahīyati, kattha nirujjhamānā nirujjhati?

Yaṃ loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthāsā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati?

Kiñca loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ?

Cakkhu loke piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthāsā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati...".

– Này chư Tỳ khưu, thế nào gọi là Diệt Khổ thánh đế?

Niết Bàn pháp diệt đoạn tuyệt tham ái nhân sanh khổ không còn dư sót bằng Thánh Đạo Tuệ, pháp xả ly ngũ uẩn, pháp từ bỏ ngũ uẩn, pháp giải thoát khổ, pháp không còn luyến ái dính mắc nữa.

– Này chư Tỳ khưu, ba loại tham ái ấy, khi bị hoại, thì bị hoại ở đâu? Khi bị diệt, thì bị diệt ở đâu?

Pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng, ba loại tham ái ấy, khi bị hoại, thì bị hoại nơi pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi bị diệt, thì bị diệt nơi pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.

Pháp nào có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng ở trong đời?

*1- **Nhãn** (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, có trạng thái đáng hài lòng trong đời. Ba tham ái ấy, khi bị hoại, thì bị hoại nơi nhãn (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi bị diệt, thì bị diệt nơi nhãn (mắt) có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.*

Cũng tương tự như vậy đối với nhĩ (tai), tỷ (mũi), thiệt (lưỡi), thân và ý.

*2- **Sáu đối tượng** (ārammaṇa)....*

*3- **Sáu thức tâm** (viññāṇa)....*

*4- **Sáu xúc** (phassa)....*

*5- **Sáu thọ** (vedanā)....*

*6- **Sáu tưởng** (saññā)....*

*7- **Sáu tác ý** (cetanā)....*

*8- **Sáu ái** (taṇhā)....*

*9- **Sáu hướng tâm** (vitakka)....*

*10- **Sáu quan sát** (vicāra)....*

Gồm có 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng trong đời, ba tham ái ấy, khi bị hoại, thì bị hoại nơi 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy; khi bị diệt, thì bị diệt nơi 60 pháp có trạng thái đáng ưa thích, đáng hài lòng ấy.

Đó gọi là Niết Bàn, pháp Diệt Khổ thánh đế, mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ bằng 4 Thánh Đạo Tuệ, 4 Thánh Quả Tuệ".

Tóm lại, tham ái, nhân sanh Khổ thánh đế phát sanh do nương nhờ vào 60 chi pháp cho quả Khổ thánh đế ở kiếp hiện tại và dắt dẫn tái sanh kiếp sau, kéo dài sự khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Và tham ái, nhân sanh Khổ thánh đế, bị diệt đoạn tuyệt nơi ***chi pháp nào,*** *trong 60 chi pháp ấy,* bằng 4 Thánh Đạo Tuệ, thì gọi là ***phiền não Niết Bàn*** cũng chính tại nơi chi pháp ấy.

Loại tham ái, phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt bằng ***Thánh Đạo Tuệ*** nào, loại tham ái, phiền não ấy Niết Bàn, nghĩa là loại phiền não, tham ái ấy vĩnh viễn không còn ***sanh*** nữa.

Tất cả các pháp hữu vi có sanh, có diệt là thường. Cho nên, phiền não sanh, rồi diệt đó là trạng thái tự nhiên của pháp hữu vi. Song đặc biệt nhất là Thánh Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt phiền não loại nào rồi, phiền não loại ấy vĩnh viễn không còn sanh nữa, gọi là ***Phiền Não Niết Bàn.***

Niết Bàn Hiện Hữu

Hành giả nào tiến hành thiền tuệ đúng theo Pháp hành Trung đạo, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, thì Niết Bàn hiện hữu đối với họ; còn hành giả nào tiến hành thiền tuệ không đúng theo Pháp hành Trung đạo, thì không dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn, thì Niết Bàn không hiện hữu đối với họ.

Trong bài kinh Gaṇakamoggallānasutta [10] Đức Phật dạy:

"Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Pubbārama, gần thành Sāvatthi. Khi ấy, có Bà la môn Gaṇakamoggallāna đến hầu Đức Phật, nghe pháp từ Đức Phật xong, vô cùng hoan hỉ, bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

Kính bạch Đức Gotama, các hàng đệ tử của Đức Thế Tôn, được Đức Thế Tôn chỉ dạy rõ ràng như vậy, tất cả đều chứng ngộ Niết Bàn hay có một số không chứng ngộ Niết Bàn? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

Này Bà la môn, các hàng đệ tử của Như Lai, được Như Lai chỉ dạy rõ ràng như vậy, có một số ít chứng ngộ Niết Bàn, còn phần đông không chứng ngộ Niết Bàn.

Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, do duyên nào? Một khi Niết Bàn vẫn hiện hữu, pháp hành dẫn đến Niết Bàn vẫn hiện hữu, Đức Gotama, Bậc Tôn Sư chỉ dạy rõ ràng vẫn hiện hữu; nhưng tại sao các hàng đệ tử của Đức Gotama một số ít chứng ngộ Niết Bàn, còn phần đông không chứng ngộ Niết Bàn, bạch Ngài?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

Này Bà la môn, nếu như vậy Như Lai hỏi con về chuyện này, con nghĩ như thế nào, thì trả lời như thế ấy.

Này Bà la môn, con nghĩ sao về điều này? Con biết đường đến kinh thành Rājagaha có phải không?

Kính bạch Đức Gotama, con biết rõ đường đi đến kinh thành Rājagaha.

Vậy, này Bà la môn, nếu mọi người nhờ con chỉ đường đến kinh thành Rājagaha, họ đều đến nơi kinh thành Rājagaha cả thảy, hay có một số nào đó không đến nơi.

Kính bạch Đức Gotama, có số người đến nơi, còn có số người khác thì không !

Này Bà la môn, do nhân nào, do duyên nào, một khi kinh thành Rājagaha vẫn hiện hữu, con đường đi đến kinh thành Rājagaha vẫn hiện hữu, con là người chỉ dẫn rõ ràng vẫn hiện hữu; nhưng tại sao có số người đến kinh thành Rājagaha, còn có số người thì không đến kinh thành Rājagaha?

Kính bạch Đức Gotama, về vấn đề này, con biết làm sao được, con chỉ là người chỉ đường mà thôi.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

Này Bà la môn, cũng như vậy đó, một khi Niết Bàn vẫn hiện hữu, pháp hành dẫn đến Niết Bàn vẫn hiện hữu, Như Lai chỉ dạy rõ ràng vẫn hiện hữu; nhưng mà các hàng đệ tử của Như Lai, một số ít chứng ngộ Niết Bàn, còn phần đông không chứng ngộ Niết Bàn. Như Lai cũng chẳng biết làm sao được, vì Như Lai chỉ là người chỉ đường (Maggakkhāyī) mà thôi!".

Qua đoạn kinh trên, cho chúng ta hiểu rõ: không phải tất cả hành giả đều có thể chứng ngộ Niết Bàn. Có số ít hành giả chứng ngộ Niết Bàn nhờ ***tiến hành pháp hành Bát chánh đạo,*** đúng theo ***Pháp hành Trung***

đạo. Và nhờ có ba la mật nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ hỗ trợ, nên kiếp hiện tại này, hành giả mới có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, và Niết Bàn; còn số đông hành giả tiến hành không đúng theo pháp hành Bát chánh đạo, không đúng theo Pháp hành Trung đạo; hoặc tiến hành đúng Pháp hành Trung đạo nhưng không đủ ba la mật hỗ trợ cho pháp hành Bát chánh đạo, để chứng ngộ Niết Bàn ngay trong kiếp hiện tại.

15- Pháp Hành Phạm Hạnh

Trong kinh Brahmacariyasutta [11], Đức Phật dạy rằng:

"Này chư Tỳ khưu, Như Lai sẽ thuyết giảng pháp hành phạm hạnh và quả của pháp hành phạm hạnh cho các con, các con hãy lắng nghe:

Này chư Tỳ khưu, pháp hành phạm hạnh là thế nào?

Thánh Đạo** hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Bát chánh đạo này gọi là **Pháp hành phạm hạnh.

*"Này chư Tỳ khưu, **qua**û của pháp hành phạm hạnh là thế nào?*

*Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Quả, 4 Thánh Quả này, gọi là **quả của pháp hành phạm hạnh**".*

Theo ý nghĩa bài kinh này, ***Pháp hành phạm hạnh*** là ***Thánh Đạo*** hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp... chánh định đồng sanh trong 4 Thánh Đạo Tâm, là pháp hành dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn diệt khổ thánh đế hoặc gọi tắt là***"Đạo thánh đế".***

Như vậy, ***Đạo thánh đế*** đó là pháp hành Bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ... chánh định đồng sanh trong mỗi Thánh Đạo Tâm, đã tiến hành xong, đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ thánh đế: Diệt□Tập thánh đế nên diệt, thì đã diệt;Khổ thánh đế nên biết, thì đã biết; thánh đế nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ đồng thời cùng một lúc không trước không sau, liền cho quả Thánh Quả Tâm tương xứng với mỗi Thánh Đạo Tâm, không có thời gian ngăn cách *(akālika)* như:

Nhập Lưu Thánh Đạo liền cho quả Nhập Lưu Thánh Quả.

Nhất Lai Thánh Đạo liền cho quả Nhất Lai Thánh Quả.

Bất Lai Thánh Đạo liền cho quả Bất Lai Thánh Quả.

Arahán Thánh Đạo liền cho quả Arahán Thánh Quả.

Đó là Pháp hành phạm hạnh và quả của Pháp hành phạm hạnh.

Để có được kết quả như vậy, hành giả hành phạm hạnh trong Phật giáo của Đức Thế Tôn với mục đích gì?

Như trong kinh Kimatthiyasuttā [12] Đức Phật dạy rằng:

"... Dukkhassa hi pariññatthaṃ mayi brahamacarīyaṃ vuccati..."

"Này chư Tỳ khưu, đúng vậy, hành phạm hạnh nơi Như Lai, cốt để biết rõ, để chứng ngộ Khổ thánh đế".

"Này chư Tỳ khưu, pháp hành phạm hạnh cốt để biết rõ, để chứng ngộ Khổ thánh đế, như thế nào?

***Thánh Đạo** hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Bát chánh đạo này là pháp hành phạm hạnh cốt để biết rõ, để chứng ngộ Khổ thánh đế".*

Sự bắt đầu của pháp hành Bát chánh đạo là hành ***chánh niệm: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp,*** gọi là ***tiến hành Tứ niệm xứ,*** hay ***niệm sắc pháp, niệm danh pháp***, gọi là ***tiến hành thiền tuệ.***

Như vậy, ***tiến hành Tứ niệm xứ*** hay ***tiến hành thiền tuệ,*** cốt để biết rõ ***khổ đế*** của danh pháp, sắc pháp.

Khi ***trí tuệ thiền tuệ*** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là ***khổ đế***, nên nhàm chán nơi danh pháp, sắc pháp; khi nhàm chán nơi danh pháp, sắc pháp, mới có thể diệt được ***tâm tham ái*** nơi danh pháp, sắc pháp. Tâm tham ái là ***nhân sanh khổ đế*** bị diệt đoạn tuyệt hoàn toàn bằng ***Arahán Thánh Đạo Tuệ. bậc Thánh Arahán*** được giải thoát hoàn toàn khỏi ***khổ tâm,*** nhưng khi còn có sắc thân là quả của tham ái nên còn phải ***khổ thân. Bậc Thánh Arahán*** đến khi tịch diệt, Ngũ Uẩn Niết Bàn, giải thoát khỏi ***khổ thân,*** chấm dứt khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Giáo Pháp của Đức Phật, mục đích chính chỉ dạy chúng sinh biết rõ ***khổ đế,*** và cuối cùng chỉ dạy ***Niết Bàn,*** pháp diệt Khổ thánh đế.

Thật vậy, Đức Phật đã từng khẳng định với Đại Đức Anurādha rằng:

"...Pubbe cā'haṃ Anurādha etarahi ca dukkhañceva paññāpemi dukkhassa ca nirodhaṃ...". [13]

"Này Anurādha, từ trước cho đến nay, Như Lai chỉ có thuyết dạy về Khổ thánh đế, và Niết Bàn, pháp diệt Khổ thánh đế".

Đó là lời giáo huấn của Đức Phật tóm tắt về Tứ thánh đế là ***Khổ thánh đế*** và ***Diệt Khổ thánh đế.***

Trong Pháp Cú kệ, Đức Phật thuyết dạy 3 bài kệ về 3 trạng thái chung: trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, dẫn đến nhàm chán

khổ đế trong ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp, chứng ngộ Niết Bàn, an lạc tuyệt đối, như sau:

(277) *"Sabbe saṅkhārā* [14] *aniccā'ti, yadā paññāya passati,*
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā".
(278) *"Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti, yadā paññāya passati,*
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā"
(279) "*Sabbe dhammā* [15] *anattā'ti, yadā paññāya passati,*
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā". [16]
(277) *"Khi nào hành giả thấy bằng trí tuệ,*
Tất cả pháp hữu vi đều vô thường,
Khi ấy trí tuệ nhàm chán khổ đế.
Đó Thánh Đạo thanh tịnh, chứng Niết Bàn".
(278) *"Khi nào hành giả thấy bằng trí tuệ,*
Tất cả pháp hữu vi đều khổ não,
Khi ấy trí tuệ nhàm chán khổ đế.
Đó Thánh Đạo thanh tịnh, chứng Niết Bàn".
(279) *"Khi nào hành giả thấy bằng trí tuệ,*
Tất cả pháp tam giới đều vô ngã,
Khi ấy trí tuệ nhàm chán khổ đế.
Đó Thánh Đạo thanh tịnh, chứng Niết Bàn".

Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp sanh rồi diệt liên tục không ngừng, nên hiện thấy rõ ***trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã,*** trí tuệ thiền tuệ phát sanh thấy nhàm chán trong Khổ thánh đế, mới diệt được tâm tham ái nơi danh pháp, sắc pháp. Đó là ***Thánh Đạo*** thanh tịnh hợp đủ 8 chánh chứng ngộ Niết Bàn.

Trong tam giới này chỉ có ***khổ đế,*** ngoài ***khổ đế*** ra không có gì khác, như Đại Đức Tỳ khưu ni Vajirā, bậc Thánh Arahán dạy rằng:

"Dukkhameva hi sambhoti,
Dukkhaṃ tiṭṭhati veti ca,
Nāññatra dukkhā sambhoti,
Nāññaṃ dukkhā nirujjhati". [17]
Thật vậy, chỉ có khổ đế sanh lên,
Chỉ có khổ đế trụ, và diệt đi,
Ngoài khổ đế ra, không gì khác sanh,
Ngoài khổ đế ra, không gì khác diệt".

Sự thật chân lý trong tam giới chỉ có ***"khổ đế"*** *(dukkhasacca),* còn sự an lạc chỉ là***"hư ảo"*** *(sukhavippallāsa),* sự an lạc trong tam giới này không phải là ***sự thật,*** không phải là***chân lý,*** vì phải chịu trạng thái vô thường biến đổi, nên chỉ có khổ mà thôi. Vậy ***"khổ đế"*** là***sự thật chân lý.***

Mục đích ***tiến hành thiền tuệ*** bắt đầu chỉ để biết rõ ***sự thật chân lý khổ đế*** ấy và cuối cùng dẫn đến sự tịch diệt Niết Bàn**,** pháp diệt ***Khổ thánh đế*** ấy, chấm dứt ***khổ tái sanh*** trong ba giới bốn loài, khi ấy mới hoàn toàn giải thoát khổ.

16- 5 Pháp Chủ (Indriya)

5 pháp chủ là: *tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ* và *tuệ pháp*chủ đóng vai trò trọng yếu trong việc tiến hành thiền định để chứng đắc các bậc thiền, hoặc tiến hành thiền tuệ để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Gọi là ***pháp chủ:*** nghĩa là có chủ quyền trong phận sự của mình.

1- Tín pháp chủ *(saddhindriya)*: Đức tin làm chủ quyền trong sự tin tưởng nơi ân đức Tam bảo, như__

Bậc Thánh Thanh Văn có đức tin trong sạch nơi Ân Đức Phật:

– *Arahaṃ*: là Bậc Arahán cao thượng.

– *Sammāsambuddho:* là Bậc Chánh Đẳng Giác.

– *Vijjācarana sampanno:* là Bậc tròn đủ Tam minh, Bát minh và 15 đức hạnh.

– *Sugato:* là Bậc dạy lời chân thật, đem lại lợi ích thật sự.

– *Lokavidū:* là Bậc thông suốt tam giới: pháp hành giới, chúng sinh giới, cảnh giới.

– *Anuttaropurisadammasārathi:* là Bậc Vô Thượng giáo huấn chúng sinh.

– *Satthādevamanussānaṃ:* là Bậc Thầy của chư thiên, phạm thiên, nhân loại.

– *Buddho:* là Đức Phật.

– *Bhagavā:* là Đức Thế Tôn.

Như vậy, gọi là ***tín pháp chủ.***

2- Tấn pháp chủ *(vīriyindriya):* Tinh tấn làm chủ quyền trong 4 pháp tinh tấn.

Bậc Thánh Thanh Văn có sự tinh tấn như:

– Tinh tấn ngăn ác pháp không cho phát sanh.

– Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sanh.

– Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh.

– Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sanh.

Như vậy, gọi là ***tấn pháp chủ.***

3- Niệm pháp chủ: *(satindriya):* Niệm làm chủ quyền trong pháp hành Tứ niệm xứ.

Bậc Thánh Thanh Văn tiến hành Tứ niệm xứ như.

Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"thân trong thân"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"thọ trong thọ"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"tâm trong tâm"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ ***"pháp trong pháp"*** *để diệt* ***tham tâm,*** *hài lòng, và* ***sân tâm,*** *không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này...".*

Như vậy, gọi là ***niệm pháp chủ.***

4- Định pháp chủ (*samādhindriya):* Định làm chủ quyền trong 5 bậc thiền siêu tam giới.

Bậc Thánh Thanh Văn tiến hành thiền định chứng đắc các bậc thiền siêu tam giới có Niết Bàn làm đối tượng:

– Đệ nhất thiền siêu tam giới tâm có 5 chi thiền: hướng tâm, quan sát, hỉ, lạc và định.

– Đệ nhị thiền siêu tam giới tâm có 4 chi thiền: quan sát, hỉ, lạc và định.

– Đệ tam thiền siêu tam giới tâm có 3 chi thiền: hỉ, lạc, định.

– Đệ tứ thiền siêu tam giới tâm có 2 chi thiền: lạc và định.

– Đệ ngũ thiền siêu tam giới tâm có 2 chi thiền: xả và định.

Như vậy, gọi là ***định pháp chủ.***

5- Tuệ pháp chủ *(paññindriya):* Trí tuệ làm chủ quyền trong sự chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả.

Bậc Thánh Thanh Văn có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái

khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp; dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Như vậy, gọi là ***tuệ pháp chủ.***

16.1- Năng lực 5 pháp chủ đối với bậc Thánh nhân

Trong kinh Saṅkhittasutta [18] Đức Phật dạy rằng:

– Này chư Tỳ khưu, có 5 pháp chủ là:

Tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ và tuệ pháp chủ.

– Này chư Tỳ khưu:

Hành giả chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán, bởi nhờ 5 pháp chủ có đầy đủ năng lực hoàn toàn.

Hành giả chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Bất Lai, bởi vì 5 pháp chủ có năng lực yếu hơn bậc Thánh Arahán.

Hành giả chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhất Lai, bởi vì 5 pháp chủ có năng lực yều hơn bậc Thánh Bất Lai.

Hành giả chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành thành bậc Thánh Nhập Lưu, bởi vì 5 pháp chủ có năng lực yếu hơn bậc Thánh Nhất Lai.

16.2- Điều hòa 5 pháp chủ đồng đều

Trong chú giải kinh Đại niệm xứ dạy rằng: ***Tín pháp chủ*** và ***tuệ pháp chủ*** là một cặp, nên đồng đều với nhau. ***Tấn pháp chủ*** và ***định pháp chủ*** là một cặp, nên đồng đều với nhau.

Nếu ***tín pháp chủ*** mạnh, còn ***tuệ pháp chủ*** yếu, thì *đức tin trở nên mù quáng*, không có cơ sở, không có nền tảng, vì thiếu trí tuệ suy xét phân tích kỷ.

Như vậy, hành giả cần phải giảm bớt đức tin, tăng thêm trí tuệ suy xét đúng, sai, lợi, hại, làm điều hòa ***tín pháp chủ*** và ***trí tuệ*** được đồng đều với nhau.

Nếu ***tuệ pháp chủ*** mạnh, còn ***tín pháp chủ*** yếu, thì trí tuệ trở nên lý luận suông, (ngụy biện), vì thiếu đức tin, không có nền tảng căn bản vững chắc, rất tai hại.

Như vậy, hành giả cần phải làm tăng thêm đức tin, nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp, làm nền tảng căn bản vững

chắc, giảm bớt trí tuệ lý luận suông, làm điều hòa ***tuệ pháp chủ*** và ***tín pháp chủ*** được đồng đều với nhau.

Nếu ***tấn pháp chủ*** mạnh, còn ***định pháp chủ*** yếu, thì sanh phóng tâm, không định tâm ở đối tượng.

Như vậy, giảm bớt tấn pháp chủ xuống, làm tăng thêm định pháp chủ, làm cho điều hòa ***tấn pháp chủ*** và ***định pháp chủ*** được đồng đều với nhau.

Nếu ***định pháp chủ*** mạnh, còn ***tấn pháp chủ*** yếu, thì dễ sanh tâm biếng nhác, không tinh tấn tiến hành thiền tuệ.

Như vậy, hành giả cần phải giảm bớt định pháp chủ xuống, làm tăng thêm tấn pháp chủ, làm cho điều hòa ***định pháp chủ*** và ***tấn pháp chủ*** được đồng đều với nhau.

Nếu trường hợp hành giả ***tiến hành thiền định,*** dầu ***định pháp chủ*** có năng lực mạnh hơn một chút cũng nên, để cho tâm định dễ an trụ trong một đối tượng thiền định, để chứng đắc các bậc thiền sắc giới, các bậc thiền vô sắc giới.

Nếu trường hợp hành giả ***tiến hành thiền tuệ,*** dầu ***tuệ pháp chủ*** năng lực có mạnh hơn một chút cũng nên, vì để cho trí tuệ thiền tuệ dễ thấy rõ, biết rõ mau lẹ sự sanh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp; dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Riêng phần ***niệm pháp chủ*** có nhiều năng lực bao nhiêu càng tốt, vì niệm pháp chủ vừa làm phận sự của mình, vừa điều hành 4 pháp chủ khác làm phận sự của mỗi pháp chủ được phát triển.

Do đó, Đức Phật dạy:

*"Satiñ ca khvāhaṃ bhikkhave sabbatthikaṃ vadāmi"****.*** [19]

"Này chư Tỳ khưu, Như Lai dạy rằng: niệm pháp chủ cần thiết cho tất cả mọi pháp".

Niệm pháp chủ: Đó là ***chánh niệm*** trong Tứ niệm xứ, là Pháp hành Trung đạo giai đoạn đầu, để dẫn đến Pháp hành Trung đạo giai đoạn cuối, đó là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định đồng sanh trong 4 Thánh Đạo Tâm, 4 Thánh Quả Tâm có Niết Bàn làm đối tượng.

Ví dụ:

Chiếc xe có 5 bánh xe

Một chiếc xe có 5 bánh xe, mỗi bánh xe đều có khả năng lăn mau hay lăn chậm, tùy theo năng lực của mỗi bánh xe.

Vị trí của 5 bánh xe ví như 5 pháp chủ:

– Bánh xe số 1 ở ngay giữa dẫn đầu, ví như ***niệm pháp chủ.***

– Bánh xe số 2 và 3 ở hai bên đằng trước, ví như ***tín pháp chủ*** và ***tuệ pháp chủ.***

– Bánh xe số 4 và số 5 hai bên đằng sau, ví như ***tấn pháp chủ*** và ***định pháp chủ.***

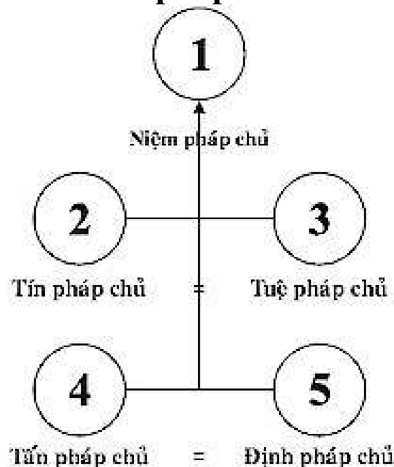
Trong 4 vị trí bánh xe số 2, 3, 4, 5 này, nếu có một bánh xe lăn mau hoặc lăn chậm, có thể làm ảnh hưởng đến chiếc xe chạy sai hướng. Cho nên, người tài xế giỏi phải biết điều hành sao cho 2 bánh xe trước và 2 bánh xe sau lăn đồng đều nhau, khiến cho chiếc xe chạy theo hướng đã định. Cũng như vậy, nếu 1 trong 4 pháp chủ: là *tín pháp chủ, tuệ pháp chủ, tấn pháp chủ* và *định pháp chủ* có năng lực mạnh hay yếu, có thể làm cho sự tiến hành thiền định hay tiến hành thiền tuệ trở ngại, không thể phát triển tốt. Cho nên, hành giả ***tiến hành thiền định*** hay ***tiến hành thiền tuệ*** cần phải biết cách điều hòa 5 pháp chủ:

– ***Tín pháp chủ*** và ***tuệ pháp chủ*** phải đồng đều với nhau.

– ***Tấn pháp chủ*** và ***định pháp chủ*** phải đồng đều với nhau.

– Riêng về ***niệm pháp chủ*** càng mạnh càng tốt, để điều hành các pháp chủ làm tròn phận sự của mỗi pháp chủ.

Đồ biểu 5 pháp chủ



Chú thích:

[9] Dīghanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

[10] Majjhimanikāya, bộ Uparipaṇṇāsaka, kinh Gaṇakamoggallānasutta.

[11] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Brahmacariyasutta.

[12] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Kimatthiyasutta.

[13] Samyuttanikāya, bộ Khandhavagga, Kinh Anurādhasutta.

[14] **Saṅkhàrà:** ***Pháp hữu vi:*** Đó là danh pháp, sắc pháp trong tam giới, luôn luôn bị cấu tạo do bởi nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

[15] **Dhammā:** ***Các pháp:*** Ở đây cũng chỉ hạn chế các pháp ở trong tam giới mà thôi.

[16] Dhammapadagāthā, kệ số 277, 278, 279.

[17] Samyuttanikāya, bộ Sagāthavagga, kinh Vājirāsutta.

[18] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Saṅkhittasutta.

[19] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Saṅkhittasutta.

-ooOoo-

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT *(tiếp theo)*

17- Đức Phật Xuất Hiện Trên Thế Gian

Đức Phật Gotama đã khám phá ra con đường cổ xưa duy nhất này rồi, Ngài đã thuyết giảng trong bài kinh Đại niệm xứ *(Mahāsati-patiïïhānasutta)* mở đầu rằng:

"Ekāyano ayamï bhikkhave maggo...".

"Này chư Tỳ khưu, đạo này là con đường duy nhất...", con đường duy nhất này mà chư Phật thời quá khứ đã tiến hành, Đức Phật hiện tại đang tiến hành, và chư Phật vị lai cũng sẽ tiến hành theo con đường duy nhất này để chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Chư Phật Độc Giác cũng chính tự mình khám phá ra con đường duy nhất này, rồi tiến hành để đạt đến quả vị Độc Giác Phật.

Còn chư bậc Thanh Văn thì tự mình không thể khám phá ra con đường duy nhất này, mà cần phải nhờ được nghe từ kim ngôn của Đức Chánh Đẳng Giác, rồi tiến hành theo con đường duy nhất này, mới có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật.

Con đường duy nhất ấy là "Pháp hành Tứ niệm xứ" *(cattāro satipatiïïhānā).*

Trong bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta [20] : *Đại tứ niệm xứ,* mà Đức Phật đã thuyết giảng tại xứ Kuru *(miền bắc Ấn Độ)* để tế độ dân chúng xứ Kuru.

Trong Chú giải bài kinh này, có những mẫu chuyện khiến chúng ta phải suy tư.

Dân chúng xứ Kuru, mỗi khi gặp nhau thường luận về pháp hành tứ niệm xứ; hoặc đặc câu hỏi về pháp hành tứ niệm xứ để đánh giá trị về người ấy.

Chẳng hạn, gặp một cô tớ gái, người ta hỏi rằng:

– "Ammā, tvaṃ kataraṃ satipaṭṭhānabhāvanaṃ manasikarosi?

Này cô bé, cô thường tiến hành Tứ niệm xứ đối tượng nào?

Nếu cô bé trả lời rằng:

– Na kiñci. Con không tiến hành Tứ niệm xứ đối tượng nào cả.

Cô bé liền bị chê trách rằng:

– Dhiratthu tava jīvitaṃ, jīvamānāpi tvaṃ matasadisā!

Kiếp sống của cô thật là vô dụng, dầu cô còn sống cũng như người đã chết rồi !

Rồi người ta khuyên dạy cô bé rằng:

– Mā dāni puna evamakāsi.

Kể từ bây giờ, cô bé chớ nên sống lãng quên, dễ duôi như trước nữa.

Sau đó người ấy truyền dạy đối tượng Tứ niệm xứ nào đó cho cô bé.

Khi cô bé tiến hành Tứ niệm xứ theo đối tượng đã học, cô bé liền được tán dương ca tụng rằng:

– Sādhu! Sādhu! Tốt lành thay! Tốt lành thay !

"Tava jīvitaṃ sujīvitaṃ, tvaṃ nāma manussattaṃ pattā, tavatthāya Sammāsambuddho uppanno...". [21]

Kiếp sống của con thật là cao quý biết dường nào! Con xứng danh làm người. Đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, để đem lại sự lợi ích đích thực cho con rồi!".

Đó là quan niệm sống của người xứ Kuru, nơi mà Đức Thế Tôn thuyết bài kinh Đại Tứ niệm xứ.

Hầu hết người dân xứ Kuru là bậc xuất gia và người tại gia cư sĩ. Mọi giai cấp như dòng Bà la môn, dòng vua chúa, giới buôn bán, giới công nhân, người dân thường, cho đến hàng tôi tới... bất kỳ nơi nào, hễ khi họ gặp nhau, họ thường luận đạo về pháp hành Tứ niệm xứ, về phương pháp tiến hành Tứ niệm xứ và kết quả của sự tiến hành Tứ niệm xứ.

Trong Chú giải còn dạy rằng: Không những người dân xứ Kuru quan tâm đến sự tiến hành Tứ niệm xứ, mà còn có loài súc sanh như ***con chim vẹt nhỏ*** *(suvapotaka)* tên là Buddharakkhita, sống nương nhờ ở tu viện Tỳ khưu ni, con chim vẹt nhỏ ấy cũng biết tiến hành Tứ niệm xứ, phần niệm thân.

Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều hiếm có. Mỗi chúng sinh quanh quẩn trong vòng tử sanh luân hồi từ vô thủy, trải qua vô số kiếp không sao kể xiết; trong vô số kiếp ấy, kiếp nào được gặp Đức Phật hay giáo pháp của Ngài thật là điều hy hữu, không dễ gì có được cơ hội tốt đến như vậy.

Cho nên, kiếp này có duyên lành, dầu không gặp được Đức Phật, nhưng ***còn may mắn gặp được giáo pháp của Ngài,*** không nên bỏ lỡ một dịp may hiếm có, một cơ hội tốt đẹp này, nên có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức pháp, Đức Tăng, nên ***quy y Tam bảo,*** nên tạo duyên lành nơi chánh pháp, để có chánh kiến, nên có sự tinh tấn tiến hành Tứ niệm xứ, hoặc tiến hành thiền tuệ.

Ngay kiếp hiện tại này, nếu đã có duyên lành từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ hỗ trợ, có đầy đủ ba pháp hạnh la mật, có thể chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả nào, trở thành bậc Thánh nhân thì cao quý biết dường nào!

Nếu kiếp hiện tại này, chưa chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả nào, thì âu cũng là một cơ hội tốt, một dịp may để bồi bổ ba la mật, hy vọng chắc chắn sẽ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả ở vị lai.

Nay dầu Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn, song giáo pháp của Đức Phật đang còn lưu truyền trên thế gian. Tất cả những người Phật tử chúng ta còn có cơ hội theo học pháp học và hành theo pháp hành Tứ niệm xứ hoặc pháp hành thiền tuệ, hầu đem lại lợi ích vô cùng lớn lao thật sự cho mỗi người Phật tử chúng ta, để tránh khỏi phải ***ân hận hối tiếc*** khi tuổi già sức yếu, muốn học, muốn hành cũng không thể nào được!

18- Tính Chất Đặc Biệt Pháp Hành Tứ Niệm Xứ

18.1- Pháp hành Tứ niệm xứ là nơi nương nhờ thật sự của chính mình

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Veḷuvana gần thành Vesāli, lúc bấy giờ, Ngài lâm bệnh nặng tưởng chừng như gần tịch diệt Niết Bàn. Khi ấy, Đức Thế Tôn có đầy đủ chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác, nhờ nhập ***Arahán Quả Định,*** nên qua khỏi.

Sau khi Đức Thế Tôn khỏi bệnh, Ngài ngự ra nơi giảng đường, Đại Đức Ānanda đến hầu Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi ngồi nơi hợp lẽ. Đại Đức Ānanda bạch rằng:

"Kính bạch Đức Thế Tôn, con thấy Đức Thế Tôn lâm bệnh nặng, tâm của con cảm thấy tối tăm mờ mịt, không còn nhận biết phương hướng. Dầu

pháp hành Tứ niệm xứ không còn hiện rõ trong tâm con, bởi căn bệnh trầm trọng của Đức Thế Tôn, nhưng con tự an ủi rằng: "Chưa có lời di chúc đến chư Tỳ khưu Tăng, thì có lẽ Đức Thế Tôn chưa tịch diệt Niết Bàn".

Đức Thế Tôn dạy rằng:

Này Ānanda, bây giờ chư Tỳ khưu Tăng còn hy vọng gì nơi Như Lai nữa? Chánh pháp Như Lai đã thuyết giảng không còn cất giấu lại một pháp nào cả. Như Lai không phân biệt pháp này, đối với người thân tín bên trong, cũng không phân biệt pháp kia, đối với người lạ bên ngoài.

Đối với vị thầy khác, thường cất giấu pháp quan trọng, đến khi gần chết mới truyền cho người học trò tín cẩn. Điều ấy không hề có nơi Như Lai. Vị Thầy nào nghĩ rằng: "Ta là người lãnh đạo nhóm Tỳ khưu Tăng, hay nhóm Tỳ khưu Tăng nương nhờ ở nơi ta, thì Vị Thầy ấy mới có lời di chúc đến Tỳ khưu Tăng".

Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: "Như Lai là người lãnh đạo nhóm Tỳ khưu Tăng, hay nhóm Tỳ khưu Tăng nương nhờ nơi Như Lai".

Như vậy, tại sao Như Lai lại có lời di chúc đến Tỳ khưu Tăng?

*Bây giờ Như Lai đã già rồi, quá thời, tuổi cao, đến 80 tuổi rồi. Ví như chiếc xe cũ, dùng được là nhờ sửa chữa như thế nào, thân của Như Lai cũng như thế ấy, luôn luôn cần được sửa chữa bằng cách nhập **Arahán Quả Định.***

*Này Ānanda, khi nào Như Lai nhập **Arahán Quả Định** có **Vô Hiện Tượng Niết Bàn**làm đối tượng, diệt được các pháp trong tam giới, thọ hưởng sự an lạc Niết Bàn siêu tam giới, khi ấy Như Lai mới thật sự được an lạc.*

*Cho nên, các con nên sống có **ta*** [22] *làm hòn đảo (trong biển khổ), có **ta** làm nơi nương nhờ, không nên sống có nơi nương nhờ nào khác. Nghĩa là có **chánh pháp** làm hòn đảo, có **chánh pháp** làm nơi nương nhờ, không nên sống có nơi nương nhờ nào khác.*

*Này Ānanda, Thế nào gọi Tỳ khưu là người sống có **ta** làm hòn đảo, có **ta** làm nơi nương nhờ, không nên sống có nơi nương nhờ nào khác. Nghĩa là Tỳ khưu sống có **chánh pháp** làm hòn đảo, có **chánh pháp** làm nơi nương nhờ, không nên sống có nơi nương nhờ nào khác.*

Tỳ khưu trong Phật giáo này:

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thân trong thân"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thọ trong thọ"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"tâm trong tâm"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"pháp trong pháp"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này....*

*Này Ānanda, Như vậy gọi là Tỳ khưu sống có **ta** làm hòn đảo, có **ta** làm nơi nương nhờ, không sống có nơi nương nhờ nào khác. Nghĩa là Tỳ khưu sống có **chánh pháp** làm hòn đảo, có **chánh pháp** làm nơi nương nhờ, không sống có nơi nương nhờ nào khác.*

Nhóm Tỳ khưu nào hài lòng thỏa thích trong pháp hành, nhóm Tỳ khưu ấy chỉ nên tiến hành Tứ niệm xứ, sẽ là người cao quý". [23]

Qua đoạn kinh trên, chúng ta thấy rõ được tính ưu việt của Đức Phật và giáo pháp vô ngã của Ngài.

18.2- Pháp hành Tứ niệm xứ liên quan đến sự tồn vong của chánh pháp

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇṇika gần thành Sāvatthi. Khi ấy, có một Bà la môn đến hầu Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài xong, Bà la môn ngồi một bên hợp lẽ, rồi bạch rằng:

"Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào, duyên nào làm cho chánh pháp của Đức Thế Tôn không được tồn tại, sau khi Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn? Và do nhân nào, duyên nào làm cho chánh pháp của Đức Thế Tôn được tồn tại, sau khi Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn?

Đức Thế Tôn bèn dạy:

Này Bà la môn, bởi vì các hàng đệ tử của Như Lai không tiến hành Tứ niệm xứ; đó là nhân, là duyên làm cho chánh pháp không được tồn tại, sau khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn. Và do các hàng đệ tử của Như Lai tinh tấn tiến hành Tứ niệm xứ; đó là nhân, là duyên làm cho chánh pháp được tồn tại, sau khi tịch diệt Niết Bàn.

Tứ niệm xứ là thế nào?

Tỳ khưu hay hành giả trong Phật giáo này:

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thân trong thân"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"thọ trong thọ"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"tâm trong tâm"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này.*

*Là người có tâm tinh tấn không ngừng, có chánh niệm trực nhận, có trí tuệ tỉnh giác trực giác thấy rõ biết rõ **"pháp trong pháp"** để diệt **tham tâm,** hài lòng, và **sân tâm,** không hài lòng trong ngũ uẩn chấp thủ này....*

Này Bà la môn, bởi vì các hàng đệ tử của Như Lai không tiến hành Tứ niệm xứ; đó là nhân, là duyên làm cho chánh pháp không được tồn tại, sau khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn. Và do các hàng đệ tử của Như Lai tinh tấn tiến hành Tứ niệm xứ; đó là nhân, là duyên làm cho chánh pháp được tồn tại, sau khi tịch diệt Niết Bàn". [24]

Qua đoạn kinh trên cho chúng ta biết, pháp hành Tứ niệm xứ đóng vai trò rất quan trọng trong sự tồn vong chánh pháp của Đức Phật.

19- Tử Sanh Luân Hồi *(Saṃsāravaṭṭa)*

Do nguyên nhân nào chúng sinh phải chịu cảnh tử sanh luân hồi?

Sở dĩ chúng sinh phải chịu cảnh tử sanh luân hồi, là vì ***vô minh*** che án sự thật chân lý Tứ thánh đế, do ***tham ái*** ràng buộc dắt dẫn tái sanh trong ba giới bốn loài, sanh rồi tử, tử rồi lại sanh, liên tục không ngừng từ vô thủy cho đến vô chung, trong vòng luẩn quẩn không cùng tận, được tượng trưng như một bánh xe lăn, gọi là ***bánh xe luân hồi.***

Theo chánh pháp của Đức Phật, bánh xe tử sanh luân hồi chính là ***thập nhị duyên sanh*** *(paṭiccasamuppāda)* có 12 chi pháp:

1- Vô minh *(avijjā):* Đó là ***si tâm sở*** đồng sanh với 12 bất thiện tâm, không biết 8 điều như sau:

1- Không biết danh pháp, sắc pháp trong tam giới là Khổ thánh đế.

2- Không biết tham ái là nhân sanh Khổ thánh đế.

3- Không biết Niết Bàn là pháp diệt Khổ thánh đế.

4- Không biết Bát chánh đạo là pháp hành dẫn đến Niết Bàn, Diệt khổ thánh đế.

5- Không biết ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp ở quá khứ.

6- Không biết ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp ở vị lai.

7- Không biết ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp ở quá khứ và vị lai.

8- Không biết thập nhị duyên sanh.

Vô minh chỉ không biết 8 điều này, ngoài ra, ***vô minh*** lại có thể biết tất cả mọi điều khác.

Do vô minh làm duyên, nên hành sanh. *(Avijjāpaccayā saṅkhāra).*

2- Hành *(saṅkhārā):* Đó là ***tác ý tâm sở*** *(cetanā)* trong 29 tâm, là quả của vô minh là:

1- Tác ý tâm sở trong 12 bất thiện tâm.

2- Tác ý tâm sở trong 8 dục giới đại thiện tâm.

3- Tác ý tâm sở trong 5 sắc giới thiện tâm.

4- Tác ý tâm sở trong 4 vô sắc giới thiện tâm.

Tác ý ở trong 29 tâm này là ***quả*** của ***vô minh,*** phát sanh do bởi ***vô minh*** làm duyên.

Do hành làm duyên, nên thức sanh *(Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ).*

3- Thức *(viññāṇa):* Đó là ***tam giới quả tâm thức,*** gồm có 32 quả tâm, là quả của hành:

– Dục giới quả tâm thức có 23 tâm.

– Sắc giới quả tâm thức có 5 tâm.

– Vô sắc giới quả tâm thức có 4 tâm.

32 tam giới quả tâm thức có 2 phận sự:

3.1- *Paṭisandhiviññāṇa:* Quả tâm thức gồm có 19 tâm làm phận sự dắt dẫn tái sanh kiếp sau trong ba giới bốn loài.

1 suy xét bất thiện quả vô nhân tâm hợp với xả, tái sanh trong 4 ác đạo: địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh.

1 suy xét thiện quả vô nhân tâm hợp với xả, tái sanh làm người, hoặc chư thiên bậc thấp, thuộc hạng đui mù, câm điếc, tật nguyền... từ khi tái sanh, là người hoặc chư thiên ***vô nhân*** [25] *(không phải sau khi tái sanh rồi mới bị đui mù, câm điếc...).*

8 dục giới đại quả tâm, tái sanh làm người hoặc chư thiên ở 6 cõi trời dục giới, đều là hạng chúng sinh có sắc thân đầy đủ các tịnh sắc, gồm có người hoặc chư thiên có ***nhị nhân***[26] và người hoặc chư thiên có ***tam nhân*** [27] **.**

5 sắc giới quả tâm, tái sanh lên cõi trời sắc giới phạm thiên là phạm thiên có ***tam nhân.***

4 vô sắc giới quả tâm, tái sanh lên cõi trời vô sắc giới phạm thiên là phạm thiên có***tam nhân.***

3.2- *Pavattiviññāṇa:* Quả tâm thức gồm đủ 32 quả tâm làm phận sự cho quả sau khi tái sanh.

Quả tâm thức có phận sự thọ nhận quả xấu hoặc quả tốt do bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp đã tạo ở quá khứ.

32 tam giới quả tâm thức này là quả của ***hành,*** phát sanh do bởi ***hành*** làm duyên.

Do thức làm duyên, nên danh sắc sanh *(Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ).*

4- ***Danh*** *(nāmadhamma):* Đó là danh pháp tâm sở có 35 tâm sở hợp với 32 tam giới quả tâm thức. ***Sắc*** *(rūpadhamma):* Đó là sắc pháp sanh từ nghiệp, lúc tái sanh và sắc pháp sanh từ tâm, sau khi tái sanh.

Những ***danh pháp, sắc pháp*** này là ***quả*** của ***thức,*** được phát sanh do bởi 32 tam giới***quả tâm thức*** làm duyên.

Do danh sắc làm duyên, nên lục nhập sanh *(Nāmarūpapaccayā sāḷāyatanaṃ).*

5- ***Lục nhập*** *(sāḷāyatana):* Đó là lục xứ: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Lục nhập này là ***quả*** của ***danh sắc,*** được phát sanh do bởi ***danh sắc*** làm duyên.

Do lục nhập làm duyên, nên lục xúc sanh *(Sāḷāyatanapaccayā phasso).*

6- ***Xúc*** *(phassa):* Đó là lục xúc: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Lục xúc này là ***quả*** của ***lục nhập***, được phát sanh do bởi ***lục nhập*** làm duyên.

Do lục xúc làm duyên, nên lục thọ sanh *(Phassapaccayā vedanā).*

7- ***Thọ*** *(vedanā):* Đó là lục thọ: nhãn xúc thọ, nhĩ xúc thọ, tỷ xúc thọ, thiệt xúc thọ, thân xúc thọ, và ý xúc thọ.

Lục thọ này là ***quả*** của ***lục xúc,*** được phát sanh do bởi ***lục xúc*** làm duyên.

Do lục thọ làm duyên, nên lục ái sanh *(Vedanāpaccayā taṇhā).*

8- ***Ái*** *(taṇhā):* Đó là lục ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái, (tính rộng có 108 loại ái).

Lục ái này là ***quả*** của ***lục thọ,*** được phát sanh do bởi ***lục thọ*** làm duyên.

Do lục ái làm duyên, nên tứ thủ sanh *(Taṇhāpaccayā upādānaṃ).*

9- *Thủ* *(upādāna):* Đó là 4 thủ: chấp thủ trong lục dục, chấp thủ trong tà kiến, chấp thủ trong pháp hành sai và chấp thủ trong ngã kiến.

Tứ thủ này là ***quả*** của ***lục ái,*** được phát sanh do bởi ***lục ái*** làm duyên.

Do tứ thủ làm duyên, nên nhị hữu sanh *(Upādānapaccayā bhavo).*

10- *Hữu* *(bhava):* Đó là nhị hữu: nghiệp hữu và cảnh hữu.

10.1- *Nghiệp hữu* *(kammabhava):* là tác ý tâm sở *(cetanā).*

– Tác ý tâm sở trong 12 bất thiện tâm.

– Tác ý tâm sở trong 8 dục giới đại thiện tâm.

– Tác ý tâm sở trong 5 sắc giới thiện tâm.

– Tác ý tâm sở trong 4 vô sắc giới thiện tâm.

Tác ý tâm sở trong 29 tâm này gọi là ***nghiệp hữu.***

10.2- *Cảnh hữu* *(uppattibhava):* nơi sanh của tất cả chúng sinh trong tam giới, gồm có 31 cảnh giới.

Nghiệp hữu và cảnh hữu này là ***quả*** của ***tứ thủ,*** được phát sanh do bởi ***tứ thủ*** làm duyên.

Do nhị hữu làm duyên, nên sanh sanh *(Bhavapaccayā jāti).*

11- *Sanh* *(jāti):* Đó là sự tái sanh kiếp sau, sự sanh đầu tiên của tam giới quả tâm trong ba giới [28] bốn loài [29] hay 3 loại chúng sinh [30] do năng lực của thiện nghiệp hay ác nghiệp:

– Chúng sinh có ngũ uẩn trong 11 cõi dục giới và 15 cõi sắc giới (trừ cõi sắc giới Vô tưởng thiên).

– Chúng sinh có tứ uẩn (thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn) hoá sanh trong 4 cõi vô sắc giới.

– Chúng sinh có nhất uẩn (sắc uẩn) hoá sanh trong 1 cõi sắc giới Vô tưởng thiên.

Sự tái sanh đầu tiên của tam giới quả tâm và sắc pháp sanh từ nghiệp là ***quả*** của***nghiệp hữu,*** phát sanh do bởi ***nghiệp hữu*** làm duyên.

Do sanh làm duyên, nên lão tử... sanh *(Jātipaccayā jarāmaraṇa).*

12- *Lão, tử* *(jarāmaraṇa):* Đó là sự già, sự chết là quả của sanh.

– ***Sự già*** *(jarā):* Đó là thời gian ***trụ*** của tam giới quả tâm và sắc pháp sanh từ nghiệp, là quả của sanh.

– ***Sự chết*** *(maraṇa):* Đó là thời gian ***diệt*** của tam giới quả tâm (và sắc pháp sanh từ nghiệp), gọi là ***"chết"*** là quả của sanh.

Sự già, sự chết là ***quả*** của ***sanh,*** được phát sanh do bởi ***sanh*** làm duyên.

Thập nhị duyên sanh ví như một vòng xích, gồm 12 mắt xích nối lại với nhau. Cũng như vậy, trong thập nhị duyên sanh, mỗi pháp là ***quả*** của nhân này, rồi là ***nhân*** của ***quả*** kia, theo từng cặp ***"nhân quả liên hoàn"*** trải qua 3 thời từ quá khứ đến hiện tại, rồi từ hiện tại qua vị lai, theo sự diễn tiến của danh pháp, sắc pháp, và cứ thế liên tục từ vô thủy đến vô chung.

Do đó, ***vô minh*** không phải là ***nhân đầu tiên*** mà chỉ là ***nhân*** của *hành*, ***vô minh*** còn là ***quả*** của ***pháp trầm luân,*** như Đức Phật đã dạy:

"Āsavasamudayā avijjāsamudayo". [31]

"Do có sự sanh của 4 pháp trầm luân, nên có sự sanh của vô minh".

Đối với tất cả mọi chúng sinh còn là ***phàm nhân,*** thì sự tử sanh luân hồi sẽ diễn tiến từ ***vô thủy*** đến ***vô chung*** không sao biết được.

Đối với ***bậc Thánh nhân*** trong Phật giáo, dầu có sự tử sanh luân hồi từ ***vô thủy*** không sao biết được, nhưng có ***hữu chung,*** chắc chắn có giới hạn kiếp tái sanh như sau:

1- ***Bậc Thánh Nhập Lưu*** chỉ còn tái sanh làm người và làm chư thiên ở cõi trời dục giới nhiều nhất là 7 kiếp. Trong kiếp thứ 7 ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

2- ***Bậc Thánh Nhất Lai*** chỉ còn tái sanh làm người hoặc làm chư thiên ở cõi trời dục giới một kiếp nữa. Trong kiếp ấy, chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

3- ***Bậc Thánh Bất Lai*** không còn tái sanh trở lại ở cõi dục giới, chỉ tái sanh ở cõi sắc giới (hay vô sắc giới), rồi chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi trời ấy, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

4- ***Bậc Thánh Arahán*** ngay kiếp hiện tại, khi hết tuổi thọ, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Ngoài 4 bậc Thánh nhân ra, còn lại tất cả mọi chúng sinh dầu ở cõi trời cao như Phạm Thiên, hoặc chư thiên, nhân loại, hay nhỏ như con kiến, côn trùng cũng phải chịu cảnh khổ tử sanh luân hồi tùy theo nghiệp của mình đã tạo.

19.1- Nhân quả ba thời *(kāla)*

Thời *(kāla)* có 3: quá khứ, hiện tại, vị lai.

Thập nhị duyên sanh có 12 chi pháp phân chia theo nhân quả 3 thời như sau:

– ***Nhân quá khứ*** có 2 chi: ***vô minh, hành.***

– ***Quả hiện tại*** có 5 chi: ***thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc***, ***lục thọ.***

– ***Nhân hiện tại*** có 3 chi: ***lục ái, tứ thủ, nghiệp hữu***.

– ***Quả vị lai*** có 2 chi: ***sanh*** và ***lão tử.***

Xét theo từng nhóm, liên quan với nhau thì ***vô minh, lục ái, tứ thủ*** đều thuộc về***phiền não luân*** đi chung với nhau.

Và ***hành*** *(tác ý hành thiện, hành ác),* ***nghiệp hữu*** đều thuộc về ***nghiệp luân*** đi chung với nhau.

Xét theo chi pháp, thì ***sanh*** và ***lão tử*** thuộc quả vị lai, nhưng không có chi pháp nào riêng biệt, mà chỉ có thực tánh 5 chi pháp: ***thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ*** hiện hữu mà thôi.

Như vậy, thập nhị duyên sanh phân chia theo nhân quả 3 thời và theo chi pháp trở thành:

– ***Nhân quá khứ*** có 5 pháp: ***vô minh, hành, lục ái, tứ thủ, nghiệp hữu*** cùng đi chung với nhau.

– ***Quả hiện tại*** có 5 pháp: ***thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ*** cùng đi chung với nhau.

– ***Nhân hiện tại*** có 5 pháp: ***lục ái, tứ thủ, nghiệp hữu, vô minh, hành*** cùng đi chung với nhau.

– ***Quả vị lai*** có 5 pháp: ***thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ*** cùng đi chung với nhau.

19.2- Ba điểm nối *(sandhi)*

Điểm nối *(sandhi)* là sự nối tiếp giữa nhân với quả và giữa quả với nhân. Thập nhị duyên sanh có 12 chi pháp, có 3 điểm nối liền với nhau:

1- Điểm nối giữa *nhân quá khứ với quả hiện tại*: Đó là ***hành*** nối với ***thức.***

2- Điểm nối giữa *quả hiện tại với nhân hiện tại*: Đó là ***lục thọ*** nối với ***lục ái.***

3- Điểm nối giữa *nhân hiện tại với quả vị lai*: Đó là ***nghiệp hữu*** nối với ***tái sanh.***

19.3- Hai gốc rễ cội nguồn *(mūla)*

Gốc rễ *(mūla)* là nguyên nhân, nguồn cội làm nền tảng của sự tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài. Có 2 gốc rễ, đó là ***vô minh*** và ***tham ái.***

Thập nhị duyên sanh có 12 chi pháp tượng trưng như bánh xe tử sanh luân hồi. Có 2 gốc rễ làm nền tảng.

A/ <u>Nửa bánh xe đầu:</u> bắt đầu từ ***nhân quá khứ*** cho đến ***quả hiện tại*** gồm có 7 chi pháp: ***vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ***. Trong 7 chi pháp này, ***vô minh*** là ***nguyên nhân quá khứ,*** là nguồn gốc làm nền tảng cho sự tử sanh luân hồi.

B/ <u>Nửa bánh xe sau:</u> bắt đầu từ ***nhân hiện tại*** cho đến ***quả vị lai*** gồm có 5 chi pháp:***lục ái, tứ thủ, nhị hữu, sanh, lão tử.*** Trong 5 chi pháp này, ***lục ái*** là ***nguyên nhân hiện tại,***là nguồn gốc làm nền tảng của sự tử sanh luân hồi.

Vô số kiếp từ vô thủy của mỗi chúng sinh, vì ***vô minh*** che án mọi thực tánh các pháp, do đó không thấy rõ, không chứng ngộ sự thật chân lý Tứ thánh đế, nên ***hành*** phát sanh, đã tạo mọi ác nghiệp và mọi thiện nghiệp do ***vô minh*** dẫn đầu, thuộc về ***nhân quá khứ,*** dẫn đến***quả hiện tại*** là ***thức*** *(quả tâm thức),* có ***danh pháp tâm sở*** và ***sắc pháp sanh từ nghiệp*** đồng sanh với ***quả tâm thức*** ấy để tái sanh, và tiếp theo sau làm duyên phát sanh ***lục nhập, lục xúc, lục thọ.***

Khi ***nửa bánh xe đầu*** gồm có 7 chi pháp: ***vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ,*** do ***vô minh*** là nguyên nhân, nguồn gốc dẫn đầu, luân chuyển ắt phải kéo theo ***nửa bánh xe sau*** có 5 chi pháp: ***lục ái, tứ thủ, nhị hữu, sanh, lão tử.***

Khi ***nửa bánh xe sau*** có 5 chi pháp: ***lục ái, tứ thủ, nhị hữu, sanh, lão tử,*** do ***lục ái*** là nguyên nhân, nguồn gốc dẫn đầu đẩy ***nửa bánh xe trước*** gồm 7 chi pháp: ***lục thọ, lục xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh.***

Vô minh và tham ái là 2 nhân ràng buộc dắt dẫn chúng sinh trong vòng tử sanh luân hồi vô thủy vô chung.

Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khưu, đối với chúng sinh có ***vô minh*** *che án, có* ***tham ái*** *ràng buộc dắt dẫn quanh quẩn trong vòng tử sanh luân hồi, không thể nào biết được khởi thủy và tận cùng.*

Các con nghĩ thế nào về điều này?

Nước mắt *của các con đã chảy ra, bởi vì mỗi khi các con gặp phải cảnh khổ sanh ly tử biệt, cảnh buồn tủi khóc than... suốt thời gian lâu dài trong kiếp tử sanh luân hồi từ vô thủy cho đến nay; số lượng nước mắt của các con so với số lượng nước biển trong 4 đại dương, số lượng nước nào nhiều hơn?*

Kính bạch Đức Thế Tôn, tất cả chúng con được nghe, hiểu rõ chánh pháp Đức Thế Tôn đã thuyết giảng, nên hiểu rằng: "Số lượng nước mắt của chúng con đã chảy ra mỗi khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng... suốt thời gian lâu dài trong kiếp tử sanh luân hồi từ vô thủy cho đến nay; số lượng nước mắt của mỗi chúng con nhiều hơn so với số lượng nước biển trong 4 đại dương.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

Này chư Tỳ khưu, các con hiểu đúng vậy! Các con đã hiểu rõ được chánh pháp Như Lai đã thuyết giảng....

Đức Thế Tôn khuyên dạy rằng:

*Điều ấy tại sao? Bởi vì đối với chúng sinh có **vô minh** che án, có **tham ái** ràng buộc dắt dẫn quanh quẩn trong vòng tử sanh luân hồi, không thể nào biết được khởi thủy và tận cùng.*

Này chư Tỳ khưu, như vậy đó! Đủ để cho các con nhàm chán các pháp hữu vi, ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp, đủ để cho các con diệt tâm tham ái say mê, đủ để cho các con mong muốn giải thoát khổ sanh". [32]

Cũng tương tự như trên, Đức Phật còn giảng dạy rằng:

Máu của mỗi chúng sinh đã đổ vì phải bị chặt đầu, khi sanh làm gà, vịt, heo, bò, trâu, dê v.v... trong suốt thời gian lâu dài trong kiếp tử sanh luân hồi từ vô thủy cho đến nay, số lượng máu ấy của mỗi chúng sinh nhiều hơn số lượng nước biển trong 4 đại dương....[32]

20- Tam Luân *(tivaṭṭa)*

Luân: Sự luân chuyển theo chiều hướng nhất định.

Thập nhị duyên sanh tượng trưng bánh xe tử sanh luân hồi được luân chuyển theo tam luân.

1- Phiền não luân *(kilesavaṭṭa):* Đó là ***vô minh, lục ái, tứ thủ.***

2- Nghiệp luân *(kammavaṭṭa):* Đó là ***nghiệp hữu, hành.***

3- Quả luân *(vipākavaṭṭa):* Đó là ***cảnh hữu, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ, sanh, lão tử.***

Theo sự luân chuyển thì không thể phân biệt được chỗ bắt đầu và chỗ cuối cùng, nên chỉ nhận biết theo ***định luật nhân quả.*** Mà nhân quả theo ***thập nhị duyên sanh*** thì mỗi chi pháp không thuần chỉ là ***nhân,*** là ***quả,*** mà mỗi chi pháp là ***quả*** phát sanh từ ***nhân,*** rồi trở lại làm ***nhân*** cho phát sanh ***quả,*** theo định luật nhân quả liên hoàn tiếp nối nhau, thành bánh xe luân chuyển không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thủy đến vô chung.

20.1- Phiền não luân khiến tạo nghiệp luân

Chúng sinh còn ***vô minh, tham ái,*** thì còn nhân duyên khiến tạo nên thiện nghiệp, bất thiện nghiệp.

Khi tạo thiện nghiệp, thì chỉ biết 3 loại thiện nghiệp trong tam giới cho quả an lạc ở kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai. Thiện nghiệp càng cao quý thì được hưởng quả báu an lạc càng lâu dài.

1- Dục giới thiện nghiệp, ví như bố thí, giữ giới....

2- Sắc giới thiện nghiệp, đó là 5 bậc thiền sắc giới.

3- Vô sắc giới thiện nghiệp, đó là 4 bậc thiền vô sắc giới.

Thật ra, quả báu an lạc của 3 loại thiện nghiệp không thật, vì bị vô thường biến đổi, nên cũng chỉ là khổ mà thôi; nhưng vì vô minh, không thấy rõ, biết rõ thực tánh của chúng, nên tâm tham ái hài lòng, thỏa thích, say mê trong sự an lạc tạm bợ ấy.

Như vậy, gọi là phiền não luân làm nhân duyên tạo nên thiện nghiệp.

Khi tạo bất thiện nghiệp, có số chúng sinh do vô minh, không biết bất thiện nghiệp cho quả khổ ở kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai; lại có số chúng sinh biết bất thiện nghiệp cho quả khổ, nhưng do vô minh, phiền não có năng lực quá mạnh khiến tạo bất thiện nghiệp như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... bằng thân hành ác, khẩu nói ác, tâm nghĩ ác....

Như vậy gọi là phiền não luân làm nhân duyên tạo nên bất thiện nghiệp.

20.2- Nghiệp luân cho quả luân

Chúng sinh còn vô minh tham ái có thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, thì ắt phải thọ quả của thiện nghiệp, bất thiện nghiệp ấy.

Thiện nghiệp cho quả thì được thọ hưởng quả báu an lạc ở kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai như sau__

– **Quả báu kiếp hiện tại:**

Mắt được nhìn thấy những hình ảnh tốt đẹp, đáng hài lòng, thỏa thích.

Tai được nghe những âm thanh, tiếng hay, tiếng tốt, đáng hài lòng, thỏa thích.

Mũi được ngửi những mùi thơm tho, đáng hài lòng, thỏa thích.

Lưỡi được nếm những vị ngon lành, đáng hài lòng, thỏa thích.

Thân được tiếp xúc êm ấm, đáng hài lòng, thỏa thích.

Tâm được an lạc....

– **Quả báu kiếp vị lai:**

Dục giới thiện nghiệp cho quả tái sanh làm người, sẽ là người lục căn dầy đủ, giàu sang phú quý... hoặc tái sanh làm chư thiên ở trong 6 cõi trời dục giới, sẽ an hưởng sự an lạc, sự sống lâu ở cõi trời dục giới ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sắc giới thiện nghiệp, đó là 4 bậc thiền sắc giới, sẽ cho quả tái sanh làm phạm thiên trong 16 cõi trời sắc giới tùy theo bậc thiền sở đắc của mình, và sẽ an hưởng sự an lạc vi tế, sự sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời sắc giới ấy.

Vô sắc giới thiện nghiệp, đó là 4 bậc thiền vô sắc giới, sẽ cho quả tái sanh làm phạm thiên có tứ uẩn (không có sắc uẩn) trong 4 cõi trời vô sắc giới tùy theo bậc thiền sở đắc của mình, và sẽ an hưởng sự an lạc vi tế hơn, sự sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời vô sắc giới ấy.

Bất thiện nghiệp cho quả thì phải chịu khổ ở kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

– **Quả khổ ở kiếp hiện tại:**

Mắt bị nhìn thấy những hình ảnh xấu xa, không đáng hài lòng, khổ tâm.

Tai bị nghe những âm thanh, tiếng xấu, tiếng ác, không đáng hài lòng, khổ tâm.

Mũi bị ngửi những mùi hôi hám, thối tha, không đáng hài lòng, khổ tâm.

Lưỡi bị nếm những vị hư dở, không đáng hài lòng, khổ tâm.

Thân bị tiếp xúc xơ cứng, khổ thân, không đáng hài lòng, khổ tâm.

Tâm bị bất an, khổ tâm....

– **Quả khổ kiếp vị lai:**

Nếu bất thiện nghiệp nặng, thì cho quả tái sanh trong cảnh địa ngục, phải chịu thống khổ cùng cực đày đọa, hành phạt do bất thiện nghiệp của mình đã tạo.

Nếu bất thiện nghiệp vừa, thì cho quả tái sanh làm atula, ngạ quỷ chịu cảnh khổ đói khát, lạnh lẽo, không có nơi nương nhờ....

Nếu bất thiện nghiệp nhẹ, thì cho quả tái sanh làm súc sanh từng loài tùy theo bất thiện nghiệp của mình đã tạo ở kiếp quá khứ.

Như vậy, chúng sinh trong tam giới khác nhau là do nghiệp phân định. Bởi vì, khi tạo thiện nghiệp, hoặc bất thiện nghiệp mỗi người có tác

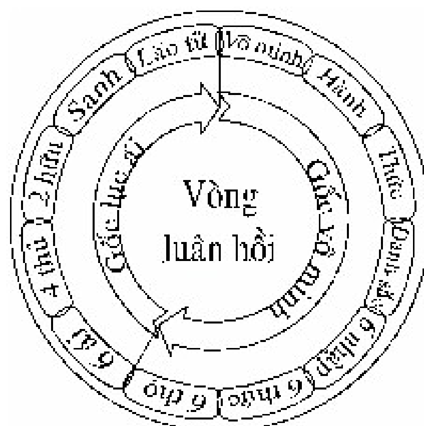
ý *(cetanā)* khác nhau, mặc dầu cùng chung một đối tượng, vì vậy, đến khi nghiệp cho quả khác nhau.

20.3- Quả luân sanh phiền não

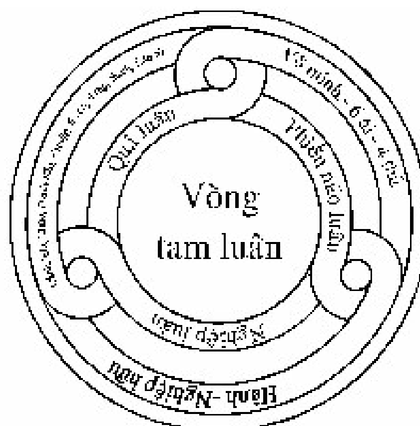
Quả luân là sự hiện hữu của mỗi chúng sinh trong tam giới: chúng sinh có ngũ uẩn ở cõi dục giới và cõi sắc giới, hoặc chúng sinh có tứ uẩn *(không có sắc uẩn)* ở cõi vô sắc giới, hoặc chúng có nhất uẩn: sắc uẩn *(không có 4 danh uẩn),* ở cõi sắc giới Vô tưởng thiên. Tất cả chúng sinh này đều chưa diệt đoạn tuyệt được phiền não, vô minh, tham ái..., cho nên, khi có nhân duyên thì phiền não phát sanh khiến tạo nên thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp; rồi trở lại vòng tam luân chuyển biến không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thủy đến vô chung chịu cảnh khổ tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Ngoài ra chỉ có bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được ***vô minh, tham ái*** thuộc***phiền não luân,*** nên đã chặt đứt, làm tan rã vòng tam luân, làm cho nó không thể luân chuyển được nữa.

Biểu tượng vòng luân hồi, vòng tam luân



Hình 1



Hình 2

<u>**Giải thích**</u> biểu tượng 2 vòng tròn luân hồi.

Thập nhị duyên sanh *(hình 1).*

Thập nhị duyên sanh có 12 chi pháp là: *vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ, lục ái, tứ thủ, nhị hữu, sanh, lão tử....*

Gồm có 2 gốc:

1- ***Gốc vô minh*** có 7 chi pháp: ***vô minh,*** *hành, thức, danh - sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ.*

2- ***Gốc tham ái*** có 5 chi pháp: ***lục ái,*** *tứ thủ, nhị hữu, sanh, lão tử....*

Tam luân *(hình 2).*

Tam luân có 3 loại là:

*1- **Phiền não luân*** có 3 chi pháp: *vô minh, tham ái, tứ thủ.*

*2- **Nghiệp luân*** có 2 chi pháp: *hành, nghiệp hữu.*

*3- **Quả luân*** có 8 chi pháp: *cảnh hữu, thức, danh sắc, lục nhập, lục xúc, lục thọ, sanh, lão tử....*

20.4- Tử sanh luân hồi

Tử ở kiếp này, ***sanh*** ở kiếp sau, và cứ như thế diễn tiến theo đường vòng trong tam giới đối với chúng sinh còn ***vô minh, tham ái.*** Dầu chúng sinh nhỏ như con kiến, con thiêu thân, hoặc chúng sinh lớn như chư thiên, phạm thiên; thậm chí kể cả các bậc Thánh Hữu Học: bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai vẫn còn vô minh, tham ái, nên vẫn còn phải tái sanh kiếp sau; chỉ ngoại trừ bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn mọi ***vô minh, tham ái,*** không còn dư sót, đến khi tịch diệt *(tử)* không còn tái sanh kiếp sau nữa; chấm dứt tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Chúng sinh còn vô minh, tham ái, sau khi chết, do nghiệp của mình đã tạo cho quả tái sanh kiếp sau__

* Nếu bất thiện nghiệp hoặc ác nghiệp có cơ hội cho quả thì tái sanh làm chúng sinh trong 4 cảnh khổ: địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh tuỳ theo năng lực của ác nghiệp, phải chịu khổ do ác nghiệp của mình đã tạo; thời gian lâu hoặc mau còn tuỳ theo ác nghiệp nặng hoặc nhẹ; nếu ác nghiệp nặng, thì chịu khổ thời gian lâu dài, nếu ác nghiệp nhẹ, thì chịu khổ thời gian ngắn.

* Nếu dục giới thiện nghiệp có cơ hội cho quả, thì tái sanh làm chúng sinh trong cảnh an lạc như là:

Tái sanh làm người trong cõi người thường hưởng được sự an lạc hoặc khổ não bởi do thiện nghiệp hoặc ác nghiệp của mình đã tạo từ những kiếp quá khứ cho đến kiếp hiện tại, cho đến hết tuổi thọ. Tuổi thọ của con người không nhất định.

Tái sanh làm chư thiên trong 6 cõi trời dục giới tuỳ theo năng lực của thiện nghiệp của mình đã tạo, hưởng được sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ. Tuổi thọ của chư thiên trong mỗi cõi trời dục giới có thời gian nhất định.

Nếu sắc giới thiện nghiệp, thì chắc chắn cho quả tái sanh làm phạm thiên trong 16 cõi trời sắc giới, tuỳ theo bậc thiền sở đắc của mình. Phạm

thiên trong mỗi cõi trời sắc giới hưởng được sự an lạc rất vi tế, có tuổi thọ nhất định.

Nếu vô sắc giới thiện nghiệp, thì chắc chắn cho quả tái sanh làm phạm thiên trong 4 cõi trời vô sắc giới, tuỳ theo bậc thiền sở đắc của mình. Phạm tiên trong cõi vô sắc giới không có sắc thân, chỉ có tâm mà thôi; hưởng được sự an lạc vô cùng vi tế, mỗi cõi trời vô sắc giới có tuổi thọ nhất định.

Tất cả chúng sinh sanh trong tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới gồm có 31 cõi: dục giới có 11 cõi, sắc giới có 16 cõi, vô sắc giới có 4 cõi. Dầu chúng sinh trong cõi nào đến khi hết tuổi thọ thảy đều phải chết *(tử)*. Nếu chúng sinh ấy còn vô minh, tham ái, sau khi chết do tham ái dẫn dắt tái sanh kiếp sau tuỳ theo nghiệp của mình đã tạo, thừa hưởng quả nghiệp của mình.

20.5- Tử – sanh (cuti – paṭisandhi)

Tử và ***sanh*** là phận sự của tâm thức.

Tử: là thời điểm tận cùng của kiếp hiện tại; sự ***diệt*** của tam giới quả tâm và sắc pháp sanh từ nghiệp gọi là *cuti: chuyển kiếp, qua đời (chết).*

Sanh là thời điểm bắt đầu của kiếp sau, sự sanh của tam giới quả tâm *(và sắc pháp sanh từ nghiệp)* gọi là *paṭisandhi: tái sanh kiếp sau.*

Chúng sinh trong mỗi kiếp, thời điểm bắt đầu gọi là ***tái sanh tâm*** *(paṭisandhicitta)*bằng loại ***tâm quả nào*** trong kiếp hiện tại, cho đến thời điểm tận cùng chấm dứt một sanh mạng gọi là *cuti: tử tâm* chắc chắn bằng loại ***tâm quả ấy*** vì trong cùng một kiếp với nhau.

Ví dụ:

Đức Bồ Tát Siddhattha, khi tái sanh *(paṭisandhi)* lòng Phật mẫu Mahāmayādevī bằng***dục giới đại qủa tâm thứ nhất*** gọi là ***dục giới đại quả tâm đồng sanh với hỷ, hợp theo trí, không cần động viên*** *(somanassa sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)* vào ngày rằm tháng 6 âm lịch; trong bụng mẹ đúng 10 tháng, đến ngày rằm tháng 4 *(âm lịch)* Ngài đản sanh *(pasūta)*; về sau xuất gia trở thành bậc Chánh Đẳng Giác; đến năm Ngài tròn 80 tuổi, vào ngày rằm tháng 4 *(âm lịch)* Đức Phật tịch diệt Niết bàn *(khandhaparinibbāna) (gọi chung là cuti: tử tâm của bậc Thánh Arahán)* cũng bằng *dục giới đại quả tâm đồng sanh với hỷ, hợp theo trí, không cần động viên ấy*.

Đối với chư bậc Thánh Arahán, sau *cuticitta: tử tâm diệt,* không có *paṭisandhicitta: tái sanh tâm,* chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

Ngoài bậc Thánh Arahán ra, còn lại tất cả chúng sinh khác sau khi *cuticitta: tử tâm diệt,* cuối cùng kiếp hiện tại, tiếp theo có *paṭïisandhicitta: tái sanh tâm sanh,* nối tiếp một kiếp sau khác tuỳ theo nghiệp của mình đã tạo.

Tử tâm kiếp hiện tại và ***tái sanh tâm*** kiếp sau dầu cùng một loại quả tâm, nhưng chắc chắn mỗi quả tâm hoàn toàn không giống nhau, vì kiếp sanh khác nhau.

Cận tử lộ trình tâm *(maraṇāsannavīthicitta)*

Cận tử lộ trình tâm là những lộ trình tâm cuối cùng phát sanh lên đối với người sắp chết, thường có 1 trong 3 đối tượng:

* *Kamma:* ***nghiệp*** cho quả tái sanh, đó là thiện nghiệp hoặc ác nghiệp của mình đã tạo trong kiếp hiện tại hoặc kiếp quá khứ.

Nghiệp nào có cơ hội cho quả tái sanh thì nghiệp ấy là đối tượng được hiện rõ trong tâm trong cận tử lộ trình tâm, lúc sắp chết.

Nếu thiện nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì thiện nghiệp ấy sẽ cho quả tái sanh trong cõi thiện giới như: tái sanh làm người ở cõi người, hoặc tái sanh làm chư thiên ở cõi trời dục giới, hoặc tái sanh làm phạm thiên ở cõi trời sắc giới, vô sắc giới tuỳ theo năng lực của thiện nghiệp mà mình đã tạo, sẽ hưởng mọi sự an lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ *(chết),* rồi sẽ tái sanh trong cảnh giới khác.

Nếu ác nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì nghiệp ấy sẽ cho quả tái sanh trong cõi ác giới như địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh, tuỳ theo năng lực của ác nghiệp mà mình đã tạo, sẽ chịu khổ trong cõi ấy cho đến khi mãn hạn ác nghiệp ấy, mới thoát khỏi cảnh khổ *(chết)*, sẽ tái sanh cảnh giới khác.

* *Kammanimitta:* ***hiện tượng của nghiệp:*** đó là đối tượng mà trước kia đã từng tạo thiện nghiệp hoặc ác nghiệp. Đối tượng này có 6 loại: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, có thể hiện rõ nơi 6 môn: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn và ý môn tuỳ theo đối tượng và môn tương xứng.

Những đối tượng này trực tiếp hoặc gián tiếp, trong khi tạo thiện nghiệp hoặc ác nghiệp trước kia; đến lúc sắp chết, đối tượng ấy hiện rõ trở lại, tâm hướng theo đối tượng để tái sanh kiếp sau.

Ví dụ:

a) Về thiện nghiệp: như bố thí, giữ giới, tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ v.v....

Phước thiện bố thí: như cúng dường vật thực đến chư Tăng, lễ dâng y Kathina, xây cất chùa dâng cúng đến chư Tăng.

Hiện rõ đối tượng chính như vật thực, tấm y Kathina, ngôi chùa, chư Tỳ khưu, Sa di v.v.... hoặc đối tượng phụ như những đồ đựng vật thực, mâm đặt tấm y Kathina, tượng Đức Phật, bàn thờ v.v....

Phước thiện giữ giới: hiện rõ đối tượng chính như vị đại đức truyền tam y, ngũ giới, bát giới v.v... đọc theo thọ tam quy, ngũ giới, bát giới v.v... hoặc đối tượng phụ lễ vật cúng dường, những người cùng thọ tam quy – ngũ giới, bát giới, nơi chốn v.v....

Phước thiện tiến hành thiền định: hiện rõ đối tượng chính vị thiền sư, đề mục thiền định, ấn chứng của thiền định hoặc đối tượng phụ chỗ ở tiến hành thiền định v.v....

Phước thiện tiến hành thiền tuệ: hiện rõ đối tượng chính, đối tượng danh pháp, sắc pháp v.v... hoặc đối tượng phụ chỗ ở tiến hành thiền tuệ v.v....

b) Về ác nghiệp: như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối v.v...

Ác nghiệp sát sanh: hiện rõ đối tượng chính chúng sinh bị giết v.v... hoặc đối tượng phụ khí giới để sát sanh, thịt, da, xương của chúng sinh v.v....

Ác nghiệp trộm cắp: hiện rõ đối tượng chính: của cải, tài sản của người khác mà mình trộm cắp v.v... hoặc đối tượng phụ nơi chốn trộm cắp, phương tiện trộm cắp v.v....

Tóm lại, những đối tượng chính tạo thiện nghiệp hoặc ác nghiệp, hoặc những đối tượng phụ để giúp tạo thiện nghiệp, ác nghiệp của mình đã tạo ở quá khứ, ***đối tượng nào*** có cơ hội hiện rõ nơi cận tử lộ trình tâm, tái sanh tâm nương nhờ nơi ***đối tượng ấy*** tái sanh kiếp sau.

* *Gatinimitta:* ***hiện tượng cảnh giới tái sanh:*** đó là cảnh giới sẽ được tái sanh kiếp sau, làm đối tượng hiện rõ ở cận tử lộ trình tâm lúc sắp chết. Đối tượng này có 6 loại: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. những đối tượng này không liên quan gì trong kiếp hiện tại, mà chỉ là đối tượng sẽ tiếp xúc và sẽ hưởng trong kiếp sau mà thôi.

Hiện tượng cảnh giới tái sanh kiếp sau có 2 tính chất:

Hiện rõ 6 đối tượng mà kiếp sau sẽ tiếp xúc.

Hiện rõ đối tượng mà kiếp sau sẽ hưởng thụ.

Hiện rõ cảnh giới sẽ tái sanh kiếp sau; phát sanh đối với chúng sinh.

Chúng sinh sẽ tái sanh làm phạm thiên cõi sắc giới hoặc vô sắc giới phạm thiên.

Hiện tượng 6 đối tượng không hiện rõ, chỉ có thiện nghiệp: đó là sắc giới thiện nghiệp hoặc vô sắc giới thiện nghiệp hiện rõ trong cận tử lộ trình tâm.

Chúng sinh sẽ tái sanh làm chư thiên cõi trời dục giới.

Thấy rõ xe trời, lâu đài cõi trời, thiên nam, thiên nữ, đồ trang điểm trời, vườn hoa trời, hồ nước trời v.v... hoặc có cảm giác như mình ngồi trong chiếc xe trời; đang du ngoạn nơi nào ở cõi trời, đang hưởng sự an lạc trong cõi trời v.v....

Ví dụ:

Trường hợp cận sự nam Dhammika nhìn thấy 6 chiếc xe trời từ 6 cõi trời đến rước ông; nghe tiếng chư thiên thỉnh mời lên chiếc xe của mình. Ông chọn chiếc xe từ cõi trời Tusita *(Đâu xuất đà thiên)* sau khi ông chết, do thiện nghiệp cho quả tái sanh lên cõi trời Tusita mà ông chọn.

Chúng sinh sẽ tái sanh làm người.

Thấy rõ bụng mẹ, nhà cửa, đồ dùng, quốc gia, tỉnh nào, quận nào, xã nào, con người nào v.v....

Hoặc có cảm giác như mình đang đi nơi nào, đang làm một công việc gì, đang tái sanh trong lòng mẹ v.v....

Chúng sinh sẽ tái sanh làm súc sanh.

Thấy rõ các loài súc sanh như chó, mèo, trâu, bò, chim, cá, nơi sinh sống của loài súc sanh nào đó, đang là một loài súc sanh nào đó v.v....

Chúng sinh sẽ tái sanh làm ngạ quỷ, atula.

Thấy rõ cảnh núi rừng, hố sâu, sông, biển, núi non, nơi vắng vẻ đáng rùng rợn, loài ngạ quỷ, atula v.v.... hoặc có cảm giác như mình đang đói mà không có vật thực để ăn, đang khát mà không có nước để uống, có thân mình đáng ghê sợ, đang sống nơi núi rừng vắng vẻ v.v....

Chúng sinh sẽ tái sanh cõi địa ngục.

Thấy rõ đồ dụng cụ hành hạ, chó dữ, diều, kên kên đáng sợ, Diêm vương, chủ địa ngục, chúng sinh trong địa ngục, cảnh địa ngục v.v... hoặc có cảm giác như mình đang bị hành hạ, bị chó, diều, kên kên cắn xé, đang bị giam hãm trong địa ngục v.v....

Như vậy, chúng sinh sắp chết cảm thấy kinh sợ đối tượng ấy.

Nghiệp cho quả tái sanh *(kamma)*, hiện tượng của nghiệp cho quả tái sanh*(kammanimitta)*, hiện tượng cảnh giới tái sanh *(gatinimitta)*, trong 3 đối tượng này, chỉ có 1 đối tượng hiện rõ trong cận tử lộ trình tâm của chúng sinh sắp chết.

Cận tử lộ trình tâm có 2 loại:

Ngũ môn cận tử lộ trình tâm: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn.
Ý môn cận tử lộ trình tâm.

Đồ biểu ngũ môn cận tử lộ trình tâm



Giải thích:

Ngũ môn cận tử lộ trình tâm khi chết và tái sanh kiếp sau

1- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm viết tắt (bha)

2- Atītabhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm quá khứ, viết tắt: (ati)

3- Bhavaṅgacalana: Hộ kiếp tâm rung động, viết tắt: (na)

4- Bhavaṅgupaccheda: Hộ kiếp tâm bị cắt, viết tắt: (da)

5- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ môn hướng tâm, viết tắt: (pañ)

6- Pañcavinõnõāṇacitta: Ngũ thức tâm:

(nhãn thức tâm, nhĩ thức tâm, tỷ thức tâm, thiệt thức tâm, thân thức tâm), viết tắt: (vinõ)

7- Sampaticchana: Tiếp thọ tâm, viết tắt: (sam)

8- Santīraṇa: Suy xét tâm, viết tắt: (san)

9- Voṭṭhabbana: Quyết định tâm, viết tắt: (vot)

10- Javana: Tác hành tâm, viết tắt: (ja)

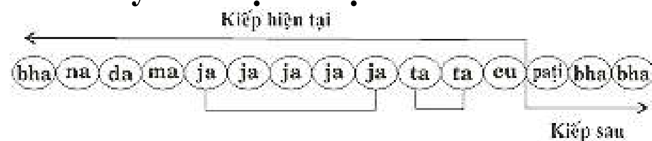
11- Tadārammaṇa: Tiếp đối tượng tâm, viết tắt: (ta)

12- Cuticitta: Tử tâm (kiếp hiện tại), viết tắt: (cu)

13- Paṭisandhicitta: Tái sanh tâm (kiếp sau), viết tắt: (paṭïi)

14- Bhavaṅgacitta: Hộ kiếp tâm, viết tắt: (bha)

Đồ biểu ý môn cận tử lộ trình tâm



(Những chữ viết tắt giống đồ biểu ngũ môn cận tử lộ trình tâm, chỉ còn Manodvārāvajjanacitta: ý môn hướng tâm, viết tắt (ma)).

Qua cận tử lộ trình tâm đối với tất cả chúng sinh, đến khi *cuticitta: tử tâm* chuyển kiếp hiện tại diệt, liền tiếp theo *paṭisandhicitta: tái sanh tâm* kiếp sau sanh, trước – sau chỉ cách nhau 1 sát na tâm mà thôi, nghĩa là ***tử tâm diệt***

kế tiếp tái sanh tâm phát sanh. Hay nói cách khác kiếp hiện tại qua đời *(chết)* liền ***tái sanh kiếp sau,*** không có thời gian khoảng cách.

Trong 11 cõi dục giới và 15 cõi sắc giới *(trừ cõi Vô tưởng thiên)* tất cả chúng sinh luôn luôn có ngũ uẩn: *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn,* ngũ uẩn của kiếp hiện tại với ngũ uẩn của kiếp sau khác nhau như sau__

Tử tâm *(cuticitta)* là 1 trong 15 nhị giới: dục giới, sắc giới quả tâm [33] *(trừ 4 vô sắc giới quả tâm)* hợp với số tâm sở thành 4 danh uẩn *(thọ, tưởng, hành, thức)* làm phận sự tử tâm. Khi tử tâm diệt là thời điểm cuối cùng chấm dứt quả tâm và sắc pháp phát sanh từ nghiệp, cắt đứt sắc sanh mạng *(jīvitarūpa)* từ bỏ sắc uẩn, sắc thân cũ.

Tái sanh tâm *(paṭisandhicitta)* là 1 trong 15 nhị giới: dục giới, sắc giới quả tâm *(trừ 4 vô sắc giới quả tâm)* hợp với số tâm sở thành 4 danh uẩn *(thọ, tưởng, hành, thức)* làm phận sự tái sanh kiếp sau, do nương nhờ sắc uẩn: *sắc thân mới* kết thành ngũ uẩn phát sanh.

Tử tâm kiếp hiện tại và ***tái sanh tâm*** kiếp sau, trong 2 kiếp chắc chắn 2 quả tâm hoàn toàn khác nhau. Song trong một kiếp hiện tại, thì chắc chắn ***tái sanh tâm*** và ***tử tâm*** cùng một loại quả tâm giống nhau.

Cho nên, kiếp trước hoàn toàn không thể giống kiếp sau. Song chắc chắn kiếp trước có sự liên quan đến kiếp sau, do bởi nghiệp: thiện nghiệp, bất thiện nghiệp tích lũy, pháp hạnh ba la mật v.v... ở trong tâm.

Trong ***4 cõi vô sắc giới,*** do năng lực của bậc thiền vô sắc giới, hành giả nhàm chán sắc thân: sắc uẩn, không muốn có lại sắc thân; đối với hành giả này, đến khi cận tử lộ trình tâm phát sanh, ***tử tâm diệt,*** do năng lực ***bậc thiền vô sắc giới thiện tâm*** nào sở đắc của mình cho quả tái sanh kiếp sau, thì ***tái sanh tâm*** đó là ***bậc thiền vô sắc giới quả tâm*** ấy làm phận sự tái sanh, làm phạm thiên ở cõi trời vô sắc giới tương xứng với bậc thiền vô sắc giới sở đắc của mình. Chư phạm thiên ở cõi trời vô sắc giới này chỉ có 4 danh uẩn: *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (không có sắc uẩn, bởi vì tâm nhàm chán sắc uẩn).*

Do đó phạm thiên trong cõi vô sắc giới chỉ có **tâm** mà *không có thân;* hưởng hết tuổi thọ ở cõi trời vô sắc giới ấy, sau khi chết phải tái sanh đến cõi khác, tuỳ theo thiện nghiệp cho quả. Riêng cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên, tột đỉnh của cõi vô sắc giới hưởng hết tuổi thọ 84.000 đại kiếp, nếu không chứng đắc lại bậc thiền cũ, sau khi chết, chắc chắn phải tái sanh trở lại cõi thiện dục giới.

Trong cõi ***sắc giới vô tưởng,*** do năng lực đệ ngũ thiền sắc giới, hành giả nhàm chán 4 danh uẩn *(tâm + tâm sở)*, đối với hành giả này, đến khi cận tử lộ trình tâm phát sanh, ***tử tâm diệt*** do năng lực đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm nhàm chán 4 danh uẩn *(tâm + tâm sở)* nên đệ ngũ thiền sắc giới quả tâm không cho quả tái sanh kiếp sau, mà *jīvitanavakakalāpa*: *nhóm 9 sắc pháp có sắc mạng chủ là thứ 9,* làm phận sự tái sanh kiếp sau.

Những phạm thiên ở cõi sắc giới Vô tưởng thiên này chỉ có ***nhất uẩn*** là ***sắc uẩn*** mà thôi, không có 4 danh uẩn *(tâm + tâm sở).*

Do đó, phạm thiên trong cõi sắc giới Vô tưởng thiên này chỉ có ***thân*** mà không có***tâm.***

Sắc thân của phạm thiên trong cõi sắc giới Vô tưởng thiên này có 3 oai nghi: oai nghi đứng, oai nghi ngồi, oai nghi nằm. Khi *cuticitta: tử tâm* ở oai nghi nào, sau khi tái sanh, sắc thân ở oai nghi ấy hưởng hết tuổi thọ 500 đại kiếp trong cõi trời sắc giới Vô tưởng thiên, rồi sẽ tái sanh trở lại cõi thiện dục giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục giới.

Như vậy, chúng sinh hễ còn vô minh, tham ái, thì còn phải tử sanh luân hồi.

Chúng sinh có 4 loại:

1- ***Thấp sinh:*** chúng sinh sanh từ nơi ẩn thấp, không cần nương nhờ cha mẹ, chỉ cần nương nhờ cây lá, bông trái, máu mũ, vũng nước dơ v.v... như loài dòi, loài sâu bọ v.v... tăng trưởng dần đến lớn.

2- ***Hoá sinh:*** chúng sinh sanh bằng cách hiện ra, to lớn ngay tức khắc, không qua thời gian tăng trưởng, không cần nương nhờ một nơi nào cả, chỉ cần nương nhờ nghiệp của mình đã tạo trong quá khứ mà thôi. Chúng sinh ấy như loài địa ngục, loài ngạ quỷ, loài atula, chư thiên, phạm thiên, loài người đầu tiên trên trái đất.

3- ***Noãn sinh:*** chúng sinh trước tiên sanh trong trứng do nương nhờ bụng mẹ, đến ngày mẹ sanh ra trứng, rồi sau đó từ trứng trưởng thành con, phá vỡ vỏ trứng sanh ra, từ nhỏ tăng trưởng dần đến lớn như loài gà, vịt, chim, thằn lằn v.v....

4- ***Thai sinh:*** chúng sinh đầu thai vào lòng mẹ, từ nhỏ tăng trưởng dần đến lớn mới sanh ra đời như loài người, một số loài súc sinh v.v....

10. NHỮNG PHÁP NÊN BIẾT *(tiếp theo)*

21- Bậc Thánh Arahán Giải Thoát Khổ Tái Sanh

Trong vòng ***tam luân*** của bánh xe luân hồi ***"thập nhị duyên sanh"*** có ***phiền não luân*** làm nhân, nên tạo ***nghiệp luân*** là quả; có nghiệp luân làm nhân, nên cho ***quả luân*** là quả; có ***quả luân*** làm nhân, nên phát

sanh ***phiền não luân,*** và cứ thế luân chuyển từ kiếp này sang kiếp khác không ngừng.

Đối với chúng sinh còn phiền não thì vẫn còn bị ràng buộc ở trong vòng tam luân, chuyển biến từ kiếp này sang kiếp khác trong ba giới bốn loài, từ vô thủy đến vô chung.

Đối với bậc Thánh Arahán, là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được ***phiền não luân,*** như vậy là đã phá tan, chặt đứt được sự luân chuyển của tam luân, chỉ còn ***nghiệp luân*** quá khứ và ***quả luân.***

Khi đã bậc Thánh Arahán diệt đoạn tuyệt được ***phiền não luân,*** thì tất cả mọi tác ý *(cetanā)* do thân, khẩu, ý của Ngài ***không thuộc về nghiệp luân mới,*** những ***tác ý tâm sở*** ấy đồng sanh với ***duy tác tâm*** *(kiriyācitta),* nên không gọi là "nghiệp" để cho quả luân.

Đối với bậc Thánh Arahán, tất cả mọi thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã tạo ở quá khứ, từ vô thủy cho đến trước khi chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả đều có thể cho quả an lạc hoặc khổ não trong kiếp sống hiện tại, cho đến khi Ngũ Uẩn Niết Bàn; khi ấy tất cả mọi nghiệp cũ trở thành vô hiệu quả nghiệp *(ahosi-kamma: nghiệp không cho quả).*

Ví dụ:

Trường hợp Ngài Đại Đức Mahāmoggallāna, tiền kiếp xa xưa của Ngài đã từng đánh đập cha mẹ cho đến chết; kiếp ấy, sau khi Ngài chết, do ác trọng nghiệp giết cha mẹ của Ngài thuộc ngũ vô gián nghiệp cho quả tái sanh, bị sa đoạ vào địa ngục Avīci chịu khổ suốt thời gian lâu dài. Đến khi mãn hạn ở địa ngục rồi, khi Ngài được tái sanh làm người kiếp nào, do ác trọng nghiệp giết cha mẹ của Ngài còn dư sót, nên Ngài thường bị đánh đập đến chết. Ngay đến kiếp chót, Ngài đã trở thành bậc Thánh tối thượng Thanh Văn đại đệ tử, suất sắc nhất về thần thông trong hàng Thanh Văn đại đệ tử của Đức Phật, mà vẫn phải chịu ảnh hưởng của ác trọng nghiệp giết cha mẹ ở quá khứ còn dư sót, khiến cho bọn cướp có thể đánh đập Ngài bị tan xương nát thịt; chúng tưởng Ngài đã chết, nên bỏ đi; Ngài dùng năng lực thần thông rồi bay đến hầu Đức Phật, xin phép tịch diệt ngũ uẩn Niết bàn, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

Ngũ Uẩn Niết Bàn của Ngài Đại Đức Mahāmoggallāna như vậy, khiến cho một số Tỳ khưu bàn tán cho là việc ***"không công minh"*** *(ananurūpa),* đối với cuộc đời của bậc Thánh tối thượng Thanh Văn đại đệ tử xuất sắc nhất về thần thông.

Đức Phật giải thích cho chư Tỳ khưu hiểu rõ rằng:

"Bhikkhave Moggallāno imassa attabhāvassa ananurūpaṃ maraṇaṃ patto, pubbe pana tena katassa kammassa anurūpameva maraṇaṃ patto". [34]

(Này chư Tỳ khưu, Moggallāna tịch diệt, Ngũ Uẩn Niết Bàn, đối với kiếp hiện tại này thật không công minh; nhưng lại thật công minh đối với ác trọng nghiệp ở tiền kiếp mà Moggallāna đã tạo trong quá khứ).

Và trường hợp Ngài Đại Đức Aṅgulimāla, ngay trong kiếp hiện tại, khi còn là kẽ cướp sát nhân, Ngài đã giết hơn ngàn người, cắt đầu ngón tay làm vòng đeo cổ. Khi Đức Phật đến tế độ, Aṅgulimāla liền tỉnh ngộ, buông bỏ mọi vũ khí, đảnh lễ dưới chân Đức Phật và xin xuất gia trở thành Tỳ khưu. Đức Thế Tôn với tâm đại bi, đã cho phép Aṅgulimāla xuất gia Tỳ khưu theo cách *"Ehibhikkhūpasampadā"*, ngay khi ấy, Aṅgulimāla trở thành Bậc Tỳ khưu, đi theo sau Đức Phật trở về ngôi chùa Jetavana. Đại Đức Aṅgulimāla sau khi trở thành Tỳ khưu không lâu, tinh tấn tiến hành thiền tuệ, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng trong Phật giáo.

Buổi sáng, Đại Đức Aṅgulimāla đi vào thành Sāvatthi khất thực, những mảnh gổ, viên đá... người ta ném ra ngoài đường đều đụng đến thân thể Ngài, làm cho Ngài bể đầu chảy máu, vỡ bình bát, y rách tả tơi. Ngài trở về chùa, Đức Phật nhìn thấy khuyên dạy, an ủi rằng:

"Adhivāsehi tvaṃ Brahmaṇa!

Adhivāsehi tvaṃ Brahmaṇa!

Yassa kho tvaṃ Brahmaṇa kammassa vipākassa bahūni vassāni, bahūni vassasatāni, bahūni vassa sahassāni niraye pacceyyāsi. Tassa tvaṃ Brahmaṇa kammassa vipākaṃ diṭṭheva dhamme paṭisaṃvedesī". [35]

"Này Aṅgulimāla, Bậc phạm hạnh, con hãy nên nhẫn nại!

Này Aṅgulimāla, Bậc phạm hạnh, con hãy nên nhẫn nại!

Này Aṅgulimāla, Bậc phạm hạnh, đáng lẽ con phải chịu quả khổ của ác nghiệp suốt nhiều năm, hàng trăm năm, hàng ngàn năm trong cõi địa ngục.

Này Aṅgulimāla, Bậc phạm hạnh, thì nay con chỉ thọ quả khổ của ác nghiệp ấy, khi còn tuổi thọ trong kiếp sống hiện tại này mà thôi".

Bậc Thánh Arahán không có tạo nghiệp mới, còn tất cả mọi thiện nghiệp, mọi ác nghiệp từ vô thủy cho đến trước khi chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả; nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì bậc Thánh Arahán chịu quả của nghiệp ấy. Đến khi bậc Thánh Arahán tịch diệt Niết bàn gọi là Ngũ Uẩn Niết Bàn rồi, tất cả mọi thiện nghiệp mọi ác nghiệp đều trở thành vô hiệu quả nghiệp *(ahosikamma: nghiệp không cho quả).*

Do đó, bậc Thánh Arahán tịch diệt gọi là Ngũ Uẩn Niết Bàn rồi, không còn tái sanh kiếp sau nữa. Nghĩa là diệt ngũ uẩn này, ngũ uẩn khác không còn sanh nữa, phần sắc uẩn trở thành thi thể, làm lễ hoả táng, được kết tinh thành "Xá Lợi Thánh Arahán" để tôn thờ, còn phần 4 danh uẩn *(thọ, tưởng, hành, thức)* hoàn toàn trong sạch thanh tịnh, không bị ô nhiễm bởi phiền não, vô minh, tham ái. Cho nên khi diệt 4 danh uẩn là diệt hẵn, ví như ngọn đèn tắt.

Như trong kinh Ratanasutta Đức Phật dạy:

"Nibbanti dhīra yathāyaṃ padīpo". [36]

"Khi bậc Thánh Arahán tịch diệt, Ngũ Uẩn Niết Bàn rồi, thì đoạn tuyệt tái sanh, ví như ngọn đèn dầu cháy hết bấc (tim) tắt hẳn".

Bậc Thánh Arahán tịch diệt, Ngũ Uẩn Niết Bàn , đồng thời chấm dứt ***khổ tái sanh,*** là giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

22- Hành Thiền Tuệ Thời Kỳ Nào Là Tốt Nhất?

Vấn đề này được đặt ra, là vì có số người quan niệm rằng: *"Khi còn trẻ thì nên lo học, lo làm ăn... đến khi về già mới lo việc tu hành..."*.

Quan niệm như vậy có thích hợp hay không? Xin hãy tìm hiểu qua câu chuyện về hai người con của hai nhà phú hộ *(Mahādhana-seṭṭhiputtavatthu)* [37] trong bộ Chú giải Pháp cú.

22.1- Tích 2 người con của hai nhà phú hộ

Thuở ấy, Đức Thế Tôn đang ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, Ngài đã đề cập đến hai người con của hai nhà phú hộ, sơ lược như sau__

* Một nhà phú hộ ở trong thành Bārānasī có của cải, tài sản nhiều đến 800 triệu, chỉ có một người con trai duy nhất. Hai ông bà phú hộ bàn với nhau rằng: *"Gia đình chúng ta có nhiều tiền, nhiều của như thế này, chúng ta chỉ có một đứa con trai, sau này chúng ta sẽ giao tất cả gia tài lại cho con mình, để nó thừa hưởng sung sướng suốt cuộc đời cũng không sao hết được. Con chúng ta không cần làm việc gì cho vất vả"*.

Hai ông bà phú hộ nhất trí như vậy, nên cho đứa con trai đi học đờn ca, múa hát vui chơi, không học nghề quản lý chuyên môn nào khác.

* Một nhà phú hộ khác cùng ở trong thành Bārānasī này, cũng có của cải tài sản nhiều đến 800 triệu, cũng chỉ có một người con gái duy nhất. Hai ông bà phú hộ cùng bàn với nhau, như nhà phú hộ có người con trai, nên cho đứa con gái đi học đờn ca, múa hát vui chơi, như con trai nhà phú hộ kể trên.

Đến khi người con trai và người con gái của hai nhà phú hộ đến tuổi trưởng thành, hai bên kết làm thông gia, cho con cái họ kết hôn với nhau. Sau khi cha mẹ hai bên lần lượt qua đời, tất cả gia tài của hai nhà phú hộ gom chung lại thành 1.600 triệu. Như vậy, họ có một tài sản của cải rất lớn lao, nên gọi là *"Mahādhana",* và hai người con của hai nhà phú hộ, gọi là *"Seṭṭhiputtā"***.** Hai danh từ ghép lại nhau gọi là *"Mahādhanaseṭṭhiputtā":* nghĩa là, *hai đứa con của hai nhà phú hộ có tài sản lớn lao*.

Hai vợ chồng trẻ, con nhà phú hộ, không biết công việc làm ăn nào khác, chỉ biết đờn ca, múa hát vui chơi mà thôi. Thường ngày, hai vợ chồng đến chầu Đức vua. Bên đường đi, có một nhóm người ăn chơi, rượu chè ca hát; chúng nhìn thấy hai vợ chồng con của phú hộ thường qua lại, nên bàn tính với nhau rằng: *"Chúng ta có thể làm cách nào để cho hai vợ chồng con của phú hộ này nghiện rượu, chúng ta sẽ sống bám vào họ, và được sung sướng nhất đời"*.

Chúng bàn mưu tính kế vừa xong, khi thấy hai vợ chồng, con của phú hộ đang đi tới, bọn chúng vừa uống rượu, vừa ca hát, nhảy múa có vẻ rất vui sướng, rồi đồng thanh nói lời chúc tụng rằng:

- Chúng tôi cầu chúc hai vợ chồng con của phú hộ được sống lâu trăm tuổi, được hạnh phúc an lạc; chúng tôi nương nhờ nơi hai người, cũng sẽ được an lạc, sung sướng.

Người con trai phú hộ nghe bọn chúng chúc tụng mình có vẻ thích thú hoan hỷ lắm, mới hỏi người nô bộc đánh xe rằng:

- Này nô bộc, chúng nó uống nước gì vậy?

- Thưa cậu chủ, chúng nó uống rượu ạ.

- Rượu có vị ngon không?

- Thưa cậu chủ, trong các loại nước, rượu là loại nước có vị ngon, làm cho người ta ngây ngất.

Người con trai của phú hộ bèn nói với người nô bộc rằng:

- Nếu như vậy, thì ta cũng nên uống chơi cho biết vị của rượu.

Người con của phú hộ sai người nô bộc đến nhóm người kia lấy một chút rượu, uống thử cho biết. Về sau không lâu, uống rượu được nhiều, người con trai phú hộ đã trở thành người nghiện rượu nặng.

Nhóm người nghiện rượu kia biết người con trai của phú hộ đã nghiện rượu rồi, chúng rủ nhau đến tận nhà người con trai phú hộ để uống rượu cho có bạn. Lâu ngày, tiếng đồn càng xa, bọn chúng rủ nhau ngày đến càng đông. Người con trai của phú hộ sai gia nhân mua rượu, mỗi lần 100 đồng, rồi 200 đồng v.v.... Ngoài việc tốn tiền mua rượu, còn tốn thêm tiền mua bông hoa, nước thơm, tiền mướn đoàn vũ nữ nổi tiếng đến ca hát, nhảy múa, xong rồi còn ban thưởng, mỗi lần 1.000 đồng, 2.000 đồng v.v....

Người con trai phú hộ phung phí tiền bạc suốt ngày đêm như vậy, trải qua một thời gian lâu, của cải tài sản 800 triệu phần của mình đã hết sạch.

Người quản gia đến trình cho người con trai phú hộ biết rằng:

- Thưa cậu chủ, của cải tài sản phần của cậu đã hết sạch rồi!

Người con trai của phú hộ bèn hỏi:

- Của cải tài sản phần của phu nhân ta không còn nữa hay sao?

Người quản gia thưa rằng:

- Thưa cậu chủ, của cải tài sản phần của mợ vẫn còn ạ!

Người con trai của phú hộ ra lệnh:

- Hãy lấy của cải phần của phu nhân ta ra xài.

Người con trai của phú hộ phung phí như vậy trải qua thêm một thời gian lâu nữa, tài sản phần của người vợ cũng hết sạch. Những ngày tiếp theo sau, bán dần ruộng, vườn, xe cộ, đồ đạc trong nhà, đến cuối cùng cũng bán cả căn nhà đang ở để tiêu xài!

Đến lúc hai vợ chồng con của phú hộ tuổi già, không có nhà ở, phải dẫn nhau ra ở bên hiên nhà người khác. Hằng ngày, hai vợ chồng cầm mảnh bát đi xin những đồ ăn thừa của người ta, để sống qua ngày.

Một hôm, có ông già đứng gần cửa trai tăng đường để chờ nhận đồ ăn còn dư của chư Tỳ khưu, Sa di. Đức Thế Tôn nhìn thấy mỉm cười. Khi ấy, Đại Đức Ānanda bạch hỏi Đức Thế Tôn, nguyên nhân nào Ngài mỉm cười. Đức Thế Tôn dạy Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda, người già kia, trước đây là con của nhà phú hộ, có một tài sản lớn lao, nhưng đã tiêu xài phung phí hết sạch; sau đó lại còn bán hết tất cả ruộng, vườn, đồ đạc, nhà cửa,.... Bây giờ, không còn gì nữa, ông ta phải dẫn vợ đi xin ăn trong thành phố này.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

*- Nếu người con của phú hộ, ở **tuổi thiếu niên** không tiêu xài phung phí của cải tài sản, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành phú hộ **thứ nhất**trong thành Bārānasī này.*

*Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ ở **tuổi thiếu niên,** xuất gia trong Phật giáo, biết tiến hành thiền tuệ, thì **người chồng** có thể sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo, Arahán Thánh Quả trở thành **bậc Thánh Arahán;** còn **người vợ** có thể sẽ chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả trở thành **bậc Thánh Bất Lai.***

*Nếu người con của phú hộ, ở **tuổi trung niên,** với phần của cải tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành phú hộ **thứ nhì** trong thành Bàrànasì này.*

*Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ, ở **tuổi trung niên,** xuất gia trong Phật giáo, biết tiến hành thiền tuệ, thì **người chồng** có thể sẽ chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả, trở thành **bậc Thánh Bất Lai;** còn **người vợ** có thể sẽ chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả trở thành **bậc Thánh Nhất Lai.***

*Nếu người con của phú hộ, ở **tuổi lão niên,** với phần của cải tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành phú hộ **thứ ba** trong thành Bārānasī này.*

*Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ, ở **tuổi lão niên,** xuất gia trong Phật giáo, biết tiến hành thiền tuệ, thì **người chồng** có thể sẽ chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Quả trở thành **bậc Thánh Nhất Lai;** còn **người vợ** có thể sẽ chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả trở thành **bậc Thánh Nhập Lưu.***

Nhưng bây giờ, hai vợ chồng, con của phú hộ này, đã trải qua hết cả 3 thời rồi; của cải tài sản ở thế gian bị khánh kiệt, của báu siêu tam giới là Thánh Đạo và Thánh Quả trong Phật giáo cũng bị hủy hoại luôn, như con cò già rụng hết lông cánh, nằm thoi thóp ở vũng bùn khô".

Đức Phật dạy bài kệ rằng:

"Acaritvā brahmacariyaṃ, aladdhā yobbane dhanaṃ,
"Jiṇṇakoñcāva jhāyanti, khīṇamaccheva pallale.
"Acaritvā brahmacariyaṃ, aladdhā yobbane dhanaṃ,
"Senti cāpātikhīṇāva, purāṇāni anutthunaṃ".
"Người ngu dốt không biết hành phạm hạnh.
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Như con cò già yếu nằm than thở,
Trên vũng bùn khô, hết sạch cá tôm.
Người ngu dốt không biết hành phạm hạnh,

Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Nằm hối tiếc của cải xưa đã hết,
Như mũi tên đã rời khỏi cây cung,
Rơi xuống đất làm đồ ăn cho mối".

Qua câu chuyện dẫn chứng trên đây, hành giả có nguyện vọng ***tiến hành thiền tuệ*** để mong chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khổ sanh, già, đau, chết; chắc chắn đã ý thức được nên ***tiến hành thiền tuệ ở thời tuổi thiếu niên*** hy vọng sẽ được kết quả tốt nhất.

Dầu sự tiến hành thiền tuệ thời thiếu niên chưa chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả nào, thì âu cũng là cơ hội tốt để ***bồi bổ pháp hạnh ba la mật,*** để mong sự chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả vị lai.

Tích tiền thân của Đức Phật Gotama

Câu chuyện Thái tử Temiyan [38] là tiền thân của Đức Phật Gotama, vì sợ lên ngôi làm vua, nên Ngài đã phát nguyện 3 điều là:

1- Không bại liệt, làm như người bại liệt.

2- Không câm, làm như người câm.

3- Không điếc, làm như người điếc.

Đức Bồ Tát Temiya đã nhẫn nại chịu đựng qua bao nhiêu thử thách suốt 16 năm ròng rã. Cuối cùng đức phụ vương của Ngài nghe lời tâu của các quan trong triều, xem thái tử Temiya là ***"người xúi quẩy",*** buộc phải đem Ngài vào rừng để chôn sống.

Đức vua đành phải truyền lệnh cho các người lính đánh xe ngựa chở Đức Bồ Tát Thái tử Temiya vào rừng chôn sống. Đến nơi, để Đức Bồ Tát nằm trên xe, còn các người lính đánh xe cặm cụi đào hầm Đức Bồ Tát Temiya suy nghĩ: *"Nay đã đến cơ hội tốt, ta phải tỏ rõ cho những người lính đánh xe này biết: Ta là Thái tử Temiya, không phải là người bại liệt, không phải là người câm, cũng không phải là người điếc. Sở dĩ, ta nhẫn nại chịu đựng như vậy, là vì ta sợ làm vua. Ta chỉ muốn xuất gia làm đạo sĩ hành phạm hạnh mà thôi".*

Đức Bồ Tát Temiya suốt 16 năm ròng rã không cử động tay chân, nên Ngài phải điều hòa khí huyết, vận dụng nội lực, tạo cho thân có sức mạnh, bước xuống xe, cầm chiếc xe đưa lên cao, rồi đến hỏi các người lính đánh xe rằng:

- *Các ngươi đang làm gì vậy?*

- *Chúng tôi đang đào hầm để chôn sống thái tử Temiya, là người bại liệt, người câm, người điếc, thưa Ngài.*

Những người lính đánh xe quay lại, nhìn thấy thần lực của Đức Bồ Tát, chúng hoảng sợ thưa:

- *Ngài có phải chư thiên, Đức vua trời Sakka (Đế Thích) không?*

Đức Bồ Tát tuyên bố rằng:

- *Ta không phải chư thiên, cũng không phải Đức vua trời Sakka, Ta chính là thái tử Temiya của đức vua Kasikarājā, ta không phải là người bại liệt, không phải là người câm, cũng không phải là người điếc. Sở dĩ ta làm*

như vậy, là vì ta sợ làm vua. Ta chỉ muốn xuất gia làm đạo sĩ hành phạm hạnh mà thôi. Các ngươi đào hầm chôn sống ta, ấy là việc làm không thích đáng, không hợp pháp, không công minh!

Những người lính đánh xe nhận thấy rõ chính là thái tử Temiya, lạy xin tha tội, thỉnh Ngài trở về triều đình lên ngôi làm vua. Đức Bồ Tát Temiya từ chối, quyết định ở lại khu rừng ấy, xuất gia làm đạo sĩ; Ngài truyền dạy các người lính đánh xe trở lại triều đình tâu phụ vương và mẫu hậu rõ ý định của Ngài.

Những người lính đánh xe trở về tâu lên Đức vua và Hoàng hậu rằng:

- *Thái tử Temiya hoàn toàn không phải là người bại liệt, không phải là người câm, cũng không phải người điếc. Sự thật, thái tử Temiya là một người có sức mạnh phi thường, là bậc Đại Trí Tuệ, lời dạy của Ngài có ý nghĩa rất sâu sắc.*

Đức vua và Hoàng hậu được tin này, vô cùng hoan hỉ, liền truyền lệnh sửa soạn xe, ngựa, quân lính ngự đến khu rừng để tìm Thái tử Temiya. Khi ấy, Đức Bồ Tát Temiya đã xuất gia làm đạo sĩ. Đức vua và Hoàng hậu nhìn thấy Đức Bồ Tát gương mặt sáng suốt, sức khỏe dồi dào, giọng nói thanh tao lưu loát, lại có ý nghĩa sâu xa, là bậc Đại Trí Tuệ, bèn khuyên:

- Này hoàng nhi, bây giờ con còn trẻ trung, phụ vương truyền ngôi cho con lên làm vua. Phụ vương sẽ tuyển chọn công chúa từ các vương quốc khác thành hôn cùng với con, để sanh nhiều hoàng tử, nhiều công chúa, an hưởng hạnh phúc ở đời. Đến tuổi già, con sẽ đi xuất gia làm đạo sĩ cũng không muộn gì.

Đức Bồ Tát Temiya thưa rằng:

- Tâu phụ vương, người còn trẻ trung mới có khả năng hành phạm hạnh. Hành phạm hạnh phải là người còn trẻ trung. Các Bậc thiện trí thường tán dương, ca tụng nên xuất gia thời kỳ thiếu niên rằng:

"Người trẻ trung nên hành phạm hạnh,
Hành phạm hạnh phải còn trẻ trung.
Thật vậy, xuất gia khi còn trẻ,
Điều ấy, Chư Phật đều tán dương".
Người trẻ trung nên hành phạm hạnh,
Hành phạm hạnh phải còn trẻ trung.
Con muốn xuất gia hành phạm hạnh,
Con không muốn lên ngôi làm vua". [39]

Thật vậy, người còn trẻ trung, sức khoẻ dồi dào, sức nhẫn nại chịu đựng dẻo dai, tâm trí sáng suốt minh mẫn..., đó là điều thuận lợi cho việc tiến hành thiền tuệ.

Còn tuổi già, thì sức khoẻ yếu kém, thường hay bệnh hoạn, sức nhẫn nại chịu đựng ít, tâm trí kém sáng suốt, hay quên..., đó là điều trở ngại cho việc tiến hành thiền tuệ.

Tóm lại, khi còn trẻ trung, thời thiếu niên việc tiến hành thiền tuệ là điều thuận lợi nhất, có kết quả tốt nhất trong đời người.

23- Điều Tai Họa Cho Hành Giả Kiếp Hiện Tại

Hành giả tiến hành thiền định hoặc tiến hành thiền tuệ, nếu mắc phải một trong 5 điều tai họa, ngay trong kiếp hiện tại, hành giả không thể nào chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Năm điều tai họa *(antarāyikadhamma)* [40] :

1- Kammantarāyika: Tai họa do ác trọng nghiệp.

2- Kilesantarāyika: Tai họa do phiền não tà kiến cố định.

3- Vipākantarāyika: Tai họa do quả tái sanh.

4- Ariyūpavādantarāyika: Tai họa do chê trách bậc Thánh nhân.

5- Aṇāvītikkamantarāyika: Tai họa do phạm giới.

<u>Giải Thích:</u>

1- Điều tai họa do ác trọng nghiệp như thế nào?

– ***Ác trọng nghiệp*** *(garu akusalakamma),* chính là ***ngũ vô gián nghiệp****(pañcānantariyakamma).*

Ngũ vô gián nghiệp là 5 ác trọng nghiệp:

Tội giết cha.

Tội giết mẹ.

Tội giết bậc Thánh Arahán.

Tội làm bầm máu Đức Phật.

Tội chia rẽ Tỳ khưu Tăng.

Người nào phạm phải một trong 5 tội này, sau khi chết, do năng lực của ác trọng nghiệp này cho quả tái sanh chắc chắn phải sa vào địa ngục Avīci (A-tỳ địa ngục), chịu quả khổ trong suốt thời gian lâu dài.

Khi hành giả phạm phải một trong 5 ác trọng nghiệp này, tâm luôn luôn bị ô nhiễm, nóng nảy, không an tịnh, cho nên, dầu tinh tấn tiến hành thiền định hoặc tiến hành thiền tuệ cách nào đi nữa, chắc chắn không thể nào chứng đắc các bậc thiền, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn

ngay kiếp hiện tại được, chỉ chờ ngày chết, chắc chắn ác trọng nghiệp ấy dắt dẫn sa vào đại địa ngục Avīci.

Đó gọi là điều tai họa do ***ngũ vô gián nghiệp.***

* Trường hợp Tỳ khưu Devadatta đã làm bầm máu Đức Phật và chia rẽ Tỳ khưu Tăng, sau khi Tỳ khưu Devadata chết, do năng lực của ác trọng nghiệp cho quả tái sanh sa vào cõi đại địa ngục Avīci, chịu khổ do ác nghiệp của mình đã tạo. Nhưng Tỳ khưu Devadatta được Đức Phật thọ ký sau khi mãn hạn thời gian trả quả ác nghiệp trong địa ngục xong rồi, kiếp vị lai của Devadatta được tái sanh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Toàn Giác và giáo pháp của Ngài trên thế gian, sẽ xuất gia, tự mình tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Bậc Độc Giác Phật, có danh hiệu là ***Đức Phật Độc Giác Aṭṭhissara***.

* Trường hợp tương tự, Đức vua Ajātasattu phạm tội giết phụ vương, về sau biết ăn năn hối hận, đến hầu Đức Phật, nghe pháp, nhưng không thể chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả nào, là vì ác trọng nghiệp giết cha ngăn cản, chỉ được phát sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, hết lòng hộ trì Tam bảo. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, Đức vua Ajātasattu là người hộ độ chư Tỳ khưu Tăng kết tập tam tạng lần thứ nhất. Dầu phước thiện lớn lao như vậy, nhưng Đức vua sau khi chết, do năng lực của ác trọng nghiệp giết cha cho quả tái sanh sa vào cõi địa ngục. Tuy nhiên, Đức Phật đã thọ ký, Đức vua Ajātasattu sau khi mãn hạn ở địa ngục, được tái sanh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Toàn Giác và giáo pháp của Đức Phật trên thế gian, kiếp vị lai của Đức vua Ajātasattu sẽ xuất gia, tự mình tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Bậc Độc Giác Phật, có danh hiệu là ***Đức Phật Độc Giác Vijitāvī.***

Như vậy người nào phạm tội ngũ vô gián nghiệp, người ấy sau khi chết, do năng lực ác trọng nghiệp ấy cho quả, chắc chắn phải sa vào địa ngục.

Cho nên, ngũ vô gián nghiệp gây tai họa cho kiếp hiện tại, không thể chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, nhưng không gây tai họa cho kiếp vị lai.

Đó gọi là điều tai họa do ***ác trọng nghiệp.***

Đối với chúng sinh đã phạm tội ngũ vô gián nghiệp, sau khi mãn hạn thời gian chịu trả quả khổ ở địa ngục xong rồi, nếu có duyên lành tái sanh trở lại làm người, cố gắng tinh tấn tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, cũng

có thể chứng đắc các bậc thiền, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn. Như trường hợp Đại Đức Mahāmoggallāna, trong tiền kiếp quá khứ, Ngài đã từng đánh đập cha mẹ của Ngài đến chết; kiếp ấy phạm tội giết cha, giết mẹ nên Ngài đã từng sa vào địa ngục Avīci. Trong kiếp hiện tại, xuất gia Tỳ khưu, tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, Ngài đã chứng đắc các bậc thiền, chứng đắc lục thông, 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Ngài trở thành bậc Thánh Arahán, là bậc Thánh tối thượng Thanh Văn, có thần thông xuất sắc nhất trong hàng Thanh Văn Đại đệ tử của Đức Phật Gotama.

2- Điều tai họa do phiền não tà kiến cố định như thế nào?

Phiền não tà kiến cố định *(niyatamicchādiṭṭhiko)* có 3 loại là:

– Vô quả tà kiến *(natthikadiṭṭhi).*

– Vô nhân tà kiến *(ahetukadiṭṭhi).*

– Vô hành tà kiến *(akiriyādiṭṭhi).*

Vô quả tà kiến: nghĩa là tà kiến thấy sai, chấp lầm cho rằng: không có quả của thiện nghiệp, ác nghiệp. Người có tác ý làm thiện hoặc làm ác, đều không có quả an lạc hoặc quả khổ. Tà kiến này còn gọi là ***đoạn kiến*** *(ucchedadiṭṭhi).*

Người có ***vô quả tà kiến*** này là người phủ nhận ***quả*** của thiện nghiệp, ác nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận ***nhân*** thiện nghiệp, ác nghiệp.

Vô nhân tà kiến: nghĩa là tà kiến thấy sai chấp lầm cho rằng: chúng sinh đang chịu cảnh khổ hoặc đang hưởng sự an lạc là đều tự nhiên, không phải do từ nhân nào, duyên nào, không do từ thiện nghiệp, ác nghiệp nào.

Người có ***vô nhân tà kiến*** này là người phủ nhận ***nhân*** là thiện nghiệp, ác nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả*** của thiện nghiệp, ác nghiệp.

Vô hành tà kiến: nghĩa là tà kiến thấy sai, chấp lầm: mọi hành động xấu do thân, khẩu, ý, không tạo thành ác nghiệp. Ngược lại, mọi hành động tốt do thân, khẩu, ý, cũng không tạo nên thiện nghiệp. Ví như, tự mình sát sanh, hay sai khiến người khác sát sanh; tự mình trộm cắp, hay sai khiến người khác trộm cắp... đều không tạo nên ác nghiệp. Tự mình bố thí, hay khuyên người khác bố thí; tự mình giữ giới, hay khuyên người khác giữ giới... cũng không tạo nên thiện nghiệp. Làm tội không có tội, làm phước cũng không có phước.

Người có ***vô hành tà kiến*** này là người phủ nhận mọi hành động thiện do thân, khẩu, ý, mọi hành động ác do thân, khẩu, ý. Nghĩa là phủ nhận nhân thiện nghiệp, ác nghiệp và phủ nhận quả của thiện nghiệp, ác nghiệp.

Người nào có phiền não tà kiến cố định, người ấy sau khi chết, do năng lực ác nghiệp tà kiến cố định cho quả tái sanh, chắc chắn sa vào địa ngục *Lokantarika**:** địa ngục tối tăm,* nơi giáp ranh 3 thế giới, khó thoát ra khỏi địa ngục này.

Như vậy, chúng sinh có ***phiền não tà kiến cố định,*** có tội nặng hơn là chúng sinh phạm ***ngũ vô gián nghiệp.*** Vì tội ngũ vô gián nghiệp có thời gian mãn hạn quả của ác trọng nghiệp, được thoát khỏi địa ngục; còn như chúng sinh có phiền não tà kiến cố định không có thời gian mãn hạn ở địa ngục Lokantarika.

Do đó, nếu người nào có phiền não tà kiến cố định, ngay kiếp hiện tại, không bao giờ nghĩ đến việc tiến hành thiền định hoặc tiến hành thiền tuệ và kiếp vị lai càng tối tăm hơn nữa.

Đó gọi là điều tai họa do ***phiền não tà kiến cố định.***

3- Điều tai họa do quả tái sanh như thế nào?

Sự hiện hữu của tất cả chúng sinh đều bắt đầu từ tâm quả tái sanh *(paṭisandhicitta).*

- Nếu tâm quả thiện vô nhân hợp với xả *(upekkhā santīraṇa-kusalavipākacitta)* làm phận sự tái sanh ***hạng người vô nhân*** *(ahetukapuggala).* Hạng người vô nhân, là người không có nhân: vô tham, vô sân, vô si trong quả tâm tái sanh, bởi vì thiện nghiệp có năng lực quá yếu.

Đối với hạng người vô nhân này, không có khả năng hiểu biết phương pháp tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

- Nếu dục giới đại quả tâm không hợp với trí *(mahāvipāka-ñāṇavippayuttacitta)* làm phận sự tái sanh ***hạng người nhị nhân*** *(dvihetukapuggala).* Hạng người nhị nhân là người có 2 nhân ***vô tham, vô sân,*** không có ***vô si*** (trí) trong quả tâm tái sanh, bởi vì thiện nghiệp không hợp với trí và có năng lực kém.

Đối với hạng người nhị nhân, không dễ gì hiểu được phương pháp tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

Đó gọi là điều tai họa do ***quả tái sanh.***

Hạng người nhị nhân, nếu được bậc Thiện trí dạy bảo, hướng dẫn làm phước bố thí, giữ giới, học hỏi..., kiếp sau cũng có thể tái sanh trở thành ***người tam nhân:*** vô tham, vô sân, vô si (trí), có thể hiểu rõ phương pháp tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

4- Điều tai họa do chê trách bậc Thánh nhân như thế nào?

Bậc Thánh nhân là bậc có giới đức thanh tịnh, có trí tuệ sáng suốt, có pháp cao thượng; là bậc đáng lễ bái cúng dường, đáng tán dương ca tụng, nên có đức tin trong sạch nơi bậc Thánh nhân. Nhưng người si mê không biết, phạm phải lỗi lầm chê trách, nói xấu đến bậc Thánh nhân ấy, là đã phạm phải tội lỗi lớn, có thể làm ngăn cản con đường tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là việc tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

Dầu người ấy có sự tinh tấn tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ thế nào đi nữa, cũng không thể chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, trong kiếp hiện tại.

Nếu người ấy không biết ăn năn sám hối, sau khi chết, do năng lực ác nghiệp ấy cho quả tái sanh kiếp sau, có thể sa vào 4 đường ác: địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh.

Đó gọi là điều tai họa do ***chê trách bậc Thánh nhân.***

Nhưng một khi người ấy biết ăn năn, đến xin sám hối với bậc Thánh nhân, khi Ngài còn hiện tiền; nếu Ngài đã tịch diệt rồi, thì người ấy đến sám hối tội lỗi nơi chỗ Ngài tịch diệt Niết Bàn hoặc Xá Lợi của Ngài.

Sau khi thành tâm sám hối tội lỗi xong rồi, điều tai họa do chê trách bậc Thánh nhân không còn ngăn cản nữa, người ấy tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ có thể chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn ngay trong kiếp hiện tại này, nếu người ấy có đầy đủ ba la mật; như trường hợp Đại Đức Soreyya.

Tích Đại Đức Soreyya [41] tóm lược như sau__

Đại Đức Soreyya, khi còn tại gia là công tử Soreyya, con trai của một phú hộ trong kinh thành Soreyya, có vợ và 2 người con.

Một hôm công tử Soreyya cùng với bạn bè đi tắm, gặp Đại Đức Mahākaccayana đi vào thành Soreyya để khất thực. Nhìn thấy Đại Đức Mahākaccayana có sắc thân xinh đẹp, làn da màu vàng, công tử Soreyya phát sanh ý nghĩ sai quấy rằng:

- *Aho vata ayaṃ vā thero mama bhariyā bhaveyya, mama vā bhariyāya sarīravaṇṇo etassa sarīravaṇṇo viya bhaveyya.*

- *Nếu vị Đại Đức kia như là vợ của ta, hay vợ của ta có sắc thân xinh đẹp như sắc thân của Đại Đức này, thì tuyệt vời biết dường nào!*

Do ý nghĩ sai quấy vừa chấm dứt, ngay tức thì, công tử Soreyya trở thành một cô gái. Soreyya cảm thấy quá hổ thẹn với bạn bè, nên cô trốn sang kinh thành Takkasilā, kết hôn với người con trai của phú hộ ở đây, sanh được 2 người con.

Một hôm, cô Soreyya gặp người bạn cũ từ kinh thành Soreyya đến, cô hỏi thăm về gia đình cha mẹ và 2 người con, khi còn là công tử Soreyya. Nghe câu chuyện thật xảy ra cho cô Soreyya; mọi người vô cùng ngạc nhiên bèn hướng dẫn cô nên sám hối với Đại Đức Mahākaccayana. Người bạn thân của cô Soreyya thỉnh Đại Đức đến nhà cô Soreyya làm phước bố thí. Sau khi làm phước xong, người bạn gọi cô Soreyya đến ngồi cúi đầu dưới chân Ngài, rồi thưa rằng:

- Kính bạch Đại Đức, xin Ngài tha lỗi cho người bạn gái của con.

Đại Đức Mahākaccayana ngạc nhiên hỏi:

- Cô ấy có lỗi gì?

Người bạn bạch:

- Kính bạch Đại Đức, cô gái này trước đây là bạn trai thân thiết của con, khi gặp Ngài đi khất thực, có ý nghĩ sai quấy về Ngài, nên nam tính biến mất đi, thay bằng nữ tính cho đến ngày nay. Vậy xin Đại Đức từ bi tha lỗi cho cô ấy.

Đại Đức Mahākaccayana với tâm bi mẫn dạy rằng:

- Nếu vậy, cô hãy ngồi dậy, bần tăng đã tha lỗi cho cô rồi!

Khi Đại Đức vừa dứt lời ***"bần tăng đã tha lỗi cho cô rồi!",*** ngay tức thì, cô Soreyya nữ tính biến mất, hiện trở lại nam tính như xưa.

Công tử Soreyya bèn giao 2 người con lại cho con trai của phú hộ kinh thành Takkasilà, xin phép xuất gia Tỳ khưu. Không lâu sau, Tỳ khưu Soreyya tinh tấn tiến hành thiền tuệ, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán cùng với tứ tuệ phân tích. Hết tuổi thọ, Ngài tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sanh luân hồi trong tam giới.

Như vậy, điều tai họa do chê trách bậc Thánh nhân có thể cứu chữa được bằng cách sám hối tội lỗi của mình:

- Nếu người nào phạm tội lỗi với bậc Thánh nhân nào, thì người ấy phải xin sám hối với bậc Thánh nhân ấy.

- Nếu phạm tội lỗi đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, thì nên sám hối với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng....

Đó là cách sửa chữa tội lỗi của mình, tránh khỏi tai họa, được tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là việc tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

5- Điều tai họa do phạm giới như thế nào?

Giới là nền tảng, là nơi nương nhờ để phát sanh thiền định và trí tuệ thiền tuệ, cũng ví như đất là nơi nương nhờ để cho các loài cây cối phát sanh và tăng trưởng.

Giới có nhiều loại tùy theo mỗi hạng người.

1- **Đối với người tại gia:** là cận sự nam, cận sự nữ có ngũ giới và bát giới.

Nếu là hành giả tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ cần phải có 8 giới làm nền tảng của ***pháp hành phạm hạnh*** *(ādibrahmacariya-sīla),* đó là:

1- Tránh xa sự sát sanh.

2- Tránh xa sự trộm cắp.

3- Tránh xa sự tà dâm.

4- Tránh xa lời nói dối.

5- Tránh xa lời nói chia rẽ.

6- Tránh xa lời nói chửi rủa mắng nhiếc.

7- Tránh xa lời nói vô ích.

8- Tránh xa cách sống tà mạng, phải sống chánh mạng.

8 giới này thuộc về phần giới trong Bát chánh đạo.

Khi hành giả là người cận sự nam, cận sự nữ đã biết mình phạm giới nào rồi, cần phải biết làm cho giới trở nên trong sạch, bằng cách có tác ý thiện tâm trong sạch, xin thọ trì giới trở lại.

Thọ trì giới bằng nhiều cách.

– Xin thọ giới với một vị Đại Đức, một vị thiền sư.

– Xin thọ giới trước bàn thờ Phật.

– Cách đơn giản nhất là có tác ý tự nguyện xin thọ giới trở lại.

Đó là những cách làm cho giới trở nên trong sạch trở lại đối với người tại gia nói chung, hành giả là người cận sự nam, cận sự nữ nói riêng.

2- **Đối với Bậc xuất gia.**

a/ ***Đối với vị Sa di:*** có 10 giới Sa di, 10 pháp hoại Sa di, 10 pháp hành phạt, 75 điều học và 14 pháp hành.... Nếu Sa di phạm phải giới nào, pháp nào, thì cần phải làm cho giới ấy trở nên trong sạch tùy theo giới, pháp đã phạm ấy.

b/ ***Đối với vị Tỳ khưu:*** Có 227 giới Tỳ khưu trong *Bhikkhupāti-mokkha****.*** Nếu kể đầy đủ theo luật tạng thì gồm có 91.805.036.000 giới.

Tất cả Tỳ khưu giới chia ra làm 7 loại:

1- Pārājika āpatti: Phạm giới Pārājika.

2- Sanghādisesa āpatti: Phạm giới Sanghādisesa.

3- Thullaccaya āpatti: Phạm giới Thullaccaya.

4- Pācittiya āpatti: Phạm giới Pācittiya.

5- Pāṭidesanīya āpatti: Phạm giới Pāṭidesanīya.

6- Dukkata āpatti: Phạm giới Dukkata (tác ác).

7- Dubbhāsita āpatti: Phạm giới Dubbhāsita (ác khẩu).

Tỳ khưu phạm giới nào, thì cần phải làm cho giới ấy trở nên trong sạch đúng theo luật của Đức Phật ban hành.

Nếu hành giả là Tỳ khưu, Sa di, cận sự nam, cận sự nữ đã phạm phải giới nào rồi, làm cho thân, khẩu không còn trong sạch, làm ngăn cản sự phát triển mọi thiện pháp, nhất là sự tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ.

Đó gọi là điều tai họa do ***phạm giới.***

Điều tai họa do phạm giới

Trong bộ *Maṅgalatthadīpanī***,** phần *Vinayakathā* có dạy:

- *"Āpannā āpattiyo'ti. Sañcicca vītikkantā satta āpattik-khandhā, sañcicca vītikkantañhi antamaso dukkaṭa dubbhāsitampi sagga-magga-phalānaṃ antarāyaṃ karoti".*

- *"Tỳ khưu đã phạm giới, nghĩa là Tỳ khưu có tác ý phạm trong 7 nhóm àpatti. Sự thật, dầu tác ý phạm giới nhẹ như dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti cũng làm tai hại, cản trở sự tái sanh cõi trời và sự chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả".*

Đức Phật dạy rằng:

- *"Sāpattikassa bhikkhave nirayaṃ vā vadāmi tiracchāna-yoniṃ vā'ti sāpattikassa apāyagamitā vuccati".* [42]

- *"Này chư Tỳ khưu, Như Lai dạy rằng: đối với Tỳ khưu phạm giới sẽ sa vào địa ngục hoặc súc sanh. Tỳ khưu phạm giới chỉ có sa vào ác đạo mà thôi".*

Tóm lại, trong 5 điều tai họa của hành giả ở kiếp hiện tại, có 3 điều tai họa không thể cứu chữa:

– Tai họa do ác trọng nghiệp.

– Tai họa do phiền não tà kiến cố định.

– Tai họa do quả tái sanh.

Người nào phạm phải một trong 3 điều tai họa này, trong kiếp hiện tại không thể nào chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Và 2 điều tai họa có thể cứu chữa:

– Tai họa do chê trách bậc Thánh nhân.

– Tai họa do phạm giới.

Hai điều tai họa này, sau khi làm lễ sám hối, ngay trong kiếp hiện tại, nếu hành giả là hạng người tam nhân *(tihetukapuggala),* khi tái sanh tâm hợp đủ 3 nhân vô tham, vô sân, vô si (trí), có đầy đủ ba la mật từ nhiều đời, nhiều kiếp ở quá khứ hỗ trợ; thì người ấy có thể tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, có khả năng chứng đắc thiền định, thần thông, Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo trí tuệ ba la mật của mình.

-ooOoo-

ĐOẠN KẾT

Tập sách nhỏ ***"TÌM HIỂU PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ"*** này là một phần trong tập sách ***"Tinh Hoa Phật giáo",*** mà bần sư đã biên soạn trải qua nhiều năm, khi còn ở tại Thái Lan, với mục đích ghi chép lại những điều đã học hỏi, nghiên cứu từ *Piṭaka, Aṭṭhakathā, Ṭikā...* và gom nhặt những kinh nghiệm của chư vị Thiền Sư, các hành giả tiến hành thiền tuệ.

Nay, do sự yêu cầu của một số bạn thân nên bần sư trích ra một phần nói về pháp hành thiền tuệ, đặt tên ***"Tìm Hiểu Pháp Hành Thiền Tuệ",*** để giúp cho độc giả có ý muốn nghiên cứu, tìm hiểu về pháp hành thiền tuệ làm tài liệu tham khảo.

Nhan đề danh từ ***"tìm hiểu"*** trong tập sách này, bần sư có dụng ý chỉ muốn cho độc giả tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi một phần nào về pháp hành thiền tuệ mà thôi, chứ hoàn toàn không có ý muốn để độc giả xem tập sách này rồi thực hành theo sách.

Bởi vì, bần sư hiểu rõ rằng: ***"chẳng có ai học môn bơi lội ở trên bờ, mà trở thành vận động viên xuất sắc...".*** Sự thật, người muốn học môn bơi lội, cần phải có huấn luyện viên tài giỏi chỉ dạy ở dưới nước. Cũng như vậy, hành giả muốn tiến hành thiền tuệ cũng cần phải có Vị Thiền Sư thông thạo về pháp học, đầy đủ kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ, trực tiếp hướng dẫn, chỉ dạy từng giai đoạn, từ thấp đến cao, từ dễ đến khó.... Điều chắc chắn là không thể nào xem sách rồi, hành theo sách mà đúng theo pháp hành thiền tuệ được, vì trong sách không thể nào diễn tả được sự thật thực tánh của các pháp.

Tục ngữ ta có câu: ***"không thầy đố mày làm nên".*** Đúng như vậy, về pháp hành nói chung, pháp hành thiền tuệ nói riêng, nếu không có thầy hoặc vị Thiền Sư có tài có đức, đầy đủ kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ hướng

dẫn, chỉ dạy, thì chắc chắn hành giả không thể nào hành đúng theo pháp hành thiền tuệ.

Như trường hợp Ngài Đại Đức Sāriputta, là bậc có trí tuệ xuất chúng, nhưng khi còn là đạo sĩ ở nhóm ngoại đạo của vị Đạo Sư Sañcaya, Ngài đã không chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả nào. Đến khi Ngài gặp Đại Đức Assaji đang trên đường đi vào thành Rājagaha để khất thực, Ngài đến hộ độ Đại Đức Assaji độ vật thực xong, xin Đại Đức Assaji thuyết pháp bằng bài kệ vắn tắt rằng:

"Ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha.
Tesañca yo nirodho, Evaṃ vādī mahāsamaṇo". [43]
Những pháp nào phát sanh do từ nhân,
Đức Như Lai dạy nhân sanh pháp ấy.
Và dạy Niết Bàn diệt các pháp ấy.
Bậc Đại Sa môn thường thuyết như vậy.

Trong bài kệ có 4 câu này, khi Ngài Sāriputta lắng nghe 2 câu đầu, liền chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu ngay khi ấy.

Như vậy, vai trò thầy, Vị Thiền Sư rất quan trọng không thể thiếu được đối với hành giả tiến hành thiền tuệ.

Trong kinh *Upaṇṇhasutta* [44] Đại Đức Ānanda bạch với Đức Phật rằng:

- *"Upaṇṇhamidaṃ Bhante brahmacariyaṃ yadidaṃ kalyāṇamittatā kalyāṇasahāyatā kalyāṇasampavankatā".*

- *"Kính bạch Đức Thế Tôn, người có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết giúp đỡ, hỗ trợ được một nửa phạm hạnh".*

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- *"Mā hevaṃ Ānanda! Mā hevaṃ Ānanda!*

Sakalamevidaṃ Ānanda, brahmacariyaṃ, yadidaṃ kalyāṇamittatā kalyāṇasahāyatā kalyāṇasampavankatā.

Kalyāṇamittassetaṃ Ānanda, bhikkhuno pāṭikaṅkhaṃ kalyāṇasahāyassa kalyāṇasampavankassa, ariyaṃ aṭṭhangikaṃ maggaṃ bhāvessati, ariyaṃ aṭṭhangikaṃ maggaṃ bahulīkarissati...".

"Này Ānanda, con chớ có nên nói như vậy!

Này Ānanda, con chớ có nên nói như vậy!

Này Ānanda, người có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết giúp đỡ, hỗ trợ hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh.

Này Ānanda, đối với Tỳ khưu hành giả có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết mới có hy vọng sẽ tiến hành Bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh, phát triển Bát Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh...".

Qua đoạn kinh trên, Đại Đức Ānanda có quan niệm cho là bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết giúp đỡ, hỗ trợ một nữa phạm hạnh, còn một nữa phạm hạnh là do chính mình cộng lại để hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh, để chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Nhưng Đức Phật xem quan niệm của Đại Đức Ānanda là không đúng sự thật.

Sự thật, chúng sinh chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khỏi khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ tử đều do nương nhờ nơi Đức Phật mà có.

Điều này, Đức Phật khẳng định với Đại Đức Ānanda rằng:

"Mamaṃ hi Ānanda, kalyāṇamittaṃ āgamma jātidhammā sattā, jātiyā parimuccanti...".

"Này Ānanda, người có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết giúp đỡ, hỗ trợ hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh, điều này nên hiểu rằng: Chúng sinh có sự sanh là thường, do nương nhờ ở Như Lai là bạn lành, nên mới giải thoát khỏi sự sanh được. Chúng sinh có sự già là thường, do nương nhờ ở Như Lai là bạn lành, nên mới giải thoát khỏi sự già được. Chúng sinh có sự chết là thường, do nương nhờ ở Như Lai là bạn lành, nên mới giải thoát khỏi sự chết được...".

Này Ānanda, người có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết giúp đỡ, hỗ trợ hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh là như vậy".

Cho nên Đức Phật là người bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết của chúng sinh không một ai sánh được.

Thông thường những người Bà la môn, ngoại đạo... sau khi nghe pháp của Đức Phật xong, đều có chung một ý nghĩ giống nhau rằng:

Abhikkantaṃ Bho Gotama!

Abhikkantaṃ Bho Gotama!

Kính bạch Đức Gotama, con thật vô cùng hoan hỷ!

Kính bạch Đức Gotama, con thật vô cùng hoan hỷ!

Đức Gotama thuyết pháp bằng nhiều phương pháp khác nhau, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy; hoặc mở ra vật bị đóng chặt; hoặc chỉ đường cho người đang đi lạc đường; hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối, để cho người có đôi mát sáng được thấy rõ tất cả mọi vật hiện hữu.

Con nguyện hết lòng thành kính xin quy y, nương nhờ nơi Đức Gotama, Đức Pháp và Đức Tăng.

Kính xin Đức Gotama chấp thuận con là người cận sự nam đã quy y Tam Bảo kể từ nay cho đến trọn đời".

Trong bộ ***Thanh Tịnh Đạo*** hướng dẫn, những Bậc gọi là *Kalyāṇamitta: bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết* chỉ mong cho chúng sinh giải thoát khổ sanh, lão, bệnh, tử. Bậc ấy chính là Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn rồi, thì có 80 bậc Thánh Thanh Văn đại đệ tử của Đức Phật, là những bậc Kalyāṇamitta.

Theo tuần tự, các bậc Thánh Arahán, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Nhập Lưu đều là những bậc Kalyāṇamitta.

Những bậc phàm nhân có giới đức thanh tịnh, thông thuộc tam tạng, nhị tạng, nhất tạng theo tuần tự, đều là những Bậc Kalyāṇamitta.

Ngoài ra, các bậc có giới đức trong sạch, thông thạo về pháp học, đầy kinh nghiệm về pháp hành thiền tuệ, có 7 đức tính của bậc Kalyāṇamitta.

"Piyo garu bhāvanīyo, vattā ca vacanakkhano.

Gambhīrañca kathaṃ kattā, no caṭṭhāne niyojako". [45]

7 đức tính của bậc Kalyāṇamitta

1- Piyo: là bậc đáng kính yêu.

2- Garu: là bậc đáng kính trọng, tôn kính.

3- Bhāvanīyo: là bậc đáng tán dương ca tụng về giới, định, tuệ.

4- Vattā: là bậc có khả năng khuyên dạy tế độ người khác phát sanh đức tin trong sạch rồi hành theo.

5- Vacanakkhano: là bậc có đức nhẫn nại về lời nói của người khác.

6- Gambhīraṃ kathaṃ kattā: là bậc có khả năng thuyết giảng pháp cao siêu sâu sắc về danh pháp, sắc pháp, Tứ thánh đế.

7- Aṭṭhāne no niyojako: là bậc không bao giờ hướng dẫn pháp hành sai lầm.

Bậc *Kalyāṇamitta***:** *bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết* có 7 đức tính tốt như vậy.

Và bộ khác nói về bậc Kalyāṇamitta có 7 đức tính tốt như sau:

1- Sīla: là bậc có giới đức trong sạch.

2- Samādhi: là bậc có định vững chắc, không lay động.

3- Paññā: là bậc có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh các pháp, chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế....

4- Dhammadāna: là bậc có khả năng thuyết giảng danh pháp, sắc pháp Tứ thánh đế.

5- Peyyavācā: là bậc có lời dạy đáng kính yêu.

6- Atthacariyā: là bâïc có khả năng ban bố thực hành đem lại sự lợi ích, sự an lạc cho mọi người.

7- Samānatthatā: là bậc có khả năng làm phát sanh sự lợi ích đến cho mọi người cũng như mình.

Đó là 7 đức tính của bậc Kalyāṇamitta: *bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết.*

Bậc *Kalyāṇamitta: bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết* không những rất cần thiết cho hành giả tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, mà còn rất cần thiết cho mọi người trong cuộc sống ở đời.

Người nào có bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết người ấy chắc chắn sẽ thành công hoàn toàn tốt đẹp trong cuộc đời. Ngược lại, người nào có bạn ác, bạn xấu, bạn ích kỷ người ấy sẽ thất bại hoàn toàn trong cuộc đời.

Chú thích:

[34] Dhammapadaṭṭhakathā, Moggallānattheravatthu.

[35] Majjhimanikāya, Majjhimapannāsa, kinh Aṅgulimālasutta.

[36] Khud. Khudakapathā, kinh Ratanasutta.

[37] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, phần Jarāvagga, tích Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu.

[38] Bộ Jātaka, phần Mahānipāta, chuyện Temiyajātaka.

[39] *"Yuvā care brahmacariyaṃ, brahmacārī yuvā siyā.*
Daharassa hi pabbajjā, etaṃ isīhi vaṇṇitaṃ".
"Yuvā care brahmacariyaṃ, brahmacārī yuvā siyā.
Brahmacariyaṃ carissāmi, nāhaṃ rajjena matthiko".
(Temiyajātaka hay Mūgapakkhajātaka).

[40] Vinayapiṭaka, bộ Pācittiya, Ariṭṭhasikkhāpadavaṇṇanā v.v...

[41] Bộ Chú giải Dhammapada, phần Cittavagga, chuyện Soreyyattheravatthu.

[42] Bộ Maṅgalatthadīpanī, phần Vinayakathā.

[43] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga.

[44] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Upaḍḍhasutta.

[45] Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānadāyakavaṇṇanā , và Aṅguttara-nikāya,Kalyāṇamittasutta.

-ooOoo-

LỜI PHÁT NGUYỆN

Do thiện pháp biên soạn tập sách ***"TÌM HIỂU PHÁP HÀNH THIỀN TUỆ"*** của bần sư, cùng với thiện pháp nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi của độc giả về pháp hành thiền tuệ này, và do nhờ oai lực của Tam Bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, hộ trì cho tất cả chúng con thân tâm thường được an lạc, tiến hóa trong mọi thiện pháp, nhất là thiện pháp tiến hành pháp hành thiền tuệ, để tạo duyên lành mau chóng chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, giải thoát khỏi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Nếu chúng con chưa chứng ngộ được chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn, thì do phước thiện thanh cao này, tái sanh bất cứ kiếp nào, chúng con sẽ là người có chánh kiến, gặp được bạn lành, bạn tốt, bạn thân thiết khuyên dạy, nhắc nhở chúng con, thường có được đức tin trong sạch, có trí tuệ sáng suốt, tinh tấn trong mọi thiện pháp, tạo duyên lành trên con đường giải thoát khỏi cảnh khổ tử sanh luân hồi trong tam giới.

Nigamanakathā

– Yo ca Buddhañca Dhammañca, saṅghañca saraṇaṃ gato,
Cattāri ariyasaccāni, sammappaññāya passati.
– Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, dukkhassa ca atikkamaṃ,
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ, dukkhūpasamagāminaṃ.
– Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, etaṃ saraṇamuttamaṃ,
Etaṃ saraṇamāgamma, sabbadukkhā pamuccati. [*]
– Bậc Thánh nhân nào đã đến quy y,
Nương nhờ Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng,
Bằng trí tuệ thiền tuệ siêu tam giới.
Chứng ngộ được chân lý Tứ thánh đế.
– Khổ thánh đế, Nhân sanh Khổ thánh đế
Niết Bàn là pháp diệt Khổ thánh đế,
Bằng Thánh Đạo hợp trọn đủ 8 chánh,
Chứng ngộ Niết Bàn, diệt Khổ thánh đế.
– Bậc Thánh nhân ấy quy y Tam bảo,
Nương nhờ nơi an toàn, cao thượng nhất,

Đã đạt đến nơi nương nhờ chân chính,
Giải thoát khỏi mọi cảnh khổ luân hồi.
[*] Dhammapadagāthā, phần Buddhavagga, kệ 190, 191, 192.

PATTHANĀ

Iminā puññakammena, bhāvāma sabbadā sukhī,
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumangalā.
Vuṇṇhiṃ virūḷhiṃ vepullaṃ, imasmiṃ Buddhasāsane,
Pappontu Vietnamraṭṭhikā, patthayāmi nirantaraṃ.
Do nhờ phước thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an lạc
Cầu mong chánh pháp được thường tồn
Tất cả chúng sinh được hạnh phúc.
Tổ quốc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa, hưng thịnh trong Phật giáo,
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Ngày đêm đêm ngày không ngưng nghĩ.
"Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ".
Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên thế gian,
Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

-ooOoo-

- Biên soạn xong tại Thiền viện Omnói, Thái Lan, vào ngày rằm tháng chín, Phật lịch 2540. (Kỷ niệm mùa nhập hạ lần thứ 30) .

- Và được Rakkhitasīla Antevāsika hoàn thành bản thảo tái bản lần thứ nhất, tại núi rừng Viên Không, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu, vào ngày rằm tháng sáu, Phật lịch 2.546, (Kỷ niệm mùa nhập hạ lần thứ 36).

PHẦN PHỤ LỤC: NGỮ VỰNG

VIỆT VĂN:

Thiền định *(samatha):* Định tâm trong một đối tượng của thiền định.

Thiền tuệ *(vipassanā):* Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của danh pháp sắc pháp, hoặc trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã....

Tứ thánh đế *(ariyasacca):* 4 sự thật chân lý mà chư Thánh nhân đã chứng ngộ.

Khổ thánh đế *(dukkha* Ngũ uẩn chấp thủ là khổ, là sự thật chân lý mà bậc *ariyasacca):*Thánh nhân đã chứng ngộ.

Nhân sanh khổ thánh đế Tham ái là nhân sanh khổ thánh đế, là sự thật chân*(dukkhasamudaya* lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ. *ariyasacca):*

Diệt khổ thánh đế Niết Bàn là pháp diệt khổ thánh đế, là sự thật chân *(dukkhanirodha* lý mà bậc Thánh nhân đã chứng ngộ. *ariyasacca):*

Pháp hành chứng ngộ Niết Bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh là pháp hành chứng ***Bàn, diệt khổ thánh đế*** ngộ Niết Bàn, diệt khổ thánh đế mà bậc Thánh nhân *(dukkhaninodhagāminī-* đã chứng ngộ. *paṭipadā ariyasacca):*

Tứ niệm xứ *(satipaṭṭhāna):* Là chánh niệm có 4 pháp: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

Phàm nhân *(putthujjana):* Người thường, vẫn còn nguyên mọi tham ái 108 loại, mọi phiền não 1.500 loại, mọi ác pháp chưa diệt đoạn tuyệt được.

Thánh nhân Bậc đã diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, ác *(ariyapuggala):* pháp tùy theo khả năng của mỗi bậc Thánh nhân.

Bậc Thánh Nhập Lưu Là bậc Thánh đã nhập vào dòng thánh theo một *(Sotāpanna):* chiều đến bậc Thánh Arahán.

Bậc Thánh Nhất Lai Bậc Thánh này chỉ còn tái sanh 1 kiếp nữa: kiếp người *(Sakadāgāmī):*hoặc kiếp chư thiên ở cõi trời dục giới, sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán trong kiếp ấy.

Bậc Thánh Bất Lai Bậc Thánh này không tái sanh trở lại cõi dục giới, *(Anāgāmī):* chỉ tái sanh cõi sắc giới, sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán ở cõi sắc giới ấy.

Bậc Thánh Arahán Bậc Thánh này, kiếp này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết *(Arahanta):* Bàn, không còn tái sanh kiếp nào nữa, chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

Niết Bàn *(Nibbāna):* Thuộc pháp vô vi không có sanh, không có diệt, còn tất cả các pháp hữu vi có sanh, có diệt.

Đức Chánh Đẳng Giác Tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4*(Sammāsambuddha):* Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn đầu tiên, độc nhất vô nhị.

Đức Phật *(Buddha):* Tự mình chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, Niết Bàn đầu tiên, và giáo huấn chúng sinh cùng

chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả, Niết Bàn.

Đức Độc Giác Phật Tự mình giác ngộ chân lý Tứ thánh đế, mà không giáo*(Paccekabuddha):* huấn chúng sinh cùng giác ngộ.

Thanh Văn Giác Tự mình không thể giác ngộ, nhưng nhờ nghe Đức Phật, *(Sāvaka):* hoặc đệ tử của Đức Phật mới có thể giác ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

Đức Bồ Tát Người có trí tuệ đang tạo pháp hạnh ba la mật để *(Bodhisatta):* mong chứng đạt đến mục đích cao cả theo nguyện vọng của mình.

Tái sanh Đó là quả tâm làm phận sự tái sanh. *(paṭisandhicitta):*

Đản sanh *(pasūti):* Đức Bồ Tát sanh ra đời.

Thập nhị duyên sanh 12 pháp nhân quả liên hoàn với nhau từng đôi, từng cặp*(paṭiccasamuppāda):* do duyên; mỗi quả của nhân này, rồi là nhân cho quả kia sanh, liên tục từ đời này sang đời khác trong vòng tử sanh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Thập nhị nhân diệt: 12 pháp nhân, mỗi pháp nhân có liên quan trực tiếp của mỗi pháp quả, liên hoàn với nhau từng đôi, từng cặp. Khi diệt pháp nhân này, đồng thời diệt pháp quả kia. Cuối cùng diệt tái sanh, nên diệt lão tử; chấm dứt tử sanh luân hồi trong tam giới.

Thần thông: Pháp mầu nhiệm phát sanh nhờ năng lực của thiền định bậc cao.

Pháp hành Trung đạo Là pháp hành không thiên về 2 biên kiến, là pháp hành diệt tâm tham và tâm sân đồng thời diệt tâm si. Pháp hành Trung đạo đó là Bát chánh đạo, bắt đầu tiến hành từ chánh niệm: niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

Thực tánh pháp Là pháp có tánh thật riêng của mỗi pháp và có tánh *(sabhāvadhamma):* thật chung của các pháp. Không phải chúng sinh, vật này, vật kia....

Chế định pháp Là pháp do con người chế định. *(paññattidhamma):*

Chân nghĩa pháp Là pháp có thực tánh tự nhiên của mỗi pháp, hoàn toàn*(paramatthadhamma):* không do con người chế định.

Đối tượng Là những pháp được biết do bởi tâm. Đối tượng có *(ārammaṇa):* hai loại:

Đối tượng chế định Gồm tất cả mọi pháp do con người chế định, bằng khái *(paññatti ārammaṇa):* niệm và bằng ngôn ngữ, chữ viết....

Ví dụ: các môn học trong đời, còn trong đạo các đề mục thiền định, v.v...; đều là đối tượng chế định.

Đối tượng chân nghĩa Gồm tất cả mọi pháp tự nhiên, có thực tánh rõ ràng, đó ***pháp****(paramattha* là tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn; có trạng thái riêng, *ārammaṇa):* trạng thái chung... là đối tượng của thiền tuệ, chính là đối tượng chân nghĩa pháp.

Lộ trình tâm *(vīthicitta):* Là những tâm phát sanh theo tuần tự liên tục trong một lộ trình tâm, mỗi tâm phát sanh làm một phận sự trong đối tượng ấy như sau:

Hộ kiếp tâm Tâm bảo hộ suốt một kiếp sống của mỗi chúng sinh, có *(bhavaṅgacitta):* đối tượng cũ 1 trong 3 đối tượng *kamma:* nghiệp, hoặc *kammanimitta:* hình ảnh tạo nghiệp, hoặc*gatinimitta:* cảnh giới tái sanh từ cận tử lộ trình tâm ở kiếp trước.

Hộ kiếp tâm quá khứ Hộ kiếp tâm sanh - diệt trải qua 1 hoặc nhiều sát na tâm,*(atītabhavaṅgacitta):* trước khi lộ trình tâm phát sanh.

Hộ kiếp tâm rung động Hộ kiếp tâm rung động bởi đối tượng mới mà lộ trình*(bhavaṅgacalana):* tâm sẽ tiếp nhận.

Hộ kiếp tâm bị cắt đứt Hộ kiếp tâm có đối tượng cũ bị cắt đứt thay bằng đối*(bhavaṅgupaccheda):* tượng mới, để lộ trình tâm phát sanh.

Ngũ môn hướng tâm Tâm này có khả năng phát sanh trong 5 môn: nhãn môn,*(pañcadvāravajjana-* nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn làm phận sự tiếp *citta):* nhận 5 đối tượng mới: sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần tùy theo đối tượng và môn tương ứng.

Nhãn thức tâm *(cakkhuviññāṇa):* Tâm làm phận sự thấy sắc trần.

Nhĩ thức tâm *(sotaviññāṇa):* Tâm làm phận sự nghe thanh trần.

Tỷ thức tâm *(ghanaviññāṇa):* Tâm làm phận sự ngửi hương trần.

Thiệt thức tâm *(jivhāviññāṇa):* Tâm làm phận sự nếm vị trần.

Thân thức tâm *(kāyaviññāṇa):* Tâm làm phận sự tiếp xúc xúc trần.

Ý thức tâm *(manoviññāṇa):* Tâm làm phận sự biết pháp trần.

Tiếp nhận tâm Tâm làm phận sự tiếp nhận đối tượng. *(sampaṭicchanacitta):*

Suy xét tâm *(santīraṇacitta):* Tâm làm phận sự suy xét đối tượng tốt hoặc xấu.

Xác định tâm *(voṭṭhabbana):* Đó là ý môn hướng tâm làm phận sự xác định đối tượng của thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tùy theo căn duyên, trong ngũ môn lộ trình tâm.

Tác hành tâm *(javanacitta):* Đó là thiện tâm, bất thiện tâm, duy tác tâm phát sanh liên tục 7 sát na tâm cùng loại tâm, làm phận sự tạo thiện nghiệp, hoặc bất thiện nghiệp, hoặc duy tác tùy theo trình độ hiểu biết của mỗi chúng sinh. Riêng bậc Thánh Arahán có duy tác tâm phát sanh chỉ tạo tác, không thành nghiệp nào cả.

Tiếp đối tượng tâm Đó là quả tâm phát sanh liên tục 2 sát na tâm làm *(tadālambana):* phận sự tiếp đối tượng tâm từ tác hành tâm còn dư lại, để chấm dứt một lộ trình tâm.

Ý môn hướng tâm Tâm làm phận sự hướng tâm tiếp nhận đối tượng*(manodvāravajjanacitta):* trong ý môn lộ trình tâm, xác định đối tượng của thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tâm tùy theo căn duyên.

Ngôn ngữ *Pāḷi (Pāḷibhāsā):* Chính là ngôn ngữ *Māgadha* mà Đức Phật sử dụng làm ngôn ngữ để thuyết pháp giáo huấn tế độ chúng sinh giải thoát khổ. Do đó, ngôn ngữ *Māgadha*trong giáo pháp của Đức Phật, gọi là ngôn ngữ *Pāḷi,* ngôn ngữ *Pāḷi* được phổ thông đối với Chư Phật, chư thiên, phạm thiên cả thảy.

Tam tạng *(Tipiṭaka):* Kinh tạng, Luật tạng và Vi diệu pháp tạng bằng tiếng Pāḷi.

Pháp hành thiền định Là pháp hành làm cho tâm an trú trong một đề *(samathabhāvanā):*mục thiền định duy nhất, dẫn đến sự chứng đắc các bậc thiền sắc giới và các bậc thiền vô sắc giới. Pháp hành thiền định có trong Phật giáo và ngoài Phật giáo.

Pháp hành thiền tuệ Là pháp hành để phát sanh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ *(vipassanābhāvanā):*biết rõ thực tánh của các pháp; hoặc thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh pháp sắc pháp; thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Hư ảo *(vipallāsa):* Sự sai lầm: tâm biết sai lầm, tà kiến sai lầm, tưởng sai lầm nơi danh pháp, sắc pháp.

Danh pháp Là pháp có trạng thái hướng biết mọi đối tượng. Danh *(nāmadhamma):* pháp đó là tâm và tâm sở. Danh pháp có 2 chức năng: biết đối tượng và làm đối tượng của tâm.

Sắc pháp Là pháp có trạng thái bị hủy hoại do nóng lạnh, đói *(rūpadhamma):* khát.... Sắc pháp bên trong đó là sắc thân và sắc pháp bên ngoài thân. Sắc pháp chỉ có 1 chức năng: làm đối tượng của tâm.

Trạng thái riêng Trạng thái cá biệt của mỗi pháp không giống nhau. *(visesalakkaṇa):* Ví dụ:chất đất có trạng thái cứng hoặc mềm, v.v....

Trạng thái chung Trạng thái chung cho tất cả các pháp hữu vi là: vô *(sāmaññalakkaṇa):*thường, khổ, vô ngã.

Sự sanh *(udaya):* Trạng thái sanh mới của danh pháp sắc pháp do nhân duyên sanh. Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh của danh pháp sắc pháp, nghĩa là thấy rõ biết rõ nhân duyên sanh của danh pháp sắc pháp.

Sự diệt *(vaya):* Trạng thái diệt của danh pháp sắc pháp do nhân duyên diệt. Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự diệt của danh pháp sắc pháp, nghĩa là thấy rõ biết rõ nhân duyên diệt của danh pháp sắc pháp.

Phiền não *(kilesa):* Đó là 10 bất thiện tâm sở đồng sanh với bất thiện tâm làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, khổ tâm, cũng làm cho thân nóng nảy, khó chịu, khổ thân; khiến tạo nên ác nghiệp do thân, khẩu, ý.

Tà kiến *(diṭṭhi hoặc* Thấy sai, chấp lầm rằng: Ngũ uẩn là ta, ngã. *micchādiṭṭhi):*

Ngũ uẩn tà kiến Là sự thấy sai chấp lầm nơi ngũ uẩn cho là ta, ngã. *(sakkāyadiṭṭhi): Sakkāya + diṭṭhi:*

Sakkāya: sự hiện hữu của ngũ uẩn.
Diṭṭhi: thấy sai chấp lầm nơi ngũ uẩn cho là ta.

Pháp thường hành tà Thời xưa xứ Ấn Độ có người thường ngày sinh hoạt ***kiến chấp thủ***giống như con bò hoặc con chó...; ăn, nằm, đi đứng, *(sīlabbataparāmāsa):* tiểu tiện, đại tiện... những người ấy có tà kiến chấp thủ rằng: pháp hành này dẫn đến sự giải thoát khổ, để được an lạc kiếp sau.

Thường kiến Tà kiến thấy sai chấp lầm cho rằng trường tồn bất biến. *(sassatadiṭṭhi):* Ví dụ:con người chết tái sanh trở lại làm người, con vật nào chết tái sanh trở lại con vật ấy, v.v....

Đoạn kiến Tà kiến thấy sai chấp lầm rằng: không có kiếp sau, chết *(ucchedadiṭṭhi):* rồi là mất.

Vô quả tà kiến Tà kiến thấy sai chấp lầm rằng: không có quả của thiện *(natthikadiṭṭhi):*nghiệp, ác nghiệp. Người tạo thiện nghiệp hoặc ác nghiệp đều không có quả an lạc hoặc quả khổ.

Vô nhân tà kiến Tà kiến thấy sai chấp lầm cho rằng: chúng sinh đang chịu *(ahetukadiṭṭhi):*khổ hoặc đang hưởng an lạc, không do từ nghiệp ác hoặc nghiệp thiện nào.

Vô hành tà kiến Tà kiến thấy sai chấp lầm cho rằng: mọi hành động ác *(akiriyadiṭṭhi):* do thân, khẩu, ý không thành ác nghiệp; mọi hành động thiện do thân, khẩu, ý không thành thiện nghiệp.

Vô minh *(avijjā):* Đó là tâm si mê *(moha)* không biết thực tánh của các pháp. Vô minh chỉ không biết 8 pháp là:

1- Không biết Khổ thánh đế.

2- Không biết Nhân sanh khổ thánh đế.

3- Không biết Diệt khổ thánh đế.

4- Không biết Pháp hành diệt khổ thánh đế.

5- Không biết ngũ uẩn, 12 xứ... trong quá khứ.

6- Không biết ngũ uẩn, 12 xứ... trong vị lai.

7- Không biết ngũ uẩn, 12 xứ... trong quá khứ và vị lai.

8- Không biết danh pháp, sắc pháp phát sanh do nhân duyên trong thập nhị duyên sanh.

Nghiệp *(kamma):* Là tác ý hành động của thân, khẩu, ý. Nghiệp theo thực tánh có 2 loại: thiện nghiệp và bất thiện nghiệp (ác nghiệp).

Nghiệp theo 3 môn, mỗi môn có 2 loại:

1- Thân nghiệp: thân thiện nghiệp, thân ác nghiệp.

2- Khẩu nghiệp: khẩu thiện nghiệp, khẩu ác nghiệp.

3- Ý nghiệp: ý thiện nghiệp, ý ác nghiệp.

Bậc Tiểu Nhập Lưu Chưa phải là bậc Thánh Nhập Lưu *(Sotāpanna)*. Sở dĩ *(Cūlasotāpanna):*hành giả này gọi là bậc Tiểu Nhập Lưu là vì: hành giả tiến hành thiền tuệ đã phát sanh trí tuệ thứ nhất gọi là *Nāma-rūpaparicchedañāṇa:* Trí tuệ thấy rõ biết rõ, phân biệt rõ từng mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp đúng theo thực tánh của chúng là pháp vô ngã, không phải ta, người, chúng sinh... đạt đến thanh tịnh *Diṭṭhivisuddhi:* Chánh kiến thanh tịnh, nên diệt được từng thời tà kiến theo chấp ngã hoặc ngũ uẩn tà kiến.

Và đã phát sanh trí tuệ thứ nhì gọi là *Nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa:* Trí tuệ thấy rõ biết rõ nhân duyên phát sanh mọi danh pháp, mọi sắc pháp, đạt đến thanh tịnh*Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi:* Trí tuệ thoát ly hoài nghi thanh tịnh, nên diệt từng thời hoài nghi về sự sanh sự diệt của danh pháp sắc pháp.

Do hành giả có trí tuệ diệt được từng thời ***tà kiến*** và ***hoài nghi*** nên gọi là bậc ***Tiểu Nhập Lưu.*** Còn bậc Thánh Nhập Lưu thật thì đã diệt đoạn tuyệt được tà kiến và hoài nghi không còn dư sót.

Trạng thái vô thường Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ sự sanh, sự diệt của danh*(aniccalakkaṇa):* pháp sắc pháp, nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường của danh pháp sắc pháp.

Trạng thái khổ Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường của *(dukkhalakkhaṇa):*danh pháp sắc pháp luôn luôn hành hạ, nên thấy rõ biết rõ trạng thái khổ của danh pháp, sắc pháp.

Trạng thái vô ngã Trí tuệ thiền tuệ thấy rõ biết rõ trạng thái vô thường, trạng*(anattalakkhaṇa):* thái khổ của danh pháp, sắc pháp, hoàn toàn không thể chìu theo ý muốn của mình, không có quyền làm chủ trong danh pháp, sắc pháp này, không phải ta, không phải của ta, nên thấy rõ biết rõ trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp.

37 pháp chứng đắc 37 pháp này dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế, ***Thánh Đạo****(bodhi-* chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn đó là: 4 *pakkhiyadhamma):* pháp niệm xứ, 4 pháp tinh tấn, 4 pháp thành tựu, 5 pháp chủ, 7 pháp giác chi, 8 pháp chánh đạo.

4 pháp niệm xứ Niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. *(satipaṭṭhāna):*

4 pháp tinh tấn *(sammappadhāna):* Tinh tấn ngăn ác pháp không phát sanh. Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sanh. Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh. Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sanh.

4 Pháp thành tựu Thành tựu thiền định, thần thông; thành tựu biết Khổ thánh *(iddhipāda):*đế, diệt Nhân sanh khổ thánh đế; chứng ngộ Niết Bàn diệt khổ thánh đế, tiến hành Đạo thánh đế. Đó là 4 pháp:

Nguyện vọng thành tựu Nguyện vọng mãnh liệt, quyết chí, làm nền tảng để chứng*(chandiddhipāda):* đắc thiền, Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

Tinh tấn thành tựu Tinh tấn trong 4 pháp tinh tấn mãnh liệt, không ngừng, *(vīriyiddhipāda):*làm nền tảng để chứng đắc thiền, Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

Tâm nguyện thành tựu Quyết tâm mãnh liệt, làm nền tảng để chứng đắc thiền,*(cittiddhipāda):* Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

Trí tuệ thành tựu Trí tuệ có năng lực mãnh liệt, làm nền tảng để chứng đắc*(vimaṅsiddhipāda):* thiền, Thánh Đạo, Thánh Quả, Niết Bàn.

5 pháp chủ *(indriya):* Là pháp đứng đầu làm chủ.

Tín pháp chủ Đức tin đứng đầu làm chủ, có năng lực hơn 4 pháp: tấn, *(saddhindriya):* niệm, định và tuệ.

Tấn pháp chủ Tinh tấn đứng đầu, làm chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp: *(vīriyindriya):* tín, niệm, định và tuệ.

Niệm pháp chủ Niệm đứng đầu, làm chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp: *(satindriya):* tín, tấn, định và tuệ.

Định pháp chủ Định đứng đầu làm chủ, có năng lực hơn 4 pháp: tín, tấn, *(samadhindriya):*niệm và tuệ.

Tuệ pháp chủ Tuệ đứng đầu làm chủ, có năng lực hơn 4 pháp: tín, tấn, *(paññindriya):* niệm và định.

5 pháp lực *(bala):* Là pháp có nhiều năng lực vững chắc, không lay chuyển trong phận sự của mình.

Tín pháp lực Đức tin vững chắc, không lay chuyển trong pháp nên tin. *(saddhābala):*

Tấn pháp lực Tinh tấn vững chắc, không lay chuyển trong pháp nên *(vīriyabala):* tinh tấn.

Niệm pháp lực Niệm vững chắc, không lay chuyển trong pháp nên niệm. *(satibala):*

Định pháp lực Định vững chắc, không lay chuyển trong đối tượng thiền. *(samādhibala):*

Tuệ pháp lực Trí tuệ vững chắc, không lay chuyển trong pháp hành thiền *(paññābala):* tuệ, thấy rõ biết rõ thực tánh các pháp.

7 pháp giác chi Là những pháp làm nhân của sự chứng ngộ chân lý Tứ *(Bojjhaṅga):* thánh đế.

Niệm giác chi Niệm trong tứ niệm xứ là chi pháp của sự chứng ngộ chân *(satisambojjhaṅga):*lý Tứ thánh đế.

Trạch pháp giác chi Suy xét trong tất cả các pháp bên trong mình và bên ngoài*(dhammavicaya-* mình là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế. *sambojjhaṅga):*

Tinh tấn giác chi Tinh tấn là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.*(vīriyasambojjhaṅga):*

Hỉ giác chi Hỉ là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế. *(pītisambojjhaṅga):*

Tịnh giác chi *(passad-* Thân tâm thanh tịnh là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý*dhisambojjhaṅga):* Tứ thánh đế.

Định giác chi *(samā-* Định trong đối tượng là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý*dhisambojjhaṅga):* Tứ thánh đế.

Xả giác chi *(upekkhā-* Xả là làm điều hòa tâm và tâm sở trong phận sự của mình*sambojjhaṅga):* là chi pháp của sự chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế.

8 pháp chánh đạo Là pháp hợp đủ 8 chánh có khả năng đặc biệt chứng ngộ *(Maggaṅga):*Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt phiền não.

Chánh kiến Trí tuệ thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ thánh đế là: Khổ thánh *(sammādiṭṭhi):* đế nên biết thì đã biết, Nhân sanh khổ thánh đế nên diệt thì đã diệt, Diệt thánh đế nên chứng ngộ thì đã chứng ngộ, Đạo thánh đế nên tiến hành thì đã tiến hành. Gọi chánh kiến là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh tư duy *(sammāsaṅkappa):* Tư duy chân chánh là 3 tư duy: Tư duy thoát khỏi ngũ dục. Tư duy không làm khổ mình, khổ người hợp với tâm từ. Tư duy không làm hại mình, hại người với tâm bi. Gọi chánh tư duy là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh ngữ Lời nói chân chánh: lời nói tránh xa 4 khẩu ác nghiệp: nói *(sammāvācā):* dối, nói đâm thọc chia rẽ, nói thô tục, nói lời vô ích. Gọi chánh ngữ là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh nghiệp Hành nghiệp chân chánh: hành nghiệp tránh xa 3 thân ác *(sammākammanta):*nghiệp: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Gọi chánh nghiệp là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh mạng Nuôi mạng chân chánh: tránh xa cách sống tà mạng do *(sammā-ājīva):* thân và khẩu hành ác. Gọi chánh mạng là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh tinh tấn Tinh tấn chân chánh: *(sammāvāyāma):* Tinh tấn ngăn ác pháp không phát sanh. Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sanh. Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sanh. Tinh tấn làm tăng trưởng các thiện pháp đã phát sanh. Gọi chánh tinh tấn là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh niệm Niệm chân chánh: đó là pháp hành Tứ niệm xứ: niệm thân, *(sammāsati):* niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp. Gọi chánh niệm là chánh đạo chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn.

Chánh định Định chân chánh: đó là định tâm trong 5 bậc thiền siêu tam *(samāsamādhi):* giới có Niết Bàn làm đối tượng.

Tử sanh luân hồi: Nghĩa là kiếp hiện tại tử (chết) rồi, liền sanh (tái sanh) kiếp sau cứ liên tục không ngừng như vậy gọi là tử sanh luân hồi (sanh tử chỉ trong một kiếp hiện tại), tử sanh luân hồi chỉ về 12 pháp duyên sanh.

Chúng sinh vô nhân Chúng sinh có quả tâm làm phận sự tái sanh không có *(ahetuka puggala):* nhân nào trong 3 nhân: vô tham, vô sân, vô si.

Chúng sinh nhị nhân Chúng sinh có quả tâm làm phận sự tái sanh hợp với *(dvihetuka puggala):* hai nhân: vô tham, vô sân.

Chúng sinh tam nhân Chúng sinh có quả tâm làm phận sự tái sanh hợp đủ 3 *(tihetuka puggala):* nhân: vô tham, vô sân và vô si.

PĀḶI VĂN

Bhaddakappa: Tên kiếp trái đất có diễm phúc nhất, có đến 5 Đức Phật xuất hiện trên thế gian:

- Trong quá khứ đã có 3 Đức Phật xuất hiện: Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koṇāgamana, Đức Phật Kassapa.
- Trong hiện tại: Đức Phật Gotama đã xuất hiện, nay Ngài đã tịch diệt nhưng giáo pháp của Ngài vẫn còn lưu truyền cho đến 5.000 năm theo Phật lịch.
- Trong vị lai: có Đức Phật Metteyya sẽ xuất hiện.

Từ Đức Phật này đến Đức Phật khác trải qua 1 chu kỳ.

Ví dụ:

Đức Phật Kakusandha xuất hiện trong *Bhaddakappa* này, thời đại tuổi thọ con người 40.000 năm, rồi từ 40.000 năm giảm dần còn 10 năm rồi tăng dần đến a tăng kỳ năm (10140) giảm dần còn 30.000 năm.

Đức Phật Koṇāgamana xuất hiện trong *Bhaddakappa* này, thời đại tuổi thọ con người 30.000 năm, rồi từ 30.000 năm giảm dần đến 10 năm, rồi tăng dần đến a tăng kỳ năm, giảm lại còn 20.000 năm.

Đức Phật Kassapa xuất hiện trong *Bhaddakappa* này, thời đại tuổi thọ con người 20.000 năm, rồi từ 20.000 năm giảm dần đến 10 năm, rồi tăng dần lên a tăng kỳ năm, giảm dần còn lại 100 năm.

Đức Phật Gotama xuất hiện trong *Bhaddakappa* này, thời đại tuổi thọ con người 100 năm, rồi từ 100 năm giảm dần còn 10 năm, rồi tăng lên a tăng kỳ năm, giảm lại còn 80.000 năm.

Đức Phật Metteyya sẽ xuất hiện trong *Bhaddakappa* này, thời vị lai, thời đại tuổi thọ con người 80.000.

Suññakappa: Kiếp trái đất không có Đức Phật xuất hiện trên thế gian.

Kāmataṇhā: Tham ái trong 6 cảnh: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

Bhavataṇhā: Tham ái trong 6 cảnh hợp với thường kiến, và tham ái trong thiền sắc giới, thiền vô sắc giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới.

Vibhavataṇhā: Tham ái trong 6 cảnh hợp với đoạn kiến.

Kamāsava: Ngũ dục trầm luân: trầm luân trong thiền sắùc giới, thiền vô sắc giới, trong cõi sắc giới, trong cõi vô sắc giới.

Diṭṭhāsava: Tà kiến trầm luân: trầm luân trong sự thấy sai, chấp lầm.

Avijjāsava: Vô minh trầm luân: trầm luân trong vô minh tăm tối, không có ánh sáng trí tuệ, không thấy rõ biết rõ thực tánh của các pháp.
Kāmupādāna: Chấp thủ trong ngũ dục.
Diṭṭhupādāna: Chấp thủ trong sự thấy sai, chấp lầm.
Sīlabbatupādāna: Chấp thủ trong pháp hành sai thành thói quen thường ngày.
Ví dụ: chấp thủ pháp hành như đời sống con bò, con chó sẽ dẫn đến giải thoát khổ, được an lạc.
Ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do si mê, sai lầm ngược lại 4 trạng thái thực tánh của danh pháp sắc pháp là: thường, lạc, ngã, tịnh.
Có 4 từ ghép: *a+yoniso+manasi+kāra.*
A = (na): không có. *Ayoniso:* không có trí tuệ, do si mê. *Manasi:* ở trong tâm. *Kāra:* sự làm, sự hiểu biết.
Sakkāyadiṭṭhi: Thấy sai, chấp lầm nơi sự hiện hữu của ngũ uẩn cho là = *sakkāya + diṭṭhi:* ta, ngã.
Sakkāya: sự hiện hữu tổng hợp của ngũ uẩn. *Diṭṭhi:* thấy sai, chấp lầm.
Sīlabbataparāmāsa: Pháp thường hành sai, sinh hoạt giống như con bò, con chó... = *Sīla + vata +* thành thói quen, có tà kiến chấp thủ pháp thường hành ấy *parāmāsa:* dẫn đến giải thoát khổ, sẽ được an lạc kiếp sau.
Sīla: thói quen. *Vata:* pháp hành (như con bò, con chó...). *Parāmāsa:* tà kiến chấp thủ.
Attavādupādāna: Tà kiến chấp thủ cho là ta trong ngũ uẩn.
= attavāda + upādāna. Attavāda: tà kiến cho là có ta, ngã. *Upādāna:* chấp thủ.

Tài liệu tham khảo chính và trích dẫn

– Bộ Dīghanikāya và Aṭṭhakathā, Ṭikā.
– Bộ Majjhimanikāya và Aṭṭhakathā, Ṭikā.
– Bộ Samyuttanikāya và Aṭṭhakathā, Ṭikā.
– Bộ Aṅguttaranikāya và Aṭṭhakathā, Ṭikā.
– Bộ Khuddakanikāya và Aṭṭhakathā, Ṭikā.
– Bộ Abhidhammatthasaṅgaha - Đại Đức Anuruddha.
– Bộ Abhidhammavibhāvanīṭikā - Đại Đức Sumaṅgalasāmi.
– Bộ Mahābuddhavaṃsa - Đại Đức Vicittasārābhivaṃsa.
– Bộ Jinakālamālī.
– vân vân....

Tài liệu tham khảo đặc biệt

– Bộ Visuddhimagga.
– Bộ Visuddhimaggamahāṭikā.
– Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta cùng Aṭṭhakathā.
– Bộ Dhamapadaṭṭhakathā.
– Bộ Abhidhamma.
– vân vân....

-ooOoo-